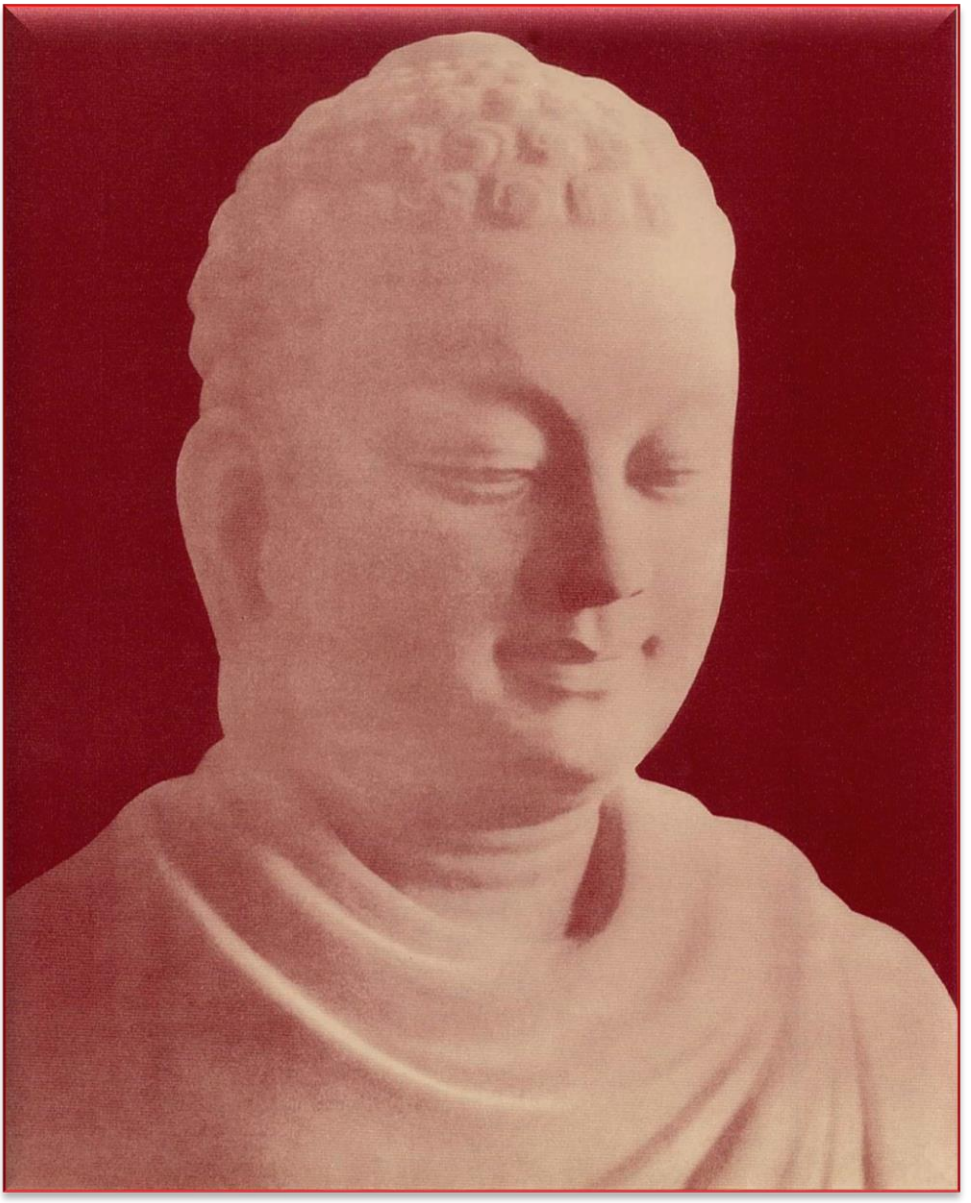

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 9

BỘ A-HÀM

IX

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 9

BỘ A HÀM

IX

SỐ 125 (tt) → 151

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ A HÀM 9 – T009

SỐ 125 (TT) 3
KINH TĂNG NHẤT A-HÀM 3
QUYỂN 31 3
Phẩm 38: SỨC LỰC (1) 3
QUYỂN 32 25
Phẩm 38: SỨC LỰC (2) 25
QUYỂN 33 46
Phẩm 39: ĐẲNG PHÁP 46
QUYỂN 34 72
Phẩm 40: BẢY NGÀY (1) 72
QUYỂN 35 94
Phẩm 40: BẢY NGÀY (2) 94
Phẩm 41: CHỚ SỢ 103
QUYỂN 36 115
Phẩm 42: TÁM NẠN (1) 115
QUYỂN 37 132
Phẩm 42: TÁM NẠN (2) 132
QUYỂN 38 149
PHẨM 43: THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI TÁM CHÁNH (1) 149
QUYỂN 39 165
PHẨM 43: THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI TÁM CHÁNH (2) 165
QUYỂN 40 183
Phẩm 44: CHÍN CHÚNG SINH CƯ 183
QUYỂN 41 202
Phẩm 45: MÃ VƯƠNG 202
QUYỂN 42 225
Phẩm 46: KẾT CẤM 225
QUYỂN 43 245
Phẩm 47: THIỆN ÁC 245
QUYỂN 44 263
Phẩm 48: BẤT THIỆN (1) 263
QUYỂN 45 278
Phẩm 48: BẤt thiện (2) 278
QUYỂN 46 293
Phẩm 49: PHÓNG NGƯU (1) 293
QUYỂN 47 316

Phẩm 49: Phóng Ngưu (2) 316
QUYỂN 48 342
Phẩm 50: LỄ TAM BẢO 342
QUYỂN 49 369
Phẩm 51: PHI THƯỜNG 369
QUYỂN 50 395
Phẩm 52: ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT-NIẾT-BÀN (1) 395
QUYỂN 51 411
Phẩm 52: ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT-NIẾT-BÀN (2) 411
SỐ 126 431
PHẬT NÓI KINH A-LA-HÁN CỤ ĐỨC 431
SỐ 127 443
PHẬT NÓI KINH BỐN HẠNG NGƯỜI Ở THẾ GIAN 443
SỐ 128 (A) 448
KINH TU-MA-ĐỀ NỮ 448
SỐ 128 (B) 456
KINH TU-MA-ĐỀ NỮ 456
SỐ 129 477
PHẬT NÓI KINH TAM-MA-KIỆT 477
SỐ 130 487
PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CON GÁI TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC ĐƯỢC ĐỘ 487
QUYỂN THƯỢNG 487
QUYỂN TRUNG 495
QUYỂN HẠ 504
SỐ 131 517
PHẬT NÓI KINH BÀ-LA-MÔN TRÁNH SỰ CHẾT 517
SỐ 132 (A) 519
PHẬT NÓI KINH BỐ THÍ ĐỒ ĂN ĐẠT ĐƯỢC NĂM PHƯỚC BÁO 519
SỐ 132 (B) 522
KINH THÍ THỰC ĐƯỢC NĂM PHƯỚC BÁO 522
SỐ 133 524
KINH VUA TẦN-TỲ-SA-LA ĐẾN CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT 524
SỐ 134 529
PHẬT NÓI KINH NGƯỜI CON NHÀ TRƯỞNG GIẢ XUẤT GIA HƠN SÁU LẦN 529
SỐ 135 532
PHẬT NÓI KINH LỰC SĨ DỜI NÚI 532
SỐ 136 539

PHẬT NÓI KINH BỐN PHÁP CHƯA TỪNG CÓ 539
SỐ 137 541
KINH XÁ-LỢI-PHẤT, MA-HA MỤC-LIÊN DU HÀNH NGÃ TƯ ĐƯỜNG . 541
SỐ 138 545
PHẬT NÓI KINH TƯ NIỆM ĐỨC NHƯ LAI BẰNG MƯỜI MỘT TƯỞNG 545
SỐ 139 547
PHẬT NÓI KINH BỐN ĐỊA NGỤC 547
SỐ 140 550
PHẬT THUYẾT KINH A-NA-BÂN-ĐỂ GIÁO HÓA BẢY NGƯỜI CON 550
SỐ 141 555
PHẬT NÓI KINH A-TỐC-ĐẠT 555
SỐ 142 (A) 558
PHẬT NÓI KINH NGỌC-DA NỮ 558
SỐ 142 (B) 563
PHẬT NÓI KINH NGỌC-DA NỮ 563
SỐ 144 574
PHẬT NÓI KINH ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT-NÊ-HOÀN 574
SỐ 145 582
KINH PHẬT MẪU BÁT-NÊ-HOÀN 582
SỐ 146 587
KINH VUA NƯỚC XÁ-VỆ MỘNG THẤY MƯỜI VIỆC 587
SỐ 147 593
PHẬT NÓI KINH MƯỜI ĐIỀU MỘNG CỦA VUA NƯỚC XÁ-VỆ 593
SỐ 148 597
KINH MƯỜI ĐIỀU MỘNG CỦA QUỐC VƯƠNG BẤT-LÊ-TIÊN-NÊ 597
SỐ 149 602
PHẬT NÓI KINH BẠN ĐỒNG HỌC CỦA A-NAN 602
SỐ 150 (A) 606
PHẬT NÓI KINH BA PHÁP QUÁN BẢY XỨ 606
SỐ 150 (B) 642
PHẬT NÓI KINH CỬU HOÀNH 642
SỐ 151 644
PHẬT NÓI KINH A-HÀM CHÁNH HẠNH 644

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 9

BỘ A-HÀM

9

SỐ 125 (tt)

(QUYỂN 31 → 51)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 125 (tt)

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

: Đời Đông Tấn, Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà, người nước Kế Tân.

QUYỂN 31

Phẩm 38: SỨC LỰC (1)

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có sáu loại sức mạnh phàm thường. Sao gọi là sáu?

1. Trẻ con dùng tiếng khóc làm sức mạnh, muốn nói điều gì cốt trước phải khóc.

2. Người nữ dùng sân hận làm sức mạnh, nổi sân hận rồi sau đó mới nói.

3. Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhẫn nhục làm sức mạnh, thường nghĩ tự hạ mình và hạ mình đối với người sau đó mới trình bày.

4. Quốc vương dùng kiêu ngạo làm sức mạnh, dùng thế lực cường hào để nói chuyện.

5. Song A-la-hán dùng sự tinh chuyên làm sức mạnh để nói chuyện.

6. Chư Phật Thế Tôn thành tựu đại Từ bi, dùng đại Bi làm sức mạnh để làm lợi khắp chúng sinh.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sức mạnh đời thường này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

1. *Pāli, A.VII. 27 Bala (R. iv. 223).*

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy tư duy về tưởng vô thường, phát triển tưởng vô thường, đoạn hết ái Dục giới, ái Sắc giới, ái Vô sắc giới, cũng đoạn vô minh, kiêu mạn. Giống như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn lưu dấu vết nào. Ở đây cũng như vậy, nếu tu tưởng vô thường, dứt sạch Dục ái, Sắc ái và Vô sắc ái, vô minh, kiêu ngạo, viễn không còn tàn dư. Vì sao? Vì khi Tỳ-kheo tu tưởng vô thường thì không có tâm dục. Do không có tâm dục nên có thể phân biệt Pháp, tư duy nghĩa của nó, không có sầu lo khổ não. Do tư duy nghĩa pháp thì tu hành không còn ngu si, sai lầm. Nếu thấy có ai tranh cãi, vị ấy liền tự nghĩ: "Các Hiền sĩ này không tu tưởng vô thường, không phát triển tưởng vô thường cho nên đưa đến tranh cãi này. Vị ấy do tranh cãi, không quán nghĩa của nó. Do không quán nghĩa của nó nên tâm mê lầm. Vị ấy đã chấp vào sai lầm này nên khi chết rơi vào trong ba đường dữ là ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu tưởng vô thường và phát triển tưởng vô thường, liền không còn tưởng sân hận, ngu si, cũng có thể quán pháp và quán nghĩa của nó. Nếu sau khi chết sẽ sinh về ba đường lành trời, người và dẫn đến Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3[2]

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại bên bờ sông Ưu-ca-chi[3]. Bấy giờ, Thế Tôn đến dưới một gốc cây, tự trải tọa cụ mà ngồi, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt.

Lúc ấy, có một Phạm chí[4] đến chỗ kia. Thấy dấu chân của Thế Tôn

---

2. *Pāli, A.VI 36 Doṇa (R. ii.38). Hán, Tạp 4, kinh 101.*
3. *Ưu-ca-chi 憂迦支江水. Pāli: Ukaṭṭhā, một thị trấn ở Kosala.*
4. *Bà-la-môn Doṇa.*

rất kỳ diệu, Phạm chí liền tự nghĩ: "Đây là dấu chân của người nào, là Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, người hay phi nhân hay là Phạm thiên tổ tiên của ta?" Lúc ấy, Phạm chí liền theo dấu chân mà đi tới, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Thấy vậy, bèn hỏi:

–Ông là vị trời chăng?

Thế Tôn bảo:

–Ta chẳng phải là trời.

–Là Càn-đạp-hòa chăng?

Thế Tôn đáp:

–Ta cũng chẳng phải là Càn-đạp-hòa.

–Là rồng chăng?

Đáp:

–Ta chẳng phải là rồng.

–Là Dược-xoa chăng?

Phật bảo Phạm chí:

–Ta chẳng phải là Dược-xoa.

–Là Tổ phụ chăng?

–Ta chẳng phải là Tổ phụ.

Lúc ấy, Bà-la-môn hỏi Thế Tôn:

–Nay Ngài là ai?

Thế Tôn nói:

–Người có ái thì có thủ[5], có thủ thì có tham ái, nhân duyên hội hợp sau đó từng cái sinh ra nhau như vậy, như vậy, năm khổ thạnh ấm không bao giờ chấm dứt. Vì đã biết ái rồi, thì biết năm dục, cũng biết sáu trần ngoài và sáu nhập trong, tức biết gốc ngọn thạnh ấm này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Thế gian có ngũ dục
Ý là vua[6] thứ sáu
Biết sáu pháp trong ngoài
Nên niệm diệt gốc khổ.

---

5. *Nguyên Hán: Thọ.*
6. *Để bản: Sinh 生. TNM: Vương 王. Cf. Tứ Phần 32 (tr. 791c14): Đệ lục vương vi thượng 第六王為上.*

Cho nên phải tìm phương tiện diệt trừ sáu sự trong ngoài. Phạm chí, hãy học điều như vậy.

Phạm chí nghe Phật dạy như vậy, tư duy nghiền ngẫm, ôm ấp trong tâm không rời, liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ Phạm chí nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa, trong lúc Ta còn là Bồ-tát, chưa thành Phật đạo, có nghĩ như vầy: "Thế gian này rất là cần khổ, có sinh, có già, có bệnh, có chết, mà năm thạnh ấm này không hết được nguồn gốc." Lúc ấy, Ta lại tự nghĩ: "Vì nhân duyên gì mà có sinh, già, bệnh, chết, lại vì nhân duyên gì đưa đến tai hoạn này?" Trong khi đang tư duy, lại sinh nghĩ như vầy: "Có sinh thì có già, bệnh, chết."

Trong lúc đang tư duy, bấy giờ lại tự nghĩ: "Vì nhân duyên gì có sinh?" Ở đây, do hữu mà có sinh. Lại tự nghĩ như vầy: "Hữu do đâu mà có?" Trong khi đang tư duy, lại tự nghĩ như vầy: "Hữu này do thủ* mà có hữu." Lại tự nghĩ: "Thủ này do đâu mà có?" Bấy giờ, Ta dùng trí quán sát: "Do ái mà có thủ." Lại tư duy nữa: "Ái này do đâu mà sinh?" Lại quán sát nữa: "Do thọ mà có ái." Lại tư duy nữa: "Thọ này do đâu mà sinh?" Trong khi đang quán sát: "Do xúc mà có thọ này." lại tự nghĩ tiếp: "Xúc này do đâu mà có?" Lúc Ta khởi niệm này: "Duyên sáu nhập mà có sự xúc này." thời Ta lại tư duy: "Sáu nhập này do đâu mà có?" Lúc quán sát: "Do danh sắc mà có sáu nhập." thì Ta lại tự nghĩ: "Danh sắc do đâu mà có?" Khi quán sát: "Do thức mà có danh sắc." thì Ta lại tự nghĩ: "Thức do đâu mà có?" Khi quán sát: "Do hành sinh thức." Thì Ta lại tự nghĩ: "Hành do đâu mà sinh?" Khi quán sát, lại thấy: "Hành do si mà sinh."

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên chết, chết duyên buồn rầu khổ não không thể nói hết. Đó gọi là sự tập khởi của khổ thạnh

ấm như vậy.

Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ: "Do nhân duyên gì già, bệnh, chết diệt?" Khi Ta quan sát, thấy rằng: "Sinh diệt thì già, bệnh, chết diệt." Ta lại tự nghĩ như vầy: "Do đâu mà không sinh?" Quán sát gốc của sinh thì thấy: "Hữu diệt thì sinh diệt." Ta lại nghĩ: "Do đâu không có hữu?" Lại tự nghĩ như vầy: "Không thủ thì không hữu." Ta lại nghĩ: "Do đâu mà thủ diệt?" Khi Ta quan sát, thấy rằng: "Ái diệt thì thủ diệt." Lại tự nghĩ như vầy: "Do gì mà diệt ái?" Ta lại quan sát thấy: "Thọ diệt thì ái diệt." Lại tư duy: "Do gì mà thọ diệt?" Khi quan sát thấy: "Xúc diệt thì thọ diệt." Lại tư duy: "Do gì mà xúc diệt?" Lúc quan sát thấy: "Sáu nhập diệt thì xúc diệt." Lại quan sát: "Sáu nhập này do gì mà diệt?" Lúc đang quan sát thấy: "Danh sắc diệt thì sáu nhập diệt." Lại quan sát: "Do gì danh sắc diệt? Thức diệt thì danh sắc diệt." Lại quán: "Thức này do gì mà diệt?" Hành diệt thì thức diệt." Lại quán: "Hành này do gì mà diệt?" Si diệt thì hành diệt. Hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già, bệnh, diệt; già bệnh diệt thì tử diệt. Đó gọi là năm thạnh ấm diệt.

Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ như vầy: "Thức này là đầu mối tối sơ đưa con người đến sinh, già, bệnh, chết này, nhưng lại không thể biết nguồn gốc của sinh, già, bệnh, chết này." Giống như có người ở trong rừng đi theo con đường nhỏ, đi tới trước một chút thì gặp một con đường lớn cũ, là nơi ngày xưa mọi người đi trên đó. Lúc này, người ấy liền đi theo con đường đó, đi tới trước một chút nữa lại thấy thành quách xưa, vườn cảnh ao tắm thảy đều rất tốt tươi. Nhưng trong thành kia không có người ở. Người này thấy rồi, quay trở về bổn quốc, đến trước tâu vua: "Hôm qua đạo chơi núi rừng, tôi gặp thành quách tốt, cây cối sum suê tươi tốt, nhưng trong thành ấy không có người dân. Đại vương hãy cho nhân dân đến cư trú ở thành kia."

Nghe người ấy nói xong, bấy giờ quốc vương liền cho nhân dân ở. Nhờ vậy thành quách này trở lại như xưa, nhân dân đông đúc, vui vẻ vô cùng.

Các Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa lúc Ta chưa thành Bồ-tát, học đạo ở trong núi, thấy nơi chốn du hành của chư Phật xa xưa, liền theo con đường này, liền biết được nguồn gốc sinh khởi của sinh, già, bệnh, chết. Có sinh thì có diệt, thảy đều phân biệt, biết sinh khổ, sinh tập, sinh diệt và sinh đạo, thảy đều biết rõ ràng. Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, si cũng lại như vậy. Vô minh khởi thì hành khởi, những

gì được hành tạo lại do thức. Nay Ta đã biết rõ thức, nên nay vì bốn bộ chúng mà nói về gốc này; tất cả đều phải biết chỗ phát sinh nguồn gốc này: Biết Khổ, biết Tập, biết Diệt, biết Đạo, hãy suy niệm cho rõ ràng. Đã biết lục nhập thì biết sinh, già, bệnh, chết; lục nhập diệt thì sinh, già, bệnh, chết diệt. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ lục nhập.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số, trăm ngàn vạn chúng. Khi ấy, A-na-luật ở trên chỗ ngồi kia. A-na-luật ở giữa đại chúng mà ngủ gục. Khi Phật thấy A-na-luật ngồi ngủ, liền nói kệ này:

Nghe pháp ưa ngủ nghỉ
Ý không có thác loạn
Những pháp Hiền thánh nói
Là điều kẻ trí ưa.
Giống như hồ nước sâu
Lắng trong không bợn dơ
Người nghe pháp như vậy
Hưởng vui, tâm thanh tịnh.[7]
Cũng như tảng đá lớn
Gió lay không thể động
Như vậy, được khen chê
Tâm không có dao động.[8]

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-na-luật:

–Ông sợ pháp vua và sợ giặc cướp mà hành đạo sao?

A-na-luật đáp:

–Thưa không, Thế Tôn!

Phật hỏi A-na-luật:

---

7. *Dhp. 82.*
8. *Pháp cú Pāli, Dhp. 81.*

–Vì sao ông xuất gia học đạo?

A-na-luật bạch Phật:

–Vì ghê tởm già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não này. Vì bị khổ bức bách, muốn dứt bỏ, cho nên xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

–Nay ông là thiện gia nam tử với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Hôm nay chính Thế Tôn đang thuyết pháp, vì sao ở trong đây ngủ gục?

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vén áo bày vai phải, quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

–Từ nay về sau, thân thể tan nát, con quyết cũng không ngồi trước Thế Tôn mà ngủ gục.

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật suốt đêm đến sáng không ngủ, nhưng không thể trừ được mê ngủ, nhãn căn dần dần tổn thương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-na-luật:

–Sự nỗ lực tinh tấn của ông tương ưng với trạo cử. Nếu lại biếng nhác, thì nó tương ưng với kết. Hành trì của ngươi hiện nay là nên ở giữa.

A-na-luật bạch Phật:

–Ở trước Như Lai con đã thề, nay không thể làm ngược lại bản nguyện.

Sau đó, Thế Tôn bảo Kỳ-vực:

–Hãy chữa trị mắt cho A-na-luật.

Kỳ-vực đáp:

–Nếu A-na-luật chịu ngủ nghỉ chút ít thì con mới chữa mắt được.

Thế Tôn bảo A-na-luật:

–Ông nên ngủ. Vì sao? Tất cả pháp do ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại. Mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn. Tai lấy âm thanh làm thức ăn. Mũi lấy mùi thơm làm thức ăn. Lưỡi lấy vị làm thức ăn. Thân lấy sự trơn láng làm thức ăn. Ý lấy pháp làm thức ăn. Nay Ta cũng nói, Niết-bàn cũng có thức ăn.

A-na-luật bạch Phật:

–Niết-bàn lấy gì làm thức ăn?

Phật bảo A-na-luật:

–Niết-bàn lấy sự không phóng dật làm thức ăn. Nương vào không phóng dật đến được vô vi.

A-na-luật bạch Phật:

–Tuy nói mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn, nhưng con không kham ngủ nghỉ.

Bấy giờ, A-na-luật đang vá y phục cũ thì mắt từ từ bị hư hoại, nhưng được Thiên nhãn không có tỳ vết. Lúc ấy, A-na-luật dùng pháp thường để vá y phục, nhưng không thể xỏ chỉ qua lỗ kim. A-na-luật liền tự nghĩ: "Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.

Lúc ấy, Thế Tôn, bằng Thiên nhãn thanh tịnh, nghe âm thanh này: "Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi." Thế Tôn liền đến chỗ A-na-luật bảo rằng:

–Ông đưa kim lại đây Ta xỏ cho.

A-na-luật bạch Phật:

–Vừa rồi con có kêu gọi những ai ở thế gian muốn cầu phước kia, thì hãy xỏ kim cho con.

Thế Tôn đáp:

–Người cầu phước thế gian không có ai hơn Ta. Như Lai đối với sáu pháp không bao giờ nhàm chán. Sao gọi là sáu? Một là bố thí, hai là giáo giới, ba là nhẫn nhục, bốn là thuyết pháp thuyết nghĩa, năm là giúp đỡ chúng sinh, sáu là cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Này A-na-luật, đó gọi là Như Lai đối với sáu pháp này không bao giờ nhàm chán.

A-na-luật bạch:

–Thân Như Lai là Pháp thân chân thật, còn muốn cầu pháp gì nữa? Như Lai đã vượt qua biển sinh tử, lại thoát ái trước, mà nay vẫn đứng đầu trong những người cầu phước!

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, A-na-luật! Như lời ông nói: "Như Lai cũng biết sáu pháp này mà không bao giờ nhàm chán." Nếu chúng sinh nào biết những việc làm nơi thân, miệng, ý là nguồn gốc của tội ác, sẽ không bao giờ rơi vào ba đường dữ. Do chúng sinh kia không biết nguồn gốc tội ác nên đọa vào trong ba đường dữ.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Lực mà thế gian có
Tồn tại trong trời người
Lực phước là hơn hết
Do phước được thành Phật.

Cho nên, A-na-luật, hãy tìm cầu phương tiện được sáu pháp này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6[9]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Lúc ấy, một số các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực, nghe thấy bên ngoài cửa cung vua Ba-tư-nặc có đám đông người dân giơ tay kêu gào, tỏ vẻ oán trách: "Trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma[10] hết sức hung bạo, giết hại người vô số, không từ bi đối với hết thảy chúng sinh. Nhân dân trong nước không ai là không kinh tởm lo sợ. Mỗi ngày, nó giết một người, lấy một ngón tay xâu thành chuỗi, cho nên gọi là nó là "Chuỗi Ngón Tay."[11] Cúi xin Đại vương hãy đi đánh bắt."

Các Tỳ-kheo sau khi khất thực xong, trở về tinh xá Kỳ hoàn, thâu cất y bát, lấy tọa cụ vắt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

Chúng con một số đông vào thành Xá-vệ khất thực nghe thấy bên ngoài cung vua có nhiều người dân kêu than oán trách: "Nay trong nước có giặc cướp tên Ương-quật-ma là người hung bạo, không có tâm Từ, giết hại hết thảy chúng sinh. Người chết, đất nước trống không, đều do kẻ ấy. Nó lại lấy ngón tay người xâu làm tràng hoa."

Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo kia nói xong, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, im lặng ra đi.

Thế Tôn ngay sau đó đi đến chỗ tên giặc kia. Những người kiếm củi, nhặt cỏ, người đi cày, người chăn bò, dê, thấy Thế Tôn đi vào con đường ấy, đều bạch với Phật:

–Sa-môn, chớ có đi theo con đường này. Vì sao? Vì cạnh đường này có giặc cướp tên Ương-quật-ma đang ở đó. Người dân muốn đi vào đường này thì phải tập họp mười người, hoặc hai mươi người, hoặc ba mươi, bốn mươi, năm mươi người, mà vẫn không qua được, bị Ương-quật-ma bắt giết

---

9. Pāli, M 86 Aṅgulimāla (R. ii. 97). Hán, Tạp 38, kinh 1077.

10. Ương-quật-ma 鴦掘魔. Pāli: Aṅgulimāla.

11. Hán: Chỉ man 指鬘; cũng là dịch nghĩa của từ Aṅguli-māla. Định nghĩa của Pāli: So manusse vadhitvā vadhitvā aṅgulīnaṃ mālaṃ dhāreti, nó giết nhiều người, rồi lấy ngón tay làm tràng hoa mà đeo.

hết. Nhưng Sa-môn Cù-đàm đi một mình không có bạn sẽ bị Ương-quật-ma quấy nhiễu, chuyện này phải cảnh giác.

Thế Tôn tuy nghe những lời này, nhưng vẫn đi tới, không dừng lại.

Trong lúc đó, mẹ Ương-quật-ma đem thức ăn đến chỗ Ương-quật-ma. Lúc này, Ương-quật-ma tự nghĩ: "Chuỗi ngón tay của ta đã đủ số chưa?" Nó bèn đếm, số ngón tay vẫn chưa đủ. Lại đếm trở lại, chỉ thiếu một ngón tay người. Ương-quật-ma nhìn quanh quất hai bên, tìm một người lạ để bắt giết, nhưng nhìn khắp bốn phía đều không thấy người. Nó liền tự nghĩ: "Thầy ta có dạy, nếu giết hại mẹ thì tất sẽ sinh Thiên. Nay mẹ ta đã tự đến đây, ta hãy bắt giết, được đủ số ngón tay là được sinh lên trời."

Rồi Ương-quật-ma dùng tay trái nắm đầu mẹ, tay phải rút kiếm nói với mẹ:

–Mẹ ơi, hãy đứng lại một lát.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nghĩ: "Ương-quật-ma này đang tạo ngũ nghịch." Ngài lập tức phóng ánh sáng từ giữa chặng mày chiếu khắp núi rừng ấy. Lúc ấy, Ương-quật-ma thấy ánh sáng này, liền nói với mẹ:

–Đây là ánh sáng gì mà chiếu khắp núi rừng này? Chẳng phải nhà vua tập hợp binh chúng đem công phạt ta ư?

Lúc ấy, người mẹ bảo:

–Này con, nên biết, đây chẳng phải ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay lửa, cũng chẳng phải ánh sáng của Đế Thích, Phạm Thiên vương.

Bấy giờ, người mẹ liền nói kệ này:

Chẳng phải ánh sáng lửa
Trời, trăng, hay Thích, Phạm
Chim thú không kinh sợ
Vẫn ca hót như thường.
Ánh sáng rất thanh tịnh
Khiến người vui vô lượng
Ắt là Đấng Tối Thắng
Thập Lực, đến chốn này.
Trong cõi trời và người
Thiên nhãn nhìn thế giới
Vì muốn độ cho con
Thế Tôn đến nơi này.

Bấy giờ, Ương-quật-ma nghe đến tiếng Phật, vui mừng hớn hở, không tự dừng được, liền nói:

–Thầy con cũng giáo giới, bảo con: "Nếu con có thể giết mẹ, hay Sa-môn Cù-đàm, thì có thể sinh lên trời Phạm thiên."

Lúc ấy, Ương-quật-ma bảo mẹ:

–Nay mẹ đứng đây! Trước hết con bắt giết Sa-môn Cù-đàm giết, sau đó hãy ăn.

Ương-quật-ma liền bỏ mẹ ra mà chạy đuổi theo Thế Tôn. Từ xa trông thấy Thế Tôn đến, giống như khối vàng, chiếu khắp mọi nơi. Nó cười mà nói rằng:

–Nay Sa-môn này nhất định ở trong tay ta, tất sẽ giết không nghi ngại. Nhân dân muốn đi vào đường này, họ đều tập hợp đông người, mà đi đường này. Vậy mà Sa-môn này đơn độc không bạn bè. Nay ta sẽ bắt giết ông ta.

Rồi Ương-quật-ma liền rút kiếm ra, đi ngược về phía Thế Tôn. Trong lúc đó, Thế Tôn liền quay ngược đường lại, từ từ mà đi. Nhưng Ương-quật-ma chạy rượt theo cũng không thể nào kịp. Khi ấy, Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

–Sa-môn, dừng lại, dừng lại!

Thế Tôn bảo:

–Ta đã tự dừng rồi. Tự ngươi không dừng!

Ương-quật-ma vừa chạy, vừa từ xa nói kệ này:

Đi, mà lại nói dừng
Lại bảo ta không dừng
Nói nghĩa này cho tôi
Ông dừng, tôi không dừng?

Lúc ấy, Thế Tôn liền dùng kệ đáp:

Thế Tôn nói đã dừng
Vì không hại hết thảy
Nay ngươi có tâm giết
Không lìa xa nguồn ác.
Ta dừng nơi tâm Từ
Thương giúp cả mọi người
Ngươi gieo nhân địa ngục
Không lìa xa nguồn ác.

Ương-quật-ma nghe bài kệ này, liền tự nghĩ: "Ta đã làm việc ác thật sao? Còn thầy bảo ta: "Đó là đại tế đàn, được quả báo lớn, nếu có thể bắt giết một ngàn người, lấy ngón tay xâu thành chuỗi, thì được quả như sở nguyện mình. Người như vậy, sau khi chết vào chỗ lành, sinh lên trời. Nếu

bắt giết mẹ ruột và Sa-môn Cù-đàm thì sẽ sinh lên Phạm thiên.” Lúc ấy, Phật liền dùng oai thần, khiến thần thức của nó chợt sáng: “Các sách vở của Phạm chí cũng có nói rằng Như Lai ra đời rất là khó gặp, thật lâu, ức kiếp mới xuất hiện một lần. Khi vị ấy ra đời, độ người chưa độ, giải thoát người chưa giải thoát. Vị ấy nói pháp diệt trừ sáu kiến chấp. Sao gọi là sáu? Người nói có ngã kiến, liền nói pháp diệt trừ ngã kiến; người nói không có ngã kiến thì cũng vì họ nói pháp diệt trừ không có ngã kiến; người nói vừa có ngã kiến, vừa không có ngã kiến thì cũng vì họ nói pháp diệt trừ vừa có ngã vừa không có ngã. Lại tự quán sát, nói pháp đã được quán sát, tự nói pháp vô ngã, cũng chẳng phải pháp ta nói, cũng chẳng phải pháp ta chẳng nói. Nếu Như Lai xuất thế sẽ nói pháp diệt trừ sáu kiến chấp này.” Lại nữa, khi ta chạy đi thì có thể đuổi kịp voi, ngựa, xe cộ và nhân dân, nhưng Sa-môn này đi không nhanh vội, song hôm nay ta không thể theo kịp người này. Đây chắc phải là Như Lai.

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền nói kệ này:

Tôn giả đã vì tôi
Mà nói kệ vi diệu
Người ác nay biết chân
Đều nhờ oai thần Ngài.
Lập tức bỏ kiếm bén
Ném vào trong hang sâu
Nay lễ chân Sa-môn
Liền cầu làm Sa-môn.

Lúc này, Ương-quật-ma liền đến trước bạch Phật:

–Cúi xin, Thế Tôn! Cho phép con làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

–Hãy đến đây, Tỳ-kheo!

Lập tức Ương-quật-ma liền thành Sa-môn, mặc ba pháp y.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Nay ông đã cạo đầu
Trừ kết sử cũng vậy
Diệt kết, đắc quả lớn
Không còn sầu, khổ não.

Ương-quật-ma sau khi nghe những lời này, dứt sạch bụi trần, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn Tỳ-kheo Ương-quật-ma trở về tinh xá Kỳ hoàn,

thành Xá-vệ. Trong lúc đó, vua Ba-tư-nặc tập hợp bốn bộ binh, định đánh dẹp Ương-quật-ma. Khi ấy, vua liền tự nghĩ: "Nay ta hãy đến chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này thưa đầy đủ lên Thế Tôn. Nếu Thế Tôn có dạy điều gì thì sẽ phụng hành."

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền tập hợp binh bốn bộ, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

–Đại vương, hôm nay sắp đến đâu, mà thân thể đầy bụi bặm đến như vậy?

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Nay trong nước con có giặc cướp tên Ương-quật-ma hết sức hung bạo, không có lòng Từ đối với hết thảy chúng sinh. Đất nước hoang vắng, nhân dân lưu tán, đều do tên tặc này. Nay nó bắt người giết đi, lấy ngón tay xâu thành chuỗi. Đó là quỷ dữ, chẳng phải là người. Nay con muốn bắt người này mà giết đi.

Thế Tôn bảo:

–Nếu đại vương thấy Ương-quật-ma với lòng tin kiên cố đã xuất gia học đạo, thì sẽ làm sao?

Vua bạch Phật rằng:

–Còn biết làm gì hơn, là cung kính, cúng dường, tùy thời lễ bái! Nhưng, bạch Thế Tôn, nó lại là người ác, không có một mảy may thiện, thường giết hại, thì có thể có tâm xuất gia học đạo này chăng? Hoàn toàn không thể có việc ấy!

Lúc ấy, Ương-quật-ma đang ngồi kiết già cách Thế Tôn không xa, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Thế Tôn đưa tay phải chỉ và nói với vua:

–Đó là tên cướp Ương-quật-ma.

Vua nghe những lời này, trong lòng kinh sợ, lông tóc đều dựng đứng.

Thế Tôn bảo vua:

–Chớ sinh lòng sợ hãi, hãy bước đến trước, thì tự vua sẽ tỏ ý mình.

Lúc ấy, vua nghe lời Phật dạy, liền đến trước Ương-quật-ma, nói với Ương-quật-ma:

–Nay ông họ gì?

Ương-quật-ma đáp:

–Tôi họ Già-già,[12] mẹ tên Mãn Túc[13].

Lúc ấy, vua đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua hỏi:

–Khéo vui trong chánh pháp này, chớ có lười biếng, tu Phạm hạnh thanh tịnh để dứt gốc khổ. Tôi sẽ trọn đời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh.

Ương-quật-ma im lặng không đáp. Vua liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân. Quay trở lại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Lúc ấy, vua lại bạch với Phật:

–Người chưa hàng khiến hàng, người chưa phục khiến phục. Thật là kỳ lạ, chưa từng có! Cho đến có thể hàng phục người cực ác. Cầu mong Thế Tôn thọ mạng vô cùng, để nuôi dưỡng nhân dân. Nhờ ơn Thế Tôn mà thoát được nạn này. Việc nước bề bộn, con xin trở về thành.

Thế Tôn bảo:

–Vua nên biết đúng lúc!

Bấy giờ, quốc vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, rồi lui đi.

Lúc bấy, Ương-quật-ma hành A-lan-nhã, đắp y năm mảnh. Đến giờ, vị ấy ôm bát, đi đến từng nhà khất thực, một vòng rồi trở lại từ đầu; đắp y rách vá, thô xấu, tồi tàn, lại ngồi ở giữa trời trống, không che thân thể. Ương-quật-ma ở nơi vắng vẻ, tự tu hạnh này, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu vô thượng phạm hạnh, biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Bấy giờ, Ương-quật-ma liền thành A-la-hán, lục thông trong suốt không còn bụi dơ.

Sau khi đã thành A-la-hán, đến giờ đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực. Lúc ấy, có một thiếu phụ đang sinh khó. Thấy vậy, vị ấy liền tự nghĩ: "Đau khổ thay, chúng sinh chịu bức não[14] vô hạn." Sau khi thọ thực xong, Ương-quật-ma cất y bát, lấy tọa cụ đặt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma bạch Thế Tôn:

–Vừa rồi, con đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, gặp một

---

[12] Già-già 伽伽. Pāli: Gagga, là tên cha. Họ là Bhaggava.

[13] Mãn Túc 滿足. Pāli: Mantāṇī.

[14] Để bản chép: thọ thai 受胎. TNM: thọ não. Sửa lại cho phù hợp với Pāli: Kilissanti vata bho sattā.

người nữ thân thể mang thai nặng nề.[15] Lúc ấy, con liền tự nghĩ: "Chúng sinh chịu khổ đến như vậy sao?"

Thế Tôn đáp:

–Ông hãy đến chỗ người phụ nữ ấy, nói như vầy: "Từ khi tôi sinh trong nhà Hiền thánh đến nay, chưa từng sát sinh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến[16]!

Ương-quật-ma đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Ngay trong ngày ấy, Ương-quật-ma liền đắp y, mang bát, vào thành Xá-vệ, đến chỗ người mẹ kia, nói với cô:

–Từ khi tôi sinh trong nhà Hiền thánh đến nay, chưa từng sát sinh. Bằng lời chí thành này cầu cho người mẹ và thai nhi không gì tai biến.

Lúc ấy, người mẹ mang thai liền sinh được.

Một hôm, Ương-quật-ma vào thành khất thực, các nam, nữ lớn nhỏ, mọi người đều nói với nhau:

–Đó gọi là Ương-quật-ma, đã giết hại chúng sinh không thể kể, nay lại đi trong thành khất thực.

Rồi thì nhân dân trong thành, mọi người lấy gạch đá đả thương, hoặc dùng dao chém, đầu mặt bị thương, y phục bị rách hết, máu chảy nhớp thân thể. Liền ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ, từ xa Thế Tôn thấy Ương-quật-ma bị thương tích đầy đầu mặt, máu chảy ướt y, đang đi đến. Thấy rồi, liền nói:

–Ông hãy nhẫn nhịn! Vì sao? Tội này, đáng ra phải chịu báo mãi trong một kiếp lâu dài.

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma ở trước Như Lai, liền nói kệ này:

Kiên cố nghe pháp cú
Kiên cố hành Phật pháp
Kiên cố gần bạn lành
Liền đến nơi diệt tận.
Con vốn là đại tặc

---

[15] *Nguyên Hán: Trọng nhâm 重妊. Tường thuật không phù hợp với trả lời của Phật. Có lẽ tương đương Pāli: Mūḷhagabbhaṃ, sinh khó, nhưng Hán dịch hiểu mūḷha theo nghĩa đen là "nặng nề, chậm chạp."*

[16] *Pāli, định cú: Tena saccena sotthi te hotu, "bằng sự thật này, mong cho cô được an lành." Đây là một paritta, hộ chú, cầu thần chú cứu hộ, phổ biến trong Pāli.*

Tên là Ương-quật-ma
Bị cuốn trôi theo dòng
Nhờ Thế Tôn cứu vớt.
Nay quán, tự trả nghiệp
Cũng nên quán gốc pháp
Nay đã đắc ba minh
Thành tựu hạnh nghiệp Phật.
Con vốn tên Vô Hại[17]
Nhưng giết hại vô kể
Nay tên Chân Đế Thật[18]
Không còn hại gì nữa.
Giả sử thân, miệng, ý
Đều không tâm thức hại
Đó là không sát hại
Huống gì khởi tư tưởng.
Thợ cung hay nắn sừng (?)[19]
Nhà thủy hay dẫn nước
Người thợ chạm, đẽo gỗ
Bậc trí tự điều thân.[20]
Hoặc dùng roi gậy phục
Hoặc dùng lời lẽ khuất
Trọn không dùng đao gậy
Nay con tự hàng phục.
Trước, người gây tội ác
Sau dừng không tái phạm
Chiếu sáng khắp thế gian
Như mây tan, trăng hiện.
Trước, người gây tội ác
Sau dừng không tái phạm
Chiếu sáng khắp thế gian
Mây tan, mặt trời hiện.
Tỳ-kheo già, trẻ khỏe

---

[17] *Vô Hại 無害. Pāli: Ahiṃsaka, tên cha mẹ đặt. Aṅguimāla là tên do người đời đặt.*

[18] *Chân Đế Thật. Pāli: Sacca. Nhưng Pāli, (…) ajjāhaṃ saccanāmomhi, (…), [Tôi vốn tên Vô Hại, nhưng đã hại người rất nhiều người], nay chân thật [là Vô Hại, vì không còn hại ai nữa].*

[19] *Hán: giác 角. Cf. Dhp. 80: Usukārā namayanti tejanaṃ, thợ làm tên nắn thẳng mũi tên.*

[20] *Dhp. 80.*

Tu hành, hành Phật pháp
Chiếu sáng khắp thế gian
Như trăng kia, mây tan.[21]
Tỳ-kheo già, trẻ khỏe
Tu hành theo Phật pháp
Chiếu sáng khắp thế gian
Mặt trời kia, mây tan.
Nay con chịu chút khổ
Ăn uống tự biết đủ
Thoát hết tất cả khổ
Duyên cũ nay đã hết.
Không theo dấu tử thần
Cũng không còn tái sinh
Nay chỉ đợi thời tiết
Hoan hỷ, không rối loạn.

Bấy giờ, Như Lai hứa khả những gì Ương-quật-ma nói. Ương-quật-ma thấy Như Lai đã im lặng hứa khả, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân liền lui đi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Ương-quật-ma vốn tạo công đức gì mà ngày nay thông minh, trí tuệ, mặt mày xinh đẹp hiếm có trên đời? Lại tạo hành vi bất thiện gì mà trên thân hiện nay sát hại chúng sinh vô số kể? Lại tạo công đức gì mà nay gặp Như Lai, đắc quả A-la-hán?

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Vào thời quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này,[22] có Phật hiệu Ca-diếp Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Sau khi Như Lai Ca-diếp nhập diệt, có vua tên Đại Quả thống lãnh trong nước, cai trị Diêm-phù-đề. Vua ấy có tám vạn bốn ngàn cung nhân thể nữ, nhưng không có con cái. Bấy giờ, vua Đại Quả liền hướng về thần cây, thần núi, mặt trời, mặt trăng, tinh tú không nơi nào là không cầu xin con cái. Sau đó đệ nhất phu nhân của vua mang thai, trải qua tám, chín tháng, sinh được một con trai, tướng mạo xinh đẹp hiếm có trên đời. Lúc ấy, vị vua kia liền tự nghĩ: "Ta trước kia không có con cái, suốt một thời gian như vậy nay mới sinh hài nhi, cần phải đặt tên, để cho nó ở trong ngũ dục mà thụ hưởng."

---

[21] *Cf. Dhp. 382.*

[22] *Truyện tiền thân của Aṅgulimāla, Pāli, Jataka 537: Mahā-Sutasoma.*

Vua bèn triệu tập quần thần, những người có thể xem tướng, bảo rằng:

–Nay ta đã sinh hài nhi này, các khanh hãy đặt tên cho.

Những người này nghe vua dạy rồi, liền tâu vua:

–Nay thái tử này rất kỳ diệu, xinh đẹp không ai bằng, mặt như màu hoa đào, ắt sẽ có thế lực lớn, nay nên đặt tên là Đại Lực.

Sau khi thầy tướng đặt tên cho thái tử rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, quốc vương yêu thương thái tử này, chưa từng rời mắt.

Khi thái tử vừa lên tám tuổi, dẫn theo các người hầu cận đến chỗ phụ vương, hầu hạ thăm hỏi. Vua cha tự nghĩ: "Nay thái tử này, tự thật là kỳ lạ!" Vua liền bảo thái tử:

–Thế nào, nay ta cưới vợ cho con?

Thái tử tâu vua:

–Nay con nhỏ tuổi, cần gì cưới vợ?

Lúc ấy, vua cha tạm đình chỉ không cưới vợ cho. Đến khi thái tử hai mươi tuổi, vua lại nói:

–Ta muốn cưới vợ cho con.

Thái tử tâu vua:

–Con không cần cưới vợ.

Lúc ấy, vua bảo quần thần, nhân dân:

–Ta trước kia không có con cái, qua thời gian rất lâu mới sinh được một đứa con. Nay nó không chịu lấy vợ, thanh tịnh không một tỳ vết.

Bấy giờ, vua đổi tên cho thái tử là Thanh Tịnh.

Khi thái tử Thanh Tịnh đã gần ba mươi tuổi, vua lại bảo quần thần:

–Hiện nay tuổi ta đã suy yếu, không con nào khác; hiện chỉ có thái tử Thanh Tịnh. Nay vương vị cao phải truyền cho thái tử. Nhưng thái tử không thích sống trong năm dục, làm sao xử lý việc nước?

Quần thần đáp:

–Phải tìm cách làm cho thái tử ưa thích năm dục.

Lúc ấy, vua liền cho đánh chuông, kích trống, thông báo với nhân dân trong nước:

–Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục, ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu.

Bấy giờ, có người nữ tên Dâm Chủng, hiểu rõ sáu mươi bốn biến. Người nữ kia nghe vua có sắc lệnh: "Ai có thể làm cho thái tử Thanh Tịnh ưa thích năm dục thì ta sẽ thưởng cho ngàn vàng và các vật báu." Liền đến

chỗ vua cha và tâu:

–Hãy cho tôi ngàn vàng và các vật báu, tôi có thể khiến cho thái tử của vua quen với năm dục.

Vua cha bảo:

–Nếu làm được việc ấy, ta sẽ ban cho gấp đôi; không phụ lời hứa.

Dâm nữ tâu vua:

–Thái tử ngủ ở đâu vậy?

Vua bảo:

–Ở tòa nhà phía Đông, không có nữ nhân. Chỉ có một người nam làm thị vệ ở đó.

Người nữ tâu:

–Cúi xin đại vương ra lệnh trong cung cho tôi tùy ý ra vào, không được ngăn cản.

Ngay đêm đó, vào canh hai, dâm nữ ở cạnh cửa phòng thái tử giả bộ cất tiếng khóc. Thái tử nghe tiếng khóc người nữ, liền hỏi người hầu:

–Đây là người nào đến đây mà khóc?

Người hầu đáp:

–Đó là người nữ, đang khóc ở cạnh cửa.

Thái tử nói:

–Khanh mau đến chỗ hỏi vì sao khóc?

Người hầu kia liền đến chỗ hỏi vì sao khóc. Dâm nữ đáp:

–Bị chồng bỏ, cho nên khóc!

Người hầu trở vào tâu thái tử:

–Người nữ này bị chồng bỏ, lại sợ trộm cướp, cho nên khóc!

Thái tử bảo:

–Dẫn người nữ này để trong chuồng voi.

Đến đó, lại vẫn khóc. Bảo dẫn vào chuồng ngựa, lại khóc.

Thái tử lại bảo quan hầu:

–Dẫn đến đây!

Liền dẫn vào nhà. Ở đây lại khóc.

Thái tử đích thân tự hỏi:

–Vì sao lại khóc?

Dâm nữ đáp:

–Thưa thái tử! Người nữ một mình yếu đuối, rất là sợ hãi, cho nên

khóc.

Thái tử bảo:

–Lên trên giường ta thì không còn sợ nữa.

Lúc ấy, người nữ im lặng không đáp, cũng không còn khóc. Rồi thì người nữ liền cởi y phục, tới trước nắm tay thái tử đặt lên ngực mình. Cảm giác kinh sợ chỉ trong chốc lát, từ từ khởi dục tưởng. Dục tâm đã khởi thì liền thân đến nhau.

Sáng sớm hôm sau, thái tử Thanh Tịnh đến chỗ vua cha. Lúc ấy, vua cha từ xa trông thấy nhan sắc thái tử khác với ngày thường, liền nói:

–Những điều mà con muốn, đã kết quả rồi sao?

Thái tử đáp:

–Đúng như đại vương nói.

Lúc này, vua cha vui mừng hớn hở, không tự kiềm chế được, bèn nói:

–Muốn cầu mong gì, ta sẽ ban cho?

Thái tử nói:

–Những gì đã muốn ban, đừng có hối tiếc lại, thì con sẽ xin theo ước nguyện của mình!

Thời vua bảo:

–Như những gì con đã nói, quyết không hối tiếc. Muốn cầu ước nguyện gì?

Thái tử tâu vua:

–Ngày nay, phụ vương thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-đề, tự do với mọi thứ. Vậy xin hãy đem hết tất cả những cô gái chưa chồng trong cõi Diêm-phù-đề, trước về nhà ta, sau đó cho lấy chồng.

Lúc ấy, vua bảo:

–Sẽ làm theo lời con.

Vua liền ra lệnh cho nhân dân trong nước:

–Ai có con gái chưa gã chồng, trước cho đến thái tử Thanh Tịnh, rồi sau đó mới gã chồng.

Bấy giờ, trong thành kia có một người nữ tên Tu-man, đến lượt phải đến chỗ vua. Lúc ấy, con gái trưởng giả Tu-man, để thân thể trần truồng, đi chân không giữa đám đông người, cũng không hề hổ thẹn. Mọi người thấy vậy, nói với nhau:

–Đây là con gái trưởng giả, tiếng đồn khắp nơi, vì sao lại trần truồng đi giữa chốn đông người như con lừa không khác?

Người nữ nói với mọi người:

–Tôi chẳng phải là con lừa. Những người các ngươi mới là con lừa. Các người có thấy người nữ nào gặp người nữ mà lại mắc cỡ? Mọi người trong thành đều là người nữ, chỉ có thái tử Thanh Tịnh là người nam thôi. Nếu tôi đến cửa thái tử Thanh Tịnh thì mới mặc quần áo.

Lúc này, nhân dân trong thành cùng bàn nhau:

–Những điều cô này nói thật đúng ý chúng ta. Chúng ta đúng là nữ, chẳng phải nam. Chỉ có thái tử Thanh Tịnh là nam. Hôm nay chúng ta phải thực hiện pháp người nam.

Rồi nhân dân trong thành sắm sửa vũ khí, mặc giáp, mang gậy, đến chỗ vua cha, tâu với vua cha:

–Chúng tôi có hai lời nguyện, xin vua chấp nhận.

Vua hỏi:

–Hai lời nguyện gì?

Nhân dân tâu vua:

–Vua muốn sống thì hãy giết thái tử Thanh Tịnh. Muốn thái tử sống thì chúng tôi sẽ giết vua. Chúng tôi không chịu phụng sự thái tử Thanh Tịnh, vì nhục cho phép thường của nước.

Lúc ấy, vua cha liền nói kệ này:

Vì nhà, mất một người
Vì thôn, mất một nhà
Vì nước, mất một thôn
Vì thân, mất thế gian.

Vua nói bài kệ này rồi, bảo nhân dân:

–Nay chính đã đúng lúc! Tùy ý các khanh.

Bấy giờ, mọi người liền bắt trói hai tay thái tử Thanh Tịnh, dẫn ra bên ngoài thành, họ nói với nhau rằng:

–Chúng ta tất cả đều cùng dùng gạch đá đập chết. Cần gì một người giết!

Khi thái tử Thanh Tịnh sắp chết, tự nói lên lời thề nguyền: "Những người dân này bắt ta giết uổng. Nhưng vua cha đã tự cho ta nguyện này. Nay ta chịu chết cũng không dám từ. Mong đời tương lai, ta sẽ báo oán này và lại mong gặp A-la-hán chân nhân để sớm được giải thoát."

Nhân dân bắt giết thái tử rồi, tự giải tán.

Này các Tỳ-kheo, các người chớ nghĩ vua Đại Quả lúc ấy, há người

nào khác, mà nay chính là thầy của Ương-quật-ma. Dâm nữ lúc ấy nay chính là vợ của người thầy. Nhân dân lúc ấy nay là tám vạn người bị giết chết. Thái tử Thanh Tịnh lúc ấy nay chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma. Khi sắp chết, đã phát thệ nguyện này, nên nay báo oán hoàn trả không thoát được. Vì nhân duyên này, nên giết hại vô số. Sau đó, nguyện gặp Phật, nên nay được giải thoát, thành A-la-hán. Đó là ý nghĩa của việc này, hãy nhớ mà phụng hành.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong các đệ tử ta, người có trí tuệ, thông minh bậc nhất chính là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 32

Phẩm 38: SỨC LỰC (2)

KINH SỐ 7[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông có thấy núi Linh thứu[2] này không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Dạ, có thấy.

–Các ông nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác. Các ông có thấy núi Quảng phổ[3] không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Dạ, có thấy.

–Các ông nên biết, quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống với ngày nay. Các ông có thấy núi Bạch thiện[4] không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Dạ, có thấy.

–Quá khứ lâu xa, núi này còn có tên khác, không giống với ngày nay. Các ông có thấy núi Phụ trọng[5] không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Dạ, có thấy.

---

1. *Pāli, M.116 Isigili (R.iii.68).*
2. *Linh thứu sơn 靈鷲山, tức Kỳ-xà-quật 耆闍崛山. Pāli: Gijjhikūṭa.*
3. *Quảng phổ sơn 廣普山. Pāli: Vepulla (Vipulla), núi cao nhất trong năm núi bao quanh thành Vương xá.*
4. *Bạch thiện sơn 白善山. Pāli: Paṇḍava.*
5. *Phụ trọng sơn 負重山. Pāli: Vebhāra.*

–Các ông có thấy núi Tiên nhân quật[6] không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Dạ, có thấy.

–Quá khứ lâu xa, núi này cũng có tên như vậy. Vì sao? Vì núi Tiên nhân là nơi thường có các vị Bồ-tát thần túc, đắc đạo A-la-hán và các vị Tiên nhân cư trú. Các vị Bích-chi-phật cũng du hành trong núi ấy. Nay ta nói danh hiệu của các vị Bích-chi-phật, các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Có Bích-chi-phật tên A-lợi-tra, Bà-lợi-tra, có Bích-chi-phật tên Thẩm Đế Trọng, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Quán, có Bích-chi-phật hiệu Cứu Cánh, có Bích-chi-phật hiệu Thông Minh, có Bích-chi-phật hiệu Vô Cấu, có Bích-chi-phật hiệu Đế-xa, Niệm Quán, Vô Diệt, Vô Hình, Thắng, Tối Thắng, Cực Đại, Cực Lôi Điển, Quang Minh.[7]

Này các Tỳ-kheo, khi Như Lai không xuất thế, bấy giờ trong núi này có năm trăm vị Bích-chi-phật này ở trong núi Tiên nhân này. Khi Như Lai ở trên trời Đâu-suất muốn lai sinh, Thiên tử Tịnh cư tự đến đây thông báo và ra lệnh cho tất cả thế gian: "Hãy làm thanh tịnh cõi Phật để hai năm sau Như Lai sẽ xuất hiện ở đời."

Các vị Bích-chi-phật sau khi nghe vị Thiên nhân nói rồi, đều bay lên hư không mà nói kệ này:

Khi Phật chưa xuất thế
Hiền thánh trú nơi đây
Bích-chi-phật tự ngộ
Thường sống trong núi này.
Núi này tên Tiên nhân
Nơi ở Bích-chi-phật
Tiên nhân và La-hán
Không lúc nào vắng mặt.

---

6. *Tiên nhân quật 人掘山.(chữ 掘 nên sửa lại là 窟) Pāli: Isigili, một trong năm núi quanh Vương xá, được nói là đẹp nhất.*

7. *Danh sách các Bích-chi-phật theo Pāli: Ariṭṭho (A-lị-trá 阿利吒); Upariṭṭho (Bà-lị-trá 婆利吒); Tagarasikhī (Hán đọc là Takkasikhī, Thẩm Đế Trọng 審諦重); Yasassī; Sudassano (Thiện Quán 善觀); Piyadassī; Gandhāro; Piṇḍolo; Upāsabho; Nīto (Hán đọc là Niṭṭha, Cứu Cánh 究竟); Tatho (Hán?), Sutavā (Hán?); Bhāvitatto (Niệm Quán 念觀). Các vị khác được kể thêm trong phần kệ của Pāli: Hán: Đế-xa 帝奢, Pāli: Tissa. Thông Minh 聰明 (Pāli?). Vô Cấu 無垢 (Pāli?). Vô Diệt 無滅 (Pāli?). Vô Hình 無形 (Pāli?). Thắng 勝 (Jeta). Tối Thắng 最勝 (Jayanta). Cực Đại 極大 (Pāli?). Cực Lôi Điển 極雷電, (Pāli?). Quang Minh 光明 (Pāli?).*

Lúc ấy, các vị Bích-chi-phật liền ở trên không trung thiêu thân nhập Bát-niết-bàn. Vì sao? Vì đời không hai hiệu Phật, nên phải diệt độ vậy. Trong đoàn khách buôn không cần hai người lãnh đạo. Trong một nước không có hai vua. Một cõi Phật không hai tôn hiệu. Vì sao? Vì trong quá khứ lâu xa, thành La-duyệt có vua tên Hỷ Ích thường nghĩ đến thống khổ địa ngục, cũng nghĩ đến nỗi khổ ngạ quỷ, súc sinh. Bấy giờ, vua ấy liền tự nghĩ: "Ta thường nhớ nghĩ đến thống khổ nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nay ta không nên đi vào ba đường dữ này. Nên xả bỏ hết ngôi vua, vợ con, tôi tớ, với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo."

Bấy giờ, đại vương Hỷ Ích chán ghét nỗi khổ này liền xả bỏ ngôi vua, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo, ở tại nơi vắng vẻ tự khắc chế mình, quán năm thạnh ấm, quán rõ vô thường: đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, thảy đều vô thường. Khi đang quán năm thạnh ấm này. Các pháp có tập khởi là pháp diệt. Sau khi quán sát pháp này, liền thành Bích-chi-phật.

Lúc ấy, Bích-chi-phật Hỷ Ích đã thành đạo quả, liền nói kệ này:

Ta nghĩ khổ địa ngục
Súc sinh, trong năm đường
Bỏ nó mà học đạo
Một mình không sầu ưu.

Lúc ấy, Bích-chi-phật này, ở trong núi Tiên nhân kia. Tỳ-kheo, nên biết, do phương tiện này mà biết trong núi này thường có Bồ-tát thần túc, những bậc Chân nhân đắc đạo, người học đạo Tiên đang cư trú trong đó. Cho nên gọi là núi Tiên nhân, không có tên nào khác. Khi Như Lai không xuất hiện ở đời, chư Thiên thường đến núi này đảnh lễ. Vì sao? Vì trong núi này toàn là các bậc Chân nhân, không có lẫn lộn. Nếu khi Phật Di-lặc giáng thần xuống thế gian, tên các núi đều đổi khác, chỉ có núi Tiên nhân vẫn không tên khác. Trong Hiền kiếp này, tên núi này cũng không khác. Tỳ-kheo, các ông nên thân cận núi này, cung kính, thừa sự sẽ tăng ích các công đức.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8[8]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông chuyên niệm mà tự tu tập. Thế nào là chuyên niệm? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi biết đi, cử động, tới dừng, co, duỗi, cúi, ngước, mặc pháp y, ngủ nghỉ, thức dậy, hoặc nói, hoặc im lặng, thảy đều biết thời. Nếu Tỳ-kheo tâm ý chuyên chánh, với Tỳ-kheo ấy dục lậu chưa sinh liền không sinh, đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sinh, đã sinh liền diệt, vô minh lậu chưa sinh khiến không sinh, đã sinh liền diệt. Nếu chuyên niệm phân biệt sáu nhập, trọn không rơi vào đường dữ.

Sao gọi sáu nhập là đường dữ? Mắt nhìn sắc này, hoặc đẹp hoặc xấu. Thấy đẹp thì thích, thấy xấu thì không thích. Tai nghe tiếng hoặc hay, hoặc dở. Nghe tiếng hay thì thích, nghe tiếng không hay thì không thích. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Giống như có sáu loại thú có tánh nết khác nhau, hành động cũng khác. Nếu có người bắt chó, cáo, vượn, cá chiên,[9] rắn, chim, tất cả đều cột lại, nhốt chung vào một nơi rồi thả đi. Bấy giờ, trong sáu loại vật, mỗi con sẽ thể hiện mỗi tính cách.

Bấy giờ, trong ý con chó muốn chạy vào thôn; trong ý con cáo muốn chạy đến gò mả; trong ý con cá chiên muốn vào trong nước; trong ý con vượn muốn vào rừng núi; trong ý rắn độc muốn vào trong hang; trong ý chim muốn bay lên hư không. Bấy giờ sáu loài, mỗi loài có tánh cách khác nhau.

Nếu có người lại bắt sáu loại vật này nhốt vào một chỗ, không cho chúng tự do đi theo bốn hướng. Lúc này, sáu con vật ấy tuy đi lại nhưng không rời khỏi chỗ cũ trong đó. Lục tình cũng lại như vậy, mỗi loại đều có chủ đích riêng, phận sự bất đồng, lối nhìn cũng khác biệt, hoặc tốt hoặc xấu.

Bấy giờ, Tỳ-kheo cột sáu tình này mà đặt một chỗ. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ chuyên tinh, ý không tán loạn. Lúc ấy, tệ ma Ba-tuần hoàn toàn không có cơ hội, các công đức lành thảy đều được thành tựu.

Như vậy, các Tỳ-kheo, nên niệm đầy đủ nhãn căn, sẽ được hai quả: ở trong hiện pháp đắc quả A-na-hàm, hoặc đắc quả A-la-hán.

---

8. *Pāli, S. 35. 206 Chapāna (R. iv. 198)*

9. *Hán: Chiên ngư 鱣魚. Pāli: Susumāra, cá sấu.*

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Lộc dã, nước Ba-la-nại, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Hãy tư duy về tưởng vô thường, phát triển tưởng vô thường. Đã tư duy tưởng vô thường, phát triển tưởng vô thường, liền đoạn trừ được Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái, đoạn sạch kiêu mạn, vô minh. Vì sao? Vì ngày xưa, trong đời quá khứ lâu xa, có Bích-chi-phật hiệu Thiện Mục tướng mạo đoan chánh, mặt như màu hoa đào, nhìn xem xét kỹ thì miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên-đàn.

Bấy giờ, Thiện Mục Bích-chi-phật, đến giờ đắp y mang bát vào thành Ba-la-nại khất thực, dần dần đến nhà đại trưởng giả, đứng im lặng ở ngoài cửa. Lúc ấy, con gái của trưởng giả từ xa thấy có đạo sĩ đứng ở ngoài cửa, vô cùng đoan chánh, tướng mạo đặc thù hiếm có trên đời, miệng phát ra hương hoa sen, thân tỏa ra hương chiên-đàn, liền khởi dục tâm, đến chỗ Tỳ-kheo kia nói rằng: “Ông xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, hiếm có trên đời. Nay tôi tuy là xử nữ, nhưng lại cũng xinh đẹp. Chúng ta hãy hòa hợp. Trong nhà tôi rất nhiều châu báu, vô số của cải; còn làm Sa-môn thật là không phải dễ.”

Lúc ấy, Bích-chi-phật hỏi: “Này cô em, cô mê chỗ nào?” Con gái trưởng giả đáp: “Tôi thật sự mê sắc của cặp mắt. Lại nữa trong miệng tỏa mùi hương hoa sen ưu-bát, thân lại tiết ra mùi hương chiên-đàn.”

Khi ấy Bích-chi-phật liền duỗi tay trái, dùng tay phải móc mắt đặt vào lòng bàn tay mà bảo: “Cái mà cô gọi con mắt đáng yêu đây! Cô em, bây giờ cô còn mê chỗ nào nữa? Giống như ung nhọt, chẳng có gì đáng ham cả, mà trong mắt này cũng rỉ bất tịnh. Cô em nên biết, con mắt như bọt nước nổi, cũng không bền chắc, huyễn ngụy không thật, mê hoặc người đời. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều không bền chắc, giả dối không thật. Miệng là nơi khạc nhổ đờm dãi, ra những vật bất tịnh, chứa toàn xương trắng. Thân là đồ chứa sự khổ, là pháp hoại diệt, là nơi thường chứa chất hôi thối, là nơi các loại vi trùng quấy rối. Cũng như chiếc bình vẽ, bên trong

đựng bất tịnh. Này cô em, nay cô mê chỗ nào? Cho nên, này cô em, hãy chuyên tâm tư duy, pháp này huyễn ngụy không thật. Nếu cô em tư duy về nhãn sắc vô thường, những ý tưởng nào đắm đuối dục liền tự tiêu diệt. Tai, mũi, miệng, thân, ý thảy đều vô thường. Sau khi tư duy điều này, những gì là dục ý tự sẽ tiêu trừ. Tư duy về sáu nhập sẽ không có tưởng dục."

Lúc ấy, con gái trưởng giả liền hoảng sợ, đến trước lạy ngay sát chân vị Bích-chi-phật, bạch Bích-chi-phật: "Từ nay trở đi con xin sửa lỗi tu thiện, không còn khởi tưởng dục nữa. Cúi xin ngài nhận sự hối lỗi." Nói ba lần như vậy.

Bích-chi-phật bảo: "Thôi, thôi, cô em! Đó chẳng phải lỗi của cô, mà là tội từ đời trước của ta, nên mang hình này khiến người thấy đều khởi ý dục tình. Hãy quán sát kỹ mắt. Mắt này chẳng phải ta, ta chẳng phải của mắt, cũng chẳng phải ta tạo, cũng chẳng phải nó làm, từ trong không có mà sinh, đã có rồi tự hư hoại; cũng chẳng phải đời trước, đời này, đời sau; mà đều do nhân duyên hội hợp. Nhân duyên hội hợp là duyên cái này có cái này, đây khởi thì kia khởi, đây không thì kia không, đây diệt thì kia diệt. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy, thảy đều trống không. Cho nên, cô em chớ đắm nhãn sắc. Do không đắm sắc mà đến nơi an ổn, không còn dục của tình. Này cô em, hãy học điều này như vậy."

Bấy giờ, Bích-chi-phật vì người nữ kia nói bốn pháp phi thường, rồi bay lên hư không, hiện mười tám phép biến hóa, sau đó trở về chỗ cũ.

Lúc ấy, người nữ kia quán sát mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý đều không có sở hữu, liền ở nơi vắng vẻ, tư duy pháp này. Người nữ kia lại tư duy về sáu tình không chủ, đạt được bốn Đẳng tâm, thân hoại mạng chung sinh lên cõi Phạm thiên.

Các Tỳ-kheo, nên biết, nếu tư duy về tưởng vô thường, phát triển tưởng vô thường, sẽ dứt sạch Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái; kiêu mạn, vô minh, thảy đều trừ sạch.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10[10]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ[11]. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc bảo người đánh xe:

–Nay ngươi chuẩn bị xe bảo vũ*. Ta muốn đi ra ngoài xem xét.

Lúc ấy, người kia vâng lời vua dạy, chuẩn bị xe bảo vũ, rồi đến trước tâu vua:

–Đã chuẩn bị xong xe bảo vũ. Vua nên biết đúng thời.

Vua Ba-tư-nặc dẫn theo người này[12] ra khỏi thành Xá-vệ, đến khu vườn kia,[13] thấy cây cối không một tiếng động, cũng không bóng người, tịch nhiên trống vắng. Thấy vậy liền nhớ lại Như Lai đã từng thuyết về gốc các pháp. Lúc ấy, người đánh xe đứng phía sau cầm quạt, quạt hầu vua. Vua nói:

–Cây cối, hoa quả vườn này không một tiếng động, cũng không một bóng người dân, tịch nhiên trống vắng. Nay ta muốn thỉnh Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác du hóa ở đây, nhưng không biết hiện nay Như Lai đang ở đâu. Ta muốn đến hầu thăm.

Người hầu nói:

–Dòng họ Thích có thôn tên Lộc đường[14], Như Lai đang giáo hóa ở đó.

Vua Ba-tư-nặc bảo:

–Lộc đường ấy cách đây gần hay xa?

Người hầu tâu:

–Chỗ ở Như Lai cách đây không xa, nếu tính dặm đường, chỉ khoảng ba do-tuần.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc bảo:

---

10. Tham chiếu, Pāli, M. 89 Dhammacetiya (R. ii. 117). Hán: Trung 59, kinh 213.

11. Đoạn tự thuyết này không phù hợp với báo cáo được nói trong đoạn sau của kinh. Xem cht. sau.

12. Pāli: Dīgho Kārāyano (Trung 59: Trường Tác 長作), tổng chỉ huy quân đội của vua. Sớ giải Pháp cú (DhA.iii. 355) cho biết, chính thời điểm này, ông này âm mưu với Thái tử Vidūḍabha âm mưu cướp ngôi.

13. Pāli: Thị trấn Nagaraka. Sớ giải Pāli nói, đây là một thôn của người Thích-ca. Trung 59: Thị trấn tên là Ấp 邑名城.

14. Lộc đường 鹿堂. Pāli: Bấy giờ, Thế Tôn đang ở giữa những người họ Thích, tại thị trấn Medalumpa. Trung 59: Di-lũ-li 彌婁離.

–Hãy chuẩn bị xe bảo vũ. Ta muốn đi gặp Như Lai.

Vâng lệnh vua, người ấy liền chuẩn bị xe, rồi đến trước tâu vua:

–Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.

Vua liền lên xe đi đến thôn ấy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang kinh hành nơi đất trống. Khi ấy, vua xuống xe, đến chỗ các Tỳ-kheo; đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, vua bạch Tỳ-kheo:

–Như Lai hiện đang ở đâu? Con muốn gặp Ngài.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thế Tôn đang ở trong giảng đường này. Có thể vào gặp Ngài, chớ có ngại.

Vua liền nhẹ nhàng bước vào, không gây ra một tiếng động. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc quay lại nhìn người hầu. Người ấy liền tự nghĩ: "Nay hãy để vua vào gặp Thế Tôn một mình. Ta nên đứng đây."

Bấy giờ, vua đi một mình đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn bằng Thiên nhãn thấy vua đang đứng ngoài cửa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mở cửa cho vua. Thấy Thế Tôn, liền đảnh lễ sát chân, tự xưng tên họ: "Con là vua Ba-tư-nặc." Ba lần tự xưng danh hiệu.

Thế Tôn nói:

–Nay ông là vua. Còn Ta là dòng họ Thích xuất gia học đạo.

Vua bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn kéo dài tuổi thọ đến vô cùng, để trời người được an lạc.

Thế Tôn bảo:

–Chúc đại vương cũng sống lâu vô cùng, theo pháp cai trị, chớ đừng phi pháp. Những ai cai trị đúng pháp đều sinh lên trời, xứ lành; sau khi chết danh tiếng còn mãi, người đời truyền rằng: "Xưa có vua đúng pháp cai trị dân, chưa từng tà vạy." Nếu có người dân nào sống trong cảnh giới của vua này, khen ngợi công đức của vua, nhớ nghĩ không quên. Thân vua ở trên trời, tăng sáu việc công đức. Những gì là sáu?

1. Được thọ tuổi trời.

2. Được sắc đẹp trời.

3. Được thú vui trời.

4. Được thần túc trời.

5. Được oai đức trời.

6. Được ánh sáng trời.

Vì vậy, đại vương, hãy theo pháp cai trị dân, chớ đừng phi pháp. Ngày nay, tự thân Ta có công đức này nên xứng đáng nhận người cung kính lễ bái.

Vua bạch Phật:

–Công đức của Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái.

Thế Tôn bảo:

–Vì sao hôm nay ông nói Như Lai xứng đáng nhận người lễ bái?

Vua bạch Phật rằng:

–Như Lai có sáu công đức xứng đáng được nhận người lễ bái. Những gì là sáu?

Chánh pháp Như Lai rất là hòa nhã, được người trí tu hành. Đó gọi là công đức đầu tiên của Như Lai đáng thờ, đáng kính.

Lại nữa, Thánh chúng của Như Lai rất hòa thuận, thành tựu pháp tùy pháp, thành tựu giới, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Thánh chúng gồm có bốn đôi, tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai đáng kính, đáng quý, là ruộng phước lớn của thế gian. Đó gọi là công đức thứ hai của Như Lai.

Lại nữa, Như Lai có bốn bộ chúng đều học tập, thực hành pháp cần được thực hành, không quấy nhiễu Như Lai thêm nữa. Đó gọi là công đức thứ ba của Như Lai.

Lại nữa, Thế Tôn, con thấy dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn, tài cao, hơn đời đều tập họp lại bàn luận: "Chúng ta phải đem luận đề này đến hỏi Như Lai. Nếu Sa-môn Cù-đàm kia không đáp luận đề này thì ông ấy còn yếu kém. Nếu có thể đáp thì chúng ta sẽ khen hay." Lúc ấy, bốn dòng họ đến chỗ Thế Tôn mà hỏi luận này, hoặc lại có người im lặng. Bấy giờ, Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp xong họ không hỏi thêm gì nữa, huống chi lại muốn tranh luận và đều thờ Như Lai làm Thầy. Đó gọi là công đức thứ tư của Như Lai.

Lại nữa, có sáu mươi hai kiến giải ngoại đạo lừa dối người đời, không hiểu chánh pháp do đó đưa đến ngu si. Nhưng Như Lai có thể trừ các nghiệp tà kiến này, sửa cho họ Chánh kiến. Đó gọi là công đức thứ năm của Như Lai.

Lại nữa, chúng sinh tạo ác bởi thân, miệng, ý. Nếu mạng chung mà nhớ nghĩ công đức Như Lai thì được lìa ba đường dữ, được sinh lên trời. Cho dù là người cực ác, cũng được sinh lên trời. Đó gọi là công đức thứ

sáu của Như Lai. Vì vậy nên chúng sinh nào thấy Như Lai cũng đều sinh tâm cung kính mà cúng dường Ngài.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, lành thay! Đại vương, có thể ở trước Như Lai rống tiếng rống sư tử, diễn bày công đức của Như Lai! Cho nên, đại vương, hãy thường khởi tâm hướng về Như Lai. Đại vương, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc nói pháp vi diệu khiến sinh hoan hỷ. Đại vương sau khi nghe Phật thuyết pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui đi. Sau đó không lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông nên cúng dường pháp này, khéo tụng niệm. Vì sao? Vì đây là những điều vua Ba-tư-nặc đã nói. Các ông cũng nên vì bốn bộ chúng giảng rộng nghĩa ấy.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 11

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị. Lúc ấy, vua A-xà-thế bảo quần thần:

–Các khanh hãy nhanh chuẩn bị xe bảo vũ. Ta muốn đến gặp Thế Tôn.

Quần thần vâng lệnh vua, chuẩn bị xe bảo vũ, rồi đến trước tâu vua:

–Đã chuẩn bị xe xong. Xin vua biết đúng thời.

Vua lên xe bảo vũ, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyệt.

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của vua. Khi vua thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi lui đi.

Bấy giờ, vua A-xà-thế tùy thời cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh.

Lúc ấy, quỷ thần trong thành Tỳ-xá-ly rất lộng hành, làm cho người dân tử vong vô số kể, trong một ngày mà người chết có đến số trăm. Quỷ

thần La-sát đầy dẫy trong ấy. Bệnh nhân mặt mũi vàng vọt, sau ba, bốn ngày thì chết. Nhân dân thành Tỳ-xá-ly hoảng sợ, tập hợp lại một chỗ cùng bàn bạc:

–Đại thành này rất thịnh vượng, đất tốt được mùa, người giàu vui vô hạn, giống như Thiên cung, chỗ ở Đế Thích. Nhưng nay bị quỷ thần này làm hại, sẽ tử vong hết, hoang vắng như núi rừng. Ai có thần đức để trừ tai họa này?

Rồi mọi người dân tự bảo với nhau:

–Chúng ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm đến chỗ nào thì nơi đó tà ma, ác quỷ không đến gần quấy nhiễu được. Nếu Như Lai đến đây, các quỷ thần này tự tẩu tán. Nhưng hiện nay Thế Tôn đang ở trong thành La-duyệt kia, đang được vua A-xà-thế cúng dường; e rằng Ngài sẽ không đến giáo hóa chốn này.

Hoặc lại có người nói:

–Như Lai có Từ bi lớn, thương tưởng chúng sinh, nhìn thấy tất cả khắp nơi; người chưa khiến cho được độ, như mẹ thương yêu con, không bỏ rơi bất cứ một chúng sinh nào. Nếu có người thỉnh, Như Lai đến liền. Vua A-xà-thế chắc không giữ lại được. Ai có thể chịu đi đến nước vua A-xà-thế mà bạch Thế Tôn rằng: "Nay trong thành chúng con đang gặp nguy khốn này. Cúi xin Thế Tôn thương xót chiếu cố?"

Lúc ấy, có đại trưởng giả tên Tối Đại đang họp trong chúng này. Mọi người nói với trưởng giả:

–Chúng ta nghe nói, Sa-môn Cù-đàm đến nơi nào thì nơi đó tà ma ác quỷ không thể làm hại. Nếu Như Lai đến chốn này, có thể trừ được tai họa này liền. Ngài hãy đến chỗ Thế Tôn bạch đầy đủ ý này, để cho thành quách này được tồn tại lâu dài.

Trưởng giả im lặng nhận lời mọi người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về nhà. Về đến nơi, sắp xếp hành trang đi đường, dẫn theo những người hầu, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân và ngồi qua một bên. Lúc ấy, trưởng giả bạch Thế Tôn:

–Nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly gặp tai hoạn này, nhân dân tử vong rất nhiều. Trong thành ấy, mỗi ngày có hàng trăm chiếc xe nối tiếp nhau chở xác chết có đến số trăm. Cúi xin Thế Tôn giữ lòng thương tình cứu vớt, khiến cho những người còn lại mau chọn chỗ an ổn để được vô sự. Chúng con lại nghe Thế Tôn đến chỗ nào, nơi đó Thiên, Long, Quỷ thần đến gần quấy nhiễu. Cúi xin Ngài chiếu cố đến trong thành kia độ, cho dân chúng kia sống an ổn vô sự.

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta đã nhận lời thỉnh của vua A-xà-thế thành La-duyệt rồi. Chư Phật Thế Tôn không có hai lời. Nếu vua A-xà-thế chấp nhận, Như Lai sẽ đến.

Trưởng giả Tối Đại bạch Phật:

–Việc này rất khó. Vua A-xà-thế chắc không bao giờ để cho Như Lai đi đến nước kia. Vì sao? Vì vua A-xà-thế đối với đất nước chúng con không có mảy may thiện cảm, lúc nào cũng tìm cách muốn hại nhân dân nước con. Nếu vua A-xà-thế thấy con, liền bắt giết con ngay huống chi là cho trình bày việc này. Nếu nghe nói nhân dân nước con bị quỷ thần làm hại thì ông ta sẽ vui mừng vô cùng.

Thế Tôn bảo:

–Chớ có lo sợ. Ông hãy đi đến chỗ vua, mà tâu việc này rằng: "Như Lai đã báo trước về bản thân vua rồi, điều đó hoàn toàn không hư dối, không hai lời. Phụ vương ngài không lỗi mà bị bắt giết. Đáng ra ngài sinh vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp. Nhưng nay ngài đã lìa tội này rồi, đã sửa đổi tội lỗi kia; đã thành tựu tín căn trong pháp Như Lai. Nhờ gốc đức này mà diệt được tội đó, vĩnh viễn không còn sót. Đối thân này sau khi chết, sẽ sinh vào địa ngục Phách cầu[15]. Ở đó, mạng chung sẽ sinh lên Tứ Thiên vương; ở đó mạng chung sẽ sinh lên Hê thiên; ở trên Hê thiên mạng chung sẽ sinh trời Đâu-thuật, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại, rồi trở lại kế đến trời Tứ Thiên vương. Đại vương nên biết, trong hai mươi kiếp không đọa đường dữ, thường sinh trong loài người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thành Bích-chi-phật Trừ Ác."

Vua ấy nghe những lời này xong, sẽ vui mừng hớn hở không tự dừng được, rồi cũng sẽ bảo ông những lời này: "Nay ông có ước nguyện gì, ta cũng sẽ không từ chối."

Trưởng giả bạch Thế Tôn:

–Nay con sẽ nương vào oai thần Thế Tôn, đến chỗ vua kia.

Rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, đến chỗ vua kia.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng quần thần ở trên điện cao, đang có việc bàn luận. Lúc ấy, đại trưởng giả đến trước vua. Từ xa, vua nhìn thấy ông đến, bảo các quần thần:

---

[15] *Phách cầu 珀毬. TNM: Phách cúc 珀毬.*

–Nếu người kia đến chỗ này, các khanh muốn bắt làm gì?

Có người nói:

–Chúng ta sẽ bắt chặt năm khúc.

Lại có người nói:

–Chúng ta sẽ bêu đầu.

Vua A-xà-thế nói:

–Các khanh hãy bắt giết ngay đi. Không cần gặp ta.

Trưởng giả khi nghe những lời này, rất lo sợ, lớn tiếng nói:

–Tôi là sứ giả của Phật.

Vua nghe đến tiếng Phật, liền bước xuống ghế, gối hữu quỳ sát đất, hướng về chỗ Như Lai, hỏi trưởng giả:

–Như Lai dạy điều gì?

Trưởng giả đáp:

–Như Lai đã thọ ký Thánh vương rồi, điều đó không có hư dối, những gì đã nói ra hoàn toàn không hai lời. Vua bắt vua cha giết, duyên gốc tội này sẽ vào trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp; nhưng sau đó vua đã kịp thời sửa lỗi đối với Như Lai. Nay sẽ sinh vào địa ngục Phách cầu; ở đó mạng chung sẽ sinh lên Tứ Thiên vương, rồi lần lượt sinh đến Tha hóa tự tại thiên, rồi kế đến trở lại sinh về trong Tứ Thiên vương. Trong hai mươi kiếp, không đọa vào ba đường dữ, lưu chuyển trong trời người. Thân cuối cùng với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo tên là Bích-chi-phật Trừ Ác.

Vua nghe xong, vui mừng hớn hở không tự kiềm chế được, liền bảo với trưởng giả:

–Giờ ông có ước nguyện gì, ta sẽ ban cho.

Trưởng giả tâu:

–Sở nguyện của thần, xin vua chớ từ chối.

Vua A-xà-thế nói:

–Ông cứ nói ước nguyện gì, ta sẽ không từ chối.

Trưởng giả tâu:

–Nhân dân thành Tỳ-xá-ly gặp tai nạn, bị quỷ thần làm hại, không thể kể hết. Nay, La-sát quỷ thần rất là bạo ngược. Cúi xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến đất nước ấy, khiến cho quỷ thần ấy đều tẩu tán. Vì sao? Chúng tôi từng nghe, nơi nào Như Lai đến thì trời, rồng, quỷ thần, không được tùy tiện. Xin đại vương bằng lòng để Thế Tôn đến nước ấy.

Vua nghe những lời này xong, liền thở dài, bảo với trưởng giả rằng:

–Nguyện này quá lớn, chẳng phải người thường đáp ứng được. Nếu ông xin ta thành quách, xóm làng, của báu, vợ con thì ta sẽ tùy không tiếc. Ta không ngờ ông lại xin thỉnh Thế Tôn. Nhưng ta trước đã lỡ hứa sẽ chấp nhận lời nguyện đó. Nay tùy ý ông.

Khi ấy, trưởng giả hết sức vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, từ giã lui đi. Đến chỗ Thế Tôn, bạch rằng:

–Vua A-xà-thế đã đồng ý để Thế Tôn đến nước kia.

Thế Tôn bảo:

–Ông hãy về trước. Như Lai tự sẽ biết thời!

Trưởng giả đảnh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo trước sau vây quanh rời khỏi Ca-lan-đà Trúc viên đến thành Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, vua A-xà-thế ở trên lầu cao, với một người hầu cầm lọng che. Từ xa, trông thấy Thế Tôn bấy giờ hướng về nước kia, liền tự than thở với người hầu:

–Chúng ta đã bị trưởng giả này lừa dối. Giờ ta sống mà làm gì, khi Như Lai đã đi khỏi nước này?

Bấy giờ, vua A-xà-thế mang năm trăm cây lọng theo tiễn Thế Tôn, vì sợ bụi bám thân Thế Tôn. Lại có năm trăm cây lọng báu ở thành La-duyệt theo sau Thế Tôn. Thích Đề-hoàn Nhân biết những ý nghĩ trong tâm Thế Tôn, lại dùng năm trăm cây lọng báu che trên không trung, vì sợ bụi bám vào thân Như Lai. Các thần sông cũng mang năm trăm cây lọng báu che trên hư không. Lúc này nhân dân thành Tỳ-xá-ly nghe Thế Tôn đang vào thành, cũng mang năm trăm cây lọng báu đến trước đón Thế Tôn. Bấy giờ, có hai ngàn năm trăm cây lọng báu treo trên hư không.

Khi Thế Tôn thấy những cây lọng này, liền mỉm cười. Đây là pháp thường của chư Phật Thế Tôn, lúc Như Lai mỉm cười, trong miệng liền phát ra ánh sáng năm màu là xanh, vàng, trắng, đen, đỏ.[16] Thị giả A-nan thấy ánh sáng này, liền suy nghĩ: "Đây là nhân duyên gì? Nếu Thế Tôn cười, ắt có nhân duyên, không phải việc suông."

A-nan bèn quỳ xuống, chắp tay bạch Thế Tôn:

–Như Lai hoàn toàn không cười vô cớ mà cười ắt có duyên do.

Thế Tôn bảo:

–Nay ông có thấy hai ngàn năm trăm cây lọng báu này cúng dường

---

[16]. Có thể dịch giả theo tập quán kể năm màu của Trung Quốc. Các kinh chỉ kể bốn màu, trừ màu đen.

Như Lai không?

A-nan bạch:

–Thưa vâng, có thấy.

Thế Tôn bảo:

–Nếu Như Lai không xuất gia học đạo thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, cai trị nhân dân trong hai ngàn năm trăm đời. Vì Như Lai xuất gia học đạo, nên không nhận những cây lọng báu này.

A-nan, nên biết, trong quá khứ lâu xa, có vị vua tên Thiện Hóa Trị ở nước Mật-hy-la cai trị đúng pháp, giáo hóa tiếp nạp có phương pháp; thống trị cả Diêm-phù-lý-địa[17] này, không ai là không quy thuận.

Bấy giờ, vua này có tám vạn bốn ngàn phu nhân thể nữ, đều thuộc dòng sát-lợi. Đệ nhất phu nhân tên Nhật Quang, không có con cái nối dõi. Lúc bấy giờ, vua này tự nghĩ: "Hiện ta thống trị Diêm-phù-lý-địa này, mà nay không có con cái." Vua liền hướng về các thần núi, thần cây, thần minh, trời đất, cầu có con cái. Trải qua trong vòng chưa được vài ngày, phu nhân mang thai. Lúc ấy, phu nhân Nhật Quang tâu vua:

–Đại vương nên biết, nay thiếp biết đã có thai, nên cần tự giữ gìn."

Lại trải qua tám, chín tháng, sinh được một nam nhi, tướng mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào. Phu nhân thấy vậy rất vui mừng, bồng đến vua xem. Vua thấy vui mừng hớn hở không tự dừng được. Tám vạn bốn ngàn phu nhân thấy sinh thái tử, mọi người cũng đều vui mừng.

Lúc ấy, vua triệu các quần thần, quốc sư, đạo sĩ, để xem tướng, lại đặt tên để đời truyền gọi. Ngươi tướng đến trước, tâu vua: "Nay sinh thái tử rất xinh đẹp, khác hẳn người đời, ai thấy mà không yêu mến. Nay đặt tên là Ái Niệm." Sau khi đặt tên thái tử xong, họ đều trở về nơi ở.

Lúc ấy, quốc vương yêu mến thái tử chưa từng rời mắt. Vua xây cho thái tử giảng đường theo ba mùa, lại cho các thể nữ ở đầy trong đó để vui đùa cùng thái tử.

Bấy giờ, thái tử tự nghĩ: "Các thể nữ trong đây, có ai tồn tại mà không lìa thế gian, cũng không biến đổi chăng? Nhìn xem trong bọn họ tất cả đều vô thường, không có ai là thường còn ở thế gian; tất cả đều huyễn ngụy, không có chân thật. Nhưng lại làm cho mọi người đắm đuối, đam mê, không biết xa lìa. Nay ta cần gì những thứ ấy. Hãy bỏ mà học đạo."

---

[17]. Diêm-phù-lý-địa 閻浮里地, (Skt. Jambudvipa); các chỗ khác âm Diêm-phù-địa. Phiên âm không thống nhất trong bản Hán.

Ngay trong ngày đó, thái tử Ái Niệm liền cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia học đạo. Và cũng trong đêm đó, thái tử đã dứt sạch các kết sử trói buộc, tư duy thấy các pháp tập khởi thảy đều bị tiêu diệt, thành Bích-chi-phật. Sau đó liền nói kệ này:

Dục là pháp vô thường
Biến đổi, không định chắt
Biết chúng là họa lớn
Đi riêng, không theo chúng.

Sau khi nói kệ này xong, liền bay lên hư không, nhiễu quanh thành Mật-hi-la kia ba vòng. Lúc ấy, quốc vương ở trên điện cao, đang vui đùa cùng các cung nữ, thấy Bích-chi-phật bay quanh thành ba vòng, hết sức vui mừng không thể tự kiềm chế được, tự nghĩ: "Thái tử con ta đang bay trên hư không giống như chim vậy." Nhà vua còn không biết thái tử đã thành Bích-chi-phật nên bảo rằng: "Nay con hãy hạ xuống trên điện này cùng ta vui đùa với nhau."

Bấy giờ, này A-nan, Bích-chi-phật kia, vì muốn độ cha mẹ, nên hạ xuống trên điện. Lúc ấy, vua nói: "Hôm nay sao thái tử mặc y phục thể nữ này, lại cạo râu tóc, khác hẳn người thường?" Bích-chi-phật nói: "Những gì con đang mặc là cao quý khác thường, chẳng phải là đồ mà người thường quen dùng." Vua lại hỏi: "Vì sao con không vào trong cung?" Bích-chi-phật nói: "Từ đây về sau con không đuổi theo dục vọng nữa, cũng không ham muốn sống trong năm dục này." Vua nói: "Nếu không thích trong năm dục này thì hãy ở trong vườn sau của ta."

Bấy giờ, vua thân hành đến trong vườn, tạo dựng phòng xá. Khi ấy, vì muốn độ cha mẹ nên Bích-chi-phật vào ở trong khu vườn đó, nhận sự cúng dường của vua. Một thời gian sau, vào Bát-niết-bàn trong Niết-bàn giới vô dư. Vua đưa Xá-lợi đi hỏa thiêu, rồi xây tháp thờ. Vua cho xây tháp lớn tại một nơi kia. Một hôm rãnh rỗi, vua đến trong vườn ngắm cảnh, thấy ngôi tháp đã bị hư nát, liền suy nghĩ: "Đó là tháp thờ con ta. Nay nó đã bị hư nát, sụp đổ." Khi ấy, quốc vương vì lòng thương yêu chưa dứt, liền đem cây lọng của mình che lên trên tháp kia.

Này A-nan, chớ có nghĩ ai khác. Vua Thiện Hóa lúc bấy giờ chính là thân Ta. Lúc ấy vì con, nên đã đem một cây lọng che lên trên tháp. Nhờ nhân duyên phước đức này, mà lưu chuyển trong cõi trời người, hàng trăm ngàn lần làm Chuyển luân thánh vương, hoặc làm Đế Thích, Phạm thiên. Lúc ấy, Ta không biết vị ấy là Bích-chi-phật. Nếu ta biết đó là Bích-chi-phật thì phước đức không thể tính hết được. Nếu Như Lai không thành đạo

Vô thượng Chánh chân thì sẽ được làm Chuyển luân thánh vương hai ngàn năm trăm lần nữa để dạy đời. Do đã thành đạo nên nay có hai ngàn năm trăm cây lọng tự nhiên ứng hiện.

Này A-nan, vì lý do đó mà Như Lai mỉm cười. Thừa sự chư Phật có công đức không thể kể hết như vậy. Cho nên, A-nan, ông hãy tìm cầu phương tiện cúng dường chư Phật Thế Tôn.

A-nan, hãy học điều này như vậy.

Rồi Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đến thành Tỳ-xá-ly, đứng ở trong cổng thành nói kệ này:

Nay đã thành Như Lai
Chí tôn trên thế gian
Bằng lời chân thật này
Tỳ-xá-ly bình yên.
Đây là Pháp chân thật
Dẫn đến Niết-bàn giới
Bằng lời chân thật này
Tỳ-xá-ly yên bình.
Đây là Tăng chân thật
Chúng Hiền thánh bậc nhất
Bằng lời chân thật này
Tỳ-xá-ly yên bình.
Loài hai chân an ổn
Loài bốn chân cũng vậy
Khách đi đường an lành
Khách đến cũng như vậy.
Ngày đêm được an ổn
Không có ai quấy nhiễu
Bằng lời chân thật này
Tỳ-xá-ly yên bình.[18]

Khi Như Lai nói bài kệ ấy xong, La-sát quỷ thần, mỗi loài tự tẩu tán, không còn ở yên chỗ đó nữa, không còn trở vào thành Tỳ-xá-ly được nữa.

---

[18] *Cf. Pāli, Ratanasutta (kinh Tam Bảo), được xem như hộ chú (paritta), đọc khi cầu an: Yaṃ kiṭci vittaṃ idha vā huraṃ vā, saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ; na no samaṃ atthi tathāgatena, idampi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ; etena saccena suvatthi hotu… "Dù trong đời này hay đời khác, hay trên Thiên giới, không có tài bảo vi diệu nào sánh với Đức Như Lai. Ở đây, Phật là tài bảo tối thắng vi diệu. Bằng sự thật này, ước nguyện tất cả đều được an lành…"*

Những người mắc bệnh đều được khỏi bệnh.

Bấy giờ, Thế Tôn đi trú bên bờ ao Di hầu. Nhân dân trong nước thừa sự, cúng dường y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Tùy theo khả năng giàu nghèo của họ, mỗi người mang cơm nước cúng dường Phật cùng Tăng Tỳ-kheo. Họ cũng thọ bát quan trai, không mất thời tiết.

Lúc ấy, nội thành Tỳ-xá-ly có sáu Tông sư đang du hóa ở đây. Sáu Tông sư đó là Bất-lan-ca-diếp, A-di-sủy[19], Cù-da-lâu, Ba-hưu-ca-chiên, Tiên-tỉ-lô-trì, Ni-kiền Tử. Sáu Tông sư tập họp một chỗ, bàn luận:

–Sa-môn Cù-đàm này trú tại thành Tỳ-xá-ly, được nhân dân cúng dường. Còn chúng ta không được nhân dân cúng dường. Chúng ta hãy đến tranh luận cùng ông ấy, xem ai đắc thắng, ai bị bại.

Bất-lan-ca-diếp nói:

–Các Sa-môn, Bà-la-môn chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến cật vấn; đó chẳng phải pháp Sa-môn, Bà-la-môn. Nhưng Sa-môn Cù-đàm này chưa bị người chỉ trích, mà tìm cách đến nạn vấn, chúng ta làm sao có thể tranh luận với ông ta được?

A-di-sủy nói:

–Không có thí, không có (người) nhận, cũng không có người cho, cũng không có đời này, đời sau, không có loài hóa sinh, cũng không có báo thiện, ác.

Cừu-da-lâu nói:

–Ở bên bờ này Hằng thủy giết vô số người, chất thịt thành núi, ở bên bờ kia Hằng thủy tạo các công đức. Duyên đây, đều chẳng có báo thiện ác[20].

Ba-hưu-ca-chiên nói:

–Giả sử ở bên trái Hằng thủy, dù có bố thí, giữ giới, tùy thời cung cấp không để ai thiếu, cũng lại không phước báo này.

Tiên-tỉ-lô-trì nói:

–Không có lời nói, cũng không có báo lời nói. Chỉ im lặng là khoái lạc.

Ni-kiền Tử nói:

–Có ngôn ngữ, cũng có báo ngôn ngữ. Sa-môn Cù-đàm là người, ta cũng là người. Cù-đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa-môn Cù-đàm có thần

---

[19] 㪷㫀㫀, Đọc là sủy cho phù hợp với nguyên âm Phạm (Pāli: Ajitakesakambala).

[20] Cf. Pāli, D. 2 Sāmaññaphala (R. i. 52), thuyết vô nghiệp (akiriya) của Pūraṇo Kassapo.

túc, ta cũng có thần túc. Nếu Sa-môn kia hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn Thần túc. Ông ấy hiện bốn, ta sẽ hiện tám. Ông ấy hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Ông ấy hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Luôn luôn tăng gấp bội, chứ không bao giờ chịu khuất phục; đủ sức để thi đấu. Nếu ông ấy không chịu tranh luận với chúng ta, tức là lỗi của ông ấy. nhân dân nghe rồi sẽ không cúng dường ông ta nữa. Chúng ta sẽ được cúng dường.

Vào lúc đó, có Tỳ-kheo-ni nghe đồn, sáu Tông sư ngoại đạo tập họp lại một chỗ bàn với nhau: "Sa-môn Cù-đàm không chịu tranh luận với người. Chúng ta đủ để đắc thắng." Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lô-ni[21] liền bay lên hư không hướng về sáu Tông sư kia mà nói bài kệ này:

Thầy ta không ai bằng
Tối tôn, không ai hơn
Ta đệ tử vị ấy
Tên là Thâu-lô-ni.
Nếu ngươi có khả năng
Hãy tranh luận với ta
Ta sẽ đáp từng việc
Như sư tử bắt nai.
Ngoài Tôn sư tôi ra
Không ai là Như Lai
Nay Tỳ-kheo-ni ta
Đủ hàng phục ngoại đạo.

Sau khi Tỳ-kheo-ni nói bài kệ này xong, sáu Tông sư còn không thể ngước lên nhìn nhan sắc, huống chi cùng tranh luận.

Lúc ấy, nhân dân thành Tỳ-xá-ly từ xa trông thấy Tỳ-kheo-ni ở trên hư không tranh luận với sáu Tông sư, nhưng sáu Tông sư không thể đáp; mọi người đều reo vui mừng rỡ vô cùng:

–Hôm nay, sáu Tông sư đã chịu khuất phục cô ấy.

Nhóm sáu Tông sư rất sầu ưu, rời khỏi thành Tỳ-xá-ly mà đi, không vào thành nữa.

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo nghe chuyện Tỳ-kheo-ni Thâu-lô tranh luận thắng sáu Tông sư. Các vị ấy đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

---

[21] *Thâu-lô-ni 輸盧尼, nghi dư chữ ni. Tức Tỳ-kheo-ni Thâu-na được nói trong kinh số 2 phẩm 5 trên. Có thể đồng nhất Pāli: Soṇà.*

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo-ni Thâu-lô có thần túc lớn, có oai thần lớn, trí tuệ, đa văn, Ta thường lúc nào cũng nghĩ như vầy: Không có ai lại có thể tranh luận với sáu Tông sư. Chỉ có Như Lai và Tỳ-kheo-ni này.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo-ni có thể hàng phục ngoại đạo như Tỳ-kheo-ni này không?

các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa không, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

–Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo-ni đứng đầu trong các Thanh văn của Ta, có thể hàng phục ngoại đạo, chính là Tỳ-kheo-ni Thâu-lô.[22]

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 12

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có sáu xúc xứ[23]. Những gì là sáu? Là các xứ như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó là sáu xứ. Phàm phu khi mắt thấy sắc liền khởi tâm đắm nhiễm không thể lìa bỏ. Do thấy sắc, rồi khởi nhiễm đắm, nên lưu chuyển sinh tử không có lúc nào thoát. Sáu tình cũng lại như vậy, khởi tưởng nhiễm đắm, ý không thể lìa bỏ, do đó lưu chuyển không có lúc nào thoát.

Nếu đệ tử Hiền thánh của Thế Tôn, mắt thấy sắc rồi không khởi đắm trước, không có tâm ô nhiễm, tức có thể phân biệt mắt này là pháp vô thường, khổ, không, pháp chẳng phải thân[24]. Sáu tình cũng lại như vậy, không khởi tâm ô nhiễm, phân biệt sáu tình này là vô thường, khổ, không, pháp chẳng phải thân, phải tư duy điều này thời liền được hai quả: Hoặc ở trong hiện pháp đắc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Giống như có người rất đói, muốn xay giã lúa, sàng xảy cho sạch sẽ để nấu ăn, trừ cơn đói khát. Đệ tử

---

[22] Xem kinh số 2, phẩm 5: Tỳ-kheo-ni Thâu-na. Lưu ý phiên âm tên người không thống nhất của bản Hán này.

[23] Nguyên Hán: Tế hoạt cánh lạc nhập 細滑更樂入. Pāli: Phassāyatana.

[24] Phi thân 非身, tức vô ngã.

của Hiền thánh cũng lại như vậy, đối với sáu tình này tư duy về sự nhiễm ô, bất tịnh liền thành tựu đạo tích, nhập Vô dư Niết-bàn giới. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt sáu tình này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 33

Phẩm 39: ĐẲNG PHÁP

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp, ở trong hiện tại thọ lạc vô cùng, muốn dứt sạch các lậu, cũng có thể được. Những gì là bảy pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, lại có thể tự biết, lại có thể biết đủ, lại biết và đại chúng, quán sát người[2]. Đó gọi là bảy pháp.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết pháp là chỉ Khế kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Nhân duyên, Ví dụ, Bản mạt, Quảng diễn, Phương đẳng, Vị tằng hữu, Quảng phổ, Thọ quyết, Sinh kinh. Tỳ-kheo không biết pháp, không biết mười hai bộ kinh, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể hiểu rõ pháp nên gọi là biết pháp. Như vậy, Tỳ-kheo hiểu rõ pháp.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết nghĩa? Ở đây, Tỳ-kheo biết ý thú của Như Lai, hiểu rõ nghĩa sâu, không có điều gì nghi ngờ. Tỳ-kheo không hiểu nghĩa, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể biết nghĩa sâu nên gọi là hiểu nghĩa. Như vậy, Tỳ-kheo có thể phân biệt nghĩa.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết khi nên tu Quán thì tu Quán, khi nên tu Chỉ thì tu Chỉ, nên im lặng biết im lặng, nên đi biết đi, nên tụng biết tụng, nên trao người trước liền trao cho người trước, nên nói biết nói. Tỳ-kheo không biết những việc ấy, không biết thích hợp tu Chỉ, tu Quán, tiến, dừng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo biết

---

1. *Pāli, A.VII. 68 Dhammaññū (R.iv. 113). Hán, Trung, kinh 1.*
2. *Pāli: Dhammaññū (biết pháp), atthaññū (biết nghĩa), attaññū (biết mình), mattaññū (biết tiết độ), kālaññū (biết thời), parisaññū (biết đại chúng), puggalaparoparaññū (biết sự cao thấp của người). Trung, k.1: Tri pháp 知法, tri nghĩa 知義, tri thời 知時, tri tiết 知節, tri kỷ 知己, tri chúng 知眾, tri nhân thắng như 知人勝如.*

thời tiết ấy thì không để mất thời cơ thích hợp, đó gọi là biết tùy thời thích hợp. Tỳ-kheo như vậy là biết thời nghi.

Sao gọi là Tỳ-kheo có thể sửa mình? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự biết mình, nay ta có sự thấy, nghe, nghĩ, biết này, có trí tuệ như vậy,[3] đi, bước, tiến, dừng thường theo chánh pháp. Tỳ-kheo không thể tự biết thích ứng theo trí tuệ mà ra, vào, đi, đến, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này có thể tự tu, tiến, dừng đều thích hợp, đây gọi là tự biết tu dưỡng. Đó gọi là Tỳ-kheo tự biết mình.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự điều hòa việc ngủ nghỉ, tỉnh thức, ngồi, nằm, kinh hành, cách tiến dừng, đều có thể biết dừng đúng lúc. Tỳ-kheo không thể biết những việc ấy thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo này hiểu rõ những việc này nên gọi là biết đủ. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo biết vừa đủ.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt đại chúng: Đây là dòng Sát-lợi, đây là chúng Bà-la-môn, đây là chúng Trưởng giả, đây là chúng Sa-môn. Ta nên dùng pháp này mới thích hợp với chúng ấy, nên nói hay nên im lặng, tất cả đều biết. Tỳ-kheo không biết vào chúng, đó chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo ấy biết vào đại chúng nên gọi là biết vào chúng. Đó gọi là Tỳ-kheo biết vào đại chúng.

Sao gọi là Tỳ-kheo biết căn nguyên mọi người? Tỳ-kheo nên biết có hai hạng người. Những gì là hai? Hoặc có một người muốn đến già-lam để thân cận Tỳ-kheo; người thứ hai không thích đến đó gặp gỡ Tỳ-kheo. Người muốn đến trong vườn kia, thân cận Tỳ-kheo, là người tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, tuy đến chỗ Tỳ-kheo song không tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai cũng không đến trong chùa gặp Tỳ-kheo. Người đến chùa kia là hơn hết.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người, đến chỗ Tỳ-kheo tùy thích hợp mà hỏi; người thứ hai, họ không đến chỗ Tỳ-kheo hỏi điều thích hợp. Người đến chùa kia là đệ nhất tối tôn, vượt lên trên người kia.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Một người đến chỗ Tỳ-kheo hết lòng nghe pháp; người thứ hai không đến chỗ Tỳ-kheo, không hết lòng nghe pháp. Người (hết lòng nghe pháp) kia là người hơn hết.

---

[3] Trung, ibid.: Tỳ-kheo biết mình: "Ta có tín, giới, thí, văn, huệ như vậy…" Pāli: Bhikkhu attānaṃ jānāti–'ettakomhi saddhāya sīlena sutena cāgena paññāya paṭibhānenā'ti.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, có thể quán sát pháp, thọ trì, đọc tụng; người thứ hai, họ không thể thọ trì, đọc tụng. Người có thể thọ trì kia, là đệ nhất tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người nghe pháp liền hiểu nghĩa; người thứ hai, họ nghe pháp mà không hiểu nghĩa. Người này là tối thượng.

Này Tỳ-kheo, lại có hai hạng người. Những gì là hai? Có một người, nghe pháp liền thành tựu pháp tùy pháp; người thứ hai, họ không nghe pháp, không thành tựu pháp tùy pháp. Người nghe pháp kia, thành tựu pháp tùy pháp. Người này là tối tôn đệ nhất.

Này Tỳ-kheo, lại có hai người. Những gì là hai? Một người, nghe pháp có thể kham nhẫn tu hành, phân biệt hộ trì chánh pháp; người thứ hai không thể kham nhẫn tu hành pháp kia. Người có thể kham nhẫn tu hành pháp kia, là tối tôn đệ nhất. Giống như bò có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ là tối tôn đệ nhất không gì bằng. Ở đây cũng vậy, nếu người nào có thể tu hành thì người này là tối đệ nhất, không ai sánh kịp.

Đó gọi là Tỳ-kheo quán sát căn nguyên của người. Nếu có người nào không rõ điều này thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo kia nghe pháp, phân biệt nghĩa nó, đó là tối thượng. Tỳ-kheo như vậy là biết quán sát căn nguyên của người.

Nếu có Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này, ngay trong hiện pháp an lạc vô vi, ý muốn đoạn trừ lậu cũng không khó khăn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2[4]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn cây Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Cây Trú đạc[5] trên trời Tam thập tam có gốc dọc ngang năm mươi

---

4. *Pāli, A.VII. 69. Pārichattaka. Hán, Trung, kinh 2.*

5. *Trú đạc thọ 晝度樹. Pāli: Parichattaka.*

do-tuần, cao một trăm do-tuần, bóng râm che Đông, Tây, Nam, Bắc năm mươi do-tuần. Trời Tam thập tam vui chơi nhau ở đó bốn tháng. Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc hoa lá cây Trú đạc ấy úa vàng, rơi rụng trên mặt đất. Chư Thiên bấy giờ thấy điềm ứng này, tất cả đều hoan hỷ, tình vui phát sinh: "Cây này không bao lâu sẽ sinh ra hoa đầy trở lại."

Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc hoa của cây này tất cả đều rơi rụng xuống đất. Bấy giờ, trời Tam thập tam lại càng hoan hỷ tự bảo với nhau rằng: "Cây này không bao lâu sẽ trở thành màu tro."

Tỳ-kheo nên biết, qua một thời gian nữa cây ấy liền thành màu tro. Lúc này, trời Tam thập tam thấy cây này biến thành màu tro rồi, lòng rất vui mừng tự bảo với nhau rằng: "Nay, cây này đã biến màu tro, không lâu sẽ nẩy chồi."[6]

Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy cây Trú độ này đã nẩy chồi, không bao lâu nữa sẽ sinh nụ. Bấy giờ, trời Tam thập tam thấy rồi, chư Thiên lại hoan hỷ: "Hôm nay cây này đã sinh nụ, không bao lâu lại sẽ nở đầy."

Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam thấy rồi, cây này từ từ nở đầy, lòng chư Thiên đều hoan hỷ: "Cây này đã dần dần nở đầy, không lâu sẽ đính đầy hoa."

Tỳ-kheo nên biết, đến một lúc cây ấy nở đầy khắp, lòng chư Thiên tất cả đều hoan hỷ: "Hôm nay, cây này nở đầy hoa." Bấy giờ, hương của nó bay ngược gió trong vòng trăm do-tuần, không đâu không nghe mùi thơm. Bấy giờ, chư Thiên cùng nhau vui chơi ở đó bốn tháng, vui không thể nói hết.

Ở đây cũng vậy, đệ tử Hiền thánh khi phát ý muốn xuất gia học đạo, cũng giống như cây này bắt đầu muốn úa rụng lá.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh xả bỏ vợ con, tài sản, với lòng tin kiên cố cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, giống như lá cây kia rụng xuống đất.

Tỳ-kheo nên biết, đệ tử Hiền thánh không tưởng tham dục, trừ pháp bất thiện, niệm giữ hoan hỷ, chí an trú Sơ thiền, như cây Trú đạc thành màu tro.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh có giác, có quán,[7] nội tĩnh,[8] có hoan hỷ,

---

6. *Sinh la võng 生羅網. Pāli: Jālakajāta. Hán hiểu là jāla-jāta: Sinh lưới, thay vì jālaka-jāta, sinh chồi non.*

7. *Giác, quán, hay tầm tứ (Pāli: Vitakka-vicāra), bản Hán chép nhầm. Sơ thiền có giác, có quán, hay có tầm có tứ (Pāli: Savitakkaṃ savicāraṃ); nhưng Nhị thiền không có giác-quán, hay không có tầm tứ (Pāli: Avitakkaṃ avicāraṃ).*

8. *Nguyên Hán: Tức nội 息內. Pháp uẩn (tr. 482a): Nội đẳng tịnh 內等淨. Pāli: Vūpasama.*

chuyên chú nhất tâm, không giác, không quán, tâm an trú Nhị thiền, như cây kia nẩy chồi.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh, vô niệm,[9] mà có xả[10] tự biết thân có lạc, điều mà chư Hiền thánh mong cầu, xả* niệm đầy đủ, tâm an trú Tam thiền, giống như cây kia sinh nụ.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh đã hết khổ lạc, sầu ưu trước đó không còn, không khổ, không lạc, xả* niệm thanh tịnh, chí an trú ở Tứ thiền, giống như cây kia dần dần mở đầy.

Lại nữa, đệ tử Hiền thánh dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, điều đó giống như cây kia nở hoa đầy khắp.

Bấy giờ, hương giới đức của đệ tử Hiền thánh nghe khắp bốn phương, không ai không ca ngợi. Trong bốn tháng tự hưởng vui thích, tâm an trú Tứ thiền, bản hạnh đầy đủ. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu hương giới đức.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3[11]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói bảy dụ về nước. Con người cũng như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Sao gọi là bảy dụ về nước mà tựa người? Giống như có người chìm ở đáy nước; lại có người tạm ngoi khỏi nước rồi lại chìm xuống; có người

---

9. Để bản chép sót chữ vô. TNM: Vô niệm. Pháp uẩn, ibid.: Ly hỷ. Tam thiền không hỷ, nên gọi là "Ly hỷ diệu lạc địa". Pāli: Pītiyā ca virāgā.

10. Để bản: Hữu hộ 有護. Pháp Uẩn, ibid.: Trú xả 住捨.

11. Pāli, Udakūpama (R. iv. 12). Hán, Trung, kinh 4.

nổi lên khỏi nước rồi nhìn xem; lại có người nổi lên khỏi nước rồi đứng yên; có người bơi đi trong nước; có người nổi lên khỏi nước rồi muốn đến bờ kia; lại có người đã đến bờ kia.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là bảy việc dụ về nước xuất hiện ở đời.

Sao gọi là người chìm dưới đáy nước không nổi lên được? Ở đây, hoặc có người mà toàn thể đầy khắp pháp bất thiện, trải qua nhiều kiếp, không thể chữa trị. Đó gọi là người chìm dưới đáy nước.

Sao gọi là người nào nổi lên khỏi nước rồi chìm lại? Hoặc có người mà tín căn dần mai một, tuy có pháp lành nhưng không chắc chắn. Thân, miệng, ý họ hành thiện, nhưng sau đó thân, miệng, ý lại hành pháp bất thiện, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Đó gọi là người ra khỏi nước rồi chìm lại.

Sao gọi là người nổi lên khỏi nước rồi nhìn xem? Ở đây, hoặc có người có tín thiện căn, nhưng hành vi của thân, khẩu, ý lại không làm tăng trưởng pháp này, tự thủ mà đứng yên, thân hoại mạng chung sinh vào A-tu-luân. Đó gọi là người ra khỏi nước mà nhìn.[12]

Sao gọi là người ra khỏi nước mà đứng? Ở đây, hoặc có người có lòng tin, tinh tấn dứt ba kết sử[13], không thoái chuyển nữa, ắt đạt cứu cánh, thành đạo Vô thượng. Đó gọi là người ra khỏi nước mà đứng[14].

Sao gọi là người muốn lội khỏi nước? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, lòng luôn hổ thẹn, vơi mỏng ba kết sử dâm, nộ, si. Trở lại đời này một lần nữa rồi đoạn trừ gốc khổ.[15] Đó gọi là người định vượt khỏi nước.

Sao gọi là người muốn đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, dứt sạch năm hạ phần kết sử, thành A-na-hàm, không lại thế gian này nữa mà nhập Niết-bàn trên đó[16]. Đó gọi là người muốn đến bờ kia.

Sao gọi là người đã đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, mà có lòng hổ thẹn, dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, ở trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh nữa, ở trong Niết-bàn giới vô dư mà

---

[12] Hán dịch mục này khác thứ tự với Trung và Pāli: Đây là hạng người nổi lên rồi đứng yên được, không chìm trở lại.

[13] Pāli: Đắc Dự lưu.

[14] Hán dịch mục này trái thứ tự với Trung và Pāli: Đây là hạng người ngoi lên khỏi nước rồi, đã đứng yên được, còn có thể quán sát.

[15] Hạng chứng Nhất lai.

[16] Trên Tịnh cư thiên.

Bát-niết-bàn. Đó gọi là người đã vượt qua bờ kia.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy dụ về nước và người, mà Ta vừa nói cho các ông. Điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các ông hãy ở nơi yên tĩnh, hoặc dưới gốc cây, hãy nghĩ đến việc tọa thiền, chớ sinh biếng nhác. Đó là lời dạy của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4[17]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thánh vương cai trị nước xa xôi,[18] nếu thành tựu bảy pháp, sẽ không bị kẻ thù, giặc cướp chiếm giữ.

Những gì là bảy?

1. Thành quách ấy rất cao, được sửa sang tề chỉnh. Đó gọi là vị vua kia thành tựu pháp thứ nhất.

2. Lại nữa, cổng thành kia chắc chắn. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ hai.

3. Lại nữa, ngoài thành kia có hào rất sâu rộng. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ ba.

4. Lại nữa, trong thành kia nhiều thóc gạo, kho lẫm chứa đầy ắp. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ tư.

5. Lại nữa, thành kia nhiều củi, cỏ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ năm.

6. Lại nữa, thành kia nhiều cụ khí, gậy gộc, đầy đủ các chiến cụ. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ sáu.

7. Lại nữa, chủ thành kia rất thông minh, tài cao, dự biết tình người, đáng dùng roi thì dùng roi, đáng sửa trị thì sửa trị. Đó gọi là thành kia thành tựu pháp thứ bảy, cảnh ngoài không thể đến xâm chiếm.

Đó gọi là, này các Tỳ-kheo, chủ nước thành kia thành tựu bảy pháp, nên người ngoài không thể tiếp cận quấy nhiễu.

---

[17] Pāli, A.VII. 67. Nagara (R. iv. 105). Hán, Trung, kinh 3.

[18] Hán: Viễn quốc 遠國. Trung: biên thành 邊城, thành trì ở biên địa. Pāli: Paccantimaṃ nagaraṃ.

Ở đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, nếu thành tựu bảy pháp thì tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện được. Những gì là bảy?

Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai nghi, phạm luật nhỏ còn sợ huống gì là lớn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất này, tệ ác ma không thể tùy tiện được. Giống như thành kia cao rộng, rất nghiêm nhặt, không thể phá hoại.

Lại nữa, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc không khởi tưởng đắm, cũng không khởi niệm, nhãn căn đầy đủ, không thủ hộ nhãn căn không để khuyết thủng, rò rỉ;[19] tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp cũng lại như vậy, cũng không khởi tưởng, đầy đủ ý căn, mà không loạn tưởng, thủ hộ đầy đủ ý căn. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia cửa ngõ chắc chắn.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều không quên, thường nhớ nghĩ tư duy chánh pháp đạo giáo, những pháp đã nghe qua trước kia thảy đều thông suốt. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như bên ngoài thành quách kia có hào rất sâu và rộng.

Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện[20], những pháp mà khoảng đầu thiện xảo, giữa thiện xảo, cuối cũng thiện xảo, thanh tịnh đầy đủ, hiển hiện phạm hạnh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư này; như thành quách kia, nhiều lúa gạo, giặc ngoài không dám đến xâm lăng.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy về bốn pháp tăng thượng tâm[21], cũng không rỉ thoát.[22] Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như thành quách kia, nhiều củi, cỏ, người bên ngoài không thể đến quấy nhiễu.

Lại nữa, Tỳ-kheo đắc bốn Thần túc, thực hiện không khó. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như trong thành kia đầy đủ vũ khí.

Lại nữa, Tỳ-kheo có thể phân biệt đầy đủ ấm, nhập, giới, cũng lại phân biệt pháp do mười hai nhân duyên phát sinh. Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện; như chủ thành

---

[19] Đoạn nói về phòng hộ căn môn, rải rác trong nhiều kinh, nhưng văn dịch không thống nhất.

[20] Hán: Đa chư phương tiện 多諸方便, nên hiểu: Nhiều nỗ lực, tinh cần.

[21] Tức tu bốn Thiền. Pāli: Catunnaṃ jhānānaṃ ābhicetasikānaṃ.

[22] Hán: Bất thoát lậu 不脫漏. Nên hiểu: Dễ chứng đạt, không khó. Pāli: Nikāmalābhī hoti akicchalābhī akasiralābhī.

quách kia thông minh, tài cao, đáng bắt thì bắt, đáng thả thì thả.

Nay đây, Tỳ-kheo cũng lại như vậy, biết phân biệt đầy đủ các bệnh ấm, giới[23], nhập. Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, tệ ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện phân biệt ấm, giới*, nhập và mười hai nhân duyên, đừng để mất thứ lớp, liền vượt cảnh ma, không có ở trong ấy nữa.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay ta sẽ nói về bảy y chỉ xứ của thức[24], các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Vì sao nó được gọi là bảy nơi ở thần thức? Chúng sinh với nhiều loại thân và nhiều loại tưởng khác nhau, như người và trời.[25] Lại nữa, chúng sinh hoặc nhiều loại thân nhưng chỉ có một tưởng, đó là trời Phạm-ca-di mới xuất hiện ở thế gian.[26] Lại nữa, chúng sinh một thân nhưng nhiều tưởng, đó là trời Quang âm. Lại nữa, chúng sinh một thân, một tưởng, đó là trời Biến tịnh. Lại nữa, chúng sinh vô lượng không, là trời Không xứ. Lại nữa, chúng sinh vô lượng thức, là trời Thức xứ. Lại nữa, chúng sinh vô hữu xứ, là trời Vô hữu xứ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là bảy nơi thức trú. Nay Ta đã nói bảy thức xứ.

Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm để tiếp độ mọi người, nay Ta đã làm xong. Các ông hãy đến dưới bóng cây vắng vẻ, hãy khéo tu hạnh này, chớ có lười biếng. Đó là những lời dạy của Ta.

---

[23] Nguyên Hán: Trì 持. Trên kia dịch là giới. Hán dịch bất nhất.

[24] Nguyên Hán: Thần chỉ xứ 神止處. Xem, Trường, kinh 9 (tr. 52a) Pāli, Cf. D.iii. tr. 253. Satta viññāṇaṭṭhitiyo.

[25] Hán dịch không xác định: Chỉ một phần chư Thiên tức Dục giới thôi.

[26] Hán: Sơ xuất thế gian, dịch không hết ý. Nên hiểu: Khi kiếp mới sáng thành.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6[27]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Vào lúc bấy giờ, Tôn giả Quân-đầu[28] thân mang bệnh nặng, nằm liệt giường, không thể tự ngồi dậy. Khi ấy, Quân-đầu nghĩ: "Hôm nay không được Thế Tôn Như Lai rủ lòng thương xót. Ta đang gặp bệnh nặng, không còn sống bao lâu nữa. Thuốc thang không tiếp. Lại nghe Thế Tôn nói: "Còn một người chưa độ, Ta quyết không bỏ." Song nay chỉ một mình ta bị bỏ rơi. Còn khổ nào hơn!

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe được lời oán trách của Tỳ-kheo Quân-đầu. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy tụ họp đến chỗ Tỳ-kheo Quân-đầu, hỏi thăm bệnh Tỳ-kheo ấy.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Rồi, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo đi lần đến phòng Tỳ-kheo Quân-đầu. Quân-đầu từ xa nhìn thấy Như Lai đến, liền tự gieo mình xuống đất. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Nay ông mang bệnh rất là nặng, không cần xuống giường. Ta tự có chỗ ngồi.

Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Bệnh của ông tăng hay giảm, hay không tăng giảm? Ông có thể nghe Ta dạy được không?

Lúc ấy, Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

–Bệnh hôm nay của đệ tử rất nặng, chỉ có tăng, không có giảm. Thuốc uống không thấm vào đâu.

Thế Tôn hỏi:

–Người chăm sóc bệnh là ai vậy?

---

[27]. Pāli, S. 46. 16 Gilāna (3) (R.v. 81).

[28]. Quân-đầu. Pāli: Mahā-Cunda. Nhưng, bản Pāli nói Đức Phật bệnh, và Cunda làm thị giả chăm sóc bệnh, chứ không phải Cunda bệnh.

Quân-đầu bạch:

–Các vị phạm hạnh đến, gặp thì chăm sóc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Quân-đầu:

–Nay ông có thể nói cho Ta nghe bảy Giác ý không?

Bấy giờ, Quân-đầu nêu tên bảy Giác ý ba lần:

–Nay con có thể ở trước Như Lai nói pháp bảy Giác ý.

Thế Tôn bảo:

–Nếu có thể nói cho Như Lai nghe thì cứ nói.

Quân-đầu bạch Phật:

–Bảy Giác ý. Những gì là bảy? Như Lai đã nói, đó là niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an* giác ý, định giác ý, xả* giác ý. Bạch Thế Tôn, gọi là có bảy Giác ý này, chính là như vậy.

Sau khi Tôn giả Quân-đầu nói những lời này xong, mọi bệnh tật đều được trừ khỏi, không còn khổ não.[29] Bấy giờ, Quân-đầu bạch Thế Tôn:

–Hiệu nghiệm nhất trong các thứ thuốc, đó chính là pháp bảy Giác ý này. Muốn nói là thuốc hay nhất không qua bảy Giác ý này. Con nhờ tư duy về bảy Giác ý mà bệnh gì cũng khỏi cả.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông thọ trì pháp bảy giác ý này, khéo nhớ phúng tụng, chớ có hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng. Mọi bệnh hoạn của chúng sinh kia được trừ khỏi. Vì sao? Vì bảy Giác ý này rất khó lường hết, nhưng nhờ đó tất cả các pháp đều được thấu rõ, hết thảy các pháp đều được soi sáng. Cũng như thuốc hay chữa trị hết thảy các bệnh. Giống như cam lồ ăn không biết chán. Nếu không được bảy Giác ý này, các loài chúng sinh sẽ trôi lăn sinh tử. Các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy Giác ý.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7[30]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

---

[29]. Bản Pāli: Phật bảo Cunda nói bảy Giác chi. Cunda nói xong, Phật khỏi bệnh.

[30]. Pāli, S.46. 42. Cakkavatti (R. v. 99).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền có bảy báu xuất hiện thế gian. Bảy báu đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, minh châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là nói khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời thì bảy báu cũng xuất hiện, truyền khắp ở thế gian.

Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì có báu bảy Giác ý xuất hiện thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an* giác ý, định giác ý, xả* giác ý xuất hiện ở thế gian. Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian thì báu bảy Giác ý này cũng xuất hiện ở thế gian. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện tu bảy giác ý này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo, sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở thế gian, liền chọn lựa đất tốt mà xây thành quách, từ Đông, Tây mười hai do-tuần; Nam, Bắc bảy do-tuần. Đất đai màu mỡ, được mùa, hạnh phúc không thể nói hết. Bấy giờ, bên ngoài thành được bao bọc bảy lớp xen kẽ bởi bảy báu. Bảy loại báu ấy là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, mã não, xà cừ. Đó gọi là bảy báu. Thành lại được bao quanh bởi bảy lớp hào rất sâu tạo thành bởi báu, khó mà vượt qua; trong hào toàn cát vàng. Lại có bảy lớp cây mọc chen giữa; các loại cây ấy có bảy loại màu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, xa cừ, mã não, hổ phách. Thành trong được bao bọc bởi bảy lớp cửa kiên cố, cũng được làm bằng bảy báu. Khung cửa bằng bạc thì cánh cửa vàng, khung cửa bằng vàng thì cánh cửa bạc, khung cửa thủy tinh thì cánh cửa lưu ly, khung cửa bằng lưu ly thì cánh cửa thủy tinh, khung cửa bằng mã não thì cánh cửa hổ phách, rất là khoái lạc, thật không thể nói hết. Bốn mặt trong thành ấy có bốn ao tắm, mỗi một ao tắm dọc ngang một do-tuần, có nước vàng, bạc, thủy tinh tự nhiên tạo thành. Ao nước bạc đông lại trở thành báu bạc, ao nước vàng đông lại trở thành

báu vàng, Chuyển luân thánh vương lấy đó mà sử dụng.

Bấy giờ, trong thành kia có bảy loại âm thanh. Đó là tiếng tù và tiếng trống, tiếng trống con, tiếng chuông, tiếng trống eo, tiếng múa, tiếng ca. Đó gọi là bảy loại âm thanh. Bấy giờ, nhân dân thường vui chơi theo đó. Chúng sinh nơi đó không bị nóng lạnh, cũng không bị đói khát, cũng không bệnh tật. Chuyển luân thánh vương sống ở đời, thành tựu bảy báu này và bốn Thần túc, không có giảm khuyết, không bao giờ mất. Những gì là bảy báu mà Chuyển luân thánh vương thành tựu? Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, người nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Lại có ngàn người con rất dũng mãnh, có thể hàng phục giặc ngoài. Cõi Diêm-phù-lý-địa này, không dùng dao gậy để giáo hóa dân trong nước.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo hỏi Thế Tôn:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu bánh xe báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương, vào sáng sớm ngày rằm, tắm rửa, gội đầu lên trên đại điện, có ngọc nữ vây quanh. Khi, bánh xe báu đủ ngàn căm từ phương đông bay đến trước điện, ánh sáng rực rỡ huy hoàng, chẳng phải do người tạo, cách mặt đất bảy nhẫn, từ từ đến trước vua, rồi dừng lại. Thấy vậy, Chuyển luân thánh vương liền nói: "Ta nghe người xưa nói, vua Chuyển luân vào ngày rằm, tắm rửa, gội đầu, lên ngồi trên điện. Lúc ấy, bánh xe báu tự nhiên từ phương Đông đến trước vua dừng lại. Nay ta phải thử bánh xe báu này." Rồi vua Chuyển luân dùng tay phải nắm bánh xe báu mà nói rằng: "Giờ ngươi quay lăn cho đúng pháp, chớ đừng phi pháp." Bánh xe báu tự nhiên lăn quay và dừng trên không trung. Chuyển luân thánh vương liền dẫn binh bốn bộ, cũng ở trên hư không. Khi ấy, bánh xe báu quay hướng về Đông, Chuyển luân thánh vương cũng theo bánh xe báu mà đi. Khi bánh xe báu dừng, Chuyển luân thánh vương và bốn bộ binh cũng dừng trên hư không. Bấy giờ, vua Túc tán[31] và nhân dân từ xa trông thấy vua đến, tất cả đều đứng dậy nghênh đón, lại dùng bát vàng đựng bạc mụn, bát bạc đựng vàng mụn, dâng lên cho Chuyển luân thánh vương mà tâu với vua rằng: "Hoan nghênh Thánh vương! Nay nhân dân thành phương này rất đông đúc, an vui vô hạn. Cúi xin đại vương hãy ở lại đây cai trị." Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương liền bảo dân nước ấy: "Các ông hãy dùng pháp cai trị

---

31. Túc tán vương, chỉ các Tiểu vương, chư hầu của Chuyển luân.

giáo hóa, chớ có dùng phi pháp, cũng chớ có sát sinh, trộm cắp, tà dâm, cẩn thận chớ có dùng phi pháp cai trị giáo hóa.” Sau đó, bánh xe báu lại di chuyển đến phương Nam, phương Tây, phương Bắc, vỗ về giáo hóa hết thảy nhân dân rồi trở về nơi vua đang trị vì, đi cách mặt đất bảy nhẫn và dừng lại.

Này Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu bánh xe báu như vậy.

Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu voi báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo nên biết, vào ngày rằm, Chuyển luân thánh vương tắm rửa, gội đầu, rồi lên trên đại điện. Bấy giờ, voi báu từ phương Nam đến, có sáu ngà, lông trắng buốt, có bảy chỗ bằng phẳng, được trang sức bằng vàng, bạc, châu báu, có thể bay trên hư không. Thấy vậy, Chuyển luân thánh vương liền tự nghĩ: “Voi báu này rất kỳ diệu, hiếm có trên đời, thể tánh nhu hòa, không hung bạo. Nay ta phải thử voi báu này.” Rồi thì sáng sớm, khi mặt trời sắp mọc, Chuyển luân thánh vương liền cưỡi voi báu này dạo khắp bốn biển, giáo hóa nhân dân. Chuyển luân thánh vương thành tựu voi báu như vậy.

Tỳ-kheo lại bạch Thế Tôn:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu ngựa báu như thế nào?

Thế Tôn nói:

–Khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời, ngựa báu bay từ phía Tây đến, lông màu xanh đậm, lông đuôi có ánh đỏ, đi không lắc lư, có thể bay trên hư không, không có gì trở ngại. Thấy vậy, lòng rất vui mừng: “Ngựa báu này thật là kỳ lạ. Nay phải sai khiến nó. Thể tánh khôn và lành, không có bạo chứng. Nay ta phải thí nghiệm ngựa báu này.” Rồi Chuyển luân thánh vương liền cỡi ngựa báu này đi khắp bốn châu thiên hạ, dạy dỗ nhân dân rồi trở về nơi chỗ ấy trị vì. Này các Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu ngựa báu như vậy.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Lại thành tựu ngọc báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời, lúc đó ngọc báu từ phương Đông bay đến, có tám góc, bốn mặt có ánh sáng, dài một thước sáu tấc. Chuyển luân thánh vương thấy vậy, liền tự nghĩ:

"Ngọc báu này rất kỳ lạ, ta phải thử nó." Rồi vào lúc nửa đêm, Chuyển luân thánh vương tập hợp bốn bộ binh, đem ma-ni báu này gắn vào đầu ngọn cờ cao. Lúc đó, ánh sáng chiếu mười hai do-tuần trong đất nước ấy. Bấy giờ, nhân dân trong thành thấy ánh sáng này, mọi người bảo nhau rằng: "Giờ mặt trời đã mọc, hãy lo liệu việc nhà." Chuyển luân thánh vương ngồi trên điện, nhìn khắp nhân dân rồi trở vào trong cung. Sau đó, Chuyển luân thánh vương đem ma-ni này cất vào trong cung; cả trong ngoài đều sáng khắp, không đâu là không sáng. Này Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu ngọc báu này như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu người nữ báu như thế nào?

Thế Tôn nói:

–Tỳ-kheo, nên biết, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời, tự nhiên hiện ngọc nữ xuất báu này, dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, không cao, không thấp, không trắng, không đen, tánh tình nhu hòa, không hung bạo, hơi miệng có mùi hương hoa sen, thân phát mùi hương chiên-đàn, thường theo hầu hạ Thánh vương, không quên thời khắc, thường tỏ ra hòa nhã vui cười nhìn vua. Này Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu ngọc nữ như vậy.

Tỳ-kheo lại bạch Phật rằng:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu cư sĩ báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Ở đây, này Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời liền có cư sĩ báu xuất hiện ở thế gian, không cao, không thấp, thân thể màu hồng, tài cao, trí tột, không việc gì không suốt, lại đạt Thiên nhãn thông. Bấy giờ, cư sĩ đi đến chỗ vua tâu với vua rằng: "Cúi mong Thánh vương sống lâu vô cùng! Nếu vua muốn cần vàng, bạc, châu báu gì, thần sẽ cung cấp hết thảy." Cư sĩ dùng Thiên nhãn quán sát nơi có kho báu và nơi không có kho báu, đều thấy tất cả. Vua có cần báu gì, tùy thời cung cấp. Khi ấy, Chuyển luân thánh vương muốn thử cư sĩ báu kia, liền dẫn cư sĩ này qua sông, chưa đến bờ bên kia, liền nói với cư sĩ rằng: "Nay ta cần vàng, bạc, châu báu. Hãy làm sao có ngay bây giờ." Trưởng giả đáp: "Đến trên bờ trước, thần sẽ cung cấp." Chuyển luân thánh vương nói: "Nay ta cần báu ở đây, chứ không cần khi đến trên bờ." Khi ấy, cư sĩ liền quỳ xuống, chắp tay hướng xuống nước, tức thì bảy báu trong nước liền vọt lên. Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương bảo trưởng giả: "Thôi! Thôi! Cư sĩ, không cần

báu nữa.”

Này các Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu cư sĩ báu như vậy.

Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Chuyển luân thánh vương thành tựu điển binh báu như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Ở đây, Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời liền có điển binh báu tự nhiên hiện đến, thông minh, cái thế, biết trước tình người, thân thể hồng hào, đi đến chỗ Chuyển luân thánh vương, tâu Thánh vương: “Cúi mong Thánh vương cứ tự nhiên hưởng lạc thú. Nếu Thánh vương muốn cần binh chúng, tiến thoái đúng lúc, thần sẽ cung cấp ngay.” Rồi điển binh báu theo ý vua, tập họp binh chúng ở cạnh vua. Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương muốn thử điển binh báu, liền tự nghĩ: “Hãy tập họp binh chúng của ta ngay bây giờ!” Lập tức binh chúng liền ở ngoài cửa vua. Nếu ý muốn Chuyển luân thánh vương khiến binh chúng đứng yên, liền đứng yên; muốn tiến thì liền tiến.

Này Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thành tựu điển binh báu như vậy.

Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân thánh vương thành tựu bảy báu này như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

–Thế nào là Chuyển luân thánh vương thành tựu bốn Thần túc, được nhiều thiện lợi?

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ở đây, Chuyển luân thánh vương tướng mạo đoan chánh, hiếm có trên đời, hơn hẳn người thường. Giống như Thiên tử kia, không ai sánh kịp. Đó gọi là Chuyển luân thánh vương thành tựu Thần túc thứ nhất này.

Lại nữa, Chuyển luân thánh vương thông minh, cái thế, không gì không điêu luyện; là bậc hùng mãnh trong người. Bấy giờ, không ai hơn trí tuệ phong phú của Chuyển luân thánh vương này. Đó gọi là (Chuyển luân thánh vương) thành tựu Thần túc thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương không hề có bệnh tật; thân thể khỏe mạnh, mọi thứ đồ ăn thức uống tự nhiên tiêu hóa, không lo các chứng đại tiểu tiện. Đó gọi là Chuyển luân thánh vương thành tựu Thần túc thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thọ mạng rất dài, tuổi

thọ không thể tính. Tuổi thọ con người lúc ấy không ai hơn tuổi thọ Chuyển luân thánh vương. Này Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân thánh vương thành tựu Thần túc thứ tư này.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là Chuyển luân thánh vương có bốn Thần túc.

Tỳ-kheo kia lại bạch Phật:

–Sau khi Chuyển luân thánh vương mạng chung, sẽ sinh nơi nào?

Thế Tôn nói:

–Chuyển luân thánh vương sau khi mạng chung, sẽ sinh lên trời Tam thập tam, thọ mạng ngàn tuổi. Vì sao? Vì tự thân Chuyển luân thánh vương không sát sinh, lại dạy người khác khiến không sát sinh; tự mình không trộm cướp, lại dạy người khiến không trộm cướp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khiến không dâm dật; tự mình không nói dối, lại dạy người khiến không nói dối; tự mình hành pháp thập thiện, lại dạy người khiến hành pháp thập thiện.

Các Tỳ-kheo nên biết, Chuyển luân thánh vương nhờ công đức này, sau khi mạng chung, sinh lên trời Tam thập tam.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ:

–Chuyển luân thánh vương thật đáng được hâm mộ. Muốn nói đó là con người, lại chẳng phải là người; nhưng kỳ thật chẳng phải là trời mà lại thi hành việc trời, hưởng thụ lạc thú vi diệu, không đọa ba đường dữ. Nếu hôm nay ta dũng mãnh giữ giới, chắc sẽ có phước để đời tương lai được làm Chuyển luân thánh vương, không thích hay sao?

Bấy giờ, Thế Tôn biết được những ý nghĩ trong tâm Tỳ-kheo kia, bảo Tỳ-kheo kia:

–Ở trước Như Lai, đừng có ý nghĩ như vậy. Vì sao? Chuyển luân thánh vương tuy thành tựu bảy báu, có bốn Thần túc không ai sánh kịp, nhưng vẫn không thoát khỏi ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì Chuyển luân thánh vương không đắc bốn Thiền, bốn Thần túc, không chứng đắc bốn Đế. Vì nhân duyên này, sau lại đọa vào ba đường dữ. Thân người rất khó được, gặp phải tám nạn, muốn thoát ra rất khó; sinh ở chính giữa nước cũng lại không dễ; muốn có bạn lương thiện cũng lại không phải dễ; muốn cùng Thiện tri thức gặp nhau cũng lại không dễ; muốn theo học đạo trong giáo pháp Như Lai cũng lại khó gặp; Như Lai xuất hiện thật không thể gặp; giáo pháp được giảng dạy cũng khó gặp như vậy; hiểu bốn đế và bốn phi thường, thật khó mà được nghe. Chuyển luân thánh vương cũng không được cứu cánh bốn pháp này.

Này Tỳ-kheo, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, khi ấy có bảy báu này xuất hiện ở thế gian; đó là báu bảy Giác ý của Như Lai, dẫn đến cứu cánh vô biên, chỗ trời người khen ngợi.

Này Tỳ-kheo, nay khéo tu phạm hạnh, ngay hiện thân này sẽ chấm dứt được biên tế khổ, thì cần gì đến bảy báu của Chuyển luân thánh vương?

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Như Lai như vậy, ở tại nơi vắng vẻ tư duy đạo pháp, vì mục đích mà thiện gia nam tử sở dĩ cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu chánh nghiệp vô thượng, để như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau." Bấy giờ, Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9[32]

Nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Đồng chân Ca-diếp[33] ở trong vườn Trú ám[34], nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào nửa đêm, Ca-diếp kinh hành. Khi ấy có vị trời đến chỗ Ca-diếp, ở giữa hư không nói với Ca-diếp:

–Tỳ-kheo nên biết, ngôi nhà[35] này ban đêm bốc khói, ban ngày bị lửa cháy[36]. Có người Bà-la-môn nói với một người có trí: "Giờ ông hãy cầm đao đục núi[37]. Khi đang đục núi tất sẽ thấy một đồ gánh[38] thì hãy nhổ nó lên. Rồi ông đục lại núi; khi đang đục núi tất sẽ thấy núi. Giờ hãy bỏ núi. Ông lại đục núi; khi đang đục núi tất thấy con ễnh ương. Bấy giờ ông hãy bỏ[39] con ễnh ương. Ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ thấy đống thịt. Thấy đống thịt, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đang đục núi sẽ gặp cái gông. Thấy cái gông, hãy bỏ nó. Bây giờ, ông lại đục

---

32. Tham chiếu Pāli, M. 23 Vammika (R. i. 142).

33. Đồng chân Ca-diếp 童真迦葉. Pāli: Kumārakassapa.

34. Trú ám viên. Pāli: Andhavana, khu rừng ở phía Nam Xá-vệ.

35. Pāli: Vammika, gò mối.

36. Pāli: Divā pajjalati, ban ngày rực sáng.

37. Hán: Tạc sơn 鑿山. Bản Pāli: Cầm gươm mà đào gò mối lên.

38. Hán: Phụ vật 負物. Pāli: Thấy cái then cửa (laṅgī).

39. Pāli: Ukkhipa. Hãy lấy lên. Hán hiểu là nikkhipa, hãy để xuống.

núi; khi đục núi sẽ thấy hai con đường[40]. Đã thấy hai đường, hãy bỏ nó. Bây giờ, ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy cành cây. Thấy cành cây, hãy bỏ nó. Bây giờ ông lại đục núi; khi đục núi sẽ thấy con rồng[41]. Thấy con rồng rồi, chớ nói gì với nó, hãy lo tự quy mạng[42] và để yên nó đó[43].

Này Tỳ-kheo, hãy suy nghĩ kỹ nghĩa này. Nếu không hiểu thì lập tức đến thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn hỏi điều này. Nếu Như Lai có dạy điều gì thì khéo nhớ nghĩ mà thực hành. Vì sao? Vì hiện tại tôi cũng không thấy có người, Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma nào có thể hiểu nghĩa này, trừ Như Lai và đệ tử Như Lai, hoặc nghe từ tôi[44].

Bấy giờ, Ca-diếp bảo vị thiên:

–Việc này thật hay!

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Ca-diếp đến chỗ Thế Tôn; đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ, Ca-diếp hỏi Thế Tôn:

–Nay con muốn hỏi nghĩa Như Lai. Những điều vị trời nói, ý nghĩa nhắm đến cái gì? Vì sao nói nhà này ban đêm bốc khói, ban ngày lửa cháy? Tại sao nói là Bà-la-môn? Tại sao nói là người trí? Lại nói đục núi, ý nghĩa này nhắm đến cái gì? Nói về con dao, con cũng không hiểu. Tại sao nói là đồ gánh? Lại nói về núi, nghĩa này thế nào? Tại sao lại nói con ễnh ương? Tại sao lại nói đống thịt? Tại sao lại nói cái gông? Tại sao nói hai con đường? Cành cây, nghĩa nó thế nào? Tại sao nói là con rồng?

Thế Tôn bảo:

–Nhà tức là hình thể do sắc bốn đại tạo thành, nhận huyết mạch cha mẹ dần dần lớn lên, thường được nuôi dưỡng bằng thức ăn không để thiếu thốn, là pháp phân tán. Ban đêm có khói là chỉ cho tâm niệm của các loài chúng sinh. Ban ngày lửa cháy là chỉ cho hành động do thân,

---

40. Hán: Nhị đạo. Pāli: Dvidhāpatha, đường đi có hai lối.

41. Pāli: Nāga. Có thể hiểu là rắn (thần), cũng có thể là rồng.

42. Pāli: Namo karohi nāgassa, hãy đảnh lễ (xưng nam-mô) con rắn.

43. Thứ tự các vật đào được trong Hán dịch khác với bản Pāli. Có ba vật không đồng nhất được giữa Hán và Pāli. Hán: Núi (sơn 山), cái gông (già 枷), cành cây (thọ chi 樹?枝). Pāli: Caṅgavāra (cái bát), kumma (con rùa), asisūna (dao mổ bò).

44. Hán: Nhược tùng ngã văn. Hán có thể dịch sai, so sánh Pāli (định cú): Ito vā pana sutvā, hoặc nghe từ đó; tức những ai nghe từ Phật hay đệ tử của Phật. Nhưng tiếng Phạm ít khi dùng từ nhân xưng, nên Hán dịch tự tiện thêm từ "tôi" vào. Tham chiếu, Trung 25 (tr. 584c29): 唯有如來・如來弟子或從此聞.

miệng, ý đã tạo. Bà-la-môn là A-la-hán. Người trí là người học[45]. Đục núi là chỉ tâm tinh tấn. Con dao chính là chỉ trí tuệ. Đồ gánh là năm kết sử[46]. Núi là kiêu mạn[47]. Con ếch là chỉ tâm sân hận. Đống thịt là chỉ tham dục. Cái gông chỉ năm dục.[48] Hai đường là chỉ nghi ngờ. Cành cây là vô minh[49]. Rồng là chỉ Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác[50]. Những lời vị Thiên kia nói, nghĩa nó như vậy. Nay ông hãy suy nghĩ cho kỹ, không lâu sẽ dứt sạch hữu lậu.

Sau khi vâng lời Như Lai dạy, Ca-diếp ở nơi vắng vẻ mà tự tu hành, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, tu phạm hạnh, biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau." Bấy giờ, Ca-diếp thành A-la-hán.

Ca-diếp sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10[51]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trụ tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm Tỳ-kheo vị. Mãn Nguyện Tử[52] cũng dẫn theo năm trăm Tỳ-kheo an cư ở sinh quán[53].

Bấy giờ, sau khi kiết hạ chín mươi ngày ở thành La-duyệt, Thế Tôn đi du hóa trong nhân gian dần dần đến vườn cây Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đã đi vào trong nhân gian, cũng đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên.

Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông hạ an cư ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng con hạ an cư tại quê nhà.

---

45. Học nhân 學人, chỉ Thánh giả hữu học.

46. Pāli: Bát đựng (caṅgavāra, Hán?) chỉ năm triền cái (paṭca nīvaraṇānaṃ).

47. Pāli: Không có.

48. Pāli: Con dao mổ (asisūna) chỉ năm dục (paṭca kāmaguṇānaṃ).

49. Pāli: Then cửa (laṅgī) chỉ vô minh (āvijjā).

50. Pāli: Chỉ Tỳ-kheo lậu tận (khīṇāsavassetaṃ bhikkhuno).

51. Pāli, M. 24 Rathavinīta (R. i. 146). Hán, Trung, kinh 9.

52. Mãn Nguyện Tử. Pāli: Puṇṇa Mantāṇiputta.

53. Puṇṇa Mantāṇiputta quê ở Donavatthu, gần Kapailavatthu.

Thế Tôn bảo:

–Trong số Tỳ-kheo các ông an cư tại sinh quán, ai là người sống với hạnh a-luyện-nhã, lại hay khen ngợi a-luyện-nhã, tự hành khất thực, lại khuyến khích người khiến hành khất thực không mất thời nghi, tự đắp y vá nhiều mảnh, lại khuyến khích người khiến đắp y vá nhiều mảnh, tự tu tri túc, lại cũng ca ngợi hạnh tri túc, tự mình sống ít ham muốn, cũng lại ca ngợi hạnh ít ham muốn, tự thích nơi nhàn tĩnh, lại khuyến khích người khác ở nơi nhàn tĩnh; tự giữ hạnh ấy, lại khuyến khích người khác khiến giữ hạnh ấy, tự thân giới thanh tịnh đầy đủ, lại khuyến khích người khác khiến tu giới ấy, tự thân thành tựu Tam-muội, lại khuyến khích người khác khiến hành Tam-muội, tự thân thành tựu trí tuệ, lại dạy người khác khiến hành trí tuệ, tự thân thành tự giải thoát, lại khuyến khích người khác khiến hành giải thoát, tự thân thành tựu giải thoát tri kiến[54], lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự thân có thể giáo hóa không biết chán đủ, nói pháp không lười mỏi?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo Mãn Nguyện Tử ở trong chúng Tỳ-kheo này kham nhận giáo hóa. Tự thân tu hạnh a-luyện-nhã, cũng lại khen ngợi hạnh a-luyện-nhã, tự thân mặc y vá, ít ham muốn, biết đủ, tinh tấn, dũng mãnh, khất thực, thích ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*, lại khuyến khích người khác khiến hành pháp này, tự mình có thể giáo hóa, nói pháp không biết chán đủ.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Sau khi nghe pháp xong, các Tỳ-kheo ngồi lại một lát, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng và ra đi.

Trong lúc ấy, cách Thế Tôn không xa, Xá-lợi-phất ngồi kiết già, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, Xá-lợi-phất suy nghĩ như vầy: "Hôm nay Mãn Nguyện Tử được nhiều thiện lợi. Vì sao? Các Tỳ-kheo phạm hạnh khen ngợi đức kia và Thế Tôn lại xác nhận lời này, cũng không phản đối. Ngày nào ta sẽ cùng vị ấy được gặp nhau và đàm luận với vị ấy?

Bấy giờ, tại quê hương mình, Mãn Nguyện Tử giáo hóa đã xong, sau đó đi giáo hóa trong nhân gian, lần hồi đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Thế Tôn thứ tự nói pháp cho nghe. Mãn Nguyện Tử sau khi nghe pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân rồi ra đi, lấy Ni-sư-đàn vắt trên vai phải, đi đến trong vườn Trú ám.

---

[54] *Để bản: Giải thoát kiến tuệ.*

Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Mãn Nguyện Tử lấy Ni-sư-đàn vắt trên vai phải, đi đến trong vườn kia. Thấy vậy, liền đến chỗ Xá-lợi-phất, bạch Xá-lợi-phất:[55]

–Thế Tôn thường khen ngợi Mãn Nguyện Tử, vừa đến chỗ Như Lai nghe Phật nói pháp, nay đến trong vườn. Tôn giả nên biết thời thích hợp.

Sau khi nghe Tỳ-kheo ấy nói, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy Ni-sư-đàn vắt lên vai phải đi đến trong vườn kia.

Bấy giờ, Mãn Nguyện Tử ngồi kiết già dưới một bóng cây. Xá-lợi-phất cũng lại ngồi kiết già tư duy ở dưới một bóng cây. Sau đó, Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Mãn Nguyện Tử. Đến nơi, cùng hỏi thăm nhau, rồi ngồi qua một bên. Xá-lợi-phất hỏi Mãn Nguyện Tử:

–Thế nào, Mãn Nguyện Tử, có phải do[56] Thế Tôn mà ngài làm đệ tử tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Lại có phải nhân bởi[57] Thế Tôn mà được tu giới thanh tịnh[58] không?

Mãn Nguyện Tử nói:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Có phải do tâm thanh tịnh[59] nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Có phải vì kiến thanh tịnh nên nương nơi Như Lai mà tu phạm hạnh

---

[55] Đoạn này có thể do Hán dịch tự thêm thắt, vì mâu thuẫn với đoạn cuối, theo đó, Xá-lợi-phất cho tới khi kết thúc đoạn luận mới nhận ra người đối thoại là Mãn Nguyện Tử. Sự kiện này phù hợp với tường thuật của Pāli, và Trung A-hàm.

[56] Biến cách 7 của Phạm ngữ đây dịch thành sở do, thay vì sở y. Nên hiểu: (chúng ta) ở nơi Thế Tôn, hay nương nơi Thế Tôn (sở y), mà tu phạm hạnh. Như vậy để có mạch lạc với những hỏi và câu trả lời đoạn sau.

[57] Biến cách 7, Hán dịch thành sở do, nên câu hỏi trở thành vô lý. Nên hiểu: "có phải (chúng ta) nương nơi Thế Tôn (sở y, biến cách số 7) mà tu phạm hạnh…?"

[58] Pāli: Sīlavisuddhatthaṃ, (có phải) vì mục đích giới thanh tịnh?

[59] Pāli: Cittavisuddhatthaṃ, vì mục đích tâm thanh tịnh.

không?

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Thế nào, có phải vì không do dự[60] mà được tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Có phải do hành tích thanh tịnh[61] mà được tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Thế nào, có phải vì trí thanh tịnh ở trong đạo[62] mà được tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Thế nào, có phải vì tri kiến thanh tịnh mà được tu phạm hạnh không?

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Không phải.

Xá-lợi-phất nói:

–Những câu hỏi vừa rồi của tôi: "Có phải ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh không?" Tôn giả lại đáp tôi rằng: "Đúng vậy." Tôi lại hỏi: "Có phải do trí tuệ, tâm thanh tịnh, đạo tri kiến thanh tịnh, được tu phạm hạnh không?" Tôn giả lại nói: "Không phải." Vậy vì sao Tôn giả ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh?

Mãn Nguyện Tử đáp:

---

60. Pāli: Kaṅkhāvitaraṇavisuddhatthaṃ, độ nghi tịnh, vì mục đích sự thanh tịnh do vượt qua hoài nghi.

61. Pāli: Paṭipadāñāṇadassanavisuddhatthaṃ, đạo tích kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh của tri kiến về phương pháp hành trì. Thứ tự trong bản Pāli, mục đích này ở sau đạo phi đạo kiến tịnh.

62. Pāli: Maggāmaggañāṇadassanavisuddhatthaṃ, đạo phi đạo kiến tịnh, vì mục đích thanh tịnh về sự thấy rõ đâu là Thánh đạo và đâu là không phải. Xem cht. trên.

–Nghĩa[63] giới thanh tịnh là để khiến tâm thanh tịnh. Nghĩa* tâm thanh tịnh là để khiến kiến thanh tịnh. Nghĩa* kiến thanh tịnh là để khiến không do dự thanh tịnh. Nghĩa* không do dự thanh tịnh là để khiến hành tích thanh tịnh. Nghĩa* hành tích thanh tịnh là để khiến đạo thanh tịnh. Nghĩa* đạo thanh tịnh là để khiến tri kiến thanh tịnh. Nghĩa* tri kiến thanh tịnh là để khiến nhập nghĩa Niết-bàn[64]. Đó gọi là ở nơi Như Lai mà được tu phạm hạnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Nghĩa Tôn giả nói hôm nay nhắm về đâu?

Mãn Nguyện Tử nói:

–Nay tôi sẽ đưa ra ví dụ để giải thích nghĩa này. Người trí nhờ ví dụ mà hiểu nghĩa đó, người trí tự ngộ. Giống như hôm nay vua Ba-tư-nặc đi từ thành Xá-vệ đến nước Bà-kỳ, khoảng giữa hai nước bố trí bảy chiếc xe. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra khỏi thành, lên chiếc xe thứ nhất, đến chiếc thứ hai; lên chiếc thứ hai, bỏ chiếc thứ nhất lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ ba và bỏ chiếc thứ hai lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ tư và bỏ chiếc thứ ba lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ năm và bỏ chiếc thứ tư lại, đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ sáu và bỏ chiếc thứ năm lại; đi về trước một lát, lại lên chiếc thứ bảy và bỏ chiếc thứ sáu lại để vào nước Bà-kỳ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đã đến trong cung, nếu có người hỏi: "Hôm nay Đại vương đi cỗ xe nào đến cung này?" thì vua ấy sẽ đáp thế nào?

Xá-lợi-phất đáp:

–Nếu có người hỏi thì sẽ đáp như vầy: "Tôi ra khỏi thành nước Xá-vệ, trước lên xe thứ nhất đến xe thứ hai; lại bỏ xe thứ hai, lên xe thứ ba; lại bỏ xe thứ ba, lên xe thứ tư; lại bỏ xe thứ tư, lên xe thứ năm; lại bỏ xe thứ năm, lên xe thứ sáu; lại bỏ xe thứ sáu, lên xe thứ bảy đến nước Bà-kỳ. Vì sao? Vì tất cả nhờ xe trước đến xe thứ hai, lần lượt làm nhân cho nhau đến được nước kia." Nếu có người hỏi thì nên trả lời như vậy.

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Nghĩa* giới thanh tịnh cũng lại như vậy. Do tâm thanh tịnh mà được kiến thanh tịnh; do kiến thanh tịnh mà được đến trừ do dự; do nghĩa không do dự mà được đến hành tích thanh tịnh; do nghĩa hành tích thanh tịnh mà đến được đạo thanh tịnh; do nghĩa đạo thanh tịnh mà đến được tri kiến

---

[63] Hán: Nghĩa, nên hiểu là "mục đích." Pāli: atthaṃ.

[64] Pāli: Ñāṇadassanavisuddhi yāvadeva anupādāparinibbānatthā, tri kiến thanh tịnh là vì mục đích Vô dư Niết-bàn (không còn chấp thủ).

thanh tịnh; do nghĩa tri kiến thanh tịnh mà đến được nghĩa Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Vì sao? Vì nghĩa giới thanh tịnh là tướng chấp thủ[65], nhưng Như Lai dạy khiến trừ chấp thủ*. Nghĩa tâm thanh tịnh cũng là tướng chấp thủ, nhưng Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến nghĩa tri kiến cũng là chấp thủ. Như Lai dạy trừ chấp thủ cho đến Niết-bàn, do đó mà ở nơi Như Lai được tu phạm hạnh. Nếu chỉ vì giới thanh tịnh mà nương nơi Như Lai tu phạm hạnh, thì ngay kẻ phàm phu cũng sẽ diệt độ.[66] Vì sao? Vì kẻ phàm phu cũng có giới pháp này.[67] Thế Tôn đã dạy, theo thứ lớp thành đạo mà đến được Niết-bàn giới, chẳng phải chỉ có giới thanh tịnh mà đến được diệt độ. Giống như có người muốn lên trên lầu bảy tầng, phải theo thứ bậc mà đi lên. Nghĩa giới thanh tịnh cũng lại như vậy; dần dần mới đến tâm. Do tâm mà đạt đến kiến. Do kiến mà đạt đến không do dự. Do không do dự mà đạt đến hành tích thanh tịnh. Do hành tích thanh tịnh mà đến được đạo. Do đạo thanh tịnh mà đạt đến tri kiến. Do tri kiến mà đạt đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất liền khen:

–Lành thay, lành thay, nghĩa này được nói thật khéo léo. Tôn giả tên là gì?[68] Các Tỳ-kheo phạm hạnh gọi Tôn giả hiệu gì?

Mãn Nguyện Tử nói:

–Tôi tên là Mãn Nguyện Tử. Họ mẹ là Di-đa-na-ni.[69]

Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay, Mãn Nguyện Tử! Trong pháp Hiền thánh thật không ai sánh bằng Tôn giả; trong lòng chứa đựng cam lồ, lại ban phát vô cùng. Nay tôi đã hỏi nghĩa rất sâu, Tôn giả đều đã giải đáp tất cả. Cho dù các vị phạm hạnh đội ngài trên đầu mà đi khắp thế gian, cũng không thể báo đáp được ơn này. Những ai đến thân cận, hỏi han, người ấy sẽ được nhiều thiện lợi. Nay tôi cũng được lợi nhiều nhờ sự chỉ giáo đó.

---

65. Nguyên Hán: Thọ nhập chi mạo 受入之貌.

66. Đoạn dịch Hán này tối nghĩa. So sánh Pāli: Xá-lợi-phất hỏi, "Phải chăng giới thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?" cho đến "tri kiến thanh tịnh là Niết-bàn không còn chấp thủ?" Mãn Nguyện Tử đều trả lời không phải. Nhưng ngoài các pháp được hỏi đó cũng không có pháp nào để đến Niết-bàn. Nếu không, phàm phu cũng đạt đến Niết-bàn, vì phàm phu không có những pháp đó.

67. Câu này Hán dịch rõ ràng sai. Vì các pháp mà Xá-lợi-phất vừa hỏi nhất định không thể có nơi phàm phu. Xem cht. trên.

68. Câu hỏi này mâu thuẫn với đoạn tường thuật trên. Xem cht. trên.

69. Di-đa-na-ni 彌多那尼. Skt. Maitrāyaṇi, nhưng Pāli: Mantāni.

Mãn Nguyện Tử đáp:

–Lành thay, lành thay! Như những lời Tôn giả nói! Tôn giả tên là gì? Các Tỳ-kheo gọi Tôn giả là gì?

Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi tên Ưu-ba-đề-xá. Mẹ tên Xá-lợi. Các Tỳ-kheo gọi tôi là Xá-lợi-phất.

Mãn Nguyện Tử nói:

–Hôm nay tôi cùng đã bàn luận với bậc Đại nhân. Vậy mà trước đó tôi không biết vị đại tướng[70] của pháp đến nơi này! Nếu tôi biết Tôn giả Xá-lợi-phất đến đây thì không dám cùng biện luận đối đáp như vậy. Nhưng Tôn giả hỏi nghĩa rất sâu này, nên tiếp theo đó tôi đã giải đáp.

–Lành thay, Xá-lợi-phất! Vị Thượng thủ trong các đệ tử của Phật, thường an trú với pháp vị cam lồ. Dù cho các vị phạm hạnh đội Tôn giả Xá-lợi-phất trên đầu mà đi khắp thế gian, từ năm này qua năm khác, cũng không thể báo đáp được ơn ấy chút nào. Ở đây, có chúng sinh nào đến hỏi thăm, thân cận Tôn giả, người ấy sẽ có được nhiều lợi. Chúng tôi cũng được lợi nhiều.

Bấy giờ, hai Hiền giả đàm luận với nhau trong khu vườn ấy như vậy.

Sau khi hai người nghe điều đã được nói, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt

Đẳng pháp và Trú đạc
Dụ nước và thành quách
Thức, Quân-đầu, hai luân
Bà-mật và bảy xe.

❑

[70] *Nguyên Hán: Đại chủ 大主. Xá-lợi-phất được xưng tụng là vị đại tướng quân của Chánh pháp.*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 34

Phẩm 40: BẢY NGÀY (1)

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, sau giờ ăn, các Tỳ-kheo tập trung ở giảng đường Phổ hội bàn luận như vầy:

–Núi Tu-di này rất là rộng lớn, các núi khác không thể sánh, hết sức kỳ lạ, cao rộng hùng vĩ. Như vậy mà không bao lâu nữa sẽ bị tan rã, không còn sót thứ gì. Các núi lớn khác y tựa vào núi Tu-di, cũng sẽ tan rã.

Bấy giờ, Thế Tôn bằng Thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận như vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ giảng đường kia và ngồi xuống. Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông ở đây đang bàn luận những gì? Đang định làm gì?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng con tụ tập ở đây luận về pháp sự kia. Những điều vừa được thảo luận đều đúng như pháp.

Thế Tôn bảo:

–Lành thay, Tỳ-kheo! Các ông xuất gia cần phải phải thảo luận chánh pháp. Nhưng cũng không bỏ sự im lặng của Hiền thánh. Vì sao? Khi các Tỳ-kheo tụ tập một chỗ thì nên làm hai việc. Những gì là hai?

1. Luận bàn như pháp.

2. Im lặng như Thánh hiền.

Các ông làm hai việc này, luôn luôn được an ổn, không mất thời nghi. Vừa rồi, các ông đã luận nghĩa như pháp những gì vậy?

Các Tỳ-kheo đáp:

---

[1]. *Pāli, A. VII. 62 Suriya (R. iv.99), D. 27 Aggañña.*

–Hôm nay, các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường này để luận nghĩa như vầy: "Thật là kỳ lạ, núi Tu-di này hết sức cao rộng, nhưng núi Tu-di này như vậy không bao lâu sẽ bị tan rã. Các núi Thiết vi ở bốn phía cũng sẽ bị tan rã như vậy." Vừa rồi chúng con tụ tập ở đây bàn luận như pháp vậy.

Thế Tôn bảo:

–Các ông có muốn nghe sự biến chuyển đưa đến bại hoại của cảnh giới thế gian này không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Nay là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn hợp thời giảng nói, để cho chúng sinh được tâm giải thoát.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ngươi hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ luôn trong lòng.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Núi Tu-di thật rộng lớn, không núi nào có thể sánh bằng. Tỳ-kheo, nên biết, núi Tu-di nhô khỏi mặt nước cao tám vạn bốn ngàn do-tuần và chìm dưới nước sâu cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Núi Tu-di được tạo nên do bốn loại báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Lại có bốn góc cũng được tạo thành do bốn loại báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thành vàng, quách bạc; thành bạc, quách vàng; thành thủy tinh, quách lưu ly; thành lưu ly, quách thủy tinh. Trên núi Tu-di có năm loại trời cư trú ở đó, đều do túc duyên mà sống nơi này. Những gì là năm? Trong thành bạc kia có trời Tế cước[2] cư trú; trong thành vàng kia có trời Thi-lợi-sa[3] cư trú; trong thành thủy tinh kia có trời Hoan duyệt[4] cư trú; trong thành lưu ly kia có trời Lực thạnh[5] cư trú. Giữa thành vàng và bạc có Tỳ-Sa-môn Thiên vương cư trú cùng với số lượng Dạ-xoa không thể đếm xuể. Giữa thành vàng và thủy tinh có Tỳ-lưu-bác-xoa Thiên vương cư trú cùng với các Long thần. Giữa thành thủy tinh và lưu ly có Tỳ-lưu-lặc-xoa Thiên vương cư trú. Giữa thành

---

2. *Tế cước 細脚. Có lẽ Câu-xá 11 (tr. 59c2) gọi là Kiên thủ 堅手 (Skt. Karoṭapāṇi).*
3. *Thi-lợi-sa 尸利沙.*
4. *Hoan duyệt 歡悅. Có lẽ Câu-xá 11 nói là Hằng kiêu 恒憍 (Skt. Sadāmatta, nhưng đây đọc là Sadāmanas).*
5. *Lực thạnh 力盛. Có lẽ Câu-xá 11 là Trì man (Skt. Māladhara, nhưng đây đọc là Baladhara).*

lưu ly và vàng có Đề-đầu-lại-tra Thiên vương cư trú.

Tỳ-kheo nên biết, dưới núi Tu-di có A-tu-luân cư trú. Khi A-tu-luân muốn đánh nhau với trời Tam thập tam thì trước cùng đánh nhau với trời Tế cước. Nếu thắng, tiến đến thành vàng cùng đánh nhau với trời Thi-lợi-sa. Khi đã thắng trời Thi-lợi-sa, lại đến thành thủy tinh cùng đánh nhau với trời Hoan duyệt. Thắng rồi, chúng tiến đến thành lưu ly. Thắng đây rồi, chúng đánh nhau với trời Tam thập tam.[6]

Tỳ-kheo nên biết, trời Tam thập tam cư trú trên đỉnh núi Tu-di, ngày đêm phát ra ánh sáng; tự chiếu sáng cho nên như vậy. Nương vào núi Tu-di mà mặt trời, mặt trăng trôi đi. Nhật Thiên tử có thành quách dài rộng năm mươi mốt do-tuần. Nguyệt Thiên tử có thành quách dài rộng ba mươi chín do-tuần. Ngôi sao lớn nhất dài rộng một do-tuần, sao nhỏ nhất dài rộng hai trăm bộ. Đỉnh núi Tu-di từ Đông sang Tây, từ Nam đến Bắc, dài rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Gần núi Tu-di, phía Nam có núi Đại thiết vi[7] dài rộng dài tám vạn bốn ngàn dặm, cao tám vạn dặm. Thêm nữa, ngoài núi này có núi Ni-di-đà[8] bọc quanh núi ấy, cách núi Ni-di-đà lại có núi tên là Khư-la[9], cách núi này lại còn có núi tên Tỷ-sa[10], cách núi này lại còn có núi tên Mã đầu[11], lại có núi tên Tỳ-na-da, kế núi Tỳ-na-da[12] lại có núi tên Thiết vi, Đại thiết vi.

Chính giữa núi Thiết vi có tám địa ngục lớn, mỗi[13] địa ngục có mười sáu ngục phụ[14]. Núi Thiết vi này giúp ích rất nhiều cho Diêm-phù-đề-lý-địa. Nếu không có núi Thiết vi này, Diêm-phù-đề-lý-địa thường là nơi hôi thối. Bên ngoài núi Thiết vi có núi Hương tích[15]; cạnh đó có tám vạn bốn ngàn voi chúa trắng sinh sống nơi này. Mỗi con có sáu ngà được trang sức bằng vàng, bạc. Trong núi ấy có tám vạn bốn ngàn hang, các voi ấy cư trú

---

6. *Pāli, Jā. i. 204: Đế Thích đặt năm vòng đai bảo vệ cung thành Tam thập tam, từ dưới chân Tu-di đi lên: Nāga (Rồng), Garuḍa (Kim sí điểu), Kumbhaṇḍa (Cưu-bàn-trà), Yakkha (Dạ-xoa), và Tứ Thiên vương.*
7. *Thiết vi 大鐵圍. Skt. (Mahā)Xakrravāḍa. Pāli: Cakkavāḷa. Các núi bao quanh Tu-di, xem Trường, kinh 29 Thế Ký, phẩm Diêm-phù-đề. Câu-xá 11, phẩm 3 Thế Gian. Thứ tự được kể trong bản Hán dịch này không phù hợp với các tài liệu dẫn trên.*
8. *Ni-di-đà 尼彌陀, Skt. Nimimdhara. Pāli: Nemindhara.*
9. *Khư-la 佉羅. Skt. Khadiraka. Pāli: Karavīka.*
10. *Tỳ-sa 俾沙. Skt. Īṛādhara. Pāli: Īsadhara.*
11. *Mã đầu 馬頭. Skt. Aśvakarṇa; Pāli: Assakaṇṇa.*
12. *Tỳ-na-da 毘那耶. Skt., Pāli: Vinataka.*
13. *Để bản: Nhị; có lẽ nhất nhất bị chép nhầm.*
14. *Hán: Cách tử 隔子.*
15. *Hương tích 香積. Câu-xá 11 (tr. 58a20): Hương túy 香醉. Skt. Gandhamadāna.*

ở đó. Con voi tối thượng được tạo bởi vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thích Đề-hoàn Nhân thường tự thân cỡi nó. Chuyển luân thánh vương cỡi voi nhỏ nhất. Cạnh núi Hương tích có ao nước Ma-đà, sinh toàn hoa sen Ưu-bát, hoa Câu-mâu-đầu; những con voi kia nhổ rễ ăn. Cạnh ao nước Ma-đà có núi tên Ưu-xà-già-la. Núi này sinh ra đủ loại cây cỏ, chim, thú, sâu bọ, hổ báo đều nương vào núi này mà ở, có nhiều người đắc thần thông cũng đều sống ở đây. Kế đó lại có núi tên Bàn-trà-bà, tiếp lại có núi tên Kỳ-xà-quật. Đây là chỗ y cứ của mà Diêm-phù-lý-địa.

Các Tỳ-kheo nên biết, cho đến một lúc, khi thế gian này sắp băng hoại, trời không mưa, những lúa mạ đã gieo không tăng trưởng, các con sông suối nhỏ đều bị khô cạn, tất cả các hành đều quy về vô thường, không tồn tại lâu. Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc bốn sông lớn như Hằng hà, Tư-đầu, Tử-đà, Bà-xoa cũng lại khô cạn không còn gì sót lại. Cũng vậy Tỳ-kheo, vô thường trăm lần biến đổi chính là vậy.

Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi thế gian này có hai mặt trời xuất hiện, lúc ấy các loại cây cối thảo mộc đều điêu tàn. Cũng vậy Tỳ-kheo, vô thường biến dịch, không được tồn tại lâu dài. Lúc ấy, nước các nguồn suối nhỏ đều khô cạn. Tỳ-kheo nên biết, khi hai mặt trời xuất hiện, nước trong bốn biển lớn tất cả đều khô cạn đến cả trăm do-tuần, dần dần đến bảy trăm do-tuần, nước tự nhiên khô.

Tỳ-kheo nên biết, khi ba mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước bốn biển lớn trong vòng ngàn do-tuần, tự nhiên khô cạn, dần dần cho đến bảy ngàn do-tuần, nước tự nhiên khô cạn.

Tỳ-kheo nên biết, khi bốn mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn chỉ còn sâu khoảng một ngàn do-tuần. Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường không tồn tại lâu dài được.

Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi thế gian có năm mặt trời xuất hiện, lúc ấy nước trong bốn biển lớn chỉ còn bảy trăm do-tuần nước, dần dần còn lại một trăm do-tuần. Tỳ-kheo nên biết, khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển chỉ còn một do-tuần; dần dần nước khô không còn gì hết. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước chỉ còn bảy thước. Khi năm mặt trời xuất hiện, nước biển khô hết không còn gì. Tỳ-kheo nên biết, tất cả các hành đều vô thường, không tồn tại lâu dài được.

Tỳ-kheo, cho đến một lúc, khi sáu mặt trời xuất hiện, mặt đất dày sáu vạn tám ngàn do-tuần này đều bốc khói hết. Núi Tu-di cũng dần dần bị sụp lở. Khi sáu mặt trời xuất hiện, tam thiên đại thiên quốc độ này đều băng hoại. Giống như người thợ gốm nung đồ gốm. Lúc ấy, tam thiên đại thiên

quốc độ cũng lại như vậy, lửa cháy bừng bừng, lan khắp nơi.

Tỳ-kheo nên biết, khi sáu mặt trời xuất hiện, tám địa ngục lớn cũng bị tiêu diệt, nhân dân qua đời. Năm loại trời nương vào núi Tu-di cũng mạng chung. Trời Tam thập tam, trời Diệm thiên, cho đến trời Tha hóa tự tại cũng mạng chung; cung điện đều trống. Khi sáu mặt trời xuất hiện, núi Tu-di và tam thiên đại thiên quốc độ đều trống không, không còn gì. Như vậy, Tỳ-kheo, các hành đều vô thường, không tồn tại lâu dài được.

Tỳ-kheo nên biết, cho đến một lúc, khi bảy mặt trời xuất hiện, bấy giờ đất tuy dày sáu vạn tám ngàn do-tuần và tam thiên đại thiên quốc độ đều bốc lửa. Khi bảy mặt trời xuất hiện, núi Tu-di này dần dần tan hoại, trăm ngàn do-tuần tự nhiên sụp lở hoàn toàn không còn gì, cũng không còn thấy mảy may khói bụi, huống gì là thấy tro!

Khi ấy, cung điện trời Tam thập tam cho đến trời Tha hóa tự tại đều bốc lửa. Lửa bốc cháy nơi này cho đến trên Phạm thiên. Các Thiên tử mới sinh ở Thiên cung kia, vì xưa nay không thấy kiếp thiêu, nên khi thấy ánh lửa bốc cháy này trong lòng kinh hãi, lo bị lửa đốt. Song những vị Thiên tử sống lâu, đã từng thấy kiếp thiêu liền đến an ủi những Thiên tử mới sinh: "Các ông chớ có lo sợ. Lửa này hoàn toàn không thể lan đến nơi này."

Tỳ-kheo nên biết, khi bảy mặt trời xuất hiện, từ nơi này đến sáu trời Dục giới, cho đến tam thiên đại thiên quốc độ, đều thành tro bụi, cũng không còn dấu vết hình chất. Như vậy, Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, không thể bảo tồn lâu, đều đưa đến hoại diệt. Bấy giờ, nhân dân qua đời, sinh về quốc độ khác, hoặc sinh lên trời. Chúng sinh nào trong địa ngục, nếu tội trước đã hết thì sinh lên trời, hoặc quốc độ khác. Nếu chúng sinh địa ngục kia chưa hết tội thì lại dời đến quốc độ khác.

Tỳ-kheo nên biết, khi bảy mặt trời xuất hiện, không còn dấu vết ánh sáng mặt trời, mặt trăng và tinh tú. Khi ấy mặt trời, mặt trăng đã diệt, không còn ngày và đêm. Này Tỳ-kheo, đó gọi là vì quả báo nên đưa đến tan rã này.

Tỳ-kheo nên biết, khi thành tựu kiếp trở lại, cho đến một lúc lửa tự nó tắt mất, trong hư không nổi lên mây lớn, dần dần mưa xuống. Khi ấy, tam thiên đại thiên quốc độ này đều ngập nước. Nước dâng lên cõi Phạm thiên.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ nước này dần dần ngưng lại và tự tiêu hết. Lại có cơn gió khởi lên tên là Tùy lam, thổi nước này tụ lại một chỗ. Lúc bấy giờ, gió này lại thổi dậy một ngàn núi Tu-di, một ngàn núi Chỉ-

di-đà[16], một ngàn núi Ni-di-đà, một ngàn núi Khư-la, một ngàn núi Y-sa, một ngàn núi Tỳ-na, một ngàn núi Thiết vi, một ngàn núi Đại thiết vi. Lại sinh tám ngàn địa ngục, lại sinh một ngàn núi Mã đầu, một ngàn núi Hương tích, một ngàn núi Bàn-trà-bà, một ngàn núi Ưu-xà-già, một ngàn cõi Diêm-phù-đề, một ngàn cõi Cù-da-ni, một ngàn cõi Phất-vu-đãi, một ngàn cõi Uất-đơn-việt. Lại sinh nước một ngàn biển, lại sinh một ngàn cung Tứ Thiên vương, một ngàn trời Tam thập tam, một ngàn Diệm thiên, một ngàn trời Đâu-suất, một ngàn trời Hóa tự tại, một ngàn trời Tha hóa tự tại.

Tỳ-kheo nên biết, cho đến một lúc, nước rút, đất bày trở lại. Khi ấy trên đất tự nhiên có lớp chất béo đất[17], rất thơm ngon hơn cả cam lồ. Nên biết chất béo đất kia có mùi vị giống như rượu ngọt bồ đào.

Tỳ-kheo nên biết, cho đến một lúc, các vị trời Quang âm nói với nhau: "Chúng ta xuống Diêm-phù-đề để xem mặt đất kia khi phục hồi trở lại." Thiên tử Quang âm xuống đến thế gian, thấy trên mặt đất có béo đất này liền dùng ngón tay quết đưa vào miệng mà ăn thử. Khi ấy, Thiên tử ăn nhiều béo đất nên không còn oai thần và ánh sáng nữa, thân thể trở nên nặng mà sinh ra xương thịt, mất thần túc không còn bay được. Thiên tử nào ăn ít béo đất thì thân thể không nặng, cũng không mất thần túc, có thể bay lại trên hư không.

Lúc ấy, những Thiên tử mất thần túc đều cùng nhau than khóc, nói với nhau: "Nay chúng ta thật là cùng khốn, lại mất thần túc, phải ở lại thế gian, không thể trở lên trời lại được." Rồi họ ăn chất béo đất này và để ý nhan sắc nhau. Khi ấy, Thiên tử nào có nhiều dục ý thì trở thành thành người nữ, rồi làm tình dục cùng nhau vui thích.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là lúc thế gian mới hình thành có pháp dâm này lưu truyền thế gian, là thường pháp tối sơ, khi người nữ xuất hiện ở đời; cũng lại là pháp xưa chẳng phải mới ngày nay.

Lúc ấy, các vị trời Quang âm khác thấy các Thiên tử đọa lạc liền đến quở trách rằng: "Vì sao các ông lại làm hạnh bất tịnh này." Lúc này, các chúng sinh lại tự nghĩ: "Chúng ta phải tìm cách nào để có thể nghỉ đêm với nhau mà mọi người không thấy." Dần dần chúng làm nhà cửa để tự che

---

[16]Chỉ-di-đà 祇彌陀; có thể chép dư.

[17]Địa phì 地肥. Xem Trường 6 (5. Tiểu Duyên, tr. 37b27); Trung 39 (tr. 674b24). Pāli, D 27 Agañña (R.iii. 85).

thân thể. Này Tỳ-kheo, đó gọi là do nhân duyên này mà ngày nay có nhà cửa.

Tỳ-kheo nên biết, cho đến một lúc chất béo đất tự nhiên lẩn xuống đất, sau đó sinh ra lúa gạo rất tươi sạch, cũng không có vỏ ngoài, hết sức thơm ngon khiến người ăn được mập trắng. Sáng thu hoạch, chiều lại sinh; chiều thu hoạch, sáng lại sinh. Này Tỳ-kheo, bấy giờ mới có tên lúa gạo này xuất hiện.

Tỳ-kheo, cho đến một lúc nhân dân biếng nhác, không chuyên cần sinh hoạt. Có một người suy nghĩ: "Vì sao ngày nào ta cũng phải gặt hái lúa thóc này. Nên thu một lần cho cả hai ngày." Người đó liền đi thu hoạch lúa một lần cho hai ngày.

Bấy giờ, nhân dân lần lượt mang thai và do đó sự sinh đẻ.

Một lúc nọ, có một chúng sinh bảo chúng sinh kia: "Chúng ta cùng đi gặt lúa." Người kia đáp: "Tôi đã lấy lương thực đủ cho hai ngày." Người này nghe xong bèn nghĩ nghĩ: "Ta phải chứa lương thực bốn ngày." Người ấy liền lo lương thực đủ bốn ngày. Lại có chúng sinh nói với chúng sinh ấy rằng: "Chúng ta cùng ra ngoài thâu lúa." Người này đáp: "Tôi đã lấy lương thực bốn ngày." Người kia nghe rồi liền nghĩ như vầy: "Ta phải lo lương thực tám ngày." Liền lo chứa thức ăn tám ngày. Do vậy, lúa kia không sinh trở lại. Bấy giờ, mọi người suy nghĩ như vầy: "Thế gian có tai họa lớn. Giờ lúa thóc này không như xưa nữa. Nay phải phân chia lúa thóc này." Tức thì chúng phân chia lúa thóc. Lúc ấy, có chúng sinh suy nghĩ như vầy: "Giờ ta hãy giấu lúa thóc mình. Nên ăn trộm lúa thóc người khác." Rồi chúng sinh ấy giấu lúa thóc mình, ăn trộm lúa thóc người khác. Chủ kia bắt gặp nó ăn trộm lúa thóc, liền nói với nó: "Sao ông lấy lúa thóc của tôi? Giờ tha tội ông, sau này chớ tái phạm." Bấy giờ, thế gian bắt đầu có tâm trộm cắp này. Lúc này, lại có chúng sinh nghe lời này rồi liền nghĩ như vầy: "Giờ ta hãy giấu lúa thóc mình. Nên trộm lúa thóc người khác." Rồi, chúng sinh ấy liền cất vật của mình mà lấy vật người khác. Người chủ kia thấy vậy, nói với nó: "Sao ông lại lấy lúa thóc tôi?" Nhưng người kia im lặng không đáp. Lúc ấy, chủ vật liền giơ nắm tay đánh: "Từ nay về sau chớ có xâm lấn nữa!" Bấy giờ, mọi người dân nghe chúng sinh trộm lẫn nhau, bèn tụ tập và cùng bàn bạc: "Thế gian có phi pháp này, chúng trộm lẫn nhau. Nay phải lập người giữ ruộng để giữ gìn ruộng. Có chúng sinh kia thông minh tài giỏi nên lập làm chủ ruộng." Rồi họ bầu chọn chủ ruộng mà nói rằng:

"Các vị nên biết, thế gian có sự trộm cắp phi pháp này. Nay ông hãy giữ ruộng, chúng tôi sẽ trả công cho. Những người dân nào đến lấy trộm lúa thóc người khác, hãy trị tội họ." Bấy giờ chủ ruộng được lập.

Tỳ-kheo nên biết, người giữ ruộng kia bấy giờ được gọi là dòng Sát-lợi đều là pháp xưa chẳng phải pháp bây giờ.

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

Dòng Sát-lợi bắt đầu
Đứng đầu trong các họ
Người thông minh tài giỏi
Được trời người kính đãi.

Bấy giờ, có người kia xâm phạm vật người khác, nó liền bị Sát-lợi bắt trị phạt. Nhưng người ấy lại không sửa đổi lỗi mà vẫn tái phạm. Chúa Sát-lợi ra lệnh làm đao trượng, bắt người kia mà bêu đầu. Bấy giờ thế gian bắt đầu có sự sát sinh này. Khi ấy, mọi người dân nghe giáo lệnh này: "Nếu có ai trộm cướp lúa thóc người khác, chúa Sát-lợi sẽ bắt giết." Tất cả sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng.

Có người dựng am cỏ, ở trong ấy tọa thiền, tu phạm hạnh, nhất quyết xả bỏ gia nghiệp, vợ con thê thiếp. Độc cư nhàn tịnh quyết chí tu phạm hạnh. Nhân từ đó về sau có dòng họ Bà-la-môn. Bấy giờ liền có hai dòng họ xuất hiện ở đời.

Tỳ-kheo nên biết, thời bấy giờ do trộm cắp nên có sát sinh; do sát nên có đao trượng.

Bấy giờ, chúa Sát-lợi bố cáo nhân dân: "Người nào đẹp đẽ, tài cao, sẽ được giáo thống lãnh nhân dân này." Lại bố cáo: "Nếu người dân nào trộm cắp sẽ bị trừng trị." Sau đó liền có dòng họ Tỳ-xá này xuất hiện ở đời.

Bấy giờ, có nhiều chúng sinh nghĩ như vầy: "Nay mọi người sát hại nhau, đều là do nghề nghiệp mà ra. Nay ta phải lui tới khắp nơi để mưu tự nuôi sống." Khi ấy liền có dòng họ Thủ-đà-la xuất hiện ở đời.

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

Đầu tiên dòng Sát-lợi
Kế đến Bà-la-môn
Thứ ba là Tỳ-xá
Tiếp nữa dòng Thủ-đà.
Có bốn dòng dõi này
Dần dần sinh lẫn nhau
Đều từ thân trời đến

Và cùng một sắc da.

Tỳ-kheo nên biết, khi có tâm sát sinh, trộm cắp này, nên không còn có lúa thóc tự nhiên này nữa. Bấy giờ, có năm loại hạt giống, một là hạt từ rễ, hai là hạt từ thân, ba là hạt từ cành, bốn là hạt từ hoa, năm là hạt từ quả và sinh những loại hạt giống khác. Đó gọi là năm loại giống, đều do gió thổi từ các quốc độ nơi khác đến, được dùng để trồng, lấy đó để tự nuôi sống.

Như vậy, Tỳ-kheo, thế gian có điềm báo này liền có sinh, già, bệnh, chết, cho đến khiến cho ngày nay có thân năm thạnh ấm này, không dứt được biên tế khổ.

Đó gọi là sự biến đổi lúc kiếp thành bại của thế giới mà Ta nói cho các ông. Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm, nay Ta đã nói hết cho các ông. Hãy vui sống nơi chỗ nhàn tĩnh, nên nhớ nghĩ ngồi thiền, chớ sinh giải đãi. Nay không tinh thành, sau hối hận vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2[18]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại Ca-lan-đà trong vườn Trúc, tại thành La-duyệt, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế ở giữa quần thần nói rằng:

–Nước Bạt-kỳ rất thịnh vượng, dân chúng đông đúc. Ta sẽ chinh phạt để thu phục nước ấy.

Rồi vua A-xà-thế bảo Bà-la-môn Bà-lợi-ca[19] rằng:

–Ông hãy đến chỗ Thế Tôn, xưng tên họ ta mà hỏi thăm Thế Tôn, đảnh lễ, thừa sự rồi thưa: "Vua A-xà-thế bạch Thế Tôn, vua có ý muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, không biết có được không?" Nếu Như Lai có dạy gì, ông hãy nhớ kỹ rồi về nói lại cho ta. Vì sao? Như Lai không có nói hai lời.

Bà-la-môn vâng lệnh vua, đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi rồi ngồi qua

---

[18] *Pāli, A.VII. 20 Vassakāra (R. iv. 16), Trường 3 kinh 2; Trung 35 kinh 142.*

[19] *Bà-lợi-ca 婆利迦. Pāli: Vassakāra.*

một bên. Bà-la-môn bạch Phật rằng:

–Vua A-xà-thế kính lạy Thế Tôn, thừa sự, hỏi thăm.

Rồi lại bạch:

–Ý muốn vua muốn công phạt nước Bạt-kỳ, trước hết đến hỏi Phật, không biết có được không?

Bấy giờ, Bà-la-môn kia lấy y che kín đầu, chân mang giày ngà voi, hông đeo kiếm bén, không nên vì ông nói pháp.

Khi ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Nếu nhân dân nước Bạt-kỳ tu bảy pháp, quyết không bị giặc cướp bên ngoài tiêu diệt. Những gì là bảy? Nếu nhân dân nước Bạt-kỳ tập họp lại một chỗ không phân tán, sẽ không bị nước khác phá hoại. Đó gọi là pháp thứ nhất không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ trên dưới hòa thuận, nhân dân nước Bạt-kỳ sẽ không bị người ngoài cầm giữ. Này A-nan, đó gọi là pháp thứ hai không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tà dâm, đắm sắc người nữ khác, đó gọi là pháp thứ ba không bị giặc ngoại xâm phá hoại.

Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không đem việc nơi này truyền đến nơi kia, cũng lại không đem việc nơi kia truyền đến nơi này, đó gọi là pháp thứ tư không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, thừa sự, kính lễ người phạm hạnh, đó gọi là pháp thứ năm không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tham đắm của báu người khác, đó gọi là pháp thứ sáu không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

Lại nữa, A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ đều cùng một lòng, hướng[20] đến miếu thần, mà chuyên tinh ý mình, sẽ không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại. Đó gọi là pháp thứ bảy không bị giặc ngoại xâm phá hoại.

A-nan, đó gọi là người Bạt-kỳ tu bảy pháp này, quyết không bị giặc cướp bên ngoài phá hoại.

Khi ấy, Phạm chí bạch Phật:

–Giả sử người nước Bạt-kỳ thành tựu chỉ một pháp thôi, còn không thể hoại, huống chi đến bảy pháp thì làm sao hoại nổi? Thôi, thôi!

Bạch Thế Tôn, việc nước đa đoan, con muốn trở về.

---

[20]. Bản Hán: Bất hướng 不向. Nghi chép dư chữ bất. Tham chiếu, Trung 35, ibid.

Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Sau khi Phạm chí đi được một lát, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói bảy pháp không thoái chuyển, các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Sao gọi là bảy pháp không thoái chuyển?

Tỳ-kheo nên biết, nếu Tỳ-kheo cùng tập hợp lại một chỗ, đều cùng hòa thuận, trên dưới chăm sóc nhau, tiến dần lên trên, tu các pháp lành không thoái chuyển, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thoái chuyển thứ nhất.

Lại nữa, chúng Tăng hòa hợp, thuận theo giáo pháp, tiến dần lên trên không thoái chuyển, không để ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thoái chuyển thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo không bận rộn công việc, không huân tập nghiệp đời, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thoái chuyển thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo không tụng đọc sách tạp, trọn ngày sách tấn tình ý tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thoái chuyển thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo siêng tu pháp, trừ khử ngủ nghỉ, thường tự cảnh tỉnh, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thoái chuyển thứ năm.

Lại nữa, Tỳ-kheo không học toán thuật, cũng không khuyến khích người khác học, thích chỗ yên tĩnh, tu tập pháp, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thoái chuyển thứ sáu.

Lại nữa, Tỳ-kheo khởi tưởng tất cả thế gian không đáng ưa thích, tập hạnh thiền, kham nhẫn pháp giáo, tiến dần lên trên, không để cho ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thoái chuyển thứ bảy.

Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, hòa thuận với nhau, ma không thể tùy tiện.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ này:

Trừ bỏ mọi nghiệp đời
Không tư duy loạn tưởng
Nếu không hành như vậy

Không thể được Tam-muội.
Người hay ưa thích pháp
Phân biệt nghĩa pháp ấy
Tỳ-kheo ưa hạnh này
Sẽ dẫn đến Tam-muội.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

–Nay, ta sẽ nói về bảy sử[21], các ông hãy ghi nhớ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Thế Tôn nói:

–Những gì là bảy?

1. Sử tham dục.
2. Sử sân hận.
3. Sử kiêu mạn.
4. Sử ngu si.
5. Sử nghi.
6. Sử tà kiến.
7. Sử tham đắm thế gian[22].

Tỳ-kheo, đó gọi là có bảy sử này khiến chúng sinh, mãi mãi ở nơi tối tăm, thân bị trói buộc, trôi lăn mãi ở thế gian không có lúc dừng, cũng không thể biết cội nguồn của sinh tử. Giống như hai con trâu một đen, một

---

[21] Thất sử 七使; tức bảy tùy miên. Cf. Pāli, A. iv. 9: sattannaṃ, anusayānaṃ, có bảy tùy miên.

[22] Pāli: Kāmarāga, dục tham; paṭigha, sân; diṭṭha, kiến; vicikiccha, nghi; māna, mạn; bhavarāga, hữu tham; avijja, vô minh.

trắng cùng chung một cái ách, cùng lôi kéo nhau không thể xa rời nhau. Chúng sinh này cũng như vậy, bị tham dục sử, vô minh sử này trói buộc không thể lìa nhau, năm sử còn lại cũng đuổi theo. Năm sử đuổi theo thì bảy sử cũng vậy. Nếu kẻ phàm phu bị bảy sử này trói buộc trôi lăn mãi trong sinh tử không được giải thoát, không thể biết nguồn gốc khổ.

Tỳ-kheo nên biết, do bảy sử này mà có ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Do bảy sử này nên không thể vượt qua được cảnh giới tệ ma. Nhưng pháp bảy sử này lại có bảy phương thuốc. Những gì là bảy? Sử tham dục, dùng niệm giác ý để trị. Sử sân hận, dùng pháp giác ý để trị. Sử tà kiến, dùng tinh tấn giác ý để trị. Sử tham đắm thế gian, dùng hỷ giác ý để trị. Sử kiêu mạn dùng khinh an* giác ý để trị. Sử nghi, dùng định giác ý để trị. Sử vô minh, dùng xả* giác ý để trị. Tỳ-kheo, đó gọi là dùng bảy Giác ý để trị bảy sử ấy.

Tỳ-kheo nên biết, xưa khi Ta chưa thành Phật, còn đang thực hành Bồ-tát hạnh, ngồi dưới bóng cây, suy nghĩ như vầy: "Chúng sinh Dục giới bị những gì trói buộc?" Lại nghĩ: "Chúng sinh này bị bảy sử cuốn trôi trong sinh tử, mãi không được giải thoát. Nay Ta cũng bị bảy sử này trói, không giải thoát được." Rồi Ta lại nghĩ: "Lấy gì để trị bảy sử này?" Ta lại suy nghĩ: "Bảy sử này nên dùng bảy giác ý để trị. Ta hãy tư duy về bảy Giác ý." Khi tư duy bảy Giác ý, tâm dứt sạch hữu lậu, liền được giải thoát. Sau khi thành đạo Vô thượng Chánh chân, trong bảy ngày ngồi kiết già, Ta tư duy thêm nữa bảy Giác ý này. Cho nên, các Tỳ-kheo, muốn dứt trừ bảy sử thì phải tu tập pháp bảy Giác ý.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo :

–Có bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng thế gian. Những ai là bảy hạng người?

1. Hành Từ.

2. Hành Bi.

3. Hành Hỷ.

4. Hành Xả*.

5. Hành Không.

6. Hành Vô tướng.

7. Hành Vô nguyện.

Đó gọi là bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng thế gian. Vì sao? Vì có chúng sinh nào hành bảy pháp này thì ở trong hiện pháp được quả báo.

Khi ấy, A-nan bạch Thế Tôn :

–Vì sao không nói Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật mà lại nói bảy pháp này?

Thế Tôn nói:

–Bảy hạng người, hành Từ,… hành của họ cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật không giống nhau. Tuy cúng dường Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng không được báo hiện tiền; nhưng cúng dường bảy hạng người này, ở hiện đời được báo. Cho nên, A-nan, cần phải nỗ lực dũng mãnh để thành tựu bảy pháp này. A-nan, hãy học điều này như vậy.

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại ao Di hầu, Tỳ-xá-ly cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Bấy giờ, đến giờ khất thực, Thế Tôn đắp y mang bát cùng A-nan vào Tỳ-xá-ly khất thực. Lúc ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có trưởng giả tên Tỳ-la-tiên nhiều của lắm báu không thể đếm xuể, nhưng lại tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí, chỉ hưởng phước cũ, không tạo thêm phước mới. Lúc ấy, trưởng giả kia dẫn các thể nữ ở hậu cung ca múa vui đùa với nhau.

Bấy giờ, Thế Tôn đi đến con đường ấy, biết mà vẫn hỏi A-nan:

–Tiếng đờn ca đang nghe phát ra từ nhà nào vậy?

A-nan bạch Phật:

–Đó là từ nhà của trưởng giả Tỳ-la-tiên.

Phật bảo A-nan:

–Sau bảy ngày nữa, trưởng giả này sẽ qua đời, sinh vào địa ngục Thế

khốc.[23] Vì sao? Đó là pháp thường. Nếu người nào đoạn hết căn lành, khi mạng chung đều sinh vào địa ngục Thế khốc. Nay trưởng giả này đã hết phước cũ lại không tạo phước mới.

A-nan bạch Phật:

–Có nhân duyên gì khiến trưởng giả này sau bảy ngày không qua đời không?

Phật bảo A-nan:

–Không có nhân duyên nào để không qua đời. Những hành vi đã tạo kiếp trước hôm nay đã hết. Điều này không thể tránh khỏi.

A-nan bạch Phật:

–Có phương cách nào giúp trưởng giả này không sinh vào địa ngục Thế khốc không?

Phật bảo A-nan:

–Có cách này có thể giúp trưởng giả không vào địa ngục.

A-nan bạch Phật:

–Nhân duyên nào để trưởng giả không vào địa ngục?

Phật bảo A-nan:

–Nếu trưởng giả này, cạo bỏ râu tóc, mặt ba pháp y, xuất gia học đạo, thì tránh khỏi tội này được.

A-nan bạch Phật:

–Nay con có thể khiến cho trưởng giả này xuất gia học đạo!

Rồi thì A-nan từ giã Thế Tôn, đi đến nhà trưởng giả này, đứng ở ngoài cửa. Khi ấy, trưởng giả từ xa trông thấy A-nan đến, liền ra nghênh đón và mời ngồi. A-nan bảo trưởng giả:

–Hiện tôi ở gần Bậc Nhất Thiết Trí, nghe Như Lai báo trước về thân ông, sau bảy ngày nữa thân hoại mạng chung sẽ sinh vào địa ngục Thế khốc.

Trưởng giả nghe rồi, trong lòng sợ hãi, lông tóc dựng đứng, thưa với A-nan:

–Có cách nào giúp trong bảy ngày không qua đời không?

A-nan đáp:

–Không có cách nào giúp trong bảy ngày thoát khỏi mạng chung.

---

[23] Thế khốc 涕哭; TNM: Đề khốc. Có lẽ tên khác của địa ngục Khiếu hoán 叫喚. Cf. Trường 19.

Trưởng giả lại bạch:

–Có cách nào giúp con mạng chung không sinh vào địa ngục Thế khốc không?

A-nan đáp:

–Thế Tôn có dạy như vầy: "Nếu trưởng giả cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, thì không vào trong địa ngục." Nay trưởng giả có thể xuất gia học đạo để đến bờ kia.

Trưởng giả bạch:

–Ngài A-nan, hãy đi trước, tôi sẽ đến ngay.

Sau đó, A-nan liền ra đi. Trưởng giả tự nghĩ: "Bảy ngày hãy còn xa. Nay ta có thể tự vui thích ngũ dục, sau đó sẽ xuất gia học đạo."

Hôm sau, A-nan lại đến nhà trưởng giả, nói với trưởng giả:

–Một ngày đã qua, chỉ còn lại sáu ngày, đúng lúc xuất gia!

Trưởng giả bạch:

–Ngài A-nan, hãy đi trước đi, tôi sẽ theo ngay.

Nhưng trưởng giả kia vẫn cố không đi. Qua hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày, lúc này A-nan đến nhà trưởng giả bảo trưởng giả:

–Đúng lúc hãy xuất gia, kẻo sau hối hận không kịp. Nếu không xuất gia, hôm nay mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

Trưởng giả bạch A-nan:

–Tôn giả hãy đi trước, tôi sẽ theo sau ngay.

A-nan bảo:

–Trưởng giả, hôm nay dùng thần túc gì để đến nơi ấy, mà bảo tôi đi trước? Nay cả hai phải đi cùng lúc.

Lúc ấy, A-nan dẫn trưởng giả này đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi bạch Phật:

–Trưởng giả này, nay muốn xuất gia học đạo, cúi xin Như Lai cho phép cạo bỏ râu tóc, khiến được học đạo.

Phật bảo A-nan:

–Nay ông hãy đích thân độ cho trưởng giả này.

Lúc ấy, A-nan vâng lời Phật dạy, liền cạo bỏ râu tóc cho trưởng giả, dạy cho đắp ba pháp y, cho học chánh pháp. Bấy giờ, A-nan dạy Tỳ-kheo kia rằng:

–Ông hãy nhớ nghĩ tu hành, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, niệm tịch tĩnh, niệm an-ban, niệm

thân, niệm tử. Hãy tu hành pháp như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo. Hành mười niệm này thì lập tức được quả báo lớn, được pháp vị cam lồ.

Sau khi tu tập pháp như vậy rồi, ngay trong ngày hôm đó, mạng chung sinh lên Tứ Thiên vương.

Bấy giờ, A-nan liền hỏa thiêu thân kia, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

–Vừa rồi Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên đã qua đời. Ông sinh về nơi nào?

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo này chết sinh lên Tứ Thiên vương.

A-nan bạch Phật:

–Ở đó mạng chung sẽ sinh nơi nào?

Thế Tôn bảo:

–Ở đó mạng chung sẽ sinh lên trời Tam thập tam, rồi lần lượt sinh lên trời Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Từ đó mạng chung, sinh trở lại cho đến trời Tứ Thiên vương. Này A-nan, đó gọi là Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên bảy phen chuyển vòng trong trời người, cuối cùng được làm thân người, xuất gia học đạo, sẽ dứt sạch gốc khổ. Vì sao? Vì vị ấy có lòng tin ở Như Lai.

A-nan nên biết, Cõi Diêm-phù-đề này, Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần, Đông Tây bảy ngàn do-tuần. Nếu có người cúng dường người cõi Diêm-phù-đề, phước đó có nhiều không?

A-nan bạch Phật:

–Thật nhiều, thật nhiều, bạch Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

–Nếu chúng sinh nào chỉ trong khoảnh khắc, lòng tín tâm không đứt đoạn, tu tập mười niệm, phước kia không thể lường, không có thể đo lường được. Như vậy, A-nan hãy tìm cầu phương tiện tu tập mười niệm.

A-nan, hãy học điều này như vậy.

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6[24]

Nghe như vầy:

[24] *Pāli, M.2. Sabbāsava (R. i. 6). Hán, Trung 2, kinh 10.*

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta sẽ nói pháp cực diệu, khoảng đầu, giữa, cuối đều thiện xảo, nghĩa lý sâu xa, đầy đủ tu phạm hạnh. Kinh này gọi là: "Pháp thanh tịnh các lậu", các ông hãy nhớ nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng theo Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Sao gọi là pháp sạch các lậu? Hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi thân cận, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi viễn ly, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi ngộ lạc, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi oai nghi, hoặc có hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy.[25]

Sao gọi là hữu lậu được đoạn trừ bởi thấy? Ở đây, kẻ phàm phu không gặp Thánh nhân, không thuận theo pháp Như Lai, không thể thủ hộ pháp Hiền thánh, không thân cận Thiện tri thức, không tùng sự với Thiện tri thức; pháp đã được nghe cần tư duy mà không phân biệt; pháp không nên tư duy mà tư duy, khiến cho dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh liền tăng nhiều; vô minh lậu chưa sinh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Đó là pháp không nên tư duy mà tư duy.

Sao gọi là pháp nên tư duy, nhưng không tư duy[26]? Pháp nên tư duy là do pháp đó mà dục lậu chưa sinh khiến không sinh, dục lậu đã sinh thì liền diệt; hữu lậu chưa sinh khiến không sinh, hữu lậu đã sinh thì liền diệt; vô minh lậu chưa sinh khiến không sinh, vô minh lậu đã sinh thì liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy mà không tư duy. Điều không nên tư duy mà tư duy, điều nên tư duy lại không tư duy, khiến dục lậu chưa sinh liền sinh, dục lậu đã sinh liền tăng nhiều, hữu lậu chưa sinh liền sinh, hữu lậu đã sinh

---

[25] Bảy loại trong Trung 2 và Pāli. Bản Hán này chỉ có sáu: Kiến đoạn 見斷; Trung 2, kiến đoạn; Pāli: Dassanā pahātabbā. Thân cận đoạn 親近斷; Trung 2: Dụng đoạn; Pāli: Paṭisevanā pahātabbā. Tư duy đoạn 思惟斷. Viễn ly đoạn 遠離斷. Pāli: Parivajjanā pahātabbā. Ngộ lạc đoạn 娛樂斷. Tư duy đoạn 思惟斷, Pāli: Bhāvanā pahātabbā. Còn lại, không đồng nhất được: Pāli: Saṃvarā pahātabbā (phòng hộ đoạn), adhivāsanā pahātabbā (kham nhẫn đoạn), vinodanā pahātabbā (trừ diệt đoạn).

[26] Pāli: Dhammā manasikaraṇīyā ye dhamme na manasi karoti, pháp cần được tác ý mà không tác ý.

liền tăng nhiều, vô minh lậu chưa sinh liền sinh, vô minh lậu đã sinh liền tăng nhiều. Người kia khởi lên tư duy như vầy: "Có quá khứ lâu xa hay không? Ta có thể có trong quá khứ lâu xa ấy." Hoặc lại tư duy: "Không có quá khứ lâu xa. Ta có trong quá khứ lâu xa hay không? Ai có trong quá khứ lâu xa? Có tương lai lâu xa hay không? Ta sẽ có trong tương lai lâu xa." Hoặc lại nói: "Không tương lai lâu xa. Ta sẽ có trong tương lai lâu xa hay không? Ai có tương lai lâu xa? Vì sao có chúng sinh lâu xa này? Chúng sinh lâu xa này từ đâu mà đến? Từ đây mạng chung sẽ sinh về đâu?" Người kia khởi lên những ý nghĩ chẳng lành này liền khởi lên sáu kiến, lần lượt sinh tưởng tà: Thấy rằng có ngã, có kiến này hay không? Thấy rằng không có ngã, có phát sinh kiến này hay không? Thấy rằng vừa có ngã, vừa không ngã, ở trong đó có phát sinh kiến này hay không? Lại do quán sát tự thân khởi lại kiến này: Ở nơi chính ta mà không thấy có ta. Lại khởi lên kiến này: Ở nơi không có ta mà không thấy không có ta, ở trong đó khởi kiến này. Bấy giờ, người kia lại sinh tà kiến này: Ngã đời này cũng là ngã đời sau, tồn tại mãi ở đời không bị tan rã, cũng không biến dịch, lại không dời đổi.[27] Đó gọi là tụ tà kiến. Tà kiến, tai họa, sầu bi, khổ não đều từ đây sinh, không thể chữa trị, cũng lại không thể loại bỏ, làm tăng gốc khổ. Do đó không phải là hành của Sa-môn, đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo, đệ tử Hiền thánh tu hành pháp kia không mất thứ lớp, khéo biết thủ hộ, tùng sự theo Thiện tri thức. Vị ấy có thể phân biệt, biết rõ pháp nên tư duy và cũng biết rõ pháp nào nên tư duy. Vị ấy không tư duy pháp không nên tư duy; tư duy pháp nên tư duy.

Pháp gì không nên tư duy mà vị ấy không tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh bèn sinh, dục lậu đã sinh bèn tăng nhiều; hữu lậu chưa sinh bèn sinh, hữu lậu đã sinh bèn tăng nhiều; vô minh lậu chưa sinh bèn sinh, vô minh lậu đã sinh bèn tăng nhiều. Đây gọi là pháp không nên

---

[27] *Đoạn Hán dịch này khó thông. Tham chiếu Pāli, sáu kiến chấp về ngã:*

1. Atthi me attā, có tự ngã của tôi.

2. Natthi me attā, không có tự ngã của tôi.

3. Attanāva attānaṃ sañjānāmī, do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã.

4. Attanāva anattānaṃ sañjānāmī, do chính tôi, tôi nhận biết không có tự ngã. 5. Anattanāva attānaṃ sañjānāmī, không do chính tôi, tôi nhận biết có tự ngã.

6. Yo me ayaṃ attā vādo vedeyyo tatra tatra kalyāṇapāpakānaṃ kammānaṃ vipākaṃ paṭisaṃvedeti so kho pana me ayaṃ attā nicco dhuvo sassato avipariṇāma-dhammo sassatisamaṃ tatheva ṭhassatī, tự ngã này của tôi nói, nơi này nơi kia nó cảm thọ báo dị thục của nghiệp thiện ác, cho nên tự ngã này thường tồn, vĩnh cửu, không biến đổi, mãi mãi tồn tại như vậy.

tư duy.

Pháp gì nên tư duy mà vị ấy tư duy? Ở đây, các pháp khiến dục lậu chưa sinh khiến không sinh, dục lậu đã sinh liền diệt, hữu lậu chưa sinh khiến không sinh, hữu lậu đã sinh liền diệt, vô minh lậu chưa sinh khiến không sinh, vô minh lậu đã sinh liền diệt. Đây gọi là pháp nên tư duy. Vị ấy cũng không tư duy điều không nên tư duy vị và tư duy điều nên tư duy. Vị ấy tư duy như vậy, liền diệt ba pháp. Những gì là ba? Thân tà, giới đạo và nghi[28]. Nếu không thấy không biết thì tăng thạnh hữu lậu, nếu thấy nghe nghĩ biết thì không tăng hạnh hữu lậu; đã biết, đã thấy thì hữu lậu liền không sinh. Đây gọi là lậu do thấy đoạn được.[29]

Sao gọi là lậu được đoạn bằng kham nhẫn[30]? Ở đây, Tỳ-kheo chịu đựng đói lạnh, cần khổ, gió mưa, ruồi muỗi, lời ác, mạ nhục, thân sinh thống khổ, rất là đau buồn, mạng sắp muốn dứt, mà có thể nhẫn chịu. Nếu không như vậy, liền sinh khổ não. Nếu có thể kham chịu, thì không sinh như vậy. Đây gọi là lậu được đoạn bởi kham nhẫn*.

Sao gọi là lậu được đoạn bằng thân cận[31]? Ở đây, Tỳ-kheo nắm giữ tâm khi nhận y, không vì trang sức mà chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng, muốn cho gió mưa không chạm vào thân mình; lại che thân thể không để lộ ra ngoài. Lại nữa, nắm giữ tâm theo thời khất thực, không khởi tâm nhiễm đắm, chỉ cốt giữ gìn thân thể khiến cho bệnh cũ được lành, mới không sinh; gìn giữ các hành không cho xúc phạm, an ổn lâu dài mà tu tập phạm hạnh lâu bền ở đời. Lại nắm giữ tâm ý, khi thọ dụng giường ghế, cũng không ham trang trí tốt đẹp, chỉ mong trừ đói lạnh, gió mưa, ruồi muỗi, giữ gìn thân mình để thực hành đạo pháp. Lại nữa, giữ tâm khi thọ dụng thuốc trị bệnh, không sinh tâm nhiễm đắm nơi thuốc trị bệnh kia, chỉ mong cho bệnh tật được trừ khỏi, thân thể được an ổn. Nếu không thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu sẽ phát sinh. Nếu thọ dụng như vậy thì tai hại của hữu lậu không sinh. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi thân cận.

---

[28] Ba kết (Pāli: Tīṇi saṃyojanāni): Thân tà 身耶, tức (hữu) thân kiến (Pāli: Sakkāyadiṭṭhi); giới đạo 戒盜, tức giới cấm thủ (Pāli: Sīlabbataparāmāso); nghi 疑 (Pāli: Vicikicchā).

[29] Các lậu này, chính yếu là ba kết, được đoạn trừ ở kiến đạo, tức khi thấy bốn Thánh đế. Hán dịch này thiếu mất đoạn nói về thấy bốn Thánh đế, mà trong Trung 2 và bản Pāli có nói rõ.

[30] Hán: Cung kính; nên hiểu là kham nhẫn (Pāli: Adhivāsanā). Trong liệt kê, không đề cập mục này. Xem cht. trên.

[31] Xem cht. trên.

Sao gọi là lậu hoặc được đoạn bởi viễn ly? Ở đây, Tỳ-kheo trừ bỏ tưởng loạn[32] giống như voi dữ, lạc đà, bò ngựa, hổ sói, chó, rắn, hầm sâu, bờ hiểm, gai góc, sườn cao, bùn lầy; thảy đều nên tránh xa chúng; chớ tùng sự với ác tri thức, cũng lại không gần gũi với người ác, hay tư duy thuần thục không lìa khỏi đầu mối của tâm. Nếu không giữ gìn[33] thì sinh hữu lậu, nếu ủng hộ* thì không sinh hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi viễn ly.

Sao gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngộ lạc[34]? Ở đây, Tỳ-kheo sinh tưởng dục mà không lìa bỏ; khởi tưởng sân nhuế cũng không lìa bỏ; lại khởi tưởng tật đố cũng không lìa bỏ. Nếu không lìa bỏ thì sinh hữu lậu, nếu có thể lìa bỏ liền có thể không khởi hữu lậu. Đây gọi là hữu lậu được đoạn bởi ngộ lạc.

Sao gọi là lậu được đoạn nhờ oai nghi[35]? Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc không khởi tưởng sắc, cũng không khởi tâm nhiễm ô, giữ nhìn nhãn căn đầy đủ, không để khuyết lậu. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết mịn trơn, ý biết pháp đều không khởi tâm nhiễm ô, cũng không khởi đắm mà giữ gìn ý căn. Nếu không giữ gìn oai nghi mình thì sinh hữu lậu, nếu giữ gìn oai nghi mình thì không có tai hoạn hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi oai nghi.

Sao gọi là lậu được đoạn bởi tư duy? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu; tu pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an* giác ý, định giác ý, xả* giác ý, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu. Nếu không tu pháp này thì sinh tai hoạn hữu lậu. Nếu có thể tu pháp này thì không sinh tai hoạn hữu lậu. Đây gọi là lậu được đoạn bởi tư duy.

Lại nữa Tỳ-kheo, ở nơi Tỳ-kheo mà những gì là hữu lậu được đoạn trừ bởi kiến, liền được đoạn trừ bởi kiến; được đoạn trừ bởi kham nhẫn* liền được đoạn trừ bởi kham nhẫn*, được đoạn trừ bởi thân cận liền thân cận, viễn ly liền được đoạn trừ bởi viễn ly, được đoạn trừ bởi oai nghi liền được đoạn trừ bởi oai nghi, được đoạn trừ bởi tư duy liền tư duy. Đó gọi là Tỳ-kheo đầy đủ tất cả oai nghi có thể đoạn ái kết, bỏ ái dục, vượt qua bốn

---

[32] Nên hiểu là tránh né những ác thú khi Tỳ-kheo sống trong rừng.

[33] Nên hiểu, nếu không tránh xa.

[34] Nội dung tương đương với Pāli: Đoạn trừ do trừ diệt (vinodanā). Từ Hán dịch ngộ lạc không phù hợp với nội dung. Có lẽ Hán dịch đọc nhầm với từ nào đó.

[35] Nội dung tương đương Pāli: Đoạn từ do phòng hộ (saṃvāra), tức thủ hộ các căn. Hán hiểu là oai nghi tức các cử chỉ.

bộc lưu, dần dần thoát khổ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là pháp trừ hữu lậu.

Những gì mà chư Phật Thế Tôn cần làm, vì từ niệm đối với tất cả chúng sinh, nay Ta cũng đã làm xong. Các ông nên luôn luôn vui thích chỗ vắng, ở dưới bóng cây, chuyên cần tinh tấn, chớ có giải đãi. Hiện tại không nỗ lực, sau hối hận cũng vô ích. Đây là những lời dạy dỗ của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 35

Phẩm 40: BẢY NGÀY (2)

KINH SỐ 7[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ sông A-du-xà[2], cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, Đại Quân-đầu[3] đang ở chỗ nhàn tĩnh, tự nghĩ: "Có nghĩa này, mà thường tăng thêm công đức, hay không lý này?" Rồi Quân-đầu liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân và ngồi qua một bên. Bấy giờ Quân-đầu bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vừa rồi, khi ở chỗ nhàn tĩnh, con tự nghĩ: "Có lý này hay không, là những gì được làm cho chúng Tăng được tăng thêm công đức?" Nay con hỏi Thế Tôn, cúi xin dạy cho.

Thế Tôn bảo:

–Có thể được tăng ích công đức.

Quân-đầu bạch Phật:

–Thế nào là được tăng thêm công đức?

Thế Tôn đáp:

–Có bảy sự kiện tăng thêm, phước kia không thể kể được, cũng không ai có thể tính đếm được. Những gì là bảy?

Ở đây, con trai thiện gia, hoặc con gái thiện gia, tạo dựng Tăng già-lam nơi chưa từng tạo dựng. Phước này không thể kể.

Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem giường ghế cúng dường

---

1. *Tham chiếu, Hán, Trung 2, kinh 7.*
2. *A-dũ-xà giang thủy 阿踰闍G江水. Có lẽ đồng nhất Pāli, Ayojjhā, tên một vương quốc bên bờ sông Hằng. Cf. Tây Vực Ký 5 (tr. 896b04): A-dũ-đà quốc 阿踰陀國 (Skt. Ayodhyā).*
3. *Đại Quân-đầu 大均頭. Pāli: Mahā-Cunda.*

Tăng già-lam kia cùng Tăng Tỳ-kheo thì này Quân-đầu; đây là phước thứ hai không thể kể hết.

Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem thức ăn cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia; này Quân-đầu, đó là phước thứ ba không thể tính hết.

Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ đem áo che mưa cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là công đức thứ tư, phước kia không thể lường.

Lại nữa, Quân-đầu, con trai, con gái thiện gia đem thuốc cúng dường Tăng Tỳ-kheo kia, này Quân-đầu, đó là phước thứ năm không thể tính hết.

Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam thiện nữ đào giếng tốt nơi hoang dã, này Quân-đầu, đó là công đức thứ sáu cũng không thể tính hết.

Lại nữa, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ nào làm nhà dọc đường cho người qua lại có chỗ nghỉ đêm, này Quân-đầu, đó là công đức thứ bảy không thể tính xiết.

Này Quân-đầu, đó gọi là pháp bảy công đức, phước kia không thể đo lường. Khi đi, hoặc ngồi, ngay đến khiến mạng chung, phước kia cũng theo sau như bóng theo hình, phước đức ấy không thể tính hết để có thể nói có bao nhiêu phước. Cũng như nước biển lớn, không thể dùng thăng đấu để đong được để nói có bao nhiêu nước. Bảy công đức này cũng vậy, phước ấy không hạn lượng. Cho nên, Quân-đầu, thiện nam, thiện nữ hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy công đức này.

Quân-đầu, hãy học điều này như vậy.

Quân-đầu sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy tu hành, tưởng về sự chết, tư duy về tưởng chết.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi ở chỗ kia, bạch Thế Tôn:

–Con thường tu hành tư duy tưởng về sự chết.

Thế Tôn bảo:

–Ông tư duy tu hành tưởng về sự chết thế nào?

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Con tư duy về tưởng chết rằng: "Ý sẽ còn sống bảy ngày nữa, nên tư duy bảy Giác ý, để ở trong pháp Như Lai được nhiều lợi ích, sau khi chết không hối hận." Thế Tôn, con tư duy về tưởng chết như vậy.

Thế Tôn bảo:

–Thôi, Thôi, Tỳ-kheo! Đây chẳng phải hành về tưởng chết. Đấy gọi là pháp phóng dật.

Lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Con có khả năng tu hành về tưởng chết.

Thế Tôn bảo:

–Ông tu hành tư duy về tưởng chết thế nào?

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Con suy nghĩ: "Ý sẽ còn sống sáu ngày nữa, tư duy Chánh pháp Như Lai, rồi sau đó mạng chung. Như vậy mới có sự tăng ích." Con tư duy tưởng chết như vậy.

Thế Tôn bảo:

–Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đó cũng là pháp phóng dật, chẳng phải tư duy về tưởng chết.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

–Ý sẽ tồn tại năm ngày, hoặc nói bốn ngày, hoặc nói ba ngày, hai ngày, một ngày.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đây cũng là pháp phóng dật chẳng phải tư duy về tưởng chết.

Lúc ấy, lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Con có thể kham nhận tu hành về tưởng chết.

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Đến giờ khất thực, con đắp y mang bát, vào thành Xá-vệ khất thực, rồi ra khỏi thành Xá-vệ, trở về nơi ở, vào trong tịnh thất, tư duy về bảy Giác ý mà mạng chung. Đây là tư duy về tưởng chết.

Thế Tôn bảo:

–Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Những điều mà Tỳ-kheo các ông nói đều là hành phóng dật, chẳng phải là tu hành pháp tưởng chết.

Lúc ấy, Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu ai có thể như Tỳ-kheo Bà-ca-lợi[4], đó gọi là tư duy về tưởng chết. Tỳ-kheo ấy có thể khéo tư duy về tưởng chết, nhàm tởm thân này là bất tịnh ghê tởm. Tỳ-kheo tư duy về tưởng chết, phải buộc ý trước mắt, tâm không di động, niệm số đếm hơi thở ra vào, đồng thời tư duy về bảy Giác ý, như vậy ở trong pháp Như Lai mới được nhiều lợi ích. Vì sao? Hết thảy các hành đều rỗng lặng, cái sinh và cái diệt đều như huyễn hóa, không có chân thật. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy ở trong hơi thở ra vào tư duy về tưởng chết để thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh quần thần:

–Hãy nhanh chóng chuẩn bị xe bảo vũ. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ thăm hỏi.

Sau, đại vương ra khỏi thành đến, chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Như Lai đang thuyết pháp cho vô số chúng đang vây quanh. Lúc ấy, có bảy Ni-kiền Tử, lại có bảy người lõa hình, lại có bảy Phạm chí Hắc, lại có bảy Bà-la-môn lõa hình, đi qua cách Thế Tôn không xa.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc thấy những người này đi qua cách Thế Tôn không xa, liền bạch Phật:

–Xem những người này, đi qua trông không dừng, đều là thiểu dục tri túc, không có gia nghiệp. Nay trong những vị A-la-hán ở thế gian này, những người này là tối thượng thủ. Vì sao? Ở giữa mọi người, họ là những người rất là khổ hành, không tham lợi dưỡng.

Thế Tôn nói:

–Đại vương hoàn toàn chưa biết chân A-la-hán. Không phải vì hình thể lõa lồ mà gọi là A-la-hán. Đại vương nên biết, đó đều chẳng phải là hành chân thật. Nên nhớ nghĩ quan sát sự biến đổi từ xa xưa đến nay, rồi lại nên quán ai đáng thân thì biết thân, ai đáng gần thì biết gần. Vì sao?

---

4. Bà-ca-lợi 婆迦利, kinh số 10 phẩm 46 ở trên, phiên âm là Bà-ca-lê 婆迦梨. Pāli: Vakkali.

Thời quá khứ lâu xa có bảy Phạm chí, cùng học một chỗ, tuổi đã suy sụp, lấy cỏ làm y phục, ăn rau quả, sinh các tà kiến. Họ đều nghĩ như vầy: "Chúng ta trì pháp khổ hành này để sau làm vua nước lớn. Hoặc cầu làm Thích, Phạm, Tứ Thiên vương."

Bấy giờ, có vị Thiên sư A-tư-đà[5] vốn là tổ phụ của các Bà-la-môn ấy, biết những ý nghĩ trong tâm các Phạm chí kia, liền biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ bảy Bà-la-môn. Lúc ấy, Thiên sư A-tư-đà bỏ phục sức cõi trời, hiện hình Bà-la-môn, kinh hành ở đất trống. Bảy Phạm chí từ xa trông thấy A-tư-đà kinh hành, ai nấy đều nổi sân nhuế mà nói rằng: "Đây là người đắm dục nào mà đi trước những người phạm hạnh chúng ta? Nay phải chú thuật tiêu thành tro." Bảy Phạm chí này liền dùng tay bụm nước rảy lên Phạm chí này và chú rằng: "Giờ ngươi hãy mau biến thành tro bụi." Nhưng Bà-la-môn càng tức giận thì nhan sắc của Thiên sư A-tư-đà càng xinh đẹp. Vì sao? Vì tâm từ hay diệt sân. Lúc ấy, bảy Phạm chí tự nghĩ: "Cấm giới của ta đã bị suy giảm hay sao mà chúng ta càng nổi giận thì người ấy càng xinh đẹp thêm?" Rồi bảy Phạm chí liền nói với vị Thiên sư rằng:

Là trời, Càn-đạp-hòa
La-sát, hay Quỷ thần
Thật sự tên là gì
Chúng tôi đều muốn biết!

Lúc ấy, vị Thiên A-tư-đà liền nói kệ đáp rằng:

Chẳng phải trời, Đạp-hòa
La-sát hay Quỷ thần
Mà ta đây chính là
Thiên sư A-tư-đà.

Tôi biết ý nghĩ của các ông nên từ cõi trời Phạm thiên bay xuống đây. Phạm thiên cách đây rất xa. Thiên đế Thích cũng lại như vậy. Dùng khổ hành để làm Chuyển luân thánh vương còn không được, huống gì là làm Đế thích, Phạm thiên hay Tứ Thiên vương.

Lúc ấy, Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ:

Trong tâm đầy niệm tưởng
Mà ngoại hình tồi tàn
Nhưng siêng tu chánh kiến

---

[5] *Cf. Pāli, M. 93 Assalāyana (R. ii. 155): Asita Devala. Hán, Trung 37, kinh 151 (tr. 665c05).*

Mới xa lìa ác đạo.
Giữ tâm cho thanh tịnh
Thân, miệng cũng như vậy
Xa lìa các niệm ác
Chắc chắn sẽ sinh Thiên.

Lúc ấy, bảy Phạm chí hỏi: "Ngài có thật là Thiên sư không?" Thiên sư A-tư-đà đáp: "Đúng vậy. Nhưng không phải do lõa hình mà được sinh Thiên. Vị tất tu khổ hành ấy mà được sinh lên trời Phạm thiên. Cũng chẳng phải phơi bày thân thể hay làm ngần ấy khổ hành mà được sinh nơi ấy. Nhưng nếu có thể thu nhiếp tâm ý không cho lay động thì được sinh Thiên. Không thể sinh nơi ấy bằng cách mà các ông đang làm.

Này đại vương, quán sát ý nghĩa này, không phải do lõa hình mà gọi là A-la-hán. Kẻ phàm phu không thể phân biệt được ai là bậc Chân nhân, nhưng bậc Chân nhân thì có thể phân biệt do hành vi được làm nào là phàm phu. Lại nữa, kẻ phàm phu không thể biết hành của phàm phu; duy chỉ bậc Chân nhân mới biết hành của phàm phu. Đại vương nên biết, do phương tiện mà biết rằng điều đó đã có từ trước lâu xa rồi, chứ không phải mới ngày nay. Đại vương, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

–Những điều Như Lai dạy rất là hay, người đời chẳng thể hiểu nổi. Nhưng việc nước quá nhiều, con xin cáo về.

Phật bảo vua:

–Vua hãy biết thời.

Vua đứng dậy, đảnh lễ sát đất rồi ra đi.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10[6]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở vườn Ni-câu-lâu thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ của dòng họ Thích, cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Bấy giờ, sau khi ăn, Thế Tôn từ vườn Ni-câu-lâu đến trong xóm Tỳ-

6. *Pāli, M. 18 Madhupiṇḍika (R. i. 108). Hán, Trung 28, kinh 115.*

la-da-trí[7] và ngồi dưới một gốc cây. Lúc ấy, Chấp Trượng, người họ Thích[8], ra khỏi thành Ca-tỳ-la việt, đến chỗ Thế Tôn, rồi đứng im lặng.

Sau đó, Chấp Trượng Thích hỏi Thế Tôn rằng: "Sa-môn dạy dỗ điều gì? Bàn luận những gì?

Thế Tôn bảo:

–Phạm chí nên biết, điều mà Ta luận thì trời rồng, quỷ thần không thể theo kịp[9], chẳng dính mắc thế gian, cũng chẳng trụ trong thế gian[10]. Điều mà Ta luận là như vậy.

Khi ấy, Chấp Trượng Thích lắc đầu, thở dài, rồi bỏ đi. Sau đó, Như Lai đứng dậy trở về tinh xá.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Vừa rồi, khi Ta đang ngồi trong vườn, có Chấp Trượng Thích đến gặp Ta và hỏi Ta rằng: "Sa-môn luận những gì?" Ta đáp: "Điều mà Ta luận chẳng phải là điều mà chư Thiên và thế gian có thể theo kịp, cũng chẳng dính mắc thế gian, cũng chẳng trụ trong thế gian. Điều mà Ta luận là như vậy." Lúc ấy, Chấp Trượng Thích nghe xong liền bỏ đi.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Thế nào là không dính mắc thế gian cũng không trụ ở thế gian?

Thế Tôn bảo:

–Điều mà Ta luận hoàn toàn không dính mắc thế gian, cũng như nay được giải thoát khỏi tham dục, dứt trừ sự nghi ngờ của dòng họ Thích[11],

---

7. Tỳ-da-la-trí tụ 毘羅耶致聚. Pāli: Beluvalaṭṭhikāya mūle, (ngồi) dưới gốc cây beluvaṭṭhika, một loại trúc. Trung 28: Trong một ngôi chùa của họ Thích, trong rừng trúc 竹林釋迦寺中.

8. Chấp Trượng Thích chủng 執杖釋種. Pāli: Daṇḍapāṇipi Sakko.

9. Hán: Phi… sở năng cập… 所能及. Pāli: Yathāvadī… na kenaci loke viggayha tiṭṭhati, yathā ca pana kāmehi visaṃyuttaṃ viharantaṃ taṃ brāhmaṇaṃ akathaṃkathiṃ chinna-kukkuccaṃ bhavābhave vītataṇhaṃ saññā nānusenti, "điều mà Ta nói, không phải để tranh luận với bất cứ ai trong thế gian này; điều mà Ta nói là như Bà-la-môn sống an trú mà không bị trói buộc bởi các dục, không hoài nghi, đoạn trừ ác tác, không còn khát ái nơi hữu và phi hữu, không có các tưởng tiềm phục." Chỗ này Hán dịch thiếu một đoạn, nhưng được thấy trong tường thuật tiếp theo. Tham chiếu, Trung 28 (tr. 0603b18).

10. Dịch sát bản Hán. Có lẽ từ Phạm văn tương đương Pāli: Na kenaci loke viggayha tiṭṭhati: "Không tồn tại để tranh chấp (viggayha) với bất cứ ai trong thế gian", nhưng bản Hán đọc là na kenaci loke vigayha tiṭṭhati, "không tồn tại để đắm chìm (vigayha) trong thế gian."

11. "của dòng họ Thích", cụm từ này có thể được chép dư trong bản Hán. Xem cht. trên.

không có các tưởng.[12] Điều mà Ta luận là như vậy.

Nói xong, Thế Tôn liền đi vào tịnh thất.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nói với nhau:

–Vừa rồi, Thế Tôn nói tóm lược ý nghĩa của luận ấy, mà ai có thể giảng rộng nghĩa này?

Rồi các Tỳ-kheo nói với nhau:

–Thế Tôn thường ca ngợi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên. Chỉ có Ca-chiên-diên có thể giảng rộng ý nghĩa này.

Sau đó, các Tỳ-kheo nói với Ca-chiên-diên rằng:

–Vừa rồi Như Lai đã giảng tóm tắt ý nghĩa ấy. Cúi xin Tôn giả hãy giảng rộng thêm, phân biệt rõ ràng từng việc cho mọi người được hiểu.

Ca-chiên-diên đáp:

–Ví dụ như có một người đi ra khỏi làng để tìm lõi cây. Vừa thấy cây to, người ấy liền đốn ngã lấy cành lá mang đi mà bỏ cây lại. Hôm nay các vị cũng như vậy. Các vị đã bỏ Như Lai mà đi tìm lõi cây nơi cành lá. Nhưng Như Lai nhìn thấy tất cả, không đâu không cùng khắp. Ngài soi sáng thế gian, là Đạo sư của trời, người. Như Lai là chủ chân thật của pháp. Các vị phải tùy theo thời gian thích hợp, tự nhiên sẽ được Như Lai giải thích cho ý nghĩa này.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đáp:

–Tuy Như Lai là chủ chân thật của pháp, sẽ diễn rộng nghĩa ấy. Nhưng Tôn giả đã được Thế Tôn ghi nhận, có khả năng nói rõ nghĩa ấy.

Ca-chiên-diên nói:

–Vậy các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, tôi sẽ giảng nói phân biệt nghĩa ấy.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Ca-chiên-diên nói:

–Luận mà hôm nay Như Lai nói đến, không phải là điều mà trời rồng, quỷ thần có thể theo kịp, không dính mắc, cũng không trụ thế gian, nhưng ta được giải thoát đối với chúng, dứt sạch nghi ngờ không còn do dự. Như chúng sinh ngày nay ưa thích tranh đấu, kiện tụng, khởi các

---

[12] *Xem cht. trên.*

loạn tưởng. Lại nữa, Như Lai nói, Ta không sinh tâm đắm nhiễm trong đó; đó là kết sử tham dục, kết sử sân nhuế, tà kiến, ham muốn thế gian, kết sử kiêu mạn, kết sử nghi, kết sử vô minh và do đó đưa đến đau khổ vì dao gậy, mà tranh đấu kiện tụng với người, phát sinh bao nhiêu hành vi bất thiện, phát sinh loạn tưởng.

Khi mắt thấy sắc mà sinh ra thức tưởng, nhân ba sự ấy mà có xúc[13]. Do có xúc* nên có thọ*. Do có thọ* nên có giác tri. Do có giác tri nên có tưởng. Do có tưởng nên suy lường; từ đó mà có các niệm dính mắc nơi tưởng[14]. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp mà sinh ra thức tưởng, nhân ba sự ấy mà có xúc. Do có xúc* nên có thọ*. Do có thọ* nên có giác tri. Do có giác tri nên có tưởng. Do có tưởng nên suy lường; từ đó mà có các niệm dính mắc nơi tưởng. Đó là kết sử tham dục, kết sử sân nhuế, tà kiến, ham muốn thế gian, kết sử kiêu mạn, kết sử nghi ngờ, kết sử vô minh, gây ra tai biến đao gậy và bao nhiêu tai biến khác không thể tính hết.

Nếu có ai nói không có mắt, không có sắc mà lại có xúc*, điều đó không đúng. Nếu có ai nói không có xúc* mà có thọ* thì cũng không đúng. Nếu nói không có thọ* mà có tưởng thì cũng không đúng. Nếu có ai nói không có tai, không có tiếng; không có mũi, không có mùi; không có lưỡi, không có vị; không có thân, không có sự xúc chạm; không có ý, không có pháp, mà nói là có thức, thì cũng không có lý. Nếu có ai nói không có xúc* mà có thọ* thì cũng không đúng. Nếu nói không có thọ* mà có tưởng thì cũng không đúng. Nếu có ai nói, có mắt, có sắc và ở trong đó phát sinh ra thức, điều đó hợp lý. Nếu nói có tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân, sự trơn láng; ý, pháp và ở trong đó phát sinh ra thức, điều đó hợp lý. Các vị nên biết, do nhân duyên này nên Thế Tôn nói: "Điều mà Ta luận, không phải là điều mà trời, người, ma, thiên ma có thể theo kịp; không chấp trước thế gian, không trụ ở thế gian, nhưng Ta lại giải thoát khỏi tham dục, chấm dứt nghi ngờ, không còn do dự." Vì lý do này Thế Tôn nói nghĩa ấy. Nếu ai chưa thông suốt thì hãy đến gặp Thế Tôn hỏi lại nghĩa ấy. Như Lai có dạy điều gì, hãy ghi nhớ mà phụng hành.

Nghe Ca-chiên-diên giảng xong, các Tỳ-kheo không nói là đúng, cũng không nói là sai, mà tức thời đứng dậy, nói với nhau:

---

[13] *Nguyên Hán: Cánh lạc 更樂. Đây là định nghĩa về xúc. Định cú Pāli: Cakhuṭca… paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅati phasso, duyên nơi mắt và sắc, thức con mắt khởi lên. Tổ hợp ba này (gồm mắt, sắc, và thức) là xúc.*

[14] *Pāli: Yaṃ vitakketi taṃ papaṭceti, do tầm mà có hý luận.*

–Chúng ta hãy đem ý nghĩa này đến hỏi Thế Tôn. Thế Tôn có dạy điều gì, sẽ theo đó mà phụng hành.

Rồi thì số đông các Tỳ-kheo đến gặp Thế Tôn, đảnh lễ sát đất, rồi ngồi qua một phía, đem việc lúc nãy bạch với Thế Tôn.

Bấy giờ, Như Lai nói với các Tỳ-kheo rằng:

–Tỳ-kheo Ca-chiên-diên thông minh, biện tài, đã giảng rộng nghĩa ấy. Nếu các ông đến hỏi Ta điều đó, thì Ta cũng giảng cho các ông như vậy mà thôi.

Lúc ấy, A-nan đang đứng sau Như Lai. A-nan liền bạch Phật rằng:

–Ý nghĩa của kinh này rất sâu sắc. Giống như có người đi đường gặp cam lồ[15] liền lấy ăn. Thật hết sức thơm ngon, ăn không biết chán. Ở đây cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nghe kinh này sẽ không hề biết chán.

A-nan lại hỏi:

–Kinh này tên là gì và phụng hành ra sao?

Phật bảo A-nan:

–Kinh này tên là: "Pháp vị cam lồ"[16]. Hãy ghi nhớ và phụng hành.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phẩm 41: CHỚ SỢ

KINH SỐ 1[17]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Ni-câu-lầu thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ của dòng họ Thích, cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, Thích Ma-ha-nam đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát đất, ngồi qua một phía, rồi bạch Thế Tôn rằng:

–Tự thân con nghe Như Lai có dạy như vầy: Thiện nam, thiện nữ nào đoạn trừ ba kết sử thành Tu-đà-hoàn, gọi là không thoái chuyển, ắt thành đạo quả, không còn tìm cầu đến các ngoại đạo dị học, cũng không xét đến các thuyết mà người khác nói. Không có trường hợp nào mà không phải

---

[15] Trung 28: Mật hoàn 蜜丸, cục mật ong. Pāli: Madhupiṇḍikaṃ.

[16] Cam lộ pháp vị 甘露法味. Trung 28: Mật hoàn dụ 蜜丸喻. Pāli: Madhupiṇḍika-pariyāyo.

[17] Pāli, S. 55. 21. Mahānāma (R. v. 369); Pāli, M. 12 Cūḷadukkhakkhandha (R. i. 19). Hán, Tạp 33, kinh 930.

như vậy.

Nhưng khi con thấy bò, ngựa, lạc đà hung dữ, thì con sợ hãi đến rợn tóc gáy và nghĩ rằng: "Nếu hôm nay mà ta gặp phải tai nạn này chắc sẽ qua đời và sẽ sinh về đâu?"

Thế Tôn bảo Ma-ha-nam :

–Chớ sợ, Ma-ha-nam! Giả sử hôm nay mạng chung, ông sẽ không đọa vào ba đường dữ. Vì sao? Có ba thứ dẫn đến tiêu diệt. Ba thứ ấy là: "Như có người do tham đắm dâm dục mà phát sinh não loạn, lại có tâm làm hại người khác.[18] Nếu không có tâm tham dục này thì sẽ không có tâm sát hại, ở trong đời hiện tại không phát sinh khổ não. Những ai có pháp ác, bất thiện, thì sẽ tự hại mình. Nếu không có pháp ấy thì không bị nhiễu loạn, không có sầu ưu. Cho nên, này Ma-ha-nam, ba ý nghĩa này cho thấy các pháp ác thì đọa xuống dưới, các pháp lành thì nổi lên trên. Cũng như thả hủ bơ bị vào trong nước, rồi đạp vỡ; các mảnh sành liền chìm xuống còn bơ thì nổi lên trên. Ở đây cũng vậy, các pháp ác bất thiện liền chìm xuống, các pháp lành thì nổi lên. Ma-ha-nam, nên biết, ngày xưa khi chưa thành Phật đạo[19], Ta siêng tu khổ hành suốt sáu năm tại Ưu-lưu-tỳ, không ăn thức ăn ngon. Thân thể ốm gầy giống như là người trăm tuổi, đều do không ăn mà ra. Khi Ta định đứng dậy, liền bị té xuống đất. Lúc ấy, Ta lại suy nghĩ: nếu Ta bị chết lúc ấy thì sẽ sinh về đâu?" Và Ta nghĩ rằng: "Nếu hôm nay Ta chết thì sẽ không đọa ác đạo, nhưng ý nghĩa không phải là từ vui đến vui, mà là từ khổ đến vui."

Sau đó, Ta sống trong hang Tiên nhân[20], có nhiều Ni-kiền Tử đang học đạo ở đấy. Lúc ấy, có Ni-kiền Tử đưa tay chỉ mặt trời, phơi thân ngoài nắng để học đạo. Có người ngồi chồm hổm để học đạo. Bấy giờ, Ta đến chỗ họ, nói với họ rằng: "Vì sao các ông không ngồi mà lại dơ tay, kiễng chân vậy?" Ni-kiền Tử nói: "Cù-đàm nên biết, trước kia thầy tôi đã làm việc bất thiện, sở dĩ chúng tôi khổ hành là để diệt tội ấy.[21] Nay phơi bày thân thể tuy hơi nhục, nhưng tội ấy sẽ được diệt trừ. Cù-đàm nên biết, hành

---

[18] Cf. Pāli, M. 12 Cūḷadukkhakkhandha (R. i. 19): Lobho, doso, moho cittassa upakkileso'ti. Tham, sân, si, là cấu uế của tâm.

[19] Tường thuật tương tợ, Cf. M. 14. ibid.

[20] Tiên nhân quật 仙人窟. Pāli: Isigila; tường thuật tương tợ, cf. M. 14, ibid.

[21] Có lẽ Hán dịch bị nhảy sót nên đoạn văn hơi vô lý. Tham chiếu Pāli, ibid.: Nigaṇṭho nāṭaputto, sabbaññū… so evamāha pubbe pāpakammaṃkataṃ, taṃ imāya kaṭukāya dukkarakārikāya nijjīretha, "Ni-kiền Tử, đấng toàn trí, đã nói như vậy: Bằng sự khổ hành khốc liệt này, các ngươi sẽ trừ diệt ác nghiệp đã làm trước kia."

dứt hết thì khổ cũng dứt hết; khổ dứt hết thì hành cũng dứt hết.[22] Khổ, hành dứt hết thì đạt đến Niết-bàn."

Khi ấy, Ta nói với các Ni-kiền Tử rằng: "Việc ấy không đúng. Không phải do hành dứt hết mà khổ dứt hết; cũng không phải do khổ dứt hết và hành dứt hết mà đạt Niết-bàn. Giả sử khổ hành diệt hết mà đạt đến Niết-bàn, điều đó đúng; nhưng không thể từ vui mà dẫn đến vui."[23] Ni-kiền Tử nói: "Vua Tần-tỳ-sa-la do từ vui mà dẫn đến vui, có gì là khổ?" Khi ấy, Ta lại nói với Ni-kiền Tử rằng: "Cái vui của vua Tần-tỳ-sa-la làm sao bằng cái vui của Ta?" Ni-kiền Tử nói: "Cái vui của vua Tần-tỳ-sa-la hơn cái vui của ông." Ta lại nói với Ni-kiền Tử rằng: "Vua Tần-tỳ-sa-la có thể như Ta ngồi kiết già bảy ngày bảy đêm không lay động[24] được không? Hoặc ngồi kiết già sáu, năm, bốn, ba, hai cho đến một ngày được không?" Ni-kiền Tử đáp: "Không được, thưa Cù-đàm." Thế Tôn bảo: "Ta có thể ngồi kiết già mà thân hình không lay động*. Thế nào, Ni-kiền Tử, vậy ai vui hơn?" Ni-kiền Tử đáp: "Sa-môn Cù-đàm vui hơn."

Này Ma-ha-nam, hãy do phương tiện này mà biết rằng, vui không thể đến từ vui,[25] mà vui phải đến từ khổ. Này Ma-ha-nam, giống như hai bên làng có ao nước lớn, dài rộng một do-tuần, chứa đầy nước. Nếu có người đến đó lấy một giọt nước; này Ma-ha-nam, giọt nước đó nhiều hay nước trong hồ nhiều hơn?[26]

Ma-ha-nam nói:

–Nước trong hồ nhiều; chẳng phải một giọt nước nhiều.

Thế Tôn bảo:

–Ở đây cũng như vậy, đệ tử Hiền thánh đã vĩnh viễn chấm dứt các khổ, chỉ còn lại (một ít khổ) cũng như một giọt nước mà thôi. Người chứng quả thấp nhất trong chúng của Ta trải qua không quá bảy lần sinh, bảy lần chết nữa thì dứt sạch gốc khổ; nếu dũng mãnh, tinh tấn thì đạt đến gia gia[27]

---

22. Đối chiếu Pāli: Kammakkhayā dukkhakkhayo, nghiệp dứt sạch, nên khổ dứt sạch.

23. Trong bản Pāli, điều này là phát biểu của nhóm Ni-kiền Tử: Na… sukhena sukhaṃ adhi-gantaṃ, dukkhena kho sukhaṃ adhigantabbaṃ (…) bimbisāro sukhaṃ adhigaccheyya, "lạc không thể đạt được bằng lạc; lạc phải đạt được bằng khổ. (Nếu không như vậy,) vua Bimbisara có thể đạt được lạc." Đây là lý luận cho lối tu khổ hạnh của Ni-kiền Tử mà Phật bác bỏ. Hán dịch sai lầm cho là quan điểm của Phật.

24. Pāli, thêm chi tiết: Suốt bảy ngày bảy đêm an trú với cảm thọ duy nhất là lạc (ekanta-sukhaṃ paṭisaṃvedī vaharitum).

25. Xem cht. trên.

26. Xem Tạp 5, kinh 109. Pāli, S. 13.2. Pokkharaṇī.

27. Gia gia, thứ sáu trong mười tám bậc Hữu học. Xem Trung 30, kinh 127.

rồi đắc đạo.

Rồi Thế Tôn lại nói thêm pháp vi diệu cho Ma-ha-nam nghe. Sau khi nghe pháp xong, ông đứng dậy ra về.

Bấy giờ Ma-ha-nam nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Na-già-bà-la ở trong thành Lộc dã.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn tuổi đã già nua, vốn có đôi chút quen biết đối với Tôn giả Na-già-bà-la. Lúc ấy, Bà-la-môn đó đến chỗ Tôn giả Na-già-bà-la, đảnh lễ rồi ngồi qua một phía.

Phạm chí nói với Tôn giả Na-già-bà-la rằng:

–Ngài là người sung sướng nhất trong những người sung sướng.

Tôn giả Na-già-bà-la nói:

–Vì sao ông nói tôi là người sung sướng nhất trong những người sung sướng?

Bà-la-môn đáp:

–Trong vòng bảy ngày, bảy đứa con trai của tôi đều chết. Chúng đều dũng mãnh, tài cao, trí tuệ, khó có ai sánh kịp. Trong vòng sáu ngày gần đây, mười hai người giúp việc qua đời. Họ đều là những người giúp việc siêng năng. Trong vòng năm ngày, bốn anh em tôi qua đời. Họ có nhiều nghề, làm gì cũng giỏi. Bốn ngày gần đây, cha mẹ tôi đã gần trăm tuổi bỏ tôi mà lìa đời. Ba ngày gần đây, hai người vợ xinh đẹp hiếm có trên đời của tôi đã chết. Lại nữa trong nhà có tám hầm châu báu, hôm qua tìm mãi không thấy. Những khổ não mà tôi đang gặp không thể tính hết. Còn Tôn giả thì đã vĩnh viễn xa lìa tai họa đó, không còn lo buồn, sống an vui vơi đạo pháp. Vì lý do đó tôi mới nói ngài là người sung sướng nhất trong những người sung sướng.

Lúc ấy, Tôn giả Na-già-bà-la bảo Phạm chí ấy rằng:

–Sao ông không tìm phương tiện cho những người ấy không qua đời.

Phạm chí đáp:

–Tôi cũng làm nhiều phương tiện để không chết, không bị mất của, lại tùy thời bố thí, tạo các công đức, tế tự chư Thiên, cúng dường các Phạm chí trưởng lão, thủ hộ chư Thần, tụng các chú thuật, lại có thể xem tinh tú,

chế thuốc thang, bố thí đồ ăn uống ngon lành cho những người nghèo khổ. Những việc như vậy kể ra không hết nhưng lại không thể cứu mạng sống của họ.

Bấy giờ, Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

Thuốc thang và chú thuật
Y áo, đồ ăn uống
Tuy cho nhưng vô ích
Vẫn ôm lấy khổ đau.
Giả sử cúng tế thần
Hương hoa và tắm gội
Suy tính nguồn gốc này
Không thể chữa trị được.
Giả sử cho các vật
Tinh tấn giữ phạm hạnh
Suy tính nguồn gốc này
Không thể chữa trị được.

Phạm chí hỏi:

–Phải làm cách nào để thoát khỏi tai họa khổ não này?

Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

Gốc ân ái, vô minh
Phát sinh các khổ não
Diệt sạch các thứ ấy
Thì không còn khổ não.

Nghe xong, Phạm chí ấy liền nói kệ:

Tuy già chẳng ngại già
Hành sự như đệ tử
Xin xuất gia học đạo
Để thoát tai nạn này.

Rồi thì Tôn giả Na-già-bà-la trao cho ông ba y, cho ông ấy xuất gia học đạo và bảo với ông ấy rằng:

–Ông nay là Tỳ-kheo. Hãy quán sát thân này từ đầu đến chân; xét xem tóc, lông, móng, răng, từ đâu mà đến, hình hài, da thịt, xương, tủy, ruột, bao tử, từ đâu mà đến. Nếu từ bỏ đây, thì sẽ đi về đâu? Vì vậy, Tỳ-kheo chớ có lo nghĩ nhiều về sự khổ não của thế gian, mà phải quán sát trong lỗ chân lông này, tìm phương tiện thành tựu bốn Đế.

Bấy giờ, Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

Trừ tưởng, chớ lo nhiều
Không lâu được pháp nhãn
Hành vô thường, như điện
Không gặp phước lớn này.
Quán từng lỗ chân lông
Nguồn gốc của sinh diệt
Hành vô thường, như điện
Bố thí hướng Niết-bàn.

Sau khi nghe giảng xong, Tỳ-kheo già ấy ngồi ở nơi vắng vẻ tư duy về mục đích mà thiện nam ấy cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo với lòng tin kiên cố, tu phạm hạnh vô thượng, biết như thật rằng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, đã làm những việc cần làm, không còn thọ thai trở lại. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy liền đắc quả A-la-hán.

Có vị Thiên vốn là bạn cũ của Tỳ-kheo ấy, thấy vị ấy thành A-la-hán, liền đến chỗ Tôn giả Na-già-bà-la đứng trên hư không mà nói kệ rằng:

Đã đắc giới Cụ túc
Ở nơi vắng vẻ ấy
Đắc đạo, tâm không chấp
Trừ sạch nguồn gốc ác.

Lúc ấy, vị Thiên đó rải hoa trời cúng dường Tôn giả rồi biến mất.

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy và vị Thiên nghe những điều Tôn giả Na-già-bà-la nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3[28]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Hãy quán bảy xứ thiện, lại xét bốn pháp[29], ở ngay trong đời này được gọi là thượng nhân. Này Tỳ-kheo, thế nào là quán bảy xứ thiện? Ở đây, Tỳ-kheo đem tâm Từ rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, bốn hướng và phương trên dưới cũng đều như vậy, làm cho tâm Từ tràn đầy khắp thế gian. Với tâm Bi, Hỷ, Xả*, không, vô tướng, nguyện

[28] *Tham chiếu Pāli, S. 22.; 57. Sattaṭṭhāna (R. iii. 62). Hán, Tạp 2, kinh 42.*

[29] *Tạp 2: Thất xứ thiện, tam chủng quán nghĩa 七 處 善 三 種 觀 義. Pāli, S.22: Sattaṭṭhānakusalo, tividhāpaparikkhī.*

cũng lại như vậy.[30] Các căn đầy đủ, ăn uống điều độ, thường tự giác ngộ; Tỳ-kheo quán bảy pháp như vậy.

Tỳ-kheo, xét bốn pháp như thế nào? Ở đây, Tỳ-kheo bên trong tự quán thân trừ khử sầu ưu, thân ý chỉ; bên ngoài lại quán thân, thân ý chỉ; trong ngoài quán thân, thân ý chỉ. Bên trong tự quán thọ*, thọ ý chỉ; bên ngoài lại quán thọ*, thọ ý chỉ; trong ngoài quán thọ*, thọ ý chỉ. Bên trong tự quán tâm, tâm ý chỉ; tâm ý chỉ; trong ngoài quán tâm, tâm ý chỉ; trừ khử sầu ưu, không còn các khổ hoạn. Bên trong tự quán, pháp ý chỉ; bên ngoài lại quán pháp ý chỉ; trong ngoài quán pháp ý chỉ. Tỳ-kheo, hãy quan sát bốn pháp như vậy.

Này Tỳ-kheo, quán bảy xứ thiện và xét bốn pháp ấy, ở ngay trong đời này là bậc Thượng nhân. Vì vậy, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu bảy xứ thiện và xét bốn pháp ấy. Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Ni-câu-lũ, nước Ca-tỳ-la-vệ, giữa những người họ Thích cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Chúng con muốn đến phương Bắc để du hóa.

Thế Tôn nói:

–Nên biết thời.

Rồi Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông đã từ giã Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chưa?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chưa, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy đến từ giã Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao? Tỳ-kheo Xá-

---

[30] *Xem kinh số 3, phẩm 30.*

lợi-phất thường xuyên giáo giới cho những người phạm hạnh, thuyết pháp không hề mệt mỏi.

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp xong, rời khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu Phật ba vòng, rồi ra đi.

Lúc ấy, Xá-lợi-phất đang ở một tháp miếu của những người họ Thích. Các Tỳ-kheo đến chỗ Xá-lợi-phất, chào hỏi, rồi ngồi qua một phía. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất rằng:

–Chúng tôi muốn đến phương Bắc du hóa trong nhân gian. Nay đã từ giã Thế Tôn.

Xá-lợi-phất nói:

–Này các thầy, nên biết, nhân dân, Sa-môn, Bà-la-môn ở phương Bắc đều thông minh, trí tuệ khó ai bì. Nếu có người muốn thử, đến hỏi các vị rằng: "Chư Hiền có chủ trương gì?" Các thầy sẽ trả lời như thế nào?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Nếu có ai đến hỏi, chúng tôi sẽ trả lời bằng nghĩa lý này: "Sắc là vô thường. Cái gì vô thường, cái đó là khổ. Cái gì khổ, cái đó là vô ngã. Vô ngã là không. Do không, vô ngã nên chúng rỗng không. Đó là điều mà người trí quán sát. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng vậy, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Những gì là không, vì nó vô ngã nên không. Đó là điều mà người trí học. Năm ấm này đều rỗng không, vắng lặng. Những gì tụ hội bởi nhân duyên, đều sẽ tiêu diệt, không tồn tại lâu dài. Con đường tám nhánh cùng tu với bảy chi. Những điều mà Tôn Sư của chúng tôi dạy chính là như vậy." Nếu có người Sát-lợi, Bà-la-môn hay nhân dân đến hỏi, chúng tôi sẽ trả lời với nghĩa lý như vậy.

Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng:

–Các thầy hãy kiên trì tâm ý, chớ có khinh suất.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói pháp vi diệu đầy đủ cho các Tỳ-kheo nghe. Các Tỳ-kheo nghe xong, liền rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Khi số đông các Tỳ-kheo đi chưa bao xa, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Như thế nào là thực hành con đường tám ngành và pháp bảy chi?

Số đông các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất rằng:

–Chúng tôi từ xa đến đây là để nghe ý nghĩa ấy. Xin hãy giảng cho chúng tôi.

Xá-lợi-phất đáp:

–Các vị hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Tôi sẽ nói.

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

Xá-lợi-phất nói:

–Ai nhất tâm niệm chánh kiến, tức là niệm giác ý không rối loạn. Đẳng trị[31], là nhất tâm niệm hết thảy các pháp, tức là pháp giác ý. Đẳng ngữ[32], là thân, ý tinh tấn, tức là tinh tấn giác ý. Đẳng nghiệp[33], là hết thảy các pháp được sinh, tức là hỷ giác ý. Đẳng mạng[34], là biết đủ đối với tài sản Hiền thánh, xả bỏ tài sản thế tục, nhẹ nhàng thân thể, tức là khinh an* giác ý. Đẳng phương tiện[35], là chứng đắc bốn Thánh đế, trừ sạch các kết sử, tức là định giác ý. Đẳng niệm[36], là quán sát bốn Ý chỉ[37], thân không bền chắc, thảy đều rỗng không, vô ngã, tức là xả* giác ý. Đẳng Tam-muội[38], là đạt được những gì chưa đạt, độ thoát những gì chưa độ thoát, chứng đắc những gì chưa chứng đắc.[39]

Nếu có người đến hỏi rằng: "Như thế nào là tu tám đạo và bảy pháp ấy", các thầy hãy trả lời như vậy. Vì sao? Bởi vì Tỳ-kheo nào tu tám đạo và bảy pháp này, tâm liền được giải thoát khỏi hữu lậu.

Tôi nhắc lại cho các thầy rõ, Tỳ-kheo nào tu hành tư duy con đường tám nhánh và bảy pháp này, Tỳ-kheo ấy liền thành tựu hai quả không nghi ngờ gì. Hoặc chứng quả A-la-hán. Vả lại, hãy gác qua việc đó. Nếu không thể tu tập nhiều, nhưng trong một ngày mà tu hành con đường tám nhánh và bảy pháp này, phước báo không thể tính hết. Hoặc đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán.[40]

Vì vậy, các thầy phải tìm cầu phương tiện tu hành con đường tám nhánh và bảy pháp này, nhất định sẽ chứng đắc đạo không có gì nghi ngờ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Xá-lợi-phất nói, hoan hỷ

---

31. Đẳng trị 等治, dịch nghĩa khác của chánh tư duy.

32. Đẳng ngữ, tức chánh ngữ.

33. Đẳng nghiệp, tức chánh nghiệp.

34. Đẳng mạng, tức chánh mạng.

35. Đẳng phương tiện, tức chánh tinh tấn.

36. Đẳng niệm, tức chánh niệm.

37. Bốn Niệm xứ.

38. Đẳng Tam-muội, tức chánh định.

39. Hán dịch sót: Định giác ý.

40. Việt dịch sát. Nhưng Hán dịch đoạn này lộn xộn. Nói theo thứ tự: Tu tám Thánh đạo và bảy Giác chi trong bảy năm, hoặc chỉ trong bảy ngày, cho đến một ngày, có thể chứng một trong hai quả: Hoặc A-la-hán ngay trong đời này, hoặc nếu còn hữu dư, chứng A-na-hàm, tái sinh Tịnh cư thiên và nhập Niết-bàn trên đó.

phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ..

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Nay ông đã cao tuổi, ý lực không còn trẻ khỏe, hãy nhận y áo và đồ ăn của các trưởng giả.

Ca-diếp bạch Phật rằng:

–Con không thể nhận y áo và đồ ăn của họ. Nay với con, mặc y vá mảnh này và tùy thời khất thực, không còn an lạc nào hơn. Vì sao? Trong tương lai sẽ có các Tỳ-kheo thân thể yếu ớt, tâm tham y đẹp, thức ăn ngon, nên giảm sút tọa thiền, không kham hành khổ hạnh, nhưng người ấy lại nói: "Quá khứ trong thời Phật, các Tỳ-kheo cũng nhận sự cung thỉnh của người, nhận y áo, thức ăn. Vì sao chúng ta không làm theo Thánh nhân ngày xưa?" Do tham đắm y áo, thức ăn, họ sẽ cởi bỏ y phục làm bạch y, khiến cho các vị Thánh hiền không còn oai thần, bốn bộ chúng dần dần suy giảm. Thánh chúng đã giảm bớt thì tháp miếu Phật cũng sẽ bị hủy hoại. Tháp miếu Phật bị hủy hoại cho nên kinh sách bị thất lạc. Lúc ấy, chúng sinh không còn tinh quang. Do không còn tinh quang nên tuổi thọ rất ngắn. Bấy giờ, chúng sinh sau khi mạng chung đều đọa vào ba đường dữ. Cũng như ngày nay, chúng sinh tạo phước nhiều nên đều được sinh Thiên; chúng sinh trong tương lai vì tạo tội nhiều nên đều đọa địa ngục.

Thế Tôn nói:

–Lành thay, lành thay, Ca-diếp! Ông đã làm nhiều lợi ích, làm ruộng phước và bạn lành của mọi người. Ca-diếp nên biết, hơn một ngàn năm sau khi Ta nhập Niết-bàn sẽ có Tỳ-kheo sút giảm thiền định, không còn thực hành pháp Đầu-đà, cũng không có đắp y vá mảnh và đi khất thực, chỉ thích nhận y áo, thức ăn do trưởng giả mang lại. Không còn ai sống dưới gốc cây, tại chỗ nhàn tĩnh, mà chỉ ưa trang sức phòng xá. Cũng không dùng đại tiểu tiện làm thuốc,[41] mà chỉ thích các loại dược thảo rất ngon ngọt. Hoặc ở

[41] *Đại tiểu tiện dược 大小便藥. Dịch ý của từ hủ lạn dược 腐爛藥, loại thuốc quy định*

đây lại tham đắm tài sản, tiếc lẫn phòng xá, thường xuyên tranh chấp với nhau. Lúc bấy giờ, đàn-việt thí chủ, dốc lòng chí tín Phật pháp, ưa hành huệ thí, không tiếc lẫn tài vật. Đàn-việt thí chủ ấy sau khi mạng chung thảy đều sinh lên trời. Nhưng Tỳ-kheo lười biếng thì vào địa ngục.

Như vậy, Ca-diếp, hết thảy các hành là vô thường, không tồn tại dài lâu.

Lại nữa, Ca-diếp, nên biết, trong đời tương lai có Tỳ-kheo tuy cạo đầu những vẫn hành theo nghiệp thế tục; tay trái ẵm con trai, tay phải ẵm con gái; lại cầm đàn, sáo mà khất thực trên đường phố. Lúc ấy, thí chủ đàn-việt còn thọ phước vô cùng huống gì ngày nay những người khất thực đều tu hành chân chánh.

Này Ca-diếp, tất cả các hành đều vô thường, không thể tồn tại lâu dài.

Ca-diếp nên biết, trong tương lai, Sa-môn Tỳ-kheo sẽ xả bỏ con đường tám nhánh và bảy pháp này, cũng như Pháp bảo mà ngày hôm nay Ta đã tích tụ trong ba a-tăng-kỳ kiếp. Trong tương lai, các Tỳ-kheo khất thực để tự nuôi sóng bằng sự ca hát giữa đám đông. Đàn-việt thí chủ cho cơm cho chúng Tỳ-kheo đó mà còn được phước, huống là ngày nay mà không được phước sao? Nay Ta đem pháp này giao cho Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao? Hôm nay, Ta đã gần tám mươi tuổi. Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Nay đem Pháp bảo giao phó cho hai người. Hãy ghi nhớ đọc tụng, lưu truyền ở thế gian, đừng để đoạn tuyệt. Nếu ai ngăn cản ngôn giáo của Thánh nhân, người ấy sẽ đọa vào biên địa. Hôm nay ta đã giao phó kinh pháp cho ông, đừng để bị thất thoát.

Lúc ấy, Ca-diếp và A-nan liền rời khỏi chỗ ngồi, quỳ xuống chắp tay, bạch Thế Tôn rằng:

–Vì sao lại đem giáo pháp giao phó cho hai con mà không giao cho vị khác? Lại nữa, trong chúng Như Lai, các vị có thần thông bậc nhất không thể đếm hết, sao Như Lai không phó chúc cho các vị đó?

Thế Tôn bảo Ca-diếp rằng:

–Trên trời, trong loài người, ta không thấy người nào có thể thọ trì Pháp bảo sánh với Ca-diếp và A-nan. Trong chúng Thanh văn cũng không có ai vượt hơn được hai người này. Chư Phật trong quá khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp như Ca-diếp và A-nan ngày nay, rất là hy hữu. Vì sao? Tỳ-kheo hành Đầu-đà trong thời Phật quá khứ, khi pháp

---

cho Tỳ-kheo. Pāli: Pūtiimatta, cũng được hiểu là nước đái quỷ. Nhưng ngữ nguyên của từ này không rõ ràng.

còn thì vị ấy còn, khi pháp diệt vị ấy cũng mất. Tỳ-kheo Ca-diếp của Ta ngày nay lưu lại ở thế gian cho đến khi Phật Di-lặc ra đời rồi mới nhập diệt. Do đó Tỳ-kheo Ca-diếp hơn các Tỳ-kheo thời quá khứ. Còn Tỳ-kheo A-nan vì sao lại hơn các thị giả của chư Phật quá khứ? Thị giả của chư Phật quá khứ nghe các Ngài giảng sau đó mới hiểu; nhưng Tỳ-kheo A-nan ngày nay Như Lai chưa nói đã hiểu; Như Lai không nói cũng đều biết hết. Do bởi nhân duyên này Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả của chư Phật quá khứ.

Vì vậy, hôm nay Ta giao phó Pháp bảo cho Ca-diếp và A-nan, đừng để bị khuyết giảm.

Rồi Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Hết thảy hành vô thường
Có sinh ắt có diệt
Không sinh thì không chết
Diệt ấy đệ nhất lạc.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp và A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 36

Phẩm 42: TÁM NẠN (1)

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Kẻ phàm phu không nghe, không biết thời tiết mà pháp được thuyết. Tỳ-kheo nên biết, có tám thời tiết mà lúc đó con người không nghe, không được tu hành. Những gì là tám?

Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, sở hành của Như Lai đến được Niết-bàn, nhưng chúng sinh này ở trong địa ngục nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ nhất.

Khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sinh này ở trong loài súc sinh nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ hai.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sinh này ở trong loài ngạ quỷ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ ba.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sinh này sinh lên trời Trường thọ nên không nghe, không thấy. Đó gọi là nạn thứ tư.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp, nhưng chúng sinh này sinh ở biên địa, phỉ báng Hiền thánh, tạo các tà nghiệp. Đó gọi là nạn thứ năm.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, chúng sinh này tuy sinh ở trung tâm đất nước, nhưng sáu căn không đầy đủ, cũng lại không phân biệt được pháp thiện ác. Đó gọi là nạn

---

[1] *Pāli, A. III. 29 Akkhaṇa (R. iv. 225). Hán, Trung 29, kinh 124.*

thứ sáu.

Lại nữa, khi Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, chúng sinh này sinh ở trung tâm đất nước, tuy sáu căn lại hoàn toàn, không có thiếu sót; nhưng chúng sinh này tâm thức tà kiến, cho rằng không có người cho, không có vật bố thí, không có người nhận, không có quả báo thiện ác, không có đời này, đời sau, cũng không có cha mẹ; đời không có Sa-môn, Bà-la-môn nào thành tựu được A-la-hán, tự thân chứng ngộ và an trú. Đó gọi là nạn thứ bảy.

Lại nữa, Như Lai không xuất hiện ở đời, không nói giáo pháp khiến đến Niết-bàn, dẫu chúng sinh này sinh ở trung tâm đất nước, đầy đủ sáu căn, có thể thọ nhận giáo pháp, thông minh tài giỏi, nghe pháp liền hiểu, tu hành chánh kiến, tin có vật bố thí, có người bố thí, có người nhận, có báo thiện ác, có đời này, đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn, tu chánh kiến, tác chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là nạn thứ tám, khiến người phạm hạnh không thể tu hành. Tỳ-kheo, đó gọi là có tám nạn này, khiến phạm hạnh không thể tu hành.

Ở đây, Tỳ-kheo, có một pháp thời tiết mà người phạm hạnh có thể tu hành. Một ấy là gì? Ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời giảng rộng giáo pháp đạt đến Niết-bàn, mà người này sinh ở trung tâm đất nước, thế trí biện thông, đối vật đều sáng tỏ, tu hành chánh kiến, có thể phân biệt pháp thiện ác, tin có đời này, đời sau, đời có Sa-môn, Bà-la-môn tu chánh kiến, tác chứng, đắc A-la-hán. Đó gọi là một pháp khiến người phạm hạnh có thể tu hành, đắc đến Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Tám nạn chẳng một loại
Khiến người không đắc đạo
Như nay thời hiện tại
Thế gian rất khó gặp;
Nên hãy học chánh pháp
Chớ mất cơ hội này
Nhớ lại về quá khứ
Đã từng sinh địa ngục;
Nên đoạn trừ, vô dục
Mà tư duy chánh pháp
Lâu dài trong thế gian
Không khi nào dứt tuyệt;

Nên đoạn trừ, vô dục
Mà tư duy chánh pháp
Đoạn hẳn nguồn sinh tử
Lâu dài trong thế gian.
Nay đã được thân người
Phân biệt pháp chánh chân
Những người không đắc quả
Tất sống trong tám nạn.
Nay nói có tám nạn
Yếu hành của Phật pháp
Một nạn vẫn nguy kịch
Như ván nổi ngoài biển.
Tuy sẽ lìa một nạn
Dẫu cho có lý này
Nếu lìa một, bốn Đế
Vĩnh viễn lìa chánh đạo.
Cho nên phải chuyên tâm
Tư duy lý vi diệu
Chí thành nghe chánh pháp
Đạt đến chỗ vô vi.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện xa lìa nơi tám nạn, chớ mong ở trong đó.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ:

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có tám địa ngục lớn. Những gì là tám?

1. Địa ngục Hoàn hoạt.
2. Địa ngục Hắc thằng.
3. Địa ngục Đẳng hại.
4. Địa ngục Thế khốc.
5. Địa ngục Đại thế khốc.

6. Địa ngục A-tỳ.

7. Địa ngục Viêm.

8. Địa ngục Đại viêm.[2]

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Hoàn hoạt và Hắc thằng
Đẳng hại và Thế khốc
Ngũ nghịch ngục A-tỳ
Địa ngục Viêm, Đại viêm.
Đó là tám địa ngục
Trong ấy không thể ở
Đều do gốc hạnh ác
Mười sáu lớp ngăn quanh.
Còn trên ngục sắt kia
Bị lửa thường thiêu đốt
Tràn ngập một do-tuần
Lửa cháy dậy hừng hực.
Bốn thành bốn cửa ngõ
Ở trong rất bằng phẳng
Lại dùng sắt làm thành
Ván sắt che trên đó.

Đây là do duyên tội báo chúng sinh, khiến chúng sinh kia chịu khổ vô cùng, máu thịt tiêu hết, chỉ còn có xương.

Vì những duyên cớ gì gọi là địa ngục Hoàn hoạt? Những chúng sinh kia thân hình thẳng đơ, không cử động, bị khổ bức bách không thể di chuyển, thân thể không còn máu thịt. Lúc đó, chúng sinh nói với nhau: "Chúng sinh sống lại!" Khi ấy, chúng sinh kia tức thì sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Hoàn hoạt.

Lại vì nhân gì mà gọi là địa ngục Hắc thằng? Vì chúng sinh kia hình thể gân, mạch, đều hóa thành dây, để cưa vào thân. Cho nên gọi là địa ngục Hắc thằng.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đẳng hại? Lúc ấy, chúng sinh kia tụ tập lại một chỗ, đã chém đầu mà giây lát sống trở lại. Vì nhân duyên này gọi là địa ngục Đẳng hại.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Thế khốc? Chúng sinh kia đã

---

[2] *Xem Trường 19, kinh 30 Thế Ký, phẩm "Địa Ngục" Cf. Pāli, Jā v. 266, 271: Sañjīva, Kālasutta, Saṅgha, Jalaroruva, Dhūmaroruva, Mahāvīci, Tapana, Mahātapana.*

đoạn mất căn lành, không còn sót chút lông tóc, ở trong địa ngục kia chịu vô số khổ não, ở đó kêu gào oán hận, tiếng kêu không dứt. Vì nhân duyên này nên gọi là địa ngục Thế khốc.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại thế khốc? Chúng sinh kia ở trong địa ngục chịu vô lượng khổ sở, không thể tính hết. Ở trong đó kêu gào, đấm ngực, tự tát vào mặt, đồng thanh gào thét. Vì nhân duyên này gọi là địa ngục Đại thế khốc.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục A-tỳ? Các loài chúng sinh giết hại cha mẹ, phá hoại tháp Phật, gây đấu loạn chúng Tăng, hành theo tà kiến điên đảo, tương ưng với tà kiến, không thể chữa trị. Vì vậy cho nên gọi là địa ngục A-tỳ.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Viêm? Các loài chúng sinh trong địa ngục kia, thân thể bốc khói, thảy đều tan rã. Cho nên gọi là địa ngục Viêm.

Lại vì nhân duyên gì gọi là địa ngục Đại viêm? Các chúng sinh trong địa ngục này đều không thấy sót lại cái gì của tội nhân. Cho nên gọi là địa ngục Đại viêm.

Tỳ-kheo, đó là vì nhân duyên này mà gọi tên tám địa ngục lớn. Mỗi một địa ngục có mười sáu ngục nhỏ. Tên chúng là địa ngục Ưu-bát, địa ngục Bát-đầu, địa ngục Câu-mâu-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Vị tằng hữu, địa ngục Vĩnh vô, địa ngục Ngu hoặc, địa ngục Súc tụ, địa ngục Đao sơn, địa ngục Thang hỏa, địa ngục Hỏa sơn, địa ngục Khôi hà, địa ngục Kinh cức, địa ngục Phất thỉ, địa ngục Kiếm thọ, địa ngục Nhiệt thiết hoàn.[3]

Như vậy, mười sáu ngục nhỏ này không thể ước tính hết, khiến chúng sinh kia sinh trong địa ngục. Hoặc có chúng sinh phá hủy chánh kiến, phỉ báng chánh pháp mà tránh xa, sau khi mạng chung sẽ sinh vào trong địa ngục Hoàn hoạt.

Những chúng sinh nào ham thích sát sinh, sẽ sinh vào trong địa ngục Hắc thằng.

Những chúng sinh giết mổ bò, dê và các loại khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đẳng hại.

---

[3] *Tên các địa ngục, đồng nhất Pāli: Ưu-bát (Uppala), Bát-đầu (Paduma), Câu-mâu-đầu (Kumuda), Phân-đà-lợi (Puṇḍarīka), Vị tằng hữu (Abbuda; bản Hán đọc là Abbhuta), Vĩnh vô (Nirabbuda; bản Hán đọc là Nibbhuta), Ngu hoặc (Ababa; bản Hán đọc là Bala?), Súc tụ (?), Đao sơn (Khuradhāra), Thang hỏa (Kukkuḷa), Hỏa sơn (?), Khôi hà (Khārodakanadī), Kinh cức (Sattisūla), Phất thỉ (Gūṭha), Kiếm thọ (Asipattavana), Nhiệt thiết hoàn (?).*

Những chúng sinh lấy của không cho, ăn trộm vật của người khác, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

Những chúng sinh thích dâm dật, lại nói dối, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại thế khốc.

Những chúng sinh giết hại cha mẹ, phá hoại chùa tháp, gây đấu loạn Thánh chúng, phỉ báng Thánh nhân, hành theo tà kiến điên đảo, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục A-tỳ.

Những chúng sinh nghe lời ở đây truyền đến nơi kia, nghe nơi kia truyền đến nơi này, muốn người phương tiện, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Viêm.

Lại có chúng sinh gây loạn hai bên, tham lam của người, khởi tâm ganh tỵ, trong lòng nghi kỵ, sau khi mạng chung sinh vào trong địa ngục Đại viêm.

Nếu có chúng sinh tạo các tạp nghiệp, sau khi mạng chung sinh vào mười sáu địa ngục nhỏ đó. Bấy giờ, ngục tốt hành hạ chúng sinh kia khổ sở khôn lường, hoặc bị chặt tay, hoặc chặt chân, hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo mũi, hoặc cắt tai mũi, hoặc lấy gỗ ván ép lên, hoặc lấy cỏ nhét vào bụng, hoặc lấy tóc treo ngược, hoặc lột da, hoặc cắt thịt, hoặc xẻ làm hai phần, hoặc may dính trở lại, hoặc xẻ làm năm, hoặc dùng lửa nướng một bên, hoặc rưới nước sắt nóng chảy lên, hoặc phanh thây làm năm, hoặc kéo dài thân, hoặc dùng búa bén chặt đầu mà giây lát sống trở lại, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhân gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

Bấy giờ, ngục tốt bắt chúng sinh kia dùng chùy lớn đập nát thân thể nó, hoặc róc xương gân. Lại rượt đuổi cho lên cây kiếm, rồi lại rượt đuổi cho xuống, rồi sau đó có chim mỏ sắt đến mổ; lại bắt trói chặt năm chi, không được động đậy; lại đem bỏ vào trong vạc nước sôi lớn, dùng thêm chĩa sắt hại thân, khi gió thổi qua, thân kia sống lại như cũ. Lúc ấy, ngục tốt lại bắt chúng sinh lên núi đao, núi lửa, không cho dừng nghỉ. Ở trong đó chịu khổ không thể nào nói hết, chỉ khi nào những tội đã tạo ra ở nhân gian trả hết, sau đó mới ra khỏi.

Bấy giờ, người có tội không chịu nổi đau khổ, lại tìm vào trong địa ngục tro nóng chịu vô lượng khổ đau. Từ trong đó ra, lại vào trong địa ngục gai nhọn chích ngược, ở trong ấy gió thổi đến đau đớn không thể tả. Từ trong đó ra, lại vào trong địa ngục phẩn nóng. Trong địa ngục phẩn nóng lúc ấy, có loại trùng nhỏ xíu ăn xương thịt nó. Khi ấy, chúng sinh không kham chịu khổ đau, lại dời đến địa ngục cây kiếm, thân thể thương tổn, đau không thể chịu đựng nổi.

Khi ấy, ngục tốt bảo với chúng sinh kia: "Các ngươi từ đâu đến?" Tội nhân đáp: "Bọn chúng tôi cũng không biết là từ đâu lại?" Lại hỏi: "Sẽ đi về đâu?" Đáp: "Cũng lại không biết đến chỗ nào." Lại hỏi: "Muốn gì?" Đáp: "Chúng tôi đói khát quá." Ngục tốt liền lấy viên sắt nóng bỏ vào miệng tội nhân, thiêu chín thân thể, đau đớn không thể chịu nổi. Chỉ khi nào trả hết những tội trước kia đã tạo ra, sau đó mới mạng chung. Lúc ấy, tội nhân lại trải qua bao nhiêu địa ngục, ở trong đó chịu khổ hàng ngàn vạn năm, sau đó mới ra.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ vua Diêm-la tự nghĩ: "Những chúng sinh nào mà thân, miệng, ý hành ác, phải chịu hết những tội như vậy. Những chúng sinh mà thân, miệng, ý hành thiện, những người như vậy đều sẽ sinh về trời Quang âm."

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người ngu thường nhớn nhơ
Như trời Quang âm kia.
Người trí thường lo sợ
Giống như ở địa ngục.

Bấy giờ, này Tỳ-kheo, giáo lệnh của vua Diêm-la được nghe: "Ước mong ngày nào ta diệt hết những tội đã tạo ra xưa kia, để mạng chung ở đây, được thọ hình người, sinh ở trung tâm đất nước, theo Thiện tri thức, cùng gặp cha mẹ dốc lòng tin Phật pháp, được xuất gia học đạo ở trong chúng Như Lai, ngay trong đời hiện tại mà dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu. Nay ta nói lại lần nữa với các ông, hãy cố gắng dụng tâm để lìa xa tám nạn, được sinh tại trung tâm đất nước, gặp được Thiện tri thức, được tu phạm hạnh, được thành chánh quả như ước nguyện."

Này các Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào muốn lìa tám địa ngục lớn và mười sáu ngục nhỏ, phải tìm cầu phương tiện tu tám Chánh đạo.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Nại thị[4], thành Tỳ-xá-ly, cùng năm

[4] *Nại thị 柰氏, để bản chép nhầm là Nại kỳ 奈祇. Pāli: Ambapālivana, khu rừng của kỹ nữ Ambapāli (Nại nữ) cúng cho Phật. Cf. Trường 2 (tr. 13b19 tt); Pāli, M. 18 (R.ii. 95).*

trăm Tỳ-kheo, lần hồi đi du hóa trong nhân gian.

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn thành Tỳ-xá-ly rồi nói bài kệ này:

Nay ngắm Tỳ-xá-ly
Sau không ngắm lại nữa
Cũng không vào lại nữa
Nơi đó, sẽ từ biệt.

Lúc ấy, nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly nghe bài kệ này, trong lòng sầu ưu, đi theo sau Thế Tôn, ai ai cũng đều rơi lệ, nói với nhau:

–Không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ, thế gian sẽ mất ánh sáng.

Thế Tôn bảo:

–Thôi, thôi! Các người chớ ôm lòng sầu ưu. Vật phải chịu hủy hoại mà muốn nó không bị hủy hoại, không hề có lý này. Trước đây, Ta đã có nói, do bốn sự mà được tác chứng. Ta cũng đã dạy cho bốn bộ chúng bốn sự này. Những gì là bốn? Tất cả hành là vô thường, đó gọi là pháp thứ nhất. Tất cả hành là khổ, đó gọi là pháp thứ hai. Tất cả hành vô ngã, đó gọi là pháp thứ ba, Niết-bàn là diệt tận, đó là pháp thứ tư. Như vậy, không bao lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Các vị nên biết gốc bốn pháp này, hãy giải giảng ý nghĩa đó cho khắp tất cả chúng sinh.

Bấy giờ, Như Lai muốn cho nhân dân thành Tỳ-xá-ly quay trở về, liền hóa ra một hố lớn. Như Lai đưa các Tỳ-kheo sang bờ kia. Nhân dân nước ấy ở lại bên bờ này. Rồi Thế Tôn ném bát của mình lên hư không cho nhân dân ấy, lại nói rằng:

–Các người khéo cúng dường bát này. Cũng nên cúng dường Pháp sư tài giỏi thì mãi mãi sẽ được phước vô lượng.

Sau khi cho họ bát mình rồi, Thế Tôn liền đến nước Câu-thi-na-kiệt.[5]

Lúc ấy, hơn năm trăm Lực sĩ[6] ở nước Câu-thi-na-kiệt tập hợp lại một chỗ, bàn luận với nhau:

–Chúng ta cùng nhau làm việc kỳ lạ để sau khi mạng chung, vang danh cùng khắp, con cháu cùng truyền: "Ngày xưa, các Lực sĩ Câu-thi-na-

---

Từ đây trở đi, tường thuật đoạn đường cuối cùng của Phật đi đến rừng tịch diệt.

5. *Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭. Pāli: Kusinārā. Bản kinh này nhảy tắt. Trường 2, 3 và Pāli M.18, từ Tỳ-ất-ly, Phật đi qua nhiều chỗ rồi cuối cùng mới đến Câu-thi-na; tại đây Phật sẽ nhập diệt.*

6. *Lực sĩ 力士, danh từ riêng chỉ bộ tộc chứ không phải danh từ chung; phiên âm là Mạt-la 末羅. Một trong các bộ tộc lớn thời Phật, lãnh địa là thành Câu-thi-na và Ba-bà. Pāli: Mallā, với hai thủ phủ Pāvā và Kusinārā.*

kiệt có sức mạnh không ai bì."

Sau đó, họ lại nghĩ: "Nên làm công đức gì?"

Bấy giờ, cách nước Câu-thi-na-kiệt không xa có tảng đá vuông lớn, dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ. "Chúng ta hãy dựng đứng nó lên." Họ dùng hết sức lực để dựng nó, nhưng không thể dựng được. Không lay động nổi, huống gì là nâng lên.

Lúc đó, Thế Tôn liền đi đến chỗ họ, nói rằng:

–Các đồng tử, các cậu muốn làm gì?

Các đồng tử bạch Phật:

–Vừa rồi, chúng con có bàn như vầy: "Chúng ta sẽ dời tảng đá này đi, để được vang danh đời đời. Thi công từ đó đến nay đã bảy ngày, nhưng không thể làm cho tảng đá này chuyển động."

Phật bảo các đồng tử:

–Các cậu có muốn Như Lai dựng tảng đá này đứng dậy không?

Các đồng tử đáp:

–Nay chính là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn đặt lại tảng đá này.

Khi ấy, Thế Tôn liền dùng bàn tay phải nâng khối đá này đặt lên bàn tay trái, rồi ném lên hư không. Tảng đá ấy lên đến Phạm thiên.

Lúc ấy, các lực sĩ Câu-thi-na-kiệt không thấy tảng đá nữa, bèn bạch Thế Tôn:

–Nay tảng đá đi đâu? Giờ tất cả chúng con đều không thấy.

Thế Tôn bảo:

–Tảng đá đã lên đến Phạm thiên.

Các đồng tử bạch Phật:

–Khi nào tảng đá này sẽ trở lại trên Diêm-phù-lợi-địa?

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta sẽ đưa ra ví dụ. Người trí nhờ ví dụ sẽ tự hiểu. Nếu có người lên đến Phạm thiên, cầm tảng đá này ném xuống cõi Diêm-phù-địa, thì mười hai năm mới đến. Nhưng nay do cảm ứng oai thần Như Lai, nó sẽ trở lại ngay bây giờ.

Sau khi Như Lai nói lời này xong, giây lát tảng đá rơi trở lại. Giữa hư không mưa xuống hàng trăm loại hoa trời. Bấy giờ, hơn năm trăm các đồng tử kia, từ xa nhìn thấy tảng đá rơi xuống, mọi người đều chạy tán loạn, không ai đứng yên chỗ cũ.

Phật bảo các đồng tử:

–Chớ có sợ hãi. Như Lai biết lúc nào thích hợp.

Khi ấy, Thế Tôn duỗi tay trái, từ xa đón tảng đá ấy đặt vào bàn tay phải, rồi dựng đứng nó lên. Lúc ấy, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, các trời thần diệu giữa hư không rãi các loại hoa sen ưu-bát. Lúc ấy, năm trăm đồng tử đều khen là thật kỳ lạ, chưa từng có, oai thần của Như Lai thật không gì có thể sánh kịp. Tảng đá này dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ, mà Như Lai có thể dùng một tay để đặt để nó.

Năm trăm đồng tử bèn bạch Phật rằng:

–Như Lai dùng lực gì để dời tảng đá này? Dùng sức thần túc, hay dùng sức trí tuệ để đặt lại tảng đá này?

Phật bảo các đồng tử:

–Ta không dùng sức thần túc, cũng không dùng sức trí tuệ. Nay Ta dùng sức cha mẹ cho để đặt lại tảng đá này.

Các đồng tử bạch Phật:

–Không rõ Như Lai dùng sức cha mẹ, là nghĩa thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta sẽ đưa ra một ví dụ. Người trí nhờ ví dụ sẽ tự hiểu. Các đồng tử, sức mười con lạc đà không bằng sức của một con voi thường. Lại nữa, sức mười con lạc đà và một con voi thường không bằng sức của một con voi Ca-la-lặc[7]. Lại nữa, sức của mười con lạc đà, một con voi thường và sức voi Ca-la-lặc không bằng sức của một con voi Cưu-đà-diên[8]. Giả sử ngay sức mười con lạc đà, một con voi thường cho đến sức con voi Cưu-đà-diên không bằng sức của một con voi Bà-ma-na[9]. Lại tính sức con voi này không bằng sức một con voi Ca-nê-lưu[10]. Lại tính hết sức những con voi trên lại không bằng sức một con voi Ưu-bát[11]. Lại tính sức bao nhiêu voi trên lại không bằng sức một con voi Câu-mâu-đà. Lại gom bao nhiêu sức các voi trên, lại không bằng sức một con voi Phân-đà-lợi. Lại gom tính hết những con voi trên đó, lại không bằng sức một con Hương tượng[12]. Lại tính hết sức những con trên gộp lại không bằng sức một con Ma-ha-na-

---

7. *Ca-la-lặc. Cf. Trung 36 (tr. 656c17): Gia-la-lê 加羅梨. Pāli: Kāḷārikā, M. i. 178.*

8. *Cưu-đà-diên 鳩陀延. Pāli (?).*

9. *Bà-ma-na. Trung 36: Bà-hòa-ngỗ 婆和琯. Pāli, ibid.: Vāmanikā.*

10. *Ca-nê-lưu 迦泥留. Trung 36: Gia-lê-ngỗ 加梨琯. Pāli, ibid.: Kaṇeru (?).*

11. *Ưu-bát (Pāli: Uppala), Câu-mâu-đà (Pāli: Kumuda), Phân-đà-lợi (Pāli: Puṇḍarīka), đều là tên các loại sen.*

12. *Hương tượng 香象; cf. Câu-xá 27 (tr. 140c09); Skt. Gandhahastin, gandhagaja.*

cực[13]. Lại tính gom tất cả sức lực trên, lại không bằng sức một vị Na-la-diên[14]. Lại tính gộp tất cả sức trên cũng không bằng sức một Chuyển luân thánh vương. Lại tính tất cả sức trên hợp lại cũng không bằng sức một vị A-duy-việt-trí[15]. Lại tính gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát bổ xứ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của một vị Bồ-tát ngồi dưới bóng cây Đạo thọ. Lại gộp tất cả sức trên lại cũng không bằng sức của thân thể cha mẹ di truyền của Như Lai. Nay Ta đã dùng sức ấy để đặt lại tảng đá này.

Lúc ấy, năm trăm đồng tử lại bạch Thế Tôn:

–Lực thần túc của Như Lai thì thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Trước đây Ta có đệ tử tên Mục-kiền-liên có thần túc bậc nhất. Lúc ấy, Ta cùng vị ấy du hóa ở trong thôn Trúc viên Tỳ-la-nhã[16]. Lúc ấy, trong nước này đang đói kém, nhân dân ăn thịt lẫn nhau, xương trắng đầy đường. Người xuất gia học đạo khất thực khó được. Thánh chúng gầy ốm, sức lực hư cạn. Lại nữa, nhân dân trong làng đều đói khát, lại cũng không nơi nương cậy. Mục-kiền-liên, bấy giờ đến chỗ Ta bạch với Ta: "Nay Tỳ-la-nhã này rất là đói kém, không nơi nào khất thực được. Nhân dân khốn khổ, không còn đường sống. Con tự thân nghe từ Như Lai những lời dạy này: Phần dưới đất này có chất béo đất rất thơm ngon. Cúi xin Thế Tôn cho phép đệ tử lật lớp béo đất này lên trên để nhân dân này có được thức ăn và khiến Thánh chúng cũng được khí lực sung mãn." Khi ấy, Ta bảo Mục-liên: "Các côn trùng mềm yếu trong đất sẽ được để ở đâu?" Mục-liên bạch: "Một tay con sẽ hóa ra giống như đất này và một tay sẽ lật ngược lớp mỡ đất này, khiến những côn trùng mềm yếu đều ở yên tại chỗ của chúng." Bấy giờ, Ta lại bảo Mục-liên: "Ông muốn lật đất này lên bằng tâm thức gì?" Mục-liên bạch: "Nay con lật đất này lên giống như người lực sĩ lật một lá cây, không có gì khó khăn." Lúc ấy, Ta lại bảo Mục-liên: "Thôi, thôi, Mục-liên! Không cần lật đất mỡ này. Vì sao? Chúng sinh thấy việc này, sẽ sinh lòng sợ hãi, lông tóc

---

[13] *Ma-ha-na-cực 摩呵那極. Câu-xá 27: Ma-ha-nặc-kiện 摩訶諾健. Pāli, ibid. Mahānāga.*

[14] *Na-la-diên 那羅延. Câu-xá 27 (tr.). Skt. Nārāyaṇa, tên một vị trời.*

[15] *A-duy-việt-trí 阿維越致. Skt. Avaivartika, Bồ-tát Bất thoái chuyển.*

[16] *Tỳ-la-nhã thôn Trúc viên 毘羅若竹園村. Chuyện được kể trong Tứ Phần 1 (tr. 569a10): Phật trú dưới gốc cây Na-lân-la-tân-mạn-chu-đà-la (Pāli: Naḷerupicumanda) trong thôn Tỳ-la-nhã (Pāli: Verañja).*

đều dựng đứng, tháp miếu của chư Phật cũng sẽ bị hư hoại.” Mục-liên lại bạch với Phật: “Cúi xin Thế Tôn cho phép Thánh chúng đến Uất-đan-việt khất thực.” Phật bảo Mục-liên: “Trong đại chúng này, những người không có thần túc sẽ làm sao đến đó khất thực?” Mục-liên bạch Phật: “Những người không có thần túc, con sẽ đưa đến đất ấy.” Phật bảo Mục-liên: “Thôi, thôi, Mục-liên! Thánh chúng cần gì phải đến đó khất thực? Vì sao? Đời tương lai cũng sẽ có lúc đói kém như vậy, khất cầu khó được, người không nhan sắc.” Lúc ấy các trưởng giả Bà-la-môn sẽ nói với Tỳ-kheo: “Sao các ông không đến Uất-đan-việt khất thực? Ngày xưa các đệ tử họ Thích có thần túc, gặp lúc đói kém, đều cùng nhau đến Uất-đan-việt khất thực để tự nuôi sống. Ngày nay đệ tử Thích ca không có thần túc, cũng không có hành vi oai thần của Sa-môn.” Rồi coi thường Tỳ-kheo, khiến cho các cư sĩ trưởng giả kia đều sinh tâm kiêu mạn, mắc vô lượng tội. Mục-kiền-liên nên biết, vì nhân duyên này, các chúng Tỳ-kheo không nên đến hết đó khất thực.

Các đồng tử nên biết, thần túc của Mục-liên có oai đức của nó như vậy. Tính sức thần túc của Mục-liên tràn khắp tam thiên đại thiên thế giới, không có một khe hở, nhưng không bằng một phần hàng trăm, ngàn, ức, vạn lần sức thần túc của Thế Tôn; không thể dùng ví dụ để so sánh. Thần túc của Như Lai, oai đức không thể đo lường được.

Các đồng tử bạch Phật:

–Sức trí tuệ của Như Lai thì thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Trước đây, ta cũng có đệ tử tên Xá-lợi-phất là bậc nhất trong hàng có trí tuệ. Như một biển lớn dài rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, nước đầy trong đó. Lại có núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, chìm vào nước cũng như vậy. Diêm-phù-lý-địa, Nam đến Bắc là hai vạn một ngàn do-tuần; Đông sang Tây là bảy ngàn do-tuần. Nay lấy chúng để so sánh. Dùng nước trong bốn biển lớn làm mực; lấy núi Tu-di làm giấy; lấy cỏ cây hiện có Diêm-phù-địa làm bút; lại khiến người trong cả tam thiên đại thiên thế giới đều viết, để tả hành nghiệp trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Song, các đồng tử nên biết, nước mực trong bốn biển lớn cạn, bút hết, người dần dần mạng chung, cũng không thể khiến trí tuệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cạn kiệt hết. Cũng vậy, các đồng tử, trong các đệ tử của ta, trí tuệ bậc nhất không ai vượt hơn trí tuệ Xá-lợi-phất. Tính trí tuệ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thể biến khắp tam thiên đại thiên thế giới không có một khe hở, nhưng muốn so với trí tuệ của

Như Lai thì gấp trăm, ngàn, ức, vạn lần, không thể ví dụ để so sánh. Sức trí tuệ Như Lai chúng là như vậy.

Các đồng tử lại bạch Phật:

–Còn có sức nào hơn các sức này không?

Thế Tôn bảo:

–Cũng có sức này vượt trên các sức này. Đó là gì? đó chính là sức mạnh của vô thường. Nửa đêm hôm nay, Như Lai ở giữa song thọ, bị lực vô thường dắt đến diệt độ.

Lúc ấy, các đồng tử đều cùng rơi lệ than:

–Như Lai diệt độ sao sớm vậy! Thế gian sắp mất con mắt!

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la Hệ Đầu[17] là con gái trưởng giả Bà-la-đà. Tỳ-kheo-ni này tự nghĩ: "Ta nghe Thế Tôn không bao lâu nữa sẽ diệt độ, song số ngày đã hết. Giờ ta phải đến chỗ Thế Tôn để hầu thăm." Tỳ-kheo-ni này ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn.[18] Từ xa, bà trông thấy Như Lai dẫn các Tỳ-kheo và năm trăm đồng tử đang đi đến rừng Song thọ. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

–Con nghe Thế Tôn sắp diệt độ, không còn ở đời bao lâu.

Thế Tôn nói:

–Đúng vào nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ diệt độ.

Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

–Nay con xuất gia học đạo, lại không kết quả như sở nguyện mà Thế Tôn đã bỏ con diệt độ. Cúi xin Thế Tôn nói pháp vi diệu cho con được như sở nguyện.

Thế Tôn bảo:

–Nay cô hãy tư duy về nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo-ni lại bạch Phật:

–Thật khổ, bạch Thế Tôn! Thật khổ, bạch Như Lai!

Thế Tôn bảo:

–Cô quán sát ý nghĩa gì mà nói là khổ?

Tỳ-kheo-ni bạch Phật rằng:

---

17. Quân-trà-la Hệ Đầu 君荼羅繫頭. Pāli: Kuṇḍalakesā. Bà nguyên tên là Bhaddā, trước đó theo Ni-kiền Tử tu khổ hạnh, tóc bà bị quăn, nên có biệt danh là Kuṇḍalakesā (Tóc Quăn). Sau khi tranh luận với Xá-lợi-phất, bà trở thành Tỳ-kheo-ni và đắc quả A-la-hán. Trên kia, kinh số 5 phẩm 5, tên bà được phiên âm là Bạt-đà Quân-đà-la 拔陀軍陀羅.

18. Theo các nguồn Pāli, từ Vesāli (Tỳ-xá-ly) đến Kusinārā khoảng mười chín do-tuần.

–Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, sầu bi não khổ, oán tắng hội khổ, ân ái biệt ly khổ. Tóm lại mà nói năm ấm xí thạnh là khổ. Bạch Thế Tôn, con đã quán nghĩa này như vậy, cho nên bảo là khổ.

Tỳ-kheo-ni sau khi tư duy nghĩa này, liền ngay ở trên chỗ ngồi đạt được ba đạt trí[19]. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

–Con không thể kham thấy Thế Tôn diệt độ. Cúi xin cho phép con diệt độ trước.

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng chấp nhận.

Tỳ-kheo-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, ở trước Phật, thân bay lên hư không, làm mười tám phép biến hóa, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thân phát ra khói lửa, vọt lên hạ xuống tự do không có gì trở ngại, hoặc phun ra nước lửa đầy khắp hư không. Sau khi biến hóa đủ cách như vậy rồi, liền ở trong Niết-bàn giới vô dư mà diệt độ. Ngay lúc bà diệt độ, tám vạn Thiên tử được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong các Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo-ni có trí tuệ nhanh nhạy đứng đầu chính là Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la.[20]

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Ông đến giữa song thọ trải chỗ nằm cho Như Lai.

Đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Theo lời Phật dạy, A-nan đến giữa song thọ, trải tòa cho Như Lai, rồi trở về chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, bạch Thế Tôn:

–Con đã trải tòa xong, đầu về hướng Bắc. Cúi xin Thế Tôn biết thời.

Thế Tôn liền đến giữa Song thọ, vào chỗ đã trải tòa sẵn. Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

–Vì có nhân duyên Như Lai bảo trải chỗ nằm xoay đầu về hướng Bắc?

Phật bảo A-nan:

–Sau khi ta diệt độ, Phật pháp sẽ ở Bắc Thiên-trúc. Vì nhân duyên này nên khiến trải tòa hướng Bắc.

---

[19] *Tam đạt trí 三達智, tức ba minh.*

[20] *Cf. A. i. 25: Khippābhiññānaṃ yadidaṃ bhaddā kuṇḍalakesā, đệ nhất thắng trí nhạy bén là Bhaddā Kuṇḍalakesā.*

Lúc ấy, Thế Tôn phân biệt[21] ba y.

A-nan bạch Phật:

–Vì sao hôm nay Như Lai phân biệt ba y?

Phật bảo A-nan:

–Ta vì đàn-việt thí chủ trong đời tương lai nên phân biệt y này. Vì muốn cho những người kia hưởng phước này nên ta phân biệt y như vậy.

Bấy giờ, trong chốc lát, từ miệng Thế Tôn phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp mọi nơi. Lúc ấy, A-nan lại bạch Phật:

–Vì nhân duyên gì hôm nay từ miệng của Như Lai phát ra ánh sáng năm màu?

Thế Tôn bảo:

–Vừa rồi, Ta nghĩ như vầy: "Khi chưa thành đạo, ở trong địa ngục lâu dài, nuốt hòn sắt nóng, hoặc ăn cây cỏ để nuôi thân tứ đại; hoặc làm la, lừa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, hoặc làm ngạ quỷ nuôi bốn đại; hoặc sinh làm thân người,[22] mang hình chịu nạn thọ thai, hoặc hưởng phước trời ăn cam lồ tự nhiên Nay Ta đã thành Như Lai, dùng căn lực ngộ đạo mà thành thân Như Lai. Vì nhân duyên này nên miệng phát ra ánh sáng năm màu.

Một lát sau, từ miệng Như Lai lại phát ra ánh sáng vi diệu hơn ánh sáng trước. Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

–Vì nhân duyên gì Như Lai lại phát ra ánh sáng hơn ánh sáng trước?

Thế Tôn bảo:

–Vừa rồi Ta tự nghĩ: "Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ khi diệt độ thì pháp để lại không tồn tại lâu dài trên đời." Ta suy nghĩ lại: "Dùng phương tiện nào để pháp của ta tồn tại lâu dài ở đời?" Thân Như Lai là thân Kim cang, ý muốn nghiền nát thân này như hạt cải cho lưu bố trên thế gian, khiến những đàn-việt có lòng tin đời tương lai, tuy không thấy hình tượng Như Lai, nhưng chọn lấy đó cúng dường, nhờ duyên phước lành này sẽ sinh vào nhà bốn giai cấp, nhà Tứ Thiên vương, trời Tam thập tam, trời Hê, trời Đâu-thuật, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Nhờ phước lành này mà sinh vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc lại đắc đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-

---

[21] Phân biệt, từ dịch khác của tác tịnh 作淨. Pāli: Kappakata; Vin. iv. 286: Samaṇacīvaraṃ nāma kappakatena vuccati, y của sa-môn là y đã được tác tịnh (phân biệt). Y mới của Tỳ-kheo trước khi dùng cần được hợp pháp hóa (xác nhận sở hữu hợp pháp) bằng cách chấm một điểm ở góc (điểm tịnh 點淨, Pāli: Kappabindu). Cf. Tứ Phần 16 (tr. 676c14.); Luật Căn Bản 16 (T23n1442, tr. 711a28).

[22] Cụm từ này sót trong ấn bản. Đây y theo bản TNM thêm vào.

hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật hoặc thành Phật đạo. Vì nhân duyên này nên phát ra ánh sáng này như vậy.

Lúc ấy, Thế Tôn tự thân gấp Tăng-già-lê thành bốn lớp, nằm nghiêng qua hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau. Lúc ấy, Tôn giả A-nan thương khóc rơi nước mắt, không thể tự kiềm chế, lại tự trách mình chưa được thành đạo, còn bị kết sử trói buộc, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình diệt độ, sẽ nương tựa vào ai?

Lúc ấy, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo A-nan đang ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Tỳ-kheo A-nan đang ở sau giường Như Lai, buồn khóc rơi lệ, không thể tự kiềm chế, lại tự trách đã không thành đạo, lại chưa dứt sạch kết sử, mà nay Thế Tôn đã bỏ mình Niết-bàn.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Thôi! Thôi! A-nan, chớ có sầu ưu. Phàm vật ở đời đáng phải tan rã, muốn cho không biến đổi thì việc này không đúng, cần nỗ lực tinh tấn nhớ tu tập chánh pháp, như vậy không bao lâu cũng sẽ hết gốc khổ, thành hạnh vô lậu. Thời quá khứ, các Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác[23] cũng có thị giả như vậy. Giả sử hằng sa chư Phật trong tương lai cũng sẽ có thị giả như Tỳ-kheo A-nan.

Chuyển luân thánh vương có bốn pháp chưa từng có. Sao gọi là bốn? Ở đây, khi Chuyển luân thánh vương đi ra khỏi nước, nhân dân thấy không một ai không vui vẻ. Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương có dạy điều gì thì những ai nghe không một ai không vui mừng, nghe những lời dạy này không biết chán. Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương im lặng. Giả sử người dân thấy vua im lặng thì cũng lại hoan hỷ. Này Tỳ-kheo, đó gọi là bốn Pháp chưa từng có của Chuyển luân thánh vương.

Tỳ-kheo nên biết! Hôm nay, A-nan cũng có bốn pháp chưa từng có. Sao gọi là bốn? Giả sử Tỳ-kheo A-nan im lặng đến giữa đại chúng thì nếu có ai thấy, không ai không vui vẻ. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói điều gì thì ai nghe những lời này cũng đều vui vẻ. Giả sử A-nan im lặng thì cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo A-nan đi vào trong bốn chúng như Sát-lợi, Bà-la-môn, quốc vương, cư sĩ thì họ đều vui vẻ, sinh lòng cung kính, nhìn mà không biết chán. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói những điều gì thì người nghe dạy pháp cũng nghe không biết chán. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là bốn pháp chưa

---

[23] *Để bản: Đa-tát a-kiệt a-la a-tam-da-tam-phật.*

từng có của Tỳ-kheo A-nan.

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

–Phải làm sao cùng người nữ tùng sự? Mà nay, đến giờ Tỳ-kheo phải đắp y, mang bát, khất thực mọi nhà để tạo phước cho chúng sinh.

Phật bảo A-nan:

–Chớ có gặp nhau; nếu có gặp nhau thì chớ có nói chuyện; nếu nói chuyện thì phải chuyên tâm ý.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Chớ giao du người nữ
Cũng chớ có nói chuyện
Ai có thể xa lìa
Thì tránh được tám nạn.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 37

Phẩm 42: TÁM NẠN (2)

KINH SỐ 3 (TT)

–Nên đối xử với Tỳ-kheo Xa-na[1] như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Cần phải trừng phạt bằng pháp Phạm-đàn[2].

A-nan bạch Phật:

–Trừng phạt bằng pháp Phạm-đàn là thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Không được nói chuyện gì cùng Tỳ-kheo Xa-na, không nói điều tốt, cũng không nói xấu. Tỳ-kheo này cũng không được nói chuyện gì với ông.

A-nan bạch Phật:

–Nếu Tỳ-kheo ấy vẫn không chịu phục tùng, tội ấy há không nặng thêm sao?

Thế Tôn bảo:

–Chỉ không nói chuyện tức là trừng phạt bằng Phạm-đàn. Nhưng nếu vẫn không sửa đổi, cần phải đưa ra giữa chúng để mọi người cùng quyết định trục xuất[3], không cho thuyết giới chung, cũng không được tham dự pháp hội.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

---

1. *Tỳ-kheo Xa-na 車那比丘, cũng thương âm là Xa-nặc. Trường 4, tr. 26a19, phạm đàn 梵檀. Pāli: Channa. Nguyên quân hầu của Thái tử, tính tình ương bướng không chịu các Tỳ-kheo khuyên bảo, dẫn đến điều luật, Tứ phần, Tăng-già-bà-thi-sa 13, Tỳ-kheo Xiển-đà 闡陀. Pāli, Saṅghādisesa 12.*
2. *Phạm pháp 梵法, hay nói đủ là Phạm-đàn, biện pháp trừng phạt Tỳ-kheo bằng mặc tẩn: Không ai được phép quan hệ, nói chuyện, với Tỳ-kheo bị phạt phạm-đàn. Pāli: Brahmadaṇḍa.*
3. *Tăng tác pháp Yết-ma ha trách đối với Tỳ-kheo ương bướng. Tỳ-kheo bị phạt này sẽ không được tham dự các pháp Yết-ma của Tăng. Xem Tứ Phần, đã dẫn.*

Muốn trả lại oán thù
Cho kẻ oán gia kia
Thường nhớ chớ nói chuyện
Ác này không đi quá.[4]

Lúc ấy, nhân dân Câu-thi-na-kiệt nghe Như Lai sắp diệt độ vào nửa đêm nay. Lúc này nhân dân cả nước liền đi đến rừng Song thọ. Đến rồi, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, nhân dân bạch Thế Tôn:

–Nay nghe Như Lai sắp diệt độ, chúng con phải làm gì để biểu lộ sự tôn kính?

Lúc ấy, Thế Tôn quay lại nhìn A-nan. A-nan liền tự nghĩ: "Hôm nay thân thể Như Lai mệt mỏi, muốn sai ta chỉ bày cách thức cho họ."

Rồi A-nan quỳ gối phải sát đất chắp tay bạch Thế Tôn:

–Hôm nay có hai dòng họ, một tên là Bà-a-đà, một tên là Tu-bạt-đà[5] đến quy y Như Lai Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn cho phép họ làm Ưu-bà-tắc, từ đây về sau không sát sinh nữa.

Lại có người tên Đế-xa, người thứ hai tên Ưu-ba-đế-xa. Lại có người tên Phật-xá, người thứ hai tên Kê-đầu[6]. Những người này đều đến quy y Như Lai.

Cúi xin Thế Tôn nhận họ làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau không sát sinh nữa, vâng giữ năm giới.

Lúc ấy, Thế Tôn thuyết pháp rộng rãi cho họ. Sau đó bảo họ trở về. Bấy giờ, chúng năm trăm người Ma-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

–Những đệ tử chứng ngộ cuối cùng của Ta chính là năm trăm Ma-la ở Câu-thi-na-kiệt.

Bấy giờ, Phạm chí Tu-bạt từ nước kia[7] đi đến Câu-thi-na-kiệt. Từ xa trông thấy năm trăm người này, liền hỏi:

---

4. *Trường A-hàm, và Pāli tương đương, không có bài kệ này.*
5. *Bà-a-đà 婆阿陀 và Su-bạt-đà 須拔陀, có lẽ Pāli: Bhadda và Subhadda. Nhưng cả hai không thấy đề cập trong Trường A-hàm và Pāli tương đương vào dịp này.*
6. *Đế-xa 帝奢, Ưu-ba-đế-xa 優波帝奢, Phật-xá 佛舍, Kê-đầu 雞頭: Tên những cư sĩ cuối cùng này không thấy đề cập trong Trường A-hàm và Pāli tương đương.*
7. *Để bản: Bỉ quốc 彼國; đây chỉ vương quốc của người Ma-la (Pāli: Malla). Ba bản Tống-Nguyên-Minh: Từ nước Ba-ba 波波. Pāli: Pāva, một trong hai thị trấn của người Ma-la, Câu-thi-na (Kusinārā) và Ba-ba (Pāva).*

–Các vị từ đâu đến?

Năm trăm người đáp:

–Tu-bạt nên biết, hôm nay Như Lai sẽ diệt độ giữa cây song thọ.

Lúc ấy, Tu-bạt liền tự nghĩ: "Như Lai xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Sự xuất thế của Như Lai lâu lâu mới có. Như hoa Ưu-đàm-bát, ức kiếp mới xuất hiện. Nay ta có những pháp chưa được thông tỏ, còn ít nhiều hồ nghi. Chỉ có Sa-môn Cù-đàm kia có thể giải thích hồ nghi cho ta. Nay ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm kia mà hỏi nghĩa này."

Rồi Phạm chí Tu-bạt đến chỗ Song thọ, đến chỗ A-nan, thưa A-nan:

–Tôi nghe hôm nay Thế Tôn sẽ diệt độ; không biết có thật vậy không?

A-nan đáp:

–Thật có việc này.

Tu-bạt bạch:

–Song hôm nay tôi còn có hồ nghi. Cúi xin cho phép tôi bạch Thế Tôn lời này: Mọi người không rõ những điều Lục sư nói. Tôi có thể biết những điều Sa-môn Cù-đàm nói chăng?[8]

A-nan nói:

–Thôi! Thôi! Tu-bạt, chớ có quấy nhiễu Như Lai!

Ba lần như vậy. Ông lại thưa với A-nan:

–Như Lai xuất thế rất là khó gặp. Như hoa Ưu-đàm-bát, lâu lâu mới có. Như Lai cũng vậy, lâu lâu mới xuất hiện. Nay tôi xét thấy Như Lai có khả năng giải thích những hồ nghi cho tôi. Nay, ý nghĩa mà tôi muốn hỏi, thật không đủ lời để nói. Bây giờ A-nan lại không cho tôi đến thưa hỏi Thế Tôn. Lại nghe Như Lai có thể thấy xa đến vô cùng, có thể thấy khoảng trước đến vô cực, mà hôm nay tôi vẫn không được tiếp nhận.

Ngay khi ấy, Thế Tôn bằng Thiên nhĩ, từ xa nghe Tu-bạt bàn với A-nan như vậy. Thế Tôn bảo A-nan:

–Thôi, thôi A-nan! Chớ ngăn Phạm chí Tu-bạt. Vì sao? Ông ấy đến hỏi nghĩa, thật có nhiều lợi ích. Nếu Ta nói pháp, ông ấy sẽ được độ thoát.

A-nan bèn bảo Tu-bạt:

–Lành thay, lành thay! Nay Như Lai đã cho phép ông vào trong hỏi pháp.

Sau khi nghe những lời ấy rồi, Tu-bạt vui mừng hớn hở, không xiết

---

[8] Trường 4, tr. 25a20: Có sáu Tôn sư. Sa-môn Cù-đàm có thể biết rõ thuyết của họ chăng? Pāli, D. ii. 152: Có sáu vị Tôn sư, tự tuyên bố là đã giác ngộ. Có thật họ đã giác ngộ?

kể. Tu-bạt đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Bấy giờ, Tu-bạt bạch Thế Tôn:

–Nay con có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tu-bạt:

–Nay chính đúng lúc, nên có thể hỏi.

Lúc ấy, Tu-bạt bạch Phật:

–Các Sa-môn khác, thưa Cù-đàm, biết các toán thuật, hơn hẳn nhiều người. Đó là Bất-lan Ca-diếp, A-di-sủy, Cù-da-lâu, Chi-hưu Ca-chiên, Tiên-tỷ-lô-trì, Ni-kiền Tử.[9] Những hạng Tôn sư như vậy có biết việc ba đời không? Hay là không rõ? Trong Lục sư kia lại có ai hơn được Như Lai không?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

–Thôi, thôi, Tu-bạt! Chớ nên hỏi điều đó. Phiền gì phải hỏi có ai hơn Như Lai không? Song hôm nay Ta ngay trên chỗ ngồi này, sẽ nói pháp cho ông. Hãy ghi nhớ kỹ.

Tu-bạt bạch Phật:

–Nay, con sẽ hỏi nghĩa lý sâu xa. Bấy giờ là lúc thích hợp, cúi xin Thế Tôn hãy nói.

Thế Tôn bảo:

–Lúc Ta mới học đạo, năm hai mươi chín tuổi, vì muốn độ mọi người. Cho đến năm hai mươi lăm tuổi[10], học ở trong ngoại đạo. Từ đó đến nay, Ta không thấy ai là Sa-môn, Bà-la-môn. Trong các đại chúng nào mà không có tám đạo Hiền thánh thì ở đó không có bốn quả Sa-môn. Này Tu-bạt, đó gọi là thế gian trống rỗng, không có ai là chân nhân đắc đạo. Rong đạo Hiền thánh nào có pháp Hiền thánh thì ở đó có bốn kết quả Sa-môn. Vì sao? Sở dĩ có bốn kết quả Sa-môn là do có tám phẩm đạo Hiền thánh. Này Tu-bạt, nếu như Ta mà không đắc đạo Vô thượng Chánh chân, ấy là do không có tám phẩm đạo Hiền thánh. Do có tám phẩm đạo Hiền thánh nên Ta mới thành Phật đạo. Cho nên, Tu-bạt, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu đạo Hiền thánh.

Tu-bạt bạch Phật:

–Con cũng rất muốn ưa nghe tám phẩm đạo Hiền thánh, cúi xin Thế

---

9. Xem cht. kinh số 11 phẩm 38 trên.

10. Để bản: Ba mươi lăm. Tống-Nguyên-Minh: Hai mươi lăm. Kể từ xuất gia, cho đến sáu năm khổ hạnh.

Tôn giảng nói.

Thế Tôn bảo:

–Tám đạo Hiền thánh là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định[11]. Này Tu-bạt, đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh.

Lúc ấy, Tu-bạt ngay trên chỗ ngồi đắc Pháp nhãn tịnh. Bấy giờ, Tu-bạt đi đến nói với A-nan:

–Nay tôi đã được thiện lợi. Ước Thế Tôn cho phép tôi làm Sa-môn.

A-nan đáp:

–Ông hãy tự đến chỗ Thế Tôn mà thỉnh cầu làm Sa-môn.

Tu-bạt bèn đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

Bấy giờ, Tu-bạt liền thành Sa-môn, thân mặc ba Pháp y. khi Tu-bạt ngước nhìn dung nhan Thế Tôn, liền ngay trên chỗ ngồi tâm được giải thoát khỏi hữu lậu.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

–Đệ tử cuối cùng của Ta chính là Tu-bạt.

Lúc ấy, Tu-bạt bạch Phật:

–Con nghe, nửa đêm nay Thế Tôn sẽ Bát-niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con Niết-bàn trước. Con không kham chịu thấy Như Lai diệt độ trước.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng chấp nhận. Vì sao? Vì đệ tử chứng ngộ cuối cùng của hằng sa chư Phật Thế Tôn quá khứ đều Bát-niết-bàn trước, sau đó Như Lai mới diệt độ. Đó là thường pháp của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải mới ngày nay. Lúc ấy, Tu-bạt thấy Thế Tôn đã hứa khả, liền đến trước Như Lai, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mặt, ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ. Lúc ấy, cõi đất này chấn động sáu cách.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Hết thảy hành vô thường
Có sinh thì có chết
Không sinh thì không chết
Tịch tĩnh là an lạc.[12]

---

[11] *Để bản: Đẳng kiến, Đẳng trị, Đẳng ngữ, Đẳng mạng, Đẳng nghiệp, Đẳng phương tiện, Đẳng niệm, Đẳng Tam-muội.*

[12] *Hán: Thử diệt thị tối lạc. So sánh Pāli: Tesaṃ vūpasamo sukho, sự tịnh chỉ (tịch tĩnh)*

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

–Từ nay về sau hãy bảo các Tỳ-kheo, khi giao tiếp, không được gọi nhau là "bạn"[13], mà hãy xưng bậc lớn là "Tôn giả", bậc nhỏ xưng là "Hiền giả". Hãy xem nhau như anh em. Từ nay về sau không được xưng tên do cha mẹ đặt."[14]

Lúc ấy, A-nan bạch Thế Tôn:

–Nay, như các Tỳ-kheo phải tự xưng danh hiệu thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Tỳ-kheo nhỏ gọi Tỳ-kheo lớn là Trưởng lão. Tỳ-kheo lớn gọi Tỳ-kheo nhỏ bằng tên họ. Lại, các Tỳ-kheo muốn đặt tên thì phải y vào Tam bảo. Đó là lời dạy bảo của Ta.

A-nan sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4[15]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Lộc uyển[16], nước Xá-vệ, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, A-tu-luân Ba-ha-la[17] và Thiên tử Mâu-đề-luân[18] phi thời[19] đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy, Như Lai hỏi A-tu-luân rằng:

–Các ngươi rất thích biển lớn phải không?

A-tu-luân bạch Phật:

---

của chúng (sinh diệt) là an lạc.

[13] Hán: Khanh bộc 卿僕. Pāli, khi Phật tại thế, các Tỳ-kheo, không kể lớn nhỏ, đều gọi nhau là "Āvuso" mà Hán thường dịch là "Hiền giả".

[14] Pāli. D. ii. 254: Tỳ-kheo Thượng tọa (Thera) gọi Tỳ-kheo niên thiếu bằng tên (nāma) hay họ (gotta), hay Hiền giả Āvuso: Này bạn). Tỳ-kheo niên thiếu gọi Tỳ-kheo Thượng tọa là Đại đức (bhante) hay Trưởng lão (Āyusamā).

[15] Pāli tương đương, A. viii. 19 Asurinda. Hán, No 26(35).

[16] Lộc dã uyển 鹿野苑, không rõ ở đâu tại Xá-vệ. No 26(35): Phật ở tại Tỳ-lan-nhã 鞞蘭若, trong vườn Hoàng lô 黃蘆園. Pāli, ibid.: Verañjāyaṃ, naḷerupucimandamūle.

[17] Ba-ha-la A-tu-luân 波呵羅阿須倫. No 26 (35): Bà-la-la A-tu-la vương Mâu-lê-giá A-tu-la Tử 婆羅邏阿修羅王牟梨遮阿修羅子, tên một người, nhưng trong bản Hán dịch này đọc là hai. Pāli, ibid.: Pahārado asurindo.

[18] Mâu-đề-luân Thiên tử 牟提輪天子, xem cht. trên.

[19] No 26 (35): Đến vào lúc đêm gần tàn.

–Rất thích, chẳng phải là không thích.

Thế Tôn bảo:

–Biển cả có pháp kỳ lạ gì, mà các ngươi thấy rồi, lại vui thích ở trong đó?

A-tu-luân bạch Phật:

–Biển cả có tám pháp hiếm có nên các A-tu-luân thích nó. Những gì là tám? Biển cả rất sâu rộng. Đó gọi là pháp hiếm có thứ nhất.

Lại nữa, biển cả có đức thần này: bốn sông lớn, mỗi sông có năm trăm nhánh khi đổ vào biển liền mất tên cũ. Đó gọi là pháp hiếm có thứ hai.

Lại nữa, biển cả đều cùng một vị. Đó gọi là pháp hiếm có thứ ba.

Lại nữa, trong biển cả thủy triều lên xuống đúng giờ. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tư.

Lại nữa, biển cả là nơi ở của các loài quỷ thần; các loài có hình, không loài nào không ở trong ấy. Đó gọi là pháp hiếm có thứ năm.

Lại nữa, biển cả dung chứa loài có hình cực lớn; hình hàng trăm do-tuần đến hình bảy ngàn do-tuần cũng không trở ngại. Đó gọi là pháp hiếm có thứ sáu.

Lại nữa, trong biển cả sản xuất nhiều loại trân báu khác nhau, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly. Đó gọi là pháp hiếm có thứ bảy.

Lại nữa, đáy biển có cát bằng vàng, lại có núi Tu-di do bốn loại châu báu tạo thành. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tám.

Đây gọi là tám pháp hiếm có khiến cho các A-tu-luân vui thích ở trong ấy.

Bấy giờ, A-tu-luân bạch Phật:

–Trong pháp Như Lai có gì kỳ đặc khiến các Tỳ-kheo vui thích ở trong ấy?

Phật bảo A-tu-luân:

–Có tám pháp hiếm có khiến các Tỳ-kheo vui thích ở trong đó. Sao gọi là tám? Trong pháp của Ta đầy đủ giới luật, không có hành phóng dật. Đó gọi là pháp hiếm có thứ nhất, các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích ở trong đó, như biển cả kia rất sâu và rộng.

Lại nữa, trong pháp của Ta có bốn chủng tánh. Ở trong pháp Ta làm Sa-môn, họ không còn giữ tên họ cũ, mà đặt lại tên khác[20]. Giống như biển

[20] *No 26(35): Xả bỏ tên họ cũ, đồng gọi là "Sa-môn."*

lớn kia, bốn sông lớn đều đổ vào biển mà cùng một vị, không còn có tên khác. Đó gọi là pháp hiếm có thứ hai.

Lại nữa, trong pháp của Ta, cấm giới được chế lập lần lượt tiếp nối nhau, không vượt thứ tự[21]. Đó gọi là pháp hiếm có thứ ba.

Lại nữa, pháp của Ta đều cùng một vị, đó là vị tám phẩm đạo Hiền thánh[22]. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tư, như biển cả kia đều cùng một vị.

Lại nữa, trong pháp của Ta sung mãn mọi pháp khác nhau: Đó là bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Hành chân chánh. Các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó. Như biển lớn kia các vị thần cư trú trong ấy. Đó gọi là pháp hiếm có thứ năm.

Lại nữa, trong pháp của Ta có các loại châu báu như: Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi[23]. Đó gọi là pháp hiếm có thứ sáu, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó, như biển cả sản sinh các loại châu báu.

Lại nữa, trong pháp của Ta, các chúng sinh cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ; nhưng pháp Ta không có tăng giảm. Như biển cả kia, các sông đổ vào mà vẫn không có tăng giảm. Đó gọi là pháp hiếm có thứ bảy, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó.

Lại nữa, trong pháp của Ta có định Kim cang, có định Diệt tận, định Nhất thiết quang minh, định Bất khởi, các loại định không thể tính hết,[24] các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó; như dưới đáy biển cả kia có cát vàng. Đó gọi là pháp hiếm có thứ tám, các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích ở trong đó.

Ở trong pháp của Ta có tám pháp hiếm có này, các Tỳ-kheo rất tự vui thích ở trong đó.

Lúc ấy, A-tu-luân bạch Thế Tôn:

–Như trong pháp của Như Lai, giả sử có một pháp hiếm có thì cũng hơn tám pháp hiếm có trong biển kia, gấp trăm, gấp ngàn lần, không thể so

---

[21] No 26(35): Trong Chánh pháp luật này, sự tu học tiến dần từ cạn đến sâu.

[22] Chánh pháp luật của Phật đều đồng một vị: vị vô dục, vị giác ngộ, vị tịch tĩnh, vị đạo. Pāli, ibid.: Ayaṃ dhammavinayo ekaraso, vimuttiraso, chánh pháp luật này chỉ một vị: vị giải thoát.

[23] Để bản: Niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, ỷ giác ý, định giác ý, hộ giác ý.

[24] No 26(35), thay các định (Tam-muội) mà bằng các Thánh quả, A-la-hán cho đến Tu-đà-hoàn.

sánh, đó chính là tám đạo Hiền thánh. Lành thay! Thế Tôn đã nói những điều này.

Bấy giờ, Thế Tôn lần lượt nói cho họ nghe về bố thí, trì giới, sinh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, là hữu lậu, là họa lớn, giải thoát là pháp vi diệu. Sau khi Thế Tôn đã thấy tâm ý họ khai mở, như những gì chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp, Ngài nói hết cho họ về Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Lúc này, A-tu-luân liền tự nghĩ: "Đáng ra có năm Đế, nay Thế Tôn chỉ nói bốn Đế cho mình. Cho chư Thiên thì nói năm Đế!'

Lúc ấy, Thiên tử liền ngay trên chỗ ngồi mà được Pháp nhãn thanh tịnh.

A-tu-luân bạch Thế Tôn:

–Lành thay! Thế Tôn đã nói những điều này. Nay con muốn trở về chỗ ở.

Thế Tôn bảo:

–Nên biết hợp thời.

A-tu-luân rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi theo đường mà đi.

Lúc ấy, Thiên tử bảo A-tu-luân:

–Những gì ông đã nghĩ hôm nay thật là không tốt! Nghĩ rằng: "Sao Như Lai vì chư Thiên nói năm Đế, vì ta nói bốn Đế?" Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn không bao giờ nói hai lời, chư Phật không bao giờ bỏ chúng sinh, nói pháp cũng không biết mệt mỏi, nói pháp cũng lại vô tận, cũng lại không lựa người mà nói pháp, mà nói pháp với tâm bình đẳng. Chỉ có bốn Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nay ông chớ có nghĩ vậy mà đổ lỗi Như Lai nói có năm Đế.

Lúc ấy, A-tu-luân đáp:

–Nay tôi đã tạo việc không tốt, tự sẽ sám hối. Tôi phải đến chỗ Như Lai để hỏi nghĩa này.

A-tu-luân và Thiên tử sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5[25]

Nghe như vầy:

---

[25] *A.viii. 70 Bhūmicāla. Hán, No 26(36).*

Một thời, Đức Phật ở trong vườn cây Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trời đất chấn động mạnh là do tám nhân duyên. Thế nào là tám? Tỳ-kheo, nên biết, đất Diêm-phù-lý này Nam Bắc dài hai vạn, một ngàn do-tuần, Đông Tây bảy ngàn do-tuần, dày sáu vạn tám ngàn do-tuần, nước dày tám vạn bốn ngàn do-tuần, lửa dày tám vạn bốn ngàn do-tuần, dưới tầng lửa có tầng gió dày sáu vạn tám ngàn do-tuần, dưới tầng gió có bánh xe kim cương, xá-lợi của chư Phật trong quá khứ đều ở trong đó.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc gió lớn chính động, lửa cũng động; lửa đã động thì nước liền động; nước đã động thì đất liền động. Đó gọi là nhân duyên thứ nhất khiến đất động mạnh.

Lại nữa, Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất giáng thần vào trong thai mẹ, lúc ấy mặt đất cũng động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ hai khiến đại địa động.

Lại nữa, khi Bồ-tát giáng thần ra khỏi thai mẹ, lúc ấy trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ ba khiến đất động mạnh.

Lại nữa, Bồ-tát xuất gia học đạo, thành Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác, lúc đó trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ tư khiến đất động mạnh.

Lại nữa, khi Như Lai nhập Vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ, lúc đó trời đất động mạnh. Đó là nhân duyên thứ năm khiến đất động mạnh.

Lại nữa, có Tỳ-kheo có thần túc lớn, tâm được tự tại, tùy ý hành vô số biến hóa, hoặc phân thân thành cả trăm ngàn, rồi trở lại thành một, phi hành trên hư không, xuyên qua vách đá, vọt lên lặn xuống tự tại, quán đất không có tướng đất, rõ tất cả đều rỗng không, lúc này đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ sáu khiến đất động mạnh.

Lại nữa, chư Thiên có thần túc lớn, thần đức vô lượng. Từ nơi ấy mạng chung, sinh vào cõi kia; nhờ phước hạnh đời trước nên các đức đầy đủ, bỏ hình trời cũ, được làm Đế Thích, hoặc làm Phạm Thiên vương, lúc ấy đất động mạnh. Đó gọi là nguyên nhân thứ bảy khiến đất động mạnh.

Lại nữa, nếu chúng sinh nào khi mạng chung hết phước. Lúc ấy, các quốc vương không thích nước mình, nên họ công phạt lẫn nhau, hoặc chết vì đói thiếu, hoặc chết vì đao, kích, lúc ấy trời đất động mạnh. Đó gọi là nhân duyên thứ tám khiến đất động mạnh.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6[26]

Nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả A-na-luật du hành tại nơi mà bốn Phật đã từng cư trú.

Lúc ấy, A-na-luật ở nơi vắng vẻ, suy nghĩ: "Trong các đệ tử của Thích-ca Văn Phật, những vị thành tựu giới đức, trí tuệ đều nương vào giới luật, được nuôi lớn trong chánh pháp này. Trong các Thanh văn, người nào giới luật không đầy đủ, những vị ấy đều xa lìa chánh pháp, không tương ưng với giới luật. Nay như hai pháp này, giới và văn, pháp nào hơn? Nay ta đem gốc nhân duyên này đến hỏi Như Lai, việc này như thế nào?"

A-na-luật lại suy nghĩ: "Pháp này là sở hành của người biết đủ, chẳng phải là sở hành của người không biết chán đủ; là sở hành của người ít muốn, chẳng phải là sở hành của người nhiều ham muốn. Pháp này là sở hành của người thích nơi vắng vẻ, chẳng phải sở hành của người ở nơi ồn ào. Pháp này là sở hành của người trì giới, chẳng phải sở hành của người phạm giới. Là sở hành của người có định, chẳng phải sở hành của người động loạn. Là sở hành của người trí tuệ, chẳng phải là sở hành của người ngu. Là sở hành của người nghe nhiều, chẳng phải sở hành của người ít nghe.

Rồi A-na-luật suy nghĩ: "Ta hãy đến chỗ Thế Tôn để hỏi về nghĩa này, về tám điều suy niệm của bậc Đại nhân này."

Bấy giờ, Thế Tôn đang ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Trong thời gian ấy, vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo hạ an cư chín mươi ngày.

Rồi thì A-na-luật dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian, lần hồi đi đến nước Xá-vệ, đến chỗ Như Lai, đảnh lễ sát chân Phật và ngồi qua một bên. Lúc ấy, A-na-luật bạch Thế Tôn:

–Ở nơi vắng vẻ, con đã suy nghĩ nghĩa này: "Giới và văn; trong hai pháp này, pháp nào hơn?"

Thế Tôn liền nói kệ này cho A-na-luật:

Nay ông khởi hồ nghi
Giới hơn, hay văn hơn
Giới luật hơn hẳn kinh
Điều đó, có gì nghi?

---

[26] *Pāli, A.viii. 30 Anurudha. Hán, No 26(74). No 46.*

Vì sao? A-na-luật nên biết, Tỳ-kheo nào thành tựu giới, vị ấy đắc định. Đã đắc định, liền được trí tuệ. Đã có trí tuệ, liền được đa văn. Đã được đa văn, liền được giải thoát. Đã giải thoát, sẽ ở trong Vô dư Niết-bàn giới mà diệt độ. Do đây mà biết giới là hơn hết.

Khi ấy, A-na-luật nói với Thế Tôn về tám điều suy niệm của bậc Đại nhân. Phật bảo A-na-luật:

–Lành thay, lành thay A-na-luật! Những điều nay ông nghĩ chính là những điều bậc Đại nhân tư duy. Ít muốn, biết đủ, ở nơi vắng vẻ, thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn. Này A-na-luật, ông hãy xác lập ý, tư duy về tám điều suy niệm của bậc Đại nhân. Thế nào là tám? Đây là pháp sở hành của người tinh tấn, chẳng phải là sở hành của người biếng nhác. Vì sao? Vì Ta nhờ sức tinh tấn mà siêu việt, thành Phật trước, còn Bồ-tát Di-lặc phải trải qua ba mươi kiếp mới thành Vô thượng Chánh chân Đẳng chánh giác.

A-na-luật nên biết, Chư Phật Thế Tôn đều giống nhau, cũng đồng giới luật, giải thoát, trí tuệ không có gì khác; cũng đồng Không, Vô tướng, Vô nguyện, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình, nhìn không biết chán, với đỉnh đầu không thể nhìn thấy. Tất cả những việc trên đều giống nhau, chỉ có tinh tấn là không đồng. Trong chư Phật Thế Tôn ở quá khứ và vị lai, Ta là vị tinh tấn bậc nhất. Cho nên, này A-na-luật, ở đây tám điều suy niệm của bậc Đại nhân này là hơn hết, là tôn là quý, không thể so sánh. Giống như do sữa mà có lạc, do lạc mà có tô, do tô mà có đề hồ; nhưng ở trong đó, đề hồ lại là không có gì so sánh. Ở đây cũng vậy, trong điều tám suy niệm của bậc Đại nhân, niệm tinh tấn là hơn hết, thật không gì để so sánh.

Cho nên, này A-na-luật, phải phụng hành tám điều suy niệm của bậc Đại nhân. Và cũng nên phân biệt nghĩa của nó cho bốn bộ chúng. Nếu tám điều suy niệm của bậc Đại nhân được lưu truyền ở đời, đệ tử Ta đều sẽ thành đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Vì sao? Vì pháp của Ta là sở hành của người ít muốn, chẳng phải là sở hành của người muốn nhiều; pháp của Ta là sở hành của người biết đủ, chẳng phải là sở hành của người không biết đủ. Pháp của Ta là sở hành của người ở nơi vắng vẻ, chẳng phải là sở hành của người ở chốn đông người. Pháp của Ta là sở hành của người trì giới, chẳng phải là sở hành của người phạm giới. Pháp của Ta là sở hành của người có định, chẳng phải là sở hành của người động loạn. Pháp của Ta là sở hành người trí, chẳng phải là sở hành của người ngu. Pháp của Ta là sở hành của người nghe nhiều, chẳng phải là sở hành

của người ít nghe. Pháp của Ta là sở hành của người tinh tấn, chẳng phải là sở hành của người biếng nhác. Cho nên, này A-na-luật, bốn bộ chúng hãy tìm cầu phương tiện hành tám điều suy niệm của bậc đại nhân.

Này A-na-luật, cần phải học điều này như vậy.

A-na-luật sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7[27]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có tám chúng, các ông nên biết. Những gì là tám? Chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Tứ Thiên vương, chúng trời Tam thập tam, chúng Ma, chúng Phạm thiên.

Tỳ-kheo nên biết, khi xưa Ta đã từng vào trong chúng Sát-lợi để cùng thăm hỏi, đàm luận, trong đó không có ai ngang bằng Ta. Ta đi một mình, không bạn lứa, không ai cùng hàng; Ta ít muốn biết đủ, ý nghĩ không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

Ta lại nhớ, khi đến trong chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn, chúng Tứ Thiên vương, chúng trời Tam thập tam, chúng Ma, chúng Phạm thiên cùng thăm hỏi, bàn luận. Ta đi một mình, không bạn lứa, không ai cùng hàng; ở trong đó, Ta tối tôn, không ai sánh ngang; ít muốn biết đủ, ý không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

Khi ấy, Ta ở trong tám bộ chúng, đi một mình, không bạn lứa, làm cây lọng lớn cho các chúng sinh. Bấy giờ, tám bộ chúng không ai có thể thấy đảnh, cũng không dám nhìn dung nhan, huống là cùng luận nghĩa. Vì sao? Vì Ta cũng không thấy có ai trong chúng Trời, Người, Ma, Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, có thể thành tựu tám pháp này, trừ Như Lai còn không kể. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành tám pháp này.

Các Tỳ-kheo, cần phải học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[27] *Pāli, A.viii. 69 Parisā.*

-oOo-

KINH SỐ 8

nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-để đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng giả:

–Trong nhà trưởng giả có bố thí rộng rãi không?

Trưởng giả bạch Phật:

–Bần gia bố thí suốt ngày đêm trong bốn cổng thành, chợ lớn, trong nhà, đường đi, cùng Phật và Tăng Tỳ-kheo. Đó là tám nơi bố thí. Như vậy, Thế tôn, tùy chỗ cần của họ, cần áo bố thí áo, cần thức ăn bố thí thức ăn, hay trân bảo trong nước, quyết không trái nghịch. Nói chung y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị liệu bệnh, tất cả đều cung cấp cho họ. Cũng có chư Thiên đến chỗ con, ở giữa hư không bảo con: "Hãy phân biệt tôn ti, người này trì giới, người này phạm giới; cho đây thì được phước, cho kia không quả báo." Nhưng tâm con chân chánh không có đây, kia, không khởi tâm thêm bớt, rải lòng từ bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Các chúng sinh nương vào mạng căn mà hình tồn tại, có thức ăn thì tồn tại, không có thức ăn thì mạng không cứu được. Bố thí cho hết thảy chúng sinh thì được vô lượng phước báo, hưởng quả báo ấy không có tăng giảm.

Phật bảo trưởng giả:

–Lành thay, lành thay, trưởng giả! Người bố thí bình đẳng thì phước tối tôn đệ nhất. Nhưng tâm chúng sinh thì lại có hơn, có kém. Bố thí cho người trì giới thì hơn người phạm giới.

Lúc ấy, Thiên thần trong hư không vô cùng hoan hỷ, liền nói bài kệ này:

Phật nói thí có chọn
Kẻ ngu có tăng giảm
Cầu ruộng phước tốt kia
Đâu qua chúng Như Lai.

Nhưng những điều Thế Tôn dạy nay thật là hay thay! Bố thí người trì giới hơn người phạm giới.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

–Nay Ta sẽ nói cho ông nghe về chúng Hiền thánh. Hãy nên ghi nhớ kỹ và ghi nhận trong lòng. Hoặc có trường hợp bố thí ít mà được phước nhiều; hoặc bố thí nhiều được phước nhiều.

Trưởng giả A-na-bân-để bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa kia. Sao gọi là bố thí ít mà được phước nhiều? Sao gọi là thí nhiều được phước nhiều?

Phật bảo trưởng giả:

–Hướng A-la-hán, đắc A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn. Này trưởng giả, đó gọi là chúng Hiền thánh. Ở đó, thí ít được mà phước nhiều, thí nhiều được phước nhiều.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người thành tựu bốn hướng
Người thành tựu bốn quả
Đó là chúng Hiền thánh
Bố thí được nhiều phước.

Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ lâu xa cũng có chúng Hiền thánh này như Ta hôm nay không khác. Giả sử chư Phật Thế Tôn trong vị lai xuất hiện ở đời, cũng có chúng Hiền thánh như vậy. Cho nên, trưởng giả hãy cúng dường chúng Hiền thánh với tâm vui vẻ.

Lúc ấy, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho ông trưởng giả, xác lập trong địa vị không thoái chuyển. Trưởng giả sau khi nghe pháp xong, vô cùng hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui đi.

Trưởng giả A-na-bân-để sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9[28]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào dùng của cải bố thí thì thu được tám công đức. Những gì là tám?

1. Bố thí đúng thời, chẳng phải phi thời.

2. Bố thí trong sạch, chẳng phải là ô uế.

---

[28] *Pāli, A.viii. 37 Sappurisa.*

3. Tự tay ban phát, chẳng sai người khác.

4. Thệ nguyện bố thí, không tâm kiêu.

5. Bố thí giải thoát, không trông chờ quả báo.

6. Bố thí cầu tịch diệt, không cầu sinh Thiên.

7. Bố thí cầu ruộng tốt, không bố thí nơi đất hoang.

8. Đem công đức này bố thí cho chúng sinh, không tự vì mình.

Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ nào đem của cải bố thí thì sẽ được tám công đức như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người trí tùy thời thí
Không có tâm keo kiệt
Những công đức đã tạo
Đều đem bố thí người.
Thí này là hơn hết
Được chư Phật khen ngợi
Hiện đời hưởng quả kia
Qua đời hưởng phước trời.

Cho nên, Tỳ-kheo ai muốn cầu quả báo kia nên hành tám việc này. Báo kia vô lượng, không thể kể hết, sẽ được châu báu cam lồ, dần dần đưa đến diệt độ.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về con đường đưa đến địa ngục và con đường hướng đến Niết-bàn, hãy ghi nhớ kỹ chớ để quên sót.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy. Phật bảo Tỳ-kheo:

–Thế nào là con đường đưa đến địa ngục và con đường hướng đến

Niết-bàn? Tà kiến là đường đến địa ngục, chánh kiến là con đường hướng Niết-bàn. Tà tư duy[29] là đường đến địa ngục, chánh tư duy[30] là con đường hướng Niết-bàn. Tà ngữ là đường đến địa ngục, chánh ngữ là con đường hướng Niết-bàn. Tà nghiệp là đường đến địa ngục, chánh nghiệp là con đường hướng Niết-bàn. Tà mạng là đường đến địa ngục, chánh mạng là con đường hướng Niết-bàn. Tà phương tiện là đường đến địa ngục, chánh phương tiện là con đường hướng Niết-bàn. Tà niệm là đường đến địa ngục, chánh niệm là con đường hướng Niết-bàn. Tà định là đường đến địa ngục, chánh định là con đường hướng Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là con đường đưa đến địa ngục, con đường hướng đến Niết-bàn.

Những gì chư Phật Thế Tôn đã cần nói, nay Ta cũng đã hoàn tất. Các ông hãy ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới bóng gốc cây, niệm hành thiện pháp, chớ có biếng nhác. Nay không siêng thực hành, sau hối hận không kịp.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Phi thời, địa ngục, đạo
Trời, Tu-luân, đất động
Tám niệm đại nhân, chúng
Thiện nam thí, đạo.

❑

[29] *Để bản: Tà trị.*
[30] *Để bản: Chánh trị.*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 38

PHẨM 43: THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI TÁM CHÁNH (1)

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Khi Thiên tử Mã Huyết[2], vào lúc giữa đêm[3], đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Vừa rồi, con có ý nghĩ như vầy: "Trên mặt đất có thể đi bộ qua hết thế giới này được không?" Nay con xin hỏi Thế Tôn có thể dùng đi bộ để đi đến tận cùng thế giới này không?[4]

Thế Tôn bảo:

–Nay ông với ý nghĩa nào mà hỏi điều này?

Thiên tử bạch Phật:

–Ngày xưa, có một lần con đến chỗ Phạm thiên Bà-già[5]. Phạm thiên thấy con từ xa đến, liền nói với con: "Hoan nghênh, Thiên tử Mã Huyết! Nơi này là cõi vô vi, không sinh, không già, không bệnh, không chết, không bắt đầu, không kết thúc, không sầu ưu, khổ não."[6] Khi ấy, con suy nghĩ

---

1. *A. iv. 45 Rohitassa. Hán, No 99(1307).*
2. *Mã Huyết Thiên tử 馬血天子. No 99(1037): Xích Mã Thiên tử 赤馬天子. Pāli: Rohitasso devaputto.*
3. *Nguyên Hán: Phi nhân chi thời, thời gian sinh hoạt của loài phi nhân. No 99(1307): Sau giữa đêm. Pāli: Abhikkantāya rattiyā.*
4. *No 99(1307): "Có thể vượt qua biên tế của thế giới này để đi đến chỗ không sinh, không già, không chết chăng?" Pāli: Yattha nu kho, bhante, na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, sakkā nu kho so, bhante, gamanena lokassa anto ñātuṃ và daṭṭhuṃ và pāpuṇituṃ vā'ti?*
5. *Bà-già Phạm thiên 婆伽梵天 (Pāli.: Baka Brahmà). No 99(1195): Bà-cú Phạm thiên 婆句梵天.*
6. *No 99(1195), tr. 324b04.*

nghĩ: "Đây có phải là con đường dẫn đến Niết-bàn? Vì sao? Vì trong Niết-bàn không có sinh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não. Đó là chỗ tận cùng của thế giới. Nếu đó đúng là chỗ tận cùng của thế giới thì có thể đi bộ qua thế gian."

Thế Tôn bảo:

–Vậy thần túc của ông như thế nào?

Thiên tử bạch Phật:

–Giống như lực sĩ giỏi thuật bắn, mũi tên bay đi mà không bị cản. Ở đây đức thần túc của con cũng không bị chướng ngại như vậy.

Thế Tôn bảo rằng:

–Nay Ta hỏi ông, tùy theo sở thích mà trả lời. Giống như có bốn người nam giỏi thuật bắn tên. Bốn người bắn về bốn hướng. Nếu có người đi đến, với ý muốn thu hết tên bốn hướng, khiến không rơi xuống đất. Thế nào Thiên tử, người này rất là mau lẹ phải không, mới có thể khiến cho tên không rơi xuống đất? Thiên tử nên biết, trước khi mặt trời, mặt trăng lên, có vị Thiên tử đi bộ nhanh. Ông đi lại, tiến dừng, còn nhanh chóng hơn người gom tên này. Nhưng cung điện mặt trời, mặt trăng đi còn lẹ hơn cả người gom tên và vị Thiên tử này. Tính gom sự mau lẹ của người kia, vị Thiên tử, cùng cung điện mặt trời, mặt trăng, vẫn không bằng sự mau lẹ của trời Tam thập tam. Tính sự mau lẹ của trời Tam thập tam không bằng sự mau lẹ của trời Diễm. Thần đức mà các chư Thiên có được như vậy đều không bằng nhau. Giả sử nay ông có thần đức này như các vị Thiên kia, từ kiếp này sang kiếp khác cho đến trăm kiếp, ông cũng không thể nào đi đến chỗ tận cùng của thế giới. Vì sao? Vì phương vực địa giới không thể tính toán được.

Thiên tử nên biết, vào đời quá khứ lâu xa, Ta từng làm vị Tiên tên Mã Huyết giống tên như ông, ái dục đã sạch, bay giữa hư không không gì ngăn ngại. Khi ấy, thần túc của Ta khác với mọi người, trong khoảnh khắc búng ngón tay, đã có thể thu những mũi tên từ bốn hướng này khiến không cho rơi xuống. Lúc ấy, do có thần túc này nên Ta suy nghĩ: "Nay Ta có thể bằng thần túc này đi đến tận cùng mé bờ thế giới hay không?" Ta liền đi khắp thế giới nhưng không thể đến chỗ tận cùng bờ cõi của nó. Sau khi qua đời, ta liền tiến tu đức nghiệp mà thành Phật đạo. Dưới cây thọ vương, ngồi ngay thẳng tư duy về những việc làm đã từng trải xưa kia. Trước kia vốn là Tiên nhân, đã dùng thần đức này mà vẫn không thể đến chỗ tận cùng mé bờ của nó. Vậy phải dùng thần lực gì để đến chỗ cứu cánh tận cùng của nó?

Bấy giờ Ta lại suy nghĩ: "Cần phải nương vào tám phẩm đạo Hiền thánh, sau đó mới đạt đến chỗ tận cùng biên tế sinh tử."

Những gì là tám phẩm đạo Hiền thánh? Đó là, chánh kiến, chánh tư duy*, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm và chánh định*. Thiên tử, lại nữa, nên biết, đó gọi là tám phẩm đạo Hiền thánh, khiến đạt đến chỗ tận cùng biên tế của thế giới. Hằng sa chư Phật trong quá khứ đã đạt đến chỗ tận cùng của thế giới, tất cả đều bằng tám phẩm đạo Hiền thánh này để đạt cứu cánh thế giới. Giả sử chư Phật trong tương lai mà xuất hiện, cũng sẽ bằng tám phẩm đạo Hiền thánh này để đạt đến chỗ tận cùng biên tế.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ này:

Chân bước không cứu cánh
Đến tận cùng thế giới
Mặt đất rộng vô cùng
Thần túc chẳng thể vượt.
Kẻ phàm ý giả tưởng
Khởi mê hoặc trong đó
Không rõ pháp chân chánh
Trôi lăn trong năm đường.
Tám phẩm đạo Hiền thánh
Lấy đó làm thuyền bè
Sở hành của chư Phật
Đạt cùng tận thế gian.
Giả sử Phật tương lai
Di-lặc cùng tất cả
Cũng bằng tám phẩm đạo
Đến tận cùng thế giới.
Cho nên, người có trí
Tu đạo Hiền thánh này
Ngày đêm hành tu tập
Liền đến chỗ vô vi.

Thiên tử Mã Huyết sau khi nghe Như Lai nói tám phẩm đạo Hiền thánh, liền ở trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Lúc ấy, Thiên tử liền đảnh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi. Ngay ngày hôm ấy, Thiên tử kia liền dùng đủ loại hoa trời rải lên Như Lai, rồi nói kệ này:

Trôi lăn mãi sinh tử

Muốn đi tận thế giới
Tám phẩm đạo Hiền thánh
Không biết lại không thấy.
Nay con đã kiến đế
Lại nghe tám phẩm đạo
Liền được tận bờ mé
Nơi chư Phật đã đến.

Thế Tôn hứa khả những điều Thiên tử kia nói. Thiên tử kia thấy Thế Tôn đã hứa khả, liền đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi lui đi.

Thiên tử kia sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2[7]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói trai pháp tám quan của Hiền thánh.[8] Các ông hãy ghi nhớ kỹ, tùy hỷ mà phụng hành.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

–Sao gọi là trai pháp tám quan?

1. Không sát sinh.

2. Không lấy của không cho.

3. Không dâm dục.

4. Không nói dối.

5. Không uống rượu.

6. Không ăn phi thời.

7. Không nằm ngồi trên giường cao rộng.

8. Tránh xa việc đờn ca xướng hát và xoa hương thơm vào mình.

Tỳ-kheo, đó gọi là trai pháp tám quan của Hiền thánh.

Lúc ấy, Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Tu hành trai pháp tám quan?

Thế Tôn bảo:

---

7. *Pāli, A. viii. 41 Saṃkhitta.*

8. *Bát quan trai pháp 八關齋法. Pāli: Aṭṭhaṅgasamannāgato uposatho.*

–Này Ưu-ba-ly, thiện nam, thiện nữ vào ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm[9] đến chỗ Sa-môn hoặc Tỳ-kheo trưởng lão, tự xưng tên họ rằng: "Con từ sáng đến tối[10], như A-la-hán, giữ tâm không di động, không dùng dao gậy gia hại chúng sinh, ban vui khắp tất cả. Nay con thọ trai pháp, tất cả không vi phạm, không khởi tâm sát. Con tu tập giáo pháp Chân nhân kia, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không ăn quá ngọ, không ngồi chỗ cao rộng, không tập ca múa xướng hát và thoa hương vào mình." Nếu người có trí tuệ, hãy nói như vậy. Nếu là người không có trí tuệ, nên dạy nói như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia nên chỉ dạy từng điều một, đừng để sai sót, cũng đừng để vượt quá. Lại nên dạy cho phát thệ nguyện.

Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Nên phát nguyện như thế nào?

Thế Tôn bảo:

–Người ấy nguyện rằng: "Nay con bằng trai pháp tám quan này sẽ không đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng không rơi vào nơi tám nạn, không ở biên địa, không rơi vào nơi tệ ác, không theo tri thức ác, phụng sự cha mẹ chân chánh không có tà kiến, sinh vào trung bộ, được nghe pháp thiện, tư duy phân biệt, thành tựu pháp tùy pháp; đem công đức trai pháp này nhiếp lấy pháp lành của tất cả chúng sinh; đem công đức này bố thí cho họ giúp cho người kia thành đạo Vô thượng Chánh chân; đem phước của thệ nguyện này bố thí để thành tựu ba thừa khiến cho không bị thoái lui giữa chừng. Lại đem trai pháp tám quan này để học Phật đạo, Bích-chi-phật đạo, A-la-hán đạo. Những người học chánh pháp ở các thế giới cũng đều tập theo nghiệp này. Giả sử trong tương lai, khi Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, người nào gặp hội kia thì sẽ được độ ngay. Khi Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, có ba hội Thanh văn. Hội đầu có chín mươi sáu ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ hai có chín mươi bốn ức chúng Tỳ-kheo. Hội thứ ba có chín mươi hai ức chúng Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu đã sạch. Cũng gặp vua cùng giáo thọ sư của đất nước kia." Dạy như vậy, không để cho thiếu sót.

---

9. Mỗi nửa tháng.

10. Nguyên Hán: Tùng triêu chí mộ 從朝至暮; Hán dịch không chính xác. Nên hiểu: Từ sáng cho đến hết đêm, tức đến sáng hôm sau.

Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

–Nếu thiện nam, thiện nữ kia tuy trì trai tám quan nhưng không phát thệ nguyện, há không được công đức lớn hay sao?

Thế Tôn bảo:

–Tuy được phước kia, nhưng phước không đáng nói. Vì sao? Nay Ta sẽ nói.

Trong đời quá khứ, có vua tên là Bảo Nhạc cai trị bằng pháp, không có tà vạy, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này. Bấy giờ, có Phật tên Bảo Tạng Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc*, Thiện Thệ* Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu*, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn* xuất hiện ở đời. Vua kia có người con gái tên Mâu-ni, dung mạo đặc thù, mặt như màu hoa đào, đều do đời trước cúng dường chư Phật mà được như vậy. Bấy giờ, Phật kia cũng có ba hội chúng. Hội đầu tiên gồm chúng một ức sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo. Hội thứ nhì gồm chúng một ức sáu vạn Tỳ-kheo. Hội thứ ba gồm chúng một ức ba vạn Tỳ-kheo, đều là A-la-hán các lậu hoặc đã sạch.

Khi ấy, Phật kia thuyết pháp như vậy cho các đệ tử: "Các Tỳ-kheo, hãy nhớ nghĩ tọa thiền, chớ có biếng nhác. Lại hãy tìm cầu phương tiện tụng tập kinh, giới." Thị giả của Phật kia tên là Mãn Nguyện, đa văn đệ nhất, như Tỳ-kheo A-nan đa văn tối thắng hôm nay của Ta. Lúc ấy, Tỳ-kheo Mãn Nguyện kia bạch Phật Bảo Tạng: "Có những Tỳ-kheo các căn ám độn, cũng không siêng năng đối với pháp thiền định, lại cũng không tụng tập. Nay Thế Tôn đặt họ vào nhóm nào?"

Phật Bảo Tạng bảo: "Nếu có Tỳ-kheo nào các căn ám độn, không thể hành pháp thiền, nên tu ba nghiệp pháp thượng nhân. Thế nào là ba? Tọa thiền, tụng kinh, khuyến hóa." Như vậy, Phật kia thuyết pháp vi diệu cho các đệ tử như thế.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo trưởng lão không thể tu hành pháp thiền. Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay ta tuổi già yếu, không thể tu pháp thiền kia. Vậy ta nên thỉnh nguyện hành pháp khuyến trợ." Lúc ấy, Tỳ-kheo trưởng lão kia vào trong thành Dã mã xin dầu mè đốt đuốc, hàng ngày đến cúng dường Như Lai Bảo Tạng, khiến cho ánh sáng không dứt.

Khi ấy, Công chúa Mâu-ni thấy Tỳ-kheo trưởng lão này đi khắp các nẻo đường để cầu xin, liền hỏi: "Tỳ-kheo, hôm nay thầy cầu xin vật gì vậy?" Tỳ-kheo đáp: "Công chúa nên biết, tuổi tôi đã già yếu, không thể hành pháp thiền, cho nên cầu xin dầu để cúng dường Phật, thắp sáng liên tục cho Phật." Công chúa khi nghe danh hiệu Phật, vui mừng hớn hở không

thể tự kiềm chế, bạch với Tỳ-kheo trưởng lão: "Này Tỳ-kheo, thầy chớ cầu xin ở nơi khác. Chính tôi sẽ cung cấp, cúng dường hết cả dầu lẫn đèn."

Từ đó, Tỳ-kheo trưởng lão nhận sự bố thí của cô ấy, hàng ngày lấy dầu cúng dường Như Lai Bảo Tạng và nguyện đem công đức này hồi hướng đạo Vô thượng Chánh chân, miệng tự nói rằng: "Con tuổi đã già yếu, các căn lại chậm lụt, không có trí tuệ để tu thiền, xin nhờ công đức này mà khỏi đọa vào ác thú, trong tương lai được gặp Thế Tôn giống như Như Lai Bảo Tạng ngày nay, gặp Thánh chúng như Thánh chúng ngày nay, thuyết pháp cũng như ngày nay." Như Lai Bảo Tạng biết được tâm niệm của Tỳ-kheo ấy liền mỉm cười, miệng phát ra ánh sáng năm màu và nói rằng: "Trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp nữa ông sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai Đăng Quang, Chí Chân Đẳng Chánh Giác." Bấy giờ, Tỳ-kheo trưởng lão hết sức vui mừng, thân tâm kiên cố, ý không thoái chuyển, vẻ mặt rạng rỡ khác với ngày thường.

Khi thấy Tỳ-kheo ấy có nhan sắc khác thường, công chúa Mâu-ni liền hỏi: "Hôm nay nhan sắc của thầy cực kỳ vi diệu, rạng rỡ khác với ngày thường. Có điều gì đắc ý chăng?" Tỳ-kheo đáp: "Công chúa nên biết, vừa rồi, tôi đã được Như Lai rưới nước cam lộ lên đảnh đầu." Công chúa Mâu-ni hỏi: "Như Lai rưới nước cam lồ lên đảnh là như thế nào?" Tỳ-kheo đáp: "Tôi được Như Lai Bảo Tạng thọ ký rằng qua vô số a-tăng-kỳ kiếp trong tương lai tôi sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai Đăng Quang, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, nên thân tâm tôi kiên cố, ý không thoái chuyển. Này công chúa, tôi đã được Như Lai ấy thọ ký như vậy." Công chúa hỏi: "Đức Phật ấy có thọ ký cho tôi không?" Tỳ-kheo trưởng lão đáp: "Tôi cũng không biết Ngài có thọ ký cho cô hay không?"

Sau khi nghe Tỳ-kheo nói, công chúa liền đi cỗ xe lộng lẫy* đến chỗ Như Lai Bảo Tạng, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi qua một phía và bạch Phật rằng: "Nay con là thí chủ thường cúng dầu, nhưng Thế Tôn không thọ ký, mà thọ ký Tỳ-kheo kia." Như Lai Bảo Tạng đáp: "Phát tâm cầu nguyện còn được phước khó lường, huống gì là đem của cải bố thí." Công chúa Mâu-ni nói: "Nếu Như Lai không thọ ký cho con thì con sẽ tự đoạn mạng căn." Bảo Tạng Như Lai đáp: "Phàm mang thân người nữ thì không thể mong làm Chuyển luân thánh vương, không thể mong làm Đế Thích, không thể mong làm Phạm thiên, không thể mong làm Ma vương, cũng không thể mong làm Như Lai." Công chúa hỏi: "Con nhất định không thể thành đạo Vô thượng hay sao?" Phật Bảo Tạng đáp: "Có thể. Này Mâu-ni nữ, cô có thể thành đạo Vô thượng Chánh chân. Nhưng, công chúa nên biết, vô số a-

tăng-kỳ kiếp trong tương lai có Phật xuất thế, là Thiện tri thức của cô. Vị Phật ấy sẽ thọ ký cho cô." Khi ấy, công chúa bạch Phật rằng: "Người nhận thanh tịnh, còn thí chủ thì uế trược hay sao?" Phật Bảo Tạng bảo: "Điều Ta nói ở đây là tâm ý thanh tịnh, phát nguyện kiên cố." Công chúa nói xong, liền đứng dậy, đảnh lễ sát đất, nhiễu Phật ba vòng rồi ra đi.

Ưu-ba-ly nên biết, qua vô số a-tăng-kỳ kiếp, Phật Đăng Quang mới xuất hiện ở đời, hóa độ nước lớn Bát-đầu-ma, có chúng Tỳ-kheo gồm mười sáu vạn tám ngàn người vây quanh, được nhà vua và nhân dân đến cúng dường. Lúc ấy, trong nước có vua tên Đề-bà-duyên-na trị đời đúng pháp, thống lãnh cảnh giới Diêm-phù này.

Bấy giờ, vua thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo thọ thực. Vào buổi sáng, Phật Đăng Quang đắp y cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo vào thành. Trong lúc ấy, có Phạm chí tên Di-lặc[11], dung mạo tuấn tú, một mình nổi bật trên tất cả đại chúng, y như Phạm thiên; tụng đọc thông suốt các bộ kinh, hiểu rõ các bộ sách và các chú thuật, thông suốt thiên văn địa lý; không thứ gì không biết. Khi từ xa trông thấy Phật Đăng Quang có dung mạo đặc biệt hiếm có trên đời, các căn vắng lặng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm thân, ông ấy liền sinh tâm hoan hỷ, phát sinh thiện tâm, suy nghĩ rằng: "Trong sách có nói Như Lai xuất hiện ở đời là việc rất khó gặp, lâu lắm mới có một lần, cũng như hoa Ưu-đàm lâu lắm mới nở. Ta cần phải đến xem thử."

Phạm chí bèn tự tay cầm năm bông hoa đến chỗ Thế Tôn và nghĩ rằng: "Ai có ba mươi hai tướng, người ấy được gọi là Phật." Ông đem năm nhánh hoa rải lên thân Như Lai và tìm ba mươi hai tướng nhưng chỉ thấy ba mươi tướng, còn hai tướng nữa thì không thấy, tức thì trong lòng hồ nghi rằng, vì sao ta quan sát Thế Tôn mà không thấy tướng lưỡi dài và tướng mã âm tàng. Ông ấy liền nói kệ:

Nghe có ba hai tướng
Của bậc Đại trượng phu
Nay không thấy hai tướng
Có đủ tướng hảo chăng?
Thiếu tướng mã âm tàng
Trinh khiết không dâm chăng
Không thấy tướng lưỡi dài
Liếm tai, che khắp mặt.

---

[11] *Đoạn dưới gọi là Ma-nạp 摩納, thiếu niên Bà-la-môn.*

Mong hiện tướng cho thấy
Để con sạch nghi ngờ
Xin cho con được thấy
Tướng mã âm và lưỡi.

Khi ấy, Phật Đăng Quang liền nhập định, khiến cho Phạm chí thấy hai tướng đó. Phật Đăng Quang lại hiện tướng lưỡi rộng dài liếm đến hai tai và phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy sau đó trở vào đỉnh đầu. Khi Phạm chí thấy Như Lai có đầy đủ ba mươi hai tướng, hết sức vui mừng, nói rằng: "Cúi nguyện Thế Tôn xem xét, con xin dâng lên Như Lai năm bông hoa này và xin đem thân này cúng dường Thế Tôn." Sau khi vị ấy phát nguyện, năm bông hoa liền biến thành đài báu trên không trung hết sức vi diệu, có bốn trụ, bốn cổng; thấy có đài lưới ngọc; vị ấy rất vui mừng, lại phát nguyện rằng: "Xin cho trong tương lai con được làm Phật như Phật Đăng Quang. Đệ tử đi theo cũng y như vậy."

Biết những ý nghĩ trong tâm Phạm chí, Phật Đăng Quang liền mỉm cười. Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, nếu khi thọ ký Thế Tôn mỉm cười thì miệng phát ra ánh sáng năm màu, chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Khi ánh sáng đã chiếu tam thiên đại thiên thế giới thì ánh sáng mặt trời, mặt trăng không còn. Sau đó, ánh sáng trở vào trên đảnh. Nếu lúc Như Lai thọ ký làm Phật thì ánh sáng nhập vào trên đảnh. Nếu lúc thọ ký Bích-chi-phật thì ánh sáng từ miệng phát ra rồi vào lại trong miệng.[12] Nếu thọ ký Thanh văn thì ánh sáng nhập vào vai. Nếu thọ ký sinh Thiên thì lúc ấy ánh sáng nhập vào trong cánh tay. Nếu thọ ký sinh làm người thì lúc ấy ánh sáng nhập vào hai bên hông. Nếu thọ ký sinh ngạ quỷ thì ánh sáng vào nách. Nếu thọ ký sinh súc sinh thì ánh sáng vào đầu gối. Nếu thọ ký sinh địa ngục thì ánh sáng vào gót chân.

Lúc ấy, Phạm chí thấy ánh sáng vào đỉnh, vui mừng hớn hở không xiết kể, liền trải tóc lên đất và nói lời này: "Nếu Như Lai không thọ ký cho con thì ngay chỗ này con tự đoạn các căn." Phật Đăng Quang biết những ý nghĩ trong tâm Phạm chí Phật Đăng Quang, liền bảo: "Ông hãy mau đứng dậy. Đời vị lai ông sẽ thành Phật, hiệu Thích-ca Văn Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác."

Ma-nạp sau khi nghe Phật thọ ký, sinh lòng hớn hở không xiết kể, liền ngay nơi đó mà đắc biến hiện Tam-muội, vọt lên hư không cách mặt đất bảy nhẫn, chắp tay hướng về Như Lai Đăng Quang.

---

[12] *Có bản chép là nhĩ 耳: Lỗ tai.*

Này Ưu-ba-ly, ông chớ có nhận xét ai khác. Tỳ-kheo trưởng lão vào thời Như Lai Bảo Tạng lúc bấy giờ, không ai khác mà chính là Như Lai Đăng Quang lúc ấy. Còn công chúa Mâu-ni lúc chính là Ta lúc bấy giờ. Lúc ấy, Như Lai Bảo Tạng đã đặt tên hiệu cho Ta là Thích-ca Văn. Nay Ta vì nhân duyên ấy nên nói trai pháp tám quan này. Hãy phát thệ nguyện. Không nguyện thì không quả. Vì sao? Nếu người nữ kia phát thệ nguyện, ngay kiếp ấy thành tựu sở nguyện đó. Nếu Tỳ-kheo trưởng lão không phát thệ nguyện, thì trọn không thành Phật đạo. Phước của thệ nguyện không thể ghi kể, dẫn đến chỗ cam lồ diệt tận.

Này Ưu-ba-ly, ông hãy học điều này như vậy.

Ưu-ba-ly sau khi nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3[13]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại nước Ma-kiệt, gần bên bờ sông[14], cùng năm trăm chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn thấy giữa dòng sông có một khúc gỗ lớn bị nước cuốn trôi, liền ngồi dưới một gốc cây bên bờ sông. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông có thấy khúc gỗ bị nước cuốn trôi không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch, có thấy!

Thế Tôn bảo:

–Nếu khúc gỗ này không vướng bờ này, không vướng bờ kia, không chìm giữa dòng, không bị tấp lên bờ, không bị người vớt, không bị phi nhân vớt, không bị dòng nước xoáy, không bị mục rã, nó sẽ trôi dần đến biển. Vì sao? Vì biển là nguồn gốc của các dòng sông. Tỳ-kheo, các ông cũng như vậy. Nếu không đắm bờ này, không đắm bờ kia, không chìm giữa dòng, không tấp lên bờ, không bị người bắt giữ, không bị phi nhân bắt giữ, cũng không bị nước xoáy, cũng không bị mục rã, dần dần các ông sẽ xuôi đến Niết-bàn. Vì sao? Xuôi đến Niết-bàn là chánh kiến[15], chánh tư duy, chánh

---

[13] Pāli, Dārukkhandha, S. iv. 179.

[14] Pāli: Phật ở bên bờ sông Hằng (Gaṅgā), địa phận Kosambi.

[15] Pāli: Nibbānaninnā, bhikkhave, sammādiṭṭhi nibbānaponā nibbānapabbhārā 'ti, "xuôi về Niết-bàn, nghiêng về phía Niết-bàn, dốc về về Niết-bàn, là chánh kiến."

ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn*, chánh niệm, chánh định. Đó là nguồn gốc của Niết-bàn.

Bấy giờ, có người chăn bò tên Nan-đà[16] đang đứng chống gậy. Người chăn bò từ xa nghe những lời nói như vậy, bèn đi lần đến chỗ Thế Tôn mà đứng. Bấy giờ người chăn bò bạch Thế Tôn:

–Nay con cũng không vướng bờ này, không vướng bờ kia, không chìm giữa dòng, không tấp lên bờ, không bị người vớt, chẳng bị phi nhân vớt, không bị dòng nước xoáy, cũng chẳng mục rã, dần dần xuôi về Niết-bàn. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép con ở trong đạo này được làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

–Ông hãy trả bò cho chủ rồi sau đó mới được làm Sa-môn.

Người chăn bò Nan-đà thưa:

–Những con bò này nhớ nghé con, nên chúng nó tự sẽ về nhà. Cúi xin Thế Tôn cho phép con đi theo đạo này.

Thế Tôn bảo:

–Những con bò này tuy sẽ tự trở về nhà, nhưng ông cần phải về giao lại cho chủ.

Lúc ấy, người chăn bò vâng lời Phật dạy, trở về giao bò, rồi trở lại chỗ Phật, bạch Thế Tôn:

–Nay con đã giao bò. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

Như Lai liền chấp thuận ông làm Sa-môn, thọ giới Cụ túc.

Có một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

–Sao gọi là bờ này? Sao gọi là bờ kia? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là tấp lên bờ? Thế nào là bị người bắt giữ? Thế nào là bị phi nhân bắt giữ? Thế nào là bị dòng nước xoáy? Thế nào là bị mục rã?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Bờ này là chỉ thân. Bờ kia là thân diệt tận. Chìm giữa dòng là dục ái. Tấp lên bờ là năm dục. Bị người bắt giữ là, như có thiện gia nam tử phát thệ nguyện này: "Do phước lành công đức này tôi sẽ làm vua nước lớn, hoặc làm đại thần." Bị phi nhân bắt giữ là, như có Tỳ-kheo phát nguyện như vầy: "Tôi sẽ sinh lên trời Tứ Thiên vương mà hành phạm hạnh. Nay ta đem công đức nguyện sinh về các cõi trời." Đó gọi là bị phi nhân bắt giữ. Bị dòng nước xoáy, đó là tà nghi. Mục rã là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó là mục rã.

---

[16] *Nan-đà (mục ngưu nhân) 牧牛人難陀. Pāli: Nando gopālako.*

Bấy giờ, Tỳ-kheo Nan-đà ở tại chỗ vắng vẻ, tự khắc tu. Vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến, tự biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Ông ở ngay trên chỗ ngồi thành A-la-hán.

Nan-đà sau khi nghe những gì nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4[17]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng năm trăm Tỳ-kheo câu hội.

Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa* đã mất thần túc. Thái tử A-xà-thế mỗi ngày sai đem năm trăm nồi cơm cúng dường ông. Khi các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa đã mất thần túc, lại được A-xà-thế cúng dường, cùng nhau dẫn đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Đề-bà-đạt-đa oai lực rất lớn, nay được vua A-xà-thế cúng dường mỗi ngày năm trăm nồi cơm.

Thế Tôn nghe những lời này rồi, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông chớ dấy lên ý tưởng này, ham lợi dưỡng của Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa. Kẻ ngu kia vì lợi dưỡng này sẽ tự diệt vong. Vì sao? Ở đây Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa sẽ không đạt kết quả như ước nguyện đối với mục đích xuất gia học đạo.

Tỳ-kheo nên biết, như có người ra khỏi làng xóm, tay cầm búa bén, đi đến cây lớn, ý mong muốn trước hết là mong cây lớn, nhưng khi kịp đến cây kia thì chỉ mang cành lá trở về[18]. Nay Tỳ-kheo này cũng như vậy, vì tham đắm lợi dưỡng. Vì lợi dưỡng này, tự khen mình trước mọi người, chê bai người khác, nên những việc làm của Tỳ-kheo không đạt kết quả như sở nguyện. Người ấy vì lợi dưỡng này nên không tìm cầu phương tiện khởi tâm dõng mãnh như người kia tìm không được lõi cây[19], bị người trí vứt bỏ.

Giả sử có Tỳ-kheo sau khi được lợi dưỡng, không tự khen, lại không chê bai người khác; nhưng có lúc lại đến người khác tự khoe rằng: "Tôi là

---

17. Pāli, Saropama, M. i. 192.

18. Nên hiểu: Tìm lõi cây. Cf. Pāli: Sāratthiko sāragavesī.

19. Trong bản: Cầu bảo 求寶. Chép nhầm, nên sữa lại là cầu thật 求實.

người trì giới. Kia là kẻ phạm giới.” Những sở nguyện của Tỳ-kheo cũng không được kết quả, như người bỏ gốc mang cành[20] về nhà. Người trí thấy vậy bèn nói: “Người này chỉ mang cành về nhà mà không biết được lõi.” Ở đây, Tỳ-kheo cũng như vậy, vì có được lợi dưỡng, vâng giữ giới luật, gồm tu phạm hạnh và thích tu Tam-muội. Vị ấy do tâm Tam-muội này mà tự khen với người khác: “Nay tôi đắc định. Người khác không đắc định.” Những pháp cần làm của Tỳ-kheo này cũng không được kết quả.

Cũng như có người muốn tìm lõi cây, đi đến cây lớn mong được lõi cây, bỏ cành lá cây, lấy gốc mang gốc về. Người trí thấy vậy, nói rằng: “Người này được riêng phần gốc.” Nay Tỳ-kheo cũng vậy, phát sinh lợi dưỡng, nhưng vâng giữ giới luật, không tự khen, lại chẳng chê bai người khác. Tu hành Tam-muội cũng như vậy, lần lượt hành trí tuệ. Ở trong pháp này, trí tuệ là bậc nhất. Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa ở trong pháp này đã không được trí tuệ, Tam-muội, cũng không đầy đủ pháp giới luật.

Có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Vì sao gọi Đề-bà-đạt-đa kia không hiểu pháp giới luật? Thầy đó có thần đức, thành tựu các hành, có trí tuệ này, vì sao gọi là không hiểu pháp giới luật? Có trí tuệ thì có Tam-muội, có Tam-muội thì có giới luật.

Thế Tôn bảo:

–Pháp giới luật là việc thường của thế tục, thành tựu Tam-muội cũng là việc thường của thế tục. Thần túc phi hành cũng là việc thường của thế tục. Chỉ thành tựu trí tuệ, đó là pháp trên hết.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

Do thiền được thần túc
Không rốt ráo đi lên
Không được bờ vô vi
Lại rơi vào năm dục.
Trí tuệ là tối thượng
Không ưu, không gì lo
Cứu cánh được chánh kiến
Cắt đứt cõi sinh tử.

Tỳ-kheo nên biết, do phương tiện này mà biết Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa không hiểu pháp giới luật, cũng không hiểu hành trí tuệ và Tam-muội. Tỳ-kheo, các ông chớ có tham đắm lợi dưỡng như Đề-bà-đạt-đa. Phàm người lợi dưỡng đọa vào cõi ác, không đến cõi lành. Nếu đắm lợi dưỡng

---

[20] *Nên hiểu: Bỏ qua lõi cây, chỉ mang lấy cành.*

liền tập tà kiến, lìa chánh kiến, tập tà tư duy, lìa chánh tư duy, tập tà ngữ, lìa chánh ngữ, tập tà nghiệp, lìa chánh nghiệp, tập tà mạng, lìa chánh mạng, tập tà tinh tấn*, lìa chánh tinh tấn, tập tà niệm, lìa chánh niệm, tập tà định, lìa chánh định. Cho nên, Tỳ-kheo chớ khởi tâm lợi dưỡng, chế phục khiến không khởi. Đã khởi tâm lợi dưỡng, hãy tìm cầu phương tiện mà diệt nó.

Các Tỳ-kheo, cần phải học điều này như vậy.

Khi Phật nói pháp vi diệu này, hơn sáu mươi Tỳ-kheo xả bỏ pháp phục, tập hạnh bạch y. Lại có sáu chục Tỳ-kheo khác tâm giải thoát khỏi hữu lậu, các trần cấu sạch, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay ta sẽ nói ví dụ thuyền bè. Các ông hãy nghĩ kỹ và ghi nhớ trong tâm.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng theo lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào là ví dụ thuyền bè? Khi các ông đi đường bị giặc bắt giữ, cần làm chủ tâm ý, không khởi niệm ác, phải khởi tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả* trải khắp mọi nơi, vô lượng, vô hạn không thể tính đếm. Giữ tâm phải như đất; giống như đất này vừa nhận vật sạch, vừa nhận vật dơ, phân tiểu ô uế, đều nhận hết; nhưng đất không khởi tâm tăng giảm, không nói: "Đây tốt, đây xấu." Nay sở hành các ông cũng phải như vậy. Nếu bị giặc cướp bắt giữ, chớ sinh ác niệm, không khởi tâm tăng giảm, cũng như đất, nước, lửa, gió, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không tâm tăng giảm; hãy sinh tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả* đối với hết thảy chúng sinh. Vì sao? Vì pháp hành thiện còn phải bỏ huống chi pháp ác mà có thể tập hành sao? Như có người gặp chỗ có tai nạn đáng sợ, muốn qua chỗ nạn đến nơi yên ổn, tùy ý rong ruổi tìm nơi an ổn. Người ấy gặp sông lớn, rất sâu rộng, cũng không có cầu thuyền để có thể qua đến bờ bên kia được, mà nơi đang đứng thật là đáng sợ. Bờ

kia là vô vi.

Bấy giờ, người kia liền suy nghĩ: "Sông này rất sâu rộng. Ta hãy gom góp cây gỗ, cỏ, lá kết thành một chiếc bè để vượt qua. Nhờ bè này mà từ bờ này đến được bờ kia." Bấy giờ người kia, liền thâu thập cây gỗ, cỏ lá kết bè vượt qua, từ bờ này đến bờ kia. Người kia đã vượt qua bờ kia, lại nghĩ: "Chiếc bè này đối với ta có nhiều lợi ích. Nhờ chiếc bè này cứu được nguy nan, từ nơi đáng sợ đến chỗ an lành. Ta không bỏ bè này. Hãy mang theo bên mình." Thế nào, Tỳ-kheo, người kia đã đến nơi rồi, có nên mang bè theo bên mình? Hay không nên?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Không nên, bạch Thế Tôn. Sở nguyện người kia đã đạt kết quả, thì mang chiếc bè theo làm gì?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thiện pháp còn phải bỏ, huống gì là phi pháp.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch với Thế Tôn:

–Sao gọi là pháp còn phải bỏ huống là phi pháp? Chúng con há chẳng phải nhờ pháp mà học đạo hay sao?

Thế Tôn bảo:

–Y kiêu mạn diệt kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn, tăng thượng mạn. Dùng vô mạn diệt mạn mạn, diệt vô mạn; dùng chánh mạn, diệt tà mạn, tăng thượng mạn, diệt hết bốn mạn. Xưa kia, khi Ta chưa thành Phật đạo, ngồi dưới gốc thọ vương, suy nghĩ như vầy: "Trong Dục giới, ai là cao trọng nhất để Ta sẽ hàng phục. Trong cõi Dục này, trời và người, không ai không bị hàng phục." Rồi Ta lại tự nghĩ: "Nghe có tệ ma Ba-tuần. Ta sẽ chiến đấu với chúng. Do hàng phục Ba-tuần, nên tất cả chư Thiên cao quý đều bị hàng phục." Lúc ấy, Tỳ-kheo, Ta mỉm cười trên chỗ ngồi, khiến cảnh giới ma Ba-tuần đều chấn động. Giữa hư không nghe tiếng nói kệ:

Bỏ pháp Chân Tịnh vương[21]
Xuất gia học cam lồ
Dù có thệ nguyện rộng
Dọn trống ba đường ác;
Nay ta họp binh chúng
Xem mặt Sa-môn kia

[21] *Chân Tịnh vương 真淨王, tức vua Tịnh Phạn (Pāli. Suddhodhana). Xem kinh 5, phẩm 24.*

Nếu y không theo ta
Nắm chân quăng ngoài biển.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 39

PHẨM 43: THIÊN TỬ MÃ HUYẾT HỎI TÁM CHÁNH (2)

Lúc bấy giờ, Tệ ma Ba-tuần vô cùng thịnh nộ, bảo đại tướng Sư Tử rằng: "Hãy nhanh chóng tập hợp bốn bộ binh chúng đi công phạt Sa-môn. Lại xem ông ấy có thế lực gì mà dám chiến đấu với ta?" Khi ấy Ta lại suy nghĩ: "Giao chiến với phàm phu mà còn không im lặng, huống gì là với hạng cường hào của cõi Dục ư? Cần phải tranh luận với chúng chút ít."

Các Tỳ-kheo, khi ấy Ta bận áo giáp nhân từ, tay cầm cung Tam-muội, tên trí tuệ, chờ đợi đám đại quân kia. Bấy giờ, Tệ ma, đại tướng và mười tám ức binh chúng, tướng mạo khác nhau như vượn, khỉ, sư tử, đi đến chỗ Ta. Trong đó, chúng La-sát hoặc một thân nhiều đầu, hoặc vài chục thân chung một đầu, hoặc hai vai có ba cổ, ngay tim có miệng, hoặc có một tay, hoặc có hai tay, hoặc có bốn tay, hoặc hai tay nâng đầu, miệng ngậm xác rắn, hoặc trên đầu bốc lửa, miệng phun ra lửa, hoặc hai tay vạch miệng, muốn nuốt chửng phía trước, hoặc vạch bụng hướng nhau, tay cầm đao kiếm, vai vác giáo mác, hoặc cầm chày cối, hoặc gánh núi vác đá, gánh vác cây lớn, hoặc hai chân chổng lên trời đầu chúc xuống đất, hoặc cỡi voi sư tử, hổ, sói, trùng độc, hoặc đi bộ đến, hoặc bay trên không. Ma Ba-tuần dẫn binh chúng như vậy vây quanh đại thọ.

Ma Ba-tuần ở bên trái Ta, nói với Ta rằng: "Sa-môn đứng dậy ngay!"

Tỳ-kheo, khi ấy Ta im lặng không đáp. Ba lần như vậy.

Ma nói với ta: "Sa-môn có sợ ta không?" Ta bảo: "Ta nắm giữ tâm, không sợ hãi điều gì."

Ma Ba-tuần nói: "Sa-môn có thấy bốn bộ chúng của ta không? Ông chỉ có một mình, không có binh khí, đao trượng, trọc đầu, thân thể phơi trần, chỉ khoác ba y này, mà lại nói: Ta không sợ gì!"

Ta bèn nói ma Ba-tuần bài kệ này:

Giáp nhân, cung Tam-muội
Tay cầm tên trí tuệ
Phước nghiệp là binh chúng

Ta sẽ phá quân ông.

Ma Ba-tuần lại nói với Ta: "Ta làm nhiều điều ích lợi cho Sa-môn. Nếu không nghe lời ta, lập tức ta làm cho hình hài ông tan mất thành tro. Lại nữa, Sa-môn tướng mạo đẹp đẽ, tuổi tráng thịnh đáng yêu, xứ xứ từ Chuyển luân vương dòng Sát-lợi. Hãy kịp rời nơi này mà vui hưởng ngũ dục. Ta sẽ đưa ông lên làm Chuyển luân thánh vương."

Ta liền bảo Ba-tuần: "Những điều người nói là vô thường biến dịch, không thể tồn tại lâu dài, cần lìa bỏ, chẳng phải là điều ta ham muốn."

Tệ ma Ba-tuần lại hỏi ta: "Sa-môn, nay ông cầu mong điều gì, chí nguyện vật gì?"

Ta đáp: "Điều ta mong là nơi chốn không sợ hãi, yên ổn, tịch tĩnh trong thành Niết-bàn, để dẫn những chúng sinh trôi nổi sinh tử, chìm đắm trong khổ não này về đường chính."

Ma nói Ta: "Giờ nếu Sa-môn không kíp rời khỏi chỗ ngồi, ta sẽ nắm chân ông ném vào biển."

Ta bảo Ba-tuần: "Ta nhận thấy trên trời dưới đất, Ma hoặc Thiên ma, người hoặc phi nhân, cùng bốn bộ chúng của ông, không ai có thể làm lay động một sợi lông Ta."

Ma nói với Ta: "Sa-môn, nay muốn giao chiến với ta hay chăng?"

Ta đáp: "Ta đang nghĩ đến giao chiến."

Ma hỏi Ta: "Kẻ địch của ông là những ai?"

Ta đáp: "Chính là kiêu mạn, như tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trong mạn."

Ma hỏi Ta: "Ông diệt các mạn này vì mục đích gì?"

Ta đáp: "Ba-tuần, nên biết, có Từ Tam-muội, Bi Tam-muội, Hỷ Tam-muội, Xả* Tam-muội, Không Tam-muội, Vô nguyện Tam-muội, Vô tướng Tam-muội. Do Từ Tam-muội mà thành tựu Bi Tam-muội. Do Bi Tam-muội mà đắc Hỷ Tam-muội. Do Hỷ Tam-muội mà đắc Xả Tam-muội. Do Xả Tam-muội mà đắc Không Tam-muội. Do Không Tam-muội mà đắc Vô nguyện Tam-muội. Do Vô nguyện Tam-muội mà đắc Vô tướng Tam-muội. Do lực Tam-muội này mà Ta chiến đấu với ông. Hành dứt thì khổ dứt. Khổ dứt thì kết sử dứt. Kết sử dứt thì đạt đến Niết-bàn."

Ma nói với Ta: "Sa-môn, pháp được diệt bởi pháp chăng?"

Ta đáp: "Pháp cần được diệt bởi pháp."

Ma lại hỏi Ta: "Thế nào là diệt pháp bởi?"

Ta nói: "Chánh kiến được diệt bởi tà kiến; tà kiến diệt được diệt

chánh kiến; chánh tư duy* diệt tà tư duy*, tà tư duy* diệt chánh tư duy*, chánh ngữ diệt tà ngữ, tà ngữ diệt chánh ngữ, chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp, chánh mạng diệt tà mạng, tà mạng diệt chánh mạng, chánh tinh tấn* diệt tà tinh tấn*, tà tinh tấn* diệt chánh tinh tấn*, chánh niệm diệt tà niệm, tà niệm diệt chánh niệm, chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định."

Ma nói với Ta: "Mặc dù Sa-môn có nói vậy, nhưng trường hợp này khó chấp nhận. Ông đứng dậy nhanh lên, đừng để ta ném xuống biển."

Bấy giờ, Ta lại nói với ma Ba-tuần: "Ông trước kia làm phước chỉ với một lần bố thí mà nay được làm Ma vương cõi Dục. Xưa kia Ta đã tạo công đức không thể kể hết. Nay những lời nói của ngươi mới thật là khó chấp nhận."

Ma Ba-tuần đáp: "Những phước mà ta đã làm, ở đây ông làm chứng. Còn ông tự xưng rằng đã tạo ra vô số phước, ai là người làm chứng?"

Tỳ-kheo, khi ấy Ta liền duỗi cánh tay phải, dùng ngón tay chỉ xuống đất, nói với ma Ba-tuần: "Những công đức Ta đã làm, đất chứng biết."

Khi Ta vừa nói lời này, Thần đất từ dưới đất vọt lên, chắp tay bạch: "Bạch Thế Tôn, con xin làm chứng biết."

Thần đất nói lời này xong, ma Ba-tuần sầu ưu khổ não, liền biến mất.

Tỳ-kheo, hãy bằng phương tiện này mà biết rằng, pháp còn diệt huống gì là phi pháp. Ta trong thời gian dài đã nói kinh Nhất Giác Dụ[1] cho các ông, không ghi văn của nó, huống gì là hiểu rõ nghĩa nó.[2] Vì sao? Vì pháp này sâu huyền, vị Thanh văn, Bích-chi-phật nào tu pháp này thì được công đức lớn, được đến chỗ vô vi cam lồ. Vì sao nó được dụ là nương bè? Có nghĩa là nương mạn diệt mạn. Mạn đã diệt hết thì không còn các niệm tưởng não loạn nữa. Giống như da chồn hoang được thuộc kỹ, dùng tay cuộn lại không gây tiếng động, không chỗ nào cứng. Đây cũng như vậy, nếu Tỳ-kheo nào hết kiêu mạn, không còn gì tăng giảm. Cho nên, nay Ta bảo các ông, giả sử ai bị giặc bắt giữ, chớ sinh ác niệm, phải đem tâm Từ ban khắp mọi nơi, giống như da cực mềm kia, trong lâu dài sẽ đạt đến chỗ vô vi. Các Tỳ-kheo, cần phải suy nghĩ như vậy.

Khi Phật nói pháp này, ba ngàn Thiên tử dứt sạch bụi trần, ngay trên chỗ ngồi được mắt pháp thanh tịnh; sáu mươi Tỳ-kheo khác cởi bỏ pháp

---

1. *Nhất giác dụ kinh 一覺喻經, Tống-Nguyên-Minh: Duyên nhất giác dụ kinh: Chưa rõ kinh thuộc bộ nào.*
2. *Dịch sát, nhưng chưa rõ ý.*

phục, trở về đời sống bạch y; sáu mươi Tỳ-kheo khác diệt tận các lậu, tâm giải thoát,[3] được mắt pháp thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo sau nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6[4]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại miễu thần, bên bờ sông Hằng[5], nước Ma-kiệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Cũng như người chăn bò Ma-kiệt[6] ngu si ít trí, muốn đưa đàn bò từ bờ này sông Hằng sang bờ kia, nhưng không chịu dò xem chỗ cạn sâu bờ bên này, bên kia, mà lùa bò xuống nước. Trước tiên, cho qua những con bò gầy và những con bê còn nhỏ. Ở trong giữa dòng nước, chúng hết sức yếu đuối không thể đến bờ kia được. Tiếp lại cho qua những con bò trung bình không mập không gầy. Chúng cũng không qua được, mà ở giữa dòng chịu khổ não. Cuối cùng cho qua những con bò khỏe mạnh nhất, cũng bị mắc khốn ở giữa dòng. Nay, Tỳ-kheo trong chúng của Ta cũng lại như vậy. Tâm ý ám độn không có trí sáng, không phân biệt đường đi sinh tử, không phân biệt cầu, thuyền của ma. Muốn vượt qua dòng sinh tử mà không tập tu pháp cấm giới, liền bị ma Ba-tuần chi phối. Tìm cầu Niết-bàn mà theo tà đạo để mong được diệt độ, rốt cuộc không được kết quả, tự tạo tội nghiệp, lại đẩy người khác sa đọa vào tội lỗi.

Cũng như người chăn bò Ma-kiệt thông tuệ nhiều trí, ý muốn đưa bò từ bờ này sang bờ kia. Trước hết thăm dò nơi sâu, cạn, rồi đưa những con bò khỏe mạnh nhất đến bờ kia trước, kế đó đưa những con bò trung bình không mập không ốm, cũng sang được đến bờ bên kia, kế đến đưa những con gầy nhất cũng vượt qua không xảy ra việc gì; những con bê còn nhỏ

---

3. *Nguyên Hán; lậu tận ý giải 漏盡意解, chính xác, nên hiểu: Diệt tận các lậu, vô lậu, tâm giải thoát. Định cú Pāli: Āsavānṃ khayā anāsavaṃ cetovimuttiṃ.*
4. *Pāli, Gopālaka, M. i. 225. Hán, No 99(1248).*
5. *Thần kỳ Hằng thủy 神祇恒水. Pāli: Vajjisu viharati ukkacelāyaṃ gaṅgāya nadiyā tīre, tại làng Ukkacelā, bên bờ sông Hằng, vương quốc Vajji. Cela, trong bản Hán là cetiya: Linh miếu.*
6. *Ma-kiệt mục ngưu nhân 摩竭牧牛人. Pāli: Māgadhako gopālako, người chăn bò người xứ Māgadha.*

theo sau cùng mà được qua sang an ổn. Tỳ-kheo, ở đây cũng vậy, Như Lai khéo quán sát đời này đời sau, quán sát biển sinh tử, con đường đi của ma. Tự mình bằng tám Chánh đạo mà vượt qua hiểm nạn sinh tử, lại bằng đường này để độ người chưa được độ.

Cũng như con bò chính dẫn đầu, một con đi đúng thì những con khác đều đi theo. Đệ tử của Ta cũng như vậy, sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng mà tự an trú, vượt cảnh giới ma đến chỗ vô vi.

Cũng như con bò khỏe mạnh kia vượt qua sông Hằng đến được bờ bên kia. Hàng Thanh văn của Ta cũng như vậy, đoạn năm hạ phần kết, thành A-na-hàm, ở trên kia[7] mà Bát-niết-bàn, không còn trở lại cõi này nữa[8], qua cảnh giới ma đến chỗ vô vi.

Cũng như những con bò trung bình không mập không ốm, qua được sông Hằng không có gì trở ngại. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba kết, dâm, nộ, si mỏng, thành Tư-đà-hàm, trở lại đời này một lần nữa, rồi tận cùng mé khổ, qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

Cũng như những con bò gầy kia dẫn theo những con bê qua được dòng sông Hằng kia. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, đoạn trừ ba[9] kết, thành Tu-đà-hoàn, tất đến chỗ được độ, qua cảnh giới ma, thoát khỏi nạn sinh tử.

Cũng như những con bê nhỏ kia theo mẹ[10] lội qua được. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy, trì tín[11], phụng pháp,[12], đoạn trừ các sự trói buộc của ma, đến chỗ vô vi[13].

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Bị ma vương bắt giữ
Không vượt bờ sinh tử
Như Lai đã suốt cùng

---

7. *Trên Tịnh cư thiên.*
8. *Không tái sinh Dục giới.*
9. *Trong bản không có. Y Tống-Nguyên-Minh thêm vào cho đủ nghĩa.*
10. *Tiểu độc tùng mẫu 小犢從母, chính xác là những con bê mới sinh nhưng Hán dịch không tìm ra từ để dịch. Pāli: Vacchako taruṇako tāvadeva jātako.*
11. *Trì tín 持信; đây chỉ hạng tùy tín hành, hàng Dự lưu độn căn. Pāli: Saddhānusārino.*
12. *Phụng pháp 奉法; đây chỉ hạng tùy pháp hành, hàng Dự lưu lợi căn. Pāli: Dhammānusārino.*
13. *Pāli: Tepi tiriyaṃ mārassa sotaṃ chetvā sotthinā pāraṃ gamissanti, cắt ngang dòng nước của ma, qua bờ bên kia an toàn.*

Trí soi tỏ thế gian.[14]
Điều chư Phật tỏ ngộ
Phạm chí không hiểu rõ
Còn trong bờ sinh tử
Lại độ người chưa độ.
Nay năm hạng người này[15]
Còn lại không thể kể
Muốn thoát nạn sinh tử
Thảy nhờ oai lực Phật.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên tâm mình, không hành phóng dật và tìm cầu phương tiện thành tựu tám đạo phẩm Hiền thánh. Nương vào đạo Hiền thánh sẽ có thể vượt khỏi biển sinh tử. Vì sao? Như người chăn bò ngu si kia, chính là Phạm chí ngoại đạo, tự dìm trong dòng sinh tử, lại đẩy người khác đắm vào trong tội. Nước sông Hằng kia tức là biển sinh tử. Người chăn bò thông tuệ kia chính là Như Lai, đã vượt hiểm nạn sinh tử do tám đạo phẩm của Hiền thánh. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tám Thánh đạo.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7[16]

Nghe như vầy.

Một thời, Đức Phật ở trong vườn lê của Kỳ-bà-già[17] tại thành La-duyệt, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, đều là A-la-hán, các lậu hoặc đã sạch, thấu suốt sáu thông, chỉ trừ một người là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, vào ngày rằm tháng bảy, ngày thọ tuế[18], vua A-xà-thế, vào

---

[14] *Pāli: Ayaṃ loko paro loko, jānatā suppakāsito; yaṭca mārena sampattaṃ, appattaṃ yaṭca maccunā, bậc Tri giả (Phật) đã minh giải rõ ràng đời này, đời sau, nơi nào đến được, nơi nào không đến được.*

[15] *Năm hạng người, năm bậc Thánh kể trên: A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Tùy tín hành và tùy pháp hành; dụ với đàn bò gồm năm hạng của người chăn bò.*

[16] *Pāli: Samaññaphala, D. i. 48. Hán No 1(27), 22.*

[17] *Kỳ-bà-già lê viên 耆婆伽梨園. No 1(27): Kỳ-bà Đồng tử Am-bà viên 耆舊童子菴婆園. Pāli: jīvakassa komārabhaccassa ambavane, trong vườn Xoài của Y sĩ nhi Kỳ-bà.*

[18] *Pāli: Tadahuposathe pannarase komudiyācātumāsiniyā, ngày bố tát, ngày mười lăm, tháng Kattika, sau mùa hạ an cư.*

lúc nửa đêm sao sáng đã xuất hiện, nói với phu nhân Nguyệt Quang[19]:

–Hôm nay là ngày rằm, trăng tròn sáng quá, nên làm gì?

Phu nhân đáp:

–Hôm nay là ngày rằm, là ngày thuyết giới, nên đàn ca, tự mình hưởng thụ năm dục.

Vua nghe xong những lời này mà không hài lòng. Vua lại hỏi thái tử Ưu-đà-da:[20]

–Đêm nay, thật trong sáng, nên làm gì?

Thái tử Ưu-đà-da bạch vua:

–Như nửa đêm nay thật trong sáng, nên tập họp bốn loại binh đi chinh phạt ngoại địch các nước khác nào chưa hàng phục.

Sau khi vua A-xà-thế nghe những lời này xong, cũng lại không vừa ý, lại hỏi thái tử Vô Úy[21]:

–Như nay, đêm thật trong sáng, nên làm những gì?

Vương tử Vô Úy đáp:

–Nay Bất-lan Ca-diếp[22], rành về các toán số, biết cả về thiên văn địa lý, được mọi người tôn ngưỡng, có thể đi đến hỏi ông về những nghi nạn này, vị ấy sẽ nói lý rất vi diệu cho Tôn vương, hoàn toàn không có điều gì ngưng trệ.

Sau khi nghe xong những lời này, cũng không vừa ý, vua lại hỏi đại thần Tu-ni-ma[23]:

–Như đêm nay, thật trong sáng, nên làm những gì?

Tu-ni-ma tâu vua rằng:

–Như nửa đêm nay, thật là trong sáng. Gần đây không xa có A-di-chuyên[24] hiểu biết rộng, xin Đại vương đến hỏi những điều nghi ngờ.

---

19. Nguyệt Quang Phu nhân 月光夫人; không rõ Pāli.

20. Ưu-đà-da thái tử 優陀耶太子. Pāli: Udayabhaddo kumāro, nhưng không được đề cập trong đoạn này.

21. Vô Úy Vương tử 無畏王子. Pāli: Abhaya-kumāra; anh em dị bào của A-xà-thế; cũng không được đề cập trong đoạn này. Hán có thể nhầm, vì Vương tử Vô Úy là Phật tử, chắc không khuyên vua đi phỏng đạo với ngoại đạo.

22. Bất-lan Ca-diệp 不蘭迦葉. No 1 (27): Bà-la-môn Vũ xá đề nghị Bất-lan Ca-diệp. Pāli: Pūraṇo kassapo.

23. Tu-ni-ma 須尼摩. No 1(27): Tu-ni-đà 須尼陀. Pāli: một Đại thần không nêu tên, aññataropi kho rājāmacco.

24. A-di-chuyên 阿夷耎. No 1(27): Điển Tác đề nghị. Pāli: Ajita Kesakambala.

Vua nghe xong những lời này, cũng không vừa ý, lại hỏi Bà-la-môn Bà-sa[25]:

–Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?

Bà-la-môn đáp:

–Như nay ngày mười lăm, thật là trong sáng. Gần đây không xa có Cù-da-lâu[26], cúi xin đại vương đến hỏi nghĩa này.

Sau khi nghe những lời này xong, cũng không hợp ý mình, vua lại hỏi Phạm chí Ma-đặc[27] rằng:

–Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm việc gì?

Phạm chí đáp:

–Đại vương nên biết, gần đây không xa có Ba-hưu Ca-diên[28], cúi xin đại vương đến hỏi sự tình ông ấy.

Vua nghe những lời này xong cũng không hạp ý, lại hỏi điển binh Sách-ma[29]:

–Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?

Sách-ma đáp:

–Gần đây không xa có Tiên-tất Lô-trì[30] rành về thuật toán số, có thể đến hỏi đạo nghĩa.

Vua nghe những lời này xong, cũng không hạp ý mình, lại bảo đại thần Tối Thắng[31] rằng:

–Như nay ngày mười lăm, thật là trong sáng, nên làm những gì?

Tối Thắng tâu vua rằng:

–Nay có Ni-kiền Tử[32] đọc rộng các kinh, là tối thượng trong các thầy, cúi xin đại vương đến hỏi đạo nghĩa.

Vua nghe những lời này xong, không hạp ý, bèn suy nghĩ: "Những người này đều là những kẻ ngu muội, không phân biệt chân ngụy, không

---

25. Bà-sa 婆沙.

26. Cù-da-lâu 瞿耶樓; do Tu-ni-đà đề nghị. Pāli: Makkhali Gosāla.

27. Ma-đặc 摩特.

28. Ba-hưu Ca-diên 彼休迦旃. No 1(27): Do viên tướng giữ cửa tên Già-la 伽羅守門將 đề nghị. Pāli: Pakudha-Kaccāyana.

29. Sách-ma điển binh sư 索摩典兵師, vị tướng chỉ huy quân đội.

30. Tiên-tất Lô-trì 先畢盧持. No 1(27) Ưu-đà-di Mạn-đề Tử 優陀夷漫提子 đề nghị Pāli: Sañjaya-Belaṭṭhi-putta.

31. Tối Thắng 最勝.

32. Ni-kiền Tử 尼揵子. Vương tử Vô Úy đề nghị. Pāli: Nigaṇṭha Nāta-putta.

có phương tiện thiện xảo.”

Bấy giờ, vương tử Kỳ-bà-già đang đứng bên trái vua. Vua quay lại hỏi Kỳ-bà-già rằng:

–Như nửa đêm nay, thật là trong sáng, nên làm những gì?

Kỳ-bà-già liền quỳ trước vua tâu rằng:

–Hiện Như Lai đang du hóa ở gần đây không xa, trong vườn của hạ thần[33], dẫn theo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Cúi xin đại vương đến đó hỏi đạo nghĩa. Vì Như Lai là ánh sáng, là mặt trời, không có điều gì bế tắc, thông suốt việc ba đời, không gì là không thấu suốt. Chính Ngài sẽ giảng nói sự ấy cho vua, những hồ nghi của vua sẽ tự nhiên sáng tỏ.

Sau khi nghe những lời Kỳ-bà-già, vua A-xà-thế vui mừng hớn hở, phát sinh tâm thiện, liền khen Kỳ-bà-già rằng:

–Lành thay, lành thay! Vương tử[34] khéo nói lời này. Vì sao? Hiện thân tâm ta đang thật là bức sốt, vì vô cớ đã bắt giết Phụ vương. Lâu nay ta lúc nào cũng tự suy nghĩ, ai có thể tỏ ngộ tâm ý ta? Nay những lời Kỳ-bà-già vừa nói thật hợp ý ta. Kỳ diệu thay, nghe đến tiếng Như Lai, ta tự nhiên bừng tỉnh.

Lúc ấy, vua hướng về Kỳ-bà-già nói kệ này:

Đêm nay trăng cực sáng
Tâm ý không được tỏ
Các khanh mỗi người nói
Nên đến ai hỏi đạo.
Bất-lan, A-di-chuyên
Ni-kiền, đệ tử Phạm
Bọn họ, không thể cậy
Không thể giúp được gì.
Đêm nay thật cực sáng
Trăng tròn không tỳ vết
Nay hỏi Kỳ-bà-già
Nên đến ai hỏi đạo.

Lúc ấy, Kỳ-bà-già trả lời vua bằng bài kệ:

Nghe âm thanh nhu nhuyến

---

33. Nguyên Hán: Bần tụ viên 貧聚園; xem cht. trên.

34. Vương tử 王子. Pāli: Komārabhacca, người được Vương tử (kumāra) nuôi dưỡng (Sớ giải Pāli: kumārena bhatoti komārabhacco). Hán dịch có thể nhầm, vì Kỳ-bà là y sĩ của vua chứ không phải là Vương tử.

Thoát khỏi cá Ma-kiệt
Mong đúng thời đến Phật
Nơi vĩnh viễn không sợ.

Vua lại đáp bằng bài kệ:

Trước đây ta đã làm
Việc vô ích cho Phật
Hại con Phật chân chánh
Tên là Tần-bà-sa.[35]
Nay hết sức hổ thẹn
Mặt mũi nào gặp Phật
Vì sao nay ông bảo
Khiến ta đi gặp Người?

Kỳ-bà-già lại trả lời vua bằng bài kệ:

Chư Phật không kia, đây
Kết sử đã trừ hẳn
Tâm bình đẳng không hai
Đó là nghĩa Phật pháp.
Nếu dùng hương chiên-đàn
Thoa lên tay phải Phật
Cầm dao chặt tay trái
Tâm không sinh tăng giảm.
Như thương con La-vân
Con duy nhất, không hai
Tâm đối với Đề-bà
Oán thân không có khác.
Nguyện đại vương khuất tất
Đến thăm gặp Như Lai
Nghi ngờ sẽ được dứt
Chớ có điều e ngại.

Rồi vua A-xà-thế bảo vương tử* Kỳ-bà-già rằng:

–Vậy ông hãy nhanh chóng chuẩn bị năm trăm con voi đực và năm trăm con voi cái, đốt năm trăm ngọn đèn.

Kỳ-bà-già đáp:

–Vâng, thưa đại vương!

Vương tử* Kỳ-bà-già liền chuẩn bị một ngàn con voi và đốt năm trăm

---

[35] *Tần-bà-sa 頻婆娑, vua cha của A-xà-thế; là Phật tử nhiệt thành.*

ngọn đèn, rồi đến trước tâu vua rằng:

–Xe cộ đã chuẩn bị xong, vua biết đúng thời!

Lúc ấy, vua A-xà-thế dẫn theo những người tùy tùng đến trong vườn lê, giữa đường lại sinh lòng sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, quay qua bảo vương tử* Kỳ-bà-già rằng:

–Nay ta không bị ông gạt đó chứ? Không đem ta nạp cho kẻ thù chứ?

Kỳ-bà-già tâu vua:

–Thật sự không có lý này. Cúi xin đại vương tiến lên trước tí nữa. Như Lai cách đây không xa.

Bấy giờ, vua A-xà-thế trong lòng còn lo sợ, hỏi lại Kỳ-bà-già rằng:

–Ta không bị ngươi dụ hoặc chăng? Ta nghe nói Như Lai dẫn đầu một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, sao giờ không nghe một tiếng động?

Kỳ-bà-già đáp:

–Đệ tử Như Lai thường nhập định, không có loạn tưởng. Cúi xin Đại vương hãy tiến tới trước chút nữa.

Vua A-xà-thế liền xuống xe, đi bộ qua cổng, đến trước giảng đường, rồi đứng im lặng quán sát Thánh chúng và quay sang hỏi Kỳ-bà-già rằng:

–Như Lai hiện đang ở đâu?

Bấy giờ, tất cả Thánh chúng đều nhập Hỏa quang Tam-muội chiếu sáng khắp giảng đường kia, không đâu không sáng. Khi ấy, Kỳ-bà-già lập tức quỳ xuống, đưa tay phải chỉ hướng Như Lai và nói:

–Như Lai đang ngồi chính giữa, như mặt trời phá tan mây.

Vua A-xà-thế nói với Kỳ-bà-già rằng:

–Thật kỳ diệu thay, Thánh chúng này tâm định đến như vậy! Vì do duyên gì lại có ánh sáng này?

Kỳ-bà-già tâu vua:

–Do sức Tam-muội mà phát ra ánh sáng.

Vua lại bảo:

–Như hôm nay ta quan sát Thánh chúng, thấy rất là yên lặng. Mong cho thái tử Ưu-đà-da của ta cũng nên vô vi yên lặng như vậy.

Rồi vua A-xà-thế lại chắp tay tự giới thiệu:

–Cúi xin Thế Tôn soi xét đến.

Thế Tôn bảo:

–Hoan nghênh đại vương!

Vua nghe tiếng nói của Như Lai trong lòng hết sức hoan hỷ. Ông đến gặp Như Lai, tự nói Vương hiệu.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đi đến trước Phật, năm vóc gieo xuống đất, đặt hai tay lên chân Như Lai, tự xưng tên hiệu và nói rằng:

–Cúi xin Thế Tôn rũ lòng thương tưởng nhận sự hối lỗi của con. Phụ vương vô tội mà con đã bắt giết. Cúi xin nhận sự sám hối, từ đây con sửa đổi lỗi lầm quá khứ, tu dưỡng điều tương lai.

Thế Tôn bảo:

–Nay thật đúng thời, thích hợp để hối lỗi, đừng để sai sót. Phàm người sống ở đời, ai biết tự sửa đổi lỗi lầm của mình, người đó được gọi là thượng nhân. Pháp của Ta rất là rộng lớn, nên trong đó hợp thời sám hối.

Vua bèn đảnh lễ sát chân Như Lai, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, vua bạch Phật:

–Con có điều muốn hỏi. Cúi xin Như Lai cho phép, con mới dám hỏi.

Phật bảo vua:

–Có nghi nan, hợp thời cứ hỏi.

Vua bạch Phật:

–Đời này tạo phước có lãnh thọ báo ứng hiện tại chăng?[36]

Phật bảo vua:

–Xưa nay vua đã từng hỏi ai đạo nghĩa này chưa?

Vua bạch Phật:

–Trước đây con đã từng đem ý nghĩa này hỏi người khác. Con đã hỏi Bất-lan Ca-diếp rằng: "Thế nào, Bất-lan Ca-diếp, đời này tạo phước có lãnh thọ báo ứng hiện tại chăng?" Bất-lan Ca-diếp đáp con rằng: "Không có phước, không có bố thí, không báo thiện ác đời này đời sau; trong đời không có người thành tựu A-la-hán."[37] Bấy giờ, con đang hỏi về sự thọ lãnh kết quả báo ứng, vị ấy trả lời là không. Như có người hỏi ý nghĩa của dưa, lại được trả lời bằng lý của mận, nay Bất-lan Ca-diếp cũng như vậy. Lúc ấy, con tự nghĩ: "Phạm chí này đã không soi tỏ cho ta. Ý nghĩa mà nhà vua

---

[36] Hán dịch này không hết ý. Tham khảo, No 1(27): Người làm các doanh nghiệp, nhận được kết quả này trong hiện tại. Người tu đạo, có nhận được báo ứng hiện tại không? Pāli: Diṭṭheva dhamme sandiṭṭhikaṃ sāmaññaphalaṃ paññapetun'ti? Có kết quả thiết thực của Sa-môn ngay trong đời này chăng?

[37] No 1(27): Thuyết của Mạt-già-lê Câu-xá-lê. Đoạn trên, kinh số 11, phẩm 38 nói đây là thuyết của A-di-chuyên. Hán dịch bất nhất. Sāmaññaphala, thuyết đoạn diệt (uccheda) của Ajita kesakambala.

thuộc dòng hào tộc hỏi, người này tìm cách dẫn báo việc khác." Bạch Thế Tôn, lúc ấy con muốn chém đầu ông ấy liền. Vì không chấp nhận lời ông ấy nói nên con khiến đuổi đi.

Rồi con đến chỗ A-di-chuyên hỏi về ý nghĩa này. A-di-chuyên nói với con rằng: "Nếu ở bên trái sông[38] giết hại chúng sinh, gây vô số tội thì cũng không có tội, không có quả báo xấu."[39] Bạch Thế Tôn, lúc ấy con lại tự nghĩ: "Ta hỏi về ý nghĩa thọ báo đời này, người ấy bèn đem việc giết hại trả lời ta. Giống như có người hỏi ý nghĩa của lê lại được trả lời bằng mận." Con liền bỏ đi.

Con lại đến chỗ Cù-da-lâu mà hỏi ý nghĩa này. Người ấy đáp con rằng: "Ở bên phải sông[40] tạo các công đức không thể tính hết, trong trường hợp đó cũng không có báo lành."[41] Lúc ấy, con lại tự nghĩ: "Ý nghĩa mà nay ta hỏi, rốt cùng không được trả lời hợp lý." Con lại bỏ đi.

Con lại đến chỗ Ba*-hưu Ca-diên mà hỏi ý nghĩa này. Người đó đáp: "Chỉ có một người ra đời, một người chết, một người qua lại lãnh thọ khổ, vui."[42] Lúc ấy, con lại tự nghĩ: "Nay những điều ta hỏi về quả báo đời này, bèn đem việc sống chết tương lai đáp." Con lại bỏ đi.

Con đến Tiên-tỳ Lô-trì hỏi ý nghĩa này. Người đó đáp con rằng: "Quá khứ đã diệt không sinh trở lại nữa; tương lai chưa đến cũng lại không có; hiện tại không dừng, không dừng tức là biến đổi."[43] Con lại tự nghĩ: "Điều mà nay ta hỏi là báo đời này, lại được trả lời bằng ba thời; điều này không phù hợp chánh lý." Con lại bỏ đi.

Con lại đến chỗ Ni-kiền Tử mà hỏi nghĩa này: "Thế nào, Ni-kiền Tử, đời này làm phước có được thọ báo đời này không?" Ông đáp con rằng: "Chúng sinh bị trói buộc không nhân, không duyên. Chúng sinh

---

38. No 1(27): Hằng thủy nam 恒水南, bờ Nam sông Hằng. Sāmaññaphala: Dakkhiṇaṃ cepi gaṅgāya tīraṃ.

39. No 1(27) thuyết của Bất-lan Ca-diệp. Đoạn trên, kinh số 11, phẩm 38 nói đây là thuyết của Cù-da-lâu. Sāmaññaphala: Thuyết vô nghiệp (akiriya: Phi hành động) của Pūraṇa Kassapa.

40. No 1(27): Hằng thủy bắc ngạn 恒水北岸; trong đoạn về thuyết của Bất-lan Ca-diệp; xem cht. trên.

41. Đoạn trên, kinh số 11, phẩm 38, nói đây là thuyết của Ba-hưu Ca-chiên. Hán dịch bất nhất.

42. Hán dịch bất nhất, khác với đoạn trên, xem kinh số 11, phẩm 38, thuyết của Ba-hưu Ca-chiên.

43. Hán dịch trước sau bất nhất; xem kinh 11 phẩm 38 trên.

thanh tịnh cũng không có nhân, cũng không có duyên."[44] Lúc ấy, con lại tự nghĩ: "Những Phạm chí này thật là ngu muội, không phân biệt được chân, ngụy, như người mù không mắt, rốt cùng không trả lời được ý nghĩa của những câu hỏi tựa như đùa cợt với người thuộc dòng Chuyển luân thánh vương." Sau đó con lại bỏ đi.

Bạch Thế Tôn, nay con hỏi ý nghĩa ấy: "Đời này làm phước có nhận hiện báo không?" Cúi xin Thế Tôn giảng dạy nghĩa ấy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

–Đại vương, nay Ta hỏi đại vương, tùy theo sở thích mà trả lời. Đại vương, có hay không những người phụ trách rượu, bếp, chấp chưởng việc thưởng phạt, quản lý tài vật, những người phục dịch?

Vua bạch Phật :

–Thưa có.

–Nếu những người phục dịch ấy làm lụng mệt nhọc qua một thời gian lâu dài, Đại vương có tưởng thưởng họ không?

Vua bạch Phật:

–Tùy theo công sức mà chu cấp vật dụng, không để có oán trách.

Phật bảo vua rằng:

–Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền. Thế nào, đại vương, đã ở địa vị cao, thương xót dân đúng lễ nghĩa, rồi lại còn ban thưởng cho họ nữa không?

Vua bạch Phật:

–Vâng, bạch Thế Tôn, con cho thức ăn ngon ngọt để nuôi sống, khiến không oán hận.

Phật bảo vua:

–Do phương tiện này mà biết, người ấy ngày xưa xuất thân thấp hèn, dần dần tích chứa công lao mà được hoan lạc đồng với vua. Vì vậy cho nên, đời này làm phước được thọ báo hiện tại.

Phật bảo vua:

–Người có công lao ấy, trải qua nhiều năm, đến tâu với vua rằng: "Chúng tôi đã lập công lao, vua đã biết rõ. Nay có ước nguyện muốn thỉnh cầu vua." Vua sẽ cho phép không?

Vua bạch Phật:

---

[44] Cf. Pāli, Sāmaññaphala, thuyết luân hồi tịnh hóa (saṃsārasuddhi) của Makkhali Gosāla.

–Tùy theo sở nguyện họ, con sẽ không phản đối.

Phật bảo vua:

–Người có công ấy muốn được phép từ biệt vua, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu hạnh thanh tịnh, Vua cho phép không?

Vua bạch Phật:

–Vâng, cho phép.

Phật bảo vua:

–Giả sử vua thấy người ấy đã cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, đang ở gần Ta, vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

–Con sẽ tôn kính, cúng dường và tùy thời lễ lạy.

Phật bảo vua:

–Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước thì được thọ báo hiện tiền. Giả sử người có công lao ấy, giữ giới hoàn toàn không có hủy phạm, vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

–Con sẽ suốt đời cung cấp y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, không để thiếu thốn.

Phật bảo vua:

–Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước thì được thọ báo hiện tiền. Giả sử người ấy lại đã làm Sa-môn, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự an trú, biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, không còn tái sinh đời sau nữa", vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

–Con sẽ thừa sự, cúng dường suốt đời y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, không để thiếu thốn.

Phật bảo vua:

–Do nhờ phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền. Giả sử nếu khi người ấy tuổi thọ đã hết và Bát-niết-bàn vào trong Niết-bàn giới vô dư, thì vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

–Con sẽ xây tháp lớn ở tại ngã tư đường và dùng hương hoa cúng dường, treo tràng phan bảo cái, thừa sự lễ kính. Vì sao? Vì đó là thân trời, chẳng phải là thân người.

Phật bảo vua:

–Do phương tiện này mà biết, đời này làm phước được thọ báo hiện tiền.

Vua bạch Phật:

–Nay, con nhờ những thí dụ này mà hiểu rõ. Hôm nay Thế Tôn giảng thêm ý nghĩa này, con từ nay về sau tin nhận ý nghĩa này. Cúi xin Thế Tôn hãy nhận con làm đệ tử, con quy y Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo. Nay con lại sám hối, vì con đã ngu si nhầm lẫn, Phụ vương vô tội mà bắt giết. Nay đem thân mạng tự quy y. Cúi xin Thế Tôn trừ tội lỗi kia, giảng nói diệu pháp để con mãi mãi được an lạc. Như con tự biết đã tạo những tội báo, không có căn lành.

Phật bảo vua:

–Có hai hạng người không tội mà mạng chung được sinh lên trời trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay. Sao gọi là hai? Một là người không tạo gốc tội mà tu thiện; hai là người cải hối tội mà mình đã tạo. Đó gọi là hai hạng người khi mạng chung sẽ sinh lên trời không có gì nghi ngờ.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Người làm việc rất ác
Hối lỗi, chuyển thành nhẹ
Sám hối không lười nghỉ
Gốc tội được nhổ hẳn.

Cho nên, đại vương hãy trị dân đúng pháp, chớ đừng phi pháp. Phàm người theo giáo hóa cai trị, khi chết sẽ được sinh lên trời, cõi lành. Sau khi mạng chung, danh tiếng sẽ được vang dội khắp bốn phương. Người sau cùng truyền tụng: "Xưa có vị vua lấy chánh pháp giáo hóa cai trị, không có cong vạy." Mọi người xưng tụng nơi sinh của người ấy. Tuổi thọ được thêm, không bị chết yểu. Cho nên, đại vương hãy phát tâm hoan hỷ hướng về Tam bảo Phật, Pháp, Thánh chúng.

Đại vương, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui đi. Vua đi không xa, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vua A-xà-thế này nếu không hại phụ vương thì hôm nay đã chứng đắc Sơ quả Sa-môn, ở trong hàng bốn đôi tám bậc, cũng đắc tám phẩm đạo của Hiền thánh, trừ bỏ tám ái, vượt tám nạn. Tuy vậy, nay còn được hạnh

phúc lớn, được tín tâm vô căn[45]. Cho nên, Tỳ-kheo, người đã tạo tội hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tín tâm vô căn. Trong Ưu-bà-tắc của Ta, người được tín vô căn chính là vua A-xà-thế.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8[46]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có tám pháp thế gian[47] theo đó chúng sinh xoay chuyển. Những gì là tám? Một là lợi; hai là hại; ba là vinh; bốn là nhục; năm là khen; sáu là chê; bảy là khổ; tám là vui. Tỳ-kheo, đó là có tám pháp mà thế gian theo đó xoay chuyển. Các Tỳ-kheo, hãy nên tìm cầu phương tiện trừ tám pháp này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Như Lai xuất hiện thế gian, lại thành Phật đạo ở thế gian, nhưng không bị tám pháp thế gian lôi cuốn. Giống như hoa sen sinh ra từ bùn lầy, hết sức tươi sạch, không nhiễm nước bùn, được chư Thiên yêu kính, ai thấy đều vui vẻ trong lòng. Như Lai cũng lại như vậy, được sinh từ bào thai, ở trong đó được nuôi lớn, được thành thân Phật. Cũng ngọc lưu-ly là loại báu làm sạch nước, không bị bụi nhơ làm nhiễm; Như Lai cũng lại như vậy, cũng sinh ở thế gian, không bị tám pháp thế gian nhiễm đắm. Cho nên, Tỳ-

---

[45] Vô căn tín 無根信. Tín mà không có thiện căn, có tín (hay bốn chứng tịnh, Pāli: Avecca-pasāda) nhưng không có gốc rễ trong kiến đạo. Xem giải thích của Tỳ-bà-sa 103, tr. 536b09.

[46] Pāli, A. viii. 5. Lokaparivatta.

[47] Thế bát pháp 世八法. Pāli: Aṭṭhime lokadhammā: Lābho, alābho, yaso, ayaso, nindā, pasaṃsā, sukhaṃ, dukkhaṃ.

kheo, hãy nên tinh tấn tu hành tám pháp.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Sao gọi là tám? Là hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc A-la-hán. Này Tỳ-kheo, đó gọi là có tám hạng người lưu chuyển sinh tử mà không trụ sinh tử. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát nạn sinh tử.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 40

Phẩm 44: CHÍN CHÚNG SINH CƯ

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có chín nơi cư trú chúng sinh[2], là nơi ở của chúng sinh. Những gì là chín?

Hoặc có chúng sinh nhiều thân khác nhau với nhiều tưởng khác. Đó là chỉ cho trời và người[3]. Hoặc có chúng sinh có nhiều thân, nhưng một tưởng. Đó là chỉ trời Phạm-ca-di xuất hiện đầu tiên[4]. Hoặc có chúng sinh có một thân với nhiều tưởng. Đó là trời Quang âm[5]. Hoặc có chúng sinh một thân với một tưởng. Đó là trời Biến tịnh.[6] Hoặc có chúng sinh vô lượng không. Đó là trời Không xứ[7]. Hoặc có chúng sinh vô lượng thức. Đó là trời Thức xứ[8]. Hoặc có chúng sinh bất dụng xứ. Đó là trời Bất dụng xứ[9]. Hoặc có chúng sinh có tưởng, không tưởng. Đó là trời

---

1. *Pāli, A. ix. 24. Sattāvāsa.*
2. *Cửu chúng sinh cư xứ 九眾生居處. Cf. No 1(9): cửu chúng sinh cư 九眾生居. Tập Dị Môn 19, tr. 446b14: Cữu hữu tình cư 九有情居.*
3. *Tập Dị: Người và một phần trời. Pāli: Manussā ekacce ca devāekacce ca vinipātikā, loài người, một phần chư Thiên, và chúng sinh trong cõi dữ.*
4. *Tập Dị: Chư Thiên trên Phạm chúng thiên trong thời kỳ kiếp sơ. Pāli: Devā brahmakāyikā paṭhamābhinibbattā.*
5. *Quang âm thiên 光音天.Pāli: Devā ābhassarā.*
6. *Biến tịnh thiên 遍淨天. Pāli: Devā subhakiṇhā.*
7. *Không xứ thiên 空處天. Hán dịch này nhảy sót mất một tầng thứ năm. Tập Dị, Hữu tình cư thứ năm: Vô tưởng hữu tình thiên 無想有情天, Pāli: Devā asaññasattā; hữu tình cư thứ sáu, Không vô biên xứ thiên 空無邊處天. Pāli: Ākāsānaṭcāyatanūpagā.*
8. *Thức xứ thiên 識處天. Tập Dị: Hữu tình cư thứ bảy, Thức vô biên xứ thiên 識無邊處天. Pāli: Viññāṇaṭcāyatanūpagā.*
9. *Bất dụng xứ thiên 不用處天. Tập Dị: Hữu tình cư thứ tám, Vô sở hữu xứ thiên 無所*

Hữu tưởng vô tưởng xứ[10].

Tên gọi của những chỗ được sinh ra có chín. Này Tỳ-kheo, đó gọi là chín nơi cư trú của chúng sinh. Các loài quần manh đã từng ở, đang ở, sẽ ở. Cho nên Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thoát ly chín nơi này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta sẽ nói về chín đức của sẩn nguyện[11], các ông hãy suy nghĩ kỹ, nay Ta sẽ diễn giải ý nghĩa này.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật giáo giới. Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là chín đức của sẩn nguyện? Tỳ-kheo nên biết, thí chủ đàn-việt phải thành tựu ba pháp; vật được thí cũng phải thành tựu ba pháp; người nhận vật cũng phải thành tựu ba pháp.

Thế nào là thí chủ đàn-việt kia phải thành tựu ba pháp? Thí chủ đàn-việt này thành tựu tín, thành tựu thệ nguyện, không sát sinh. Đó gọi là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp.

Thế nào là vật được thí cũng phải thành tựu ba pháp? Vật được thí này phải thành tựu sắc, thành tựu hương, thành tựu vị. Đó gọi là vật được thí thành tựu ba pháp.

Thế nào là người nhận vật phải thành tựu ba pháp? Người nhận vật này thành tựu giới, thành tựu trí tuệ, thành tựu Tam-muội. Đó gọi là người nhận thí thành tựu ba pháp.

Như vậy, nếu sự đạt-sẩn[12] thành tựu chín pháp này, sẽ được quả báo lớn, đến chỗ cam lồ diệt tận. Phàm ai là thí chủ muốn cầu phước này hãy

---

有處天. Pāli: Ākiṭcaññāyatanūpagā.

[10]. Hữu tưởng vô tưởng xứ thiên 有想無想處天. Tập Dị: Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên 非想非非想處天. Pāli: Nevasaññānāsaññāyatanūpagā.

[11]. Sẩn nguyện 嚫願, trên kia dịch là đạt-sẩn 達嚫, Pāli: Dakkhinā (Skt. Dakṛiṇā), thí tụng, bài kệ chú nguyện thí chủ sau khi nhận cúng dường.

[12]. Đạt-sẩn, xem cht. trên.

tìm cầu phương tiện thành tựu chín pháp này.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Để thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Mặt gượng,[13] chịu nhục, tâm tham, keo rít, tâm niệm không lìa bỏ, hay quên, ít ngủ, che giấu dâm dật[14] và không biết đền trả là chín. Tỳ-kheo, đó gọi là thành tựu chín pháp.

Tỳ-kheo ác cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo ác làm mặt gượng, chịu nhục, tâm tham, keo rít, hay quên, ít ngủ, dâm dật che giấu[15], không biết đền trả, niệm không lìa bỏ. Đó là chín.

Thế nào là Tỳ-kheo ác làm mặt gượng? Ở đây, Tỳ-kheo ác, điều không đáng tìm cầu mà tìm cầu, trái với hạnh Sa-môn. Tỳ-kheo như vậy gọi là mặt gượng.

Thế nào là Tỳ-kheo ác chịu nhục? Ở đây, Tỳ-kheo ác ở chỗ các Tỳ-kheo hiền thiện mà tự khen ngợi mình, hủy báng người khác. Tỳ-kheo như vậy gọi là Tỳ-kheo ác chịu nhục.

Thế nào là Tỳ-kheo sinh tâm tham? Ở đây, Tỳ-kheo thấy tài và vật của người khác đều sinh tâm tham. Đó gọi là tham.

Thế nào là Tỳ-kheo keo rít? Ở đây Tỳ-kheo được y bát không cho người dùng chung, thường cất giấu cho riêng mình. Như vậy gọi là keo rít.

Thế nào là Tỳ-kheo hay quên? Ở đây, Tỳ-kheo ác thường hay để rơi rớt những lời hay, thiện; cũng không tư duy phương tiện, lại luận bàn về chuyện quốc gia binh chiến. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác thành tựu điều hay quên này.

Thế nào là Tỳ-kheo ác ít ngủ? Ở đây, Tỳ-kheo ác, những pháp cần tư duy mà không tư duy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ác ít ngủ.

---

13. Hán: Cưỡng nhan 強顏, mặt gượng làm vui.

14. Ẩn nặc dâm dật 隱匿婬泆; có bản chép không có chữ dâm. Đoạn dưới chép là dâm dật ẩn (có bản chép tĩnh) nặc 婬泆隱 / 靜匿.

15. Xem cht. trên.

Thế nào là Tỳ-kheo ác che giấu dâm dật? Ở đây, Tỳ-kheo ác che giấu những việc làm, không nói cho người khác, nghĩ rằng: "Mong người khác không biết những việc ta làm[16] của ta." Như vậy gọi là Tỳ-kheo che giấu những việc làm dâm dật.

Thế nào là Tỳ-kheo ác không biết đền trả? Ở đây Tỳ-kheo ác không có tâm cung kính, không hầu hạ sư trưởng và tôn kính những vị đáng quý trọng. Tỳ-kheo ác như vậy gọi là không biết đền trả.

Nếu Tỳ-kheo ác thành tựu chín pháp này[17], nhớ không lìa bỏ thì trọn không thành đạo quả. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy suy niệm xả bỏ các pháp ác.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Chim khổng tước thành tựu chín pháp. Những gì là chín? Ở đây, chim khổng tước hình dáng xinh đẹp, tiếng kêu trong suốt, bước khoan thai, đi đúng lúc, ăn uống điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, lại cũng ít ham muốn, biết đền trả. Này Tỳ-kheo, đó gọi là chim khổng tước thành tựu chín pháp.

Tỳ-kheo hiền thiện cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp, tiếng nói trong suốt, bước khoan thai, hành đúng lúc, ăn uống có điều độ, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, ít ham muốn, biết đền trả.

Sao gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo xinh đẹp? Tỳ-kheo kia ra, vào, lui, tới, đi, đứng thích hợp, trọn không mất tư cách. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hiền thiện tướng mạo đoan chánh.

Sao gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt? Ở đây, Tỳ-kheo khéo phân biệt nghĩa lý, trọn không lẫn lộn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo tiếng nói trong suốt.

---

[16] Nguyên Hán: Hành dâm 行婬. Tống-Nguyên-Minh: Sở hành 所行. Bản khác chép không có chữ dâm.

[17] Phần trên chỉ giải thích tám pháp, thiếu "niệm không lìa bỏ 念不捨離".

Sao gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai? Ở đây, Tỳ-kheo biết đúng thời mà đi, không để mất thứ lớp; lại biết khi đáng tụng thì biết tụng; khi đáng tập thì biết tập; khi đáng im lặng thì biết im lặng; khi nên dậy thì biết dậy. Như vậy gọi là Tỳ-kheo bước khoan thai.

Sao gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc? Ở đây, Tỳ-kheo khi nên đi thì đi, khi nên đứng thì đứng, tùy thời nghe pháp. Như vậy gọi là Tỳ-kheo hành đúng lúc.

Sao gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ? Ở đây, Tỳ-kheo được thức ăn dư còn lại, phân chia cho người, không tiếc những cái mình có. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ăn uống điều độ.

Sao gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu đêm tập tỉnh thức, tập ba mươi bảy phẩm đạo không để rơi rớt, hằng làm thanh tịnh ý bằng kinh hành, khi nằm, khi tỉnh thức; lại vào giữa đêm tư duy pháp sâu xa, đến lúc cuối đêm nằm nghiêng hông phải sát đất, hai chân xếp lên nhau, tư duy về tưởng ánh sáng, rồi đứng lên kinh hành mà làm thanh tịnh ý. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ.

Sao gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả ? Ở đây, Tỳ-kheo thờ phụng tam tôn, vâng kính sư trưởng. Như vậy gọi là Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đền trả. Như vậy là Tỳ-kheo hiền thiện thành tựu chín pháp, các ông hãy niệm tưởng phụng hành.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5[18]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Người nữ thành tựu chín pháp để trói buộc người nam. Những gì là chín? Ca, múa, kịch[19], nhạc, cười, khóc, trau chuốt nghi dung[20], huyễn thuật

[18] *Pāli, A.viii. 17 Bandha. Bản Hán, No 26(106), kinh Tưởng.*

[19] *Nguyên Hán: Kỹ 伎, trong định cú ca vũ kỹ 歌舞伎, chỉ chung các loại ca kịch (Pāli: Naṭa).*

[20] *Nguyên Hán: Thường cầu phương nghi 常求方宜.*

mê hoặc[21], nhan sắc thể hình[22]. Trong tất cả hình thức ấy, chỉ có xúc[23] trói người chặt nhất, gấp trăm ngàn lần, không có gì để so sánh.

Ở đây Ta thấy ý nghĩa này, xúc* trói người chặt nhất không cho ra thoát khỏi; đó là sợ dây buộc chặt người nam vào người nữ. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng xả bỏ chín pháp này.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6[24]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở Ưu-ca-la[25], trong vườn Trúc[26], cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói pháp vi diệu cho các ông, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối thiện, nghĩa lý sâu nhiệm, tu hành phạm hạnh thanh tịnh. Kinh này gọi là: "Gốc của tất cả các pháp."[27] Các ông nên suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy.

Phật bảo:

–Thế là gốc của tất cả các pháp? Ở đây, Tỳ-kheo, người phàm phu không gặp lời dạy của Hiền thánh, cũng không gìn giữ lời dạy của Như Lai, không gần gũi Thiện tri thức, không chịu nghe lời dạy của Thiện tri thức. Chúng quán sát đất này mà biết như thật rằng: "Đây là đất; như thật là đất."[28] Cũng vậy, đây là nước, là lửa, là gió. Bốn thứ này hợp lại

---

21. Nguyên Hán: Tự dĩ huyễn thuật 自以幻術.

22. Pāli, ibid., tám hình thức người nữ trói buộc người nam: Ruṇṇena: Khóc, hasitena: Cười, bhaṇitena: Trò chuyện, ākappena: Phục sức, vanabhaṅgena: Hoa quả, gandhena: Hương, rasena: Vị, phassena: Xúc.

23. Nguyên Hán: Cánh lạc 更樂.

24. Tham chiếu Pāli, Mūlapariyāya, M. i. 1.

25. Ưu-ca-la 優迦羅. Pāli: Ukkaṭṭhā, một thị trấn thuộc Kosala, gần Himalaya.

26. Pāli: Subhagavane sālarājamūle, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Sa-la vương.

27. Pāli: Sabbadhammamūlapariyāyaṃ, pháp môn căn bản của tất cả các pháp.

28. Pāli: Pathaviṃ pathavito sañjānāti; pathaviṃ pathavito saññatvā pathaviṃ maññati, ở

thành con người.[29] Đó là sự vui thích của người ngu.[30] Hoặc trời tự biết là trời, thích ở cõi trời.[31] Phạm thiên tự biết là Phạm thiên. Đại Phạm thiên tự biết là Đại Phạm thiên, không ai vượt qua. Trời Quang âm trở lại tự biết do trời Quang âm đến. Trời Biến tịnh tự biết là trời Biến tịnh. Trời Quả thật tự biết là trời Quả thật mà không lầm lẫn. Trời A-tỳ-da-đà tự biết là trời A-tỳ-da-đà. Trời Không xứ tự biết là trời Không xứ. Trời Thức xứ tự biết là trời Thức xứ. Trời Bất dụng xứ tự biết là trời Bất dụng xứ. Trời Hữu tưởng vô tưởng xứ tự biết là trời Hữu tưởng Vô tưởng xứ.

Thấy, tự biết là thấy; nghe, tự biết là nghe; muốn, tự biết là muốn; trí, tự biết là trí;[32] một loại tự biết là một loại; nhiều loại tự biết là nhiều loại[33]; thảy đầy đủ tự biết là thảy đầy đủ; Niết-bàn tự biết là Niết-bàn, ở trong đó mà tự vui thích. Vì sao? Vì chẳng phải là những lời nói của người trí.[34]

Thánh đệ tử đến gặp bậc Thánh, vâng thọ pháp người, hầu hạ Thiện tri thức, thường thân cận Thiện tri thức,[35] quán sát đất, thảy đều biết rõ ràng từ đâu đến, cũng không đắm trước vào đất, không có tâm nhiễm ô. Nước, lửa, gió, cũng như vậy. Người, Trời, Phạm vương, Quang âm, Biến tịnh, Quả thật, trời A-tỳ-da-đà, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ; thấy, nghe, nhớ, biết; một loại, nhiều loại, cho đến đối Niết-bàn cũng không đắm ở Niết-bàn, không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả đều do khéo phân biệt khéo quán sát.

Nếu Tỳ-kheo kia là A-la-hán lậu tận, việc cần làm đã xong, đã đặt

---

đất mà có ấn tượng là đất, tư duy là đất.

[29] Pāli: Pathaviṃ maññati, pathaviyā maññati, pathavito maññati, pathaviṃ meti maññati, nó tư duy đất, tư duy về đất, tư duy từ đất, nghĩ rằng "Đất là của ta." No 26(106): "Nơi đất tưởng là đất, (nghĩ rằng), đất là Thần (ngã), đất là sở hữu của Thần (ngã)…"

[30] Pāli: Pathaviṃ abhinandati, người ấy hoan hỷ đất.

[31] Trong bản chép dư chữ Thiên. Câu Hán dịch này tối nghĩa. Tham chiếu Pāli: Deve devato sañjānāti, đối với chư Thiên, nó có ấn tượng (tưởng) chư Thiên." Nghĩa các đoạn sau, chuẩn theo đây.

[32] Hán: Kiến 見… văn 聞… dục 欲.. trí 智; chính xác nên nhiễu là kiến, văn giác, tri; xem đoạn dưới. Pāli: Diṭṭhaṃ, cái được thấy; sutaṃ, cái được nghe; mutaṃ, cái được tri giác; viññāta, cái được nhận thức (giác quan).

[33] Hán: Nhất loại 一類, nhược can loại 若干類. Pāli: Ekattaṃ, đồng nhất, và nānattaṃ, đa thù tính.

[34] Pāli: apariññātaṃ tassā'tivadāmi, "Ta nói, người ấy không biến tri về (những) cái đó."

[35] Pāli: Yopi so, bhikkhave, bhikkhu sekkho appattamānaso anuttaraṃ yogakkhemaṃ patthayamāno viharati, Tỳ-kheo thuộc bậc Hữu học, tâm chưa chứng đắc, đang tìm cầu sự an ổn tối thượng.

gánh nặng xuống, đã dứt sạch nguồn gốc sinh tử, bình đẳng giải thoát[36]. Vị ấy có thể phân biệt đất, thấy không khởi tưởng đắm đất. Người, Trời, Phạm vương cho đến Hữu tưởng vô tưởng xứ, cũng vậy; cho đến đối Niết-bàn, cũng không đắm Niết-bàn, không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao? Vì đều do đã diệt trừ dâm, nộ, si mà được như vậy.

Tỳ-kheo nên biết, Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đối với đất khéo hay phân biệt, cũng không đắm trước nơi đất, không khởi tưởng về đất. Vì sao? Vì do phá được lưới ái mà được như vậy. Nhân hữu mà có sinh, nhân sinh mà có lão, tử, thảy đều trừ hết.[37] Cho nên Như Lai thành Vô Thượng Chánh Giác.

Khi Đức Phật nói những lời này, các Tỳ-kheo không lãnh thọ những lời dạy này[38]. Vì sao? Vì do ma Ba-tuần làm bế tắc tâm ý.

Kinh này gọi là: "Gốc rễ của tất cả các pháp." Nay Ta nói đầy đủ. Những điều mà chư Phật Thế Tôn cần làm, nay Ta đã làm đầy đủ. Các ông hãy nghĩ tưởng ở nơi nhàn tĩnh, dưới bóng cây, chánh ý ngồi thiền, tư duy diệu nghĩa. Nay không làm, sau hối vô ích. Đây là những lời giáo giới của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở Ca-lan-đà, trong vườn trúc, thành La-duyệt cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Tỳ-kheo mang trọng bệnh, rất khốn khổ, nằm đại tiểu tiện, không thể tự đứng dậy, cũng chẳng có Tỳ-kheo nào đến chăm sóc. Ngày đêm ông xưng danh hiệu Phật: "Sao ta không được Thế Tôn thương tưởng đến?

Lúc ấy Như Lai bằng Thiên nhĩ nghe Tỳ-kheo kia đang than oán kêu la, hướng về Như Lai. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

[36] Hán: Bình đẳng giải thoát 平等解脫. Pāli: Sammadaññā vimutto, bằng chánh trí mà giải thoát, chánh trí.

[37] Pāli: Nandī dukkhassa mūlan'ti– iti viditvā'bhavā jāti bhūtassa jarāmaraṇan'ti, vì biết rằng, hỷ ái là gốc rễ của khổ; do hữu có sinh; và có già, chết đối với sinh vật.

[38] Pāli: Na te bhikkhū… abhinandunti, các Tỳ-kheo không hoan hỷ. No 26(106): Các Tỳ-kheo hoan hỷ.

–Ta với các ông cùng đi xem xét các phòng, thăm viếng các trú xứ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thưa vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn cùng với các Tăng Tỳ-kheo vây quanh lần lượt đi qua các phòng. Khi ấy Tỳ-kheo bệnh từ xa trong thấy Thế Tôn đến, liền từ chỗ ngồi muốn đứng dậy, mà không thể cử động được. Thế Tôn đến chỗ Tỳ-kheo, bảo rằng:

–Thôi, được rồi, Tỳ-kheo! Chớ cử động. Ta đã có chỗ ngồi dọn sẵn để ngồi.

Lúc ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương biết ý nghĩ của Như Lai, biến mất khỏi thế giới Dã mã, hiện đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân rồi đứng sang một bên.

Thích Đề-hoàn Nhân biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, liền đi đến chỗ Phật.

Phạm Thiên vương cũng biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, bèn biến mất khỏi Phạm thiên, hiện đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên.

Tứ Thiên vương cũng biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên.

Bấy giờ, Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

–Bệnh khổ của ông nay có giảm, không tăng thêm chăng?

Tỳ-kheo thưa:

–Bệnh khổ của đệ tử có tăng chứ không giảm, rất ít có ai để nhờ cậy.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Người chăm sóc bệnh hiện ở đâu? Người nào đến chăm sóc bệnh?

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Con mắc bệnh này, nhưng không người chăm sóc.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Trước kia, khi ông chưa bệnh, có đến hỏi thăm hỏi người bệnh không?

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Con không hề đến thăm hỏi những người bệnh.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ông ở không được điều ích lợi ở trong chánh pháp. Vì sao? Tất cả do không đến thăm hỏi bệnh. Nay Tỳ-kheo, ông chớ lo sợ, Ta sẽ tự

mình cấp dưỡng ông, không để thiếu thốn. Như Ta nay, trên trời và giữa người, đi một mình không bạn lứa, nhưng vẫn có thể chăm sóc tất cả bệnh nhân; cứu giúp những ai không có người cứu giúp; làm con mắt cho những ai mù tối; cứu chữa những ai tật bệnh.

Rồi Thế Tôn tự mình dọn các thứ bất tịnh, lại trải tọa cụ cho. Lúc ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương cùng Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Chúng con sẽ tự mình chăm sóc Tỳ-kheo bệnh này. Như Lai chớ lại nhọc sức.

Phật bảo chư Thiên:

–Các ông, thôi đi được rồi, Như Lai sẽ tự biết thời. Như Ta nhớ lại, thuở xưa khi chưa thành Phật đạo, đang tu hạnh Bồ-tát, đã từng xả bỏ mạng căn cho một con chim bồ câu, huống chi ngày nay đã thành Phật đạo mà bỏ Tỳ-kheo này sao? Quyết không có việc này. Lại nữa, trước kia Thích Đề-hoàn Nhân không chăm sóc Tỳ-kheo bệnh này; Tỳ-sa-môn Thiên vương, Chủ hộ thế, cũng không chăm sóc.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng Tỳ-sa-môn Thiên vương đều im lặng không đáp.

Bấy giờ, Như Lai tự tay cầm chổi quét dọn đất dơ, rồi trải bày tọa cụ, lại giặt giũ ba pháp y cho ông, nâng đỡ Tỳ-kheo bệnh cho ngồi vào trong nước sạch mà tắm gội. Chư Thiên ở trên dùng nước thơm rưới xuống.

Thế Tôn sau khi đã tắm gội cho Tỳ-kheo rồi, dìu ngồi lại lên giường, tự tay trao thức ăn. Khi Thế Tôn thấy Tỳ-kheo ăn xong, bèn rửa bát và bảo Tỳ-kheo kia:

–Nay ông nên xả bệnh ba đời. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, sinh có sự nguy khốn là ở trong bào thai. Sinh thì có già. Phàm người già, hình suy khí cạn. Nhân già có bệnh. Phàm người bệnh, ngồi nằm rên rỉ, bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đều đến cùng lúc. Nhân bệnh có chết. Phàm người chết, thần và xác phân ly, nhắm theo đường lành dữ. Nếu ai tội nhiều sẽ vào địa ngục, núi đao rừng kiếm, xe lửa, lò than, ăn uống đồng sôi. Hoặc làm súc sinh, bị người sai sử, ăn toàn rơm cỏ, chịu khổ vô cùng. Lại ở trong vô số kiếp không thể tính đếm làm thân ngạ quỷ, thân dài mười do-tuần, cổ nhỏ như cây kim, lại bị nước đồng sôi rót vào miệng. Trải qua vô số kiếp, mới được làm thân người, lại bị đánh đập, tra khảo, không thể kể hết. Lại được sinh lên trời ở trong vô số kiếp, cũng trải qua ân ái, hội họp, lại gặp ân ái biệt ly, tham dục không chán đủ. Khi được đạo Hiền thánh, bây giờ mới lìa khổ.

Có chín hạng người lìa được khổ hoạn. Những gì là chín? Hướng A-la-hán, đắc A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm,

đắc Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn và người chủng tánh[39] là chín.

Này Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện thế gian được nói là rất khó gặp, thân người khó được, sinh nhằm trung bộ cũng khó được, gặp gỡ Thiện tri thức cũng vậy. Nghe pháp được giảng thuyết cũng rất khó. Pháp pháp tương sinh, thật lâu mới có một lần.

Tỳ-kheo nên biết, nay Như Lai xuất hiện ở thế gian, ông được nghe chánh pháp, các căn không thiếu để có thể nghe chánh pháp kia, mà nay không ân cần, sau này hối không kịp. Đây là những lời giáo giới của Ta.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bệnh kia sau khi nghe Như Lai dạy, được nhìn rõ tôn nhan, liền ngay trên chỗ ngồi mà được ba minh, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.[40] Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ông đã hiểu rõ nguồn gốc của bệnh rồi chưa?

Tỳ-kheo bạch Phật:

–Con đã hiểu rõ căn nguyên bệnh. Xa lìa sinh, già, bệnh, chết này đều là nhờ thần lực của Như Lai gia bị, nhờ bốn Đẳng tâm bao trùm khắp tất cả, không lường, không giới hạn, không thể kể hết. Thân, khẩu, ý trong sạch.

Đức Thế Tôn sau khi thuyết pháp đầy đủ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy đánh kiền chùy, gọi các Tỳ-kheo có mặt tại thành La-duyệt tập trung tất cả tại giảng đường Phổ hội.

A-nan vâng lời Phật dạy, họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ hội, rồi đến trước Phật bạch rằng:

–Các Tỳ-kheo đã họp. Cúi xin Thế Tôn biết thời.

Thế Tôn đi đến chỗ giảng đường, ngồi lên chỗ đã dọn sẵn. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông xuất gia học đạo vì sợ quốc vương, giặc cướp chăng? Hay là, Tỳ-kheo, do bởi tín tâm kiên cố mà tu phạm hạnh vô thượng, muốn được xả ly sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não và cũng muốn dứt lìa mười hai sự lôi kéo[41]?

Các Tỳ-kheo thưa:

---

[39] Chủng tánh nhân 種性人, đoạn dưới: Hướng chủng tánh nhân 向種性人, thấp dưới hướng Tu-đà-hoàn.

[40] Nguyên Hán: Ý giải 意解.

[41] Hán: Thập nhị khiên liên 十二牽連.

–Thật như vậy, Thế Tôn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì mục đích mà các ông xuất gia học đạo, cùng một thầy, hòa hợp như nước với sữa, nhưng lại không chăm sóc lẫn nhau. Từ nay về sau hãy chăm sóc lẫn nhau. Nếu Tỳ-kheo bệnh nào không có đệ tử, trong chúng hãy cử người theo thứ tự chăm sóc người bệnh. Vì sao? Ngoài đây ra, Ta không thấy nơi nào mà sự bố thí có phước hơn chăm sóc người bệnh. Chăm sóc người bệnh cũng như chăm sóc Ta không khác vậy.

Rồi Thế Tôn bèn nói kệ này:

Nếu có cúng dường Ta
Cùng chư Phật quá khứ
Phước đức thí cho Ta
Như nuôi bệnh không khác.

Thế Tôn sau khi dạy những lời này xong, bảo A-nan:

–Từ nay về sau, các Tỳ-kheo hãy nên chăm sóc lẫn nhau. Nếu có Tỳ-kheo nào biết mà không làm sẽ căn cứ vào pháp luật mà xử trị. Đây là những lời giáo giới của Ta.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9[42]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có chín hạng người đáng kính, đáng quý, cúng dường họ thì được phước. Những gì là chín? Hướng A-la-hán, đắc A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn và người hướng chủng tánh [43] là thứ chín.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là chín hạng người mà ai cúng dường đến

---

[42] *Pāli, A. ix. 10. Ahyeyya.*

[43] *Hán: (hướng) Chủng tánh nhân 向種性人. Pāli: Gotrabhūm giai đoạn chuyển chủng tánh, tương đương với phàm phu (puthujjana, A. ix. 9), từ phàm phu bước vào Thánh đạo; giai đoạn hiện quán Thánh đế, đủ năng lực để thành bậc Hữu học, trong sát-na vô gián sẽ trở thành vị hướng Tu-đà-hoàn. (Sớ giải Pāli: sotāpattimaggassa anantarapaccayena sikhāpattabalavavipassanācittena samannāgato).*

sẽ được phước, trọn không mảy may giảm thiểu.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở Ca-lan-đà, trong vườn Trúc, thành La-duyệt, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Vương tử Vũ-hô[44] đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên. Lúc ấy vương tử Vũ-hô bạch Thế Tôn:

–Con từng nghe, Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc[45] cùng Phạm chí Lô-ca-diên[46] luận biện với nhau, nhưng Tỳ-kheo này không trả lời được. Con cũng từng nghe, trong chúng đệ tử Như Lai, người có các căn ám độn, không có tuệ sáng, không ai hơn Tỳ-kheo này.

Trong hàng Ưu-bà-tắc Như Lai ở tại gia, người Cù-đàm họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ có các căn ám độn, tình ý bế tắc.

Phật bảo Vương tử:

–Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc có sức thần túc, được pháp thượng nhân, không học tập theo lối đàm luận của thế gian. Hơn nữa, vương tử nên biết, Tỳ-kheo này có được diệu nghĩa.

Vương tử Vũ-hô bạch Thế Tôn:

–Tuy Phật có nói như vậy, nhưng trong ý con vẫn có suy nghĩ này: "Sao có thần lực lớn mà không thể biện luận với ngoại đạo dị học?" Nay con thỉnh Phật cùng Tăng Tỳ-kheo, chỉ trừ một người Chu-lợi-bàn-đặc.

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Sau khi thấy Thế Tôn đã nhận lời thỉnh rồi, vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi lui đi. Liền đêm đó, ông sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon ngọt, trải tọa cụ tốt. Sau đó, đến trình đã đúng giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa bát cho Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc giữ ở lại sau, rồi dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau vào thành La-duyệt, đến chỗ vương tử kia, mọi người theo thứ lớp mà ngồi. Bấy giờ, vương tử bạch Thế

---

44. Nguyên Hán âm: Mãn-hô 滿呼. Hán chép nhầm, cần sửa lại. Pāli tương đương: Uposatha(-kumūra), chuyện kể trong Jātaka iv. 133. Xem kinh số 4, phẩm 50.

45. Chu-lợi Bàn-đặc 朱利槃特. Xem kinh số 12, phẩm 12. Pāli: Cūḷapanthaka.

46. Lô-ca-diên 盧迦延. Pāli, chưa rõ.

Tôn:

–Cúi xin Như Lai trao bát cho con. Con sẽ tự tay dâng thức ăn cho Như Lai.

Phật bảo vương tử:

–Bát ở chỗ Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, không mang đến đây.

Vương tử bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo đến lấy bát lại.

Phật bảo Vương tử:

–Ông hãy tự mình đến đó lấy bát của Như Lai mang lại đây.

Bấy giờ Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc hóa làm năm trăm cây hoa. Dưới mỗi cây đều có Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc ngồi. Vương tử sau khi nghe Phật dạy bèn đi lấy bát. Từ xa nhìn thấy dưới năm trăm cây đều có Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đang ngồi thiền, cột niệm ở trước không bị phân tán, ở dưới bóng cây. Thấy vậy, ông suy nghĩ: "Người nào là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc?" Rồi vương tử Vũ-hô trở lại chỗ Thế Tôn, bạch Phật:

–Con đến trong vườn kia, thấy toàn là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, không biết người nào là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc.

Phật bảo Vương tử:

–Ông hãy quay trở lại khu vườn, đứng chính giữa mà búng ngón tay, nói như vầy: Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, xin rời chỗ ngồi đứng dậy.

Vương tử Vũ-hô vâng lời dạy, trở lại khu vườn, đứng ở giữa vườn mà nói như vầy: "Vị nào thật sự là Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc, xin ngài liền từ chỗ ngồi đứng lên." Vương tử nói lời này xong, tức thì năm trăm Tỳ-kheo biến hóa kia tự nhiên biến mất, chỉ còn lại một Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Vương tử Vũ-hô cùng Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, đứng qua một bên. Bấy giờ Vương tử Vũ-hô bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn, con nay xin sám hối, tự trách mình không tin những lời dạy của Như Lai. Tỳ-kheo này thật có thần túc, có oai lực lớn.

Phật bảo Vương tử:

–Ta nhận lời ông sám hối. Những gì Như Lai nói, không có hai lời. Lại nữa, thế gian này có chín hạng người qua lại. Thế nào là chín? Một, đoán biết ý nghĩ của người; hai, nghe rồi mới biết; ba, xem tướng sau đó

mới biết; bốn, quán sát nghĩa lý sau đó mới biết; năm, biết vị nếm[47] sau đó mới biết; sáu, biết nghĩa biết vị nếm[48] sau đó mới biết; bảy, không biết nghĩa không biết vị*; tám học ở sức thần túc tư duy;[49] chín, nghĩa được nhận rất ít. Vương tử, đó là chín hạng người xuất hiện thế gian. Như vậy, Vương tử người xem tướng kia, trong tám hạng người, là tột bậc nhất, không ai hơn được.

Nay Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc chỉ tập thần túc, chứ không học pháp khác. Tỳ-kheo này thường dùng thần túc thuyết pháp cho người.

Ở đây Tỳ-kheo A-nan của Ta xem tướng mà đoán biết ý nghĩ của người, biết Như Lai cần cái này, không cần cái này; cũng biết Như Lai sẽ nói việc này, bảo xa lìa việc này. Tất cả đều biết rõ ràng. Như nay, không có ai vượt lên trên Tỳ-kheo A-nan về việc xem rộng các nghĩa kinh không đâu không khắp.

Lại nữa, Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc này có thể hóa một thân thành nhiều thân, rồi hiệp trở lại thành một. Tỳ-kheo này ngày sau sẽ diệt độ ở giữa hư không. Ta không thấy người nào khác diệt độ như Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc này.

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo đệ nhất trong hàng Thanh văn của Ta, biến hóa thân hình có thể lớn hay nhỏ, không có ai để sánh như Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc.

Bấy giờ, Vương tử Vũ-hô tự tay châm đồ ăn thức uống cúng dường chúng Tăng. Rửa bát xong, ông lấy ghế nhỏ ngồi trước Như Lai, chắp tay bạch Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc thường đến nhà con. Tùy theo chỗ cần dùng như y phục, các đồ linh tinh khác của Sa-môn, thảy đều nhận tại nhà con. Con sẽ cung cấp những thứ cần dùng suốt đời.

Phật bảo Vương tử:

–Vương tử, ông hướng về Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc sám hối, tự mình thưa thỉnh. Vì sao? Người không trí mà muốn phân biệt người có trí; trường hợp này khó gặp. Nói rằng người trí có thể phân biệt người trí, lý này có thể có.

---

47. Nguyên Hán: Vị 味 ; nên hiểu là văn cú hay âm vận. Ở đây, sau khi nghe văn cú của người kia rồi mới nhận biết. Xem cht. dưới.

48. Hán: Tri nghĩa, tri vị 知義知味: "theo nghĩa và văn mà biết". Pāli: atthato byañjanato.

49. Tư duy thần túc 思惟神足 (Pāli: vīmaṃsā-iddhipāda); một trong bốn thần túc (Pāli: Cattāro iddhipādà).

Bấy giờ Vương tử Vũ-hô tức thì hướng về Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc lễ và tự xưng danh tánh, cầu sám hối:

–Tỳ-kheo đại thần túc, con đã sinh ý kinh mạn! Từ nay về sau không dám tái phạm. Cúi xin ngài nhận sự sám hối. Con không dám tái phạm.

Tỳ-kheo Chu-lợi-bàn-đặc đáp:

–Tôi nhận ông hối lỗi. Sau chớ tái phạm, cũng chớ hủy báng Hiền thánh nữa. Vương tử nên biết, chúng sinh nào hủy báng Thánh nhân tất sẽ bị đọa vào ba đường ác, sinh vào trong địa ngục. Vương tử hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ Phật nói pháp vi diệu cho Vương tử Vũ-hô, khuyến khích khiến hoan hỷ, rồi ngay trên chỗ ngồi diễn nói chú nguyện này:

Tế tự: Lửa trên hết
Kinh sách: Tụng trên hết
Cõi người: Vua là tôn
Các sông: Biển đứng đầu;
Các sao: Trăng sáng nhất
Ánh sáng: Mặt trời nhất
Trên dưới cùng bốn phương
Những vật có hình dáng,
Trời cùng người thế gian
Phật là Đấng Tối Tôn
Ai muốn cầu phước kia
Cúng dường Phật Chánh Giác.[50]

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này xong, rời chỗ ngồi đứng dậy. Bấy giờ, Vương tử Vũ-hô nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, A-nan bạch Thế Tôn:

–Nói Thiện tri thức, đó là một nửa người phạm hạnh[51], hướng dẫn

---

[50] Nguyên Hán: Tam-phật 三佛?, phiên âm từ sambuddha. Xem kinh số 4 phẩm 18.

[51] Bán phạm hạnh chi nhân 半梵行之人. Cf. No 99(1238). Pāli: upaḍḍhamidaṃ, bhante, brahmacariyassa– yadidaṃ kalyāṇamittatā (…), "Bạch Thế Tôn, một nửa đời sống

đường lành đến vô vi.

Phật bảo A-nan:

–Chớ nói vầy, rằng Thiện tri thức, đó là một nửa người phạm hạnh. Vì sao? Thiện tri thức là toàn bộ người phạm hạnh, cùng giúp đỡ, trông coi, hướng dẫn nhau theo con đường lành. Ta cũng do Thiện tri thức mà thành Vô thượng Chánh chân Đẳng chánh giác. Do thành đạo quả, độ thoát chúng sinh không thể kể hết, thảy đều thoát sinh, lão, bệnh, tử. Do phương tiện này mà biết, Thiện tri thức là toàn bộ người phạm hạnh.

Lại nữa, A-nan, nếu người thiện nam kẻ tín nữ thân cận Thiện tri thức thì tín căn sẽ được tăng thêm, các phẩm đức văn, thí, huệ thảy đều đầy đủ. Giống như trăng đang lúc tròn đầy, ánh sáng càng tăng dần gấp bội hơn trước. Đây cũng như vậy, nếu có người thiện nam, kẻ tín nữ nào gần gũi Thiện tri thức thì tín, văn, thí, huệ thảy đều tăng thêm. Do phương tiện này mà biết Thiện tri thức là toàn bộ người phạm hạnh. Nếu ngày xưa Ta không thân cận Thiện tri thức, chắc chắn không gặp Phật Đăng Quang để được thọ ký. Vì thân cận Thiện tri thức nên Ta được gặp Phật Đề-hòa-kiệt-la[52] thọ ký. Do phương tiện này mà biết Thiện tri thức là toàn bộ người phạm hạnh.

A-nan, hiện tại nếu thế gian không có Thiện tri thức sẽ không có trật tự của tôn ti; cha mẹ, sư trưởng, anh em, tông thân, tất sẽ cùng loài với heo, chó không khác, tạo các duyên ác, gieo tội duyên địa ngục. Nhờ Thiện tri thức mà phân biệt có cha mẹ, sư trưởng, anh em, tông thân.

Rồi Thế Tôn liền nói kệ này:

Thiện hữu, phi ác hữu
Thân pháp, không vi ăn[53]
Dẫn dắt lên đường lành
Phật nói, thân đó nhất.

Cho nên, A-nan, chớ nói rằng Thiện tri thức là một nửa phạm hạnh.

Bấy giờ, A-nan sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

phạm hạnh này là thiện hữu."

[52]. Đề-hòa-kiệt-la 提和竭羅, phiên âm của từ Dīpaṃkāra, tứ dịch nghĩa Đăng Quang 燈光 ở trên. Cũng dịch là Nhiên Đăng, Đính Quang.

[53]. Hán: Phi vị thực 非為食. Thức ăn, đây chỉ các hưởng thụ vật chất.

KINH SỐ 11[54]

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng với đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân, biến mất khỏi trời Tam thập tam, hiện đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

–Trời cùng con người có niệm tưởng gì? Ý cầu mong những gì?

Phật bảo:

–Thế gian trôi nổi, tánh chất không đồng, định hướng khác biệt, niệm tưởng chẳng phải một. Thiên đế nên biết, vô số a-tăng-kỳ kiếp xưa kia, Ta cũng sinh ý nghĩ này: "Loài trời và chúng sinh, ý thú hướng về đâu? Ước nguyện điều gì? Từ kiếp đó đến nay, Ta không thấy tâm của một ai giống nhau." Thích Đề-hoàn Nhân nên biết, chúng sinh thế gian khởi tưởng điên đảo: Vô thường chấp tưởng thường, không phải lạc cho là tưởng lạc, không ngã chấp có tưởng ngã, không phải tịnh chấp có tưởng tịnh, đường chánh khởi tưởng đường tà, ác khởi tương tưởng phước, phước khởi tưởng ác. Do phương tiện này nên biết, căn tánh của các loài chúng sinh thật khó lường, tánh hạnh chúng khác biệt nhau. Nếu tất cả chúng sinh đều cùng một tưởng, không có nhiều tưởng, thì không thể nhận biết có chín chỗ cư trú của chúng sinh[55], cũng khó phân biệt được chín nơi cư trú của chúng sinh này; chỗ thần thức y tựa cũng lại khó rõ, cũng không biết có tám địa ngục lớn, cũng khó biết nơi hướng đến của súc sinh, không phân biệt có sự khổ của địa ngục, không biết có sự hào quý của bốn dòng họ, không biết con đường dẫn đến chỗ A-tu-luân, cũng lại không biết có trời Tam thập. Giả sử tất cả đều cùng một tâm, sẽ như trời Quang âm. Vì chúng sinh có nhiều loại thân khác nhau, nhiêu tưởng niệm cũng khác nhau. Cho nên biết có chín nơi cư trú của chúng sinh, chín nơi thần thức y tựa; biết có tám địa ngục lớn, ba đường ác, cho đến trời Tam thập tam. Do phương tiện này mà biết tánh của các loài chúng sinh không đồng, những điều chúng làm đều khác.

Lúc ấy, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Thế Tôn:

–Kỳ diệu thay, những điều Như Lai đã nói! Tánh và hành của chúng sinh không đồng, tưởng niệm mỗi khác. Vì hành vi của chúng sinh kia không đồng, nên đưa đến xanh, vàng, trắng, đen,[56] cao thấp không đều.

---

[54] Pāli: A.ix. 24 Sattāvasa.

[55] Cửu chúng sinh cư 九眾生居處. Xem kinh số 1, phẩm 44. Pāli: nava sattāvāsā.

[56] Màu sắc, đây chỉ các sắc dân.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên bận rộn nhiều việc, con muốn quay trở về trời.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Nên biết đúng thời.

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui đi.

Thích Đề-hoàn Nhân sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Chín cư, thần, khổng tước
Trói buộc, căn bản pháp
Bệnh, cúng dường, Bàn-đặc
Phạm hạnh, tưởng đa dạng.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 41

Phẩm 45: MÃ VƯƠNG

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo. Lúc bấy giờ trong thành ấy có một người Bà-la-môn tên là Ma-hê-đề-lợi, rất thông suốt các kinh thuật của ngoại đạo. Thiên văn, địa lý, không thứ gì là không thành thạo. Những gì là phép tắc ứng đối trong đời, ông thảy đều thông suốt. Bà-la-môn này có một người con gái tên là Ý Ái, cực kỳ thông minh, nhan sắc xinh đẹp hiếm có trên đời.

Bấy giờ, người Bà-la-môn này suy nghĩ như vầy: "Trong kinh điển Bà-la-môn có nói rằng, có hai hạng người xuất hiện ở đời, rất là khó gặp. Hai hạng người ấy là ai? Đó là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác và Chuyển luân thánh vương. Khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời, bấy giờ bảy báu vật tự nhiên hưởng ứng. Ta nay có nữ báu này, nhan sắc xinh đẹp lạ lùng, là bậc nhất trong các ngọc nữ. Nhưng nay không có Chuyển luân thánh vương. Ta nghe nói con trai của Chân Tịnh vương tên là Tất-đạt có ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp, đã xuất gia học đạo. Nếu người ấy sống tại gia chắc chắn sẽ là Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia học đạo, chắc chắn thành Phật. Nay ta hãy đem con gái này đến cho Sa-môn ấy.

Rồi người Bà-la-môn dẫn cô gái đến chỗ Thế Tôn. Trước mặt Thế Tôn, ông thưa rằng:

–Mong Sa-môn hãy nhận ngọc nữ này.

Bấy giờ Phật bảo người Bà-la-môn:

–Thôi, thôi, Phạm chí! Ta không cần đến con người dính trước dục vọng này.

---

[1] *Tham chiếu, No 26 (136).*

Người Bà-la-môn ba lần thưa với Phật:

–Hãy nhận ngọc nữ này. So sánh cả thế gian, không ai bằng đứa con gái này.

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta đã thọ nhận ý của ông. Nhưng Ta đã xả bỏ gia đình, không còn quen thói dục vọng nữa.

Khi ấy có một vị Tỳ-kheo trưởng lão đứng sau Như Lai, đang cầm quạt quạt Phật. Trước lão này liền bạch Như Lai:

–Bạch Thế Tôn, cúi mong Như Lai thọ nhận cô gái này. Nếu Như Lai không cần đến, hãy cho con để sai khiến.

Thế Tôn bèn bảo Trưởng lão này:

–Ngươi thật là ngu hoặc, mới dám trước mặt Như Lai thốt ra lời nói xấu xa ấy. Sao ngươi lại để cho tâm ý bị buộc chặt vào cô gái này? Phàm là nữ nhân, đều có chín pháp ác. Chín pháp đó là gì?

1. Người nữ vốn xú uế, bất tịnh.

2. Người nữ hay ác khẩu.

3. Người nữ không biết trả ơn.

4. Người nữ hay ganh tỵ.

5. Người nữ hay keo kiệt.

6. Người nữ hay ưa đi chơi.

7. Người nữ có nhiều sân hận.

8. Người nữ nói dối nhiều.

9. Người nữ hay nói lời thiếu suy nghĩ.

Này các Tỳ-kheo, người nữ có chín pháp là các hành xấu xa như vậy.

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

Thường vui cười, khóc lóc
Vẻ thân mà không thân
Hãy tìm phương tiện khác
Các ông chớ loạn niệm.

Tỳ-kheo Trưởng lão bạch Phật:

–Mặc dù người nữ có chín pháp xấu xa ấy, nhưng ở đây con quán sát cô gái này, không thấy có tỳ vết gì.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ngươi, kẻ ngu si này, không tin điều được nói bởi chính thần khẩu của Như Lai sao? Nay Ta sẽ nói cho ngươi biết:

Trong quá khứ lâu xa, trong thành Ba-la-nại có một người lái buôn tên là Phổ Phú. Ông dẫn năm trăm khách buôn đi vào biển tìm châu báu. Thế nhưng bên cạnh biển lớn kia có nơi vốn là trú xứ của La-sát hay ăn thịt người.

Khi ấy bỗng nhiên nổi gió, thổi thuyền của họ đến bộ La-sát kia. Các La-sát thấy bọn khách buôn đến thì vui mừng khôn kể. Chúng ẩn hình La-sát, biến thành người nữ, xinh đẹp không thể sánh, rồi nói với các khách buôn: "Chào mừng các bạn đến đây. Bến bảo vật này không khác gì Thiên cung kia, có nhiều trân bảo đến hàng trăm ngàn trăm loại; có đủ các thứ đồ ăn thức uống; lại có các cô gái xinh đẹp thảy đều chưa chồng. Các bạn hãy ở đây vui thú với chúng tôi."

Tỳ-kheo nên biết, trong bọn khách buôn kia những kẻ ngu hoặc khi thấy các cô gái liền móng tâm say đắm. Thương chủ Phổ Phú liền suy nghĩ như vầy: "Trong biển lớn này là chỗ ở của loài phi nhân, làm sao có các cô gái này ở đó? Đấy nhất định là La-sát, không nghi ngờ gì nữa." Rồi vị thương chủ bảo cô gái ấy: "Thôi đủ rồi, các cô em! Chúng tôi không tham nữ sắc."

Thời bấy giờ vào các ngày thứ tám, thứ mười bốn và mười lăm mỗi nửa tháng, Mã vương bay vòng trong hư không nói lời răn dạy này: "Ai muốn vượt qua hiểm nạn của biển lớn, ta sẽ chở qua." Trong khi ấy vị thương chủ kia leo lên cây cao trông thấy Mã vương ở đằng xa, nghe tiếng dội của âm thanh, hoan hỷ phấn khởi khôn xiết. Ông đi đến chỗ Mã vương, nói rằng: "Chúng tôi gồm có năm trăm khách buôn bị gió thổi đến chỗ cực kỳ hiểm nạn này. Chúng tôi muốn vượt qua biển. Xin ngài giúp vượt qua." Mã vương bảo các khách buôn: "Các ông hãy lại hết đây. Tôi sẽ mang các ông đến bờ biển." Thương chủ Phổ Phú bèn bảo các khách buôn: "Mã vương đang ở gần đây. Chúng ta tất cả hãy đến chỗ đó để cùng vượt qua hiểm nạn của biển." Bọn khách buôn nói: "Thôi, thôi, ông chủ. Chúng ta tốt hơn nên ở lại đây mà cùng hưởng vui thú. Sở dĩ ở tại Diêm-phù-đề phải cần lao khổ nhọc nên chúng ta đi tìm chỗ sung sướng. Chốn này có đủ bảo vật trân kỳ, cùng ngọc nữ xinh đẹp. Nên ở lại đây mà hưởng thụ năm thứ dục lạc. Những ngày tiếp theo, chúng ta thâu thập tài bảo hàng hóa dần dần rồi sẽ cùng nhau vượt qua hiểm nạn này." Vị đại thương chủ nói với mọi người: "Thôi đủ rồi, các người ngu si. Ở đây không có nữ nhân đâu. Trong biển cả làm gì có chỗ ở của loài người." Bọn khách buôn nói: "Hãy thôi đi, ông chủ. Chúng tôi không thể bỏ chỗ này mà đi được."

Bấy giờ Thương chủ Phổ Phú bèn nói bài kệ rằng:

Chúng ta gặp chốn hiểm
Chớ tưởng nam hay nữ
Đó là bọn La-sát
Sẽ ăn dần chúng ta.

Nếu các bạn không đi theo tôi, các bạn hãy bảo bọc lấy nhau. Nếu tôi có điều gì xúc phạm do bởi thân, miệng, ý, mong các bạn bỏ qua cho, chớ để trong lòng.

Các khách buôn khi ấy cũng nói bài kệ để chia tay:

Chúng tôi gởi lời thăm
Bà con tại Diêm-phù
Nay vui thú chốn này
Chưa rõ ngày về quê.

Vị thương chủ đáp lại bằng bài kệ:

Các bạn đang lâm nạn
Mê hoặc, không chịu về
Như vầy, không bao lâu
Bị quỷ ăn thịt hết.

Nói kệ xong, ông bỏ đi. Đến chỗ Mã vương, ông cúi đầu lạy dưới chân, rồi cưỡi đi. Bọn người kia sau khi từ xa thấy thương chủ đã cưỡi Mã vương đi rồi, trong số đó hoặc có người kêu réo, hoặc có người lớn tiếng hờn trách. Trong khi ấy, chúa tể đại La-sát nói với các La-sát bằng bài kệ này:

Đã rơi miệng sư tử
Thoát ra thật quá khó
Huống gì vào bãi ta
Muốn ra, thật quá khó.

Bấy giờ, chúa tể La-sát hóa làm một người con gái cực kỳ xinh đẹp, rồi lấy hai tay chỉ vào bụng mà nói: "Nếu ta chẳng ăn thịt ngươi thì ta rốt lại không làm La-sát."

Trong lúc đó, Mã vương chở thương chủ vượt qua bờ biển bên kia; năm trăm khách buôn còn lại thảy đều bị khốn hết.

Lúc bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt đang cai trị nhân dân trong thành Ba-la-nại. Khi ấy có La-sát đuổi theo sau vị đại thương chủ, nói rằng: "Chao ôi, ta mất chồng rồi."

Khi thương chủ về đến nhà, La-sát hóa hình ẵm một bé trai, đi đến

trước vua Phạm-ma-đạt tâu rằng: "Thế gian có điều hết sức tai quái, xin hãy trừ diệt cho sạch."

Vua hỏi: "Thế gian có điều tai quái gì mà phải diệt cho sạch?"

La-sát tâu: "Tôi bị chồng bỏ, mà chẳng có lỗi gì với chồng cả."

Phạm-ma-đạt thấy cô gái này cực kỳ xinh đẹp lạ thường, liền nổi tâm niệm say đắm. Ông bảo người nữ: "Chồng của cô là người không có nghĩa nên mới bỏ cô mà đi."

Rồi Phạm-ma-đạt khiến người đi gọi người chồng đến, hỏi rằng: "Có thật ngươi bỏ người vợ xinh đẹp này không?"

Thương chủ đáp: "Đó là La-sát chứ không phải người nữ."

Nữ La-sát lại tâu vua: "Người này không có đạo nghĩa làm chồng. Nay đã bỏ tôi, lại mắng chửi tôi là La-sát."

Vua hỏi: "Nếu ngươi thật sự không cần dùng, ta sẽ thâu nhận."

Thương chủ tâu: "Nó là La-sát. Tùy Thánh ý của vua."

Bấy giờ Phạm-ma-đạt liền mang cô gái này để trong thâm cung, thỉnh thoảng tiếp nạp, không để cho giận hờn. Sau đó, phi nhân La-sát bắt vua mà ăn thịt, chỉ chừa lại xương, rồi bỏ đi.

Tỳ-kheo, chớ nghĩ là ai khác lạ. Thương chủ lúc đó là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất bây giờ. La-sát lúc đó nay là Tỳ-kheo Trưởng lão vậy. Mã vương kia, nay chính là Ta. Năm trăm khách buôn lúc bấy giờ, nay là năm trăm Tỳ-kheo. Bằng phương tiện này mà biết rằng, dục là vọng tưởng bất tịnh. Vậy mà ông còn khởi lên ý tưởng say đắm sao?

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy liền lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, cúi xin nhận sự sám hối và tha thứ lỗi lầm nghiêm trọng này của con. Từ nay trở đi, con không còn dám tái phạm.

Tỳ-kheo này sau khi nhận lời răn dạy của Như Lai bèn một mình ở tại chỗ nhàn tĩnh khắc kỷ tu tập. Sở dĩ thiện nam siêng năng tu hành là muốn đạt được Phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ Tỳ-kheo ấy thành A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2[2]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Thích-kiều[3], trong vườn trái cây Ám-bà-lê[4], cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên, sau khi tọa hạ ở đó, dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi du hóa trong nhân gian; lần hồi đi đến trong một ngôi làng của Thích-kiều.*

Khi ấy các Tỳ-kheo mới đến và các Tỳ-kheo đã trú ở đó cùng bàn luận, cùng thăm hỏi nhau, cao giọng lớn tiếng. Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo cao giọng lớn tiếng, bèn hỏi A-nan:

–Trong khu vườn này, tiếng của ai mà vang lớn thế? Giống như tiếng cây, đá gãy, vỡ.

A-nan bạch Phật:

–Nay Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến đây. Các Tỳ-kheo mới đến và các Tỳ-kheo cũ ở đây chào hỏi nhau nên có tiếng ồn ấy.

Phật bảo A-nan:

–Ông hãy đuổi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đi chỗ khác ngay. Chớ có trú ở đó.

A-nan vâng lời Phật dạy, đi đến chỗ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, bảo họ rằng:

–Thế Tôn có dạy, các Thầy hãy mau rời khỏi đây, chớ có trú nơi này.

Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa vâng! Kính vâng lời dạy.

Rồi Xá-lới-phất và Mục-kiền-liên tức thì rời khỏi khu vườn ấy, dẫn năm trăm Tỳ-kheo bước lên đường mà đi.

Lúc bấy giờ những người họ Thích nghe Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bị Phật đuổi, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cúi đầu lạy dưới chân và bạch Xá-lợi-phất rằng:

–Các Hiền giả, nay muốn đi đâu?

---

2. *Tham chiếu Pāli, M. 67 Cātumā (R.i. 456). Hán, No 137.*

3. *Thích-kiều 釋翅, phiên âm, tương đương Pāli: Sakkesu, "giữa những người họ Thích." Nhưng, M 67, ibid.: Cātumāyaṃ viharati āmalakāvane, "trú tại Cātumā, trong khu rừng Xoài".*

4. *Ám-bà-lê viên. Pāli, Cātumā, một ngôi làng của người họ Thích.*

Xá-lợi-phất đáp:

–Chúng tôi bị Như Lai đuổi, đang đi tìm chỗ an nghỉ.

Những người họ Thích bạch Xá-lợi-phất:

–Thưa các Hiền giả, các ngài hãy chờ đây một lát. Chúng tôi sẽ đến sám hối với Như Lai.

Rồi những người họ Thích đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi bạch Phật rằng:

–Cúi xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm cho các Tỳ-kheo ở xa đến. Cúi xin Thế Tôn tùy thời thích hợp răn dạy những vị mới học đạo trong số các Tỳ-kheo từ xa đến ấy. Những người mới vào trong Chánh pháp chưa được nhìn thấy Tôn nhan dễ sinh tâm biến đổi thoái thất. Giống như chồi non mà không được tưới nhuần thì không thể phát triển. Các Tỳ-kheo này cũng vậy. Họ chưa được nhìn thấy Như Lai mà phải bỏ đi, e rằng tâm sẽ bị biến đổi thoái thất.

Khi ấy Phạm Thiên vương biết được những điều suy nghĩ trong tâm của Như Lai, trong khoảng khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi Phạm thiên, hiện đến chỗ Như Lai, cúi lạy dưới chân rồi đứng sang một bên. Bấy giờ Phạm Thiên vương bạch Phật rằng:

–Cúi xin Thế Tôn tha thứ những lỗi lầm mà các Tỳ-kheo xa đến đã gây ra, tùy thời thích hợp mà răn dạy. Trong số đó hoặc có vị chưa đạt đến cứu cánh, sẽ sinh tâm biến đổi thoái thất. Những ai chưa được nhìn thấy dung mạo của Như Lai, tâm ý bị biến đổi, họ sẽ quay trở về nghiệp cũ. Cũng như con nghé mới sinh mà mất mẹ, nó buồn rầu, bỏ ăn. Ở đây cũng vậy, nếu Tỳ-kheo mới học mà không được nhìn thấy Như Lai, chắc sẽ rời bỏ chánh pháp này.

Bấy giờ Thế Tôn nhận lời can gián của những người họ Thích và thí dụ nghé con của Phạm Thiên vương. Rồi Thế Tôn quay liếc nhìn A-nan, A-nan nghĩ rằng: “Như Lai đã chấp nhận lời can gián của mọi người và của Phạm Thiên vương.” A-nan bèn vội đi đến chỗ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mà nói như vầy: “Như Lai muốn gặp chúng Tăng. Trời và người thảy đều bày tỏ nghĩa lý này.”

Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy hãy thâu thập y, bát. Chúng ta cùng đi đến chỗ Thế Tôn. Bởi vì Như Lai đã chấp nhận cho chúng ta sám hối.

Rồi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

–Ta vừa rồi đuổi Tăng Tỳ-kheo đi. Ý ông nghĩ sao?

Xá-lợi-phất đáp:

–Vừa rồi Như Lai đuổi chúng Tăng đi, con suy nghĩ như vầy: "Như Lai ưa sống nơi chỗ nhàn tĩnh, một mình, vô vi, không ưa chỗ ồn ào. Do đó mà đuổi chúng Tăng đi vậy."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Sau đó ông suy nghĩ gì? Khi ấy Thánh chúng sẽ do ai dắt dẫn?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, khi ấy con lại suy nghĩ: "Ta cũng nên sống một mình nơi chỗ nhàn tĩnh, không ở giữa chốn ồn ào."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Chớ nói như vậy. Chớ có ý nghĩ như vậy, rằng: "Ta cũng nên sống một mình nơi chỗ nhàn tĩnh." Như nay, người dắt dẫn chúng Tăng há không phải là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên chăng?

Thế Tôn lại hỏi Đại Mục-kiền-liên:

–Khi Ta đuổi chúng Tăng đi, ông suy nghĩ gì?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Khi Như Lai đuổi chúng Tăng, con suy nghĩ như vầy: "Như Lai "muốn được sống một mình, vô vi, nên đuổi chúng Tăng đi vậy.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

–Sau đó ông lại có ý nghĩ gì?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Nay Như Lai đuổi chúng Tăng đi, chúng con cần phải nhóm họp trở lại, không để cho tan rã.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

–Lành thay, Mục-liên! Như lời ông nói, dắt dẫn trong chúng chỉ có ta và hai ông. Từ nay về sau, Mục-liên, ông nên dạy dỗ các Tỳ-kheo hậu học khiến cho thường sống nơi chốn an ổn, không để cho nửa chừng bị thoái tâm, đọa lạc sinh tử.

Tỳ-kheo nào thành tựu chín pháp sẽ không thể phát triển lớn lên ngay trong hiện pháp. Những gì là chín? Thân cận tùng sự với ác tri thức; không sự việc mà hằng ưa đi rong; thường xuyên ôm bệnh lâu dài; ham thích cất chứa tài vật, tham đắm y bát; phần nhiều trống rỗng, hư dối; ý loạn không định; không có sự sáng suốt của tuệ; không hiểu rõ nghĩa lý; không tùy thời thích hợp sám hối. Này Mục-kiền-liên, đó là

chín pháp mà Tỳ-kheo nào thành tựu thì trong hiện pháp không thể tăng trưởng lớn mạnh, không được thấm nhuần.

Có chín pháp mà Tỳ-kheo nào thành tựu thì có thể hoàn tất những điều cần làm. Những gì là chín? Tùng sự với Thiện tri thức; tu hành chánh pháp, không dính mắc nghiệp tà; hằng sống nơi chốn đơn độc, không ưa thích chỗ đông người; ít bệnh, không hoạn; không cất chứa các thứ tài bảo, cũng không tham đắm y bát; cần hành tinh tấn; tâm không loạn động; nghe nghĩa lý liền hiểu rõ không cần phải nhắc lại; tùy thời thích hợp nghe pháp mà không biết chán. Này Mục-kiền-liên, đó là chín pháp mà Tỳ-kheo nào thành tựu thì ngay trong hiện pháp được nhiều lợi ích. Cho nên, Mục-kiền-liên, hãy nhớ chuyên cần đi đến dạy dỗ các Tỳ-kheo, khiến họ trong lâu dài đạt đến chỗ vô vi.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

Thường niệm tự giác ngộ
Chớ đắm nhiễm phi pháp
Tu tập phải chánh hành
Vượt được nạn sinh tử.
Làm vậy, mà được vậy
Làm điều này, phước này
Chúng sinh trôi nổi lâu
Đoạn trừ già, bệnh, chết;
Không tập điều cần là
Rồi lại hành phi pháp
Người buông lung như vậy
Tác thành hành hữu lậu.
Nếu có tâm tinh cần
Hằng ở tại đầu tâm
Lần lượt dạy bảo nhau
Sẽ thành bậc Vô lậu.

Cho nên, này Mục-kiền-liên, hãy cùng răn dạy các Tỳ-kheo như vậy; hãy nhớ nghĩ học như vậy.

Rồi Thế Tôn nói pháp cực kỳ vi diệu cho các Tỳ-kheo, khiến họ phát tâm hoan hỷ.

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe pháp này, trong chúng đó có hơn sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận, tâm giải thoát.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo sống nương tựa thôn xóm mà pháp thiện tiêu diệt, pháp ác cứ tăng trưởng; Tỳ-kheo ấy nên học như vầy: "Ta nay sống nơi thôn xóm mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện giảm dần, niệm không chuyên nhất, không thể dứt sạch các lậu, không đạt đến nơi chốn vô vi an ổn. Những gì mà ta có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thảy đều khó nhọc mới thu hoạch được." Rồi Tỳ-kheo ấy nên học như vầy: "Ta nay sống trong thôn xóm này, mà pháp ác cứ tăng, pháp thiện thì tiêu diệt. Ta cũng không phải vì áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh mà làm Sa-môn. Điều mà ta mong cầu ước nguyện nay vẫn chưa có kết quả." Tỳ-kheo ấy nên rời bỏ thôn xóm ấy mà đi.

Lại nữa, hoặc có Tỳ-kheo sống nương nơi thôn xóm, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thảy đều khó nhọc mới có, Tỳ-kheo ấy nên học như vầy: "Ta nay nương nơi thôn xóm này mà sống, thiện pháp tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt. Những gì có được, như áo, chăn, đồ ăn, thức uống, giường chõng, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, thảy đều khó nhọc mới có. Nhưng ta không vì áo chăn mà xuất gia học đạo, tu tập phạm hạnh. Điều mà ta mong cầu ước nguyện bởi học đạo ắt sẽ thành tựu. Ta hãy trọn đời thừa sự, cúng dường pháp ấy.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

Áo chăn và ẩm thực
Giường chõng và chỗ nghỉ
Chớ móng tâm tham đắm
Chớ trở lại đời này.
Không phải vì cơm áo
Mà xuất gia học đạo
Người sở dĩ học đạo
Tất đạt thành sở nguyện.
Tỳ-kheo nên thích thời
Suốt đời sống thôn kia

Ở đó Bát-niết-bàn
Dứt sạch gốc rễ mạng.

Ở đây, Tỳ-kheo kia hoặc sống giữa nhân gian, thôn xóm nhàn tĩnh, mà pháp thiện tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, Tỳ-kheo ấy nên suốt đời sống tại thôn xóm đó, không nên rời bỏ đi xa.

Khi ấy, A-nan bạch Thế Tôn rằng:

–Như Lai há không thường nói, bốn đại nương nơi thức ăn mà tồn tại và y nơi pháp được niệm tưởng trong tâm, các pháp thiện y tâm mà sinh. Vả lại, Tỳ-kheo kia y thôn xóm mà sống, với tinh thần khổ nhọc mới tìm cầu được y phục, thức ăn; vị ấy vì sao pháp thiện phát sinh thì sống ở nơi thôn xóm đó, chớ nên bỏ đi xa?

Phật bảo A-nan:

–Áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, đều có ba loại. Nếu Tỳ-kheo chuyên niệm sự cúng dường bốn nhu yếu[5], mà sở cầu không toại; thì sự y tựa ấy là khổ. Nếu phát khởi tâm tri túc, không móng tâm tham đắm, chư Thiên và loài người thảy đều hoan hỷ. Các Tỳ-kheo hãy học điều này. Ta vì lý do đó mà nói ý nghĩa này.

Cho nên, này A-nan, Tỳ-kheo hãy chuyên niệm thiểu dục, tri túc.

Như vậy, A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Bà-la[6].

Bấy giờ, đến giờ, Đức Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thôn Bà-la khất thực. Khi ấy ác ma Ba-tuần suy nghĩ như vầy: "Nay Sa-môn này muốn vào thôn khất thực. Ta hãy tìm cách khiến đàn ông, đàn bà không bố thí cho." Rồi ác ma Ba-tuần bảo nhân dân khắp trong nước chớ bố thí đồ ăn cho Sa-môn Cù-đàm.

Khi Thế Tôn vào thôn khất thực, mọi người đều không nói năng gì với Như Lai, cũng không thừa sự cúng dường. Như Lai khất thực xong mà không nhận được gì, bèn trở ra khỏi thôn. Lúc bấy giờ ác ma Ba-tuần đến chỗ Như Lai, hỏi Phật:

---

5. Tứ sự 四事, cũng gọi là tứ duyên, hoặc tứ y: Y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược.

6. Bà-la viên 婆羅園. Xem kinh số 1, phẩm 23 Địa Chủ.

–Sa-môn, khất thực xong, có được gì không?

Thế Tôn đáp:

–Do hành vi của ma mà ta không nhận được thức ăn. Rồi không bao lâu ngươi cũng sẽ nhận lãnh quả báo này. Này ma, nay hãy nghe Ta nói.

Trong Hiền kiếp, có Phật hiệu là Câu-lâu-tôn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật Chúng Hựu, xuất hiện ở đời.[7] Lúc bấy giờ Đức Phật ấy cũng nương nơi thôn xóm này mà trú ngụ, dẫn theo đồ chúng bốn mươi vạn người. Bấy giờ ác ma Ba-tuần suy nghĩ như vầy: "Ta nay hãy khuyến cáo mọi người trong thôn Bà-la đừng cho Sa-môn này đồ ăn. Khi các Thánh chúng khoác y, cầm bát vào thôn khất thực, nhưng các Tỳ-kheo cuối cũng không nhận được gì, bèn trở ra khỏi thôn.

Lúc bấy giờ, Đức Phật kia nói với các Tỳ-kheo pháp vi diệu này: "Phàm có chín điều để quán sát thức ăn. Bốn loại thức ăn của nhân gian và năm loại thức ăn xuất thế gian. Bốn loại thức ăn của nhân gian là gì? Một là đoàn thức; hai là xúc thực; ba là niệm thực; bốn là thức thực. Đó là bốn loại thức ăn của thế gian. Năm loại thức ăn xuất thế gian là gì?

1. Thức ăn bởi thiền.

2. Thức ăn bởi nguyện.

3. Thức ăn bởi niệm.

4. Thức ăn bởi tám giải thoát.

5. Thức ăn bởi hỷ.

Đó là năm loại thức ăn biểu hiện cho thức ăn xuất thế gian. Các ông hãy chuyên niệm xả bỏ bốn loại thức ăn, tìm cầu phương tiện có được năm loại thức ăn. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này." Các Tỳ-kheo lúc bấy giờ thọ nhận lời dạy của Đức Phật kia, tự mình khắc kỹ để hoàn thành có năm loại thức ăn. Vì vậy, ma Ba-tuần không thừa cơ hội được. Ba-tuần bèn nghĩ: "Ta nay đã không lung lạc được Sa-môn này. Ta hãy tìm cơ hội nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ta hãy khuyến khích mọi người trong thôn khiến cho chúng Sa-môn nhận được các thứ lợi lộc trước đó chưa hề được; các lợi lộc đã được càng tăng thêm, cho đến mức khiến lòng tham lợi dưỡng của các Tỳ-kheo kia không thể xả bỏ trong chốc lát. Rồi ta sẽ thừa cơ hội từ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, được chăng?"

---

[7] *Cf. Pāli, M. 50 Māratajjanīyasuttaṃ (R.i. 333). Hán, Trung 30, kinh 131 Hàng Ma (tr. 620c07).*

Bấy giờ, các Thanh văn của Đức Phật kia, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thôn khất thực. Khi ấy nhân dân trong thôn Bà-la[8] kia cung cấp Tỳ-kheo các thứ áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men, không để cho thiếu thốn. Mọi người đến trước, nắm y Tăng-già-lê, ép phải nhận các vật bố thí.

Đức Phật kia lúc bấy giờ nói pháp này cho chúng Thanh văn: "Phàm lợi dưỡng khiến người rơi xuống nẻo xấu, không khiến cho đạt đến chỗ an ổn vô vi. Tỳ-kheo các ông chớ móng khởi ý tưởng tham đắm. Hãy chuyên niệm xả ly các thứ lợi dưỡng. Nếu Tỳ-kheo tham đắm lợi dưỡng sẽ không thể thành tựu năm phần Pháp thân, không đầy đủ giới đức. Cho nên, này Tỳ-kheo, tâm lợi dưỡng chưa sinh thì khiến cho đừng sinh. Tâm lợi dưỡng đã sinh thì hãy nhanh chóng trừ diệt. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này."

Lúc bấy giờ ma Ba-tuần bèn ẩn hình mà đi mất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Hãy hành tâm Từ; trải rộng tâm Từ. Do hành tâm Từ, những gì là tâm sân hận thù nghịch tự chúng sẽ tiêu trừ. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, xưa có mọt con quỷ cực kỳ xấu xa hung bạo. Nó đến ngồi trên tòa của Thích Đề-hoàn Nhân. Lúc bấy giờ các trời Tam thập tam vô cùng tức giận, rằng: "Con quỷ này sao dám đến ngồi trên chỗ ngồi của Chúa chúng ta?" Khi chư Thiên vừa khởi tâm sân hận, con quỷ kia liền trở thành có dung mạo đẹp đẽ dị thường. Lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân cùng với các ngọc nữ đang vui đùa tại giảng đường Phổ tập. Bấy giờ có một Thiên tử đi đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân, tâu với Đế Thích rằng: "Cù-dực nên biết, nay có một con quỷ đang ngồi trên tôn tòa. Chư Thiên Tam thập tam thảy đều tức giận. Khi chư Thiên vừa khởi tâm sân hận, con quỷ ấy bỗng trở nên có dung mạo đẹp đẽ khác thường." Thích Đề-hoàn Nhân liền nghĩ: "Con quỷ này tất phải là quỷ thần diệu." Rồi Thích Đề-

[8] *Để bản: Bà-la-môn thôn 婆羅門村. TNM, và các đoạn trên: Bà-la thôn.*

hoàn Nhân đi đến chỗ con quỷ kia, cách nhau không xa, cùng xưng tên họ: "Ta là Thích Đề-hoàn Nhân, chúa của chư Thiên." Khi Thích Đề-hoàn Nhân tự xưng danh tánh, con quỷ kia liền trở thành có dung mạo xấu xí, dễ ghét. Con quỷ đó tức thì biến mất. Tỳ-kheo, do phương tiện này mà biết, ai hành Từ tâm không rời, thì đức của người ấy là như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo, ngày xưa Ta trong bảy năm hằng tu Từ tâm, trải qua bảy kiếp thành, kiếp hoại không qua lại sinh tử. Khi kiếp sắp hoại, sinh lên trời Quang âm. Khi kiếp sắp thành, sinh lên trời Vô tưởng. Hoặc làm Phạm thiên thống lãnh chư Thiên, thống lãnh mười ngàn thế giới. Lại có khi ba mươi bảy lần làm Thích Đề-hoàn Nhân. Lại vô số lần làm Chuyển luân thánh vương. Do phương tiện này mà biết rằng, ai hành Từ tâm, đức của người ấy là như vậy.

Lại nữa, ai hành Từ tâm, khi thân hoại mạng chung, sinh lên cõi trời, rời xa ba ác đạo, tránh khỏi tám nạn.

Lại nữa, ai hành Từ tâm thì sinh vào nước trung chánh.

Lại nữa, ai hành Từ tâm, có dung mạo xinh đẹp, các căn không khuyết, hình thể toàn vẹn.

Lại nữa, ai hành Từ tâm, tự thân được thấy Như Lai, thừa sự chư Phật, không thích sống tại gia, muốn được xuất gia học đạo, khoác ba pháp y, cạo bỏ râu tóc, tu hành pháp Sa-môn, tu Phạm hạnh vô thượng.

Tỳ-kheo nên biết, cũng như kim cang mà người lấy ăn, trọn không bao giờ tiêu hóa mà phải xổ ra. Người hành Từ tâm cũng vậy. Nếu Như Lai xuất thế, người đó sẽ hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng. cho đến, biết như thật rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không cần còn tái sinh đời sau."

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

–Thế Tôn, giả sử khi Như Lai không xuất thế, mà thiện nam kia không thích sống tại gia, sẽ phải quy hướng về đâu?

Phật bảo A-nan:

–Nếu khi Như Lai không xuất thế, mà thiện nam kia không thích sống tại gia, tự mình cạo bỏ râu tóc, sống chỗ nhàn tĩnh, tự khắc kỷ tu tập, tức ngay ở nơi đó mà các lậu diệt tận, thành vô lậu hành.

A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn, người tự mình tu Phạm hạnh, hành theo ba thừa kia sẽ quy hướng về đâu?

Phật bảo A-nan:

–Như điều ông nói, Ta thường thuyết hành của ba thừa. Chư Phật trong ba đời, quá khứ và vị lai, cũng thuyết hành của ba thừa.

A-nan nên biết, có một thời, các loài chúng sinh có dung mạo và thọ mạng càng lúc càng giảm thiểu, thân hình gầy yếu, không có uy thần, nhiều sân, nộ, tật đố, nhuế, si, gian ngụy, huyễn hoặc, sở hành không chân chánh. Hoặc có chúng sinh có các căn linh lợi, nhanh nhẹn, chúng tranh giành lẫn nhau, đấu tranh kiện tụng nhau. Hoặc chúng năm tay, hoặc lấy ngói, đá, dao, gậy, tàn hại nhau. Các loài chúng sinh vào lúc bấy giờ khi cầm đến cọng cỏ, cỏ liền biến thành đao kiếm, cắt đứt mạng căn kẻ khác. Trong số đó, chúng sinh nào hành Từ tâm, không có sân nộ, thấy sự biến quái này, trong lòng kinh sợ, thảy cùng nhau bỏ chạy, tránh xa chốn hung ác này. Trong chốn núi non, chúng tự nhiên cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, tự mình khắc kỷ tu tập, tâm được giải thoát khỏi các lậu mà nhập cảnh giới vô lậu. Mỗi mỗi nói với nhau rằng: "Chúng ta đã thắng kẻ thù." A-nan nên biết, những người đó được nói là tối thắng.

A-nan bạch Phật:

–Những vị ấy thuộc vào bộ nào, Thanh văn bộ, Bích-chi-phật bộ hay Phật bộ?

Phật bảo A-nan:

–Những vị ấy cần được nói là thuộc Bích-chi bộ. Vì sao? Những người ấy đều do tạo các công đức, hành các gốc rễ thiện, tu thanh tịnh bốn Đế, phân biệt các pháp. Phàm hành pháp thiện ở đây là hành Từ tâm vậy. Vì sao? Bước đi nhân ái, hành Từ tâm, đức ấy rộng lớn. Ngày xưa Ta khoác khối giáp nhân từ này mà hàng phục ma và quan thuộc của nó, ngồi dưới gốc thọ vương, thành đạo Vô thượng. Do phương tiện này mà biết Từ là tối đệ nhất; từ là pháp tối thắng. A-nan, nên biết, do đó mà nói ai tối thắng hành Từ tâm, đức của người ấy là như vậy, không thể ước tính. Vậy hãy nên tầm cầu phương tiện hành từ tâm. Như vậy, A-nan, hãy học điều này.

Bấy giờ A nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6[9]

Nghe như vầy:

---

[9] *Tham chiếu Pāli, M. 151 Piṇḍapātapārisuddhisuttaṃ (R. iii. 293). Hán, No 99(236).*

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, vào lúc sáng sớm, rời tĩnh thất, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Ông hôm nay có các căn thanh tịnh, nhan sắc khác người. Ông đang an trú trong Tam-muội nào?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn, con hằng an trú Không Tam-muội.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Lành thay, lành thay, như Xá-lợi-phất mới có thể an trú nơi Không Tam-muội. Vì sao? Trong các Tam-muội, Không[10] Tam-muội là tối thượng đệ nhất. Tỳ-kheo an trú Không Tam-muội không chấp trước ngã, nhân, thọ mạng, cũng không thấy có chúng sinh, cũng không thấy có bản mạt của các hành. Do không thấy có, nên không tạo gốc rễ của hành. Do không có hành nên không còn tái sinh đời sau. Do không còn tái sinh đời sau nên không còn thọ nhận quả báo khổ lạc. Xá-lợi-phất nên biết, ngày xưa khi Ta chưa hành đạo, ngồi dưới gốc thọ vương, suy nghĩ như vầy: Các loài chúng sinh này do không nắm bắt được pháp gì mà phải trôi lăn trong sinh tử, không được giải thoát? Khi ấy, Ta lại nghĩ, vì không có Không Tam-muội nên phải trôi nổi sinh tử, không được giải thoát. Có Không Tam-muội này, nhưng chúng sinh chưa đạt được, khiến chúng sinh khởi tưởng niệm đắm trước. Do khởi tưởng thế gian nên thọ nhận phần sinh tử. Nếu đạt được Không Tam-muội này, không có gì là sở nguyện, do đó đạt được Vô nguyện Tam-muội. Do đạt được Vô nguyện Tam-muội, không mong cầu chết nơi này sinh về nơi kia; hoàn toàn không có tưởng niệm. Bấy giờ hành giả ấy lại đạt được và an trú trong Vô tướng Tam-muội.

Các loài chúng sinh này do không đạt được ba Tam-muội này nên trôi nổi sinh tử.

Sau khi quán sát các pháp, liền đắc Không Tam-muội. Sau khi đắc Không Tam-muội, liền thành A-nậu-đa-la tam-miệu Tam-bồ-đề. ta lúc bấy giờ do đạt được Không Tam-muội, bảy ngày bảy đêm quán sát cây Đạo thọ, mắt không hề nháy.

Xá-lợi-phất, do phương tiện này mà biết rằng Không Tam-muội là tối đệ nhất trong các Tam-muội. Vua trong các Tam-muội là Không Tam-muội vậy. Cho nên, Xá-lợi-phất, hãy tìm cầu phương tiện hoàn thành

---

[10] *Để bản chép nhầm là hư không 虛空.*

Không Tam-muội. Như vậy, Xá-lợi-phất, hãy học điều này.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7

Nghe như vầy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà Trúc viên, thành La-duyệt, cùng với chúng đại Tỳ-kheo hai ngàn năm trăm vị.

Lúc bấy giờ trong thành La-duyệt có một trưởng giả tên là Thi-lợi-quật, có nhiều của cải, nhiều bảo vật, vàng, bạc, châu báu, xa cừ, mã não, không sao kể xiết. Nhưng ông lơ là Phật pháp, chỉ phụng sự ngoại đạo là Ni-kiền Tử. Quốc vương, đại thần, thảy đều quen biết ông.

Lúc bấy giờ, các hàng tại gia và xuất gia của ngoại đạo Phạm chí và Ni-kiền Tử, tự nói lời phỉ báng rằng, có ngã và chấp có thân của ngã. Chúng cùng với các nhóm sáu Tôn sư ngoại đạo tập họp tại một nơi, bàn luận như vầy:

–Nay Sa-môn Cù-đàm không việc gì mà không biết. Ông ấy có Nhất thiết trí. Song, chúng ta không được lợi dưỡng, mà Sa-môn ấy lại có nhiều lợi dưỡng. Phải tìm phương tiện khiến cho ông ấy không được lợi dưỡng. Chúng ta hãy đến nhà Thi-lợi-quật, yêu cầu trưởng giả ấy bày kế sách.

Rồi ngoại đạo Phạm chí, Ni-kiền Tử, cùng với sáu Tôn sư, đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, nói với trưởng giả này rằng:

–Đại gia nên biết, ông là người được sinh bởi Phạm thiên, là con của Phạm thiên, có được lợi ích. Nay ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, vì thương tưởng chúng tôi, thỉnh Sa-môn cùng chúng Tỳ-kheo về nhà để tế tự. Lại sai làm một hầm lửa lớn ở trong nhà, đốt ngọn lửa cực kỳ rực rỡ. Trong các thức ăn đều bỏ thuốc độc rồi mời đến ăn. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, biết rõ sự việc trong ba đời, sẽ không nhận lời mời. Nếu không có Nhất thiết trí, tất sẽ nhận lời mời, dẫn đệ tử đến đây, để tất cả đều bị đốt cháy. Trời, người sẽ được yên ổn, không có tại hại.

Thi-lợi-quật-đa im lặng nhận lời của sáu Tôn sư. Ông ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, mà trong lòng chứa chất độc hại, bạch Như Lai rằng:

–Cúi xin Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng nhận lời mời của tôi.

Thế Tôn biết rõ những điều suy nghĩ trong tâm ông, im lặng nhận lời.

Thi-lợi-quật-đa thấy Như Lai im lặng nhận lời mời liền đứng dậy, đầu mặt lễ chân Phật, rồi thoái lui mà đi. Giữa đương, ông nghĩ như vầy: "Nay điều mà sáu Tôn sư của ta nói rất là chính xác. Nhưng Sa-môn không biết những điều suy nghĩ trong tâm ta. Họ sẽ bị lửa lớn đốt cháy."

Rồi Thi-lợi-quật-đa trở về nhà, sai làm một hầm lửa lớn, đốt ngọn lửa lớn hừng hực. Lại sai làm các món ăn đủ loại, tất cả đều bỏ thuốc độc. Ở bên ngoài cửa lại làm một hầm lửa lớn, với ngọn lửa lớn hừng hực. Bên trên ngọn lửa đặt các giường ngồi, cũng bôi các thứ kịch độc. Lúc giữa bữa, sai người đi báo giờ ăn đã đến.

Bấy giờ Thế Tôn biết giờ ăn đã đến, bèn khoác y, cầm bát, dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đi đến nhà ấy. Ngài lại lệnh các Tỳ-kheo Tăng không ai được đi trước Ngài, không được ngồi trước Ngài, cũng không được ăn cái gì trước Ngài. Trong lúc đó, các nhóm nhân dân trong thành La-duyệt nghe nói Thi-lợi-quật-đa cho đào làm hầm lửa, lại làm thức ăn độc mà thỉnh Phật và chúng Tăng; bốn bộ chúng thảy đều than khóc: "Như Lai và Tỳ-kheo Tăng tất bị hại chăng?"

Có người đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, bạch Phật rằng:

–Cúi xin Thế Tôn chớ đến nhà trưởng giả đó. Ông ấy làm hầm lửa lớn, lại làm các thức ăn độc.

Phật nói:

–Mọi người chớ ôm lòng sợ hãi. Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Giả sử ngọn lửa trong Diêm-phù-đề cao đến Phạm thiên cũng không thể đốt cháy Ta được; huống gì ngọn lửa nhỏ ấy mà hại được Như Lai. Không bao giờ có trường hợp ấy. Các Ưu-bà-tắc nên biết, Ta không còn có tâm gây hại.

Bấy giờ Thế Tôn với các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi vào thành la-duyệt, đến nhà trưởng giả. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông chớ đi vào nhà trưởng giả trước, cũng chớ có ăn trước. Đợi Như Lai rồi mới ăn.

Khi Thế Tôn vừa cất chân lên trên ngưỡng cửa, hầm lửa tự nhiên hóa thành ao tắm cực kỳ mát mẻ, trong đó đầy các loại hoa; cũng có mọc hoa sen lớn như bánh xe, cọng bằng bảy báu; và cũng mọc các loại sen khác, trong đó ong mật bay nhởn nhơ.

Trong lúc đó, Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm Thiên vương và Tứ Thiên vương, cùng với Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, các Dạ-xoa, Quỷ thần các loại, thấy trong hầm lửa mọc lên hoa sen này, ai nấy đều chúc mừng chuyện lạ, khác giọng, cùng lời, thảy đều nói: "Thế mới biết Như Lai là đệ nhất trong

các bậc đã Chiến thắng".

Lúc bấy giờ trong nhà trưởng giả có đủ các ngoại đạo dị học cùng tụ tập về đó. Khi ấy, các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai, hoan hỷ phấn chấn không dừng được. Các ngoại đạo dị học sau khi thấy sự biến hóa của Như Lai thì trong lòng ưu sầu. Trong hư không, chư Thiên tôn thần rải xuống đủ các loại danh hoa lên trên thân Như Lai. Thế Tôn lúc ấy bước trên không mà đi, cách mặt đất bốn tấc. Chỗ nào Như Lai cất chân, chỗ đó mọc lên đóa hoa sen lớn như bánh xe. Rồi Thế Tôn quay về bên phải, bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy đạp lên hoa sen mà đi.

Khi ấy các Thanh văn đều bước trên hoa sen mà đến nhà trưởng giả.

Rồi Thế Tôn nói thí dụ bằng câu chuyện cổ tích:

–Nếu Ta, từ quá khứ cho đến nay, đã cúng dường hằng sa chư Phật, thừa sự, lễ kính, chưa hề làm sai Thánh ý; nay mang những điều này ra mà thệ nguyện, khiến cho các chỗ ngồi đều được vững vàng.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta cho phép các Tỳ-kheo trước hết lấy tay đặt lên chỗ ngồi, rồi sau đó mới ngồi. Đây là giáo sắc của Ta.

Khi Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng đã ngồi lên chỗ ngồi, thì dưới chỗ ngồi ấy thảy đều mọc lên hoa sen thơm lừng.

Thi-lợi-quật-đa thấy sự biến hóa của Như Lai như vậy, trong lòng suy nghĩ: "Ta bị ngoại đạo dị học dối gạt, làm ta mất đi cái hành trong loài người, vĩnh viễn mất con đường sinh thiên." Trong lòng rất phẫn nộ, như uống phải chất độc: "Ta chắc sẽ đọa trong ba ác đạo. Quả thật, Như Lai xuất thế, rất khó gặp." Hiểu biết điều này rồi, ông liền rơi lệ, cúi đầu lạy dưới chân Phật, bạch rằng:

–Cúi mong Như Lai nghe con sám hối lỗi lầm. Con sẽ sửa đổi việc làm quá khứ, tu tập tương lai. Tự biết mình có tội đã xúc nhiễu Như Lai. Cúi nguyện Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con. Từ nay không còn tái phạm nữa.

Phật bảo ông trưởng giả:

–Sửa đổi lỗi lầm, dẹp bỏ tâm ý trước kia, mới có thể tự biết đã xúc phạm Như Lai. Trong pháp của Hiền thánh, thật là rộng rãi. Ta nghe cho ông sửa lỗi, tùy pháp mà xả bỏ. Ta nay nhận sự hối lỗi của ông. Về sau chớ tái phạm.

Nói như vậy ba lần.

Lúc bấy giờ vua A-xà-thế nghe trưởng giả Thi-lợi-quật-đa đặt bày hầm lửa và pha thức ăn độc để hại Như Lai, bèn nổi cơn thịnh nộ, bảo các quần thần:

–Cần phải tiêu diệt hết những người trên Diêm-phù-lợi-địa có cùng tên Thi-lợi-quật-đa này!

Rồi vua A-xà-thế lại nhớ đến công đức của Như Lai, buồn khóc rơi lệ, cởi mũ Thiên quán xuống, nói với quần thần:

–Tay nay sống mà làm gì, nếu như Như Lai bị lửa đốt cháy và chúng Tăng cũng đều bị đốt cháy. Các ngươi hãy đến nhà trưởng giả mà trông chừng Như Lai.

Khi ấy Kỳ-bà-già vương tử tâu vua A-xà-thế:

–Đại vương, chớ có lo rầu, cũng đừng khởi lên ý tưởng ác. Vì sao? Như Lai không bao giờ bị kẻ khác hại. Hôm nay Thi-lợi-quật-đa sẽ làm đệ tử của Như Lai. Ngưỡng mong đại vương hãy đến xem sự biến hóa.

Bấy giờ A-xà-thế theo lời khuyến dụ của Kỳ-bà-già, bèn cỡi con voi lớn Tuyết sơn, đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật-đa. Vua xuống voi, đi vào nhà Thi-lợi-quật-đa. Lúc ấy đám đông đang tụ tập ngoài cửa, có đến tám vạn bốn ngàn người. Khi A-xà-thế trông thấy hoa sen lớn như bánh xe, hoan hỷ phấn khởi không dừng được, bèn nói lên rằng:

–Cầu cho Như Lai hằng thắng các chúng ma.

Rồi vua bảo Kỳ-bà-già vương tử:

–Lành thay, Kỳ-bà-già, ông mới tin có sự việc như vậy nơi Như Lai!

Bấy giờ vua A-xà-thế đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy A-xà-thế thấy từ miệng Như Lai phóng ra ánh sáng và cũng nhìn thấy nhan sắc lạ thường của Như Lai, trong lòng hết sức hoan hỷ không dừng được.

Lúc bấy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa bạch Thế Tôn:

–Những thức ăn mà con dọn ra đều có độc. Cúi mong Thế Tôn đợi giây lát, con sẽ cho dọn thức ăn khác. Sở dĩ như vậy, để không khiến thân thể của Như Lai có tăng tổn.

Phật bảo trưởng giả:

–Như Lai cùng các đệ tử không bao giờ bị kẻ khác làm hại. Nhưng thức ăn mà trưởng giả đã dọn lên, hãy tùy thời thích hợp mà dâng cúng.

Khi ấy trưởng giả tự tay san sớt, bưng lên các món thức ăn.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Chí thành Phật, Pháp, Tăng

Giải độc không còn gì
Chư Phật không có độc
Chí thành Phật, giải độc.
Chí thành Phật, Pháp, Tăng
Giải độc không còn gì
Chư Phật không có độc
Chí thành Pháp, giải độc.
Chí thành Phật, Pháp, Tăng
Giải độc không còn gì
Chư Phật không có độc
Chí thành Tăng, giải độc.
Độc tham dục, sân nhuế
Thế gian có ba độc
Như Lai hằng không độc
Chí thành Phật, giải độc.
Độc tham dục, sân nhuế
Thế gian có ba độc
Pháp Như Lai không độc
Chí thành Pháp, giải độc.
Độc tham dục, sân nhuế
Thế gian có ba độc
Tăng Như Lai không độc
Chí thành Tăng, giải độc.

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này bèn ăn thức ăn có pha chất độc. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông chớ có ăn trước. Hãy đợi Như Lai ăn đã, sau đó mới ăn.

Bấy giờ trưởng giả tự tay san sớt, bưng dọc đủ các món thức ăn cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Khi trưởng giả Thi-lợi-quật-đa thấy Như Lai đã ăn xong, cất dẹp bát, ông lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Thế Tôn bèn thuyết vi diệu pháp cho trưởng giả và đám đông tám vạn bốn ngàn người. Ngài thuyết các đề tài về thí, về giới, về sinh thiên, dục là bất tịnh, dâm dật là tai họa lớn, xuất yếu là lạc. Như Lai xem xét thấy tâm ý của trưởng giả cùng tám vạn bốn ngàn người đã khai tỏ, không còn bụi bẩn, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Ngài thuyết cho hết thảy chúng tám vạn bốn ngàn người, phân biệt chi tiết các hành của chúng. Ngay lúc ấy, mọi người từ trên chỗ ngồi mà sạch các bụi bẩn, được pháp nhãn thanh tịnh, cũng như tấm vải mới dễ nhuộm màu sắc, mọi người lúc bấy giờ cũng như vậy, mỗi người đều ngay trên chỗ ngồi mà thấy được

dấu tích của Đạo, thấy pháp, đắc pháp, phân biệt các pháp, vượt qua nghi hoặc, được Vô sở úy, không thờ ai khác làm thầy, tự quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ năm giới.

Lúc bấy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa tự biết đã thấy được dấu tích của đạo, bèn đến trước Phật bạch rằng:

–Cúng thí chất độc cho Như Lai mà lại được quả báo lớn; cúng thí cam lộ cho các ngoại đạo dị học lại thọ nhận tội. Vì sao? Hôm nay con đem chất độc cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng mà ở ngay trong hiện pháp được chứng nghiệm này. Đã từ lâu con bị ngoại đạo mê hoặc nên mới móng tâm như vậy đối với Như Lai. Những ai phụng sự ngoại đạo dị học đều bị rơi vào biên tế.

Phật bảo Thi-lợi-quật-đa:

–Đúng như điều ông nói, không có gì khác, đều là bị người khác dối gạt.

Trưởng lão Thi-lợi-quật-đa bạch Phật:

–Từ nay về sau, con không còn tin ngoại đạo dị học này nữa. Con cũng không thuận cho bốn bộ chúng tại gia cúng dường.

Phật bảo trưởng giả:

–Chớ nói như vậy. Ông trước kia thường cúng dường các vị ngoại đạo này. Bố thí cho súc sinh còn được phước khó lường, huống gì bố thí cho người. Nếu có ngoại đạo dị học hỏi: "Thi-lợi-quật-đa là đệ tử của ai?" Ông trả lời như thế nào?

Thi-lợi-quật-đa tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay quỳ dài, bạch Thế Tôn:

–Con là đệ tử của Thích-ca Văn, là Đấng Tiên Nhân thứ bảy, dũng mãnh mà giải thoát, nay thọ thân người này.

Thế Tôn nói:

–Lành thay, trưởng giả! Ông đã có thể nói lời tán thán vi diệu ấy.

Rồi Thế Tôn lại nói lần nữa pháp thậm thâm cho trưởng giả, tức thời thuyết bài kệ này:

Tế tự, lửa trên hết
Các thư, tụng hơn hết
Vua tôn quý giữa người
Các dòng, biển là nhất.
Các sao, trăng đứng đầu
Chiếu sáng, mặt trời trước

Bốn bên, trên và dưới
Ở các phương, cảnh vức,
Trời cùng người thế gian
Phật là Bậc tối thượng
Ai muốn cầu phước kia
Nên quy y Tam-phật.*

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này bèn rời chỗ ngồi đứng dậy.

Bấy giờ trưởng giả Thi-lợi-quật-đa và những người đến hội nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 42

Phẩm 46: KẾT CẤM

KINH SỐ 1

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Có mười sự công đức[1] mà Như Lai xuất hiện ở đời thuyết cấm giới cho các Tỳ-kheo.

Những gì là mười? Thừa sự Thánh chúng; hòa hợp thuận thảo; an ổn

---

1. *Thập sự công đức 十事功德; đoạn dưới: Thập pháp công đức 十法功德. Cf. Tứ Phần 1 (570c03), thập cú nghĩa 十句義: 1. Nhiếp thủ đối với Tăng; 2. Khiến cho Tăng hoan hỷ; 3. Khiến cho Tăng an lạc; 4. Khiến cho người chưa tín thì có tín; 5. Người đã có tín khiến tăng tưởng; 6. Để điều phục người chưa được điều phục; 7. Người có tàm quý được an lạc; 8. Đoạn hữu lậu hiện tại; 9. Đoạn hữu lậu đời vị lai; 10. Chánh pháp được cửu trụ. Ngũ Phần (T22n1421, tr.3c1), thập lợi 十利: 1. Tăng hòa hợp; 2. Tăng đoàn kết; 3. Chế ngự người xấu; 4. Để cho người biết hổ thẹn được yên vui; 5. Đoạn hữu lậu đời nay; 6. Diệt hữu lậu đời sau; 7. Khiến người chưa tin có tín tâm; 8. Khiến người có tín tâm được tăng trưởng; 9. Để chánh pháp lâu dài; 10. Phân biệt Tỳ-ni phạm hạnh tồn tại lâu dài.*
Tăng Kỳ (T22n1425,tr.228c24), thập sự lợi ích 十事利益: 1. Nhiếp Tăng; 2. Cực nhiếp Tăng; 3. Để Tăng an lạc; 4. Chiết phục người không biết hổ thẹn; 5. Để người có tàm quý sống yên vui; 6. Người chưa tin được tin; 7. Người đã tin thì tin thêm; 8. Trong đời này được lậu tận; 9. Các lậu đời vị lai không sinh; 10. Để chánh pháp lâu dài.
Căn Bản (T23n1442,tr.629b22), như Pāli. Pāli, Vin. iii. tr.32: saṅghasuṭṭhtāya (vì sự ưu mỹ của Tăng); saṅghaphāsutāya (vì sự an lạc của Tăng); dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggahāya (để chế phục hạng người không biết hổ thẹn); pesalānaṃ bhikhūnaṃ phāsuvihārāya (để các Tỳ-kheo nhu hòa sống an lạc); diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya (để ngăn chặn hữu lậu đời này); sampāratikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya (để đối trị hữu lậu đời sau); appasannānaṃ pasādāya (vì tịnh tín của người chưa có tín); pasannānaṃ bhiyyobhāvāya (vì sự tăng trưởng của người có tín); saddhammaṭṭhitiyā (vì sự trường tồn của chánh pháp); vinayānuggahāya (để nhiếp hộ Tỳ-ni).

Thánh chúng; hàng phục người xấu; khiến các Tỳ-kheo có tàm quý không bị quấy nhiễu; người không tin khiến xác lập tín căn; người đã tin khiến càng tăng ích; ngay trong hiện pháp được dứt sạch các lậu; cũng khiến các thói xấu hữu lậu đời sau được trừ diệt; lại khiến chánh pháp tồn tại thế gian lâu dài, thường niệm tư duy bằng phương tiện nào để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Tỳ-kheo, đó là mười pháp công đức, mang Như Lai xuất hiện ở đời thuyết cấm giới cho Tỳ-kheo. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu cấm giới, chớ để thoái thất.

Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2[2]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Có mười sự, là chỗ cư trú của Thánh[3]. Các Thánh trong ba đời thường cư trú nơi đó. Những gì là mười? Năm sự đã trừ; thành tựu sáu sự; hằng hộ một sự[4]; hộ trì bốn bộ chúng[5]; quán sát các sự yếu kém[6]; bình đẳng thân cận[7]; chánh hướng vô lậu[8]; thân hành khinh an[9]; tâm khéo giải thoát; trí tuệ giải thoát.

Thế nào, Tỳ-kheo, năm sự đã trừ? Ở đây, Tỳ-kheo đã đoạn trừ năm kết[10]. Như vậy, năm sự đã được trừ.

---

2. *Pāli, A.X.19-20 āriyavāsa (R.v. 29)*
3. *Pāli, ibid., dasa ariyāvāsā, mười Thánh cư. Hán, Trường 9 (tr. 57a): Mười Hiền thánh cư 十賢聖居.*
4. *Trường ibid., xả nhất 捨一. Pāli: Ekārakkho hoti: Một thủ hộ.*
5. *Trương ibid., y tứ 依四. Pāli: Caturāpasseno hoti, bốn y cứ.*
6. *Trường ibid., diệt dị đế 滅異諦. Pāli: Paṇunnapaccekasacco hoti, trừ khử sự thật cá biệt.*
7. *Trường ibid., thắng diệu cầu 勝妙求.*
8. *Trường ibid., vô trược tưởng 無濁想. Pāli: Anāvilasaṅkappo hoti, không tư duy vẩn đục.*
9. *Nguyên Hán: Y ỷ thân hành 依倚身行. Pāli: Pasaddhakāyasaṅkhāro. Trường, ibid., thân hành dĩ lập 身行已立.*
10. *Ngũ kết 五結. Pāli: Năm triền cái.*

Thế nào Tỳ-kheo thành tựu sáu sự? Ở đây, Tỳ-kheo vâng hành sáu pháp tôn trọng[11]. Như vậy, Tỳ-kheo thành tựu sáu sự.

Thế nào Tỳ-kheo hằng hộ một sự? Ở đây, Tỳ-kheo hằng thủ hộ tâm đối với hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, cho đến cửa Niết-bàn[12]. Như vậy, Tỳ-kheo hằng hộ một sự.

Thế nào Tỳ-kheo thủ hộ bốn bộ chúng? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu bốn Thần túc[13]. Như vậy mà thủ hộ bốn bộ chúng.

Thế nào Tỳ-kheo quán sát sự yếu kém? Ở đây, Tỳ-kheo đã tận trừ các hành sinh tử[14].

Như vậy, Tỳ-kheo quán sát sự yếu kém.[15]

Thế nào Tỳ-kheo bình đẳng thân cận? Ở đây, Tỳ-kheo đã đoan tận ba kết[16]. Đó là Tỳ-kheo bình đẳng thân cận.

Thế nào Tỳ-kheo chánh hướng vô lậu? Ở đây, Tỳ-kheo trừ khử kiêu mạn[17]. Như vậy, Tỳ-kheo chánh hướng vô lậu.

Thế nào Tỳ-kheo thân hành khinh an? Ở đây, Tỳ-kheo đã diệt tận vô minh[18]. Như vậy, Tỳ-kheo thân hành khinh an.

Thế nào Tỳ-kheo tâm hoàn toàn được giải thoát? Ở đây, Tỳ-kheo đã đoạn tận ái. Như vậy, Tỳ-kheo tâm hoàn toàn giải thoát.

Thế nào Tỳ-kheo trí tuệ giải thoát? Ở đây, Tỳ-kheo quán Khổ, Tập, Tận, Đạo, như thật biết rõ. Như vậy, Tỳ-kheo trí tuệ giải thoát.

Đó là, Tỳ-kheo, mười sự là chốn cư trú của Hiền thánh. Các Hiền thánh xưa đã cư trú nơi trú xứ này, đã cư trú và đang cư trú. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm trừ năm sự, thành tựu sáu pháp, thủ hộ một pháp, hộ trì bốn bộ chúng, quán sát yếu kém, bình đẳng thân cận, chánh hướng vô lậu, thân hành khinh an, tâm được giải thoát, trí tuệ giải thoát.

---

[11] Hán: Thừa lục trọng chi pháp 承六重之法. Xem phẩm 37, sáu trọng pháp. Pāli, chaḷaṅga-samannāgato, thành tựu sáu chi: Thấy sắc, nghe tiếng, v.v., ý thức pháp, mà không hỷ, không ưu, an trú xả (neva sumano hoti na dummano, upekkhako viharati).

[12] Pāli: Một thủ hộ: Với tâm được thủ hộ bởi chánh niệm (ekārakkho hoti… satārakkhena cetasā samannāgato hoti).

[13] Pāli: Thân cận (paṭisevati), kham nhẫn (adhivāseti), xả ly (parivajjeti), trừ khử (vinodeti).

[14] Pāli: Gác qua một bên các sự thật chủ quan: Thế gới thường hay vô thường…

[15] Để bản chép sót một đoạn.

[16] Pāli: Samavayasaṭṭhesano hoti, diệt trừ ba tầm cầu: Dục tầm cầu (kāmesanā), hữu tầm cầu (bhavesanā), Phạm hạnh tầm cầu (brahmacariyesanā).

[17] Ba tư duy vẩn đục: Dục (kāma), sân (byāpāda), hại (vihiṃsā).

[18] Pāli: Chứng nhập và an trú thiền thứ tư, xả niệm thanh tịnh (upekkhāsatipārisuddhiṃ catutthaṃ jhānaṃ upasampajja viharati).

Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Như Lai thành tựu mười Lực, tự biết là Bậc Vô Sở Trước[19], ở giữa đại chúng mà có thể rống tiếng sư tử, chuyển pháp luân vô thượng mà cứu độ chúng sinh, rằng đây là sắc, đây là tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc, đây là xuất yếu của sắc; quán sát đây là thọ, tưởng, hành, thức, tập khởi, diệt tận, xuất yếu của thức; nhân bởi cái này, có cái này, đây sinh thì sinh; do duyên vô minh mà hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập xứ, sáu nhập xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên chết, chết duyên sầu ưu khổ não, không thể kể xiết. Nhân có thân năm ấm này mà có pháp tập khởi này; đây diệt thì diệt, đây không thì không, do vô minh diệt tận mà hành diệt tận, hành diệt tận nên thức diệt tận, thức diệt tận nên danh sắc diệt tận, danh sắc diệt tận nên sáu nhập diệt tận, sáu nhập diệt tận nên xúc diệt tận, xúc diệt tận nên thọ diệt tận, thọ diệt tận nên ái diệt tận, ái diệt tận nên thủ diệt tận, thủ diệt tận nên hữu diệt tận, hữu diệt tận nên chết diệt tận, chết diệt tận nên sầu ưu khổ não thảy đều diệt tận.

Tỳ-kheo nên biết, pháp của Ta sâu thẳm, rộng lớn không có bờ mé, đoạn trừ các hồ nghi, là chốn an ổn, chánh pháp. Nếu thiện nam, thiện nữ chuyên cần dụng tâm không để khuyết, dù cho thân thể khô kiệt, hủy hoại, vẫn không bao giờ xả bỏ hành tinh tấn, buộc chặt tâm không quên lãng; tu hành pháp khổ thật không phải dễ, ưa chốn nhàn tĩnh, tịch tĩnh tư duy, không xả bỏ hành Đầu-đà, như nay Như Lai hiện tại khéo tu phạm hạnh.

Cho nên, Tỳ-kheo, nếu khi tự quán sát, tư duy pháp vi diệu, hãy quán sát hai nghĩa, hành không buông lung, để cho thành tựu kết quả chắc thật, đạt đến chỗ diệt tận của cam lộ. Nếu khi nhận sự cúng dường của người khác, áo chăn, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh mà không uổng công khó nhọc của người và cũng khiến cho cha mẹ được quả

---

[19] *Pāli, định cú: Āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti, tự xác nhận địa vị Ngưu vương.*

báo ấy, thừa sự chư Phật, lễ kính, cúng dường.

Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4[20]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Như Lai thành tựu mười Lực[21], được bốn Vô sở úy, ở giữa đại chúng mà có thể rống tiếng sư tử.

Những gì là mười? Ở đây, Như Lai như thật biết rõ đây là xứ, biết rõ như thật là phi xứ[22].

Lại nữa, Như Lai biết rõ xứ sở, biết rõ tùy thuộc nhân duyên nào mà các chúng sinh thọ lãnh quả báo ấy.

Lại nữa, Như Lai biết rõ giới sai biệt, trì sai biệt, nhập (xứ) sai biệt; biết rõ như thật.

Lại nữa, Như Lai biết rõ như thật giải thoát sai biệt, vô lượng giải thoát.

Lại nữa, Như Lai biết rõ trí tuệ của chúng sinh nhiều hay ít; biết rõ như thật.

Lại nữa, Như Lai biết rõ những điều suy nghĩ trong tâm của chúng sinh; biết rõ như thật. Tâm có dục, biết rõ tâm có dục; tâm không dục, biết rõ tâm không dục; tâm có sân nhuế, biết rõ tâm có sân nhuế; tâm không sân nhuế, biết rõ tâm không sân nhuế; tâm ngu si, biết rõ tâm ngu si; tâm không ngu si, biết rõ tâm không ngu si; tâm có ái, biết rõ tâm có ái; tâm không ái, biết rõ tâm không ái; tâm có thọ (thủ), biết rõ tâm có thọ (thủ); tâm không thọ (thủ), biết rõ tâm không thọ (thủ); tâm loạn, biết rõ có tâm loạn; tâm không loạn, biết rõ tâm không loạn; tâm tán, biết rõ có tâm tán; tâm không tán, biết rõ tâm không tán; tâm ít, biết rõ có tâm ít; tâm không ít, biết rõ tâm không ít; tâm rộng, biết rõ có tâm rộng; tâm không rộng, biết rõ tâm không

---

[20]Pāli, A. X. 21 Sīha (R. v. 23).

[21]Cf. Tạp 26 (tr. 186c14); Tỳ-bà-sa 30 (156c19).

[22]Thị xứ, phi xứ 是處 非處. Pāli: Ṭhānaṭca ṭhānato aṭṭhānaṭca aṭṭhānato.

rộng; tâm vô lượng, biết rõ tâm vô lượng; tâm hạn lượng, biết rõ tâm hạn lượng; như thật biết rõ. Tâm định, biết có tâm định; tâm không định, biết tâm không định; tâm giải thoát, biết tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.

Lại nữa, Như Lai biết rõ tận cùng tất cả con đường mà tâm hướng đến, hoặc một, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, ức trăm ngàn đời, vô lượng đời, trong thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp, xưa kia ta sinh ở đó với tên họ như vậy, ăn thức ăn như vậy, thọ khổ lạc như vậy, thọ mạng dài, vắn, chết đây sinh nơi kia, chết nơi kia sinh nơi này; tự nhớ lại như vậy sự việc vô lượng đời trước.

Lại nữa, Như Lai biết định hướng sống chết của chúng sinh; bằng Thiên nhãn mà quán sát các loài chúng sinh, hoặc có sắc đẹp, hoặc sắc xấu, thiện thú, ác thú tùy theo hành nghiệp đã gieo trồng, tất cả đều biết rõ. Hoặc có chúng sinh hành ác bởi thân, miệng, ý, phỉ báng Hiền thánh, gây nghiệp tà kiến, thân hoại mạng chung sinh vào trong địa ngục. Hoặc có chúng sinh hành thiện bởi thân, miệng ý, không phỉ báng Hiền thánh, hằng hành chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh vào cõi thiện, sinh lên trời. Đó gọi là bằng Thiên nhãn thanh tịnh quán sát định hướng của chúng mà các hành vi đưa đến.

Lại nữa, Như Lai biết rõ các lậu đã diệt tận, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa, biết rõ như thật.

Đó gọi là mười Lực của Như Lai, tự gọi là Bậc Vô Trước, được bốn Vô sở úy, ở giữa đại chúng mà rống tiếng sư tử, chuyển phạm luân.

Thế nào là bốn Vô sở úy mà Như Lai có được?[23] Như Lai thành đẳng chánh giác; nếu có chúng sinh muốn nói là biết, trường hợp này không thể có; hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn muốn đến phỉ báng Phật, nói là không thành Đẳng chánh giác, trường hợp này không thể có. Vì trường hợp ấy không thể có, nên Ta được an ổn.

Nhưng Ta hôm nay muốn nói, đã diệt tận các lậu. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, hoặc Ma thiên, đến muốn nói Ta chưa diệt tận các lậu, trường hợp ấy không thể có. Vì trường hợp ấy không thể có nên ta được an ổn.

Lại nữa, pháp mà Ta thuyết, là xuất yếu của Hiền thánh, như tận đoạn tận biên tế khổ. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, hoặc Ma thiên, đến

---

[23] So sánh, kinh số 6, phẩm 27. Văn và nghĩa không nhất quán giữa hai đoạn dịch này.

muốn nói là chưa đoạn tận biên tế khổ, trường hợp này không thể có. Vì trường hợp này không thể có nên Ta được an ổn.

Lại nữa, nội pháp mà ta nói là đọa lạc cõi dữ; giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, đến muốn nói điều đó không đúng; trường hợp này không thể có.

Tỳ-kheo, đó là bốn Vô sở úy của Như Lai.

Giả sử có ngoại đạo dị học hỏi Sa-môn Cù-đàm kia có lực gì, vô úy gì mà tự xưng là Bậc Vô Trước, tối tôn, các ông hãy trả lời bằng mười Lực này.

Giả sử ngoại đạo dị học nói: "Chúng tôi cũng thành tựu mười Lực", Tỳ-kheo các ông nên hỏi lại: "Ông có mười Lực gì?" Khi ấy ngoại đạo dị học ắt không thể trả lời và lại tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Ta không thấy có Sa-môn, Bà-la-môn nào tự xưng đắc bốn Vô sở úy, trừ Như Lai. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu mười Lực, bốn Vô sở úy.

Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5[24]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Có mười niệm, được phân biệt rộng rãi, tu tập, đoạn tận Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái, kiêu mạn, vô minh. Những gì là mười? Đó là, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Chỉ quán, niệm An-ban, niệm Thân, niệm Sự chết.

Đó là, Tỳ-kheo, nếu có chúng sinh tu hành mười niệm này sẽ đoạn tận Dục ái, Sắc ái, Vô sắc ái; hết thảy vô minh, kiêu mạn, thảy đều được đoạn tận.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

[24] *Để bản nhảy sót kinh số 5. Kinh này được được bổ khuyết ở cuối quyển 42, y các bản Tống, Nguyên, Minh.*

KINH SỐ 6[25]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Gần gũi nhà nước[26], có mười phi pháp. Những gì là mười? Ở đây, nhà nước khởi tâm mưu hại muốn giết quốc vương. Do bởi âm mưu này, quốc vương bị giết. Nhân dân nước đó nghĩ rằng: "Sa-môn, đạo sĩ này thường xuyên lui tới. Đây chắc chắn là việc làm của Sa-môn ấy." Đó là phi pháp thứ nhất, nạn do gần gũi nhà nước.

Lại nữa, đại thần phản nghịch, bị vua bắt và giết. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng: "Sa-môn, đạo sĩ này thường xuyên lui tới. Đây là việc làm của Sa-môn ấy." Đây là phi pháp thứ hai, nạn do vào trong nước.[27]

Lại nữa, nhà nước bị mất tài bảo, khi ấy người giữ kho nghĩ rằng: "Ở đây bảo vật này luôn luôn được ta canh giữ, lại cũng không có ai khác đi vào đây. Nhất định là do Sa-môn ấy làm." Đó là phi pháp thứ ba, nạn do vào nhà nước.

Lại nữa, con gái của vua đang tuổi tráng thịnh, chưa có chồng mà mang thai. Khi ấy người trong nước nghĩ rằng: "Trong đây không ai khác lui tới. Nhất định là do Sa-môn ấy làm." Đó là phi pháp thứ tư, nạn do gần gũi nhà nước.

Lại nữa, vua mắc bệnh nặng, trúng thuốc của người khác. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng: "Trong đây không có ai khác. Nhất định là do Sa-môn ấy làm." Đó là phi pháp thứ năm, nạn do gần gũi nhà nước.

Lại nữa, các đại thần của vua tranh chấp nhau, gây thương tổn nhau. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng: "Các đại thần này trước kia hòa hợp, nay lại tranh chấp nhau. Đây không phải là việc làm của ai khác, mà nhất định là do Sa-môn, đạo sĩ ấy." Đây là phi pháp thứ sáu, nạn do gần gũi nhà nước.

Lại nữa, hai nước tranh chấp nhau, mỗi bên đều tranh thắng. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng: "Sa-môn đạo sĩ này nhiều lần lui tới nội cung. Đây nhất định là việc làm của Sa-môn ấy." Đây là phi pháp thứ bảy, nạn do gần gũi nhà nước.

Lại nữa, quốc vương trước kia vốn ưa huệ thí, phân chia tài vật cho

---

[25] *Pāli, A. X. 45. Pavesana.*

[26] *Pāli, dasayime ādīnavā rājantepurappavesane, mười điều tai hại khi đi vào hậu cung của vua.*

[27] *Hán: Nhập quốc, nên hiểu là nhập hậu cung.*

dân; về sau keo lẫn, hối tiếc, không huệ thí nữa. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng: "Quốc vương của chúng ta trước kia vốn ưa huệ thí; nay lại tham lam keo kiệt, không có tâm huệ thí. Đây nhất định là việc làm của Sa-môn ấy." Đây là phi pháp thứ tám, nạn do gần gũi nhà nước.

Lại nữa, quốc hằng y theo chánh pháp mà thâu tài vật của dân. Về sau, lấy tài vật của dân một cách phi pháp. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng: "Quốc vương của chúng ta trước kia thâu tài vật của dân một cách hợp pháp, nay lấy tài vật của dân một cách phi pháp. Đây nhất định là việc làm của Sa-môn ấy." Đây là phi pháp thứ chín, nạn do gần gũi nhà nước.

Lại nữa, nhân dân trong quốc thổ mắc phải bệnh dịch tràn lan, thảy đều do duyên đời trước. Khi ấy nhân dân nghĩ rằng: "Chúng ta xưa kia không có tật bệnh. Nay người bị bệnh chết nằm đầy đường. Đây nhất định do chú thuật của Sa-môn gây nên." Đây là phi pháp thứ mười, nạn do gần gũi nhà nước.

Tỳ-kheo, đó là mười phi pháp, tai họa do đi vào nhà nước. Cho nên, Tỳ-kheo, chớ mong tâm gần gũi nhà nước.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nếu quốc vương thành tựu mười pháp thì không thể tồn tại lâu dài, bị nhiều giặc cướp. Những gì là mười?

Ở đây, quốc vương tham lam keo kiệt, vì chút sự việc nhỏ mà nổi thịnh nộ, không quán sát nghĩa lý. Nếu quốc vương thành tựu pháp thứ nhất này, sẽ không tồn tại lâu dài, nước có nhiều giặc cướp.

Lại nữa, vua ấy tham đắm tài vật, không khứng chịu thua sút. Quốc vương thành tựu pháp thứ hai này, sẽ không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, vua kia không chịu nghe can gián, là người bạo ngược, không có Từ tâm. Đây là pháp thứ ba mà quốc vương thành tựu sẽ không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, vua kia bắt oan nhân dân, giam cầm ngang ngược, nhốt trong

lao ngục không có ngày ra. Đó là pháp thứ tư, khiến vua không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương tuyển dụng thần tá phi pháp, không y theo chánh hành. Đó là pháp thứ năm, khiến vua không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương tham đắm sắc đẹp của người, xa lánh vợ của mình. Đó là quốc vương thành tựu pháp thứ sáu, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương ưa uống rượu mà không lý đoán quan sự. Đó là thành tựu pháp thứ bảy, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương ưa thích ca múa, hý, nhạc, mà không lý đoán quan sự. Đó là pháp thứ tám, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương hằng mang bệnh tật, không có ngày nào khỏe mạnh. Đó là pháp thứ chín, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương không tin bề tôi trung hiếu, lông cánh yếu ớt, không có người phò tá mạnh. Đó là quốc vương thành tựu pháp thứ mười, không tồn tại lâu dài.

Ở đây, chúng Tỳ-kheo cũng vậy, nếu thành tựu mười pháp, công đức gốc rễ thiện không tăng trưởng, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Mười pháp ấy là gì?

Ở đây, Tỳ-kheo không trì cấm giới, cũng không có tâm cung kính. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất, không cứu cánh đạt đến nơi phải đạt đến.

Tỳ-kheo không thừa sự Phật, không tin lời nói chân thật. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thừa sự Pháp, các giới luật bị khuyết thủng. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thừa sự Thánh chúng, tâm ý thường tự ty, không tin lời dạy của chúng. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tư, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo tham đắm lợi dưỡng, tâm không buông bỏ. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không học hỏi nhiều, không siêng năng đọc tụng, ôn tập. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không tùng sự theo Thiện tri thức, mà thường xuyên tùng sự theo ác tri thức. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo hằng ưa bận rộn công việc, không thích tọa thiền.

Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ tám, không tồn tại lâu dài,

Lại nữa, Tỳ-kheo ham thích toán số, bỏ đại chạy theo thế tục, không học tập chánh pháp. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ chín, không tồn tại lâu dài.

Lại nữa, Tỳ-kheo không ưa tu phạm hạnh, tham đắm bất tịnh. Đó là Tỳ-kheo có pháp thứ mười, không tồn tại lâu dài.

Đó là, Tỳ-kheo thành tựu mười pháp này nhất định đọa ba ác đạo, không sinh vài chỗ lành.

Nếu quốc vương thành tựu mười pháp thì sẽ được tồn tại lâu dài ở đời. Những gì là mười?

Không vướng không tham đắm tài vật, không nổi thịnh nộ, cũng không vì chuyện nhỏ mà sinh tâm thù oán. Đó là pháp thứ nhất khiến được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc hằng nghe lời can gián của quần thần, không nghịch lời của họ. Đó là thành tựu pháp thứ hai thì được tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương thường ưa huệ thí, cùng chung vui với dân. Đó pháp thứ ba khiến cho tồn tại lâu dài.[28]

Lại nữa, quốc vương trưng thu tài vật hợp pháp chứ không phải phi pháp. Đó là pháp thứ tư khiến tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương kia không tham đắm sắc người khác, hằng tự thủ hộ với vợ của mình. Đó là thành tựu pháp thứ năm khiến tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương không uống rượu, tâm không hoang loạn. Đó là thành tựu pháp thứ sáu, khiến tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương không cười giỡn, mà hàng phục kẻ thù bên ngoài. Đó là thành tựu pháp thứ bảy, tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương y theo pháp mà trị hóa, không bao giờ bẻ cong. Đó là thành tựu pháp thứ tám, tồn tại lâu dài.

Lại nữa, quốc vương cùng với quần thần hòa thận, không có tranh chấp. Đó là thành tựu pháp thứ chín, tồn tại lâu dài,

Lại nữa, quốc vương không có bệnh hoạn, khí lực cường thịnh. Đó là pháp thứ mười, khiến tồn tại lâu dài.

Nếu quốc vương thành tựu mười pháp này sẽ được tồn tại lâu dài, không có gì lo ngại.

Chúng Tỳ-kheo cũng vậy, nếu thành tựu mười pháp, chỉ trong khoảnh

---

[28] *Để bản nhảy sót.*

khắc như co duỗi liền được sinh lên trời. Những gì là mười?

Ở đây, Tỳ-kheo thọ trì giới cấm, giới đức đầy đủ, không phạm chánh pháp. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ nhất này khi thân hoại mạng chung sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm cung kính đối với Như Lai. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai, được sinh vào chỗ lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo thuận tùng giáo pháp, không một điều vi phạm. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba, được sinh vào chỗ lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo cung phụng Thánh chúng, không có âm biếng nhác. Đó là thành tựu pháp thứ tư, được sinh lên trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo thiểu dục, tri túc, không say đắm lợi dưỡng. Đó là Tỳ-kheo có pháp thứ năm, được sinh lên trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo không làm theo tự ý mà hằng tùy thuận giới pháp. Đó là thành tựu pháp thứ sáu, được sinh vào chỗ lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo không mê đắm công việc bận rộn, thường ưa tọa thiền. Đó là thành tựu pháp thứ bảy, được sinh lên trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo ưa chỗ nhàn tĩnh, không ưa sống giữa nhân gian. Đó là thành tựu pháp thứ tám, được sinh vào chỗ lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo không tùng sự theo ác tri thức, mà thường tùng sự theo Thiện tri thức. Đó là thành tựu pháp thứ chín, được sinh vào chỗ lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường tu phạm hạnh, xa lìa ác pháp, nghe nhiều, học nghĩa, không để mất thứ tự. Như vậy Tỳ-kheo thành tựu mười pháp, trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

Đó là, mười phi pháp hành khiến vào địa ngục, hãy nên bỏ tránh xa. Mười chánh pháp hành, hãy nên cùng vâng tu tập.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8[29]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành La-duyệt, trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

---

[29] *Pāli, A.X. 27. Mahāpañhā 1 (R.v. 48).*

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo, khi đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thành La-duyệt khất thực. Khi ấy, số đông Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Chúng ta vào thành khất thực, nhưng còn quá sớm. Chúng ta hãy đến chỗ ngoại đạo dị học để cùng luận nghị." Rồi chúng Tỳ-kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học.

Khi các ngoại đạo thấy các Sa-môn đến, bảo nhau rằng: "Các bạn hãy giữ im lặng, chớ nói lớn tiếng. Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến đây. Pháp của Sa-môn ca ngợi những người im lặng. Chớ để họ biết chánh pháp của chúng ta loạn hay không loạn.

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học, sau khi chào hỏi nhau, ngồi xuống một bên. Khi ấy, các ngoại đạo hỏi các Tỳ-kheo:

–Sa-môn Cù-đàm của các ông dạy các đệ tử bằng diệu pháp này, rằng: "Này các Tỳ-kheo, hãy thấu suốt hết thảy các pháp và hãy tự mình an trú.[30] Phải vậy chăng? Chúng tôi cũng dạy các đệ tử diệu pháp này để tự an trú. Những điều tôi nói có gì khác với các ông, có gì sai biệt? Thuyết pháp, giáo giới cùng như nhau, không có gì khác."

Số đông các Tỳ-kheo, sau khi nghe những điều ngoại đạo nói, không khen hay, cũng không chê dỡ, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy mà bỏ đi.

Sau đó, các Tỳ-kheo bảo nhau: "Chúng ta hãy đem nghĩa lý này đến bạch Thế Tôn. Nếu Như Lai có dạy điều gì, chúng ta sẽ ghi nhớ mà phụng hành.

Rồi số đông các Tỳ-kheo, sau khi vào thành La-duyệt khất thực, trở về trong phòng, cất y bát, đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy số đông các Tỳ-kheo đem duyên sự trước đó kể hết với Như Lai.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Sau khi các ngoại đạo dị học kia hỏi nghĩa này, các ông hãy trả lời bằng những lời này: Luận một điều, nghĩa một điều, diễn một điều; cho đến, luận mười, nghĩa mười, diễn mười.[31] Khi nói lời này có ý nghĩa gì, các ông mang lời này đến hỏi, những người kia sẽ không thể trả lời. Các ngoại đạo do thế càng tăng thêm ngu hoặc. Vì sao? Vì không phải là cảnh giới của họ. Cho nên, Tỳ-kheo, Ta không thấy có Trời, Người, Ma hoặc Ma thiên, Đế Thích, Phạm Thiên vương, mà có thể trả lời được điều đó, trừ

---

[30] Pāli: Sabbaṃ dhammaṃ abhijānātha, sabbaṃ dhammaṃ abhiññāya viharathā'ti, các ông hãy chứng tri tất cả pháp. Sau khi chứng tri tất cả pháp, các ông hay an trú.

[31] Pāli: Eko, āvuso, pañho eko uddeso ekaṃ veyyākaraṇaṃ, dve pañhā dve uddesā dve veyyākaraṇāni,… dasa pañhā dasuddesā dasa veyyākaraṇānī'ti, một câu hỏi, một tuyên bố, một trả lời, cho đến, mười…

Như Lai và đệ tử của Như Lai nghe từ Ta nói, điều này không luận đến.

Luận một, nghĩa một, diễn một; Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Hết thảy chúng sinh do thức ăn mà tồn tại; không thức ăn thì chết. Tỳ-kheo đối với pháp ấy mà bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ;[32] đồng một nghĩa, không hai[33] điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Nghĩa một, luận một, diễn một, cho đến luận mười, nghĩa mười, diễn mười;[34] Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Danh và sắc. Danh là gì? Thọ*, tưởng, niệm, xúc*, tư duy; đó là danh. Cái kia sao gọi là sắc? Bốn đại và sắc do bốn đại tạo; đó gọi là sắc, do duyên bởi căn bản này mà nói là sắc. Luận hai, nghĩa hai, diễn hai, do bởi nhân duyên này mà Ta nói đến. Tỳ-kheo bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ.

Luận ba, nghĩa ba, diễn ba; do đâu mà nói nghĩa này? Do ba thọ* Những gì là ba? Khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Vì sao được nói là lạc thọ? Trong tâm có ý tưởng lạc, cũng không phân tán; đó gọi là lạc thọ. Vì sao được nói là khổ thọ? Trong tâm mê loạn không định tĩnh chuyên nhất, tư duy với nhiều ý tưởng khác nhau; đó gọi là khổ thọ.[35] Thế nào là cảm thọ không khổ không lạc? Ý tưởng không khổ không lạc trong tâm, lại không phải là chuyên nhất định tĩnh, cũng không phải loạn tưởng, cũng không tư duy pháp và phi pháp, hằng tự tịch mặc, tâm không có ghi nhận gì; đó gọi là cảm thọ không khổ không lạc. Tỳ-kheo bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Luận ba, nghĩa ba, diễn ba, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bốn Đế[36]. Những gì là bốn? Thánh đế Khổ, Tập, Tận, Đạo. Vì sao được gọi là

---

[32] Pāli: Sammā nibbindamāno sammā virajjamāno sammā vimuccamānosammā pariyanta-dassāvī sammadatthaṃ abhisamecca diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro hoti, chân chánh yểm ly, chân chánh ly tham, chân chánh giải thoát, chân chánh quan sát biên tế, chân chánh hiện quán nghĩa lý, ngay trong đời này mà chấm dứt biên tế khổ.

[33] Để bản và Tống nhảy sót. Nguyên, Minh bổ khuyết: nhất luận nhất nghĩa nhất diễn, một luận, một nghĩa, một diễn (điều mà Ta đã nói…).

[34] Có thể để bản chép nhầm. Nguyên Minh: "Luận hai, nghĩa hai, diễn hai".

[35] Định nghĩa không thấy trong Pāli.

[36] Pāli: Bốn loại thức ăn (catkūsu āhāresu).

Thánh đế khổ? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo, buồn, não khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ân ái biệt ly khổ, ước muốn không được khổ.[37] Vì sao được gọi là Thánh đế tập? Căn bản ái cùng với dục tương ưng.[38] Vì sao được gọi là Thánh đế khổ tận? Ái kia vĩnh viễn đoạn tận không còn tàn dư cũng không tái sinh khởi; đó gọi là Khổ tận đế. Vì sao được gọi là Thánh đế khổ xuất yếu? Đó là tám phẩm đạo của Hiền thánh: Chánh kiến, chánh tri, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh Tam-muội; đó là đạo có tám phẩm. Tỳ-kheo bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận năm, nghĩa năm, diễn năm; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là năm căn[39]. Những gì là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Thế nào là căn tín? Hiền thánh đệ tử tin đạo pháp của Như Lai, rằng Như Lai là Bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành Vi, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu, xuất hiện ở đời. Đó gọi là căn tín. Thế nào là căn tinh tấn? Thân, tâm, ý tinh cần không mệt mỏi; diệt pháp bất thiện, tăng ích pháp thiện, hằng chấp trì tâm; đó là căn tinh tấn. Thế nào là căn niệm? Tụng tập không quên, hằng giữ trong tâm, ghi nhớ không thất lạc, pháp hữu vi vô lậu không bao giờ bị mất; đó là căn niệm. Thế nào là căn định? Trong tâm không động loạn, không có các tưởng sai biệt, hằng chuyên tinh nhất ý; đó là căn Tam-muội. Thế nào là căn trí tuệ? Biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo; đó là căn trí tuệ. Đó là năm Căn. Tỳ-kheo ở trong đó mà bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận năm, nghĩa năm, diễn năm, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận sáu, nghĩa sáu, diễn sáu; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là sáu trọng pháp[40]. Sáu ấy là gì? Ở đây, Tỳ-kheo thường xuyên hành Từ tâm bởi thân, hoặc ở chỗ vắng vẻ, hoặc ở trong phòng, tâm thường như một, đáng tôn, đáng quý, đưa đến hòa hợp. Đây là pháp tôn trọng thứ nhất

---

[37] Nguyên Minh thêm: "Tóm tắt, năm thạnh ấm khổ. Đó gọi là Thánh đế Khổ."

[38] Hán: 愛本與欲相應. Chính xác nên hiểu là "khát ái đương lai câu hữu với hỷ tham (Pāli: Taṇhā ponobhavikā nandirāgasahagatā, nhưng bản Hán có lẽ đọc: Taṇhā pubbakā, khát ái có từ trước).

[39] Pāli: Năm thủ uẩn (paṭcasu upādānakkhandhesu).

[40] Sáu pháp tôn trọng, xem kinh số 1 phẩm 37. Pāli: Sáu nội xứ (Chasu ajjhattikesu āyatanesu).

của Tỳ-kheo. Lại nữa, hành Từ tâm nơi miệng, không khởi ganh tỵ oán ghét, đáng kính, đáng quý; đó là pháp tôn trọng thứ hai. Lại nữa, nếu được lợi dưỡng đúng pháp, cho đến còn dư trong bình bát, đều đem chia cho các bạn đồng phạm hạnh, tâm bình đẳng mà cho; đó là pháp tôn trọng thứ tư, đáng kính, đáng quý. Lại nữa, phụng trì cấm giới không có điều rơi rớt, giới mà bậc Hiền trí quý trọng; đó là pháp tôn trọng thứ năm, đáng kính, đáng quý. Lại nữa, chánh kiến mà Hiền thánh được xuất yếu, đến chỗ chấm dứt khổ tế, ý không tạp loạn, cùng tu hành với các đồng phạm hạnh pháp ấy; đó là pháp tôn trọng thứ sáu, đáng kính, đáng quý. Bấy giờ Tỳ-kheo bình đẳng nhàm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận sáu, nghĩa sáu, diễn sáu, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận bảy, nghĩa bảy, diễn bảy; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bảy Y chỉ xứ của thần thức[41]. Bảy ấy là gì? Hoặc có chúng sinh có nhiều tưởng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời[42] và người. Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tưởng; đó là trời Phạm-ca-di khi mới thác sinh.[43] Hoặc có chúng sinh một tưởng, một thân; đó là trời Quang âm. Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tưởng sai biệt; đó là trời Biến tịnh. Hoặc có chúng sinh không xứ vô lượng; đó là trời Không xứ. Hoặc có chúng sinh thức xứ vô lượng; đó là trời Thức xứ. Hoặc có chúng sinh vô sở hữu xứ vô lượng; đó là trời Bất dụng xứ. Hoặc có chúng sinh hữu tưởng vô tưởng xứ vô lượng; đó là trời Hữu tưởng vô tưởng[44]. Đó là bảy Y chỉ xứ của thần (thức). Ở đó, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bảy, nghĩa bảy, diễn bảy, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận tám, nghĩa tám, diễn tám; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là tám pháp thế gian[45], tùy theo đời mà xoay chuyển. Tám ấy là gì? Đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.[46] Đó là tám pháp thế gian, tùy theo đời mà xoay chuyển. Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận tám, nghĩa tám, diễn tám, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

---

41. Pāli: Sattasu viññāṇaṭṭhitīsu, bảy thức trú.

42. Chính xác: Một bộ phận của chư Thiên.

43. Chính xác: Xuất hiện vào thời kiếp sơ.

44. Hán dịch dư trú xứ thứ tám. Trú xứ của thức chỉ đến Vô sở hữu xứ thiên. Xem Tập Dị 17, mục Bảy pháp.

45. Pāli: Aṭṭhasu lokadhammesu.

46. Nguyên Hán: Lợi suy hủy dự xưng ky khổ lạc 利・衰・毀・譽・稱・譏・苦・樂.

Luận chín, nghĩa chín, diễn chín; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là chín cư xứ của chúng sinh[47]. Những gì là chín? Hoặc có chúng sinh có nhiều tưởng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời và người.[48] Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tưởng; đó là trời Phạm-ca-di khi mới thác sinh. Hoặc có chúng sinh một tưởng, một thân; đó là trời Quang âm. Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tưởng sai biệt; đó là trời Biến tịnh[49]. Hoặc có chúng sinh không xứ vô lượng; đó là trời Không xứ. Hoặc có chúng sinh thức xứ vô lượng; đó là trời Thức xứ. Hoặc có chúng sinh vô sở hữu xứ vô lượng; đó là trời Bất dụng xứ. Hoặc có chúng sinh hữu tưởng vô tưởng xứ vô lượng; đó là trời Hữu tưởng vô tưởng. Vô tưởng chúng sinh và các loài thọ sinh khác, đó là chín Y chỉ xứ của thần (thức). Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận chín, nghĩa chín, diễn chín, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận mười, nghĩa mười, diễn mười; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là mười niệm.[50] Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Chỉ tức, niệm An-ban, niệm Thân, niệm Sự chết. Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận mười, nghĩa mười, diễn mười, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Như vậy, Tỳ-kheo, từ một cho đến mười, Tỳ-kheo nên biết, nếu ngoại đạo dị học mà nghe những lời này, còn chưa dám nhìn kỹ vào sắc mặt, huống nữa là trả lời. Tỳ-kheo nào hiểu rõ được nghĩa này, ở ngay trong hiện pháp, là người tối tôn đệ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tư duy nghĩa này, cho đến mười năm, nhất định thành tựu hai quả: Hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm.

Tỳ-kheo, hãy bỏ qua mười năm; nếu trong một năm mà tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, trọn không nửa chừng thoái thất.

Tỳ-kheo, hãy bỏ qua một năm. Trong bốn bộ chúng, trong mười tháng, cho đến một tháng, ai tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, cũng không nửa chừng thoái thất.

Vã, hãy bỏ qua một tháng. Ai trong bốn bộ chúng bảy ngày tư duy nghĩa này ắt thành tựu hai quả, quyết không nghi ngờ.

---

47. Pāli: Navasu sattāvāsesu, chín hữu tình cư.

48. Xem cht. trên.

49. Hán dịch sót hữu tình cư thứ năm: Vô tưởng thiên.

50. Pāli: Dasasu akusalesu kammapathesu, mười nghiệp đạo bất thiện.

Khi ấy A-nan ở sau Thế Tôn cầm quạt quạt Phật. Bấy giờ A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn, pháp này cực kỳ sâu thẳm. Ở địa phương nào có pháp này, nên biết ở đó gặp được Như Lai. Kính bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Nên phụng hành như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Kinh này có tên là Nghĩa Của Pháp Mười. Hãy ghi nhớ phụng hành.

Bấy giờ A-nan và các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9[51]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Những ai tu hành mười tưởng, sẽ diệt tận các lậu, đạt được thần thông, tự thân tác chứng, dần dần đạt đến Niết-bàn. Những gì là mười? Tưởng xương trắng, tưởng bầm tím, tưởng sình chương, tưởng ăn không tiêu[52], tưởng huyết, tưởng nhai cắn[53], tưởng thường vô thường, tưởng tham thực, tưởng sự chết, tưởng tất cả thế gian không có gì lạc[54]. Đó là mười tưởng mà Tỳ-kheo tu tập sẽ diệt tận các lậu, đạt đến Niết-bàn giới.

Lại nữa, Tỳ-kheo, trong mười tưởng này, tưởng tất cả thế gian không có gì đáng vui là tối đệ nhất. Vì sao? Người tu hành về sự không có gì đáng vui và người thọ trì, tín phụng pháp; hai hạng người này tất vượt bực mà thủ chứng.

---

[51] Pāli, A.X. 56-57. Saññā (R.v. 105).

[52] Chỉ tử thi mà chim, thú ăn chưa hết.

[53] Chỉ tử thi bị chim thú ăn.

[54] Chín tưởng đầu thuộc sáu đề mục trong chín đề mục quán tử thi. Pāli: asubhasaññā (bất tịnh tưởng), maraṇasaññā (tử tưởng), āhāre paṭikūlasaññā (yểm nghịch thực tưởng, ghê tởm thức ăn), sabbaloke anabhiratasaññā (thế gian bất khả lạc tưởng), aniccasaññā (vô thường tưởng), anicce dukkhasaññā (vô thường tức khổ tưởng), dukkhe anattasaññā (khổ tức vô ngã tưởng), pahānasaññā (đoạn tưởng), virāgasaññā (ly tham tưởng), nirodhasaññā (diệt tận tưởng). Cf. Tỳ-bà-sa 166 (tr. 836c23): Vô thường tưởng, vô thường khổ tưởng, khổ vô ngã tưởng, tử tưởng, bất tịnh tưởng, yểm thức tưởng, nhất thiết thế gian bất khả lạc tưởng, đoạn tưởng, ly tưởng, diệt tưởng.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy ngồi dưới gốc cây, nơi chỗ vắng vẻ, giữa trời trống, tư duy mười tưởng này.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Rồi Tỳ-kheo này bạch Thế Tôn:

–Như Lai hôm nay dạy các Tỳ-kheo pháp mười tưởng. Những ai tu hành có thể đoạn trừ các lậu, thành hạnh vô lậu. Thế Tôn, như con thì không có khả năng tu hành các tưởng này. Sở dĩ vì dục tâm của con quá nhiều, thân ý hừng hực không thể yên nghỉ.

Bấy giờ Thế Tôn nói với Tỳ-kheo ấy:

–Người hãy xả bỏ tưởng về mà tư duy tưởng về bất tịnh; xả tưởng về thường mà tư duy tưởng về vô thường; xả hữu ngã tưởng mà tư duy vô ngã tưởng, xả khả lạc tưởng mà tư duy bất khả lạc tưởng. Vì sao? Nếu Tỳ-kheo tư duy tịnh tưởng, dục tâm liền hừng hực; nếu tư duy bất tịnh tưởng, sẽ không có dục tâm.

Tỳ-kheo nên biết, dục là bất tịnh, như đống phân kia; dục như con sáo bắt chước giọng nói; dục không đền đáp, lại như rắn độc kia; dục như ảo thuật, như tuyết tan dưới nắng. Hãy niệm xả bỏ dục như vất bỏ trong bãi tha ma. Dục trở lại hại mình như rắn chứa chất độc. Dục không biết chán như khát mà uống nước mặn. Dục khó được thỏa mãn như biển nuốt sông. Dục có nhiều tai họa như xóm La-sát. Dục như kẻ thù hãy nên tránh xa. Dục như một chút mật ngọt dính trên lưỡi dao. Dục không đáng yêu như xương trắng trên đường. Dục hiện ngoại hình như hoa mọc trong nhà xí. Dục không chân thật như bình vẽ kia bên trong chứa đồ hôi thối, bên ngoài trông đẹp đẽ. Dục không bền chắc như đống bọt nước. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tránh xa tưởng tham dục.

Tỳ-kheo, nay ông hãy nhớ, xưa ông đã phụng hành mười tưởng nơi Phật ca-diếp. Hôm nay hãy lặp lại tư duy mười tưởng, tâm giải thoát khỏi hữu lậu.

Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo ấy buồn rầu rơi lệ không cầm được, tức thì cúi đầu lạy dưới chân Phật, bạch Thế Tôn:

–Vâng, bạch Thế Tôn. Con chất chứa ngu hoặc đã lâu. Như Lai tự thân thuyết mười tưởng, con mới có thể xa lìa dục. nay con xin sám hối, về sau không còn tái phạm. Cúi xin Như Lai chấp nhận sự sám hối lỗi lầm nghiêm trọng này; lượng thứ cho điều mà con bất cập.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ta nhận sự sửa lỗi của ông. Hãy chớ tái phạm. Lại nữa, Như Lai đã dạy ông mười tưởng, mà ông không chịu phụng trì.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe Thế Tôn giáo giới, sống nơi chỗ nhàn tĩnh, tự mình khắc kỷ tư duy, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, ấy là muốn đạt thành sở nguyện, như thật biết: "Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa." Bấy giờ Tỳ-kheo thành A-la-hán.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Kệ tóm tắt:

Kết cấm, Hiền thánh cư
Hai lực và mười niệm
Thân quốc, không quái ngại
Mười luân tưởng, quán tưởng.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 43

Phẩm 47: THIỆN ÁC

KINH SỐ 1

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Chúng sinh nào phụng hành mười pháp, sẽ sinh lên trời. Lại hành mười pháp sẽ sinh vào nẻo dữ. Lại hành mười pháp, nhập Niết-bàn giới.

Tu hành mười pháp gì mà sinh vào nẻo dữ? Ở đây, có người sát sinh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, ỷ ngữ, ác khẩu, hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, tật đố, sân hận, khơi dậy tà kiến. Đó là mười pháp. Chúng sinh nào hành mười pháp nay sẽ vào trong nẻo dữ.

Tu hành mười pháp gì được sinh lên trời? Ở đây, có người không sát sinh, không trộm cướp, không dâm dật, không nói dối, không ỷ ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, không sân hận, không khơi dậy tà kiến. Nếu ai hành mười pháp này sẽ được sinh lên trời.

Tu hành mười pháp gì đến được Niết-bàn? Đó là mười niệm. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm Thiên, niệm Giới, niệm Thí, niệm Chỉ tức, niệm An-ban, niệm Thân, niệm Sự chết. Đó là tu hành mười pháp thì đạt được Niết-bàn.

Tỳ-kheo nên biết, hãy niệm xả ly mười pháp sinh lên trời và sinh vào nẻo dữ. Hãy niệm tưởng mười pháp khiến đạt đến Niết-bàn.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Do gốc rễ mười ác mà ngoại vật còn suy hao, huống nữa nội pháp. Những gì là mười? Đó là, người sát sinh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, ỷ ngữ, ác khẩu, hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, tật đố, sân hận, khơi dậy tà kiến. Do quả báo của sát sinh, thọ mạng của chúng sinh rất vắn. Do sự lấy của không được cho, chúng sinh sinh vào chỗ nghèo hèn. Do quả báo dâm dật, cửa nhà chúng sinh không được trinh trắng. Do nói dối, miệng của chúng sinh có mùi hôi thối, không được sạch thơm. Do ỷ ngữ, đất đai không được bằng phẳng. Do quả báo hai lưỡi, đất mọc gai chông. Do quả báo ác khẩu, có nhiều ngôn ngữ khác nhau. Do tật đố, thóc lúa không dồi dào. Do quả báo sân hại, có nhiều vật uế ác. Do quả báo tà kiến, tự nhiên sinh tám địa ngục. Nhân bởi mười ác báo này khiến các ngoại vật cũng suy hao, huống nữa vật nội thân.

Đó là, Tỳ-kheo, hãy niệm tránh xa mười pháp ác, tu hành mười pháp thiện.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

–Như Lai có nói lời này chăng: "Bố thí cho Ta thì được phước nhiều; cho người khác thì được phước ít. Hãy bố thí cho đệ tử, chớ bố thí cho người khác?" Giả sử có ai nói điều này, người ấy không hủy báng pháp của Như Lai chăng?

Phật nói với vua:

–Ta không nói điều này: "Chỉ nên bố thí cho một mình Ta, đừng bố thí cho người khác." Đại vương nên biết, Ta thường nói điều này: "Thức dư trong bát của Tỳ-kheo, đổ vào trong nước cho nhuyễn trùng ăn còn được phước, huống nữa bố thí cho người mà không được phước sao? Tuy nhiên, đại vương, Ta có nói điều này: "Bố thí cho người trì giới được phước nhiều

hơn cho người phạm giới.”

Ba-tư-nặc ở trước Phật bạch rằng:

–Kính vâng, Thế Tôn. Bố thí cho người trì giới phước nhiều gấp bội hơn cho người phạm giới.

Vua lại bạch Phật:

–Ni-kiền Tử đến nói với con rằng: “Sa-môn Cù-đàm là người biết huyễn thật, có thể xoay chuyển người đời.” Điều này đúng chăng? Sai chăng?

Phật nói:

–Đúng vậy, đại vương, như điều vừa nói. Ta có pháp huyễn có thể xoay chuyển người đời.

Vua bạch Phật:

–Cái gì gọi là pháp huyễn có thể xoay chuyển?

Phật nói:

–Người sát sinh, tội ấy khó lường. Người không sát sinh, thọ phước vô lượng. Người lấy của không cho, mắc tội vô lượng. Người không trộm cướp được phước vô lượng. Người dâm dật thọ tội vô lượng. Người không dâm dật thọ phước vô lượng. Người tà kiến thọ tội vô lượng, người chánh kiến thọ phước vô lượng. Pháp huyễn thuật của Ta chính xác được hiểu là như vậy.

Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Thế gian này, bao gồm loài người, ma hoặc Thiên ma, cùng các loài hữu hình nếu hiểu sâu sắc pháp huyễn thật này sẽ được đại hạnh. Từ nay về sau, con không cho phép ngoại đạo dị học vào trong quốc giới của con. Cho phép bốn bộ chúng thường xuyên ở trong cung của con và thường được cúng dường tùy theo nhu cầu.

Phật nói:

–Đại vương, chớ nói như vậy. Vì sao? Bố thí cho các loài súc sinh còn được phước; thậm chí bố thí cho người phạm giới còn được phước. Bố thí cho người trì giới, phước đức khó ước lượng. Bố thí Tiên nhân ngoại đạo được một ức phước. Bố thí cho Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật, phước ấy khó lường. Cho nên, đại vương, hãy khơi dậy tâm cúng dường đệ tử Thanh văn của chư Phật trong tương lai và quá khứ. Đại vương, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ vua ba-tư-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo sau bữa ăn đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận các đề tài này: luận về y áo, phục sức, ăn uống; luận về lân quốc, giặc cướp, chiến tranh; luận về uống rượu, dâm dật, năm thứ nhạc; luận về vũ, hý kịch, kỹ nhạc. Những luận bàn không thiết yếu như vậy không kể xiết.

Khi ấy, Thế Tôn bằng Thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo đang thảo luận như vậy, liền đi đến giảng đường Phổ hội, hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông tụ tập tại đây muốn bàn luận điều gì?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Chúng con cùng bàn luận những vấn đề không thiết yếu như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Chớ có bàn luận như vậy. Vì sao? Những bàn luận ấy phi nghĩa[2], cũng không dẫn đến pháp thiện. Không do bàn luận này mà được tu hành, không đạt đến chỗ Niết-bàn diệt tận, không được đạo bình đẳng của Sa-môn. Đó là những luận bàn thế tục, không phải là luận bàn chân chánh hướng đến. Các ông đã bỏ tục học đạo, không nên tư duy các đề tài dẫn đến bại hoại như vậy. Nếu muốn luận bàn, các ông hãy luận bàn mười sự công đức.

Những gì là mười? Tỳ-kheo tinh cần, thiểu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, Tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu.[3] Nếu muốn luận bàn, các ông hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thấm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, là thiết yếu của Niết-bàn.

Các ông, các thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, hãy tư duy mười sự này. Luận như vậy là luận chánh pháp, bỏ xa nẻo dữ. Tỳ-kheo, hãy học

---

1. *Pāli, A. X. 69 Kathāvatthu 1 (R. v. 128).*
2. *Phi nghĩa, được hiểu là không liên hệ mục đích cứu cánh.*
3. *Pāli: Dasayimāni kathāvatthūni (mười luận sự): Appiccha (thiểu dục), santuṭṭhi (tri túc), paviveka (viễn ly), asaṃsagga (không quần tu), vīriyārambha (tinh tấn), sīla (giới), samādhi (định), paññā (tuệ), vimutti (giải thoát), vimuttiñāṇadassana (giải thoát tri kiến).*

điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vầy:

–Nay gạo thóc trong thành Xá-vệ khan hiếm, giá cả tăng vọt, xin ăn khó được. Vả, Thế Tôn có nói, nương nhờ ăn uống mà thân người được tồn tại. Bốn đại y tựa nơi pháp được niệm tưởng bởi tâm. Pháp y tựa trên gốc rễ dẫn đến nẻo lành. Hôm này chúng ta nên phân chia người theo thứ tự đi khất thực, khiến cho người khất thực được thấy có sắc da tươi đẹp, xúc cảm êm dịu, được y phục, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, há không phải tốt đẹp sao?

Khi ấy, bằng Thiên nhĩ thanh tịnh không chút tì vết, Thế Tôn từ xa nghe các Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận như vậy, tức thì đến giảng đường Phổ hội, ngồi xuống giữa đại chúng. Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông tụ tập tại đây, đang bàn luận vấn đề gì?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng con bàn luận rằng, nay trong thành Xá-vệ, xin ăn khó được. Chúng con muốn phân chia từng người theo thứ tự đi khất thực, để cho tùy lúc được thấy có sắc da tươi đẹp, được y phục, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh. Điều mà chúng con bàn luận là như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo khất thực bốn sự cúng dường là y áo, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, lại còn cần dùng đến sắc, thanh, hương, vị, xúc chạm trơn láng nữa hay sao? Ta hằng răn dạy rằng, khất thực có hai sự là đáng thân cận và không đáng thân cận. Giả sử được áo chăn, cơm nước, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, mà pháp ác tăng trưởng, pháp thiện không tăng trưởng, điều đó không nên thân cận. Nếu xin được y áo, cơm nước, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, mà pháp thiện tăng ích, pháp ác không tăng ích, điều đó nên thân cận.

Tỳ-kheo các ông, ở trong pháp này muốn luận bàn điều gì? Những

điều các ông luận bàn không phải là luận bàn hợp chánh pháp. Hãy xả bỏ pháp ấy, chớ tư duy thêm nữa. Vì do đó mà đạt đến chỗ tĩnh chỉ, đến Niết-bàn diệt tận. Nếu muốn luận bàn, các ông hãy luận bàn mười pháp. Những gì là mười?[4] Tỳ-kheo tinh cần, thiểu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, nghe nhiều lại có thể nói pháp cho người, không sợ hãi không do dự, giới luật đầy đủ, Tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến huệ thành tựu. Nếu các ông muốn bàn luận, hãy bàn luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thấm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, Niết-bàn giới. Các đề tài này là đích nghĩa của Sa-môn, các ông hãy nhớ nghĩ tư duy, chớ để tâm rời xa. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vầy:

–Nay trong thành Xá-vệ khất thực khó được, không phải là nơi chốn an ổn cho Tỳ-kheo. Chúng ta hãy cử một người theo thứ tự đi khất thực. Tỳ-kheo khất thực này có thể nhận được các thứ y áo, cơm nước, giường chõng và thuốc men trị bệnh, không thiếu thốn thứ gì.

Khi ấy trong chúng có một Tỳ-kheo thưa với các vị khác rằng:

–Chúng ta không có khả năng khất thực ở đây. Ai nấy hãy đi đến nước Ma-kiệt-đà, mà xin ăn ở đó. Vả lại, ở đó thóc gạo dồi dào, giá rẻ, đồ ẩm thực dư giả.

Lại có Tỳ-kheo khác nói:

–Chúng ta không nên khất thực ở nước đó. Vì sao? A-xà-thế đang cai trị ở đó. Ông hành động phi pháp, lại giết cha, cùng kết bạn với Đề-bà-đạt-đa. Do nhân duyên ấy, chúng ta không nên khất thực ở đó.

Lại có Tỳ-kheo khác nói:

–Hiện nay, ở quốc thổ Câu-lưu-sa[5], nhân dân đông đúc trù phú, nhiều

---

[4] *Xem cht. kinh số 4 trên.*

[5] *Câu-lưu-sa 拘留沙. Không tìm thấy Pāli tương đương. Phiên Phạm ngữ 8 (tr. 1034c18):*

của cải, bảo vật. Ta nên đến đó khất thực.

Lại có Tỳ-kheo khác nói:

–Không nên đến khất thực ở đó. Vì sao? Vua Ác Sinh đang cai trị ở đó, cực kỳ hung bạo, không có chút nhân từ. Nhân dân ở đó hung dữ, hay đấu tranh kiện tụng. Do nhân duyên này, không nên đến đó khất thực.

Lại có Tỳ-kheo nói:

–Chúng ta nên đến thành Câu-thâm Bà-la-nại[6], nơi đó vua Ưu-điền đang cai trị. Vua nhiệt thành tin Phật pháp, tâm ý không lay động. Chúng ta nên đến đó khất thực, sẽ không trái với điều mong ước.

Bấy giờ, bằng Thiên nhĩ thanh tịnh, Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo đang bàn luận như vậy, tức thì nghiêm chỉnh y phục, đi đến chỗ các Tỳ-kheo, ngồi xuống giữa đại chúng, hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông tụ tập tại đây đang bàn luận điều gì?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng con tụ tập tại đây, cùng nhau bàn luận rằng: "Nay trong thành Xá-vệ thóc cao gạo quý, khất thực khó được. Chúng ta ai nấy hãy, đến nước Ma-kiệt-đà, mà xin ăn ở đó. Vả lại, ở đó thóc gạo dồi dào, khất thực sẽ dễ được." Trong chúng có Tỳ-kheo nói: "Chúng ta không nên khất thực ở nước đó. Vì sao? A-xà-thế đang cai trị ở đó. Ông hành động phi pháp, lại giết cha, cùng kết bạn với Đề-bà-đạt-đa. Do nhân duyên ấy, chúng ta không nên khất thực ở đó." Lại có Tỳ-kheo khác nói: "Hiện nay, ở quốc thổ Câu-lưu-sa, nhân dân đông đúc trù phú, nhiều của cải, bảo vật. Ta nên đến đó khất thực." Lại có Tỳ-kheo khác nói: "Chúng ta không nên đến khất thực ở đó. Vì sao? Vua Ác Sinh đang cai trị ở đó, cực kỳ hung bạo, không có chút nhân từ, hay đấu tranh kiện tụng. Do nhân duyên này, không nên đến đó khất thực." Lại có Tỳ-kheo nói: "Chúng ta nên đến thành Câu-thâm Ba-la-nại, nơi đó vua Ưu-điền đang cai trị. Vua nhiệt thành tin Phật pháp, tâm ý không lay động. Chúng ta nên đến đó khất thực, sẽ không trái với điều mong ước." Chúng con ở đây đang bàn luận những điều như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông chớ có khen chê việc vua cai trị, quốc gia, bờ cõi; cũng chớ

Câu-lưu-sa, dịch là Uế Trược 穢濁 (Karuṛa?), cũng dịch là Tác Sự 作事. Đoạn sau, kinh số 4 phẩm 49: Phật tại thành Câu-lưu-sa pháp hành, Pāli: Kammāsadhamma (Kammāsadamma), một thị trấn của nước Kuru.

6. *Câu-thâm 拘深, hay Câu-thiểm-di, Pāli: Kosambī, thủ đô của vương quốc Vatsa (Vaṃsas), cai trị bởi vua Udena (Hán: Ưu-điền 優填). Thành Bà-la-nại 婆羅城, không rõ ở đâu trong vương quốc này.*

bàn luận sự hơn kém của các vua chúa.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

Phàm người tạo thiện, ác
Hành vi đều có nhân
Sẽ thọ báo như vậy
Không bao giờ hủy mất.
Phàm người tạo thiện, ác
Hành vi đều có nhân
Làm thiện, nhận báo thiện
Làm ác, nhận báo ác.

Cho nên, Tỳ-kheo, chớ móng tâm luận bàn quốc sự. Vì không do sự luận bàn này mà có thể đạt đến Niết-bàn diệt tận; cũng không phải là pháp chánh hành của Sa-môn. Nếu bàn luận những sự việc ấy, đó không phải là chánh nghiệp. Các ông nên học mười đề tài bàn luận. Những gì là mười? Tỳ-kheo tinh cần, thiểu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, Tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Nếu muốn luận bàn, các ông hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thấm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, là thiết yếu của Niết-bàn.

Các ông, các thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, xa rời thế tục, hãy tinh cần tư duy, chớ để tâm rời xa. Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo đều tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận như vầy:

–Nay vua Ba-tư-nặc hành phi pháp, phạm luật giáo của Thánh. Tỳ-kheo-ni Sám[7] đắc A-la-hán đạo, bị vua giữ trong cung suốt mười hai năm,

---

[7] *Sám Tỳ-kheo-ni 讖比丘尼, có thể đồng nhất Pāli: Khemā Therī (Skt. Kṛemā), nhưng truyền thuyết trên đây không thấy kể trong văn học Pāli. Câu chuyện tương tự trên được kể trong Soạn Tập Bách Duyên, với tên phiên âm Sá-ma Tỳ-kheo-ni 差摩比丘尼.*

để cùng giao thông. Vua lại không phụng sự Phật Pháp, Tăng Tỳ-kheo. Chúng ta nên rời xa, không nên ở lại đất nước này. Vì sao? Khi vua hành phi pháp, đại thần của vua cũng hành phi pháp. Đại thần đã hành phi pháp, thì quan lại phò tá tả hữu cũng hành phi pháp. Quan lại hành phi pháp, thứ dân cũng hành phi pháp. Vậy chúng ta đi đến nước khác khất thực, chớ ở lại nước này. Vả lại, chúng ta có thể quan sát phong tục của nước đó. Do thấy phong tục ở đó mà có thể thấy được chỗ khác nhau.

Bấy giờ, bằng Thiên nhĩ thanh tịnh, Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo đang bàn luận vấn đề này, liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo, ngồi xuống giữa đại chúng. Rồi Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông tụ tập tại đây đang bàn luận vấn đề gì?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Chúng con ở đây bàn luận rằng, vua Ba-tư-nặc hành phi pháp, phạm luật giáo của Thánh, giam giữ Tỳ-kheo-ni Sám trong cung suốt mười hai năm, cốt để giao tiếp sắc. Vả lại, bậc đắc đạo vượt ngoài ba cõi, mà vua lại không phụng sự Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo; không có lòng dốc tín đối với A-la-hán. Đã không tâm này thì cũng không có tâm kia đối với ngôi Tam tôn, chúng ta nên rời xa, không nên ở lại đất nước này. Vì sao? Khi vua hành phi pháp, đại thần của vua cũng hành phi pháp; thần tá, nhân dân cũng hành ác. Vả lại, chúng ta có thể quan sát phong hóa của nước khác.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông chớ luận bàn đề tài quốc giới. Hãy tự mình khắc kỷ tư duy, nội tĩnh, so sánh, phân biệt. Bàn luận những điều như vậy thì không hợp chánh lý. Nó cũng không khiến mọi người có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ Niết-bàn vô vi diệt tận. Hãy tự mình tu tập pháp hành xí nhiên[8], tự quy y tối tôn. Nếu Tỳ-kheo có thể tự tu tập phát khởi pháp lạc cho mình, hạng người đó được sinh từ chính thân thể Ta.

Tỳ-kheo, làm thế nào để tự thắp sáng, phát khởi pháp lạc, không hư dối, tự quy tối tôn? Ở đây, Tỳ-kheo nội tự quán thân, ý an chỉ trên thân[9], tự thâu nhiếp tâm, trừ khử loạn tưởng, không có sầu ưu. Lại nữa, ngoại tự quán thân, thân ý chỉ. Nội quán thọ, ngoại quán thọ, nội ngoại quán thọ;

---

8. *Xí nhiên pháp hành, một cách dịch khác của ý nghĩa "Hãy là ngọn đèn cho mình (hòn đảo an toàn cho mình). Pháp là ngọn đèn (hòn đảo), là chỗ nương tựa (quy y)." Xem Trường 6, kinh 6 (tr. 39a23); Cf. Tạp 2, kinh 36; ibid. 24, kinh 368. Pāli, S. iii. 42: attadīpānaṃ, bhikkhave, viharataṃattasaraṇānaṃ anaññasaraṇānaṃ, dhamma-dīpānaṃ dhammasaraṇānaṃ anaññasaraṇānaṃ yoni upaparikkhitabbā.*

9. *Thân ý chỉ 身意止, tức Thân niệm xứ, cf. Tạp 24, kinh 368.*

nội quán tâm, ngoại quán tâm, nội ngoại quán tâm; nội quán pháp, ngoại quán pháp, nội ngoại quán pháp. Tỳ-kheo như vậy có thể tự mình thắp sáng, tu hành phát khởi pháp lạc, tự quy tối tôn. Tỳ-kheo nào trong hiện tại hay tương lai mà có thể tự thắp sáng, không thoái thất gốc rễ của hành, Tỳ-kheo ấy được sinh từ chính Ta.

Cho nên, Tỳ-kheo, nếu muốn luận bàn, hãy luận bàn mười sự. Những gì là mười? Tỳ-kheo tinh cần, thiểu dục, tri túc, có tâm dũng mãnh, đa văn mà có thể nói pháp cho người, không sợ hãi, giới luật đầy đủ, Tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Nếu muốn luận bàn, các ông hãy luận mười đề tài này. Vì sao? Chúng thấm nhuần tất cả, mang lại nhiều lợi ích, khiến có thể tu phạm hạnh, đạt đến chỗ vô vi diệt tận, Niết-bàn giới. Những luận bàn ấy là đích nghĩa của Sa-môn. Các ông hãy tinh cần tư duy, chớ để tâm rời xa. Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có một ông trưởng giả cúng cho La-vân một căn nhà để tọa thiền.[10] La-vân nghỉ trong căn nhà ấy được vài ngày, rồi đi du hóa trong nhân gian. Khi ông trưởng giả chợt có ý nghĩa đến thăm La-vân. Nhưng khi thấy trong căn nhà của La-vân vắng vẻ, không có người ở, ông bèn nói với một Tỳ-kheo khác:

–Tôn giả La-vân nay đang ở đâu?

Tỳ-kheo đáp:

–La-vân đi du hóa trong nhân gian.

Trưởng giả nói:

–Cúi mong chư Hiền cắt cử người đến ở trong căn nhà của tôi. Thế Tôn cũng có nói, tạo lập vườn cây ăn trái và làm cầu, đò, dựng nhà xí gần đường đi, rồi đem bố thí, sẽ được phước lâu dài, giới pháp thành tựu; sau khi chết tất được sinh lên trời. Vì lý do đó, tôi đã làm cho La-vân một căn nhà. Nay La-vân không thích nhà của tôi. Vậy cúi mong chư Hiền sai cử

[10]. Xem Tứ phần 50 (tr. 943a19).

người đến ở trong căn nhà của tôi.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Sẽ theo lời trưởng giả nói.

Bấy giờ ác Tỳ-kheo bèn cử một Tỳ-kheo đến ở trong căn nhà đó.

Thời gian sau, La-vân nghĩ rằng: "Ta xa Thế Tôn đã lâu, nay nên về thăm viếng.

Rồi Tôn giả La-vân đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân và ngồi xuống một bên. Giây lát, bèn rời chỗ ngồi, trở về căn nhà cũ. Thấy có một Tỳ-kheo khác ở trong đó, bèn hỏi:

–Ai đem nhà của tôi giao cho thầy ở vậy?

Tỳ-kheo đáp:

–Chúng Tăng sai cử tôi đến ở căn nhà này.

La-vân quay trở lại chỗ Thế Tôn, đem nhân duyên này thuật lại đầy đủ cho Thế Tôn, rồi hỏi:

–Thế Tôn, không rõ có phải chúng Tăng sai cử đạo nhân đến ở trong căn nhà của con hay không?

Phật bảo La-vân:

–Ông hãy đi đến ông trưởng giả mà nói rằng: "Những gì tôi đã làm do bởi thân, miệng, ý có điều gì lỗi lầm chăng? Há không phải ba hành vi bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý, có lỗi lầm gì chăng? Sao trưởng giả bố thí nhà cho tôi, rồi sau lại mang chúng cho Thánh chúng?

La-vân vâng lời Phật dạy, đi đến ông trưởng giả, nói rằng:

–Há không phải ba hành vi bởi thân, bốn bởi miệng, ba bởi ý, có lỗi lầm gì chăng?

Trưởng giả đáp:

–Tôi không thấy La-vân có lỗi lầm gì do bởi thân, miệng, ý cả.

La-vân nói với trưởng giả:

–Vậy sao ông lấy lại phòng xá của tôi mà đem cho Thánh chúng?

Trưởng giả đáp:

–Tôi thấy nhà trống cho nên đem cho Thánh chúng. Khi ấy tôi nghĩ rằng: "Tôn giả La-vân chắc không thích ở trong căn nhà của tôi, vì vậy tôi mang đi huệ thí."

La-vân sau khi nghe trưởng giả nói như vậy, bèn trở về chỗ Thế Tôn, thuật lại đầy đủ nhân duyên sự việc lên Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan, hãy mau đánh kiền chùy; các Tỳ-kheo trong tinh xá Kỳ hoàn vân tập

hết vào giảng đường Phổ hội. A-nan vâng lệnh Thế Tôn, triệu tập các Tỳ-kheo vào giảng đường Phổ hội.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về huệ thí thanh tịnh. Các ông hãy khéo suy nghĩ kỹ.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật lắng nghe.

Thế Tôn nói:

–Thế nào gọi là huệ thí thanh tịnh? Ở đây, Tỳ-kheo, có người đã đem vật huệ thí, sau đó lấy lại đem cho người khác. Huệ thí ấy được nói là không đồng đều, không phải bình đẳng thí. Hoặc có người lấy của người khác đem huệ thí Thánh chúng. Lại có người đoạt của Thánh chúng đem thí cho người khác. Đấy đều là bố thí không bình đẳng, cũng không phải là huệ thí thanh tịnh.

Như Chuyển luân thánh vương được tự tại trong cảnh giới của mình; cũng vậy, Tỳ-kheo được tự tại đối với y bát của mình. Nếu ai lấy của người khác, mà không có lời hứa khả của người đó, rồi đem cho người kia; đó không phải là bình đẳng thí. Nay, Ta bảo các Tỳ-kheo, thí chủ muốn cho nhưng người nhận không muốn cho, đây không phải là bố thí bình đẳng.

Hoặc gặp trường hợp Tỳ-kheo mạng chung, nên đem một phòng xá ấy đến giữa chúng, tác pháp yết-ma, truyền cáo xướng lên rằng: "Tỳ-kheo kia mạng chung, nay đem phòng xá này ra giữa Tăng phân xử. Muốn giao lại cho ai ở, tùy theo lời dạy của Thánh chúng. Này chư Hiền, nay trao cho Tỳ-kheo mỗ giáp trú ở đó, mong các vị hãy chấp thuận. Ai không chấp thuận hãy nói." Cần phải nói ba lần như vậy. Nếu trong chúng Tăng có một vị không chấp thuận mà đem cho, đó không phải là bình đẳng thí. Vật đó trở thành tạp uế. Nay hãy trả phòng xá lại cho La-vân, hãy thanh tịnh thọ trì.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Đại Quân-đầu[11] ở một chỗ tịch tĩnh, khởi lên ý nghĩ

---

[11] *Đại Quân-đầu 大均頭, tức Quân-đầu Sa-di, xem kinh số 5, phẩm 48. Pāli: Mahā-Cunda,*

này: "Làm thế nào để biết tri kiến về khoảng trước, khoảng sau, khoảng giữa?"

Khi đến giờ, Đại Quân-đầu khoác y cầm bát đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Quân-đầu bạch Thế Tôn rằng:

–Nay các tri kiến liên hệ khảng trước, khảng sau này, làm sao để diệt tri kiến này? Lại khiến các tri kiến khác không sinh?

Thế Tôn nói:

–Ở đây, này Quân-đầu, nơi mà tri kiến ấy xuất hiện và nơi mà tri kiến ấy diệt mất, thảy đều vô thường, khổ, không. Quân-đầu, biết điều đó rồi, hãy phát khởi tâm ý này. Phàm pháp tri kiến có sáu mươi hai loại. Hãy an trú trên đất mười thiện để trừ khử tri kiến ấy. Những gì là mười?

Ở đây, này Quân-đầu, người khác ưa sát sinh, còn ta sẽ không sát sinh; người khác ưa trộm cướp, ta không trộm cướp; người khác phạm phạm hạnh, ta hành phạm hạnh; người khác nói dối, ta không hành nói dối; người khác nói hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, ỷ ngữ, ác khẩu, tật đố, sân hận, tà kiến, ta hành chánh kiến. Quân-đầu nên biết, như từ con đường hiểm ác mà gặp được đường chánh, như từ tà kiến mà được đến chánh kiến, quay lưng với tà mà đi theo chánh. Cũng như người tự mình đang bị đắm mà muốn vớt người, không bao giờ có lý đó. Tự mình chưa diệt độ, mà muốn khiến người khác diệt độ, điều này không thể có. Như người không bị đắm mới có thể vớt người khác, lý này có thể có. Ở đây cũng vậy, tự mình Bát-niết-bàn, lại khiến người khác chứng diệt độ, lý này có thể có. Cho nên, này Quân-đầu, hãy niệm tưởng xa lánh mà diệt độ không sát, xa lánh trộm cướp mà diệt độ không trộm cướp, xa lánh dâm dật mà diệt độ không dâm dật, xa lánh vọng ngữ mà diệt độ không vọng ngữ, xa lánh ỷ ngữ mà diệt độ không ỷ ngữ, xa lánh ác ngôn mà diệt độ không ác ngôn, xa lánh gây đấu loạn đây kia mà diệt độ không đấu loạn đây kia, xa lánh tật đố mà diệt độ không tật đố, xa lánh sân nhuế mà diệt độ không sân nhuế, xa lánh tà kiến mà được diệt độ chánh kiến.

Quân-đầu nên biết, phàm phu sinh tâm niệm này: "Có ngã chăng? Không có ngã chăng? Vừa ngã vừa vô ngã chăng? Thế gian thường chăng? Thế gian vô thường chăng? Thế giới hữu biên chăng? Thế giới vô biên chăng? Mạng tức thân chăng? Mạng khác thân khác chăng? Như Lai có chết chăng? Như Lai không chết chăng? Có chết chăng? Không có chết

---

tức Cunda-samaṇuddesa, em trai của ngài Xá-lợi-phất.

chăng? Ai tạo ra thế gian này? Rồi sinh các tà kiến, rằng Phạm thiên tạo ra thế gian này chăng? hay là Địa chủ tạo dựng thế gian này? Hoặc nói Phạm thiên tạo ra chúng sinh này, Địa chủ tạo ra thế giới này. Chúng sinh trước kia không có, nay có. Có rồi, sẽ diệt. Phàm phu do không học, không có tri kiến, nên sinh ra các niệm tưởng này."

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Tự nhiên có Phạm thiên
Phạm chí nói như vậy
Kiến này không chân chánh
Như sở kiến của họ.
Chúa ta sinh hoa sen
Phạm thiên hiện trong đó
Địa chủ sinh Phạm thiên
Tự sinh, không hợp lý.
Địa chủ, dòng Sát-lợi
Cha mẹ của Phạm chí
Làm sao con Sát-lợi
Sinh trở lại Phạm chí?
Đi tìm chỗ sở sinh
Theo lời chư Thiên nói
Đó là lời khen ngợi
Trở lại tự trói buộc.
Phạm thiên sinh loài người
Địa chủ tạo thế gian
Hoặc nói, cái khác tạo
Điều này ai xét cho?
Mê hoặc bởi tham sân
Ba sự cũng hợp tập
Tâm không được tự tại
Tự xưng ta hơn đời.
Chẳng Thần tạo thế gian
Cũng chẳng Phạm thiên sinh
Giả sử Phạm thiên tạo
Đó không hư dối chăng?
Tìm dấu tích lại nhiều
Xét kỹ, biết hư ngôn
Hành vi mỗi mỗi khác
Hành ấy xét không thật.

Quân-đầu nên biết, sở kiến của các loài chúng sinh thì không đồng, mà tâm niệm cũng mỗi khác. Các tri kiến ấy đều vô thường. Ai ôm giữ tri kiến ấy, là pháp biến dịch, vô thường. Nếu người khác sát sinh, ta lìa sát sinh. Nếu người khác trộm cắp, ta sẽ xa lìa việc đó, không tập theo hành vi đó, mà chuyên tâm nhất ý không để thác loạn, tư duy trù lượng xem tà kiến khởi lên từ đâu, cho đến mười pháp ác thảy đều lìa bỏ, không tập theo các hành vi ấy. Nếu người khác sân nhuế, chúng ta học nơi nhẫn nhục. Người khác ôm lòng tật đố, ta nên xả ly. Người khác kiêu mạn, ta nghĩ đến xả ly. Người khác khen mình chê người, ta không khen mình chê người. Người khác không thiểu dục, ta nên học thiểu dục. Người khác phá giới, ta tu tập giới. Người khác giải đãi, ta hãy tinh tấn. Người khác không hành Tam-muội, ta hành Tam-muội. Hãy học như vậy. Người khác ngu hoặc, ta hành trí tuệ. Ai có thể quan sát phân biệt pháp này, tà kiến tiêu diệt, những cái còn lại không sinh.

Quân-đầu sau khi lãnh thọ những điều Như Lai dạy, ở nơi chỗ vắng tư duy, suy gẫm, mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, biết như thật rằng: "Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Bấy giờ Quân-đầu thành A-la-hán.

Bấy giờ, Quân-đầu nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Chúng sinh trong địa ngục thọ báo của tội dài nhất là một kiếp. Cũng có kẻ nửa chừng mà yểu. Súc sinh thọ tội báo dài nhất một kiếp, cũng có yểu mạng nửa chừng. Thọ báo ngạ quỷ dài nhất một kiếp, cũng có yểu nửa chừng.

Tỳ-kheo nên biết, người Uất-đan-viết thọ lâu một ngàn năm; không có ai yểu mạng nửa chừng. Sở dĩ như vậy, vì con người trong quốc thổ đó không có sở hữu. Khi chúng mạng chung ở đây, liền sinh vào cõi lành, sinh lên trời, không có ai đọa lạc.

Loài người ở châu Phất-vu-đãi thọ năm trăm năm; cũng có kẻ nửa chừng yểu.

Người Cù-da-ni thọ hai trăm năm mươi năm; cũng có kẻ nửa chừng yểu.

Người Diêm-phù-đề thọ lâu nhất một trăm năm; phần lớn có kẻ yểu nửa chừng.

Giả sử thọ mạng lâu nhất là mười lần mười; loài người lấy mười lần mười tuổi thọ làm dấu hiệu, do bởi hành vi bất đồng, tính chất được phân biệt thành khác nhau. Mười năm đầu, tuổi ấu thơ chưa biết gì. Mười năm thứ hai, hơi có chút hiểu biết nhưng chưa quán triệt. Mười năm thứ ba, ý dục hừng hực, tham đắm sắc. Mười năm thứ tư, biết nhiều kỹ thuật, nhưng sở hành chưa có đầu mối. Mười năm thứ năm, thấy hiểu nghĩa lý, những gì đã học tập đều không quên, Mười năm thứ sáu, tham đắm tài sản, tâm ý không quyết. Mười năm thứ bảy, lười biếng, ưa ngủ nghỉ, thể chất chậm chạp. Mười năm thứ tám, không còn tâm trai trẻ, cũng không ham lòe loẹt. Mười năm thứ chín, nhiều bệnh, da sần, mặt nhăn. Mười năm thứ mười, các căn suy hao, khớp xương liền nhau, hay quên, hay nhầm lẫn.

Tỳ-kheo, giả sử con người sống được một trăm năm, phải trải qua ngần ấy khó khăn.

Giả sử con người thọ một trăm năm, sẽ trải qua ba trăm mùa gồm Đông, Hạ và Xuân, Thu[12], nhưng so với tuổi thọ kia chưa đủ để nói. Nếu người thọ một trăm năm, sẽ ăn ba vạn sáu ngàn bữa ăn; trung gian hoặc có khi không ăn. Hoặc khi giận mà không ăn; không được cho nên không ăn; bệnh nên không ăn. Tính số người ấy ăn cũng không ăn và bú sữa mẹ, nói tắt có ba vạn sáu ngàn lần ăn. Tỳ-kheo, hạn số của người thọ một trăm năm tính theo sự ăn uống có tình trạng như vậy.

Tỳ-kheo nên biết, con người trong Diêm-phù-địa cũng có khi thọ mạng dài đến vô lượng. Trong thời quá khứ lâu xa, có vị vua tên gọi là Liệu Chúng Bệnh, thọ mạng rất dài, nhan sắc xinh đẹp, hưởng thọ khoái lạc vô lượng. Thời bấy giờ không có các tai hoạn về tật bệnh, tuổi già và chết. Khi ấy có cặp vợ chồng sinh một người con. Đứa con liền mạng chung. Cha mẹ nó ẵm cho ngồi, lại mang đồ ăn đến cho. Nhưng đứa con ấy không ăn,

---

[12]. TMN, bỏ chữ Xuân. Phụ chú cuối quyển: "Kinh nói, một trăm năm phải trải qua ba trăm mùa Đông, Hạ, Thu. Tức mỗi mùa một trăm năm. Nói ba trăm, mà không nói Xuân; đây là thuận theo ba mùa của Tây Vực. Nói ba mùa, là mùa lạnh, mùa nóng và mùa mưa. Nói Đông, tức là mùa lạnh ở nước đó. Hạ, tức mùa nóng, Thu tức mùa mưa. Ba mùa ở đó, mỗi mùa có bốn tháng. Tính một năm có mười hai tháng. Nay lấy Đông, Hạ, Thu mà phỏng theo ba mùa, nhưng số tháng ít hơn thực tế, đó là vì dịch giả không rành ngôn ngữ địa phương."

không uống, không ngồi. Vì sao? Nó đã chết. Cha mẹ nó bấy giờ mới nghĩ như vầy: "Sao con ta hôm nay giận hờn gì mà không chịu ăn uống, cũng không nói năng gì?" Sở dĩ như vậy, con người thời đó chưa nghe đến âm hưởng tử vong nên mới như vậy. Rồi cha mẹ ấy lại nghĩ: "Đã bảy ngày rồi con ta không ăn, không uống và cũng không biết vì sao nó im lặng. Nay ta hãy đem nhân duyên này tâu cho vua Liệu Chúng Bệnh biết." Người cha mẹ ấy liền đi đến vua, đem nhân duyên ấy tâu lên vua đầy đủ. Khi ấy đại vương liền nghĩ: "Ngày nay đã nghe đến tiếng chết rồi." Vua bảo: "Các người hãy mang đứa nhỏ ấy đến ta." Cha mẹ liền ẵm đứa nhỏ đến chỗ quốc vương. Vua thấy rồi, bèn nói với người cha mẹ ấy: "Đứa nhỏ này chết rồi." Cha mẹ nó hỏi: "Chết nghĩa là sao?" Vua nói: "Đứa nhỏ này không còn đi, đứng, nói năng, ăn uống, nô đùa, mình mẩy cứng đơ, không còn làm gì được nữa. Ấy gọi là chết." Người cha mẹ ấy hỏi: "Sự biến đổi này trải qua bao lâu?" Vua nói: "Chẳng bao lâu nữa thân thể đứa nhỏ này tan rữa, sình chương, hôi thối không chịu được." Cha mẹ nó khi ấy chưa tin lời vua. Họ lại ẵm con trở về nhà. Không bao lâu, thân thể nó rữa, hôi thối cực kỳ. Bấy giờ, cha mẹ này mới tin lời vua nói rằng: "Thân thể đứa nhỏ này không lâu sẽ sình chương, tan rữa." Bấy giờ cặp vợ chồng này lại mang đứa nhỏ sình chương ấy đến chỗ quốc vương, tâu vua rằng: "Tâu đại vương, nay chúng tôi mang đứa nhỏ này cống hiến cho đại vương." Khi ấy cha mẹ này cũng không than khóc. Sở dĩ như vậy, vì chưa nghe đến tiếng chết. Sau đó, đại vương lột da nó làm trống, lại sắc lệnh dựng ngôi lầu bảy tầng, mang cái trống lớn này đặt vào đó, rồi sai bảo một người: "Nhà ngươi phải biết, hãy giữ gìn cái trống này. Cứ một trăm năm, đánh một tiếng, không được sai thời." Người ấy vâng lệnh vua, đúng một trăm năm thì đánh một tiếng. Nhân dân nghe tiếng trống ấy, quái lạ chưa từng có. Mọi người hỏi nhau: "Âm hưởng gì vậy? Đó là tiếng của ai mà thấu đến đây?" Vua bảo: "Đó là tiếng của da người chết." Chúng sinh nghe điều này, bèn nghĩ: "Lạ thay, tiếng trống nghe được này!"

Tỳ-kheo, quốc vương bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Quốc vương thời bấy giờ chính là thân Ta vậy. Do đây mà biết, thuở xưa thọ mạng của người Diêm-phù-địa cực kỳ dài. Còn nay, thọ mạng của người Diêm-phù-địa cực ngắn; số giảm thiểu khó giới hạn. Vì sao? Do sát hại quá nhiều, khiến cho tuổi thọ cực ngắn, sắc da cũng mất đẹp. Do nhân duyên này dẫn đến biến đổi quái lạ.

Tỳ-kheo nên biết, năm mươi năm ở Diêm-phù-địa bằng một ngày một đêm trên cõi Tứ Thiên vương. Tính theo số ngày đêm ở đó, ba mươi ngày làm một tháng. Mười hai tháng làm một năm. Thọ mạng trời Tứ Thiên

vương là năm trăm năm, cũng có kẻ yểu nửa chừng.

Tính theo số năm theo loài người, mười tám ức năm (của trời Tứ Thiên vương) là một ngày một đêm trong địa ngục Hoàn hoạt[13]. Tính theo số một ngày một đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng; mười hai tháng là một năm. Tuổi thọ cực dài trong địa ngục Hoàn hoạt là một ngàn năm, cũng có kẻ yểu nửa chừng. Tính theo số năm theo loài người là ba mươi sáu vạn năm.

Một trăm năm loài người bằng một ngày một đêm trên trời Tam thập tam. Tính theo số năm tháng ở đó, tuổi thọ trời Tam thập tam là một ngàn năm; cũng có vị nửa chừng yểu. Tính số năm theo loài người là ba mươi sáu ức năm, bằng một ngày một đêm trong địa ngục A-tỳ[14]. Tính theo số ngày đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng; mười hai tháng là một năm. Theo số ngày đêm ở đây, tuổi thọ là hai vạn năm. Tịnh theo tuổi thọ loài người, đây thọ một câu-lợi[15].

Như vậy, Tỳ-kheo, tính theo số tuổi như vậy càng lúc càng tăng, trừ trời Vô tưởng. Trời Vô tưởng thọ tám vạn bốn ngàn kiếp. Trừ trời Tịnh cư không sinh trở lại đời này.

Cho nên, Tỳ-kheo, có để tâm buông lung, ở ngay nơi hiện thân mà chứng đắc lậu tận. Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

---

[13]. Hoàn hoạt địa ngục; thứ nhất trong tám đại địa ngục. Trường Cf. Câu-xá 11 (tr. 41a02): Đẳng hoạt địa ngục 活地獄. Trường 19 (tr. 0121b29): Tưởng 想. Câu-xá ibid. (tr.61c13): Tuổi thọ của Tứ Đại vương là năm trăm năm, bằng một ngày một đêm trong địa ngục Đẳng hoạt. Các con số tính toán trong bản Hán dịch này không chuẩn xác.

[14]. Câu-xá, ibid., một trăm năm loài người bằng một ngày một đêm trên trời Tam thập tam. Thọ mạng ở đây cực lâu là một ngàn năm, bằng một ngày một đêm trong địa ngục Hắc thằng. Địa ngục Vô gián (A-tỳ) thọ một trung kiếp.

[15]. Câu-lợi; Phiên Phạm ngữ 10 (tr. 1054c08): Câu-lợi 拘利 …, nên nói là câu-trí 拘致, dịch là một ức.

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 44

Phẩm 48: BẤT THIỆN (1)

KINH SỐ 1

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Chúng sinh nào tu hành sát sinh, quảng bá sát sinh, gieo trồng hành vi dẫn đến địa ngục, ngạ quỷ súc sinh, nếu sinh trong loài người, thọ mạng cực vắn. Sở dĩ như vậy, do hại sinh mạng kẻ khác.

Chúng sinh nào trộm cướp vật của người khác, gieo trồng tội của ba nẻo dữ, nếu sinh trong loài người, thường gặp phải nghèo khốn, ăn không đủ no miệng, áo không đủ che thân; thảy đều do trộm cướp, cướp đoạt vật của người, tức đoạn mạng căn của người.

Nếu có chúng sinh tham đắm dâm dật, gieo ba nẻo dữ, khi sinh trong loài người, gia đình không trinh khiết, do lén lút dâm dật.

Hoặc có chúng sinh nói dối, gieo tội địa ngục, khi sinh trong loài người, bị người kinh khi, lời nói không được tin, bị người coi rẻ; sở dĩ như vậy đều do đời trước nói dối.

Hoặc có chúng sinh hai lưỡi[1], gieo tội ba ác đạo, giả sử sinh trong loài người, tâm thường không định, thường mang ưu sầu. Sở dĩ như vậy, do người ấy truyền lời dối trá cả hai đầu.

Hoặc có chúng sinh nói lời thô ác, gieo tội ba ác đạo, nếu sinh trong loài người làm người xấu xí, thường bị mắng nhiếc. Sở dĩ như vậy, do người kia có lời nói không chuyên chánh.

Hoặc có chúng sinh gây đấu loạn đây kia, gieo tội ba ác đạo, giả sử sinh trong loài người, phần nhiều bị thù ghét, người thân ly tán. Sở dĩ như

---

1. *Hán: Lưỡng thiệt, nhưng đây nên hiểu là ỷ ngữ, để không trùng lặp với tội ly gián đoạn dưới.*

vậy đều do đời trước xúi dục đấu loạn.

Hoặc có chúng sinh tật đố, gieo tội ba ác đạo, nếu sinh trong loài người, thiếu thốn y phục. Sở dĩ như vậy, do bởi người ấy khởi tâm tham lam tật đố.

Hoặc có chúng sinh khởi tâm ác hại gieo tội ba ác đạo, giả sử sinh trong loài người thường có nhiều điều hư dối, không hiểu chí lý, tâm loạn không định. Sở dĩ như vậy, đều do bởi đời trước sân hận thịnh nộ, không có nhân từ.

Hoặc có chúng sinh hành tà kiến, gieo ba ác đạo; nếu sinh trong loài người, chỉ ở chỗ biên địa, không sinh vào chốn trung ương, không gặp Tam tôn, nghĩa lý của đạo pháp; hoặc phải điếc, mù, câm ngọng, thân hình không ngay, không hiểu pháp thiện, thường theo pháp ác. Sở dĩ như vậy, thảy đều do đời trước không có tín căn; cũng không tin Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, anh em.

Tỳ-kheo nên biết, do báo ứng của mười điều ác này đưa đến những tai ương như vậy. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy xa lìa mười điều ác, tu hành chánh kiến.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ, vào ngày thứ mười lăm, khi thuyết giới, Thế Tôn với các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi đến giảng đường Phổ hội[2]. Khi ấy Thế Tôn lặng lẽ quán sát Thánh chúng, rồi im lặng không nói. Lúc bấy giờ A-nan bạch Phật:

–Hôm nay Thánh chúng đều tụ tập hết vào giảng đường. Cúi mong Thế Tôn thuyết cấm giới cho các Tỳ-kheo.

Nhưng Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát sau, A-nan lại bạch Phật:

–Nay chính là lúc thích hợp, nên thuyết cấm giới, vì đầu hôm sắp hết.

---

[2] *Xem Trung 9, kinh 37. Pāli, A. VIII. 20 Uposatha (R. iv. 204).*

Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát sau nữa, A-nan lại bạch Phật:

–Sắp hết giữa đêm, chúng Tăng mệt mỏi. Cúi mong Thế Tôn đúng thời thuyết giới.

Thế Tôn vẫn im lặng không nói. Giây lát, A-nan lại bạch Phật:

–Phần cuối đêm sắp hết, cúi mong Thế Tôn kịp thời thuyết giới.

Phật bảo A-nan:

–Trong chúng có người không thanh tịnh, nên Ta không thuyết giới. Nay Ta cho phép Thượng tọa thuyết giới. Nếu Thượng tọa của Tăng không đủ khả năng thuyết giới, cho phép vị trì luật thuyết giới. Nếu không có người trì luật, ai có thể tụng giới thông suốt, hãy xướng lên, khiến thuyết giới. Từ nay trở đi, Như Lai không thuyết giới. Nếu trong chúng có người không thanh tịnh mà Như Lai thuyết giới, đầu người ấy bị vỡ làm bảy mảnh, như trái thù-la[3] kia không khác.

Nghe thế A-nan buồn khóc, bèn nói như vầy:

–Thánh chúng từ nay côi cút. Chánh pháp của Như Lai sao mà chóng vánh. Kẻ bất tịnh sao xuất hiện vội thế?

Khi ấy Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ như vầy: "Ai là người trong chúng này hủy phạm chánh pháp, để Như Lai không thuyết giới?" Rồi Đại Mục-kiền-liên liền nhập định, quán sát khắp trong Thánh chúng xem ai có tâm tỳ vết. Mục-liên khi ấy thấy hai Tỳ-kheo Mã Sư và Mãn Túc đang ở trong chúng. Tôn giả tức thì rời chỗ ngồi, đi đến hai Tỳ-kheo ấy, nói:

–Các ông hãy rời khỏi chỗ ngồi này. Như Lai đang khiển trách. Do bởi các ông mà Như Lai không thuyết giới.

Hai Tỳ-kheo này bấy giờ im lặng không nói. Tôn giả Mục-liên nói ba lần:

–Các ông hãy rời khỏi đây. Chớ có ở đây.

Nhưng hai Tỳ-kheo này im lặng không trả lời. Tức thì Mục-liên bước tới trước nắm tay hai người lôi ra khỏi cửa, rồi đóng cửa lại và bước lên bạch Phật:

–Tỳ-kheo bất tịnh đã ra ngoài. Cúi mong Thế Tôn phải thời thuyết giới.

Phật bảo Mục-liên:

–Thôi, thôi, Mục-liên! Như Lai không thuyết giới cho Tỳ-kheo nữa.

---

[3] *Thù-la quả 酬羅果, chưa rõ trái gì.*

Như Lai không nói hai lời. Ông hãy trở về chỗ ngồi.

Mục-liên bấy giờ bạch Phật:

–Nay trong chúng này đã sinh vết bẩn, con không có khả năng hành pháp Duy-na. Cúi mong Thế Tôn sai cử vị khác.

Thế Tôn im lặng hứa khả. Mục-liên cúi đầu lạy dưới chân Thế Tôn, rồi trở về chỗ ngồi.

Khi ấy A-nan bạch Phật:

–Tỳ-bà-thi Như Lai xuất hiện ở đời, Thánh chúng nhiều hay ít? Trải thời gian bao lâu mới sinh vết bẩn. Cho đến, đệ tử của Phật Ca-diếp nhiều hay ít? Thuyết giới như thế nào?[4]

Phật bảo A-nan:

–Chín mươi mốt kiếp có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm một trăm mười sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo. Hội thứ hai, Thánh chúng gồm mười sáu vạn. Hội thứ ba, Thánh chúng mười vạn. Thảy đều A-la-hán. Phật thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Trong vòng một trăm năm, Thánh chúng thanh tịnh. Đức Phật ấy lấy một bài kệ làm cấm giới.

Nhẫn nhục là bậc nhất.
Phật nói vô vi tối.
Không vì cạo râu tóc
Sa-môn mà hại người.[5]

Bấy giờ Đức Phật ấy chỉ nói một bài kệ này làm cấm giới trong vòng một trăm năm. Khi cấu uế đã phát sinh mới lập cấm giới.

Lại nữa, trong ba mươi mốt kiếp, có Phật hiệu Thức-cật Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện thế gian. Bấy giờ cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất Thánh chúng có mười sáu vạn. Hội thứ hai, Thánh chúng mười bốn vạn. Hội thứ ba Thánh chúng mười vạn. Trong vòng tám mươi năm, trong chúng thanh tịnh, không có cấu uế, Đức Phật ấy cũng nói một bài kệ:

Nếu mắt thấy phi tà
Bậc trí giữ không đắm
Xả bỏ các điều ác
Là hiệt tuệ trong đời.

Trong vòng tám mươi năm Đức Phật ấy nói một bài kệ này. Về sau

---

4. *Cf. Tứ Phần 1 (tr. 569a22): Những vấn đề này do Xá-lợi-phất nêu lên hỏi Phật.*
5. *Kệ Giới kinh, xem Tứ phần giới bản.*

khi cáu bẩn phát sinh mới lập cấm giới.

Phật Thức-cật thọ bảy vạn tuổi. Trong kiếp ấy có Phật xuất hiện thế gian hiệu Tỳ-xá-la-bà; cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất Thánh chúng gồm mười vạn. Hội thứ hai Thánh chúng tám vạn. Hội thứ ba, Thánh chúng gồm bảy vạn La-hán đã diệt tận các lậu. Trong vòng bảy mươi năm không có cáu bẩn, Tỳ-xá-la-bà Như Lai nói một kệ rưỡi làm cấm giới:

Không hại, không chê bai
Mà phụng hành đại giới
Ăn uống biết vừa đủ
Giường chõng cũng như vậy
Trì chí chuyên nhất cảnh
Đây là lời Phật dạy.

Trong bảy mươi năm, lấy một kệ rưỡi này làm cấm giới, về sau vết bẩn phát sinh mới lập cấm giới. Tỳ-xá-la-bà Như Lai thọ bảy vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai. Bấy giờ có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm bảy vạn, thảy đều A-la-hán. Hội thứ hai, gồm sáu vạn A-la-hán. Trong sáu mươi năm không cáu bẩn, Đức Phật ấy lấy hai bài kệ làm cấm giới:

Ví như ong hái hoa
Sắc hương rất tinh khiết
Lấy vị mà cho người
Đạo sĩ sống trong thôn,
Không phỉ báng người khác
Không dò xét lỗi người
Chỉ quán thân hành mình
Xem chánh hay không chánh.

Trong sáu mươi năm lấy hai bài kệ này làm cấm giới. Từ đó về sau khi cáu bẩn phát sinh mới lập cấm giới. Đức Phật ấy thọ sáu vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp lại có Phật xuất thế hiệu Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm sáu mươi vạn, thảy đều A-la-hán. Hội thứ hai, Thánh chúng gồm bốn mươi vạn, thảy đều A-la-hán. Trong bốn mươi năm, bấy giờ chưa có vết bẩn, Đức Phật ấy lấy một bài kệ làm cấm giới:

Giữ chí, chớ khinh miệt
Hãy học đạo tịch tĩnh
Bậc Hiền không ưu sầu
Chí thường niệm tịch diệt.

Trong bốn mười năm, lấy một bài kệ này làm cấm giới. Từ đó về sau khi có cáu bẩn mới lập cấm giới. Đức Phật ấy thọ bốn vạn tuổi.

Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Ca-diệp. Bấy giờ Phật có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất, Thánh chúng gồm bốn mươi vạn. Hội thứ hai, Thánh chúng gồm ba mươi vạn, thảy đều A-la-hán. Trong hai mươi năm chưa có cáu bẩn, thường lấy một bài kệ làm cấm giới:

Hết thảy ác chớ làm
Hãy phụng hành điều thiện
Tự tịnh tâm ý mình
Đó là chư Phật dạy.

Trong hai mươi năm lấy một bài kệ này làm cấm giới. Sau khi có phạm cấm mới lập cấm giới. Bấy giờ Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi.

Nay Ta, Như Lai xuất hiện ở đời, có một hội Thánh chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi người. Trong mười hai năm không có cáu bẩn, cũng lấy một bài kệ làm cấm giới:

Giữ miệng, ý thanh tịnh
Thân hành cũng thanh tịnh
Thanh tịnh ba hành tích
Tu hành đạo Tiên nhân.

Trong mười hai năm lấy một bài kệ này làm cấm giới. Khi có người phạm luật, dần dần có hai trăm năm mươi giới. Từ nay về sau, chúng Tăng tập họp, khải bạch như Luật, rằng: "Các Hiền giả thảy cùng nghe, hôm nay ngày thứ mười lăm, thuyết giới. Tăng nay chấp thuận hòa hợp thuyết cấm giới." Khải bạch như vậy rồi, nếu có Tỳ-kheo nào có nói điều gì, không nên thuyết giới. Tất cả cùng im lặng, không ai nói gì, mới được thuyết giới. Cho đến sau khi nói xong Tựa của giới, cần phải hỏi: "Các Hiền giả, có ai không thanh tịnh không?" Hỏi như vậy ba lần: "Có ai không thanh tịnh không?" Ai thanh tịnh thì im lặng mà ghi nhận. Tuy nhiên, nay con người thọ mạng ngắn, hết một đời không quá trăm năm. Cho nên, này A-nan, hãy khéo ghi nhớ kỹ.

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

–Quá khứ xa xưa chư Phật Thế Tôn thọ mạng cực dài, người phạm Luật ít, không có vết bẩn. Nhưng nay tuổi thọ con người ngắn, không quá mười lần mười. Sau khi chư Phật quá khứ diệt độ, pháp lưu lại tồn tại ở đời trải qua bao lâu?

Phật bảo A-nan:

–Chư Phật quá khứ sau khi diệt độ, có chánh pháp lưu lại ở đời không

lâu.

A-nan bạch Phật:

–Nếu sau khi Như Lai diệt độ, chánh pháp sẽ tồn tại ở đời này bao lâu?

Phật bảo A-nan:

–Sau khi Ta diệt độ, pháp sẽ tồn tại lâu. Sau khi Phật Ca-diếp diệt độ, pháp chỉ tồn tại bảy ngày. Này A-nan, ông nay nghĩ rằng đệ tử của Như Lai rất ít. Chớ nghĩ như vậy ở phương Đông, đệ tử Ta nhiều vô số. Ở phương Nam, đệ tử nhiều vô số. Cho nên, này A-nan, hãy khởi lên ý nghĩ này: "Ta, Phật Thích-ca Văn, thọ mạng cực kỳ lâu dài." Sở dĩ như vậy, vì nhục thân tuy vào diệt độ, nhưng Pháp thân vẫn tồn tại. Ông hãy ghi nhớ phụng hành ý nghĩa này.

Bấy giờ A-nan và các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị. Bấy giờ A-nan bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Thế Tôn rằng:

–Như Lai soi tỏ huyền vi, không sự gì mà không xét. Ngài hiểu rõ hết thảy chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Ngài biết rõ tên họ, danh hiệu chư Phật quá khứ, đệ tử Bồ-tát theo hầu nhiều ít. Một kiếp, một trăm kiếp, cho đến vô số kiếp, Ngài tất quán sát biết rõ. Ngài cũng phân biệt biết rõ tên họ của quốc vương, đại thần, nhân dân; cũng như biết rõ bao nhiêu quốc giới khác nhau hiện tại. Chúng con muốn biết sự kiện trong tương lai lâu xa, Đức Di-lặc ra đời, là Bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác; đệ tử theo hầu, cùng cảnh Phật phong tục an lạc như thế nào, trải qua bao lâu.

Phật bảo A-nan:

–Ông hãy trở về chỗ ngồi, lắng nghe Ta nói về sự xuất hiện của Di-lặc, cùng quốc độ phong tục an lạc và đệ tử nhiều ít. Hãy khéo suy nghĩ, khéo ghi nhớ trong lòng.

A-nan vâng lời Phật dạy, trở về chỗ ngồi. Phật nói:

–Trong tương lai lâu xa, ở tại quốc giới này, có thành quách gọi là

Kê-đầu[6]; Đông sang Tây mười hai do-tuần; Nam đến Bắc bảy do-tuần. Đất đai màu mỡ, nhân dân đông đúc, đường xá thành hàng. Bấy giờ trong thành có Long vương tên Thủy Quang, ban đêm làm mưa thơm thấm nhuần, ban ngày trong lành mát mẻ.

Bấy giờ trong thành Kê-đầu có một con quỷ La-sát tên là Diệp Hoa[7]. Việc làm của nó đều tùy thuận pháp, không trái nghịch chánh giáo. Nó rình lúc mọi người đã ngủ, mới dọn dẹp các thứ bất tịnh dơ bẩn, rồi lại nước thơm rưới lên đất, khiến cho cực kỳ sạch thơm.

A-nan nên biết, lúc bấy giờ Diêm-phù-địa từ Đông sang Tây. Từ Nam lên Bắc, mười vạn do-tuần. Các núi, sông, vách đá đều tự tiêu diệt. Nước bốn biển dồn về một phương. Mặt đất Diêm-phù-địa trở nên bằng phẳng như mặt gương trong sáng.

Trong toàn cõi Diêm-phù-địa, thóc gạo dồi dào, nhân dân đông đúc, có nhiều thứ trân bảo. Thôn xóm liên tiếp nhau chỉ cách khoảng tiếng gà gáy nghe được. Khi ấy các thứ hoa trái xấu dở khô chết hết, những thứ dơ bẩn cũng biến mất. Chỉ còn các loại cây trái ngon ngọt, hương thơm ngào ngạt, sinh trưởng trên đất đó.

Khí hậu thời bấy giờ ôn hòa, bốn mùa thuận hợp, trong thân người không có trăm lẻ tám thứ bệnh hoạn. Tham dục, sân hận, ngu si không lớn, không mãnh liệt. Tâm người bình quân, thảy đều đồng một ý. Gặp nhau thảy đều hoan hỷ, nói lời đẹp lòng với nhau. Ngôn ngữ chỉ một thứ, không có khác biệt. Như người Uất-đan-việt kia không khác. Vì người Diêm-phù-địa khi ấy đều đồng một thứ tiếng, không có nhiều thứ khác nhau.

Các hạng nam nữ bấy giờ mỗi khi có ý muốn đại, tiểu tiện, đất tự nhiên mở ra, việc xong nó tự khép lại.

Diêm-phù-địa thời ấy có giống lúa mọc tự nhiên, không có vỏ trấu, mùi vị cực kỳ thơm ngon, ăn vào trừ các thứ bệnh khổ. Các loại vàng, bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, rơi vãi trên đất, không ai nghĩ đến thâu lượm. Khi người dân ở đó cầm lên một thứ, họ nói với nhau: "Người xưa do các loại châu báu này mà tàn hại lẫn nhau, giam cầm đày đọa nhau, gây thêm vô số khổ não. Ngày nay các thứ này cùng một loại với sỏi đá, không ai cất giữ."

---

6. Kê-đầu thành. Pāli: Ketumatī, cf. D. 26. Cakkavatti (R. iii. 75). Tham chiếu Hán, Trường 6 (tr. 41c22).

7. Diệp Hoa 葉華, có lẽ dịch nghĩa từ Skt. Elāpattra (Pāli: Erakapatta), cùng tên với một Long vương mà đến thời Phật Di-lặc được thoát thân rồng.

Trong thời đó có vị Pháp vương xuất hiện, tên là Tương-khư[8], cai trị bằng chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là bánh xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, điển binh và điển tàng. Vua thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-địa, không dùng đến dao gậy mà tự nhiên đều thần phục.

A-nan, như hiện nay có bốn kho báu[9]. Ở nước Càn-đà-việt[10] có kho báu Y-la-bát[11]. Thứ hai, tại nước Di-thê-la[12] có kho báu Ban-trù.[13] Thứ ba, tại nước Tu-lại-tra[14] có kho báu, cũng chứa nhiều trân bảo.[15] Thứ tư, tại Bà-la-nại, Tương-khư có kho báu lớn, chứa nhiều trân bảo không kể xiết[16]. Bốn kho báu lớn này đúng lúc tự nhiên xuất hiện. Những người canh giữ kho báu[17] đến tâu vua: "Tâu đại vương, xin hãy dùng bảo vật trong các kho báu này mà ban phát cho những người nghèo khốn." Đại vương Tương-khư sau khi nhận được các kho báu này cũng không cất làm của riêng, không có ý tưởng chiếm hữu tài vật.

Thời bấy giờ trong nội cảnh Diêm-phù-địa có loại cây tự nhiên sinh ra y phục, thứ vải rất mịn và mềm mại; mọi người đến lấy mà dùng. Giống như hiện nay người Uất-đan-viết lấy y phục sinh ra tự nhiên ở trên cây không khác.

Vua bấy giờ có vị đại thần tên là Tu-phạm-ma[18], vốn là bạn thân của vua từ thời thơ ấu, mà vua rất yêu kính. Vả ông này có nhan sắc đẹp đẽ, không cao, không thấp, không gầy, không mập, không đen, không trắng,

---

8. Tương-khư 蠰佉. Trường. ibid. (tr. 42a09) Tương-già 懷伽. Pāli, ibid. (tr. 75), Sankha.

9. Bốn bảo tàng 寶藏, hầm mỏ quý. Xem đoạn sau, kinh số 7, phẩm 51.

10. Càn-đà-việt 乾陀越, một phiên âm khác cho Kiện-đà-la (Skt.: Gandhavati = Gandhāra). Đoạn sau, kinh số 7 phẩm 51 âm là Càn-đà-vệ 乾陀衛. Tại đây, theo truyền thuyết Pāli (luật Thiện Kiến), Tôn giả Mạt-điền-địa (Majjhantika) đã chinh phục Long vương Aravāḷa, quy y dân xứ này. Về sau trở thành một trong hai trung tâm lớn của Hữu bộ.

11. Y-la-bát 伊羅鉢; Skt. Elāpatra, nguyên tên của một Long vương, quản lý kho báu cùng tên. Xem kinh số 7 phẩm 51 sau.

12. Di-thê-la 彌梯羅. Đoạn sau, kinh số 7 phẩm 51 âm là Mật-đế-la quốc 蜜締羅國. Pāli: Mithilā, kinh đô của vương quốc Videha, thời Phật.

13. Ban-trù 般綢, kinh số 7 phẩm 51 chép 斑稠. Nguyên tên một Long vương. Skt. Pāṇḍuka.

14. Tu-lại-tra 須賴吒. Skt. Suraṭṭa.

15. Kinh số 7 phẩm 51: Kho báu Tân-già-la 賓伽羅 ở nước Tu-lại-tra, do Long vương Tân-già-la quản lý. Skt. Piṅgala.

*16. Kinh số 7 phẩm 51: Đại bảo tàng Tương-khư 蠰 <lb n="0818c15"/> 佉 (Skt. Saṅkha) tại nước Bà-la-nại 婆羅<gaiji cb='CB0178' des='[木?*奈]' nor='奈' mojikyo='M049171' mofont='Mojikyo M109' mochar='6ADE'>奈 (Vāraṇasī).*

17. Kinh số 7 phẩm 51: Bốn Long vương hiện bốn đại bảo tàng.

18. Tu-phạm-ma 修梵摩. Pāli: Subrahmā.

không già, không trẻ. Tu-phạm-ma có vợ tên là Tu-phạm-việt,[19] đặc sắc bậc nhất trong các ngọc nữ, y như phi hậu của Thiên đế. Miệng bà thường có mùi thơm của hoa sen Ưu-bát; thân thể luôn luôn có mùi thơm Chiên-đàn; có toàn vẹn tám mươi bốn tư thái của phụ nữ; không có bệnh hoạn, không hề loạn tưởng.

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc từ trên trời Đâu-suất quan sát cha mẹ, ai không già cũng không trẻ, bèn giáng thần xuống đó, rồi sẽ sinh ra từ hông phải, như Ta ngày nay không khác. Bồ-tát Di-lặc cũng vậy. Tu-phạm-ma tức thì đặt tên cho con là Di-lặc mà thân hình được trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp; sắc da màu hoàng kim.

Con người thời ấy thọ mạng rất dài, không có các thứ tật bệnh. Thảy đều thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Phụ nữ đến năm trăm tuổi mới lấy chồng.

Bồ-tát Di-lặc sống tại gia không bao lâu, rồi xuất gia học đạo.

Bấy giờ, cách thánh Kê-đầu không xa có một gốc đại thọ tên là Long hoa[20], cao một do-tuần, rộng năm trăm bộ. Bồ-tát Di-lặc ngồi dưới gốc cây này mà thành đạo quả Vô thượng. Vào nửa đêm Di-lặc xuất gia, ngay đêm đó thành đạo Vô thượng. Khi ấy tam thiên đại thiên sát độ chấn động. Địa thần liên tiếp truyền nhau: "Nay Di-lặc đã thành Phật." Lần lượt truyền cho đến cung điện Tứ Thiên vương cũng nghe: "Di-lặc đã thành Phật đạo." Rồi lần lượt truyền lên các cõi trời Tam thập tam, Diệm thiên, Đâu-suất, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại. Âm thanh truyền lần lên cho đến Phạm thiên: "Di-lặc đã thành Phật đạo."

Bấy giờ, có ma tên là Đại Tướng, cai trị đúng theo pháp. Khi nghe âm hưởng lan truyền danh giáo của Như Lai, hoan hỷ phấn chấn không dừng được, bảy ngày bảy đêm không ngủ. Khi ấy ma vương dẫn vô số người nhà trời của Dục giới đi đến Phật Di-lặc, cung kính lễ bái. Di-lặc Thánh tôn lần lượt giảng thuyết các đề tài vi diệu của chánh pháp cho chư Thiên; các đề tài về thí, giới, sinh Thiên, dục là bất tịnh tưởng, xuất yếu là vi diệu. Sau khi thấy mọi người đã phát tâm hoan hỷ, như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài đều phân biệt rộng rãi ý nghĩa cho chư Thiên và loài người. Lúc đó, ngay trên chỗ ngồi có tám vạn bốn ngàn vị trời dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, ma vương Đại Tướng bố cáo với nhân dân cõi ấy rằng: "Các người nên nhanh chóng xuất gia. Vì sao? Hôm này Đức Di-lặc đã vượt qua

---

[19] *Tu-phạm-việt 梵摩越. Pāli: Subrahmī.*

[20] *Long hoa 龍華. Skt. Nāgapuṛpa. Pāli: Nāgapupphiya (?), nhưng không thấy đề cập trong văn học Pāli.*

bờ bên kia và cũng sẽ đưa các người vượt qua."

Bấy giờ trong thành Kê-đầu có một trưởng giả tên là Thiện Tài, nghe giáo lệnh của ma vương, lại nghe tiếng Phật, liền dẫn đại chúng gồm tám vạn bốn ngàn người đi đến Phật Di-lặc, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Đức Di-lặc lần lượt thuyết các đề tài vi diệu của pháp cho ông, luận về thí, giới, sinh Thiên. Khi Đức Di-lặc thấy tâm ý mọi người đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo, Ngài đều phân biệt rộng rãi cho mọi người. Ngay khi ấy, từ trên chỗ ngồi, Thiện Tài cũng tám vạn bốn ngàn người dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Thiện Tài cùng tám vạn bốn ngàn người bước lên trước bạch Phật, cầu xin xuất gia, khéo tu phạm hạnh, thành đạo A-la-hán. Đấy là hội thứ nhất của Phật Di-lặc, có tám vạn bốn ngàn A-la-hán.

Bấy giờ vua Tương-khư, khi nghe Đức Di-lặc đã thành Phật đạo, liền đi đến chỗ Phật để nghe pháp. Đức Di-lặc thuyết pháp cho ông; pháp mà khoảng đầu thiện xảo, khoảng giữa thiện xảo, khoảng cuối cũng thiện xảo; nghĩa lý sâu xa.

Một thời gian sau, vua lập thái tử; rồi đem vật trân bảo cho thợ hớt tóc, lại đem các thứ bảo vật khác cho các Phạm chí. Sau đó vua dẫn tám vạn bốn ngàn người đi đến chỗ Phật, cầu xin làm Sa-môn. Tất cả đều thành đạo A-la-hán.

Khi trưởng giả Tu-phạm-ma nghe Đức Di-lặc đã thành Phật đạo, liền dẫn đại chúng gồm tám vạn bốn ngàn Phạm chí đi đến chỗ Phật cầu xin làm Sa-môn. Thảy đều đắc A-la-hán. Riêng Tu-phạm-ma đoạn trừ ba kết, rồi nhất định sẽ chấm dứt biên tế khổ.

Mẹ của Phật là Phạm-ma-việt cũng dẫn tám vạn bốn ngàn thể nữ đi đến Phật cầu xin làm Sa-môn. Các người nữ đều đắc A-la-hán; duy chỉ một người là Phạm-ma-việt đoạn trừ ba kết thành Tu-đà-hoàn.

Nhưng người phụ nữ Sát-lợi nghe Đức Di-lặc Như Lai xuất hiện thế gian thành Đẳng chánh giác, có vài ngàn vạn người đi đến Phật, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Mỗi người đều sinh tâm cầu xin làm Sa-môn, xuất gia học đạo. Trong đó, hoặc có người vượt thứ lớp mà chứng ngộ; hoặc có người không chứng ngộ. Này A-nan, những người không vượt thứ lớp chứng ngộ thảy đều là những người phụng pháp, nhàm tởm tất cả thế gian không có gì đáng vui thích.

Di-lặc bấy giờ thuyết giáo pháp ba thừa. Như ngày nay trong các đệ tử của Ta, Đại Ca-diếp là người hành Đầu-đà. Trong quá khứ đã từng tu phạm hạnh nơi chư Phật. Người này sẽ thường trợ giúp Di-lặc giáo hóa

nhân dân.

Khi ấy Ca-diếp đang ngồi kiết già cách Như Lai không xa, chánh thân chánh ý, buộc niệm trước mắt. Bấy giờ Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Nay tuổi Ta đã suy hao, gần hơn tám chục. Nhưng nay Như Lai có bốn đại Thanh văn có thể đảm trách du hóa, mà trí tuệ vô tận, đầy đủ các phẩm đức. Bốn vị này là những ai? Đó là Tỳ-kheo Ca-diếp, Tỳ-kheo Quân-đồ-bát-hán, Tỳ-kheo Tân-đầu-lô[21], Tỳ-kheo La-vân[22]. Các ông bốn đại Thanh văn không nên Bát-niết-bàn. Hãy đợi khi nào pháp Ta mất hẳn rồi hãy Bát-niết-bàn. Đại Ca-diếp cũng không nên Bát-niết-bàn. Hãy đợi cho đến Di-lặc xuất hiện thế gian. Vì sao? Các đệ tử được hóa độ bởi Di-lặc thảy đều là đệ tử của Thích-ca Văn, do sự giáo hóa của Ta được lưu lại mà dứt sạch các lậu. Trong thôn Tỳ-đề, quốc giới Ma-kiệt, Đại Ca-diếp sẽ trú trong núi ở đó.[23] Về sau, Di-lặc Như Lai sẽ dẫn vô số tùy tùng đi đến núi này. Do ân đức của Phật, các quỷ thần sẽ mở cửa núi và được thấy Ca-diếp trong hang thiền. Khi ấy Đức Di-lặc duỗi cánh tay phải chỉ Ca-diếp mà bảo đại chúng: "Đây là đệ tử của Phật Thích-ca văn trong thời quá khứ xa xưa, tên là Ca-diếp, vẫn tồn tại cho đến nay, là vị Đầu-đà khổ hành bậc nhất." Mọi người khi ấy tán thán là chưa từng có. Ngay lúc ấy, vô số trăm ngàn người dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Đây gọi là hội thứ nhất,[24] có chín mươi sáu ức người thành A-la-hán. Những người ấy đều là đệ tử của Ta. Vì sao? Thảy đều do Ta giáo hóa mà được như vậy; và cũng do nhân duyên bốn sự[25] là huệ thí, nhân ái, lợi người và đẳng lợi.

Này A-nan, bấy giờ Di-lặc Như Lai sẽ lấy y Tăng-già-lê của Ca-diếp rồi khoác lên mình, tức thì thân thể của Ca-diếp tự nhiên rã như sao. Di-lặc mới dùng đủ các loại hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn có tâm cung kính đối với Chánh pháp. Di-lặc cũng do Ta giáo hóa mà được thành đạo Vô thượng chân chánh.

---

[21] Tân-đầu-lô 賓頭盧, tức vị thứ nhất trong mười sáu A-la-hán kể trong Pháp Trụ Ký (T49n2030, tr. 13a9), phiên âm khác là Tân-độ-la Bạt-ra-xà 賓度羅跋囉惰闍 (Skt. Pindola-bhāradvāja).

[22] La-vân 羅云, tức La-hổ-la 囉怙羅 (Skt., Pāli: Rāhula), thứ mười một trong mười sáu A-la-hán kể trong Pháp Trụ Ký (tr. 13a14).

[23] Truyền thuyết phương Bắc, Đại Ca-diếp hiện vẫn nhập định trong núi Kê túc (Skt. Kukkuṭapāda-giri), nước Ma-kiệt-đà; cf. Phú pháp nhân duyên (T50n2058, tr. 301a16); Pháp Hiển Truyện (T51n2085, tr. 863c27); Tây Vực Ký 9 (T51n2087, tr. 919b25).

[24] Có thể có sự nhầm lẫn trong bản Hán này.

[25] Tứ sự 四事, đây chỉ bốn Nhiếp sự, mà nội dung Hán dịch ở đây có khác.

A-nan nên biết, hội thứ hai của Phật Di-lặc có chín mươi bốn ức người, đều là A-la-hán, cũng đều là đệ tử di giáo của Ta, hành cúng dường bốn sự mà được như vậy.

Lại nữa, hội thứ ba của Phật Di-lặc có chín mươi hai ức người, đều A-la-hán, cũng là đệ tử di giáo của Ta.

Thời bấy giờ, các Tỳ-kheo đều có họ là đệ tử Từ Thị, như ngày nay các Thanh văn đều được gọi là đệ tử Thích-ca.

Bấy giờ, Đức Di-lặc thuyết pháp cho các đệ tử: "Tỳ-kheo các ông, hãy tư duy về tưởng vô thường, tưởng lạc có khổ, tưởng chấp ngã và vô ngã, tưởng thật có Không, tưởng sắc biến, tưởng bầm xanh, tưởng sình chương, tương ăn chưa tiêu hết, tưởng máu huyết, tưởng hết thảy thế gian không có đang vui thích. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, mười tưởng này đều là những điều đã được Thích-ca Văn Phật trong quá khứ nói cho các ông, để được dứt sạch hữu lậu, tâm được giải thoát.

Trong đại chúng này, hoặc có người vốn là đệ tử của Phật Thích-ca Văn, thời quá khứ đã tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. Hoặc phụng trì pháp của Phật Thích-ca Văn, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn cúng dường Tam bảo, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà tu hành gốc rễ thiện trong khoảng chừng búng ngón tay, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca hành bốn đẳng tâm, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà thọ trì năm giới, ba tự quy y, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở Phật Thích-ca Văn khởi dựng tháp miếu, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca mà tu sửa chùa, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà thọ trì tám pháp quan trai, nay đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca Văn mà cúng dường hương hoa, nay đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Phật ấy nghe Phật pháp mà buồn khóc rơi lệ, nay đến chỗ Ta. Hoặc ở nơi Phật Thích-ca văn chuyên ý nghe pháp, nay đến chỗ Ta. Hoặc suốt đời khéo tu phạm hạnh, nay đến chỗ Ta. Hoặc chép, đọc tụng, thọ trì, nay đến chỗ Ta. Hoặc người thừa sự cúng dường mà nay đến chỗ Ta.

Rồi Đức Di-lặc nói bài kệ này:

Tăng trưởng đức giới, văn
Nghiệp thiền và tư duy
Khéo tu hành phạm hạnh
Người ấy đến chỗ Ta.
Khuyên thí, tâm hoan hỷ
Tu hành cội nguồn tâm
Ý không sai biệt tưởng

Người ấy đến chỗ Ta.
Hoặc tâm bình đẳng
Và thừa sự chư Phật
Thức ăn cúng Thánh chúng
Người ấy đều đến Ta.
Hoặc tụng giới, Khế kinh
Khéo tập, thuyết cho người
Nhiệt hành nơi gốc pháp
Ngày nay đến chỗ Ta.
Họ Thích khéo giáo hóa
Cúng dường các xá-lợi
Thừa sự pháp, cúng dường
Ngày nay đến chỗ Ta.
Nếu ai sao chép kinh
Ban[26] bố trên lụa trắng[27]
Những ai cúng dường kinh
Nay đều đến chỗ Ta.
Lụa là và các vật
Cúng dường nơi chùa tháp
Tự xưng Nam-mô Phật
Thảy đều đến chỗ Ta.
Ai cúng dường hiện tại
Và chư Phật quá khứ
Thiền định, chánh bình đẳng
Cũng không có tăng giảm,
Cho nên, đối Phật pháp
Thừa sự nơi Thánh chúng
Chuyên tâm thờ Tam bảo
Tất đến chỗ vô vi.

Này A-nan nên biết, Di-lặc Như Lai sẽ nói bài kệ này giữa đại chúng.

Bấy giờ trong đại chúng, chư Thiên và loài người tư duy mười tưởng, khi ấy có mười một triệu[28] người dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh. Trong một ngàn năm, trong chúng không có cáu bẩn, Di-lặc Như Lai

---

[26] Văn bản in là tụng 頌, cước chú in là ban 頒, TNM: ban 班.

[27] Tố thượng 素上. Do chữ ban 頒 đọc là tụng 頌 nên có người đoán đây là chữ án 案 (án thư), thay vì tố 素. Nhưng Ấn Độ không có tục đọc sách trên án thư.

[28] Hán: Thập nhất cai 十一垓; mỗi cai là mười triệu. Con số ở đây chỉ có tính tượng trưng.

bấy giờ chỉ nói một bài kệ làm cấm giới:

Miệng, ý không hành ác
Thân cũng không sai phạm
Trừ sạch ba nghiệp này
Chóng vượt vực sinh tử.

Sau một ngàn năm, sẽ có người phạm cấm giới, bấy giờ mới chế giới.

Di-lặc Như Lai sẽ thọ tám vạn bốn ngàn năm. Sau khi Bát-niết-bàn, di pháp của Ngài sẽ tồn tại tám vạn bốn ngàn năm. Sở dĩ như vậy, vì chúng sinh thời bấy giờ thảy đều có căn tánh linh lợi. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Phật Di-lặc và các Thanh văn trong ba hội, thành Kê-đầu và bốn đại bảo tàng, muốn được ăn thứ lúa tự nhiên, mặc loại y phục tự nhiên, rồi khi thân hoại mạng chung sinh lên trời, những thiện nam, thiện nữ ấy hãy chuyên cần tinh tấn, không sinh lười biếng và hãy cúng dường thừa sự các Pháp sư bằng các thứ hương hoa thơm, cùng các phẩm vật cúng dường chớ để thiếu thốn.

A-nan, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, A-nan và các chúng hội nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 45

Phẩm 48: BẤt thiỆn (2)

KINH SỐ 4[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ số đông Tỳ-kheo cùng tụ tập tại giảng đường Phổ hội. Mọi người đều có ý nghĩ này: "Thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Nay Như Lai có thể phân biệt biết rõ chư Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, với tên hiệu như vậy, chủng tộc như vậy, sự trì giới và đệ tử tùy tùng như vậy, cùng Tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát kiến tuệ, thân thọ dài ngắn, thảy đều biết rõ. Thế nào, chư Hiền, đó là do Như Lai phân biệt pháp xứ cực kỳ thanh tịnh mới biết nguồn gốc danh hiệu của chư Phật chăng? Hay do chư Thiên đến báo cáo cho biết điều này chăng?

Khi ấy, bằng Thiên nhĩ thông suốt, Thế Tôn nghe các Tỳ-kheo đang khơi dậy đề tài này, liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo, rồi xuống ngay giữa đại chúng. Bấy giờ Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông tập họp tại đây, đang bàn luận chuyện gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Chúng con tập họp tại đây bàn luận các đề tài Phật pháp. Mọi người đều nêu lên vấn đề như vầy: "Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Như Lai có thể biết rõ chư Phật quá khứ với danh hiệu, chủng tộc như vậy; trí tuệ như vậy, cũng đều thông suốt tường tận. Thật kỳ diệu! Thế nào, này chư Hiền, đó là do sự phân biệt pháp giới của Như Lai cực kỳ thanh tịnh mới biết được nguồn gốc danh hiệu chư Phật, hay do chư Thiên đến chỗ Phật nói lại sự kiện ấy?"

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông có muốn nghe trí lực siêu việt của chư Phật quá khứ, cùng

---

[1] *Tham chiếu Pāli, D. 14 Mahāpadāna (R. ii. 1). Hán, Trường 1, kinh 1 "Đại bản".*

danh hiệu, thọ mạng dài vắn chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Nay là lúc thích hợp, cúi xin Như Lai giải bày nghĩa lý này.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ diễn rộng ý nghĩa cho các ông nghe.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo nên biết, quá khứ cách nay chín mươi mốt kiếp, có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

Lại ba mươi mốt kiếp có Phật xuất thế hiệu Thức-cật Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

Lại ba mươi mốt kiếp có Phật hiệu Tỳ-xá-la-bà Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời.

Trong Hiền kiếp này, có Phật xuất thế hiệu Câu-lũ-tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác.

Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Ca-diếp.

Lại trong Hiền kiếp, Ta, Thích-ca Văn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, xuất hiện ở đời.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

Trong chín mươi mốt kiếp
Có Phật Tỳ-bà-thi.
Trong ba mươi mốt kiếp
Xuất hiện Phật Thức-cật.
Lại ở trong kiếp đó
Xuất hiện Phật Tỳ-xá.
Ngày nay trong Hiền kiếp
Bốn Phật lại ra đời
Câu-tôn, Na, Ca-diếp
Như mặt trời soi đời
Nếu muốn rõ tên họ
Và danh hiệu, như vậy.

Tỳ-bà-thi Như Lai xuất hiện trong chủng tộc Sát-lợi. Thức-cật Như Lai cũng xuất hiện trong Sát-lợi. Tỳ-xá-la-bà Như Lai cũng từ Sát-lợi.

Câu-lũ-tôn xuất hiện trong dòng Bà-la-môn. Câu-na-hàm-mâu-ni xuất hiện trong dòng Bà-la-môn. Ca-diếp Như Lai xuất hiện trong dòng Bà-la-môn. Như Ta nay xuất hiện trong dòng Sát-lợi.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

Các Phật trước xuất hiện
Đều từ dòng Sát-lợi.
Câu-tôn, đến Ca-diếp,
Xuất từ Bà-la-môn;
Chí tôn không ai bằng.
Ta nay Thầy trời người,
Với các căn tịch tĩnh,
Xuất từ dòng Sát-lợi.

Tỳ-bà-thi Như Lai họ Cù-đàm[2]. Thức-cật Như Lai cũng từ họ Cù-đàm. Tỳ-xá-la-bà cũng họ Cù-đàm. Ca-diếp Như Lai xuất từ họ Ca-diếp. Câu-lâu-tôn, Câu-na-hàm-mâu-ni, cũng dòng họ Ca-diếp không khác. Ta, Như Lai đời hiện tại, có họ Cù-đàm.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói bài kệ này:

Các Phật Chánh giác đầu
Xuất từ họ Cù-đàm.
Ba vị tiếp Ca-diếp,
Đều có họ Ca-diếp.
Như Ta đời hiện tại,
Chư Thiên nhân cúng dường,
Các căn đều tịch tĩnh,
Xuất từ họ Cù-đàm.

Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-bà-thi Như Lai có họ[3] là Câu-lân-nhã[4]. Thức-cật Như Lai cũng xuất từ Câu-lân-nhã. Tỳ-xá-la-bà Như Lai cũng xuất từ Câu-lân-nhã. Câu-lũ-tôn Như Lai xuất từ Bà-la-đọa. Câu-na-hàm-mâu-ni cũng xuất từ Bà-la-đọa. Ca-diếp Như Lai cũng xuất từ Bà-la-đọa[5].

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

---

2. *Nguyên Hán: Tánh 姓. Đoạn dưới cũng nói tánh thuộc Câu-lân-nhã. Có sự lẫn lộn về dụng ngữ trong bản Hán dịch này. Xem cht. dưới.*
3. *Tánh, Pāli: Gotta, tức dòng họ, chỉ phương diện huyết thống.*
4. *Câu-lân-nhã 拘隣若. Pāli: Koṇḍañña. Trên kia cũng nói là tánh Cù-đàm. Trường 1 cũng như Pāli, chỉ nói tánh Câu-lợi-nhã 拘利若, không nói đến tánh Cù-đàm.*
5. *Bà-la-đọa 婆羅墮. Ba vị sau này, Trường 1 và Pāli đều nói thuộc dòng họ Ca-diếp, như đoạn trên; không nói đến Bà-la-đọa.*

Ba vị Chánh giác đầu
Xuất từ Câu-lân-nhã.
Sau cho đến Ca-diếp
Đều từ Bà-la-đọa.
Như Ta đời hiện tại,
Chư Thiên nhân cúng dường,
Các căn đều tịch tĩnh,
Xuất từ Câu-lân-nhã.[6]

Tỳ-bà-thi Như Lai ngồi dưới cây hoa Ba-la-lợi[7] mà thành Phật đạo. Thức-cật Như Lai ngồi dưới cây Phân-đà-lợi[8] mà thành Phật đạo. Tỳ-xá-la-bà Như Lai ngồi dưới cây Sa-la[9] mà thành Phật đạo. Câu-lũ-tôn Như Lai ngồi dưới cây Thi-lợi-sa[10] mà thành Phật đạo. Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai ngồi dưới cây Ưu-đầu-bát-la[11] mà thành Phật đạo. Ca-diếp Như Lai ngồi dưới cây Ni-câu-lưu[12] mà thành đạo quả. Như Ta, Như Lai trong đời hiện tại ngồi dưới cây Cát-tường[13] mà thành Phật đạo.

Vị thứ nhất thành đạo
Dưới cây Ba-la-lợi.
Thức-cật, Phân-đà-lợi.
Tỳ-xá, cây Sa-la.
Câu-tôn, cây Thi-lợi.
Câu-na, cây Bạt-la.
Ca-diếp, cây Câu-lưu.
Ta dưới cây Cát tường.
Bảy Phật, Thiên trung Thiên,
Soi tỏ khắp thế gian,
Nhân duyên dưới bóng cây,
Mà chứng thành đạo quả.

Tỳ-bà-thi Như Lai có đệ tử là đại chúng gồm mười sáu vạn tám ngàn người. Thứ-cật Như Lai có đệ tử với đại chúng gồm mười sáu vạn người. Tỳ-xá-la-bà Như Lai có đệ tử là đại chúng mười vạn người. Câu-lũ-tôn Như

---

6. *Không thấy nơi nào khác nói Thích tôn thuộc họ Câu-lân-nhã.*
7. *Ba-la-lợi 波羅利. Pāli: Pāṭali.*
8. *Phân-đà-lợi 分陀利. Pāli: Puṇḍarīka.*
9. *Để bản chép: Ba-la 波羅; nên sửa lại là sa-la 沙羅. Pāli: Sāla.*
10. *Thi-lợi-sa 尸利沙. Pāli: Sirīsa.*
11. *Ưu-đầu-bát-la 優頭跋羅. Pāli: Udumbara.*
12. *Ni-câu-lưu 尼拘留. Pāli: Nigrodha.*
13. *Cát tường 吉祥. Pāli: Assattha.*

Lai có đệ tử là đại chúng tám vạn người. Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai có đệ tử là chúng bảy vạn người. Ca-diếp Như Lai có đệ tử là chúng sáu vạn người. Ta nay chúng đệ tử có một ngàn hai trăm năm mươi người. Thảy đều là A-la-hán, vĩnh viễn dứt sạch các lậu, không còn các triền phược.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Trăn ngàn sáu vạn tám
Đệ tử Tỳ-bà-thi.
Trăm ngàn thêm sáu vạn
Chúng đệ tử Thức-cật.
Chúng Tỳ-kheo trăm ngàn
Đệ tử Tỳ-xá-bà.
Câu-tôn, chúng tám vạn
Ca-diếp, chúng sáu vạn
Thảy đều A-la-hán
Ta nay Thích-ca Văn
Ngàn hai trăm năm chục.
Đều là bậc Chân nhân
Hiện đang hành giáo pháp
Đệ tử theo di giáo
Con số không thể lường.

Tỳ-bà-thi Như Lai có thị giả tên là Đại Đạo Sư.[14] Thức-cật Như Lai có thị giả tên là Thiện Giác[15]. Tỳ-xá-la-bà Như Lai có thị giả tên là Thắng Chúng[16]. Câu-lũ-tôn Như Lai có thị giả tên là Cát Tường[17]. Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai có thị giả tên là Tỳ-la-tiên[18]. Ca-diếp Như Lai có thị giả tên là Đạo Sư[19]. Ta nay có thị giả tên là A-nan.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Đại Đạo và Thiện Giác
Thắng Chúng và Cát Tường
Tỳ-la-tiên, Đạo Sư
A-nan. Bảy thị giả.
Những vị này hầu Phật

---

[14] *Đại Đạo Sư. Trường 1, thị giả Vô Ưu 無憂. Pāli: Asoka.*
[15] *Thiện Giác. Trường 1, thị giả Nhẫn Hành 忍行. Pāli: Khemaṅkaro.*
[16] *Thắng Chúng. Trường 1, thị giả Tịch Diệt 寂滅. Pāli: Upasanto.*
[17] *Cát Tường. Trường 1, thị giả Thiện Giác 善覺. Pāli: Buddhijo.*
[18] *Tỳ-la-liên. Trường 1, thị giả An Hòa 安和. Pāli: Sotthijo.*
[19] *Đạo Sư. Trường 1, thị giả Thiện Hữu 善友. Pāli: Sabbamitto.*

Không khi nào sái thời
Phúng tụng và thọ trì
Không để mất nghĩa lý.

Tỳ-bà-thi Như Lai thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Thức-cật Như Lai thọ bảy vạn tuổi. Tỳ-xá-la-bà Như Lai thọ sáu vạn tuổi. Câu-lũ-tôn Như Lai thọ năm vạn tuổi. Câu-na-hàm Như Lai thọ bốn vạn tuổi. Ca-diếp Như Lai thọ hai vạn tuổi. Ta ngày nay thọ mạng rất vắn. Tuổi thọ dài nhất không quá một trăm.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Phật đầu, tám vạn tư
Phật kế, bảy vạn tuổi.
Tỳ-xá-bà sáu vạn.
Câu-lưu thọ năm vạn.
Gấp đôi số hai vạn
Tuổi thọ Câu-na-hàm.
Ca-diếp thọ hai vạn.
Chỉ Ta thọ trăm tuổi.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, Như Lai quán sát biết rõ tên họ, danh hiệu của chư Phật; tất cả đều rõ ràng; chủng loại, xuất xứ, thảy đều quán triệt; trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, thảy đều thấu rõ.

Bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn:

–Như Lai cũng nói, Như Lai biết rõ quá khứ hằng sa chư Phật đã diệt độ và vị lai hằng sa chư Phật sẽ xuất hiện. Vì sao Như Lai không ghi nhận những việc làm của ngần ấy chư Phật, mà nay chỉ nói đến gốc ngọn của bảy vị Phật?

Phật bảo A-nan:

–Tất cả đều có nhân duyên nên Như Lai chỉ nói sự tích gốc ngọn của bảy vị Phật. Hằng sa chư Phật trong quá khứ cũng chỉ nói gốc ngọn của bảy Phật. Tương lai Di-lặc xuất hiện ở đời cũng chỉ nói gốc ngọn bảy Phật. Như khi Sư Tử Ứng Như Lai xuất hiện, cũng sẽ nói gốc ngọn bảy Phật. Khi Phật Thừa Nhu Thuận xuất hiện ở đời, cũng sẽ nói gốc ngọn bảy Phật. Khi Phật Quang Diệm xuất hiện ở đời cũng sẽ nói gốc ngọn bảy Phật. Khi Phật Vô Cấu xuất hiện ở đời, cũng sẽ ghi nhận gốc ngọn Phật Ca-diếp. Khi Phật Bảo Quang xuất hiện ở đời, cũng sẽ ghi nhận gốc ngọn Thích-ca văn.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ này:

Sư Tử, Nhu Thuận, Quang

Vô Cấu và Bảo Quang
Tiếp theo sau Di-lặc
Thảy đều thành Phật đạo.
Di-lặc ghi Thức Phật.
Sư Tử ghi Tỳ-xá.
Nhu Thuận ghi Câu-tôn.
Quang Diệm ghi Mâu-ni.
Vô Cấu ghi Ca-diếp.
Thảy đều nói bởi duyên.
Bảo Quang thành Chánh giác,
Sẽ ghi danh hiệu Ta.
Phật Chánh giác quá khứ,
Cũng như Phật tương lai,
Đều ghi nhận bảy Phật,
Và sự tích gốc ngọn.

Thảy đều có nhân duyên nên Như Lai ghi nhận danh hiệu chỉ bảy Phật thôi.

A-nan bạch Phật:

–Kinh này tên gì? Phụng hành như thế nào?

Phật nói:

–Kinh này gọi là Ký Phật Danh Hiệu. Hãy ghi nhớ phụng hành.

Bấy giờ A-nan và các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt.

Bấy giờ trưởng giả Sư Tử đi đến Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Trưởng giả Sư Tử bạch Xá-lợi-phất rằng:

–Cúi mong Tôn giả nhận lời thỉnh của con.

Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Khi trưởng giả thấy Tôn giả im lặng nhận lời, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy dưới chân, rồi lui ra.

Ông lại đi đến Đại Mục-kiền-liên, Ly-việt, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên-diên, Mãn Nguyện Tử, Ưu-bà-ly, Tu-bồ-đề, La-vân, Quân-đầu Sa-di. Các vị thượng thủ như vậy cùng với năm trăm vị.

Bấy giờ trưởng giả trở về nhà sửa soạn đủ các thức ăn hết sức ngon lành, trải các chỗ ngồi rất đẹp. Sau đó, đến thưa là đã đến giờ:

–Thưa các Chân nhân A-la-hán biết cho, nay thức ăn đã dọn xong, cúi mong các vị hạ cố đến nhà con.

Khi ấy các đại Thanh văn khoác ba y, cầm bát, đi vào thành, đến nhà ông trưởng giả. Trưởng giả thấy các vị Tôn giả đã yên chỗ ngồi rồi, tự tay san sớt, bưng dọn các thức ăn. Khi thấy Thánh chúng ăn xong, sau khi dùng nước rửa, ông dâng cúng mỗi vị một tấm lụa trắng và bước lên trước để nhận chú nguyện. Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất thuyết một bài pháp cực kỳ vi diệu cho ông trưởng giả nghe. Sau đó, ngài rời chỗ ngồi đứng dậy, trở về tĩnh thất.

Bấy giờ La-vân đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

–Ông từ đâu đến đây?

La-vân đáp:

–Hôm nay con được trưởng giả Sư Tử đến thỉnh.

Phật hỏi:

–Thế nào, La-vân, ăn uống có ngon hay không ngon?

La-vân đáp:

–Thức ăn rất ngon và rất dồi dào. Nay con nhận được tấm lụa trắng này từ đó.

Phật hỏi:

–Chúng Tăng đến đó bao nhiêu người? Ai là Thượng tọa?

La-vân bạch:

–Hòa thượng Xá-lợi-phất ở đầu hàng Thượng thủ. Các đệ tử thần đức khác có năm trăm vị.

Phật bảo La-vân:

–La-vân, trưởng giả ấy có được phước nhiều không?

La-vân bạch Phật:

–Vâng, bạch Thế Tôn, ông trưởng giả ấy được phước báo không thể kể xiết. Thí cho một vị A-la-hán, phước còn khó hạn lượng, huống gì các bậc được chư Thiên thần diệu cung kính. Hôm nay có năm trăm vị thảy đều là bậc Chân nhân. Cho nên phước của ông ấy làm sao mà lường hết được.

Phật bảo La-vân:

–Nay công đức do bố thí năm trăm vị La-hán, so với công đức bố thí cho một Sa-môn là người được sai cử thứ tự từ trong Tăng khi Tăng được

thỉnh cúng dường; phước từ người được sai cử trong chúng này so với phước bố thí năm trăm La-hán, nhiều gấp trăm lần, ngàn lần, hàng ức vạn lần, không thể lấy thí dụ mà biết được. Vì sao? Phước từ người được Chúng sai cử khó mà hạn lượng, đưa đến chỗ cam lộ, diệt tận.

La-vân nên biết, như có người tự mình thề rằng: "Tôi sẽ uống hết nước trong các sông ngòi. Người ấy có thể làm được như vậy chăng?

La-vân bạch Phật:

–Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì sao? Diêm-phù-địa này rất rộng lớn. Có bốn con sông lớn của Diêm-phù-địa, một là Hằng-già, hai là Tân-đầu, ba là Tư-đà, bốn là Bác-xoa. Mỗi con sông còn có năm trăm chi lưu. Người ấy không bao giờ có thể uống cho hết được. Chỉ nhọc công mà chẳng bao giờ thành.

Người ấy lại nói rằng: "Ta tự mình có phương tiện nhân duyên có thể uống hết các con nước." Nhân duyên gì mà có thể uống hết các con nước? Khi ấy, người này nghĩ rằng: "Tôi sẽ uống nước biển. Vì sao? Tất cả con sông đều đổ vào biển." Thế nào, La-vân, người ấy có thể uống hết các con nước chăng?

La-vân bạch Phật:

–Bằng phương tiện như vậy thì có thể uống hết các con nước. Vì sao? Tất cả mọi dòng nước đều đổ vào biển. Cho nên người ấy có thể uống hết nước.

Phật nói:

–Cũng vậy, La-vân. Hết thảy sự bố thí riêng tư đều như dòng nước kia, hoặc được phước, hoặc không được phước. Chúng Tăng như biển cả kia. Vì sao? Cũng như nước của các sông khi đổ vào biển đều mất tên cũ, mà chỉ có một gọi là biển cả. La-vân, ở đây cũng vậy. Nay mười hạng người đều từ trong Chúng mà ra; không có Chúng thì không thành. Những gì là mười? Đó là, hướng Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, hướng Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm, hướng A-na-hàm, A-na-hàm, hướng A-la-hán, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật. Đó là mười hạng người đều do từ trong Chúng, không đơn độc, không biệt lập.

La-vân, hãy do phương tiện này mà biết rằng, với người được sai cử từ Chúng, phước ấy không thể hạn lượng. Cho nên, này La-vân, thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu phước không hề kể xiết ấy hãy cúng dường Thánh chúng.

La-vân nên biết, cũng như người lấy bơ bỏ vào nước, nó đặc lại chứ không tan ra. Nếu đem dầu bỏ vào nước, nó lan khắp trên mặt nước. Cho

nên, này La-vân, hãy nhớ nghĩ cúng dường Thánh chúng, Tăng Tỳ-kheo. La-vân, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ trưởng giả Sư Tử nghe Như Lai tán thán phước do bố thí Chúng, chứ không tán thán các phước khác. Vào một lúc khác, ông trưởng giả đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Trưởng giả bạch Thế Tôn:

–Con có nghe Như Lai tán thán phước do bố thí Chúng, mà không tán thán phước do người được biệt thỉnh. Từ nay về sau, con sẽ thường xuyên cúng dường Thánh chúng.

Phật nói:

–Ta không nói như vậy, rằng cúng dường Thánh chúng chứ đừng cúng dường người khác. Nay cúng bố thí cho súc sinh còn được phước, huống nữa cho người. Nhưng điều mà ta nói, là phước nhiều hay ít. Vì sao? Thánh chúng của Như Lai là bậc đáng kính, đáng quý trọng, là ruộng phước tối thượng của thế gian. Nay trong Chúng này có bốn Hướng và bốn Quả[20], cùng Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, Phật thừa. Thiện nam, thiện nữ nào muốn chứng đắc đạo của ba thừa, hãy tìm cầu từ trong Chúng. Vì sao? Đạo của ba thừa đều xuất từ trong Chúng.

Này trưởng giả, Ta quán sát nhân duyên ý nghĩa này cho nên mới nói như vậy. Ta cũng không khuyên dạy người chỉ nên cúng dường Thánh chúng chứ đừng cho các người khác.

Khi ấy ông trưởng giả bạch Thế Tôn:

–Đúng vậy, như lời Thế Tôn dạy. Từ nay về sau, nếu có làm phước nghiệp, con thảy đều cúng dường Thánh chúng, không lựa chọn người mà cho.

Sau đó, Thế Tôn nói pháp vi diệu cho ông trưởng giả, khiến ông sinh tâm hoan hỷ. Trưởng giả nghe xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân, rồi cáo lui.

Ý của trưởng giả Sư Tử lúc bấy giờ muốn lập phước nghiệp. Chư Thiên khi ấy đến bảo ông rằng: "Vị này là hướng Tu-đà-hoàn. Vị này đắc Tu-đà-hoàn. Hãy thí cho vị này sẽ được phước nhiều. Thí cho vị kia sẽ được phước ít." Rồi chư Thiên này nói bài kệ:

Phật khen thí lựa chọn
Cho vị có đức này
Cho vị ấy phước nhiều

---

[20] *Nguyên Hán: Đắc.*

Như ruộng tốt trổ mạ.

Trưởng giả Sư Tử khi ấy im lặng không trả lời. Chư Thiên này lại nói với trưởng giả: "Đây là người trì giới. Đây là người phạm giới. Đây là vị hướng Tu-đà-hoàn. Đây là vị đắc Tu-đà-hoàn. Vị này là hướng Tư-đà-hàm. Vị này đắc Tư-đà-hàm. Vị này hướng A-na-hàm. Vị này đắc A-na-hàm. Vị này hướng A-la-hán. Vị này đắc A-la-hán. Vị này là Thanh văn thừa. Vị này là Bích-chi-phật thừa. Vị này là Phật thừa. Thí cho vị này được ít phước. Thí cho vị này được nhiều phước.

Bấy giờ trưởng giả Sư Tử im lặng không trả lời. Vì sao? Ông chỉ nhớ đến giáo giới của Như Lai, là bố thí mà không lựa chọn.

Vào một lúc khác, trưởng giả Sư Tử lại đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Ông nói:

–Con ghi nhớ nên thỉnh Thánh chúng dùng cơm. Có vị trời đến bảo con: "Đây là người trì giới. Đây là người phạm giới. Đây là vị hướng Tu-đà-hoàn. Đây là vị đắc Tu-đà-hoàn." Cho đến, cả ba thừa, hãy đều phân biệt. Vị Trời ấy lại nói kệ:

Phật khen thí lựa chọn
Cho vị có đức này
Cho vị ấy, phước nhiều
Như ruộng tốt trổ mạ.

Khi ấy con lại nghĩ như vầy: "Không nên làm trái giáo giới của Như Lai. Há có thể sinh tâm lựa chọn sao? Không bao giờ nên có tâm thị phi ý cao thấp." Rồi con lại nghĩ: "Ta sẽ bố thí cho hết thảy mọi loài chúng sinh. Ai trì giới, người ấy được phước vô cùng. Ai phạm giới, tự mình lãnh thọ tai ương. Ta chỉ vì thương xót chúng sinh rằng không ăn thì không thể sống.

Phật bảo ông trưởng giả:

–Lành thay, lành thay! Trưởng giả, ông có thệ nguyện rộng lớn như vậy! Bồ-tát bố thí với tâm luôn luôn bình đẳng. Trưởng giả nên biết, khi Bồ-tát huệ thí, chư Thiên đến bảo rằng: "Thiện nam nên biết, đây là người trì giới. Đây là người phạm giới. Thí đây, được phước nhiều. Thí đây được phước ít." Bồ-tát bấy giờ không hề có tâm như vậy, rằng: "Nên thí đây. Không nên thí đây." Nhưng Bồ-tát giữ tâm ý không có thị phi. Không nói, đây trì giới. Cũng không nói, đây phạm giới. Cho nên, này trưởng giả, hãy với tâm niệm bình đẳng mà huệ thí, trong lâu dài được phước vô lượng.

Bấy giờ ông trưởng giả ghi nhớ lời dạy của Như Lai, nhìn chăm chú Thế Tôn, ý không di động, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà được Pháp nhãn thanh tịnh. Sau đó, ông trưởng giả rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới

chân Phật, rồi lui ra.

Ông trưởng giả đi chưa bao lâu, Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Trưởng giả Sư Tử này do ghi nhớ bình đẳng thí, lại nhìn kỹ Như Lai từ đầu đến chân, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà được Pháp nhãn thanh tịnh.

Rồi Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trong hàng Ưu-bà-tắc của Ta, đệ tử đệ nhất bình đẳng thí, đó là trưởng giả Sư Tử.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6

Nghe như vậy:

Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyệt, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang vá y trong một hang vắng trong núi Kỳ-xà-quật. Khi ấy có một ngàn Phạm-di-ca từ cõi Phạm thiên biến mất và xuất hiện trước Xá-lợi-phất, cúi đầu lạy dưới chân, nhiễu quanh ba vòng, rồi đứng hầu và nói bài kệ tán thán này:

Quy mạng đấng Thượng nhân.
Quy mạng đấng Tôn quý
Nay chúng tôi không biết
Ngài y nơi thiền nào?

Sau khi các trời Phạm-di-ca nói xong bài kệ này, Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận. Chư Thiên sau khi thấy Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận rồi, bèn cúi lạy dưới chân mà lui.

Chư Thiên đi chưa xa, Xá-lợi-phất liền nhập Kim cang Tam-muội. Khi ấy có hai con quỷ; một tên là Già-la và một tên là Ưu-bà-già-la. Chúng được Tỳ-sa-môn Thiên vương sai đi đến Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương để luận bàn việc người và trời. Khi hai con quỷ bay ngang qua hư không, chúng từ xa thấy Xá-lợi-phất ngồi kiết già, buộc niệm trước mắt, tâm ý tịch nhiên định. Quỷ Già-la nói với quỷ kia:

–Bấy giờ ta có thể nắm tay đấm lên đầu Sa-môn này.

Quỷ Ưu-bà-già-la nói với con quỷ thứ hai:

–Ngươi chớ có khởi ý nghĩ đánh lên đầu Sa-môn. Vì sao? Sa-môn này có thần đức, có oai lực rất lớn. Vị Tôn giả này tên là Xá-lợi-phất. Trong

hàng đệ tử của Thế Tôn, ngài là vị thông minh tài cao không ai hơn, là đệ nhất trí tuệ trong các đệ tử. Nếu không, người sẽ chịu khổ vô lượng lâu dài.

Nhưng con quỷ kia lặp lại ba lần, nói:

–Ta có thể đánh lên đầu Sa-môn này.

Quỷ Ưu-bà-già-la nói:

–Ngươi không nghe lời ta, thì ngươi cứ ở lại đây. Ta sẽ bỏ ngươi mà đi.

Con ác quỷ kia nói:

–Ngươi sợ Sa-môn sao?

Quỷ Ưu-ba-già-la nói:

–Ta sợ thật. Nếu ngươi lấy tay đánh Sa-môn này, đất này sẽ nứt làm hai. Ngay lúc đó mưa to gió lớn sẽ nổi lên. Đất cũng rung động, chư Thiên kinh sợ. Khi đất rung động, Tứ Thiên vương cũng kinh sợ. Tứ Thiên vương mà kinh sợ, chúng ta không ở yên được đâu.

Khi ấy, con ác quỷ nói:

–Ta có thể làm nhục Sa-môn này.

Con quỷ thiện nghe thế liền bỏ đi. Con quỷ ác kia bèn lấy tay đánh vào đầu Xá-lợi-phất. Tức thì trời đất bị chấn động. Bốn phía mưa to gió lớn kéo đến. Đất liền nứt làm hai. Con quỷ ác này cả toàn thân rơi xuống địa ngục.

Sau đó, Tôn giả Xá-lợi-phất từ Tam-muội dậy, sửa lại y phục và bước xuống núi Kỳ-xà-quật, đi đến Thế Tôn tại vườn Trúc, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thân thể ông nay không có bệnh tật gì chăng?

Xá-lợi-phất đáp:

–Thân thể con nguyên chẳng bệnh hoạn gì. Duy chỉ có nhức đầu.

Thế Tôn nói:

–Quỷ Già-la lấy tay đánh vào đầu ông. Nếu nó lấy tay đánh vào núi Tu-di, núi ấy cũng bị vỡ làm đôi. Vì sao? Con quỷ ấy có sức mạnh to lớn. Nay nó đã chịu tội báo, toàn thân rơi vào địa ngục A-tỳ.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Kim cang Tam-muội có uy lực như vậy! Do uy lực của Tam-muội này, không có gì làm tổn thương được. Giả sử mang cả núi Tu-di mà dộng vào đầu, nó cũng không hề làm tổn thương một sợi lông. Vì sao? Tỳ-kheo, hãy lắng nghe!

Trong Hiền kiếp này có Phật hiệu Câu-lũ-tôn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Đức Phật ấy có hai đại Thanh văn; một tên là Đẳng Thọ và một tên là Đại Trí[21]. Tỳ-kheo Đẳng Thọ có Thần túc đệ nhất. Tỳ-kheo Đại Trí có trí tuệ đệ nhất; như Ta hiện nay có Xá-lợi-phất là Trí tuệ đệ nhất và Mục-kiền-liên là Thần thông đệ nhất. Hai vị Tỳ-kheo này, Đẳng Thọ và Đại Trí, đều đắc Kim cang Tam-muội. Vào một lúc, Tỳ-kheo Đẳng Thọ nhập Kim cang Tam-muội tại một nơi vắng vẻ. Khi ấy, bọn chăn bò, chăn dê và những người đi lấy củi thấy Tỳ-kheo này đang tọa thiền, họ bảo nhau rằng: "Sa-môn này hôm này đã bị vô thường bắt rồi." Những người chăn bò và lấy củi bèn gom lá, cây các thứ chất lên mình Tỳ-kheo, xong rồi châm lửa đổi và sau đó bỏ đi. Khi Tỳ-kheo Đẳng Thọ rời khỏi Tam-muội, sửa lại y phục, rồi bỏ đi. Ngay ngày hôm đó, Tỳ-kheo khoác y, cầm bát vào thôn khất thực. Những người lấy củi lượm cỏ thấy Tỳ-kheo này vào thôn khất thực, liền bảo nhau: "Hôm qua Tỳ-kheo này chết rồi. Chúng ta đã châm lửa thiêu. Hôm nay ông ấy sống lại. Bây giờ nên đặt tên cho ông, gọi là Hoàn Hoạt[22]."

Tỳ-kheo nào đắc Kim cang Tam-muội, lửa đốt không cháy, dao chém không đứt; xuống nước không bị chìm; không bị ai đả thương. Như vậy, này Tỳ-kheo, Kim cang Tam-muội có uy đức như vậy. Nay Xá-lợi-phất đắc Tam-muội này. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất phần nhiều an trú trong hai chỗ, là Không Tam-muội và Kim cang Tam-muội. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành kim cang Tam-muội.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Ta sẽ dạy các ông, như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, là Tỳ-kheo trí tuệ, đại trí, phân biệt trí, quảng trí, vô biên trí, tiệp tật trí, phổ du trí, lợi trí, thậm thâm trí, đoạn trí, thiểu dục tri túc, tịch tĩnh, dũng mãnh, niệm không phân tán, giới thành tựu, Tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu, nhu hòa, vô tránh, đoạn trừ sự ác, đắc biện tài, tuệ biện vô ngại, tán thán sự dứt trừ ác, thường niệm xả ly, thương xót quần sinh, nhiệt hành chánh pháp, thuyết pháp cho người không hề mệt mỏi.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Mười ngàn các người trời

---

[21] *Đẳng Thọ 等壽 và Đại Trí 大智. Pāli: Sañjīva, Vidhura; cf. D.ii. 7.*

[22] *Hoàn hoạt 還活, Pāli: Sañjīva (cf. M.i. 333), trên kia dịch là Đẳng Thọ.*

Thảy đều Phạm-ca-di
Tự quy Xá-lợi-phất
Ở trên đỉnh Linh thứu.
Quy mạng đấng Thượng nhân
Quy mạng đấng Tôn quý
Nay chúng tôi không biết
Ngài y nơi thiền nào?
Hoa đệ tử như vậy
Làm đẹp cây Phật đạo
Như vườn Trú đạc[23] trời
Khoái lạc không thể sánh.

Hoa đệ tử, tức là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao? Con người này có thể làm đẹp cây Phật, cây Đạo, tức là Như Lai vậy. Như Lai che mát tất cả chúng sinh. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên niệm tinh cần, dũng mãnh tinh tấn, như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

[23] *Cây Trú đạc (Pāli: Pāricchattaka) trên trời Tam thập tam. Cf. Trung 1, kinh 2 (tr. 422a20).*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 46

Phẩm 49: PHÓNG NGƯU (1)

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Người chăn bò nếu thành tựu mười một pháp, đàn bò sẽ không bao giờ tăng trưởng; nó cũng không thể giữ gìn bò. Những gì là mười một? Người chăn bò không phân biệt sắc, không hiểu tướng, cần vuốt chải mà không vuốt chải[2], không che đậy vết thương lở, không tùy lúc xông khói, không biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, không biết chỗ nào an ổn, không biết chỗ dẫn bò qua sông, không biết thời nghi[3], khi vắt sữa mà vắt cạn không biết chừa lại, khi bò đã lớn có thể dùng mà lại không tùy thời chăm sóc[4].

Tỳ-kheo, đó là mười một pháp mà nếu người chăn bò thành tựu, thì sẽ không thể phát triển đàn bò, không thể chăm sóc thân chúng. Ở đây, Tỳ-kheo trong chúng cũng vậy, sẽ không thể thêm ích được gì. Những gì là mười? Không phân biệt sắc, không hiểu rõ tướng, cần vuốt chải mà không vuốt chải, không che đậy vết thương lở, không tùy lúc xông khói, không biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, không biết chỗ nào an ổn, không biết chỗ dẫn bò qua sông, không biết đúng lúc cho ăn, không biết chừa lại, không biết kính trọng các Tỳ-kheo trưởng lão.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết sắc? Ở đây, Tỳ-kheo, có bốn đại và sắc do bốn đại tạo, mà hoàn toàn không biết. Tỳ-kheo, như vậy là không biết sắc.

---

1. *Tham chiếu Pāli, A. XI. 18 (R. v. 347), M. 33 Gopāka (R. i. 410). Hán, Tạp 47 No 99(1249).*
2. *Hán: ma loát 摩刷. Pāli: Na āsāṭikaṃ hāretā, không diệt trứng ruồi nhặng.*
3. *Thời nghi 時宜, đoạn dưới: Thời nghi thực, cho ăn đúng lúc.*
4. *Pāli: Không coi trọng con bò đầu đàn.*

Thế nào là Tỳ-kheo không hiểu rõ tướng? Ở đây, Tỳ-kheo không biết hành vi gì là ngu, hành vi gì là trí; thảy đều không như thật biết. Tỳ-kheo, như vậy là không hiểu rõ tướng.

Thế nào, Tỳ-kheo cần vuốt chải mà không vuốt chải? Ở đây, Tỳ-kheo thấy sắc liền khởi tưởng về sắc, có các loạn niệm, lại không thủ hộ nhãn căn; do không khéo nhiếp niệm nên gây ra các tai ương chồng chất[5], không thủ hộ nhãn căn[6]. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm trơn láng, ý biết pháp, mà khởi các tưởng tạp loạn, cũng không phòng hộ ý căn, không sửa đổi hành vi. Tỳ-kheo, như vậy là cần vuốt chải mà không vuốt chải.

Thế nào, Tỳ-kheo, là không che đậy vết thương? Ở đây Tỳ-kheo khởi dục tưởng mà không xả ly, cũng không trừ khử niệm ấy. Hoặc khởi sân tưởng, sát hại tưởng, khởi các tưởng ác bất thiện mà không hề xả bỏ[7]. Tỳ-kheo, như vậy là không che đậy vết thương.

Thế nào, Tỳ-kheo, là không tùy thời xông khói? Ở đây, pháp mà Tỳ-kheo đọc tụng không tùy thời nói cho người khác nghe. Như vậy, Tỳ-kheo, là không tùy thời xông khói.

Thế nào, Tỳ-kheo, không biết ruộng tốt, nhiều cỏ? Ở đây, Tỳ-kheo không biết bốn Ý chỉ; không như thật biết. Tỳ-kheo, như vậy là không biết ruộng tốt, nhiều cỏ.

Thế nào, Tỳ-kheo, không biết chỗ qua sông? Ở đây Tỳ-kheo không biệt tám phẩm đạo của Hiền thánh. Tỳ-kheo, như vậy là không biết chỗ qua sông.

Thế nào, Tỳ-kheo, không biết điều yêu quý[8]? Ở đây, Tỳ-kheo, đối với mười hai bộ: Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Nhân duyên, Bản mạt, Phương đẳng, Thí dụ, Sinh kinh, Thuyết, Quảng phổ, Vị tằng hữu pháp. Tỳ-kheo, như vậy không biết điều được yêu quý.

Thế nào, Tỳ-kheo, không biết thời nghi[9]? Ở đây, Tỳ-kheo đi đến nhà

---

5. *Nguyên Hán: Tạo chúng ương điệp 造眾殃疊 (?). Pāli: Do không phòng hộ nhãn căn khiến các pháp ác bất thiện, tham, ưu trôi chảy vào.*
6. *Bản Pāli: Không che đậy vết thương (na vaṇaṃ paṭicchādetā): Tỳ-kheo không phòng hộ nhãn căn.*
7. *Bản Pāli: Không diệt trứng ruồi, tức không dứt bỏ ba bất thiện tầm: Dục (kāmavitakkaṃ), sân (byāpādavitakkaṃ), hại (vihiṃsāvitakkaṃ).*
8. *Bất tri sở ái 不知所愛, không có trong liệt kê trên. Có thể dịch khác từ "không biết chỗ nào an ổn".*
9. *Xem cht. trên.*

hèn hạ, nhà cờ bạc. Tỳ-kheo, như vậy là không biết thời nghi.

Thế nào, Tỳ-kheo, không biết chừa lại? Ở đây, Tỳ-kheo có Phạm chí, Ưu-bà-tắc, là những người có tín tâm, đến thỉnh. Nhưng Tỳ-kheo ấy tham ăn uống, không biết đủ mà dừng lại. Tỳ-kheo, như vậy là không biết chừa lại.

Thế nào, Tỳ-kheo, không kính các Tỳ-kheo trưởng lão, cao đức? Ở đây, Tỳ-kheo không khởi tâm cung kính người có đức. Tỳ-kheo như vậy có nhiều sai phạm. Đó gọi là Tỳ-kheo không kính trưởng lão.

Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu mười một pháp này, người ấy ở trong chánh pháp này trọn không được điều gì lợi ích.

Lại nữa, nếu người chăn bò thành tựu mười một pháp, người ấy có thể chăm sóc đàn bò không hề thất thời, được nhiều lợi ích. Những gì là mười một? Ở đây người chăn bò biết sắc, biết phân biệt tướng, cần vuốt chải thì vuốt chải, che đậy vết thương lở, tùy thời xông khói, biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, biết chỗ qua sông, biết yêu mến bò, phân biệt thời nghi, biết tánh hạnh, khi vắt sữa thì biết chừa lại, tùy thời chăm sóc con bò đang được dùng. Như vậy người chăn bò chăm sóc đàn bò.

Cũng vậy, cũng như người chăn bò, Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp mà không mất thời tiết, trọn không bị trở ngăn. Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp như vậy, ngay trong hiện pháp, được nhiều điều lợi ích. Những gì là mười một? Ở đây, Tỳ-kheo biết sắc, biết tướng, biết vuốt chải, biết che đậy vết thương, biết xông khói, biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ, biết điều đáng yêu, biết chọn đường đi, biết chỗ qua sông, biết kính Tỳ-kheo trưởng lão mà tùy thời lễ bái.

Thế nào là Tỳ-kheo biết sắc? Ở đây, Tỳ-kheo biết sắc bốn đại và cũng biết sắc do bốn đại tạo. Đó gọi là Tỳ-kheo biết sắc.

Thế nào là Tỳ-kheo biết tướng? Ở đây, Tỳ-kheo biết tướng ngu, biết tướng trí; biết như thật. Như vậy, Tỳ-kheo biết tướng.

Thế nào là Tỳ-kheo biết vuốt chải? Ở đây, Tỳ-kheo khi khởi tâm niệm dục tưởng, liền biết xả ly, không thân cận, vĩnh viễn không có dục tưởng. Khi sân tưởng, hại tưởng, các tưởng ác bất thiện khởi lên, liền biết xả ly, không thân cận, vĩnh viễn không có sân tưởng các thứ. Như vậy, Tỳ-kheo biết vuốt chải.

Thế nào là Tỳ-kheo biết che đậy vết thương? Ở đây, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc mà không khởi sắc tưởng, cũng không nhiễm trước, mà làm thanh tịnh nhãn căn; trừ khử các pháp ác bất thiện, sầu ưu, tâm không tham đắm, ở trong đó mà thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tai nghe tiếng, mũi

ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết trơn láng, ý biết pháp mà không khởi thức tưởng, cũng không nhiễm trước, mà thanh tịnh ý căn. Như vậy, Tỳ-kheo biết che đậy vết thương.

Thế nào, Tỳ-kheo biết xông khói? Ở đây, Tỳ-kheo nói lại cho người khác pháp mà mình đã từng nghe. Như vậy, Tỳ-kheo biết xông khói.

Thế nào, Tỳ-kheo biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ? Ở đây, Tỳ-kheo như thật biết tám phẩm đạo Hiền thánh. Như vậy, Tỳ-kheo biết ruộng tốt chỗ có nhiều cỏ.

Thế nào, Tỳ-kheo biết điều đáng yêu quý? Ở đây, Tỳ-kheo nghe Pháp bảo mà Như Lai đã nói, trong tâm liền yêu quý. Như vậy, Tỳ-kheo biết điều đáng yêu quý.

Thế nào, Tỳ-kheo biết chọn đường đi? Ở đây, Tỳ-kheo đối với mười hai bộ kinh[10] biết lựa chọn mà hành. Đó là, Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ quyết, Kệ, Nhân duyên, Bản mạt, Phương đẳng, Thí dụ, Sinh kinh, Thuyết, Quảng phổ, Vị tằng hữu pháp. Như vậy, Tỳ-kheo biết chọn đường đi.

Thế nào, Tỳ-kheo biết chỗ qua sông? Ở đây, Tỳ-kheo biết bốn Ý chỉ[11]. Đó là Tỳ-kheo biết chỗ qua sông.

Thế nào, Tỳ-kheo biết ăn vừa đủ no?[12] Ở đây, Tỳ-kheo có Phạm chí, Ưu-bà-tắc, là những người có tín tâm, đến thỉnh. Tỳ-kheo không ý tham ăn uống, có thể biết đủ mà dừng lại. Tỳ-kheo, như vậy là vừa đủ.

Thế nào, Tỳ-kheo tùy thời cung kính Tỳ-kheo trưởng lão? Ở đây, Tỳ-kheo hằng với thiện hành bởi thân, miệng, ý đối với các Tỳ-kheo trưởng lão. Như vậy Tỳ-kheo tùy thời cung phụng các Tỳ-kheo trưởng lão.

Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp như vậy, ở ngay trong hiện pháp, được nhiều điều lợi ích.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Chăn bò không buông lung
Người chủ được nhiều phước
Sáu bò trong sáu năm
Lần lượt thành sáu chục.
Tỳ-kheo giới thành tựu
Tự tại trong thiền định

---

10. Hán dịch có chỗ bất nhất. Trên kia, đây là mục Tỳ-kheo biết điều sở ái.

11. Đoạn trên, bốn Ý chỉ trong mục biết ruộng cỏ. Tám Thánh đạo, trong mục biết chỗ qua sông.

12. Văn dịch không nhất quán. Ở đây, vắt sữa biết chừa lại.

Sáu căn được vắng lặng
Sáu năm thành sáu thông.

Như vậy, Tỳ-kheo, nếu ai có thể xa lìa pháp ác này, thành tựu mười một pháp kể sau cùng này, người ấy ở trong hiện pháp được nhiều điều lợi ích. Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nếu Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp này chắc chắn có điều được tăng trưởng. Những gì là mười một? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, các căn tịch tĩnh, ăn uống biết đủ, hằng tu hành cộng pháp và cũng biết phương tiện ấy, phân biệt nghĩa ấy, không đắm lợi dưỡng. Như vậy Tỳ-kheo, nếu thành tựu mười một pháp này, có khả năng để tăng trưởng. Vì sao? Tất cả các thực hành, chân chánh có mười một pháp.

Lúc bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn rằng:

–Vì sao chân chánh có mười một pháp, mà không nhiều hơn?

Những gì là mười một?[13] Đó là, a-luyện-nhã, khất thực, ngồi một chỗ, ăn một bữa, ăn đúng giữa trưa, ăn không chọn nhà, giữ ba y, ngồi dưới gốc cây, ngồi giữa trời trống, chỗ nhàn tĩnh, mặc y vá, hoặc ở tại bãi tha ma.[14] Đó là Tỳ-kheo nếu thành tựu mười một pháp này, thì có điều sở đắc.

Nay Ta lại nói thêm cho ông biết. Nếu ai trong mười một năm học pháp này, tức hiện thân thành A-na-hàm, chuyển thân thành A-la-hán.

Này các Tỳ-kheo, hãy bỏ qua mười một năm. Nếu ai trong chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm học pháp này, người ấy sẽ thành một trong hai quả, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán.

Hãy bỏ qua mười hai Thánh. Tỳ-kheo nào có thể trong một Thánh tu hành pháp này, Tỳ-kheo ấy chắc chắn thành một trong hai quả: Hoặc A-na-

---

[13] Hán dịch sót một đoạn Phật trả lời A-nan.

[14] Mười một hạnh Đầu-đà, xem kinh số 5 phẩm 12; văn dịch trong hai đoạn có một điểm khác nhau.

hàm, hoặc A-la-hán. Vì sao? Mười hai nhân duyên đều xuất từ mười một pháp. Đó là, sinh, già, bệnh, chết, ưu, sầu, khổ, não.

Nay Ta dạy các Tỳ-kheo, hãy như Tỳ-kheo Ca-diếp. Giả sử có người hành pháp khiêm khổ, khó có hành nào sánh kịp. Vì sao? Tỳ-kheo Ca-diếp đã thành tựu mười pháp này. Nên biết, các Như Lai[15] trong quá khứ thành Đẳng chánh giác cũng do thành tựu mười một pháp khổ này. Nay Tỳ-kheo Ca-diếp, vì thương tưởng hết thảy chúng sinh. Nếu cúng dường các Thanh văn quá khứ, thân sau mới được báo ứng. Giả sử cúng dường Ca-diếp, ngay thân này mà thọ nhận báo ứng. Giả sử Ta không thành Vô thượng Đẳng chánh giác, sau sẽ do Ca-diếp thành Đẳng chánh giác. Do nhân duyên này, Ca-diếp vượt hơn các Thanh văn quá khứ. Ai có thể hành như Ca-diếp, ấy là hành tối thượng. Như vậy Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Phật đang thuyết pháp cho vô số chúng sinh vây quanh trước sau. Trong lúc ấy, Xá-lợi-phất đang dẫn một số đông các Tỳ-kheo đi kinh hành. Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Ca-chiên-diên, Mãn Nguyện Tử, Ưu-ba-ly, Tu-bồ-đề, La-vân và Tỳ-kheo A-nan; mỗi vị đều dẫn một số đông Tỳ-kheo an trú. Đề-bà-đạt-đa cũng dẫn số đông Tỳ-kheo kinh hành.

Khi ấy, Thế Tôn thấy các đệ tử có thần túc, mỗi vị đang dẫn số chúng kinh hành. Thấy như vậy, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Những kẻ thiện thì đi với thiện. Những kẻ ác thì đi với ác. Cũng như sữa với sữa thì hòa với nhau; bơ với bơ hòa với nhau; phân tiểu, mỗi thứ mỗi tương ứng với nhau. Ở đây cũng vậy, do căn nguyên của chúng sinh mà pháp sở hành mỗi mỗi tương ứng với nhau. Thiện tương ưng với thiện. Ác tương ưng với ác. Các ông có thấy Xá-lợi-phất đang dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Vâng, chúng con thấy.

---

[15] *Trong bản: Đa-tát-a-kiệt 多薩阿竭. Pāli (Skt.) Tathāgata.*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Những người như vậy đều là các bậc trí tuệ.

Lại bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông có thấy Mục-kiền-liên đang dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói:

–Các Tỳ-kheo ấy đều là những vị có thần túc.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Ca-diếp đang dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật bói:

–Các vị Thượng sĩ đó đều là những người hành pháp Đầu-đà.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy A-na-luật đang dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói:

–Các Hiền sĩ đều là những vị Thiên nhãn đệ nhất.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo Ly-việt không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Những người đó là những vị nhập định.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo Ca-chiên-diên không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị Thượng sĩ đó đều là những người phân biệt nghĩa lý.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo Mãn Nguyện Tử không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói:

–Các Hiền sĩ ấy đều là các Tỳ-kheo thuyết pháp.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo Ưu-ba-ly không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói:

–Những vị đó đều là những người trì cấm luật.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo Tu-bồ-đề không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói:

–Các Thượng nhân ấy đều là những vị giải Không đệ nhất.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo La-vân không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói:

–Các Hiền sĩ ấy đều là những vị giới đầy đủ.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo A-nan không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói:

–Các Hiền sĩ ấy đều là những vị đa văn; điều gì đã nghe một lần sẽ không bao giờ quên.

Lại hỏi:

–Các ông có thấy Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa đang dẫn nhiều người đi kinh hành không?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Vâng, chúng con thấy.

Phật nói:

–Những người ấy đứng đầu làm ác, không có gốc rễ thiện.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Chớ bạn với người xấu
Chớ tùng sự người ngu
Hãy bạn với người lành
Giao thiệp với người trí.
Nếu người vốn không ác
Do thân cận người ác
Sau sẽ thành nhân ác
Tiếng ác khắp thiên hạ.

Bấy giờ hơn ba mươi đệ tử của Đề-bà-đạt-đa, sau khi nghe Thế Tôn nói bài tụng này, xả bỏ Đề-bà-đạt-đa mà đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, cầu sửa đổi trọng tội. Lại bạch Thế Tôn:

–Chúng con ngu hoặc không biết chân ngụy, bỏ Thiện tri thức mà theo ác tri thức. Cúi xin Thế Tôn rộng lượng tha thứ. Về sau không dám tái phạm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta chấp thuận các ông sám hối, sửa lỗi cũ, tu tập điều mới, chớ có tái phạm.

Rồi các đệ tử của Đề-bà-đạt-đa vâng theo lời giáo giới của Thế Tôn, sống tại chỗ nhàn tĩnh, tư duy diệu nghĩa, tự mình khắc kỷ hành pháp, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, để tu phạm hạnh vô thượng. Khi ấy, các Tỳ-kheo này đều đắc A-la-hán.

Tỳ-kheo nên biết, căn nguyên của chúng sinh theo loại mà về với nhau. Ác đi theo ác, thiện đi theo thiện. Căn nguyên chúng sinh trong quá khứ, tương lai, cũng đều như vậy, theo loại mà đi với nhau. Như tịnh thì tương ứng với tịnh; bất tịnh tương ứng với bất tịnh.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy cùng tương ưng với tịnh, xả ly bất tịnh. Như vậy Tỳ-kheo hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại Câu-lưu-sa trong thành Pháp hành[16], cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Lúc bấy giờ Tượng Xá-lợi-phất[17] trả lại pháp phục, trở về đời sống bạch y. Vào một lúc nọ, A-nan khoác y, cầm bát vào thành khất thực, lần hồi đi đến nhà Tượng Xá-lợi-phất. Trong lúc đó, Tượng Xá-lợi-phất đang đứng tựa trên vai hai người phụ nữ. A-nan từ xa trông thấy thế, trong lòng buồn rầu, không vui. Tượng Xá-lợi-phất trông thấy A-nan, cảm thấy rất xấu hổ, bèn ngồi xuống một mình.

A-nan khất thực xong, ra khỏi thành, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Vừa rồi con vào thành khất thực, lần hồi đi đến nhà của Tượng Xá-lợi-phất, thấy ông đang đứng tựa trên vai hai người nữ. Thấy vậy, trong lòng con rất buồn rầu.

Thế Tôn nói:

–Ông thấy vậy rồi, có ý nghĩ gì?

A-nan bạch Phật:

–Con nghĩ, Tượng Xá-lợi-phất tinh tấn, đa văn, tánh hạnh nhu hòa, thường thuyết pháp cho các vị đồng phạm hạnh mà không hề biết mệt mỏi, sao nay lại trả pháp phục, trở về đời sống bạch y? Sau khi thấy vậy, trong lòng con rất buồn rầu. Thế nhưng, Tượng Xá-lợi-phất ấy có thần lực lớn, uy đức vô lượng. Con nhớ lại, xưa kia thấy ông đã từng đàm luận với Thích Đề-hoàn Nhân, sao nay lại đuổi theo dục vọng làm điều xấu?

Thế Tôn nói:

–Đúng vậy, A-nan, như điều ông nói. Nhưng ông ấy không phải là A-la-hán. Nếu là A-la-hán thì không bảo trả lại pháp phục mà trở về đời sống bạch y. Nhưng thôi, A-nan, chớ có sầu ưu. Sau bảy ngày nữa, Tượng Xá-lợi-phất sẽ trở lại trong đây, rồi sẽ dứt sạch các lậu, thành A-la-hán. Bởi vì Tượng Xá-lợi-phất ấy bị nghiệp đời trước lôi kéo nên mới thành như vậy. Nay hành đã đầy đủ, sẽ dứt sạch các lậu.

Bấy giờ, bảy ngày sau, Tượng Xá-lợi-phất đi đến Thế Tôn, cúi đầu

---

[16] Câu-lưu-sa Pháp hành thành 拘留沙法行城. Pāli: Kammāsadamma (Kammāsadhamma), thị trấn của người Kuru.

[17] Tượng Xá-lợi-phất 象舍利弗, Pāli: Hatthisāriputta, cũng gọi là Citta Hatthisāriputta, hay Hatthirohaputta. Ông xả giới hoàn tục sáu lần.

lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, ông đứng dậy bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn hứa khả cho con tu hành đời sống Sa-môn ở hàng thấp nhất.

Khi ấy Tượng Xá-lợi-phất liền được nhận làm Sa-môn, ngay sau đó từ trên chỗ ngồi mà đắc A-la-hán.

Vào một thời Tượng Xá-lợi-phất khoác y, cầm bát vào thành khất thực. Khi ấy có một Phạm chí gặp ông, liền có ý nghĩ rằng: "Những ông con nhà họ Thích này, không chỗ nào không có, khắp mọi nơi, làm cắt đứt chú thuật mà chúng ta thực hành. Bây giờ ta hãy vào thành nói cho mọi người biết những cái xấu của Sa-môn.

Rồi Phạm chí này vào thành, nói với mọi người:

–Các người có thấy ông Tượng Xá-lợi-phất này không? Xưa ông từ xưng mình là A-la-hán, nửa chừng cởi bỏ pháp phục, trở về đời sống bạch y, hưởng thụ ngũ dục. Nay lại làm Sa-môn, đi khất thực từng nhà làm ra vẻ trong sạch. Nhưng khi nhìn thấy phụ nữ thì ý tưởng dục tình nổi dậy, trở về già-lam mà nhớ tưởng nữ sắc mà trong lòng không dứt. Giống như con lừa hèn yếu không đủ sức mang chở nặng mà lặng lẽ nằm yên. Bọn con nhà họ Thích này cũng vậy, giả trang đi khất thực, thấy nữ sắc thì suy nghĩ trù tính.

Tượng Xá-lợi-phất khi nghe Phạm chí này rao truyền tiếng xấu như vậy, bèn suy nghĩ rằng: "Người này rất là ngu si mới khởi tâm tật đố. Thấy người được lợi dưỡng thì tâm tham lam ganh tỵ nổi lên. Nếu mình được lợi dưỡng thì trong lòng vui sướng. Cho nên ông đến nhà bạch y làm việc phỉ báng. Nay ta nên ngăn lại chớ để làm ác, để người này sẽ không chịu tội báo vô lượng."

Rồi thì Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, nói với Phạm chí:

Không mắt, không tài khéo
Khởi ý chê phạm hạnh
Từ gây nghiệp vô ích
Địa ngục khổ lâu dài.

Tượng Xá-lợi-phất nói bài kệ này xong, trở lại bình thường và quay về chỗ ở của mình.

Bấy giờ người trong thành đã nghe lời phỉ báng của Phạm chí, lại nghe bài kệ của Tượng Xá-lợi-phất, họ nghĩ như vầy: "Nếu đúng như lời Phạm chí, thì sự thị hiện thần thông sau đó khó làm được. Nhưng chúng ta đã thấy ông này cởi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y."

Rồi thì mọi người cùng nhau đi đến chỗ Tượng Xá-lợi-phất, cúi đầu

lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, có đông người hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

–Có vị A-la-hán nào mà cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y chăng?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

–Không có vị A-la-hán nào cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y.

Mọi người lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

–Có vị A-la-hán nào do duyên đời trước mà phạm giới không?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

–Đã đắc A-la-hán thì không bao giờ còn phạm giới.

Mọi người lại hỏi:

–Những vị trong hàng học địa có ai do duyên đời trước mà phạm giới không?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

–Có. Những vị ở hàng học địa có khi vì duyên đời trước mà phạm giới.

Mọi người lại hỏi:

–Tôn giả trước kia là A-la-hán, rồi cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y. Nay xuất gia học đạo trở lại. Trước kia ngài có thần thông, sao lại như vậy?

Bấy giờ Tượng Xá-lợi-phất nói bài kệ này:

An trú thiền thế tục
Rốt cuộc không giải thoát
Không được đạo diệt tận
Nên quay hưởng ngũ dục.
Hết củi, lửa cũng tắt
Không rễ, cành không sinh
Thạch nữ không mang thai
La-hán không còn lậu.

Khi ấy mọi người lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

–Tôn giả trước kia không phải là La-hán sao?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi trước kia không phải là La-hán. Này các Cư sĩ, nên biết, năm thông và sáu thông khác nhau. Nay tôi sẽ nói mười một thứ thần thông.

Phàm Tiên nhân đắc năm thứ thần thông, ái dục đã hết[18], nếu sinh lên trời thì sau cũng rơi trở lại Dục giới. A-la-hán có sáu thông, đệ tử của Như Lai, đắc Lậu tận thông, tức thì ở ngay trong Niết-bàn giới vô dư mà Bát-niết-bàn.

Mọi người lại hỏi:

–Chúng con quán sát lời nói của ngài Tượng Xá-lợi-phất, biết rằng thế gian không có vị A-la-hán nào mà lại cởi bỏ pháp phục trở về đời sống bạch y.

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như các người nói. Không có A-la-hán nào mà cởi bỏ pháp phục trở về sống đời sống bạch y. Có mười pháp, mà A-la-hán không tập theo. Mười một pháp ấy là gì? A-la-hán lậu tận không bao giờ cởi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y. A-la-hán lậu tận không bao giờ tập theo hạnh bất tịnh. A-la-hán lậu tận không bao giờ sát sinh. A-la-hán lậu tận không bao giờ trộm cắp. A-la-hán lậu tận ăn mà không bao giờ cất giữ đồ thừa. A-la-hán lậu tận không bao giờ nói dối. A-la-hán lậu tận không bao giờ hùa theo phe đảng. A-la-hán lậu tận không bao giờ phun lời hung dữ. A-la-hán lậu tận không bao giờ có hồ nghi. A-la-hán lậu tận không bao giờ sợ hãi. A-la-hán lậu tận không bao giờ nhận ai khác làm thầy và cũng không bao giờ nhập thai trở lại.

Này các Hiền sĩ, đó là mười một trường hợp không bao giờ xảy ra đối với một vị A-la-hán.

Bấy giờ, mọi người bạch Tượng Xá-lợi-phất rằng:

–Chúng con nghe những điều Tôn giả nói và quán sát những người ngoại đạo dị học, giống như quán sát cái bình rỗng, chẳng có gì bên trong cả. Ở đây, quán sát nội pháp, chúng con thấy giống như bình đựng mật, ngọt không thể kể. Chánh pháp của Như Lai ở đây cũng vậy. Phạm chí kia sẽ chịu vô lượng tội.

Khi ấy Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, ngồi kiết già, nói bài kệ này:

Không hiểu pháp đây, kia
Mà hành thuật ngoại đạo
Gây đấu loạn đây kia
Người trí không làm vậy.

---

[18] *Nguyên Hán: Ái dục dĩ tận 欲愛已盡. Dịch ngữ không chính xác, do đó không nên nhầm với ái tận giải thoát (Pāli: Tāṇhakkhayavimutti) của A-la-hán.*

Bấy giờ, những người Câu-lưu-sa bạch với Tượng Xá-lợi-phất rằng:

–Những điều được nói là quá nhiều; thật khó sánh kịp. Như người mù mà được mắt sáng. Như người điếc mà được nghe. Nay những điều Tôn giả nói cũng giống như vậy. Ngài đã dùng nhiều phương tiện để thuyết pháp. Chúng con hôm nay tự quy y Như Lai, quy y Pháp và Tăng Tỳ-kheo. Cúi mong Tôn giả nghe cho, nhận chúng con làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sinh.

Rồi Tượng Xá-lợi-phất nói những pháp vi diệu cho mọi người nghe, khiến họ phát sinh tâm hoan hỷ. Mọi người rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy dưới chân rồi cáo lui.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe nói Phạm chí báng bổ Tượng Xá-lợi-phất mà không đạt được gì, nên nhìn kỹ Tượng Xá-lợi-phất còn không dám, huống nữa là tranh luận. Nghe vậy, Tôn giả đi đến Thế Tôn, đem nhân duyên này thuật lại đầy đủ lên Thế Tôn. Bấy giờ Phật bảo A-nan:

–Phàm nói về bình đẳng A-la-hán, phải nói đến Tượng Xá-lợi-phất. Vì sao? Nay Tượng Xá-lợi-phất đã thành A-la-hán. Cái danh A-la-hán được truyền tụng trước đó, nay mới đạt được. Năm thứ thần thông của thế tục không phải là hành chân thật, rồi sau sẽ mất. Sáu thần thông mới là hành chân thật. Các ông hãy học theo Tượng Xá-lợi-phất. Hãy nhớ nghĩ mà phụng hành ý nghĩa này.

Bấy giờ A-nan nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nay Ta sẽ nói về pháp nhân duyên. Hay suy niệm kỹ và tu tập hạnh này.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Kính vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy.

Thế Tôn nói:

–Ở đây, thế nào là pháp nhân duyên? Đó là, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu nhập

xứ, duyên sắc nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sinh, duyên sinh có chết, duyên chết có ưu, bi, khổ, não, không thể kể xiết, như vậy thành thân năm ấm.

Thế nào là vô minh? Đó là, không biết Khổ, không biết Tập, không biết Tận, không biết Đạo. Đó gọi là vô minh.

Thế nào là hành? Hành có ba loại. Thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó gọi là hành.

Thế nào là thức? Sáu thức thân. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thức. Đó là thức.

Thế nào là danh? Thọ, tưởng, niệm, xúc (cánh lạc), tư duy. Là danh. Thế nào là sắc? Đó là thân bốn đại và sắc do thân bốn đại tạo. Đó gọi là sắc. Sắc là một cái khác và danh là một cái khác, nên gọi là danh sắc.

Thế nào là sáu nhập (xứ)? Sáu nội nhập. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhập. Đó là sáu nhập.

Thế nào là xúc (cánh lạc)? Đó là sáu xúc thân. Những gì là sáu? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là xúc.

Thế nào gọi là thọ? Ba thọ. Những gì là ba? Lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó gọi là thọ.

Thế nào là ái? Ba ái thân. Dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Đó là ái.

Thế nào là thủ? Bốn thủ. Những gì là bốn? Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó là bốn thủ.

Thế nào hữu? Ba hữu: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Đó là hữu.

Thế nào là sinh? Đầy đủ xuất xứ, lãnh thọ các hữu, được năm ấm, lãnh thọ các nhập. Đó gọi là sinh.[19]

Thế nào là già? Từng loại từng loại chúng sinh, mà ở đây nơi thân thể răng rụng, tóc bạc, khí lực khô cạn, các căn chín rục, thọ mạng ngày càng suy, thức cũ không phục hồi. Đó gọi là già.

Thế nào là chết? Từng loại từng loại chúng sinh, mà dần dần thân thể không còn hơi ấm, vô thường biến dịch, năm thân thuộc chia lìa, thân năm ấm bị vất bỏ, mạng căn bị cắt đứt. Đó gọi là chết.

Tỳ-kheo nên biết, đó gọi là già, bệnh, chết. Đây là pháp nhân duyên

---

[19] *Định nghĩa này rất gần với Pāli, nhưng văn dịch không được rõ. Cf. D. 22 (R.ii. 305): Yā tesaṃ tesaṃ sattānaṃ tamhi tamhi sattanikāye jāti sañjāti okkanti abhinibbatti khandhānaṃ pātubhāvo āyatanānaṃ paṭilābho, ayaṃ vuccati, bhikkhave, jāti, "từng loại từng loại chúng sinh, trong từng giới loại, sự xuất sinh, sản sinh, nhập thai, chuyển sinh, năm uẩn xuất hiện, nhận được các xứ, đó gọi là sinh."*

mà ý nghĩa được phân biệt rộng rãi. Những gì mà chư Phật Như Lai cần làm với tâm Từ ái, ta nay đã làm xong. Các ông hãy đến dưới gốc cây, ngồi ngoài trời trống, hay giữa bãi tha ma, hay nhớ nghĩ tọa thiền, chớ ôm lòng ngại khổ. Nay không tinh tấn, sau hối hận vô ích.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

–Như Lai đã giảng thuyết cho các Tỳ-kheo gốc rễ nhân duyên sâu xa. Nhưng con quán sát thấy nghĩa ấy không có gì sâu[20].

Thế Tôn nói:

–Thôi, thôi, A-nan, chớ có khởi lên ý tưởng ấy! Vì sao? Mười hai nhân duyên cực kỳ thậm thâm, không phải là điều mà người thường có thể hiểu. Xưa kia, khi Ta chưa giác ngộ pháp nhân duyên này nên trôi nổi sinh tử, không có lúc thoát ly.

Lại nữa, A-nan, không phải chỉ ngày nay ông mới nói pháp nhân duyên không có gì sâu xa, mà xưa cũng đã từng nói pháp ấy không sâu xa rồi. Vì sao vậy?

Trong quá khứ xa xưa, có vua A-tu-luân tên là Tu-diệm, chợt có ý nghĩ này, muốn bốc mặt trời, mặt trăng ra khỏi nước của biển cả. Ông hóa thân cực kỳ to lớn, mà nước biển cả chỉ ngang hông. Bấy giờ vua A-tu-luân này có người con tên là Câu-na-la, tâu với vua cha rằng: "Nay con muốn xuống tắm nước biển." A-tu-luân Tu-diệm nói: "Chớ nên ham thích tắm trong nước biển. Vì sao? Nước biển vừa rất sâu, vừa rộng; không thể ở trong nước biển mà tắm được." Câu-na-la nói: "Nay con thấy nước biển chỉ ngang hông của đại vương thôi; vì sao lại nói là rất sâu?" Khi ấy vua A-tu-luân liền nắm người con thả xuống trong nước biển. Chân của đứa con này không chấm đến đáy nước nên trong lòng nó rất kinh sợ. Vua A-tu-luân bấy giờ mới bảo con: "Cha đã bảo con là nước biển rất sâu, mà con lại nói, chẳng sao. Duy chỉ mình cha là có thể ở trong biển lớn mà tắm gội. Nhưng con thì không thể."

A-tu-luân Tu-diệm bấy giờ là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy Tu-diệm tức là thân Ta vậy. Con của A-tu-luân khi ấy là ông vậy. Ông đã từng nói: "Không sao." Nay lại nói, pháp mười hai nhân duyên không có gì sâu thẳm. Chúng sinh mà không thấu hiểu pháp mười hai nhân duyên nên trôi nổi sinh tử không có ngày xuất ly; thảy đều mê hoặc không nhận thức rõ gốc rễ của hành; từ đời này đến đời sau; từ đời sau đến đời này, vĩnh viễn

---

[20]. Cf. Trung 24, kinh 97, A-nan phát biểu tương tự. Cf. Trường 10, kinh 13; Pāli, D. 15 Mahānidāna.

ở trong năm điều bức não, mong được xuất ly thật là quá khó. Ta khi mới thành Phật đạo tư duy mười hai nhân duyên, hàng phục Ma và quyến thuộc của nó, do trừ vô minh mà được ánh sáng của trí tuệ, bóng tối hoàn toàn bị diệt trừ, không còn trần cấu.

Lại nữa, A-nan, Ta ba lần chuyển mười hai chi để thuyết minh duyên do[21] này, khi đó tức thì thành tựu Giác đạo. Do phương tiện này mà biết rằng pháp mười hai duyên rất là sâu thẳm, không phải điều mà người thường có thể công bố. Như vậy, A-nan, hãy nhớ nghĩ sâu thẳm mà phụng trì pháp mười hai nhân duyên này. Hãy nhớ học điều này.

Bấy giờ A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành La-duyệt, trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Lúc bấy giờ trong thành La-duyệt có một Phạm chí tên là Thi-la, biết đủ các thuật, nhớ thuộc các điển tịch của ngoại đạo dị học. Thiên văn, địa lý, không thứ gì ông không thông suốt. Ông lại dạy dỗ năm trăm đồng tử Phạm chí.

Trong thành ấy cũng có một Phạm chí nữa tên là Sí-ninh, hiểu biết rất nhiều, được vua Tần-bà-sa-la yêu kính, bốn thời cúng dường, cấp dưỡng Phạm chí các thứ nhu yếu.

Bấy giờ danh tiếng Như Lai được truyền đi rất xa, rằng Ngài là Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành Vi, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu, độ vô lượng người, xuất hiện ở đời. Phạm chí Sí-ninh liền khởi lên ý nghĩ này: "Danh hiệu Như Lai thật khó được nghe. Nay ta muốn đến đó thăm hỏi, thân cận, lễ kính." Rồi Phạm chí Sí-ninh đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Phạm chí bạch Thế Tôn:

–Sa-môn Cù-đàm, thuộc chủng tánh nào?

Phật nói:

---

[21] Nguyên Hán: Duyên bản, đồng nghĩa với từ nidāna (Pāli) có khi được dịch là nhân duyên.

–Ta thuộc chủng tánh Sát-lợi.

Phạm chí nói:

–Các Bà-la-môn nói như vầy: "Chủng tánh của chúng ta hào quý nhất, không ai hơn." Có người nói chủng tánh da trắng. Có người nói chủng tánh da đen.

Những người Bà-la-môn tự cho là được sinh bởi Phạm thiên. Nay Sa-môn Cù-đàm có luận gì về những điều này?

Phật nói:

–Này Phạm chí, nên biết, ai có hôn nhân, cưới hỏi, mới cần đến chủng tánh hào quý. Nhưng trong Chánh pháp của Ta, không có cao thấp, không có danh tánh thị phi.

Phạm chí hỏi:

–Thế nào, Cù-đàm, có sinh xứ thanh tịnh, sau đó pháp mới được thanh tịnh.

Phật bảo Phạm chí:

–Ông cần pháp thanh tịnh, hay sinh xứ thanh tịnh?

Phạm chí nói:

–Các Bà-la-môn đều nêu lên luận đề này: "Chủng tánh của ta hào quý, không ai hơn." Có người nói chủng tánh da trắng. Có người nói chủng tánh da đen. Những người Bà-la-môn tự cho là được sinh bởi Phạm thiên.

Phật hỏi ông Phạm chí:

–Giả sử người nữ Sát-lợi lấy chồng thuộc gia đình Bà-la-môn, khi sinh con trai, nó sẽ theo chủng tánh nào?

Phạm chí nói:

–Nó sẽ được nói là chủng tánh Bà-la-môn. Vì sao? Do thân hình người cha mà có được đứa con này.

Phật hỏi:

–Nếu người nữ Bà-la-môn lấy chồng nhà Sát-lợi, khi sinh con trai, nó thuộc chủng tánh nào?

Phạm chí đáp:

–Người đó sẽ thuộc chủng tánh Sát-lợi. Vì sao? Do di hình của cha mà có đứa con này.

Phật bảo Phạm chí:

–Ông hãy suy nghĩ chín chắn rồi sau đó mới trả lời Ta. Điều ông nói trước sau không phù hợp nhau. Thế nào, Phạm chí, lừa theo ngựa, sau đó

sinh con câu[22]. Ông sẽ nói nó là ngựa hay lừa?

Phạm chí đáp:

–Loại như thế sẽ được gọi là con ngựa lừa[23]. Vì sao? Do di hình của lừa mà được con câu này.

Phật bảo Phạm chí:

–Ông hãy suy nghĩ chín chắn rồi sau đó trả lời Ta. Điều ông nói ở đây, trước sau không phù hợp. Trước đó ông nói, nếu con gái Sát-lợi đi lấy chồng nhà Bà-la-môn, khi sinh con, nó sẽ thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Ở đây, lừa theo ngựa sinh ra câu, ông lại nói nó là ngựa lừa. Như vậy không mâu thuẫn với lời nói trước đó chăng? Giả sử, này Phạm chí, nếu ngựa theo lừa mà sinh ra câu. Gọi nó là con gì?

Phạm chí đáp:

–Gọi nó là con lừa ngựa.

Phật hỏi:

–Thế nào, Phạm chí, con lừa ngựa, với con ngựa lừa, có khác gì nhau chăng? Có người nói: "Một hộc báu." Người khác nói: "Báu một hộc." Cả hai nghĩa có khác gì nhau chăng?

Phạm chí đáp:

–Đây chỉ một nghĩa. Vì sao? báu một hộc, hay một hộc báu, ý nghĩa chẳng khác gì nhau.

Phật hỏi:

–Thế nào, Phạm chí, con lừa ngựa và con ngựa lừa, đây không phải là một nghĩa[24] sao?

Phạm chí nói:

–Ở đây tuy Sa-môn Cù-đàm có nói như vậy, nhưng Bà-la-môn từ cho là: "Chủng tánh của ta hào quý không ai hơn."

Phật nói:

–Ông trước đó khen cha. Sau đó khen mẹ. Nếu cha thuộc tánh Bà-la-môn, mẹ cũng chủng tánh Bà-la-môn, sau đó, sinh hai người con. Trong đó, về sau, một đứa biết nhiều kỹ thuật, không việc gì không rành. Đứa thứ hai chẳng biết gì. Khi ấy, cha mẹ chúng biệt đãi đứa nào? Biệt đãi đứa con trí tuệ, hay đứa không biết gì?

---

[22] Nguyên Hán: Câu 駒, ngựa con; cũng chỉ lừa con.

[23] Hán: Lô mã 驢馬, con ngựa có liên hệ đến lừa. Phân biệt với mã lô 馬驢 nói sau. Lưu ý danh từ làm định ngữ.

[24] Nghĩa 義, đây nên hiểu là vật. Pāli: Attha, hay Skt. Artha.

Phạm chí đáp:

–Cha mẹ chúng tất sẽ biệt đãi đứa cao đức, thông minh, chứ không biệt đãi đứa không có trí tuệ. Vì sao? Ở đây, đứa con này không việc gì không biết, không việc gì rành, cho nên phải biệt đãi nó, mà không biệt đãi đứa con không trí tuệ.

Phật bảo Phạm chí:

–Trong hai đứa con ấy, đứa thông minh về sau nổi lên ý tưởng làm việc sát sinh, trộm cướp, dâm dật, cả mười pháp ác. Đứa không thông minh kia thì giữ hành vi của thân, miệng, ý. Mười pháp thiện, không phạm một pháp nào. Cha mẹ ấy sẽ kính đãi đứa nào?

Phạm chí đáp:

–Cha mẹ tất sẽ kính đãi đứa con hành mười điều thiện. Đứa hành bất thiện kia thì kính đãi làm gì?

Phật bảo Phạm chí:

–Ông trước khen đa văn, Sau khen giới. Thế nào, Phạm chí, giả sử có hai người con; một người cha chuyên chánh[25] nhưng mẹ không chuyên chánh; một người cha không chuyên chánh nhưng mẹ chuyên chánh. Người con có mẹ chánh nhưng cha không chánh không việc gì không rành, biết rộng các kinh thơ, kỹ thuật. Đứa thứ hai có cha chánh nhưng mẹ không chánh không học rộng nhưng trì mười điều thiện. Cha mẹ chúng nên kính đãi đứa nào? Kính đãi đứa có mẹ tịnh nhưng cha không tịnh, hay đứa có cha tịnh nhưng mẹ không tịnh?

Phạm chí đáp:

–Nên kính đãi đứa con có mẹ tịnh. Vì sao? Vì nó biết kinh thơ, rộng các kỹ thuật. Còn đứa con thứ hai, cha tịnh nhưng mẹ không tịnh, tuy trì giới nhưng không có trí tuệ, thì rốt cuộc chẳng làm được gì. Có văn thì có giới.

Phật bảo Phạm chí:

–Ông trước khen cha tịnh, không khen mẹ tịnh. Nay lại khen mẹ tịnh, không khen cha tịnh. Trước khen phẩm đức nghe, sau khen cấm giới. Rồi lại nói giới sau đó mới nói văn. Thế nào, Phạm chí, trong hai đứa con kia, một đứa nghe nhiều, học rộng, kiêm trì mười điều thiện. Đứa thứ hai có trí tuệ kiêm hành mười điều ác. Cho mẹ chúng nên kính đãi đứa nào?

Phạm chí đáp:

---

[25] *Chuyên chánh 專正, đoạn dưới nói là tịnh 淨, đều chỉ ý nghĩa huyết thống thuần tịnh tức không bị lai giống.*

–Nên kính đãi đứa con nào mà có cha tịnh nhưng mẹ không tịnh. Vì sao? Người ấy mà bác lãm kinh thơ, hiểu biết nhiều kỹ thuật, ấy là do cha tịnh mà sinh được đứa con này, kiêm hành mười điều thiện không có điều vi phạm, tất cả các phẩm đức đều đầy đủ.

Phật nói:

–Ông trước đó chủ trương chủng tánh. Sau đó lại nói văn mà không nói chủng tánh. Sau nữa lại nói giới mà không nói văn. Rồi sau nữa lại nói văn mà không nói giới. Nay ông khen cha, mẹ, văn, giới, há không mâu thẫn với điều nói trước đó?

Phạm chí bạch Phật:

–Sa-môn Cù-đàm tuy có nói như vậy, nhưng những người Bà-la-môn tự cho rằng: "Chủng tánh của ta hào quý nhất không ai hơn."

Thế Tôn nói:

–Những ai có cưới hỏi thì mới nói đến chủng tánh. Nhưng trong pháp ta, không có nghĩa đó. Ông có nghe nói đến người ở nước láng giềng, nước xa và những người biên địa khác nữa không?

–Vâng, tôi có nghe nói đến những người này.

Thế Tôn nói:

–Nhân dân trong các nước này có hai hạng chủng tánh[26]. Những gì là hai? Một là con người, hai là nô lệ. Hai chủng tánh này cũng không nhất định.

Lại hỏi:

–Thế nào là bất định?

Phật nói:

–Có khi trước là người, sau đó là nô lệ. Có khi trước làm nô lệ, sau làm người. Tuy nhiên, các loại chúng sinh hết thảy đồng một loại chứ không có nhiều loại khác nhau. Khi trời đất hủy diệt, thế gian trở thành trống không. Khi ấy núi, sông, vách đá, cỏ cây các thứ vân vân đều bị thiêu hủy hết. Con người cũng mạng chung. Khi trời đất sắp sửa chuyển thành, bấy giờ chưa có mặt trời, mặt trăng, hạn kỳ năm tháng. Lúc bấy giờ trời Quang âm đến chốn này. Khi phước của trời Quang âm sắp hết, ánh sáng tịnh không còn, dần dần nhìn nhau chúng khởi dục tưởng. Ai dục ý nhiều hơn thì trở thành người nữ. Ai có dục ý ít hơn, thành người nam. Chúng giao tiếp với nhau mà thành bào thai. Do nhân duyên này

---

[26] *Nguyên Hán: Tánh 姓, chỉ giai cấp xã hội.*

mà có con người đầu tiên. Dần dần chuyển sinh bốn chủng tánh lan tràn trong thiên hạ. Do phương tiện này mà biết rằng, mọi người đều xuất xứ từ chủng tánh Sát-lợi.[27]

Bấy giờ, Phạm chí bạch Thế Tôn:

–Thôi, Cù-đàm. Như người gù được đứng thẳng, người mù được mắt, trong tối thấy ánh sáng. Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, bằng vô số phương tiện nói pháp cho con nghe. Nay con tự quy y Sa-môn Cù-đàm. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp, nhận con làm Ưu-bà-tắc.

Rồi Phạm chí lại bạch Thế Tôn:

–Cúi mong Như Lai nhận lời mời của con.

Khi ấy Thế Tôn im lặng nhận lời. Phạm chí thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân rồi lui đi.

Ông trở về nhà, sửa soạn các thứ thức ăn, trải các chỗ ngồi, rảy nước thơm lên đất và tự nói rằng: "Như Lai sẽ ngồi chỗ này."

Trong lúc ấy Phạm chí Thi-la dẫn năm trăm đệ tử đến nhà Phạm chí Sí-ninh. Từ xa, trông thấy nhà ấy đang trải các chỗ ngồi sang trọng, bèn hỏi Phạm chí Sí-ninh:

–Nhà ông hôm nay đang cưới gả con trai, con gái, hay muốn mời vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt chăng?

Phạm chí Sí-ninh đáp:

–Tôi không thỉnh mời vua Tần-bà-sa-la, cũng không có việc cưới gả con. Hôm nay tôi muốn gây dựng phước nghiệp lớn.

Phạm chí Thi-la hỏi:

–Mong được nghe rõ ý ông, muốn làm phước nghiệp gì?

Khi ấy Phạm chí Sí-ninh trả lời Phạm chí Thi-la rằng:[28]

–Thi-la nên biết, có vị con nhà Thích xuất gia học đạo, thành Vô thượng Chí chân Đẳng chánh giác. Tôi nay thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo, nên mới bày biện trải các chỗ ngồi như vậy.

Phạm chí Thi-la hỏi:

–Phạm chí Sí-ninh, ông nói Phật phải không?

Đáp:

---

[27] *Cf. Trường 6, kinh 5 Tiểu duyên; Pāli, D 24 Aggaññа.*

[28] *Để bản: Phạm chí thiên lộ hữu kiên trường quỵ xoa thủ bạch Thế Tôn tự trần tánh danh Thi-la 梵志偏露右肩。長跪叉手。白世尊自陳姓名施羅 (mười chín chữ); đoạn văn này không phù hợp sự việc đang xảy ra. Ở đây dịch theo bản Nguyên Minh: Sí-ninh Phạm chí báo Thi-la Phạm chí viết 翅甯梵志報施羅梵志曰 (mười chữ).*

–Tôi nói Phật.

Lại hỏi:

–Thật là kỳ diệu, thật hy hữu, nay được nghe tiếng Phật. Nhưng Phật đang ở đâu? Tôi muốn gặp.

Sí-ninh nói:

–Đang ở trong vườn Trúc, ngoài thành La-duyệt, cùng với năm trăm vị đệ tử[29]. Ông muốn gặp, hãy đến đó. Nên biết đúng lúc thích hợp.

Bấy giờ ông Phạm chí này dẫn năm trăm đệ tử đi đến chỗ Phật. Đến nơi, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Khi ấy Phạm chí Thi-la có ý nghĩ này: "Sa-môn Cù-đàm thật là đẹp. Thân màu hoàng kim. Trong kinh thơ của ta có nói, Như Lai xuất hiện ở đời, thật khó gặp. Cũng như hoa Ưu-đàm-bát lâu lắm mới trổ hoa. Nếu thành tựu ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, sẽ có hai con đường. Nếu sống tại gia, sẽ làm Chuyển luân thánh vương, bảy báu đầy đủ. Nếu xuất gia học đạo, chắc chắn thành đạo Vô thượng, là đấng Chí tôn[30] trong ba cõi. Nay ta muốn nhìn thấy ba mươi hai tướng của Phật." Nhưng lúc đó Phạm chí chỉ quan sát được ba mươi tướng, không thấy hai tướng kia. Ông còn đang hồ nghi do dự, là không thấy tướng lưỡi dài và mã âm tàng.

Phạm chí Thi-la bèn nói bài kệ để hỏi:

Tôi nghe ba mươi hai
Tướng tốt bậc Đại nhân
Nay không thấy hai tướng
Rốt lại, chúng ở đâu?
Mã âm tàng trinh khiết
Tướng này khó thí dụ
Tướng lưỡi có rộng dài
Đến tai, che cả mặt?
Mong thấy lưỡi rộng dài
Để tôi không hồ nghi
Mong cho tôi được thấy
Để cắt đứt lưới nghi.

❑

---

[29] *Việt dịch bỏ bốn từ: Tự tương ngộ lạc 自相娛樂, vốn dịch từ viharati: An trú; do đó không thể dịch sát: "cùng vui thú với nhau". Vừa ngây ngô mà dễ gây ngộ nhận.*

[30] *Nguyên Hán: Thế hựu 世祐, có khi dịch là Chúng hựu, dịch từ bhagava.*

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 47

Phẩm 49: Phóng Ngưu (2)

Bấy giờ Thế Tôn liền thè lưỡi ra, hai bên liếm đến tai. Rồi Ngài rút lưỡi trở lại và nhập Tam-muội, khiến cho Phạm chí trông thấy mã âm tàng. Phạm chí sau khi thấy ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp của Phật, hoan hỷ phấn chấn không thể dừng được. Phạm chí Thi-la liền bạch Phật:

–Ở đây tôi là Bà-la-môn. Sa-môn là dòng Sát-lợi. Nhưng Sa-môn, Bà-la-môn đều chung một con đường, tìm cầu một giải thoát như nhau. Sa-môn có thừa nhận chúng ta cùng một con đường chăng?

Phật bảo Phạm chí:

–Ông có thấy vậy chăng?

Phạm chí đáp:

–Tôi thấy như vậy.

Phật bảo:

–Ông hãy khởi tâm ý hướng về một giải thoát duy nhất, đó là chánh kiến.

Phạm chí bạch Phật:

–Chánh kiến tức là một giải thoát duy nhất, hay còn có giải thoát nào nữa?

Thế Tôn nói:

–Còn có giải thoát khác nữa, để đắc Niết-bàn. Sự ấy có tám. Đó là chánh kiến, chánh trị, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Phạm chí, đó là đạo có tám chi dẫn đến Niết-bàn.

Phạm chí hỏi:

–Có chúng sinh nào biết được đạo tám chi này không?

Phật nói:

–Số ấy không chỉ một trăm ngàn. Phạm chí nên biết, có vô số trăm ngàn chúng sinh biết đạo tám chi ấy.

Phạm chí hỏi:

–Có hạng chúng sinh nào không hiểu được đạo tám chi này chăng?

Phật nói:

–Hạng chúng sinh không hiểu, không phải chỉ một người.

Phạm chí hỏi:

–Có hạng chúng sinh nào không thể đắc pháp này chăng?

Phật nói:

–Cũng có hạng chúng sinh không đắc đạo. Hạng người ấy có mười một. Những gì là mười một? Đó là, gian ngụy, ác ngữ, khó can gián, không biết đền trả, hay ganh tỵ, giết cha mẹ, giết A-la-hán, đoạn thiện căn, việc thiện trở lại làm ác, chấp có ngã, khởi ác niệm nhắm đến Như Lai. Phạm chí, đó là mười một hạng người không thể đạt đến đạo tám chi này.

Khi Phật nói đạo tám chi này, ông Phạm chí liền dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Rồi Phạm chí Thi-la nói với năm trăm đệ tử:

–Các ngươi ai có sở thích gì thì hãy tự mình tụng tập. Ta nay muốn theo Như Lai khéo tu phạm hạnh.

Các đệ tử bạch rằng:

–Chúng con cũng muốn xuất gia học đạo.

Bấy giờ, Phạm chí cùng năm trăm đệ tử thảy đều quỳ xuống, chắp tay bạch Thế Tôn:

–Cúi mong Thế Tôn nhận cho chúng con xuất gia học đạo.

Phật nói:

–Hãy khéo đến đây, Tỳ-kheo! Hãy đến với Như Lai mà tu hành phạm hạnh vô thượng, để dần dần dứt sạch nguồn khổ.

Như Lai nói xong lời này, năm trăm Phạm chí tức thì thành Sa-môn. Sau đó Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói các đề tài vi diệu cho năm trăm người này nghe; đề tài về thí, về giới, sinh Thiên, dục là bất tịnh tưởng, xuất yếu là an lạc. Như pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết, là Khổ, Tập, Tận, Đạo; Thế Tôn bấy giờ rộng nói chi tiết cho những người này nghe, tức thì năm trăm người hoàn toàn dứt sạch các lậu, đắc pháp thượng nhân.

Bấy giờ Phạm chí Sí-ninh đến báo:

–Đã đến thời, cúi mong thần đức hạ cố.

Thế Tôn nói với Thi-la và năm trăm Tỳ-kheo:

–Các ông thảy đều khoác y, cầm bát.

Rồi Phật cùng với một ngàn Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi vào thành, đến nhà Phạm chí, ngồi trên chỗ dọn sẵn.

Khi Phạm chí Sí-ninh thấy năm trăm Bà-la-môn đều đã trở thành Sa-môn, bèn nói rằng:

–Lành thay! Các ông đã đi theo con đường chân chánh, không có gì hơn nữa.

Phạm chí Thi-la nói với Phạm chí Sí-ninh bằng bài kệ này:

Ngoài đây, không pháp nào
Vượt hơn pháp yếu này
So loại tợ như vậy
Chí thiện không đâu hơn.

Bấy giờ Phạm chí Sí-ninh bạch Thế Tôn:

–Cúi mong Thế Tôn hoan hỷ đợi thêm chút nữa. Chúng con đang bày biện thêm thức ăn.

Phật nói:

–Thức ăn đã làm, đúng thời thì dọn lên, chớ sợ không đủ.

Phạm chí Sí-ninh vô cùng hoan hỷ, tự thân bưng sớt thức ăn cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo. Sau khi Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo ăn xong, cất dọn chén bát xong, Phạm chí rải đủ các loại hoa lên Phật Tăng Tỳ-kheo, rồi bước lên trước bạch Phật rằng:

–Kính bạch Thế Tôn, hết thảy trai gái lớn nhỏ trong nhà con đều cầu xin Thế Tôn nhận là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di[1].

Vợ của Phạm chí lúc đang mang thai. Bà hỏi Phật:

–Con đang mang thai, không biết là trai hay gái, cũng xin tự quy y Như Lai. Cúi xin nhận con là Ưu-bà-di.

Bấy giờ Như Lai nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Ngay trên chỗ ngồi, Ngài nói kệ rằng:

Đẹp thay, phước báo này
Sở nguyện đều thành tựu
Dần đến chỗ an ổn
Không còn lo tai hoạn;
Khi chết, sinh lên trời
Giả sử các Thiên ma
Cũng không thể khiến cho

---

1. *Trong bản Hán không có Ưu-bà-di.*

Người làm phước đọa tội.
Những ai cầu phương tiện
Trí tuệ của Thánh hiền
Sẽ dứt sạch gốc khổ
Vĩnh viễn xa tám nạn.

Thế Tôn sau khi nói bài kệ này, rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Bấy giờ Phạm chí Sí-ninh nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7[2]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Ta thường ăn một lần ngồi[3], thân thể nhẹ nhàng, khí lực khỏe mạnh. Tỳ-kheo các ông cũng nên ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng, khí lực mạnh khỏe, để có thể tu phạm hạnh.

Lúc bấy giờ Bạt-đà-bà-la bạch Phật:

–Con không thể ăn một bữa. Vì sao? Khí lực con sẽ yếu ớt.

Phật nói:

–Nếu ông đến nhà đàn-việt, ăn một phần, còn một phần mang về nhà.[4]

Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

–Con cũng không thể thực hành pháp này.

Phật nói:

–Cho phép ông phá bỏ trai[5], mà ăn thông qua ngày.

---

2. *Tham chiếu Pāli, M 65 Baddāli, 66 Laṭukikopama. Hán, Trung 51, kinh 194, 50, kinh192.*

3. *Nhất tọa thực 一坐食. Pāli: Ekāsana, có hai giải thích. Hoặc eka-asana: Một bữa ăn; hoặc eka-āsana: Một chỗ ngồi. Tất cả các bản Hán đều hiểu theo nghĩa sau. Ý nghĩa này liên hệ hai điều luật. Thứ nhất, liên hệ điều luật phi thời thực: Tứ Phần, Ba-dật-đề 37; Ngũ Phần, Ba-dật-đề 38, Tăng-kỳ, Ba-dật-đề 36, Thập Tụng, Căn Bản, Ba-dật-đề 37, Pāli, Pāc. 37. - Thứ hai, liên hệ điều luật dư thực pháp; Tứ Phần, Ba-dật-đề 35; Ngũ Phần, 35, Tăng-kỳ, 35; Thập Tụng, Căn Bản, 34; Pāli, Pāc. 25.*

4. *Quan điểm của đại chúng bộ về nhất tọa thực. Quan điểm này không được Thượng tọa bộ và Hữu bộ đồng tình. Xem Pāli, ibid. và Hán, ibid.*

5. *Hán: Hoại trai 壞齋, có thể ăn quá ngọ. Điểm tranh luận giữa Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ, Cf. Tứ Phần 54 (tr. 969c18): Nhị chỉ sao thực 二指抄食. Pāli, Pāli:*

Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

–Con cũng không thể thi hành pháp này.

Khi ấy, Thế Tôn im lặng không trả lời.

Bấy giờ Ca-lưu-đà-di vào lúc sắp tối, mặt trời lặn, khoác y cầm bát vào thành khất thực. Khi ấy trời rất tối. Ưu-đà-di[6] lần hồi đi đến nhà một trưởng giả kia. Vợ của ông trưởng giả đang mang thai, nghe có tiếng Sa-môn khất thực ngoài cửa, liền bưng cơm ra để cho. Nhưng vì Ưu-đà-di có sắc da cực kỳ đen, lại gặp lúc trời đang mưa, chớp giật khắp nơi, cho nên khi vợ ông trưởng giả ra cổng vừa thấy một ông Sa-môn sắc da cực kỳ đen, tức thì kinh hãi la lớn:

–Quỷ! Trời ơi, tôi gặp quỷ!

Ngay lúc ấy thai nhi bị chấn thương nên mạng chung.[7]

Sau đó, Ca-lưu-đà-di trở về tinh xá, ưu sầu không vui, ngồi mà suy nghĩ hối hận không còn kịp. Lúc bấy giờ trong thành Xá-vệ có tiếng đồn xấu như vầy: "Sa-môn họ Thích dùng chú thuật làm trụy thai con của người ta." Trong đó, trai gái bảo nhau: "Thời giờ này các Sa-môn đi đứng vô độ, ăn không biết phải thời, giống như người bạch y tại gia, có gì khác?"

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo nghe mọi người bàn luận lý lẽ như vậy: "Sa-môn họ Thích không biết chừng mực, lui tới bất kể." Trong số đó, có Tỳ-kheo trì giới hoàn hảo cũng tự oán trách: "Thật là không thích hợp đối với chúng ta." Rồi họ đi đến Phật cúi đầu lạy dưới chân và đem hết nhân duyên ấy thuật lên Đức Thế Tôn. Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

–Ông đi gọi Ca-lưu-đà-di đến đây.

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật, tức thì đi gọi Ưu-đà-di. Ưu-đà-di nghe Phật gọi, vội vàng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi:

–Có thật hôm qua vào lúc tối mặt trời lặn ông vào thành khất thực, đến nhà trưởng giả, khiến cho vợ ông ấy trụy thai chăng?

Ưu-đà-di bạch Phật:

–Vâng, bạch Thế Tôn.

Dvaṅgulakappa, nhị chỉ tịnh, được giải thích: Dvaṅgulāya chāyāya vītivattāya, (được phép ăn quá trưa) khi bóng chưa quá hai ngón tay. Liên hệ điều luật phi thời thực. Vin.ii. 230.

6. Trong bản: Ưu-đà-di 優陀夷, tức Ca-lưu-đà-di nói trên. Vì Ưu-đà-di (Pāli: Udāyi) có nước da rất đen, nên được gọi là Ca-la (Pāli: Kāla, đen).

7. Trường 51, ibid, và Pāli. ibid., bà chỉ hoảng sợ, nhưng không chết.

Phật bảo Ưu-đà-di:

–Ông vì sao không phân biệt thời tiết, nhằm lúc trời sắp mưa mà vào thành khất thực? Việc làm của ông không thích hợp. Thiện giả nam tử xuất gia học đạo mà lại tham đắm chuyện ăn?

Ưu-đà-di liền rời chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

–Từ nay về sau con không dám tái phạm nữa. Cúi mong Thế Tôn nghe cho con sám hối.

Bấy giờ Phật bảo A-nan:

–Ông hãy mau đánh kiền chùy, tập họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ hội.

A-nan vâng lời Phật dạy, liền tập họp các Tỳ-kheo vào giảng đường Phổ hội, rồi đến trước Phật, bạch rằng:

–Các Tỳ-kheo đã tập họp. Bạch Thế Tôn, giờ là lúc thích hợp.

Khi ấy Thế Tôn liền đi đến giảng đường, ngồi xuống giữa, nói với các Tỳ-kheo:

–Chư Phật trong thời quá khứ xa xưa đều chỉ ăn một lần ngồi. Các Thanh văn cũng ăn một lần ngồi. Chư Phật và các đệ tử trong tương lai cũng chỉ ăn một lần ngồi. Vì sao? Đó là pháp yếu để hành đạo. Hãy ăn một lần ngồi. Nếu ai có thể ăn một lần ngồi, thân thể nhẹ nhàng, tâm được mở tỏ. Do tâm đã mở tỏ mà được các thiện căn. Do được các thiện căn mà đắc Tam-muội. Do đắc Tam-muội mà như thật biết. Như thật biết những gì? Như thật biết Khổ đế. Như thật biết Khổ tập đế. Như thật biết Khổ tận đế. Như thật biết Khổ xuất yếu đế.

Các ông, những thiện gia nam tử, đã xuất gia học đạo, xả bỏ tám nghiệp ở đời mà không biết thời tiết, vậy có khác gì với những con người tham dục kia? Phạm chí có pháp riêng của Phạm chí. Ngoại đạo có pháp riêng của ngoại đạo.

Lúc bấy giờ Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

–Chư Phật trong quá khứ và chư Phật trong tương lai đều ăn một lần ngồi. Cúi mong Thế Tôn hạn định thời gian ăn cho các Tỳ-kheo.

Thế Tôn nói:

–Như Lai cũng đã có nhận thức đó. Nhưng vì chưa có người sai phạm. Phải đợi khi ngay trước mắt có người phạm tội, Ta mới chế luật.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Ta chuyên ăn một lần ngồi. Các ông cũng nên ăn một lần. Nay, các ông chỉ ăn giữa ngày mà không được quá thời.

Các ông cũng nên học pháp khất thực. Tỳ-kheo học pháp khất thực như thế nào? Ở đây, Tỳ-kheo chỉ vì mục đích duy trì mạng sống. Được cũng không vui, mà không được cũng không buồn. Khi được thức ăn, hãy tư duy mà ăn. Ăn không với tâm tham đắm, mà chỉ cốt giữ cho thân này được tồn tại, trừ khử bệnh[8] cũ, không gây thêm bệnh mới, khiến cho khí lực sung túc. Tỳ-kheo, như vậy gọi là khất thực.

Tỳ-kheo các ông, hãy ăn một lần ngồi. Tỳ-kheo, thế nào là ăn một lần ngồi? Đã đứng dậy rồi, ăn xong, không ăn trở lại nữa; nếu ăn, là phạm.[9] Tỳ-kheo, như vậy gọi là ăn một lần ngồi.

Tỳ-kheo các ông, cũng nên nhận được thức ăn rồi mới ăn.[10]Thế nào là Tỳ-kheo nhận được rồi mới ăn? Ở đây, Tỳ-kheo đã được thức ăn rồi, lại được thêm nữa thì có thể nhận. Nhưng đã ăn xong, không được ăn trở lại. Như vậy, Tỳ-kheo nhận được thức ăn thì ăn.

Tỳ-kheo các ông, nên khoác ba y[11]; nên ngồi dưới gốc cây; nên ngồi chỗ nhàn tĩnh; nên ngồi ngoài trời trống, khổ hành; nên khoác y chắp mảnh; nên sống trong bãi tha ma; nên khoác y tồi tàn. Vì sao? Người sống thiểu dục thì được khen ngợi.

Nay Ta dạy các ông, hãy như Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao? Tỳ-kheo Ca-diếp tự mình hành mười hai pháp Đầu-đà và cũng khuyến khích người khác hành theo pháp yếu này.

Nay Ta dạy các ông, hãy như Tỳ-kheo Diện Vương[12]. Vì sao? Tỳ-kheo Diện Vương khoác loại y thô xấu tồi tàn, không bận các thứ tốt đẹp.

Tỳ-kheo, đó là giáo huấn của Ta. Hãy chuyên tâm tu tập. Tỳ-kheo, hãy học như vậy.

Bấy giờ, Bạt-đề-bà-la trải qua ba tháng[13] không đến gặp Thế Tôn. Khi vừa hết ba tháng, A-nan đi đến Bạt-đề-bà-la, nói rằng:

–Nay chư Tăng đang khâu vá y. Như vậy, Như Lai sẽ du hành trong nhân gian. Nay Thầy không đến gặp, sau này hối hận vô ích.

---

8. Để bản: Thống 痛. TNM: Bệnh.

9. Các bộ luật như nhau: Tỳ-kheo ăn xong (đã đứng dậy), rồi ăn lại, hay ăn thêm, mà không tác pháp dư thực, phạm Ba-dật-đề; xem cht. trên.

10. Điều luật: Tỳ-kheo ăn xong, nếu nhận được thêm nữa, có thể ăn nhưng phải tác pháp dư thực. Xem cht. trên.

11. Luật quy định: Mỗi Tỳ-kheo chỉ được sở hữu ba y, không được quá.

12. Diện Vương, xem kinh 6 phẩm 4. Tham chiếu, A.i.25: Thọ trì y phục thô xấu (lūkhacīvaradhārānaṃ) là Mogharājāti.

13. Trung 51, ibid., suốt ba tháng hạ an cư.

Rồi A-nan dẫn Bạt-đà-bà-la đến chỗ Thế Tôn. Bạt-đà-bà-la cúi đầu lạy dưới chân Phật và bạch rằng:

–Cúi mong Thế Tôn nghe cho con sám hối. Từ nay về sau sẽ không tái phạm nữa. Như Lai chế cấm giới, mà con không vâng lãnh. Cúi mong Thế Tôn rủ lòng tha thứ.

Ông nói như vậy ba lần. Bấy giờ Phật bảo Bạt-đà-bà-la:

–Ta nhận cho ông sám hối lỗi lầm, về sau chớ có phạm nữa. Vì sao? Ta tự nghĩ, sống chết vô số, có khi làm thân lừa, loa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, nuôi dưỡng thân bốn đại này bằng cỏ. Hoặc ở trong địa ngục, ăn nuốt sắt nóng. Hoặc ở trong loài ngạ quỷ hằng ăn máu mủ. Hoặc có khi làm người, ăn năm thứ cốc này. Hoặc sinh làm thân trời, ăn cam lộ tự nhiên. Trong vô số kiếp, hình mạng cùng cạnh tranh mà chưa hề biết nhàm đủ, Ưu-ba-ly, nên biết, như lửa gặp củi, mới đầu không biết đủ. Như biển nuốt các sông, không bao giờ biết đủ. Nay, kẻ phàm phu cũng vậy, tham ăn không biết nhàm đủ.

Rồi Thế Tôn nói kệ:

Sinh tử không đoạn tuyệt
Thảy đều do tham dục
Oán ghét thêm lớn ác
Điều người ngu quen làm.

Cho nên, Bạt-đà-bà-la, hãy chuyên niệm thiểu dục tri túc. Như vậy, Ưu-ba-ly, hãy học điều này.

Rồi bấy giờ Bạt-đà-bà-la, sau khi nghe những điều Như Lai dạy, sống tại chỗ nhàn tĩnh mà tự mình khắc kỷ, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, là như thật biết rằng: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa." Bấy giờ, Bạt-đà-bà-la thành A-la-hán.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Trong đệ tử của Ta, đệ nhất trong các Thanh văn ăn nhiều là Tỳ-kheo Cát Hộ[14] vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

[14] *Cát Hộ 吉護, dịch nghĩa của Bạt-đà-bà-la, Skt. Bhadrapāl (?). Pāli, ibid.: Baddāli.*

KINH SỐ 8

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong thôn Ương-nghệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Mọi người đều gọi các ông là Sa-môn. Giả sử có người hỏi: "Các ông có phải là Sa-môn không?" Các ông cũng trả lời: "Tôi là Sa-môn."

Nay Ta nói với các ông về hành của Sa-môn và hành của Bà-la-môn. Các ông hãy suy niệm tu tập, về sau nhất định đạt thành kết quả, như thật, không thể sai khác. Vì sao? Có hai hạng Sa-môn. Có Sa-môn tập hành. Có Sa-môn thệ nguyện.

Thế nào gọi là Sa-môn tập hành? Ở đây, Tỳ-kheo đi đứng, tới lui, nhìn ngó, dung mạo khoác y, bưng bát, thảy đều đúng như pháp. Không đắm tham dục, sân hận, ngu si. Duy chỉ trì giới, tinh tấn không phạm các điều phi pháp, học các giới. Đó gọi là Sa-môn tập hành.

Thế nào gọi là Sa-môn thệ nguyện? Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo mà oai nghi, giới luật, ra vào, tới lui, bước đi, dung mạo, nhìn ngó, cử động, thảy đều như pháp, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu, ở ngay trong hiện pháp, tự thân chứng ngộ mà an trú, như thật biết rằng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa. Đó gọi là Sa-môn thệ nguyện.

Tỳ-kheo, đó là hai hạng Sa-môn.

Khi ấy A-nan bạch Thế Tôn rằng:

–Thế nào là pháp hành của Sa-môn. Pháp hành của Bà-la-môn?

Phật bảo A-nan:

–Tỳ-kheo ăn uống biết đủ, ngày đêm kinh hành, không mất thời tiết, hành các đạo phẩm.

Thế nào là Tỳ-kheo có các căn tịch tĩnh? Ở đây, Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc, không khởi tưởng đắm trước, gợi các loạn niệm, ở trong đó mà nhãn căn được thanh tịnh, trừ các niệm xấu, không niệm pháp bất thiện. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn mịn, ý biết pháp, ở nơi ý căn mà được thanh tịnh. Như vậy, Tỳ-kheo được các căn thanh tịnh.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết đủ? Ở đây, Tỳ-kheo lường bụng mà ăn; không vì mục đích mập trắng, mà chỉ cốt duy trì thân này cho được tồn tại, trừ khử bệnh cũ, bệnh mới không sinh, để có thể tu phạm hạnh. Cũng

như trai hay gái, trên thân sinh ghẻ. Tùy thời lấy thuốc cao mà bôi lên vết thương, thường mong vết thương được lành. Nay Tỳ-kheo ở đây cũng vậy, lường bụng mà ăn. Sở dĩ lấy mỡ bôi bánh xe, là muốn đi được xa. Tỳ-kheo lường bụng mà ăn, vì để duy trì mạng tồn tại. Như vậy, Tỳ-kheo ăn uống biết đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo hằng biết tỉnh giác? Ở đây, Tỳ-kheo vào lúc đầu đêm, cuối đêm, hằng biết tỉnh giác, tư duy pháp ba mươi bảy phẩm đạo. Lại nữa, đầu đêm, cuối đêm, đi kinh hành, trừ khử ý tưởng ác kết bất thiện. Rồi lại, nửa đêm nằm nghiêng bên hông phải, hai bàn chân chồng lên nhau, hướng đến tưởng ánh sáng. Cuối đêm, trở dậy kinh hành, trừ khử niệm bất thiện. Như vậy, Tỳ-kheo biết tỉnh giác.

Như vậy, A-nan, đó là yếu hành của Sa-môn.

Thế nào là yếu hành của Bà-la-môn? Ở đây, Tỳ-kheo như thật biết Khổ đế, như thật biết Khổ tập, Khổ tận, Khổ xuất yếu. Rồi sau đó, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Đã được giải thoát, liền được trí giải thoát, như thật biết rằng: "Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn thọ thai nữa." Đó gọi là yếu hành của Bà-la-môn.

A-nan nên biết, đây là nghĩa của yếu hành.

Rồi Thế Tôn nói kệ này:

Sa-môn: Tâm tĩnh lặng[15]
Các ác đã diệt tận
Phạm chí, là thanh tịnh
Trừ khử các loạn tưởng.

Đó là, A-nan, pháp hành của Sa-môn và pháp hành của Bà-la-môn. Hãy suy niệm tu hành. Chúng sinh nào hành pháp này, nhiên hậu mới được gọi là Sa-môn.

Lại nữa, vì sao gọi là Sa-môn? Các kết sử hoàn toàn lắng dừng, cho nên gọi là Sa-môn.

Lại nữa, vì sao gọi là Bà-la-môn? Tận trừ pháp ngu hoặc, cho nên gọi là Bà-la-môn[16].

Lại nữa, vì sao gọi là Sát-lợi? Do đã đoạn trừ dâm, nộ, si, nên gọi là Sát-lợi.

---

[15] *Tức tâm 息心, định nghĩa từ Sa-môn.*

[16] *Trong bản, chép là "Phạm chí".*

Cũng gọi là người đã tắm[17]. Thế nào gọi là đã tắm? Người ấy đã rửa sạch hai mươi mốt kết sử, vì vậy gọi là đã tắm.

Cũng gọi là giác. Thế nào gọi là giác? Vì đã giác ngộ pháp ngu và pháp trí, nên gọi là giác.

Cũng gọi là bờ kia. Thế nào gọi là bờ kia? Người ấy đã từ bờ này sang đến bờ bên kia, cho nên gọi là bờ kia.

Này A-nan, những ai hành được pháp này, mới được gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Ý nghĩa như vậy, các ông hãy suy niệm phụng hành.

Bấy giờ A-nan nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở giữa những người họ Thích,[18] ngụ trong vườn Ni-câu-lưu, Ca-tỳ-la-việt, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, Vương tử Đề-bà-đạt-đa đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa bạch Phật rằng:

–Cúi mong Thế Tôn chấp thuận cho con được vào đạo làm Sa-môn.[19]

Phật bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Ông nên sống tại gia mà huệ thí phân-đàn[20]. Vì làm Sa-môn thật không dễ.

Đề-bà-đạt-đa lặp lại ba lần, bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn cho phép con tại hàng thấp nhất.

Phật lại bảo:

–Ông nên sống tại gia, không nên xuất gia tu hạnh Sa-môn.

Lúc bấy giờ Đề-bà-đạt-đa liền có ý nghĩ rằng: "Sa-môn này có lòng tật đố. Nay ta cứ tự mình cạo đầu, khéo tu phạm hạnh. Cần gì Sa-môn ấy."[21]

---

[17] Mộc dục 沐浴, một từ chỉ A-la-hán, người đã tắm sạch.

[18] Nguyên Hán: Thích sí 釋翅, phiên âm từ tương đương Pāli: Sakkesu, sở y cách của từ Sakka.

[19] Nhân duyên Đề-bà-đạt-đa xuất gia, cùng các Vương tử họ Thích, xem Tứ phần 4 (tr. 590b13tt). Pāli, Cullavagga vii. Vin. ii. 180ff.

[20] Phân-đàn huệ thí 分檀惠施. Pāli: Piṇḍadāyaka, bố thí vật thực. Xem cht. kinh số 2 phẩm 29.

[21] Có lẽ đây là truyền thuyết riêng của các nhà truyền Tăng nhất. Tất cả các bộ đều không

Rồi Đề-bà-đạt-đa lui về, tự mình cạo tóc, khoác ca-sa, tự xưng "Ta là Thích tử."

Bấy giờ có một Tỳ-kheo tên là Tu-la-đà[22], hành Đầu-đà khất thực, khoác y vá mảnh, thông suốt năm thần thông. Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Tỳ-kheo này, cúi đầu lạy dưới chân, bạch rằng:

–Cúi xin Tôn giả thuyết giáo cho tôi, để tôi được an ổn lâu dài. Bấy giờ Tỳ-kheo Tu-la-đà liền dạy các oai nghi lễ tiết, tư duy pháp này, theo học pháp này,… Đề-bà-đạt-đa y theo lời dạy của Tỳ-kheo ấy, không có điều gì sai sót. Sau đó, Đề-bà-đạt-đa bạch Tỳ-kheo rằng:

–Cúi xin Tôn giả chỉ dạy tôi đạo thần túc. Tôi có thể tu hành được đạo này.

Khi ấy, Tỳ-kheo này dạy cho ông đạo thần túc:

–Ông bây giờ phải học về sự khinh trọng của tâm ý. Sau khi đã biết tâm ý khinh trọng, lại phải phân biệt sự khinh trọng của bốn đại là đất, nước, lửa, gió. Sau khi đã biết sự khinh trọng của bốn đại, phải tu hành Tam-muội tự tại. Sau khi hành Tam-muội tự tại, lại phải tu Tam-muội dũng mãnh. Sau khi hành Tam-muội dũng mãnh, lại phải tu hành Tam-muội tâm ý. Sau khi hành Tam-muội tâm ý, lại phải hành Tam-muội tự giới.[23] Sau khi hành Tam-muội tự giới, như vậy chẳng bao lâu sẽ thành tựu đạo thần túc.

Đề-bà-đạt-đa sau khi nhận sự chỉ giáo của thầy, tự biết sự khinh trọng của tâm ý. Sau đó lại biết sự khinh trọng của bốn đại. Rồi tu suốt hết thảy các Tam-muội, không có điều gì sai sót. Không bao lâu, ông đắc đạo thần túc, bằng vô số phương tiện như vậy, ông biến hóa thành vô lượng. Lúc bấy giờ danh tiếng Đề-bà-đạt-đa được lưu truyền khắp bốn phương.

Bấy giờ, bằng thần túc, Đề-bà-đạt-đa lên cho đến cõi trời Tam thập tam lấy đủ các loại hoa Ưu-bát, Câu-mâu-đầu, đem dâng cho thái tử A-xà-thế, lại bảo:

–Hoa này xuất xứ từ trên trời Tam thập tam. Thích Đề-hoàn Nhân sai mang đến dâng thái tử.

Thái tử A-xà-thế thấy Đề-bà-đạt-đa thần túc như vậy nên tùy thời cúng dường, cung cấp những gì cần thiết. Thái tử lại suy nghĩ: "Thần túc

---

thừa nhận giới Cụ túc được phép tự thọ.

[22]. Tu-la-đà, có thể đồng nhất với Pāli: Surādha, Theragāthā 135-6; nhưng không có liên hệ gì đến Devadatta.

[23]. Một cách trình bày khác về bốn Thần túc (Như ý túc): Dục tam-ma địa, cần (tinh tấn) Tam-ma-địa, tâm Tam-ma-địa, quán Tam-ma-địa. Cf. Tập Dị 5 (tr.391c26).

của Đề-bà-đạt-đa thật khó ai sánh kịp."

Đề-bà-đạt-đa lại ẩn hình biến thành đứa nhỏ, ngồi lên đùi của thái tử. Lúc ấy, các thể nữ nghĩ thầm: "Đây là người gì? Quỷ chăng? Trời chăng?" Nói năng chưa dứt, Đề-bà-đạt-đa hiện hình lại như cũ. Thái tử và các cung nhân đều ca ngợi: "Đây là Đề-bà-đạt-đa." Tức thì cung cấp cho những thứ cần dùng. Lại cho loan truyền lời này: "Danh đức của Đề-bà-đạt-đa thật không thể ghi hết."

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo nghe lời đồn này, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi bạch Phật rằng:

–Đề-bà-đạt-đa có thần túc rất lớn, nên được các thứ y phục, ẩm thực, giường chõng và ngọa cụ, thuốc men trị bệnh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông chớ có khởi ý nghĩ ấy, mà đắm trước lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa. Lại cũng chớ khen tốt sức thần thông của ông ấy. Người đó sẽ vì thần túc mà đọa vào ba đường dữ. Lợi dưỡng mà Đề-bà-đạt-đa thu hoạch được, cùng với thần thông ấy rồi sẽ mất hết. Vì sao? Đề-bà-đạt-đa tự mình gây các hành vi thân, miệng ý, lại khởi lên ý tưởng rằng: [24]"Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Sa-môn Cù-đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc cao quý, ta cũng thuộc chủng tộc cao quý. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai thần túc. Sa-môn Cù-đàm hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn. Ông ấy hiện tám, ta sẽ hiện mười sáu. Ông ấy hiện mười sáu, ta sẽ hiện ba mươi hai. Tùy theo Sa-môn Cù-đàm nên hóa thế nào, ta sẽ biến hóa gấp bội."

Bấy giờ, có rất đông Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa tự tuyên bố như vậy. Do đó, có năm trăm Tỳ-kheo đi đến với Đề-bà-đạt-đa và năm trăm năm mươi Tỳ-kheo nhận sự cúng dường của thái tử.[25]

Bấy giờ, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên bảo nhau:

–Chúng ta hãy đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa, nghe xem ông ấy thuyết pháp đề tài gì?

Rồi hai vị cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa. Từ xa, Đề-bà-đạt-đa thấy

---

[24] Trong đoạn này, văn dịch Hán hình như nhảy sót, nên thiếu mạch lạc so với đoạn tiếp theo. Từ đây trở xuống, nên xem là lời tự rao truyền của Đề-bà-đạt-đa, chứ không phải lời tiên đoán của Phật.

[25] Các Luật bộ đều nói, Đề-bà-đạt-đa đề nghị Phật chấp thuận năm điều luật mới khắt khe hơn. Phật bác bỏ. Đề-bà-đạt-đa tự công bố luật mới. Năm trăm Tỳ-kheo tách khỏi Tăng đi theo. Tăng bị vỡ.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Hai người ấy là đệ tử của Tất-đạt.

Trong lòng ông rất vui sướng. Sau khi chào hỏi xong, họ ngồi xuống một bên. Các Tỳ-kheo đều khởi lên ý nghĩ rằng: "Đệ tử của Phật Thích-ca nay đều theo Đề-bà-đạt-đa hết."

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa nói với Xá-lợi-phất:

–Nay thầy có thể thuyết pháp cho các Tỳ-kheo không? Tôi muốn nghỉ một chút. Vì hơi đau lưng.

Rồi Đề-bà-đạt-đa nằm nghiêng hông bên phải, hai bàn chân chồng lên nhau, vì trong lòng rất vui sướng, nên ngủ liền.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thấy Đề-bà-đạt-đa ngủ rồi, liền dùng thần túc tiếp các Tỳ-kheo bay lên hư không mà đi. Khi Đề-bà-đạt-đa thức dậy, không thấy các Tỳ-kheo, vô cùng tức giận, phun ra lời này: "Ta không trả được oán này, sẽ không gọi là Đề-bà-đạt-đa nữa." Đây là lần thứ nhất Đề-bà-đạt-đa phạm tội ác ngũ nghịch.[26] Khi Đề-bà-đạt-đa vừa khởi lên ý nghĩ ấy, tức thì mất thần túc.

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có thần túc rất lớn, có thể phá hoại Thánh chúng.[27]

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Không chỉ ngày nay Đề-bà-đạt-đa mới phá hoại Thánh chúng, mà trong đời quá khứ cũng đã thường xuyên phá hoại Thánh chúng. Vì sao? Trong quá khứ, đã hoại Thánh chúng, ông lại khởi ác niệm rằng:[28] "Ta sẽ bắt Sa-môn Cù-đàm mà giết đi. Để trong ba cõi này ta là Phật độc tôn, không có ai ngang lứa."

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa nói với thái tử A-xà-thế[29]:

–Thuở xưa, thọ mạng con người rất dài. Ngày nay rất vắn. Giả sử thái tử một mai chết đi, thật là uổng phí sinh ra trên đời. Sao ngài không bắt vua cha giết đi để nối ngôi Thánh vương? Còn tôi, sẽ giết Như Lai để được làm

---

[26] Đây muốn nói Đề-bà-đạt-đa phạm tội phá hòa hợp Tăng. Nhưng diễn tiến câu chuyện được kể trên đây, nếu theo phân tích của các bộ luật, không hội đủ yếu tố để thành phá Tăng. Nên nghi ngờ chuyện kể ở đây không phải chính thống, mà chỉ là một loại truyền thuyết nhân gian, thiếu căn bản Luật và Pháp.

[27] Hán: Hoại Thánh chúng 壞聖眾, tức phá Tăng, hay phá hòa hợp Tăng.

[28] Đoạn văn thiếu mạch lạc xét theo ngữ cảnh. Hán dịch có thể nhảy sót.

[29] Trong ấn bản: A-xà-thế vương.

Phật. Vua mới, Phật mới, không khoái lắm sao?[30]

A-xà-thế liền sai người giữ cửa bắt vua cha nhốt vào ngục, tự lập làm vua cai trị nhân dân. Bấy giờ dân chúng bàn bạc với nhau: "Người con này khi chưa sinh đã là đứa con oan gia." Nhân đó, họ gọi là vua A-xà-thế. Đề-bà-đạt-đa thấy A-xà-thế đã nhốt vua cha rồi, bèn khởi ý tưởng bày: "Ta phải bắt Sa-môn Cù-đàm mà giết đi."

Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ở bên sườn một hòn núi nhỏ trong núi Kỳ-xà-quật. Đề-bà-đạt-đa leo lên núi Kỳ-xà-quật, tay bưng một tảng đá lớn, dài ba mươi khuỷu tay, rộng mười lăm khuỷu tay, ném vào Thế Tôn. Ngay lúc đó, thần núi là quỷ Kim-tỳ-la, thường trực sống trên núi này, thấy Đề-bà-đạt-đa ôm đá ném Phật, liền đưa tay ra đón lấy rồi để xuống chỗ khác. Trong lúc đó, một mảng đá vụn văng trúng chân Như Lai, tức thì chảy máu. Thế Tôn trông thấy Đề-bà-đạt-đa, liền nói:

–Ngươi nay khởi ý muốn hại Như Lai. Đây là tội ngũ nghịch thứ hai.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa nghĩ thầm: "Giờ ta không giết được Sa-môn Cù-đàm này, sẽ tìm phương tiện khác." Rồi bỏ đi, đến chỗ A-xà-thế, tâu vua rằng:

–Vua hãy cho con Hắc tượng uống rượu say, để nó giết Sa-môn. Vì sao? Con voi này rất hung bạo. Nhất định nó sẽ giết Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, ngày mai sẽ không vào thành khất thực. Nếu ông không có Nhất thiết trí, ngày mai chắc sẽ vào thành khất thực và sẽ bị con voi dữ này giết.[31]

Vua A-xà-thế liền sai cho voi uống rượu thuần[32] cho thật say và bố cáo dân chúng trong nước biết:

–Những ai muốn yên ổn, tiếc mạng sống, ngày mai, không ai được đi lại trong thành.

Bấy giờ, đến giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát vào thành La-duyệt khất thực. Trong nước, trai gái lớn nhỏ, bốn bộ chúng, nghe vua A-xà-thế cho voi uống rượu để hại Như Lai, ai nấy đều đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn chớ vào thành La-duyệt khất thực. Vì sao? Vua A-xà-thế cho voi uống rượu say để hại Như Lai.

Phật bảo các Ưu-bà-tắc:

---

[30] Xem kinh số 10 phẩm 17.

[31] Xem kinh số 5, phẩm 18.

[32] Hán: Thuần tửu 醇酒, một loại rượu cực mạnh.

–Phàm là Đẳng Chánh Giác, không ai có thể hại được.

Thế Tôn tuy có nghe lời ấy, nhưng vẫn vào thành. Con voi dữ khi trông thấy Phật từ xa, nó bùng cơn thịnh nộ, nhằm chạy đến Như Lai, để giết. Phật thấy con voi chạy đến, liền nói bài kệ:

Voi chớ có hại Rồng
Khó gặp Voi rồng[33] hiện
Do bởi không giết Rồng
Mà được sinh cõi lành.[34]

Con voi ấy sau khi nghe Như Lai nói bài kệ này, liền quỳ xuống liếm chân Như Lai. Trong lòng con voi khi ấy hối hận không yên, nên nó mạng chung, liền được sinh lên trời Tam thập tam.

A-xà-thế và Đề-bà-đạt-đa thấy con voi đã chết, buồn bã vô cùng. Đề-bà-đạt-đâu nói với vua:

–Sa-môn Cù-đàm đã giết chết con voi rồi.

A-xà-thế nói:

–Sa-môn Cù-đàm này có thần lực rất lớn, có nhiều kỹ thuật, lại có chú thuật mới giết được con voi rồng đó.

Rồi A-xà-thế lại nói:

–Sa-môn này tất có oai đức đầy đủ, nên rốt cuộc không bị voi dữ giết.

Đề-bà-đạt-đa nói:

–Sa-môn Cù-đàm có chú làm huyễn hoặc, khiến cho các dị học ngoại đạo bị khuất phục hết, huống gì loài súc sinh.

Khi ấy Đề-bà-đạt-đa lại nghĩ thầm: "Ta nay quán sát thấy tâm ý vua A-xà-thế muốn cải đổi." Thế rồi Đề-bà-đạt-đa rầu rĩ không vui, đi ra khỏi thành La-duyệt.

Lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni Pháp Thí[35] trông thấy Đề-bà-đạt-đa từ xa đi đến, cô nói với ông:

–Ông đã gây tội lỗi cực kỳ. Nay sám hối còn dễ; để sau này thì rất khó.

Đề-bà-đạt-đa nghe lời này, lại càng tức giận, trả lời rằng:

–Con tiện tỳ trọc này, tội lỗi gì mà nay dễ, sau khó?

---

[33] Nguyên Hán: Long tượng 龍象, chỉ loại voi chúa.

[34] Bài kệ, như kinh số 5, phẩm 18.

[35] Pháp Thí 法施. Trên kia, kinh số 2 phẩm 5, phiên âm là Đàm-ma-đề-na. Đồng nhất với Pāli, Dhammadinnā, đệ nhất thuyết pháp trong các Tỳ-kheo-ni. Cf. A.i. 25.

Tỳ-kheo-ni Pháp Thí đáp:

–Ông đã đi theo kẻ ác, lại tạo gốc rễ bất thiện.

Cơn lửa giận trong người Đề-bà đạt-đâu liền cháy bừng bừng; tức thì ông lấy tay đánh chết Tỳ-kheo-ni. Như vậy, Đề-đạt-đâu đã giết bậc Chân nhân.[36]

Sau đó, ông trở về phòng của mình, nói với các đệ tử:

–Các ngươi nên biết, ta đã có ý hướng đến Sa-môn Cù-đàm, nhưng theo nghĩa lý thì không phù hợp. Vì La-hán lại khởi ác ý nhắm đến A-la-hán. Ta nay nên hướng đến ông ấy mà sám hối.

Đề-bà-đạt-đa vì vậy mà buồn bã không vui, chẳng bao lâu lâm trọng bệnh. Ông bảo đệ tử:

–Ta không còn sức lực nào để đi gặp Sa-môn Cù-đàm. Các người hãy dìu ta đi đến chỗ Sa-môn.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa lấy thuốc độc bôi lên đầu móng tay; sau đó bảo đệ tử:

–Các ngươi hãy cáng ta đến chỗ Sa-môn kia.

Các đệ tử liền cáng Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Thế Tôn. A-nan trông thấy Đề-bà-đạt-đa từ xa đang đến, liền bạch Thế Tôn:

–Đề-bà-đạt-đa nay đến đây, chắc đã có tâm hối hận, muốn đến Như Lai cầu sám hối sửa đổi lỗi lầm.

Phật bảo A-nan:

–Đề-bà-đạt-đa không bao giờ có thể đi đến chỗ Thế Tôn.

A-nan ba lần lặp lại, bạch Phật

–Nay Đề-bà-đạt-đa muốn đến Như Lai cầu xin sám hối lỗi lầm.

Phật nói với A-nan:

–Con người ác này không bao giờ có thể đi đến chỗ Như Lai. Con người này, hôm nay mạng căn đã chín.

Khi đến chỗ Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa nói với các đệ tử:

–Nay ta không nên nằm mà gặp Như Lai. Hãy để ta xuống giường rồi gặp Như Lai.

Khi Đề-bà-đạt-đa vừa đặt chân xuống đất, ngay lúc ấy từ trong đất một ngọn lửa theo gió nổi lên bao phủ thân Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa trong khi bị ngọn lửa thiêu đốt, liền phát sinh tâm hối hận đối với Như Lai,

---

[36] Tội ngũ nghịch thứ ba: Giết A-la-hán. Vì Tỳ-kheo-ni này là một A-la-hán. Nhưng không thấy truyền thuyết nơi khác Tỳ-kheo-ni này bị Đề-bà-đạt-đa giết.

vừa muốn xưng "Nam-mô Phật" nhưng rốt cuộc không phát ra được tiếng "Nam-mô Phật" mà rơi ngay xuống địa ngục.

A-nan sau khi thấy Đề-bà-đạt-đa rơi xuống địa ngục, liền bạch Thế Tôn rằng:

–Đề-bà-đạt-đa hôm nay mạng chung mà vào trong địa ngục chăng?

Phật nói:

–Đề-bà-đạt-đa không phải vì diệt tận mà đạt đến Niết-bàn. Nay Đề-bà-đạt-đa khởi ác tâm nhắm đến Như Lai; khi thân hoại mạng chung, rơi xuống địa ngục.

Khi ấy A-nan buồn rầu rơi lệ không thể dừng được. Phật bảo A-nan:

–Vì sao mà ông khóc?

A nan bạch Phật:

–Con nay tâm dục ái chưa hết, chưa đoạn dục, nên mới buồn khóc vậy.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói bài kệ này:

Như người tự gây hành
Tự xét trở lại gốc
Điều thiện nhận báo thiện
Điều ác nhận báo ác.
Người đời tạo hành ác
Chết, chịu khổ địa ngục
Nếu có tạo hành thiện
Chuyển thọ lộc trời.
Đây không phải lỗi Phật
Ông cớ gì mà buồn?

A nan bạch Phật:

–Đề-bà-đạt-đa thân hoại mạng chung sinh vào chỗ nào?

Phật bảo A-nan:

–Nay Đề-bà-đạt-đa này thân hoại mạng chung, sinh vào địa ngục. Vì sao? Do ông ấy đã tạo tội ác ngũ nghịch, nên chịu quả báo ấy.

A nan lại bạch Phật:

–Đúng vậy, Thế Tôn, như lời dạy của Thánh tôn. Thân quá khứ đã làm ác; thân hiện tại vào địa ngục. Vậy thì vì sao nay con lại buồn khóc rơi lệ? Bởi vì Đề-bà-đạt-đa không tiếc danh hiệu dòng họ, chủng tánh, cũng không vì cha mẹ, tôn trưởng. Ông đã làm nhục dòng học Thích, hủy hoại môn hộ của chúng ta. Nhưng Đề-bà-đạt-đa hiện thân vào địa ngục, thật sự

không thích hợp. Vì sao? Môn hộ chủng tộc của chúng ta xuất từ ngôi vị Chuyển luân thánh vương. Đề-bà-đạt-đa xuất thân từ chủng tộc của vua, không nên hiện thân vào địa ngục. Đáng lẽ Đề-bà-đạt-đa hiện thân dứt sạch các lậu, thành vô lậu, tâm được giải thoát, ở trong hiện thân mà thọ chứng quả, biết như thật rằng: "Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thai nữa." Tập theo dấu tích bậc Chân nhân, đắc A-la-hán, ở nơi Niết-bàn giới vô dư mà Bát-niết-bàn. Không dè hiện thân này lại vào địa ngục. Đề-bà-đạt-đa khi xưa có oai thần rất lớn, rất có thần đức, nên mới lên đến trời Tam thập tam, biến hóa tự do, há có thể tưởng người đó lại vào địa ngục! Thế Tôn, không rõ Đề-bà-đạt-đa ở trong địa ngục trải qua bao nhiêu năm?

Phật bảo A-nan:

–Con người này ở trong địa ngục trải qua một kiếp.

A-nan lại bạch Phật:

–Nhưng kiếp có hai loại. Có đại kiếp, có tiểu kiếp. Không rõ người này chịu theo kiếp nào?

Phật nói:

–Người này trải qua đại kiếp. Nói đại kiếp, là khi con số kiếp của Hiền kiếp này tận cùng. Khi ấy, hành tận, mạng chung, trở lại làm người.

A-nan bạch Phật:

–Đề-bà-đạt-đa đã vùi lấp hết gốc rễ làm người, rồi sau khôi phục trở lại. Vì sao? Con số của kiếp rất lâu dài. Phàm đại kiếp không dài quá Hiền kiếp.

Rồi A-nan lại buồn khóc, nghẹn ngào, không vui, lại bạch Phật:

–Đề-bà-đạt-đa ra khỏi địa ngục sẽ sinh về đâu?

Phật nói:

–Đề-bà-đạt-đa mạng chung ở đó, rồi sẽ sinh lên trời Tứ Thiên vương.

A-nan lại hỏi:

–Sau khi mạng chung ở trời này, lại sinh về đâu?

Phật nói với A-nan:

–Sau khi mạng chung ở đó, lần lượt sinh lên trời Tam thập tam, trời Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại.

A nan lại hỏi:

–Từ đó mạng chung, lại sinh vào chỗ nào?

Phật bảo A-nan:

–Ở đây, Đề-bà-đạt-đa từ địa ngục chết đi, sinh vào cõi lành, sinh lên

trời, trải qua sáu mươi kiếp không rơi vào ba đường dữ; qua lại cõi trời, cõi người, đến thân cuối cùng, sẽ cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô.

Bấy giờ A-nan bước tới trước bạch Phật:

–Như vậy Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đau do ác báo của mình mà bị dẫn xuống địa ngục chịu tội. Nhưng ông đã làm công đức gì mà trải qua sáu mươi kiếp sinh tử không phải thọ khổ não và cuối cùng lại thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô?

Phật bảo A-nan:

–Tâm ý thiện trong khoảnh khắc búng ngón tay mà phước ấy khó có thể ví dụ. Huống hồ Đề-bà-đạt-đa thông kim bác cổ, tụng tập rất nhiều, ghi nhớ tổng trì các pháp, điều gì đã nghe rồi thì không quên. Đề-bà-đạt-đa này xưa vì thù oán mà khởi tâm muốn sát hại Như Lai. Nhưng cũng do duyên báo từ quá khứ xa xưa, vì đã khởi tâm hoan hỷ hướng đến Như Lai. Do nhân duyên báo ứng này, trong sáu mươi kiếp không đọa ba đường dữ. Lại do Đề-bà-đạt-đa vào giây phút cuối cùng trước khi mạng chung đã khởi tâm vui vẻ xưng "Nam-mô Phật', cho nên sau này thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô.

Khi ấy A-nan bước lên trước Phật, lặp lại trình bày của mình:

–Vâng, bạch Thế Tôn, như lời Phật[37] dạy.

Lúc bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên bước lên trước Phật bạch rằng:

–Con nay muốn vào trong địa ngục, thuyết yếu hành[38] cho Đề-bà-đạt-đa, để ủy lạo và chúc mừng ông ấy.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

–Ông nên biết rõ, chớ có đường đột khinh suất, mà hãy chuyên tâm chánh ý, không để loạn tưởng. Vì sao? Chúng sinh có hành vi cực ác khó mà khắc chạm[39] cho thành, vì vậy mới đọa vào địa ngục. Lại nữa, tội nhân ấy không hiểu tiếng nói trao đổi của nhân gian.

Mục-kiền-liên bạch Phật:

–Con ở đây hiểu biết sáu mươi bốn thứ ngôn ngữ. Con sẽ bằng tiếng nói thích hợp mà trao đổi với người ấy.

Phật bảo Mục-liên:

–Ông nên biết lúc thích hợp.

---

[37]. Để bản: Thần. Bản khác: Phật thần.

[38]. Hán: Yếu hành; đây chỉ hành trạng tương lai mà Phật dự báo.

[39]. Để bản: Điêu, khắc chạm. Bản khác: Điều: Điều phục.

A-nan nghe những lời này, hoan hỷ phấn khởi không dừng được. Khi ấy Đại Mục-kiền-liên bước lên trước lạy dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ngay trước Phật, trong khoảnh khắc chừng lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất và đi đến địa ngục A-tỳ. Khi ấy Đại Mục-kiền-liên ở trên hư không trong địa ngục A-tỳ búng ngón tay gọi:

–Đề-bà-đạt-đa.

Nhưng Đề-bà-đạt-đa im lặng không trả lời. Các ngục tốt hỏi Mục-liên:

–Ông gọi Đề-bà-đạt-đa nào?

Rồi ngục lại bạch:

–Ở đây cũng có Đề-bà-đạt-đau thời Phật Câu-lâu-tôn; Đề-bà-đạt-đa thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni; Đề-bà-đạt-đa thời Phật Ca-diếp; cũng có Đề-bà-đạt-đa tại gia; cũng có Đề-bà-đạt-đa xuất gia. Ông Tỳ-kheo! Nay đích thực ông muốn gọi Đề-bà-đạt-đa nào?

Mục-liên đáp:

–Đề-bà-đạt-đa mà tôi muốn gọi là con của chú của Phật Thích-ca Văn. Tôi muốn gặp ông ấy.

Khi ấy, ngục tốt cầm cây chĩa sắt, hoặc cầm ngọn lửa đỏ, châm đốt vào thân ông ấy để cho tỉnh giác. Thân thể Đề-bà-đạt-đa lúc bấy giờ bị ngọn lửa đốt cao ba mươi khuỷu tay. Ngục tốt bảo:

–Nhà ngươi, gã ngu si, sao còn ngủ?

Đề-bà-đạt-đa đang bị đủ các thứ khổ bức bách, trả lời:

–Hôm nay ông dạy bảo điều gì?

Ngục tốt lại nói:

–Ngươi hãy ngước mắt nhìn lên trời xem.

Theo lời ấy Đề-bà-đạt-đa ngước mắt nhìn lên hư không, thấy Đại Mục-kiền-liên ngồi kiết già trên một đóa hoa sen báu, như mặt trời đang vén đám mây. Thấy vậy Đề-bà-đạt-đa nói bài kệ:

Ai đó hiện thiên quang
Như mặt trời vén mây
Cũng như tụ núi vàng
Không một chút bụi dơ?

Mục-liên trả lời bằng bài kệ:

Ta là con Thích tôn
Đấng dòng họ Cù-đàm
Là Thanh văn của Ngài

Tên gọi Đại Mục-liên.

Đề-bà-đạt-đa nói với Mục-liên:

–Tôn giả Mục liên, vì sao hạ cố đến đây? Chúng sinh trong đây đã gây vô lượng tội ác, khó mà khai hóa được. Vì đã không tạo thiện căn nên sau khi mạng chung sinh vào đây.

Mục-liên đáp:

–Tôi được Phật sai đến đây. Vì thương tưởng, muốn giúp nhổ sạch cội khổ.

Nghe đến tiếng Phật, Đề-bà-đạt-đa hoan hỷ phấn khởi không dừng được, liền nói lên lời này:

–Cúi mong Tôn giả kịp thời nói rõ, Như Lai Thế Tôn có dạy điều gì. Ngài lại không tiên báo cội nguồn[40] của nẻo dữ nữa chăng?

Mục-liên nói:

–Đề-bà-đạt-đa, chớ có kinh sợ. Cực khổ của địa ngục không đâu hơn nơi này. Đức Phật Thích-ca Văn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, thương xót đến hết thảy loài bò bay máy cựa, như mẹ yêu con, tâm không phân biệt, đúng hợp thời cơ thì diễn giáo nghĩa, không để mất đầu mối, cũng không nghịch với từng loại mà diễn nói quá lượng. Nay, từ chính kim khẩu của Ngài ký thuyết, ông trước kia khởi ác ý muốn hại Thế Tôn, lại lôi kéo người khác chạy theo đường ác[41]. Do nhân duyên báo ứng này mà sinh vào địa ngục A-tỳ, trải qua một kiếp không có ngày ra. Hết số kiếp này, hành đã hết, mạng chung, sẽ sinh lên trời Tứ Thiên vương, lần lượt sinh lên Tam thập tam, Diệm thiên, Đâu-suất, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại. Trong sáu mươi kiếp, không rơi vào nẻo dữ. Châu lưu giữa cõi trời và cõi người, sau cùng thọ thân trở lại làm người, cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố xuất gia học đạo, sẽ thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô. Sở dĩ như vậy, do khi ông sắp chết, đã xưng "Nam-mô" nên mới có danh hiệu này. Nay Đức Như Lai quán sát thấy Thiên ngôn Nam-mô này, nên nói trong sáu mươi kiếp ông sẽ thành Bích-chi-phật với danh hiệu ấy.

Đề-bà-đạt-đa nghe xong những lời này, hoan hỷ phấn khởi, tâm thiện phát sinh, lại bạch Mục-liên:

–Những điều Như Lai nói tất nhiên không thể nghi ngờ, vì thương xót chúng sinh mà cứu vớt vô lượng, đại Từ, đại Bi, giáo hóa bao trùm đến kẻ ngu hoặc. Dù nay tôi nằm nghiêng hông phải trong địa ngục A-tỳ, trải

---

[40] Để bản chép: Vô. Nghi là chữ nguyên chép nhầm.

[41] Để bản: Vô do. Bản khác: Ác nguyên.

qua một kiếp, tâm ý chuyên chánh, không hề mệt mỏi.

Bấy giờ Mục-liên nói với Đề-bà-đạt-đa:

–Thế nào, bây giờ nỗi thống khổ của ông có thêm bớt gì không?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

–Thân tôi thống khổ chỉ tăng chứ không giảm. Nay nghe được Như Lai đã thọ ký cho danh hiệu, thống khổ có hơi giảm chút ít nhưng không đáng kể.

Mục-liên hỏi:

–Căn nguyên thống khổ mà ông đang chịu giống như thứ gì?

Đề-bà-đạt-đa nói:

–Bằng bánh xe sắt nóng cán cho thân tan rã; rồi lại bằng chày sắt giã nát thân hình tôi; con voi đen hung bạo dày xéo thân tôi. Lại có ngọn núi lửa đến trán vào mặt tôi. Ca-sa ngày xưa nay biến thành tấm đồng đỏ rực đến quàng lên thân tôi. Tình trạng thống khổ nguyên lai như vậy.

Mục liên nói:

–Ông có biết nguồn gốc tội lỗi xưa mà nay phải phải chịu khổ não này chăng? Tôi phân biệt từng thứ, ông có muốn nghe không?

Đề-bà-đạt-đa nói:

–Thưa vâng, xin hợp thời thì nói.

Khi ấy Mục-liên nói bài kệ này:

Xưa nơi Đấng Tối Thắng
Ông phá hoại chúng Tăng
Nay bị chày sắt nóng
Giã nát thân hình ông.
Bởi vì đại chúng kia
Là Thanh văn đệ nhất
Gây đấu loạn chúng Tăng
Nay bị bánh sắt cán.
Xưa ông đã xúi vua
Cho Hắc tượng uống say
Nay bị đám voi đen
Dày xéo thân hình ông.
Xưa ông ôm đá lớn
Ném vào chân Như Lai
Nay chịu báo núi lửa
Đốt ông cháy không sót.

Xưa ông vung tay đấm
Giết chết Tỳ-kheo-ni
Nay bị lá đồng nóng
Quấn siết không chút lỏng.
Nghiệp báo không hề mất
Không thể ẩn trong không
Mà tránh thoát được
Xa các nguồn ác này.

Ông trước kia là Đề-bà-đạt-đa, căn nguyên mà ông đã gây ra chính là như vậy. Hãy tự chuyên tâm chánh ý hướng đến Phật Như Lai, trong lâu dài sẽ được phước vô lượng.

Đề-bà-đạt-đa lại bạch Mục-liên:

–Nay tôi gởi nhờ Mục liên cúi đầu lạy dưới chân Thế Tôn, cầu mong Ngài đi đứng nhẹ nhàng, bước đi khỏe mạnh. Cũng xin kính lễ Tôn giả A-nan.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên phóng đại thần túc khiến cho thống khổ trong địa ngục A-tỳ ngưng lại. Rồi nói bài kệ này:

Thảy xưng Nam mô Phật
Thích Sư, Đấng Tối Thắng
Ngài đem lại an ổn
Dứt trừ các khổ não.

Chúng sinh trong địa ngục sau khi nghe Mục-liên nói bài kệ này, có hơn sáu vạn người hành nghiệp hết, tội sạch, tức thì mạng chung nơi đó mà sinh lên trời Tứ Thiên vương.

Bấy giờ Mục-liên thâu thần túc lại, trở về chốn cũ, đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Mục-liên khi ấy bạch Phật:

–Đề-bà-đà-đạt-đâu dâng lời thăm hỏi vô lượng, đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Lại cũng thăm hỏi A-nan và nói lời này: "Được Như Lai thọ ký trong sáu mươi kiếp nữa thành Bích-chi-phật hiệu Nam-mô, thì dù tôi nằm nghiêng hông phải trong địa ngục A-tỳ không bao giờ thấy mệt mỏi.

Thế Tôn nói:

–Lành thay, lành thay, Mục-liên! Ông đã làm được nhiều điều lợi ích, nhiều thấm nhuần, vì thương xót các loài chúng sinh, mong cầu an lạc cho trời và người, khiến cho Thanh văn của chư Như Lai dần dần đạt đến Niết-bàn diệt tận. Cho nên, này Mục-liên, hãy tinh cần để thành tựu ba pháp. Vì sao? Nếu Đề-bà-đạt-đa mà tu hành thiện pháp, thân ba, miệng bốn, ý ba;

người ấy chung thân không tham đắm lợi dưỡng, cũng không tạo tội ngũ nghịch để đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao? Phàm người tham đắm lợi dưỡng cũng (không)[42] có tâm cung kính đối với Tam bảo, cũng không phụng trì cấm giới, không đầy đủ các hành thân, miệng, ý. (Vậy, các ông) hãy chuyên niệm các hành của thân, miệng, ý. Như vậy, Mục-liên, hãy học điều này.

Bấy giờ Mục-liên nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nếu chúng sinh nào tu hành Từ tâm giải thoát, quảng bố ý nghĩa ấy, diễn nói cho người khác nghe, sẽ thu hoạch được mười một quả báo. Những gì là mười một? Nằm ngủ yên, tỉnh giấc yên, không thấy ác mộng, chư Thiên hộ vệ, mọi người yêu mến, không bị độc, không bị binh đao, không bị nước, lửa, giặc cướp; thảy đều không bị xâm hại; sau khi thân hoại mạng chung sinh lên trời Phạm thiên. Đó gọi là Tỳ-kheo tu hành Từ tâm sẽ có được mười một phước này.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu ai hành Từ tâm
Cũng không hành phóng dật
Các kết dần dần đoạn
Rồi thấy được dấu đạo.
Do hành Từ tâm này
Sẽ sinh lên Phạm thiên
Nhanh chóng được diệt độ
Cuối cùng đến Vô vi.
Tâm không sát, không hại
Cũng không ý hơn thua
Hành từ đến tất cả
Không hề tâm oán hận.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện hành nơi Từ tâm, quảng bố nghĩa ấy. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

---

[42] *Nghi trong để bản chép thiếu.*

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 48

Phẩm 50: LỄ TAM BẢO

KINH SỐ 1

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn lễ bái chùa tháp[1] Như Lai, hãy hành mười một pháp lễ tháp Như Lai. Những gì là mười một? Khởi ý dũng mãnh, vì có điều có thể kham. Ý không tán loạn, vì thường nhất tâm. Thường niệm chuyên ý, vì có Chỉ, Quán. Các niệm vắng lặng, vì nhập Tam-muội. Ý đến vô lượng, do bởi trí tuệ. Ý khó quán sát, do bởi hình[2]. Ý tĩnh đạm nhiên, do bởi oai nghi. Ý không giong ruổi, do bởi danh xưng. Ý không tưởng tượng, do bởi sắc. Phạm âm khó sánh, vì dịu dàng.

Này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam, thiện nữ muốn lễ bái tháp miếu Như Lai, nên đầy đủ mười một pháp lễ bái tháp miếu Như Lai này, để cho lâu dài được phước vô lượng. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nếu thiện nam, thiện nữ muốn hành lễ bái Pháp, hãy niệm mười một sự, rồi sau đó hành lễ bái Pháp. Những gì là mười một? Có mạn hãy trừ

---

1. *Nguyên Hán: Như Lai thần tự 神寺.*
2. *Đây chỉ hình tướng của Phật.*

mạn. Phàm chánh pháp là nhắm dứt tưởng khát ái đối với dục. Phàm chánh pháp là nhắm trừ dục ở nơi dục. Phàm chánh pháp là nhắm cắt đứt dòng nước sâu sinh tử. Phàm chánh pháp là nhắm đạt được pháp bình đẳng. Nhưng chánh pháp này nhắm đoạn trừ các nẻo dữ và rồi chánh pháp nhắm đưa đến cõi lành. Phàm chánh pháp là nhắm cắt đứt lưới ái. Người hành chánh pháp là đi từ có đến không. Người chánh pháp thì sáng tỏ không đâu không rọi đến. Người hành chánh pháp là để đi đến Niết-bàn giới.

Nếu thiện nam, thiện nữ muốn hành lễ bái pháp, hãy tư duy mười một pháp này. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Nếu thiện nam, thiện nữ muốn hành lễ bái Tăng, hãy chuyên cần mười một pháp, rồi sau đó mới hành lễ bái Tăng. Những gì là mười một? Chúng của Như Lai là những vị đã thành tựu pháp. Chúng của Như Lai hòa hợp trên dưới. Tăng của Như Lai đã thành tựu pháp pháp[3]. Chúng của Như Lai thành tựu giới; thành tựu Tam-muội; thành tựu trí tuệ; thành tựu giải thoát; thành tựu giải thoát kiến tuệ. Thánh chúng của Như Lai thủ hộ Tam bảo. Thánh chúng Như Lai hay hàng phục dị học ngoại đạo. Thánh chúng của Như Lai là bạn tốt và là ruộng phước cho hết thảy thế gian.

Nếu thiện nam, thiện nữ muốn lễ bái Tăng, hãy tư duy mười một pháp này, sẽ được phước báo lâu dài. Như vậy Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo và Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Nhân-đà-la, Ma-hưu-lặc, trời và người, nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

[3] *Pháp pháp thành tựu, tức thành tựu pháp tùy pháp hành. Pāli: Dhammānudhamma-paṭipanna-sampanna.*

KINH SỐ 4[4]

Nghe như vầy:

Một thời Bà-già-bà trú tại nước Ma-kiệt-đà, phía Đông thành Mật-thí-la, trong vườn Đại thiên[5], cùng với Tăng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, sau bữa ăn,[6] cùng với A-nan đi kinh hành trong vườn cây. Lúc đó Phật mỉm cười. A-nan nghĩ thầm: "Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, không cười suông. Nay vì sao cười? Tất phải có ý gì. Ta nên hỏi."

A-nan bèn sửa lại y phục, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hỏi Phật:

–Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, không cười suông. Hôm nay vì sao mỉm cười, tất có ý gì. Con mong được nghe ý ấy.

Phật nói với A-nan:

–Ta sẽ nói cho ông nghe.

Quá khứ, khởi đầu Hiền kiếp, trong khoảng đó có vị Chuyển luân thánh vương thống lãnh bốn thiên hạ, tên là Đại Thiên[7], sống lâu, không bệnh, đẹp đẽ, dũng mãnh, cai trị bằng chánh pháp, không hao phí của dân, có bảy báu tự nhiên. Những gì là báu? Đó là, bánh xe, voi, ngựa, minh châu, ngọc nữ, quan chủ kho tàng, tướng điển binh.

Này A-nan, thời gian ấu thơ của vua Đại Thiên là tám vạn bốn ngàn năm. Thời gian làm thái tử là tám vạn bốn ngàn năm. Thời gian lên ngôi Thánh vương là tám vạn bốn ngàn năm.

A nan hỏi Phật:

–Thế nào là báu bánh xe?

Phật nói:

–Ngày thứ mười trong tháng, khi trăng tròn, vua tắm gội sạch sẽ, cùng với thể nữ lên lầu, nhìn về phía Đông. Khi ấy có bánh xe bằng vàng có một

---

4. *Tham chiếu Pāli, M 83 Makkhādeva (R. ii. 74). Hán, Trung13, kinh 67.*

5. *Mật-thí-la 蜜(<gaiji cb='CB2683' des='[口*提]' mojikyo='M004266' mofont='Mojikyo M101' mochar='700B'>口+提)羅. Trung 13: Phật tại nước Tỳ-đà-đề 鞞陀提, rồi đi đến Di-tát-la 彌薩羅; ngụ trong vườn xoài Đại thiên 大天<gaiji cb='CB0178' des='[木?*奈]' nor='奈' mojikyo='M049171' mofont='Mojikyo M109' mochar='6ADE'>奈</gaiji>林. Pāli: Phật trú tại Mithilā, trong khu vườn xoài Makkhādeva. Mihilā là thủ lãnh của vương quốc Videha. Bản Hán đồng nhất Videha với Magadha.*

6. *Nguyên Hán: Thực hậu khởi 食後起, dịch nghĩa đen là "ăn xong đứng dậy". Trung 13, ibid. Thế Tôn đang đi trên con đường. Pāli: aññatarasmiṃ padese, tại một địa điểm nọ.*

7. *Đại Thiên 大天. Pāli: Makkhādeva.*

ngàn căm, cao bằng bảy bảy đa-la. Bảy nhẫn là một đa-la. Đa-la là loại cây đứng thẳng một mình[8], lấy nó làm chuẩn đo. Bánh xe làm bằng thuần vàng tử ma. Thấy bánh xe, vua nghĩ thầm: "Bánh xe này tuyệt đẹp! Ta muốn bắt nó, có được chăng?" Vừa nghĩ xong, bánh xe tức thì đến trên tay trái của vua, rồi dời qua tay phải. Vua nói với bánh xe: "Nơi nào chưa được chinh phục, hãy chinh phục cho ta. Đất nào chưa phải của ta, hãy chiếm lấy cho ta. Lấy đúng pháp chứ không phải không đúng pháp." Nói xong, bánh xe quay trở lại giữa hư không. Vành hướng về phía Đông, trục hướng về phía Bắc.

Vua ra lệnh kẻ tả hữu cụ bị bốn loại binh chủng. Sau khi chuẩn bị xong, vua dẫn binh chúng đi theo bánh xe đứng giữ hư không, theo bánh xe dẫn về hướng Đông, tuần hành cho đến tận cùng bờ cõi phía Đông. Buổi tối, vua cùng binh chúng ngủ bên dưới bánh xe. Các tiểu vương ở bờ cõi phía Đông, vào buổi sáng sớm, đều đến chầu, những cống vật nếu là bằng bát vàng thì bên trong đựng đầy thóc bằng bạc; nếu bát bằng bạc thì bên trong đựng thóc bằng vàng. Họ tâu: "Hoan nghênh đại vương! Tất cả đất đai, trân bảo, nhân dân ở bờ cõi phía Đông này, thảy đều sở hữu của vua. Chúng tôi sẽ vâng lệnh giáo sắc của Thiên vương." Vua Đại Thiên trả lời các tiểu vương: "Nếu các vị muốn tuân theo giáo sắc của ta, hãy trở về nước của mình, mỗi vị hãy dạy dân mình hành mười điều thiện, chớ hành pháp ngang trái."

Vua giáo sắc xong, bánh xe liền ở trên biển quay trở lại, nương theo quãng trống[9] mà đi. Trong biển tự nhiên mở ra một con đường rộng một do-diên. Vua cùng binh chúng đi theo bánh xe, nhắm phía trước tuần hành, tiến về bờ cõi phía Nam.

Buổi sáng, các tiểu vương trong bờ cõi phía Nam đến chầu. Họ mang cống vật đến dâng, nếu là bát vàng thì bên trong đựng đầy thóc bằng bạc; nếu bát bằng bạc thì bên trong đựng thóc bằng vàng. Họ tâu: "Hoan nghênh đại vương! Tất cả đất đai, trân bảo, nhân dân ở bờ cõi phía Nam này, thảy đều sở hữu của vua. Chúng tôi sẽ vâng lệnh giáo sắc của Thiên vương." Vua Đại Thiên trả lời các tiểu vương: "Nếu các vị muốn tuân theo giáo sắc của ta, hãy trở về nước của mình, mỗi vị hãy dạy dân mình hành mười điều thiện, chớ hành pháp ngang trái."

Giáo sắc xong, bánh xe quay về Tây, tiến về bờ cõi phía Tây. Các

---

8. Độc đĩnh thọ 獨挺樹. Pāli (Skt.): Tāla, một loại cây cọ, lá hình quạt. Thường dùng so sánh chiều cao.

9. Để bản: Thừa vân 乘雲. TNM: Thừa hư.

tiểu vương trong bờ cõi phía Tây đến cống hiến và khuyến thỉnh cũng như ở phía Nam.

Xong, bánh xe lại quay hướng nhắm về phía Bắc, tuần hành tiến đến bờ cõi phía Bắc. Các tiểu vương phía Bắc đến chầu, cống hiến, khuyến thỉnh đúng như pháp.

Chu du bốn ngày, khắp cả Diêm-phù-địa tận đến bờ biển, rồi quay trở về Mật-thí-la. Bánh xe dừng lại giữa hư không phía trước cửa cung, cao bảy cây đa-la, vành hướng về Đông.

Đại Thiên có được bánh xe báu như vậy.

A-nan lại hỏi:

–Đại Thiên có được báu voi như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Đại Thiên về sau vào ngày mười lăm khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía Đông, nhìn thấy trong hư không có con voi chúa màu trắng tên là Vũ-hô[10] nương theo hư không mà bay đến; bảy chi của nó bằng phẳng, miệng có sáu ngà, trên đầu có mũ bằng vàng với chuỗi anh lạc bằng vàng, thân mình quấn bọc bởi trân châu, hai bên mang linh bằng vàng. Voi có thần lực, biến hình tự tại. Đại Thiên thấy nó, trong lòng nghĩ thầm: "Ta có được con voi này chăng? Ta sẽ khiến nó làm việc." Vừa nghĩ xong, voi liền đến đứng trước vua, giữa hư không. Vua liền sai làm năm việc. Vua lại nghĩ: "Hãy thử xem con voi này làm được hay không." Sáng hôm sau, khi mặt trời mọc, vua cỡi voi này, trong thoáng chốc chu du khắp bốn biển, rồi trở về chỗ cũ, đứng ở Phía đông cửa cung, hướng về phía Đông.

A-nan, Đại Thiên có được voi báu như vậy.

A-nan lại hỏi Phật:

–Đại Thiên được báu ngựa như thế nào?

Phật nói:

–Đại Thiên về sau vào ngày mười lăm khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía Đông, nhìn thấy trong hư không có con ngựa xanh tên là Ba-la-hàm[11] nương hư không mà đến; khi đi, thân hình nó không dao động. Trên đầu nó có mũ bằng vàng, với chuỗi anh lạc

---

[10]Để bản chép: Mãn-hô 滿呼. Tên Pāli của nó là Uposatha; Trung 13 âm là Vu-sa-hạ 于娑賀. Do đó sửa lại, đọc là Vũ-hô.

[11]Bà-la-hàm 婆羅含. Phụ chú trong để bản: "Tiếng nước Tần nói là phát minh (tóc kêu!), lông đuôi đỏ". Pāli: Valāhaka.

bằng báu; thân mình phủ bằng lưới trân châu, hai bên có treo linh. Ngựa có thần lực, biến hình tự tại. Thấy nó, vua Đại Thiên nghĩ: "Ta có thể có được nó mà cỡi." Nghĩ xong, ngựa đến trước vua. Vua liền muốn cỡi thử. Sáng hôm sau, khi mặt trời mọc, vua cỡi nó đi về phía Đông. Thoáng chốc, chu du khắp bốn biển, rồi quay về bản quốc, trụ phía Tây cửa cung, đứng hướng về phía Tây.

A-nan, Đại Thiên có được báu ngựa như vậy.

A nan hỏi Phật:

–Đại Thiên có được báu minh châu như thế nào?

Phật nói:

–A-nan, Đại Thiên về sau vào ngày mười lăm khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía Đông, nhìn thấy có thần châu. Châu dài một thước sáu tấc, có tám cạnh, màu lưu ly xanh biếc, nương hư không mà đến, cao bảy cây đa-la. Thấy nó, Đại Thiên nghĩ: "Ta có thể được minh châu này mà ngắm." Theo ý nghĩ tức thì nhận được. Vua muốn thử. Khi đến nửa đêm, tập họp bốn binh chủng, đem minh châu treo trên đầu phướn, rồi ra khỏi thành đi dạo. Minh châu chiếu sáng một phạm vi mười hai do-diên. Binh chúng nhìn thấy nhau như ban ngày không khác. Ánh sáng minh châu soi đến mọi người, khiến họ giật mình thức dậy, đều bảo là trời đã sáng. Vua liền quay trở về cung. Trong ngoài thường sáng như ban ngày không khác.

A-nan, Đại Thiên có được báu minh châu như vậy.

A nan hỏi Phật:

–Đại Thiên có được báu ngọc nữ như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Đại Thiên về sau vào ngày mười lăm khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía Đông, trông thấy báu ngọc nữ thuộc dòng Sát-đế-lợi, tên là Mạn-na-kha-lợi[12], xinh đẹp vô song, trong trắng kỳ diệu, không cao không thấp, không mập, không gầy, không trắng không đen, mùa đông thì ấm, mùa hè thì tươi mát, từ các lỗ chân lông nơi thân tỏa ra mùi thơm chiên-đàn; miệng thường tỏa mùi thơm hoa sen Ưu-bát và cũng không các tư thái xấu của người nữ, tánh tình nhu hòa, biết trước ý vua mà phục vụ. Nàng từ hư không mà đến chỗ vua.

A-nan, Đại Thiên có được báu ngọc nữ như vậy.

---

[12] *Mạn-na-kha-lợi 曼那呵利. Phụ chú trong để bản: "Tiếng nước Tần nói là đoạt tình 奪情."*

A nan hỏi Phật:

–Đại Thiên có được báu chủ kho tàng như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Đại Thiên về sau vào ngày mười lăm khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía Bắc, trông thấy vị đại thần chủ kho tên là A-la-tha-chi[13], đẹp đẽ kỳ diệu, không cao không thấp, không mập không gầy, thân màu hoàng kim, tóc màu biếc, con mắt đen trắng phân minh. Ông có thể nhìn thấy bảy báu trong kho tàng ẩn dưới đất. Nếu có chủ, ông giữ gìn cho. Nếu vô chủ lấy sung công để vua dùng; thông minh, trí tuệ, khéo léo có mưu chước. Ông nương hư không mà đến trình trước vua, tâu vua rằng: "Từ nay trở đi, vua thích cái gì, cứ tự mình vui hưởng, chớ có lo rầu. Tôi sẽ cung cấp châu báu cho vua, không để thiếu thốn." Vua bèn thử đại thần quản kho này, cùng với ông đi trên một con thuyền vào biển. Vua bảo quan quản kho: "Ta muốn có vàng bạc, châu báu." Quan chủ kho tâu: "Xin đợi khi lên bờ tôi sẽ cung cấp tài bảo." Vua nói: "Ta muốn được bảo vật trong nước, chứ không phải trên bờ." Quan chủ kho liền đứng dậy, sửa lại y phục, rồi quỳ gối phải xuống, chắp tay lạy nước. Từ trong nước tức thì thỏi vàng hiện ra, lớn bằng bánh xe, phút chốc đầy cả thuyền. Vua nói: "Thôi, đủ rồi. Chớ lấy vàng lên nữa mà chìm thuyền."

A-nan, Đại Thiên có được báu chủ kho như vậy.

A-nan lại hỏi Phật:

–Đại Thiên có được tướng quân điển binh như thế nào?

Phật nói:

–Đại Thiên về sau vào ngày mười lăm khi trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, theo các thể nữ lên lầu, hướng về phía Nam, trông thấy phía nam có vị đại tướng quân tên là Tỉ-tỳ-na, đẹp đẽ kỳ diệu[14], tóc màu như trân châu, toàn thân màu lục, không cao không thấp, không mập không gầy, mắt có thể nhìn suốt biết được tâm niệm của người khác; quân sách, mưu lược, tiến thoái đúng thời; ông nương hư không mà đến trình vua, tâu rằng: "Mong vua cứ tự vui thích, chớ có lo rầu việc thiên hạ. Thần sẽ đảm trách chinh phạt bốn phương." Vua bèn muốn thử. Nửa đêm suy nghĩ muốn tập hợp bốn binh chủng. Vừa nghĩ xong, bốn binh chủng đều tập họp đủ hết. Vua lại nghĩ, muốn kéo quân về phía Đông, tức thì quân được kéo về phía Đông. Vua ở trung ương, tướng quân ở phía trước, bốn

---

[13] A-la-tha-chi 阿羅呧伎. Phụ chú trong để bản: "Tiếng nước Tần gọi là Tài Tràng 財幢."

[14] Tỉ-tỳ-na 比毘那. Phụ chú trong để bản: "Tiếng nước Tần gọi là Vô Úy 無畏."

binh chủng vây quanh. Vua nghĩ muốn tiến, quân tiến; nghĩ muốn lui về, quân lui về.

A-nan, Đại Thiên có được báu tướng quân điển binh như vậy.

Phật bảo A-nan:

–Đại Thiên có được bảy báu như vậy.

Phật lại nói với A-nan:

–Vua Đại Thiên cai trị thiên hạ một thời gian lâu, sau đó bảo người hầu chải tóc tên là Kiếp-bắc[15], "Nếu thấy có sợi tóc bạc, hãy nhổ đưa cho ta xem." Một thời gian lâu về sau, Kiếp-bắc nhìn thấy có một sợi tóc bạc, liền tâu vua: "Như trước đã có lệnh, nay tôi đã thấy sợi tóc bạc." Vua nói: "Hãy nhổ, đưa cho ta xem." Kiếp-bắc liền lấy cái nhíp bằng vàng nhổ sợi tóc bạc để trong tay vua. Vua cầm sợ tóc bạc mà nói bài kệ:

Trên đầu thân ta)
Hiện dấu suy hỷ
Sứ giả đã gọi
Đến thời nhập đạo.

Vua nghĩ thầm trong lòng: "Ta đã tận hưởng ngũ dục. Nay ta nên xuất gia. Cạo bỏ râu tóc, khoác pháp phục." Vua triệu thái tử Trường Sinh vào bảo: "Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trưởng làm thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hãy giao nước lại cho thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn, sẽ trở thành người biên địa. Nếu cắt đứt thiện hành, sẽ sinh vào chỗ vô pháp." Vua Đại Thiên khuyên dạy xong, giao nước lại cho thái tử Trường Sinh, cấp phát điền nghiệp cho Kiếp-bắc.

Phật bảo A-nan:

–Vua Đại Thiên ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn ngàn năm tu bốn phạm trụ[16] Từ, Bi, Hỷ, Xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông

---

[15] *Để bản: Kiếp-bắc 劫北. TNM: Kiếp-tỷ. Pāli: Kappaka.*

[16] *Nguyên Hán: Bốn phạm hạnh.*

sinh lên trời Phạm thiên.

Sau khi Đại Thiên xuất gia được bảy ngày, nữ báu mạng chung. Trường Sinh lên ngôi, đến ngày mười lăm khi trăng tròn, mang các thể nữ lên lầu, nhìn về phía Đông, thấy ngọc nữ xinh đẹp như trước kia nương hư không mà đến. Trường Sinh có trở lại bảy báu, làm vua thống lãnh bốn thiên hạ.

Sau đó Trường Sinh lại nói với Kiếp-bắc: "Từ nay trở đi, khi nào chải đầu cho ta mà thấy có tóc bạc, hãy báo cho ta biết ngay." Lên ngôi Thánh vương qua tám vạn bốn ngàn năm, tóc bạc lại sinh. Kiếp-bắc tâu vua: "Tóc bạc đã sinh rồi." Vua bảo: "Nhổ lên để trong lòng tay ta." Kiếp-bắc lấy nhíp vàng nhổ sợi tóc để vào trong tay vua. Vua cầm sợi tóc bạc, nói bài kệ:

Trên đầu thân ta
Hiện dấu suy hỷ
Sứ giả đã gọi
Đến thời nhập đạo.

Vua suy nghĩ trong lòng: "Ta đã tận hưởng ngũ dục của loài người, nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục. Vua liền triệu thái tử đến bảo: "Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trưởng tử làm thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hãy giao nước lại cho thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn, sẽ trở thành người biên địa. Nếu cắt đứt thiện hành, sẽ sinh vào chỗ vô pháp."

Trường Sinh khuyên dạy rồi, giao nước lại cho thái tử Quan Kế, cấp ruộng đất cho Kiếp-bắc.

Phật bảo A-nan:

–Vua Trường Sinh cũng ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn ngàn năm tu bốn phạm trụ[17] Từ, Bi, Hỷ, Xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông sinh lên trời Phạm thiên.

Phật bảo A-nan:

---

[17] *Nguyên Hán: Bốn phạm hạnh.*

–Sau khi vua Trường Sinh xuất gia được bảy ngày, bảy báu tự nhiên biến mất. Vua Quan Kế buồn rầu không vui. Các quan thầy vua không vui, bèn hỏi: "Thiên vương vì sao không vui?" Vua trả lời các quan: "Vì bảy báu đã biến mất hết rồi." Các quan tâu vua: "Vua chớ có lo buồn." Vua hỏi: "Vì sao không lo?" Các quan tâu: "Vua cha tu phạm hạnh, ở trong khu vườn gần đây. Nên đến đó hỏi. Tất sẽ được vua chỉ dạy cách làm sao để có bảo vật." Vua liền ra lệnh sửa soạn cỗ xe bảy báu, biểu dương bằng năm thứ: mũ báu, lông chim, gươm, quạt và hài, cùng với tả hữu theo hầu, tiến đến khu vườn. Đến nơi, xuống xe, dẹp bỏ năm thứ nghi trượng ấy, đi bộ vào vườn. Đến trước phụ vương, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên, chắp tay thưa rằng: "Bảy báu mà vua có, nay đã biến mất." Vua cha bảo ngồi xuống, nghe những điều trình bày, rồi ngẩng đầu lên đáp rằng: "Này con, pháp của Thánh vương là không cậy vào những cái mà cha sở hữu. Con phải tự mình hành đúng pháp để có." Vua lại hỏi: "Chuyển luân thánh vương trị hóa bằng pháp gì?" Vua cha đáp: "Pháp kính, pháp trọng, pháp niệm, pháp nuôi dưỡng, pháp tăng trưởng, pháp làm cho rực rỡ, pháp làm cho pháp trở thành lớn. Thực hành bảy điều này, là phù hợp với sự cai trị của Thánh vương. Như vậy sẽ có được báu vật." Vua lại hỏi: "Thế nào là pháp kính, cho đến pháp trở thành lớn?" Vua cha đáp: "Hãy học ban cấp cho kẻ nghèo cùng, dạy dân hiếu thảo nuôi dưỡng cha mẹ; bốn mùa tám tiết đúng thời tế tự; dạy biết nhẫn nhục, trừ hành dâm loạn, tật đố, ngu si. Hành bảy pháp này là phù hợp với pháp của Thánh vương." Vua vâng lời dạy, cáo từ, lễ và nhiễu quanh ba vòng, rồi dẫn chúng quay trở về. Bấy giờ, vua phụng hành bảy pháp theo lời dạy của cha, truyền lệnh xa gần đều tuân hành giáo lệnh của vua. Vua lại cho mở kho, ban cấp cho kẻ nghèo cùng, chăm sóc người già cô quả. Nhân dân bốn phương không đâu không vâng theo mà làm.

Bấy giờ, vào ngày mười lăm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, vua cùng các thể nữ lên lầu, nhìn về hướng Đông, trông thấy bánh xe bằng vàng tử ma có ngàn căm, cao bảy cây đa-la, cách mặt đất cũng bảy cây đa-la, nương theo hư không mà đến, rồi trụ giữa hư không. Vua nghĩ thầm trong lòng: "Cầu mong ta có được bánh xe này." Bánh xe tức thì hạ xuống, đến bên cánh tay trái của vua, rồi dời qua cánh tay phải. Vua nói với bánh xe: "Nơi nào chưa được chinh phục, hãy chinh phục cho ta. Đất nào chưa phải của ta, hãy thâu về cho ta. Đúng pháp chứ không phải không đúng pháp." Rồi vua lấy tay ném bánh xe trở lại trên hư không, ở phía Đông cửa cung, vành bánh xe hướng về Đông, trục hướng về Bắc,

trụ giữa không trung.

Sau bánh xe, lại có voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, chủ tàng, tướng quân. Bảy báu này như vua Đại Thiên, so sánh cũng như vậy.

Rồi trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vua ban cho Kiếp-bắc, sắc lệnh cho thái tử và giao phó việc nước, rồi xuất gia nhập đạo như các vua trước.

Phật bảo A-nan:

–Vua Quan Kế cũng ở tại thành này, trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Tại đây, trải qua tám vạn bốn ngàn năm tu bốn phạm trụ Từ, Bi, Hỷ, Xả*. Khi hết tuổi thọ ở đây, ông sinh lên trời Phạm thiên.

Phật bảo A-nan:

–Con cháu của vua Đại Thiên nối nhau cho đến tám vạn bốn ngàn năm ngôi vị Chuyển luân thánh vương, dòng giống thiện không bị đứt đoạn. Thánh vương cuối cùng tên Nhẫm[18], cai trị bằng chánh pháp, là người thông minh, xét đoán chắc thật không sai chạy, có ba mươi hai tướng, màu da như hoa sen hồng, ưa thích bố thí, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, chăm sóc người già côi cút, ban cấp kẻ nghèo cùng. Tại bốn cổng thành và ở giữa thành đặt kho lẫm, chứa các thứ vàng, bạc, tạp bảo, voi, ngựa, xe cộ, y phục, giường đệm, thuốc men trị bệnh, hương hoa, ẩm thực. Ai cô độc thì cấp vợ cho; ban phát đủ mọi thứ cho những ai cần. Vua vào sáu ngày trai, sắc lệnh cho trong ngoài đều thọ trì tám quan trai. Ngày đó chư Thiên trên trời Thủ-đà-hội tất sẽ hiện xuống trao cho tám giới. Đế Thích trên trời Tam thập tam đều khen nhân dân nước ấy: "Vui thay, thật ích lợi mà có được vị pháp vương như vậy! Đã ban phát đủ thứ những gì dân cần dùng, lại còn thanh khiết trai giới không khuyết." Thiên đế nói với các Thiên tử: "Các vị có muốn gặp vua Nhẫm không?" Thảy đều đáp: "Muốn gặp. Xin đưa ông ấy đến đây."

Thích Đề-hoàn Nhân liền sai Thiên nữ Cùng-tỷ-ni[19] : "Cô hãy đến thành Mật-thí-la báo với vua Nhẫm rằng: Khanh thật được lợi lớn! Ở đây chư Thiên đều ca ngợi khanh công đức vòi vọi, nhờ tôi thăm hỏi ân cần. Các Thiên tử này rất muốn gặp khanh. Xin tạm thời khuất ý đi đến đó." Cùng-tỷ-ni vâng lời, trong khoảnh khắc bằng người lực sĩ co duỗi cánh tay, hốt nhiên xuất hiện trước điện vua, trụ giữa hư không. Vua

---

[18]. Nhẫm. Phụ chú trong bản Hán: "Tiếng nước Tấn gọi là Bất Huyến (không nháy mắt)." Pāli: Nemi.

[19]. Cùng-tỷ-ni 窮鼻尼. Phụ chú trong bản Hán: "Tiếng nước Tấn gọi là Cực đoan chánh 極端正."

đang ở trên điện với một thể nữ hầu, ngồi tư duy: "Mong cho tất cả thế gian đều được an ổn, không có các thứ khổ hoạn." Cùng-tỷ-ni ở giữa hư không búng ngón tay để cảnh tỉnh. Vua ngẩng đầu nhìn lên thấy ánh sáng phía trên điện, lại nghe có tiếng nói: "Tôi là thị giả của Thích Đề-hoàn Nhân, được sai đến vua." Vua đáp: "Không rõ Thiên đế có điều gì dạy bảo." Thiên nữ nói: "Thiên đế có ý ân cần. Các Thiên tử trên đó đều ca ngợi công đức của khanh, muốn được gặp mặt. Xin vua tạm khuất ý." Vua im lặng nhận lời. Thiên nữ quay trở về tâu Thiên đế: "Tôi đã truyền lệnh. Ông ấy hứa sẽ đến." Thiên đế ra lệnh vị hầu xe nghiêm chỉnh xe bảy báu được kéo bằng ngựa bay, xuống đến thành Mật-thí-la rước vua Nhẫm. Vị trời hầu xe vâng lệnh, cỡi xe ngựa hốt nhiên hiện xuống. Vua và quần thần đang ngồi hội họp. Xe đến ngay trước vua, dừng lại trong hư không. Trời đánh xe bảo: "Thiên đế sai mang xe đến đón. Các Thiên tử đang nghiễm nhiên chờ trên đó. Mời vua lên xe. Chớ có quyến luyến. Các thần thuộc lớn nhỏ nghe vua sắp đi, buồn rầu không vui, đều đứng dậy chắp tay tâu rằng: "Sau khi vua đi rồi, chúng tôi vâng mệnh như thế nào?" Vua đáp: "Các khanh chớ lo. Sau khi ta đi, việc ban phát, trai giới, nuôi dân, trị nước, như ta còn ở đây. Ta đi rồi về không lâu." Vua dặn dò xong, xe tức thì hạ xuống đất. Trời hầu xe hỏi vua: "Vua sẽ đi theo con đường nào?" Vua nói: "Lời ấy muốn nói gì?" Trời hầu xe đáp: "Phàm có hai đường. Một là con đường dữ và hai là con đường lành. Người làm ác đi theo con đường dữ đến chỗ khổ. Người tu thiện đi theo con đường lành đến chỗ vui." Vua đáp: "Hôm nay tôi muốn đi cả hai đường lành và dữ." Trời đánh xe nghe nói, giây lát mới hiểu, nói: "Rất tốt, đại vương!" Trời đánh xe liền dẫn đi giữa hai con đường, thiện ác gì đều thấy hết, lên đến trời Tam thập tam. Thiên đế và chư Thiên trông thấy vua đang từ xa đến. Thích Đề-hoàn Nhân nói: "Hoan nghênh đại vương!" Rồi ra lệnh cùng ngồi chung.

Phật bảo A-nan:

–Vua liền theo Thiên đế cùng ngồi. Vua và Đế Thích có tướng mạo, y phục, âm thanh đều một bậc như nhau. Các Thiên tử nghĩ thầm trong lòng: "Ai là Thiên đế? Ai là vua?" Lại nghĩ: "Pháp của loài người là nháy mắt. Nhưng cả hai đều không nháy." Nên ai cũng kinh ngạc không làm sao phân biệt được. Thiên đế thấy chư Thiên có tâm nghi ngờ, liền nghĩ: "Ta sẽ lưu vua ở lại đây. Sau đó sẽ hiểu rõ." Đế Thích hỏi các Thiên tử: "Các khanh có muốn ta mời vua lưu lại đây không?" Các Thiên tử đáp: "Thật sự chúng tôi muốn mời ở lại." Thiên đế bảo vua Nhẫm: "Đại vương, có thể lưu lại đây không? Tôi sẽ cung cấp cho ngũ

dục. Nhân đó chư Thiên sẽ biết được vua của loài người." Vua tâu Thiên đế: "Như vậy là đã cung cấp rồi. Cầu chúc chư Thiên thọ mạng vô cực." Chủ và khách mời và từ chối như vậy ba lần. Đế Thích hỏi vua: "Vì sao không ở lại đây?" Vua đáp: "Tôi sẽ xuất gia tu đạo. Nay ở trên trời không có duyên để học đạo." Thiên đế nói: "Học đạo mà làm gì?" Vua nói: "Phụ vương tôi có di mệnh. Nếu khi tóc bạc sinh, phải xuất gia học đạo." Đế Thích nghe nói có di mệnh nhập đạo, liền im lặng không nói. Vua ở trên trời hưởng thú ngũ dục, phút chốc đã mười hai năm. Khi sắp từ giã, vua cùng chư Thiên bàn luận pháp. Đế Thích sai vị trời hầu xe: "Ngươi đưa vua Nhẫm trở về bản quốc." Trời đánh xe vâng lệnh, chỉnh bị xa giá, xong rồi tâu vua: "Mời vua lên xe." Vua bèn nói lời từ biệt với Đế Thích và chư Thiên, rồi lên xe, theo đường cũ mà trở về. Đến cung Mật-thí-la rồi, trời hầu xe quay trở về trời.

Vua trở về được vài hôm, ra lệnh cho Kiếp-bắc, nếu thấy tóc bạc thì báo cho biết. Vài ngày sau, trên đầu vua có tóc bạc. Kiếp-bắc lấy nhíp bằng vàng nhổ tóc bạc để trong tay vua. Vua nhìn thấy rồi, nói bài kệ:

Trên đầu thân ta
Hiện dấu suy hỷ
Sứ giả đã gọi
Đến thời nhập đạo.

Vua suy nghĩ trong lòng: "Ta đã tận hưởng ngũ dục của loài người. nay nên xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục." Vua liền triệu thái tử đến bảo: "Này con, đầu ta đã có tóc bạc. Ngũ dục của thế gian, ta đã chán rồi. Nay ta muốn tìm kiếm dục cõi trời. Ta muốn cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, xuất gia hành đạo. Con hãy lãnh quốc chánh, lập trưởng tử làm thái tử. Hãy chăm nuôi Kiếp-bắc, khiến chực xem tóc bạc. Khi tóc bạc xuất hiện, hãy giao nước lại cho thái tử. Rồi như ta ngày nay, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, bảo thái tử: Nay ta đem ngôi vị Thánh vương này trao lại cho con. Hãy khiến cho ngôi vị Thánh vương đời đời tiếp nối nhau, chớ để dòng giống đứt đoạn. Dòng giống đứt đoạn, sẽ trở thành người biên địa.

Phật bảo A-nan:

–Vua Nhẫm liền giao việc trị nước lại cho thái tử, cấp ruộng đất cho Kiếp-bắc, rồi ở trong khu vườn này, tại chỗ đất này, cạo bỏ râu tóc, bận pháp phục, nhập đạo. Vua tu đạo được bảy ngày, bánh xe, minh châu biến mất. Voi, ngựa, trưởng giả, ngọc nữ, tướng quân đều vô thường. Vua ở trong vườn này trải qua tám vạn bốn ngàn năm tu bốn phạm trụ Từ, Bi, Hỷ, Xả*. Khi mạng chung, ông sinh lên trời Phạm thiên.

Sau đó vua Thiện Tận[20] không kế thừa sự nghiệp của cha, chánh pháp bị bỏ bê, do đó bảy báu không còn xuất hiện trở lại; hành vị thiện không được nối tiếp, năm thứ suy giảm[21] dần dần xảy ra: Thọ mạng con người vắn lại, sắc da nhợt, sức lực ít, nhiều bệnh, không có trí. Năm sự suy giảm đã xuất hiện, chuyển đến nghèo khốn. Do khốn cùng mà sinh trộm cướp, bắt trói nhau dẫn đến vua, tâu rằng: "Người này lấy của không cho." Vua ra lệnh mang ra ngoài hành hình. Người trong nước nghe nói, ai lấy của không cho vua liền bắt giết, thảy đều hận là ác, nên ai nấy sắm dao bén. Dao được chế tạo bắt đầu từ đó. Sự sát sinh do từ đây mà khởi. Như vậy đã xuất hiện hai việc ác. Thứ đến, dâm phạm vợ người, rồi cãi với người chồng: "Tôi không có!" Như vậy thành bốn việc ác. Nói hai lưỡi gây đấu tranh, là ác thứ năm. Đấu tranh cho nên chửi nhau, đó là ác thứ sáu. Nói lời không chí thành, là ác thứ bảy. Ganh ghét sự hòa hợp của người khác, là ác thứ tám. Giận hờn, biến sắc, là ác thứ chín. Trong lòng nghi ngờ tạp loạn là ác thứ mười. Mười ác đã đủ, năm suy giảm càng tăng.

Phật bảo A-nan:

–Ông muốn biết vua Đại Thiên trong buổi đầu của Hiền kiếp bấy giờ là ai chăng? Chính Ta vậy.

A-nan, ông muốn biết vua tên Nhẫm, trong tám vạn bốn ngàn năm bấy giờ trị nước không cong vạy là ai chăng? Chính là ông vậy. Ông muốn biết vua cuối cùng tên Thiện Tận bạo nghịch vô đạo, làm đứt đoạn dòng Thánh là ai chăng? Chính là Đề-bà-đạt-đa vậy.

A-nan, ông thuở xưa kế thừa nếp thiện của Chuyển luân thánh vương Đại Thiên, khiến cho ngôi vị tiếp nối không dứt, đó là công của ông vậy. Đúng pháp, chứ không phải không đúng pháp.

A-nan, nay Ta là Pháp vương vô thượng, Ta di chúc pháp thiện vô thượng, ân cần giao lại cho ông. Ông là con nhà họ Thích, chớ làm người biên địa. Chớ gây hành vi đoạn tuyệt dòng giống.

A nan hỏi Phật:

–Như thế nào là sẽ gây hành vi đoạn tuyệt dòng giống?

Phật bảo A-nan:

–Vua Đại Thiên tuy hành pháp thiện, nhưng chưa dứt sạch các lậu, chưa siêu xuất thế gian, chưa được độ thoát vì chưa đoạn dục, chưa phá hai

---

[20] *Thiện Tận vương (?).*

[21] *Ngũ giảm, từ dịch khác cùng nghĩa ngũ trược.*

mươi mốt[22] kết, chưa trừ sáu mươi mốt kiến, chưa tịnh ba cấu, chưa được thần thông, chưa được con đường chân chánh giải thoát, chưa đạt đến Niết-bàn. Pháp mà Đại Thiên, chẳng quá sinh Phạm thiên.

A-nan, pháp của Ta cứu cánh đến Vô vi. Pháp của Ta đưa đến chân tế, vượt lên trời, người. Pháp ta vô lậu, vô dục, tịch diệt, diệt tận, độ thoát, giải thoát, chân Sa-môn, đưa đến Niết-bàn.

A-nan, nay Ta đem đạo pháp Vô thượng này ân cần giao phó cho ông. Chớ tăng giảm pháp của Ta. Chớ làm người biên địa. Nếu có hiện hành Thanh văn. A-nan, ai làm đoạn tuyệt pháp này, người đó là người biên địa. Ai làm hưng thịnh pháp này, đó là trưởng tử của Phật, tức là thành tựu quyến thuộc. A-nan, ông hãy thành tựu quyến thuộc. Chớ có hành vi làm tuyệt chủng tộc. A-nan, những pháp Ta đã nói trước sau đều phó chúc hết cho ông. Ông hãy học điều này.

Phật nói xong, A-nan hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Có bốn người trong đại địa ngục[23]. Bốn người ấy là ai? Tội nhân Mạt-khư-lê; đại tội nhân Tỳ-kheo Đế-xá[24]; đại tội nhân Đề-bà-đạt-đa; đại tội nhân Tỳ-kheo Cù-ba-ly[25].

Tội nhân Mạt-khư-lê[26], thân bốc ngọn lửa dài sáu mươi khuỷu. Tội nhân Đế-xá, thân bốc ngọn lửa dài bốn mươi khuỷu. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa, thân bốc ngọn lửa dài ba mươi khuỷu. Tội nhân Cù-ba-ly, thân bốc ngọn lửa dài hai mươi khuỷu.

Tỳ-kheo nên biết, Mạt-khư-lê dạy vô số chúng sinh, khiến hành tà kiến, điên đảo, chấp có không. Kẻ ngu Đế-xá đoạn ứng khí để dành của

---

22. Để bản chép nhầm thành hai mươi ức.

23. Nguyên Hán: Đại Nê-lê 大泥黎.

24. Đế-xá; có thể Pāli: Tissa. Có nhiều Tỳ-kheo Tissa trong Pāli, nhưng không thấy ai đọa địa ngục. Chỉ có một Tissa tiếc y, chết đầu thai làm con chuột, cố cản không cho Tăng chia y của ông.

25. Cù-ba-ly, xem kinh số 5 phẩm 21 trên.

26. Mạt-khư-lê, Pāli: Makkhali, một trong sáu tôn sư ngoại đạo.

Thánh chúng[27]. Kẻ ngu Đề-bà đạt-đâu gây đấu loạn chúng Tăng, giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán, khởi ý sát hại nhắm đến Như Lai. Tội nhân Cù-ba-ly phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Lại nữa, Tỳ-kheo, tội nhân Mạt-khư-lê dạy vô số chúng sinh khiến hành tà kiến, thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục Diệm quang. Tội nhân Đế-xá làm đoạn tuyệt ứng khứ lưu dư của Thánh chúng, thân hoại mạng chung đọa địa ngục Đẳng hoạt. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa khởi tâm mưu hại nhắm đến Như Lai, thân hoại mạng chung đọa địa ngục A-tỳ. Tội nhân Cù-ba-ly, do phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, thân hoại mạng chung đọa địa ngục Bát-đầu-ma.

Bấy giờ tội nhân Mạt-khư-lê bị ngục tốt kéo lưỡi ra, lôi ngược phía sau dọc trên xương sống. Sở dĩ như vậy, vì xưa kia dạy vô số chúng sinh khiến hành tà kiến. Đại tội nhân Đế-xá bị ngục tốt xẻ mình ra, rồi rót nước đồng sôi lên tim, lại lấy viên sắt nóng bắt nuốt. Sở dĩ như vậy, do đoạn tuyệt ứng khí lưu dư của Thánh chúng. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa bị bánh xe sắt tông cán nát thân hình, lại bị chày sắt giã nát thân thể, rồi bị bầy voi dày xéo thân thể, lại bị ngọn núi sắt cháy nóng trấn áp lên mặt, toàn thân bị quấn bởi lá đồng nóng cháy. Sở dĩ như vậy, do xưa kia gây đấu loạn chúng Tăng, phá hòa hợp Tăng nên bị bánh xe sắt cán nát đầu. Lại kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa này xúi Thái tử kia giết vua cha, do quả báo này mà bị chày sắt giã nát thân. Lại kẻ ngu si Đề-bà-đạt-đa kia cho voi uống rượu say để hại Như Lai, do quả báo này nên bị bầy voi dày xéo. Lại kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa kia ở trên núi Kỳ-xà-quật cầm đá ném Phật, do quả báo này nên bị núi sắt nóng trấn áp lên mặt. Lại kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa kia giết Tỳ-kheo-ni A-la-hán, do quả báo này nên bị là đồng sắt nóng cháy quấn chặt thân.

Tỳ-kheo nên biết, tội nhân Cù-ba-ly trong địa ngục Liên hoa kia, bị ngàn con trâu cày lên lưỡi. Sở dĩ như vậy, do phỉ báng Xá-lợi-phất và Mục-liên. Do nhân duyên quả báo này mà bị ngàn con trâu cày nát lưỡi.

Lại nữa, Tỳ-kheo, tội nhân Mạt-khư-lê, thân bốc ngọn lửa dài sáu mươi khuỷu. Nếu có chúng sinh nào khởi lên ý nghĩ này: "Ta nên cứu vớt, làm ích lợi cho người này." Rồi lấy nước trong bốn biển lớn cao đến bốn mươi khuỷu mà tưới lên thân ấy. Nước biển kia tức thì tiêu hết, mà ngọn lửa không tăng không giảm. Cũng như tấm lá sắt nóng được lửa đốt suốt bốn ngày; rồi có người đến lấy bốn giọt nước mà rưới vào. Nước tức thì tiêu hết. Ở đây cũng vậy, nếu có người đến lấy nước bốn biển lớn mà rưới

---

[27] *Ứng khí di dư 應器遺餘, chưa rõ nghĩa. Ứng khí thường là dịch nghĩa từ Bát-đa-la tức bình bát khất thực của Tỳ-kheo.*

lên thân người kia để tắt lửa, sẽ không bao giờ kết quả. Sở dĩ như vậy, do tội của người ấy quá sâu, quá nặng.

Còn tội nhân Đế-xá kia, thân bốc ngọn lửa dài bốn mươi khuỷu. Nếu có chúng sinh nào vì thương xót người này, lấy nước trong ba biển lớn rưới lên thân ấy. Nước biển kia tức thì tiêu mất, mà ngọn lửa không giảm. Cũng như có người lấy ba giọt nước nhiễu lên tấm vỉ sắt nóng, nước tức thì tiêu mất, không đọng lâu được. Ở đây cũng vậy, giả sử lấy nước cả ba biển lớn mà rưới lên thân của Đế-xá, nước tức thì tiêu mất mà lửa không tăng giảm.

Tội nhân Đề-bà-đạt-đa, thân bốc ngọn lửa dài ba mươi khuỷu. Nếu có chúng sinh nào khởi tâm thương xót, muốn khiến cho lửa trên thân của Đề-bà-đạt-đa vĩnh viễn tắt mất, lấy nước của hai biển lớn đến rưới lên thân. Nước tức thì tiêu mất. Cũng như nhiễu hai giọt nước lên vỉ sắt nóng, không làm tăng giảm. Với kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa cũng vậy, lấy nước của hai biển lớn mà rưới lên thân, nước lập tức tiêu mất mà lửa không giảm. Sự thống khổ của Đề-bà-đạt-đa là như vậy.

Tội nhân Cù-ba-ly, thân bốc ngọn lửa dài hai mươi khuỷu. Giả sử có chúng sinh vì thương xót người này, lấy nước trong một biển lớn đến rưới lên thân, nước tức thì tiêu mất mà lửa không giảm. Cũng như nhiễu một giọt nước lên vỉ sắt nóng, nước tức thì tiêu mất, không đọng lâu được. Với Tỳ-kheo Cù-ba-ly cũng vậy. Vì bị tội báo lôi cuốn, phải nhận chịu tội ấy.

Đó là bốn người thọ tội cực trọng. Các ông hãy tự chuyên xa lánh các tai hoạn như vậy, vâng theo các Hiền thánh mà tu tập phạm hạnh. Như vậy, các Nhân giả hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Ta nay biết rõ địa ngục và cũng biết con đường dẫn đến địa ngục và cũng biết gốc rễ của chúng sinh trong địa ngục kia. Giả sử có chúng sinh nào tạo các hành ác bất thiện, khi thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục, Ta cũng biết rõ.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Ta cũng biết rõ súc sinh; cũng biết rõ con đường dẫn đến súc sinh; và cũng biết rõ gốc của súc sinh; biết rõ những điều trước

kia đã làm để sinh vào nơi này.

Ta nay biết rõ con đường ngạ quỷ; cũng biết rõ những ai đã gây nên gốc rễ ác mà sinh vào ngạ quỷ.

Ta nay biết rõ con đường dẫn đến làm người; cũng biết rõ hạng chúng sinh nào sinh được thân người.

Ta cũng biết con đường dẫn đến cõi trời; cũng biết công đức trước kia mà chúng sinh đã làm để sinh lên trời.

Ta cũng biết con đường dẫn đến Niết-bàn; những chúng sinh nào mà hữu lậu đã dứt sạch, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp mà thủ chứng quả; Ta thảy đều biết rõ.

Ta biết con đường dẫn đến địa ngục. Do nhân duyên gì mà nói điều này?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nay quán sát tâm ý của chúng sinh, thấy rằng người này sau khi thân hoại mạng chung sẽ phải vào địa ngục. Sau đó, quán sát thấy người này khi vào trong địa ngục chịu đau đớn, bị tra khảo, vô số sầu ưu khổ não không kể xiết. Cũng như một hầm lửa lớn không có bụi bặm. Giả sử có một người đang đi trên con đường dẫn đến đó. Lại có một người khác có mắt, thấy người đang đi đến đó, chắc chắn sẽ rơi xuống đó, không phải là điều nói suông. Rồi sau đó thấy người kia đã rơi xuống hầm lửa. Người mà Ta nói đến đó đã rơi xuống hầm lửa. Ta nay quán sát những điều suy nghĩ trong tâm ý của chúng sinh, biết chắc chắn nó sẽ vào địa ngục, không có gì nghi ngờ. Như Ta sau đó quán sát thấy người này sau khi đã vào địa ngục chịu sự đau đớn, khốc hại, không thể kể xiết.

Người kia làm thế nào mà vào địa ngục? Ta quán thấy chúng sinh hướng đến địa ngục do gây các hành ác, nghiệp bất thiện, thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Ta thảy biết rõ điều đó. Điều mà ta muốn nói là như vậy.

Ta biết con đường súc sinh và cũng biết con đường dẫn đến súc sinh. Do nhân duyên gì mà nói vậy? Ở đây, này Tỳ-kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm ý của chúng sinh, biết người ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong súc sinh. Rồi ta quán sát thấy người ấy sau khi vào trong súc sinh mà sầu ưu khổ não không kể xiết. Vì sao người này rơi vào trong súc sinh? Cũng như tại thôn xóm có một hầm xí trong đó đầy cả phân. Giả sử có người đang đi trên lối đi dẫn đến đó. Lại có người khác có mắt thấy người kia đang đi đến chỗ đó. Người không bao lâu đi đến đó và rơi xuống hầm xí. Sau đó quán sát thấy người kia sau khi rơi xuống hầm xí

chịu khốn ách không kể xiết. Tại sao người kia đã rơi xuống hầm xí? Ta thấy các loài chúng sinh cũng vậy người này mạng chung sẽ sinh vào trong súc sinh. Lại quán sát thấy sau khi sinh vào trong súc sinh phải chịu khổ vô lượng. Ta nay quán sát chúng sinh súc sinh đều biết rõ như vậy. Đó là điều Ta muốn mói.

Ta nay biết chúng sinh ngạ quỷ, cũng biết con đường ngạ quỷ. Chúng sinh nào sau khi thân hoại mạng chung sinh vào đó, Ta cũng biết rõ. Chúng sinh nào đi theo con đường mà khi thân hoại mạng chung dẫn đến ngạ quỷ, Ta cũng biết rõ. Về sau quán sát thấy chúng sinh sinh vào ngạ quỷ chịu đau đớn. Vì sao người ấy sinh vào ngạ quỷ? Cũng như gần thôn xóm có một gốc đại thọ, ở chỗ phát sinh nguy hiểm, cành cây lá cây rơi rớt. Giả sử có người đang đi đến đó. Khi ấy có người có mắt từ xa thấy người kia chắc chắn đi đến chỗ đó. Sau đó thấy người kia hoặc nằm, hoặc ngồi, chịu các báo ứng khổ lạc. Người kia vì sao đi đến gốc cây ấy mà ngồi? Ta nay quán sát các loài chúng sinh cũng như vậy, khi thân hoại mạng chung sinh vào ngạ quỷ, không nghi ngờ gì, để chịu báo ứng khổ lạc không kể xiết. Ta biết con đường dẫn đến ngạ quỷ; thảy đều biết rõ phân minh. Điều mà ta nói là như vậy.

Ta biết con đường của con người, cũng biết con đường dẫn đến chỗ người. Những ai tạo hành vi gì khi thân hoại mạng chung sinh vào trong loài người, Ta cũng biết rõ. Ở đây, Tỳ-kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm của các loài chúng sinh, thấy người này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh vào trong loài người. Về sau Ta quán sát thấy người ấy đã sinh trong loài người. Vì sao người ấy sinh trong loài người? Cũng như gần thôn xóm có một gốc đại thọ, ở tại chỗ bằng phẳng, có nhiều bóng mát. Có một người có mắt, thấy biết chỗ đó. Người ấy đi đến đó, nhất định không nghi ngờ gì. Về sau Ta quán sát thấy người ấy đã đến nơi gốc cây này, được nhiều lạc thú vô lượng. Làm sao người ấy đến được chỗ đó? Đây cũng vậy, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm chúng sinh, biết người ấy khi thân hoại mạng chung sinh vào loài người không nghi. Về sau ta quán sát thấy người ấy sinh vào loài người hưởng vô lượng an lạc. Ta biết nẻo đến loài người, cũng biết con đường dẫn đến chỗ loài người. Điều mà Ta đã nói là như vậy.

Ta cũng biết con đường dẫn đến cõi trời. Những chúng sinh nào làm các công nghiệp gì để sinh trời, ta cũng biết rõ. Do nhân duyên gì mà ta nói điều này? Ta nay quán sát những điều suy nghĩ trong tâm của chúng sinh, biết người ấy khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên trời. Về sau quán sát thấy người ấy thân hoại mạng chung đã sinh lên trời, ở đó hưởng thọ phước

báo tự nhiên, khoái lạc vô cùng. Nói rằng người ấy đã sinh lên trời ở đó hưởng thọ phước tự nhiên, khoái lạc vô cùng. Cũng như gần thôn xóm cố một giảng đường cao rộng, được chạm trổ văn vẻ, treo tràng phan, lụa là, rưới nước thơm lên đất, trải lót chỗ ngồi bằng đệm chăn thêu thùa. Có người đi thẳng một đường đến. Có người có mắt nhìn thấy con đường duy nhất thẳng đến đó. Người ấy đang hướng đến giảng đường cao rộng ấy mà đi, tất đến đó không nghi. Về sau quán sát thấy người ấy đã đến trên giảng đường, hoặc ngồi, hoặc nằm, ở đó hưởng thọ phước, khoái lạc vô cùng. Ở đây cũng vậy, Ta quán sát thấy chúng nào thân hoại mạng chung sẽ sinh vào cõi thiện, sinh lên trời, ở đó hưởng thọ phước lạc không kể xiết. Vì sao người ấy đã sinh lên trời? Há không phải Ta biết rõ con đường dẫn đến Thiên đạo chăng? Điều mà Ta nói là như vậy.

Ta nay biết Niết-bàn, cũng biết con đường Niết-bàn. Cũng biết hạng chúng sinh nào sẽ vào Niết-bàn. Hoặc có chúng sinh dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân chứng ngộ và an trú; ta thảy đều biết rõ. Do nhân duyên gì mà ta nói điều này? Ở đây, Tỳ-kheo, Ta quán sát những điều suy nghĩ trong tâm chúng sinh, biết người này dứt sạch lậu, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, nên nói người ấy đã dứt sạch lậu, thành vô lậu. Cũng như cách thôn xóm không xa có một ao nước mà nước rất sạch, trong suốt. Có người đang thẳng một đường đến đó. Lại có người có mắt sáng từ xa thấy người ấy đi đến, biết rõ người ấy nhất định đi đến ao nước không nghi. Về sau lại quán sát thấy người ấy đã đến ao nước, tắm gội, rửa các cáu bẩn, sạch các ô uế, rồi ngồi bên cạnh ao, mà không tranh giành gì với ai. Ta nay quán sát các loài chúng sinh cũng vậy, biết người đã dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, biết như thật rằng[28]: "Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.[29]" Đó là nói, người ấy đã đến chỗ này, mà Ta biết rõ con đường Niết-bàn, cũng biết rõ chúng sinh nào vào Niết-bàn. Thảy đều biết rõ.

Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, có trí này; lực, vô úy này, thảy đều thành tựu đầy đủ. Trí của Như Lai là không thể lường được. Như Lai có thể nhìn thấy sự việc quá khứ vô hạn, vô lượng, không kể xiết; thảy đều biết rõ.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu mười Lực, Vô

---

[28] *Để bản chép: Danh sắc tri như chân. Nghi chép nhầm. Nay sửa lại theo định cú thường gặp.*

[29] *Để bản chép thiếu câu này.*

sở úy. Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Trên núi Tuyết có một gốc cây to lớn, cao rộng. Có năm sự kiện khiến nó phát triển to lớn. Những gì là năm? Rễ không di chuyển; vỏ rất dày và lớn; cành nhánh vươn xa; bóng râm che phủ lớn; tàn lá rậm rạp.

Tỳ-kheo, đó là nói trên Tuyết sơn có cây đại thọ hùng vĩ ấy. Ở đây, thiện nam, thiện nữ, sinh vào dòng họ hào quý, có năm điều làm tăng trưởng lợi ích. Những gì là năm?

1. Tăng ích bởi tín.

2. Tăng ích bởi giới.

3. Tăng ích bởi văn.

4. Tăng ích bởi thí.

5. Tăng ích bởi tuệ.

Đó là, Tỳ-kheo, thiện nam, thiện nữ, nhờ sinh vào dòng tộc hào quý mà thành tựu năm sự này.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu tín, giới, văn, thí, tuệ.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Như cây trên Tuyết sơn
Hội đủ năm công đức
Rễ, vỏ, cành nhánh rộng
Bóng râm, lá rậm rạp.
Thiện nam tử có tín
Năm sự thành công đức
Tín, giới, văn, thí, tuệ
Nhờ đó trí tuệ tăng.

Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8[30]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần[31] giao du với các Tỳ-kheo-ni và các Tỳ-kheo-ni cũng thích giao du với ông. Nếu khi mọi người khen chê gì Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần, khi ấy các Tỳ-kheo-ni rất tức giận, buồn rầu không vui. Lại nếu có người chê bai các Tỳ-kheo-ni, khi ấy Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần cũng buồn rầu không vui.

Bấy giờ số đông Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần rằng:

–Thầy sao lại thân cận với các Tỳ-kheo-ni? Các Tỳ-kheo-ni lại cũng giao tiếp với thầy?

Phá-quần đáp:

–Theo chỗ tôi hiểu giáo giới mà Như Lai nói, là sự phạm dâm không đáng tội để nói.

Số đông các Tỳ-kheo lại nói:

–Thôi, thôi, Tỳ-kheo. Chớ có nói như vậy. Chớ có phỉ báng Như Lai. Ai phỉ báng ngôn giáo của Như Lai, tội lỗi không phải nhỏ. Lại nữa, Thế Tôn bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Ai tập theo dâm mà không có tội, không có lý đó. Nay thầy nên xả bỏ kiến giải ấy. Nếu không, sẽ chịu khổ lâu dài.

Nhưng Tỳ-kheo Phá-quần này vẫn cứ giao thông với các Tỳ-kheo-ni, không chịu sửa đổi hành vi của mình.

Bấy giờ số đông Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân mà bạch Thế Tôn rằng:

–Trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo tên Phá-quần, cùng giao tiếp với các Tỳ-kheo-ni và các Tỳ-kheo-ni cũng qua lại giao tiếp với Tỳ-kheo Phá-quần. Chúng con có đến đó khuyến dụ để ông ấy sửa đổi hành vi. Nhưng hai người ấy vẫn quan hệ nhiều hơn, không xả bỏ tà kiến điên đảo, cũng không có hành vi phù hợp với chánh pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

---

[30] Tham chiếu Pāli, M. 21 Kakacūpama (R.i.222). Hán, Trung 50, kinh 193.

[31] Mậu-la-phá-quần 茂羅破群. Trung 50: Mâu-lê-phá-quần-na 牟犁破群那. Pāli: moḷiya-phagguno.

–Ông hãy vâng lời Như Lai đi ngay đến chỗ Tỳ-kheo Phá-quần, bảo rằng: "Ông nên biết, Như Lai cho gọi."

Tỳ-kheo Phá-quần nghe Tỳ-kheo này nói, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo này:

–Có thật ông thân cận với Tỳ-kheo-ni chăng?

Tỳ-kheo này đáp:

–Đúng vậy, Thế Tôn.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ông là Tỳ-kheo, sao lại giao tiếp với Tỳ-kheo-ni? Nay ông có phải là thiện gia nam tử, đã cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với chí tín kiên cố xuất gia học đạo chăng?

Tỳ-kheo Phá-quần bạch Phật:

–Vâng, bạch Thế Tôn. Con là thiện gia nam tử do tín tâm kiên cố xuất gia học đạo.

Phật nói với Tỳ-kheo:

–Việc làm của người phi pháp. Sao ông lại cũng giao tiếp với Tỳ-kheo-ni?

Tỳ-kheo Phá-quần bạch Phật:

–Con nghe Như Lai nói, tập theo dâm, tội ấy không đáng nói.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ông, kẻ ngu, sao lại nói Như Lai nói tập theo dâm không có tội? Ta bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Ông nay sao lại nói rằng Như Lai có nói dâm không tội? Ông hãy cẩn thận giữ tội lỗi nơi miệng, chớ để lâu dài hằng chịu tội khổ.

Phật lại nói:

–Thôi, nay không nói đến ông nữa. Ta cần hỏi các Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Các ông có nghe Ta nói với các Tỳ-kheo rằng dâm không tội chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa không, bạch Thế Tôn. Chúng con không nghe Như Lai nói dâm không tội. Vì sao? Như Lai đã bằng vô số phương tiện nói dâm là ô uế. Nói dâm mà không tội, không có trường hợp ấy.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo! Đúng như các ông nói, Ta bằng

vô số phương tiện nói dâm là ô uế.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói với các Tỳ-kheo:

–Các ông nên biết, có người ngu tập nơi các pháp hành như Khế kinh, Kỳ-da, Kệ, Thọ quyết, Nhân duyên, Bản mạt, Thí dụ, Sinh, Phương đẳng, Vị tằng hữu, Quảng phổ. Tuy tụng mà không hiểu rõ nghĩa, do không quán sát kỹ ý nghĩa, cũng không thuận theo pháp ấy, pháp đang thuận theo lại không thuận theo mà hành. Sở dĩ tụng pháp này, chỉ cốt tranh luận với người, ý muốn hơn thua, chứ không phải vì để giúp ích cho chính mình. Người ấy tụng pháp như vậy tất phạm điều cấm chế.

Cũng như người muốn ra khỏi thôn xóm, muốn tìm rắn độc. Khi nó thấy một con rắn lợn kịch độc, bèn chạy đến lấy tay trái mà vuốt đuôi, rắn quay đầu lại mổ cho. Vì lý do đó mà người ấy mạng chung. Ở đây cũng vậy. Có người ngu học tập pháp ấy; là bộ kinh điển, không bộ nào không tập qua, nhưng không quán sát nghĩa lý. Vì sao? Vì không rốt ráo chánh nghĩa.

Ở đây có thiện nam chăm lo học tập pháp ấy, là Khế kinh, Kỳ-da, Kệ, Thọ quyết, Nhân duyên, Bản mạt, Thí dụ, Sinh, Phương đẳng, Vị tằng hữu, Quảng phổ. Người ấy sau khi tụng đọc pháp này rồi, hiểu ý nghĩa trong đó. Do người ấy hiểu sâu ý nghĩa của pháp, nên thuận theo giáo lý ấy, không có điều gì trái nghịch sai quấy. Sở dĩ người ấy tụng pháp, không vì tâm hơn thua để tranh luận với người, mà tụng tập pháp là muốn đạt thành sở nguyện. Do nhân duyên này, dần dần đạt đến Niết-bàn.

Cũng như có người ra khỏi thôn xóm để tìm rắn độc. Khi thấy rắn rồi, người ấy tay cầm cái gắp sắt, trước hết đè đầu con rắn xuống, sau đó nắm lấy cổ, không để cho vùng vẫy. Giả sử con rắn muốn ngoắt đuôi lại để hại người này cũng không bao giờ được. Vì sao? Tỳ-kheo, vì đã nắm lấy cổ rắn.

Thiện nam này cũng vậy, tụng tập đọc tụng, đủ khắp mọi thứ, rồi quán sát ý nghĩa, thuận theo pháp đó, không hề có điều gì trái nghịch sai lạc. Dần dần do nhân duyên này mà đạt đến Niết-bàn. Vì sao? Do bắt nắm chánh pháp.

Cho nên, Tỳ-kheo, ai hiểu rõ ý nghĩa của Ta, hãy suy niệm mà phụng hành. Ai không hiểu, hãy đến hỏi lại Ta. Như Lai nay còn hiện tại. Chớ để sau này phải hối tiếc vô ích.

Rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Giả sử có Tỳ-kheo ở giữa đại chúng nói rằng: “Cấm giới mà Như Lai đã thuyết, tôi đã thấu hiểu, theo đó dâm không tội, vì không đáng để

nói." Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo này: "Thôi, thôi, chớ nói điều đó. Chớ phỉ báng Như Lai rằng Như Lai có nói điều đó. Như Lai không bao giờ nói điều đó." Nếu Tỳ-kheo ấy sửa đổi điều trái phạm thì tốt. Nếu không sửa đổi hành vi, nên ba lần can gián. Nếu sửa đổi thì tốt. Không sửa đổi thì phạm đọa[32]. Tỳ-kheo nào bao che việc ấy không để phát lộ, những người đó đều phạm đọa[33]. Đó là cấm giới Ta chế cho Tỳ-kheo.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Phạm chí Sinh Lậu đi đến chỗ Thế Tôn, cùng chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Phạm chí Sinh Lậu bạch Thế Tôn rằng:

–Có bao nhiêu kiếp quá khứ?

Phật nói với Phạm chí:

–Các kiếp trong quá khứ nhiều không thể kể.

Phạm chí hỏi:

–Có thể kể con số được chăng? Sa-môn Cù-đàm thường hay nói về ba đời. Thế nào là ba? Đó là quá khứ, vị lai, hiện tại. Sa-môn Cù-đàm cũng biết các đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Cúi mong Sa-môn diễn nói nghĩa của con số của kiếp.

Phật nói với Phạm chí:

–Ta sẽ nói nhân kiếp này mà tiếp đến kiếp khác, cho đến Ta diệt độ, rồi ông mạng chung, cũng không biết hết nghĩa của con số của kiếp. Vì sao? Người nay tuổi thọ quá vắn, sống lâu không quá trăm năm. Kể số kiếp trong một trăm năm, cho đến Ta diệt độ, ông mạng chung, cuối cũng vẫn không biết được nghĩa của kiếp số.

---

[32] Nguyên Hán: Đọa. Tức phạm tội đọa hay Ba-dật-đề. Tứ Phần Điều 68; Ngũ Phần, điều 48; Tăng-kỳ, 45; Thập Tụng, Căn Bản, điều 55. Pāli, Pāc. 68. Theo Tứ Phần, trường hợp này gọi là "không xả bỏ ác kiến". Nguyên nhân do bởi Tỳ-kheo A-lê-tra (Pāli: Ariṭṭha).

[33] Tứ phần, điều khoản Ba-dật-đề 69: Hỗ trợ Tỳ-kheo bị xả trí (do không chịu xả bỏ ác kiến), cũng phạm Ba-dật-đề. Ngũ Phần, điều 49; Tăng-kỳ, điều 46; Thập Tụng, Căn Bản, điều 56. Pāli, Pāc, 69.

Phạm chí nên biết, Như Lai cũng có trí này, phân biệt đầy đủ kiếp số, thọ mạng của chúng sinh dài vắn, thọ khổ vui như thế nào; thảy đều biết rõ hết.

Nay Ta sẽ nói cho ông một ví dụ. Người trí nhờ ví dụ mà hiểu. Cũng như con số của cát sông Hằng, không thể hạn, không thể lượng, không thể tính đếm. Con số của kiếp trong quá khứ nhiều cũng như vậy, không thể tính đếm, không thể trù lượng.

Phạm chí bạch Phật:

–Con số của kiếp trong tương lai là bao nhiêu?

Phật bảo Phạm chí:

–Cũng như con số của cát sông Hằng, không có giới hạn, không thể đếm, không thể tính toán.

Phạm chí lại hỏi:

–Có kiếp thành, kiếp hoại[34] của kiếp hiện tại chăng?

Phật nói:

–Có kiếp thành, kiếp hoại này, không phải một kiếp, hay một trăm kiếp. Cũng đồ chén bát để tại chỗ bấp bênh thì không trụ yên được. Giả sử có trụ, rồi cũng đổ lộn. Các phương vực thế giới cũng vậy. Hoặc có kiếp đang thành, hoặc có kiếp đang hoại. Con số ấy cũng không thể kể, là có bao nhiêu kiếp thành, bao nhiêu kiếp hoại. Vì sao? Sinh từ lâu xa không có biên tế. Chúng sinh bị bao phủ bởi vô minh kết, trôi nổi theo dòng cuốn từ cõi đời này sang đời sau; từ đời sau đến cõi đời này, lâu dài chịu khổ não. Hãy nên nhàm chán mà xa lìa khổ não này. Cho nên, Phạm chí, hãy học điều này.

Bấy giờ Phạm chí Sinh Lậu bạch Thế Tôn rằng:

–Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Sa-môn Cù-đàm! Ngài biết nghĩa của số kiếp quá khứ, vị lai, hiện tại. Con nay lần nữa xin tự quy y Sa-môn Cù-đàm. Cúi xin Sa-môn Cù-đàm nhận con làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không còn dám sát sinh, cho đến uống rượu.

Bấy giờ Phạm chí Sinh Lậu nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

[34] *Nguyên Hán: Bại kiếp.*

KINH SỐ 10

Nghe như vầy:

Một thời Phật trú trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

–Kiếp có biên tế chăng?

Phật nói với Tỳ-kheo:

–Ta sẽ phương tiện dùng ví dụ để dẫn. Nhưng số của kiếp không cùng tận. Quá khứ lâu xa, trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ núi Kỳ-xà-quật này còn có tên khác. Nhân dân thành La-duyệt leo lên núi Kỳ-xà-quật, phải bốn ngày bốn đêm mới đến tận đỉnh.

Tỳ-kheo, thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, núi Kỳ-xà-quật này lại có tên hiệu khác. Nhân dân thành La-duyệt phải ba ngày ba đêm mới leo đến đỉnh.

Khi Phật Ca-diếp như lai xuất hiện thế gian, núi Kỳ-xà-quật này lại có tên hiệu khác. Nhân dân thành La-duyệt phải đi hai ngày hai đêm mới leo đến đỉnh.

Như Ta hôm nay, Phật Thích-ca Văn xuất hiện ở đời, núi này tên là Kỳ-xà-quật. Chỉ trong chốc lát là leo đến đỉnh núi.

Khi Di-lặc Như Lai xuất hiện ở đời, núi này vẫn có tên là Kỳ-xà-quật. Vì sao? Do thần lực của chư Phật khiến nó vẫn tồn tại.

Tỳ-kheo, hãy dùng phương tiện mà biết, kiếp có suy tận, không thể tính kể. Nhưng kiếp có hai thứ: Đại kiếp và Tiểu kiếp. Nếu trong kiếp nào mà không có Phật xuất thế, khi ấy lại có Bích-chi-phật xuất thế, kiếp ấy gọi là tiểu kiếp. Nếu trong kiếp nào có Như Lai xuất thế, bấy giờ trong kiếp ấy không có Bích-chi-phật xuất thế; kiếp này gọi là đại kiếp.

Tỳ-kheo, hãy lấy phương tiện này để biết số của kiếp dài lâu không thể tính kể. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy ghi nhớ nghĩa của số kiếp này.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 49

Phẩm 51: PHI THƯỜNG

KINH SỐ 1[1]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Thế nào, Tỳ-kheo, các ông trôi nổi sinh tử, trải qua khổ não, trong đó nước mắt buồn thương khóc lóc nhiều hơn hay nước sông Hằng nhiều hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Chúng con quán sát nghĩa mà Như Lai nói, nước mắt đổ ra trong sinh tử trôi nổi nhiều hơn nước sông Hằng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo! Đúng như các ông nói không khác. Nước mắt mà các ông đổ ra trong sinh tử nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao? Trong sinh tử đó, hoặc mẹ chết, nước mắt đổ xuống không thể kể xiết. Trong đêm dài, hoặc cha, hoặc anh, chị, em, vợ con, năm thân, những người ân ái, vì thương tiếc mà buồn khóc không thể kể xiết. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy nên nhàm chán sinh tử, tránh xa pháp này. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Khi nói pháp này, hơn sáu mươi Tỳ-kheo đều dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

---

1. *Tham chiếu Pāli, S.15.3 Asu (R. ii. 179). Hán, Tạp 33, kinh 938.*

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Thế nào, Tỳ-kheo, các ông, trong sinh tử, máu đổ ra khi thân thể các người hủy hoại nhiều hơn hay nước sông Hằng nhiều hơn?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng con quán sát nghĩa mà Như Lai nói, nước mắt đổ ra trong sinh tử trôi nổi nhiều hơn nước sông Hằng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo! Đúng như các ông nói, máu nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao? Trong sinh tử, hoặc có khi làm bò, dê, heo, chó, hươu, ngựa, chim, thú và vô số loài khác nữa, trải qua khổ não, thật đáng nhàm chán, hãy suy niệm xả ly. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Khi Thế Tôn nói pháp này, hơn sáu mươi Tỳ-kheo đều dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Hãy tư duy vô thường tưởng, hãy quảng bá vô thường tưởng. Do tư duy quảng bá vô thường tưởng mà đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; vô minh, kiêu mạn, thảy đều dứt sạch. Cũng như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn gì. Tỳ-kheo nên biết, nếu tư duy vô thường tưởng, quảng bá vô thường tưởng, sẽ đoạn trừ sạch ái dục trong ba cõi.

Thuở xưa, có vị quốc vương tên là Thanh Tịnh Âm Hưởng, thống lãnh Diêm-phù-địa với tám vạn bốn ngàn thành quách, có tám vạn bốn ngàn đại thần, tám vạn bốn ngàn cung nhân thể nữ. Mỗi một thể nữ có bốn người hầu. Bấy giờ Thánh vương Âm Hưởng không có con. Vị đại vương này nghĩ như vầy: “Nay ta thống lãnh bờ cõi này, trị hóa mà không làm trái đạo lý. Nhưng nay ta không có người nối dõi. Nếu sau

khi ta chết, gia đình, dòng họ sẽ đoạn tuyệt." Vì để có con nên quốc vương quy y nơi các trời, rồng, thần, mặt trời, mặt trăng, các sao; tự quy y Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, thần núi, thần cây, cho đến thần cỏ thuốc, cây trái: "Nguyện cầu phước cho tôi sinh con." Lúc bấy giờ trên trời Tam thập tam có một Thiên tử tên Tu-bồ-đề, mạng sắp dứt, năm điềm báo tự nhiên bức bách. Những gì là năm? Hoa quan của chư Thiên không hề héo úa, nhưng hoa quan của Thiên tử này tự nhiên héo úa. Y phục của chư Thiên không có cáu bẩn, nhưng y phục của Thiên tử đã cáu bẩn. Thân thể của chư Thiên Tam thập tam thường thơm tho, tinh khiết, có ánh sáng rọi suốt; thân thể Thiên này bấy giờ có mùi hôi không ai gần được. Chư Thiên Tam thập tam luôn luôn có ngọc nữ vây quanh trước sau để ca, múa, xướng hát, vui thú với ngũ dục; Thiên tử này khi sắp mạng chung các ngọc nữ ly tán. Chư Thiên Tam thập tam có tòa ngồi tự nhiên, sâu xuống đất bốn thước và khi Thiên tử đứng dậy thì tòa này rời khỏi mặt đất bốn thước; nhưng Thiên tử này sắp mạng chung nên không thích chỗ ngồi cũ nữa. Đó là năm điềm báo tự nhiên bức bách.

Khi Thiên tử Tu-bồ-đề có điềm báo này, Thích Đề-hoàn Nhân bảo một Thiên tử: "Ông hãy đến Diêm-phù-địa nói với vua Âm Hưởng rằng, Thích Đề-hoàn Nhân có lời thăm hỏi vô lượng, mong vua đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Ở Diêm-phù-địa không có người có đức để làm con của vua. Nhưng nay trời Tam thập tam có vị Thiên tử tên là Tu-bồ-đề đã có năm điềm báo bức bách, sẽ giáng thần xuống để làm con của vua. Nhưng rồi khi tuổi tráng niên đang thịnh người này sẽ xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng."

Vị Thiên tử vâng lời, nói: "Kính vâng, Thiên vương! Xin vâng lời dạy của Thiên vương."

Rồi trong khoảnh khắc bằng khi lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi Tam thập tam, hiện đến Diêm-phù-địa. Lúc bấy giờ đại vương Âm Hưởng đang ở trên lầu cao, cùng với một người cầm lọng hầu. Khi ấy vị trời này đứng giữa hư không nói với vua rằng: "Thích Đề-hoàn Nhân có lời thăm hỏi vô lượng, mong vua đi đứng nhẹ nhàng, dạo bước khỏe mạnh. Ở Diêm-phù-địa không có người có đức để làm con của vua. Nhưng nay trời Tam thập tam có vị Thiên tử tên là Tu-bồ-đề đã có năm điềm báo bức bách, sẽ giáng thần xuống để làm con của vua. Nhưng rồi khi tuổi tráng niên đang thịnh người này sẽ xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng."

Vua Âm Hưởng nghe được lời này, hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được, liền trả lời vị trời rằng: "Nay ngài đến báo cho biết, thật đại

hạnh! Chỉ mong giáng thần làm con của tôi. Con muốn cầu xuất gia, tôi sẽ không hề trái ý."

Rồi Thiên tử ấy trở về, đến chỗ Thích Đề-hoàn Nhân tâu lại: "Tâu Thiên vương, vua Âm Hưởng rất mừng rỡ."

Và thuật lại lời vua Âm Hưởng: "Chỉ mong giáng thần làm con của tôi. Con muốn cầu xuất gia, tôi sẽ không hề trái ý."

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân đi đến chỗ Thiên tử Tu-bồ-đề, nói với Thiên tử Tu-bồ-đề rằng: "Ông hãy phát nguyện sinh vào trong của vua loài người là Âm Hưởng. Vì sao? Vua Âm Hưởng không có con. Nhưng luôn luôn cai trị đúng theo chánh pháp. Ông xưa có phước, tạo các công đức, nay nên giáng thần vào trong cung đó."

Thiên tử Tu-bồ-đề tâu: "Thôi, thôi, tâu Thiên vương! Tôi không thích nguyện sinh vào cung vua. Ý tôi muốn xuất gia học đạo. Nhưng ở trong cung thì sự học đạo rất khó."

Thích Đề-hoàn Nhân nói: "Ông chỉ cần phát nguyện sinh vào cung vua kia. Ta sẽ giúp đỡ để ông xuất gia học đạo."

Tỳ-kheo nên biết, Thiên tử Tu-bồ-đề khi ấy liền phát nguyện sinh vào cung vua. Bấy giờ vua Âm Hưởng cùng với Đệ nhất phu nhân giao hội. Bà liền cảm thấy mình mang thai, liền tâu với vua Âm Hưởng: "Đại vương nên biết, tôi nay cảm giác mình đang mang thai."

Vua nghe vậy rồi, hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được. Vua liền đặc biết sai trải lót chỗ ngồi rất đẹp đẽ, ăn các thứ ngon ngọt như vua không khác. Qua tám chín tháng,[2] sinh một đứa con trai cực kỳ xinh đẹp, hiếm có trên đời. Vua Âm Hưởng bèn triệu các Phạm chí ngoại đạo cùng các quần thần xem tướng. Vua đem hết nguồn gốc nhân duyên kể hết cho các tướng sư.

Các Bà-la-môn đáp: "Tâu đại vương, hãy xét lý này. Nay sinh thái tử hiếm có trên đời. Xưa tên là Tu-bồ-đề, nay theo như trước mà đặt tên là Tu-bồ-đề."

Các tướng sư sau khi đặt tên rồi, ai nấy đứng dậy ra về.

Vương tử Tu-bồ-đề bấy giờ được vua rất quý trọng, chưa từng rời khỏi mắt. Rồi một lúc, vua Âm Hưởng suy nghĩ: "Xưa ta không có con. Vì không có con nên cầu đảo các trời để có một đứa con. Sau một thời gian nay mới sinh con. Nhưng Thiên đế đã báo trước, nó sẽ xuất gia học đại. Ta nay hãy bày phương tiện để nó không xuất gia học đạo."

---

[2] *Nguyên Hán: Kinh Bát Cửu Nguyệt* 經八九月.

Rồi vua Âm Hưởng cho dựng cung điện ba mùa cho thái tử. Mùa lạnh, có cung điện ấm. Mùa nóng có cung điện mát. Khi không lạnh không nóng, có cung điện thích thời. Lại cho dựng bốn chỗ ở cho cung nữ. Cung thứ nhất có sáu vạn thể nữ. Cung thứ hai có sáu vạn thể nữ. Cung thứ ba có sáu vạn thể nữ. Cung thứ tư có sáu vạn thể nữ. Mỗi cung có bốn người hầu dọn trải thảm ngồi để cho thái tử ngồi nằm trên đó. Nếu ý vương tử Tu-bồ-đề muốn dạo chơi phía trước, tức thì các thể nữ đứng mặt, khi ấy thảm ngồi tùy thân chuyển tới. Phía trước có sáu vạn thể nữ và bốn người hầu. Nếu ta muốn dạo chơi phía sau, thảm ngồi liền tùy thân chuyển theo. Nếu muốn cùng vui thú với các thể nữ, khi ấy thảm ngồi cùng tùy thân chuyển theo. Khiến cho vương tử Tu-bồ-đề tâm ý đắm nơi ngũ dục mà không muốn xuất gia.

Cho đến một lúc, vào lúc nửa đêm, lúc không có người, Thích Đề-hoàn Nhân đi đến vương tử Tu-bồ-đề, ở giữa hư không mà nói với vương tử: "Vương tử, há không phải xưa kia đã có ý nghĩ này: "Ta sống tại gia cho đến tuổi tráng thịnh sẽ xuất gia học đạo" chăng? Nay sao lại vui thú trong ngũ dục, ý không còn ý nguyện xuất gia nữa? Nhưng ta cũng đã có nói, sẽ khuyến khích vương tử xuất gia học đạo. Nay đã đúng lúc, nếu không xuất gia học đạo, sau hối tiếc vô ích." Thích Đề-hoàn Nhân nói xong, biến mất.

Lúc bấy giờ vương tử Tu-bồ-đề ở trong cung suy nghĩ như vầy: "Vua Âm Hưởng giăng lưới ái dục cho ta. Do bởi lưới ái dục này mà ta không xuất gia học đạo được. Nay ta phải cắt đứt lưới này không để bị lôi kéo bởi những thứ ô trược. Bằng chí tín kiên cố mà xuất gia học đạo, sống chỗ nhàn tĩnh, siêng năng tu tập nghiệp học để cho càng ngày càng tiến." Rồi vương tử Tu-bồ-đề lại suy nghĩ thêm: "Phụ vương Âm Hưởng cho sáu vạn thể nữ vây quanh trước sau. Ta hãy quán sát lý này, thử xem có ai tồn tại mãi ở đời chăng?" Rồi vương tử Tu-bồ-đề quán sát khắp trong cung, không thấy có nữ nhân nào sống mãi ở đời. Rồi Tu-bồ-đề lại nghĩ: "Ta nay sao lại quán vật bên ngoài? Hãy quán sát nội thân, do nhân duyên gì mà có. Nay trong thân này, các thứ như tóc, lông, móng, răng, xương, tủy, có cái nào còn mãi ở đời chăng? Từ đầu đến chân, quán sát ba mươi sáu thứ, thấy là ô uế bất tịnh. Từ quán sát thấy không một thứ đáng tham. Cũng không có cái gì chân thật, mà chỉ là huyễn ngụy giả dối, thảy đều trở về không, không còn mãi ở đời." Rồi vương tử Tu-bồ-đề lại suy nghĩ: "Ta nay phải cắt đứt cái lưới này mà xuất gia học đạo."

Bấy giờ Tu-bồ-đề quán sát thân năm thủ uẩn này. Rằng: "Đây là sắc

khổ. Đây là tập khởi của sắc. Đây là sắc diệt tận. Đây là xuất yếu của sắc.[3] Thọ, tưởng, hành, thức khổ. Đây là tập khởi của thức. Đây là diệt tận của thức. Đây là xuất yếu của thức." Sau khi quán thân năm thủ uẩn này rồi, biết rằng những gì là pháp tập khởi đều là pháp diệt tận, tức thì ngay trên chỗ ngồi mà đắc quả Bích-chi-phật. Lúc bấy giờ Bích-chi-phật Tu-bồ-đề biết mình đã thành Phật, liền nói bài kệ:

Này dục, ta biết ngươi
Ý do tư tưởng sinh
Ta không tư tưởng ngươi
Thì người không tồn tại.

Sau khi nói bài kệ xong, Bích-chi-phật liền bay lên hư không mà đi, rồi một mình Bát-niết-bàn trong Vô dư Niết-bàn giới dưới một gốc cây trong một núi nọ.

Bấy giờ vua Âm Hưởng bảo kẻ tả hữu: "Ngươi hãy đi đến cung của Tu-bồ-đề, xem vương tử có ngủ giấc yên ổn không?"

Quan đại thần vâng lệnh vua, đi đến cung của thái tử. Nhưng cửa phòng ngủ đã khóa chặt.

Đại thần quay trở lại tâu vua: "Vương tử ngủ yên. Cửa phòng đã khóa chặt."

Vua lặp lại ba lần hỏi: "Ngươi đến xem vương tử ngủ có ngon không."

Quan đại thần lại đến trước cửa cung. Nhưng cánh cửa đóng chặt ông quay trở lại, tâu vua: "Vương tử ở trong cung ngủ say không biết gì. Cửa cung khóa chặt, đến giờ vẫn chưa mở."

Khi ấy vua Âm Hưởng nghĩ thầm: "Con ta, vương tử, khi thiếu thời còn không mê ngủ. Sao nay tuổi tráng niên lại mê ngủ? Ta nên tự mình đến đó xem để biết con ta cát hung, hay có bệnh hoạn gì không."

Rồi vua Âm Hưởng đi đến cung của Tu-bồ-đề, đứng ngoài cửa, bảo một người: "Ngươi bắc thang leo vào trong cung mà mở cửa cho ta."

Người ấy vâng lệnh vua, tức thì bắc thang, leo tường vào bên trong, mở cửa cho vua. Khi vua vào bên trong, quán sát bên trong cung, thấy chăn

---

[3] *Bảy xứ thiện, được nói rất nhiều trong các A-hàm cũng như Nikāya; nhưng bản Hán này chép thiếu. Nói đủ (Cf. Tạp 2, kinh 42, tr. 10a05): Sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc diệt đạo, sắc vị, sắc hoạn, sắc ly. Pāli, S. xxii. 57 Sattaṭṭhāna (R.iii. 61): Rūpaṃ, rūpasamudayaṃ, rūpanirodhaṃ, rūpanirodhagāminiṃ paṭipadaṃ, rūpassa assādaṃ, rupassa ādīnavaṃ, rūpassa nissaraṇaṃ.*

đệm trống không mà không có vương tử. Không trông thấy vương tử, vua hỏi các thể nữ: "Vương tử Tu-bồ-đề hiện ở đâu?"

Thể nữ đáp: "Chúng tôi cũng không biết vương tử hiện đang ở đâu."

Nghe nói thế, vua Âm Hưởng gieo mình xuống đất, giây lâu mới tỉnh.

Khi ấy, vua Âm Hưởng nói với quần thần: "Con ta khi còn nhỏ đã có ý nghĩ rằng: 'Lớn lên con sẽ cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, với tín tâm kiên cố xuất gia học đạo.' Nay chắc chắn vương tử đã bỏ ta mà xuất gia học đạo. Các người hãy đi khắp bốn phương tìm xem vương tử rốt cuộc đang ở tại đâu."

Quần thần tức thì cho xe cộ giong ruổi khắp mọi nơi tìm kiếm. Khi ấy có một vị đại thần đi vào trong núi kia, nửa đường chợt nghĩ: "Nếu vương tử Tu-bồ-đề xuất gia học đạo tất phải ở trong núi này." Rồi thì, ông đại thần từ xa trông thấy vương tử Tu-bồ-đề ngồi kiết già dưới một gốc cây. Ông liền nghĩ thầm: "Đây chính là vương tử Tu-bồ-đề." Nhìn kỹ, rồi quay trở về vua, tâu rằng: "Vương tử Tu-bồ-đề đang ở gần đây, đang ngồi kiết già dưới một gốc cây trong núi." Vua Âm Hưởng nghe nói thế, liền đi đến núi đó. Từ xa trông thấy Tu-bồ-đề ngồi kiết già dưới một gốc cây, tức thì vua gieo mình xuống đất, nói rằng: "Con ta ngày xưa đã tự thề nguyền rằng, Con đến hai mươi tuổi sẽ xuất gia học đạo. Nay quả không sai. Vả lại, trời đã có báo với ta rằng, con ta sẽ học đạo."

Bấy giờ vua Âm Hưởng đi thẳng đến trước, nói với Tu-bồ-đề rằng: "Con nay sao bỏ cha mà xuất gia học đạo?"

Khi ấy Bích-chi-phật im lặng không trả lời. Vua lại nói: "Mẹ con rất buồn lo. Phải gặp con mới chịu ăn. Hợp thời thì con nên về cung."

Bích-chi-phật vẫn ngồi im lặng. Vua Âm Hưởng liền bước tới nắm tay, cũng không lay động.

Vua mới nói với quần thần: "Vương tử hôm nay đã mạng chung rồi. Thích Đề-hoàn Nhân trước đây đã có báo ta, rằng ta sẽ có con, nhưng con ta sẽ xuất gia học đạo. Nay vương tử đã xuất gia học đạo. Giờ hãy rước xá-lợi này về trong nước."

Trong lúc đang hỏa thiêu[4], các vị thần kỳ trong núi đó, hiện nửa thân hình, tâu vua rằng: "Đây là Bích-chi-phật, chứ không phải là vương tử. Ta là đệ tử của chư Phật quá khứ. Chư Phật cũng có dạy rằng, ở đời có bốn hạng người xứng đáng dựng tháp[5] thờ. Những gì là bốn? Như Lai, Chí

---

4. Nguyên Hán: Xà-tuần 蛇旬, một âm khác của trà-tỳ. Pāli: Jhāpeti.

5. Nguyên Hán: Thâu-bà 偷婆; phiên âm của stūpa (Skt.) hay thūpa (Pāli).

Chân, Đẳng Chánh Giác xứng đáng dựng tháp thờ. Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ. A-la-hán lậu tận, đệ tử của Như Lai, xứng đáng dựng tháp thờ. Chuyển luân thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ.[6] Hỏa thiêu thân của Chuyển luân thánh vương như thế nào, thì hỏa thiêu thân của Như Lai và Bích-chi-phật cũng như vậy."

Vua Âm Hưởng hỏi chư Thiên: "Cúng dường hỏa thiêu thân của Chuyển luân thánh vương như thế nào?"

Thần cây đáp: "Làm quách bằng sắt cho Chuyển luân thánh vương, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Chuyển luân thánh vương, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh thân; rồi lấy vải thêu màu phủ lên trên; sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đậy lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên đất, rồi để quách bằng sắt vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa thân vua đi hỏa thiêu để lấy xá-lợi. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường không dứt. Dựng tháp tại các ngả tư đường. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ cúng dường. Đại vương nên biết, sự việc cúng dường xá-lợi của Chuyển luân thánh vương là như vậy. Cúng dường chư Phật Như Lai, Bích-chi-phật, A-la-hán, cũng giống như vậy."

Vua Âm Hưởng hỏi vị trời ấy rằng: "Do nhân duyên gì mà cúng dường thân của Chuyển luân thánh vương? Lại do nhân duyên gì mà cúng dường thân của chư Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán?"

Trời đáp: "Chuyển luân thánh vương cai trị đúng pháp, tự mình không sát sinh, lại dạy người khác không sát sinh; tự mình không lấy của không cho, lại dạy người khác không trộm cướp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khác không xâm phạm vợ người; tự mình không nói dối, không ỷ ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi gây đấu loạn đây kia, không tật đố, sân nhuế, ngu si; tự mình chuyên hành chánh kiến, lại làm cho người khác cũng tập theo chánh kiến. Đại vương, do nhân duyên này Chuyển luân thánh vương xứng đáng dựng tháp thờ."

Vua lại hỏi: "Do nhân duyên gì A-la-hán lậu tận xứng đáng dựng tháp thờ?"

Trời đáp: "Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận, ái dục đã dứt sạch, sân hận, ngu si đã diệt trừ, tự mình đã độ thoát, đạt đến vô vi, là ruộng phước của thế

---

6. *Để bản chép thiếu mục số 4 này.*

gian. Do nhân duyên này, A-la-hán lậu tận xứng đáng dựng tháp thờ."

Vua lại hỏi: "Do nhân duyên gì Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ?" Trời đáp: "Bích-chi-phật không thầy mà tự mình giác ngộ, xuất hiện đời thật khó gặp, được báo ngay trong hiện pháp, thoát khỏi đường dữ, khiến người được sinh lên trời. Do nhân duyên này, Bích-chi-phật xứng đáng dựng tháp thờ."

Vua lại hỏi: "Do nhân duyên gì Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ?" Trời đáp: "Như Lai có đầy đủ mười Lực. Mười Lực ấy không phải là những pháp mà Thanh văn, Bích-chi-phật có thể đạt được. Như Lai có bốn Vô sở úy, ở giữa đại chúng mà rống tiếng sư tử, vận chuyển Phạm luân. Như độ những ai chưa được độ, giải thoát những ai chưa được giải thoát, khiến Bát-niết-bàn những ai chưa Bát-niết-bàn; che chở những ai cô khổ, làm con mắt cho kẻ mù, làm đại y vương cho người bệnh; hết thảy chư Thiên, Người đời, Ma và Ma thiên, thảy đều tuân phụng, tôn kính, quý trọng, xoay chuyển nẻo dữ quay sang nẻo lành. Đại vương, do nhân duyên này Như Lai xứng đáng dựng tháp thờ. Đại vương, đó là nhân duyên gốc ngọn mà bốn hạng người xứng đáng dựng tháp thờ."

Bấy giờ vua Âm Hưởng nói với vị Thiên thần này: "Lành thay, lành thay, Thiên thần! Nay tôi sẽ theo lời ông dạy để cúng dường xá-lợi này theo phép cúng dường Bích-chi-phật."

Sau đó, vua Âm Hưởng bảo mọi người: "Các người hãy rước xá-lợi của Bích-chi-phật Tu-bồ-đề về trong nước." Quần thần vâng lệnh vua, đặt lên kim sàng rồi rước về trong nước. Khi ấy vua Âm Hưởng liền ra lệnh là cái quách bằng sắt, bên trong chứa đầy dầu thơm. Tắm gội thân thể Bích-chi-phật, lấy vải lụa kiếp-ba trắng quấn quanh thân; rồi lấy vải thêu nhiều màu phủ lên trên; sau đó bỏ vào trong quách. Dùng nắp bằng sắt đậy lên. Đóng đinh khắp nhiều chỗ cho chắc chắn. Lại lấy một trăm tấm vải mịn quấn quanh quách. Dùng các thứ tạp hương rải lên, rồi để thân Bích-chi-phật vào giữa. Bảy ngày bảy đêm, cúng dường hương, hoa, lụa là, phướn, lọng, ca nhạc. Sau bảy ngày, đưa xá-lợi Bích-chi-phật đi hỏa thiêu. Lại trải qua bảy ngày, bảy đêm cúng dường ca nhạc. Tại ngã tư đường dựng một ngôi tháp. Lại lấy hương, hoa, phướn, lọng, các thứ và tấu nhạc cúng dường.

Tỳ-kheo nên biết, những chúng sinh nào cúng dường xá-lợi của Bích-chi-phật, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh lên trời Tam thập tam. Có chúng sinh tư duy vô thường tưởng, quay khỏi ba đường dữ mà chuyển sinh vào cõi người, trên trời.

Các Tỳ-kheo, các ông chớ nghĩ vua Âm Hưởng bấy giờ là ai khác.

Đó là thân Ta vậy. Những ai tư duy vô thường tưởng, sẽ được nhiều lợi ích. Nay Ta xét nghĩa này nên nói với các Tỳ-kheo, hãy tư duy vô thường tưởng, quảng bá vô thường tưởng. Do tư duy vô thường tưởng mà đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái; vô minh, kiêu mạn cũng vĩnh viễn diệt trừ. Cũng như ngọn lửa đốt cháy cỏ cây trước cửa sổ giảng đường cao đẹp, cháy sạch không còn gì. Tỳ-kheo tư duy vô thường tưởng cũng vậy, đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái, dứt sạch không còn tàn dư.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên nhất tâm ý chớ để sai trái.

Khi pháp này được thuyết, sáu mươi Tỳ-kheo ngay trên chỗ ngồi dứt sạch các lậu, tâm giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4[7]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào không đoạn năm tệ của tâm[8], không từ năm kết của tâm[9], với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy pháp thiện giảm chứ không tăng.

Những gì là năm tệ của tâm mà không đoạn trừ? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm hồ nghi đối với Như Lai, không giải thoát,[10] không nhập chánh pháp[11]. Do vậy, tâm người ấy không chuyên phúng tụng. Đó là Tỳ-kheo có tệ của tâm mà không đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm hồ nghi đối với chánh pháp, không giải thoát, không nhập chánh pháp. Do vậy, tâm người ấy không chuyên phúng tụng. Đó là Tỳ-kheo có tệ của tâm mà không đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm hồ nghi đối với Thánh chúng, không giải thoát, cũng không dụng ý hướng đến chúng hòa hợp, cũng không ở trong

---

7. *Tham chiếu Pāli, M.16 Cetokhila (R. i. 101). Hán, Trung 56, kinh 106 (Tâm uế 心穢).*
8. *Nguyên Hán: Tâm ngũ tệ 心五弊. Cf. Trung 56: Tâm ngũ uế 心中五穢;Tập Dị 11 (tr 416b29): Ngũ tâm tài 五心栽. Pāli: Pañca cetokhilā, năm trạng thái hoang dã của tâm.*
9. *Hán: Tâm ngũ kết 心五結. Trung 56: Tâm ngũ phược 心中五縛; Tập Dị 11 (tr.0418a13): Ngũ tâm phược 五心縛者.*
10. *Hiểu là không cởi mở, không quyết đoán.*
11. *Hiểu là không có tịnh tín.*

pháp đạo phẩm. Đó là Tỳ-kheo có tệ của tâm mà không đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo phạm cấm giới mà không tự mình sám hối lỗi lầm. Tỳ-kheo đã phạm giới mà không tự mình sám hối lỗi lầm, nên không để tâm nơi pháp đạo phẩm. Đó là Tỳ-kheo có tệ của tâm mà không đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo có tâm ý bất định mà tu phạm hạnh, rằng: "Với công đức tu phạm hạnh này, mong ta sinh lên trời, hoặc sinh làm các thần kỳ." Với tâm ấy mà tu phạm hạnh, tâm không chuyên nhất vào trong đạo phẩm. Do tâm không ở trong đạo phẩm, nên đó là tệ của tâm mà không đoạn trừ.

Như vậy, Tỳ-kheo có năm tệ của tâm mà không đoạn trừ.

Thế nào là năm kết của tâm không được đoạn trừ? Ở đây, Tỳ-kheo biếng nhác, không tìm cầu phương tiện. Tỳ-kheo kia do biếng nhác, không tìm cầu phương tiện, nên nói là Tỳ-kheo có kết của tâm không được đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường hay quên lãng, tham ngủ nghỉ. Tỳ-kheo ấy do thường hay quên lãng, thâm ngủ nghỉ, nên nói là Tỳ-kheo có kết thứ hai của tâm không được đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo mà ý không định, thường xuyên hay tán loạn. Tỳ-kheo kia do tâm loạn bất định, nên nói Tỳ-kheo có kết thứ ba của tâm không được đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo mà căn môn bất định. Tỳ-kheo ấy do căn môn bất định, nên nói là Tỳ-kheo có kết thứ tư của tâm không được đoạn trừ.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường thích ở tại thị tứ, không thích ở chỗ vắng tĩnh. Đó là Tỳ-kheo có kết thứ năm của tâm không được đoạn trừ.

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có năm kết của tâm này mà không được đoạn trừ, với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy ngày đêm pháp thiện đoạn tuyệt chứ không tăng ích.

Cũng như có tám hoặc mười hai trứng[12] mà không tùy thời được bao che, được ấp ủ, được chăm sóc; dù gà mẹ có ý nghĩ rằng: "Mong cho các con của ta được an toàn không gì khác." Nhưng các gà con ấy không được an ổn. Vì sao? Vì không tùy thời chăm sóc. Về sau chúng bị hư, không nở gà con. Ở đây cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà năm kết của tâm không được đoạn, năm tệ của tâm không được trừ, thì ngày đêm pháp thiện giảm chứ không tăng ích.

Nếu Tỳ-kheo mà năm kết của tâm được đoạn, năm tệ của tâm được

---

[12] Hán: Kê tử 雞子, gà con. Cũng có thể hiểu là trứng.

trừ, thì ngày đêm pháp thiện tăng ích chứ không tổn giảm. Cũng như gà có tám hoặc mười hai trứng, tùy thời chăm sóc, tùy thời nuôi nấng, tùy thời che chở, gà tuy có nghĩ rằng: "Mong các con của ta toàn không thành tựu. Nhưng các gà con kia vẫn thành tựu an ổn, vô vi. Vì sao? Tùy thời được nuôi lớn khiến được vô vi, cho đến khi các gà con được ra khỏi ngoài. Đây cũng vậy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà năm tệ của tâm được đoạn, năm kết của tâm được trừ, với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy, ngày đêm pháp thiện tăng ích chứ không tổn giảm.

Cho nên, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hãy an lập tâm không có do dự hồ nghi đối với Phật, do dự hồ nghi đối với Pháp, do dự hồ nghi đối với Chúng, đầy đủ giới, tâm ý chuyên chánh không có thác loạn, cũng không khởi ý mong cầu pháp khác, cũng không tu phạm hạnh cầu may rằng: "Ta do hành pháp này sẽ sinh làm thân người trời, thần diệu, tôn quý."

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không có hồ nghi do dự đối với Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng không phạm giới, cũng có điều gì sai sót, Ta nói với các ông, dặn dò thêm nữa các ông, Tỳ-kheo kia có hai nơi để đến, hoặc sinh lên trời, hoặc sinh trong loài người.

Cũng như người ở trong chỗ cực nóng, lại bị đói khát; mà gặp được chỗ có bóng mát, được nước suối mát lạnh mà uống; người ấy dù có nghĩ rằng: "Ta tuy gặp được bóng mát, nước lạnh của suối mà uống, nhưng không dứt đói khát." Nhưng người ấy vẫn hết nóng bức, trừ được đói khát. Đây cũng vậy. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà không hồ nghi do dự đối với Như Lai, Tỳ-kheo ấy có hai chỗ để đến, hoặc sinh lên trời, hoặc sinh vào loài người.

Cho nên, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hãy tìm cầu phương tiện đoạn năm kết của tâm, trừ năm tệ của tâm. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Hoặc có khi uy quyền của vua không phổ cập, trộm cướp tranh nhau nổi lên. Khi trộm cướp nổi lên, nhân dân trong các thôn xóm, thành thị, thảy đều bị bại vong. Hoặc có người gặp phải đói khát mà mạng chung. Giả

sử chúng sinh ấy vì đó khát mà mạng chung, đều rơi vào ba nẻo dữ.

Ở đây, với Tỳ-kheo tinh tấn cũng vậy. Nếu sự trì giới bị sút kém, khi ấy ác Tỳ-kheo tranh nhau khởi lên làm ác. Khi Tỳ-kheo tranh nhau nổi lên làm ác, Chánh pháp dần dần suy giảm, phi pháp tăng trưởng. Khi phi pháp tăng trưởng, chúng sinh ở đó đều rơi vào ba nẻo dữ.

Hoặc khi uy quyền của vua lan xa, khiến cho giặc cướp lẩn trốn. Do uy quyền của vua lan xa mà nhân dân trong thành thị, thôn xóm trở nên đông đúc. Ở đây, với Tỳ-kheo tinh tấn cũng vậy. Nếu trì giới trọn vẹn, Tỳ-kheo phạm giới dần dần suy giảm, chánh pháp hưng thịnh. Bấy giờ, chúng sinh sau khi mạng chung thảy đều sinh lên trời, sinh trong loài người.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tâm niệm giới luật cho đầy đủ; uy nghi, lễ tiết, không có điều gì khuyết giảm. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Chẳng thà cứ thường hay ngủ nhiều, chớ đừng trong khi thức mà tư duy loạn tưởng, để rồi thân hoại mạng chung sinh vào nẻo dữ.

Chẳng thà để cho dùi sắt đang rực cháy ịn vào mắt, chứ không để nhìn sắc mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng như vậy bị bại hoại bởi thức. Tỳ-kheo bị hủy hoại bởi thức sẽ rời vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Điều Ta muốn nói là như vậy.

Người kia chẳng thà cứ thường hay ngủ, chứ đừng khi thức mà tư duy loạn tưởng. Thà lấy dùi bén đâm vào lỗ tai cho nó hư hoại chứ không để vì nghe tiếng mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ-kheo nổi lên loạn tưởng sẽ bị bại hoại bởi thức.

Chẳng thà cứ thường xuyên ngủ chứ đừng để khi thức mà tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy kìm nóng làm hư hoại mũi, chứ đừng vì ngửi mùi mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ-kheo nổi lên loạn tưởng thì bị bại hoại bởi thức. Do bị bại hoại bởi thức mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.

Điều mà Ta muốn nói là như vậy.

Chẳng thà lấy gươm bén cắt đứt lưỡi, chứ không để vì lời nói hung

dữ, thô bạo, mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.

Chẳng thà thường ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà nổi lên tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy tấm lá đồng nóng đỏ quấn quanh thân mình, chứ không giao thông với phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn. Nếu cùng giao thông, qua lại chuyện trò, tất phải rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.

Điều Ta muốn nói chính là như vậy.

Chẳng thà thường hay ngủ, chớ đừng để trong khi thức mà có ý nghĩ muốn phá hoại Thánh chúng. Đã phá hoại Thánh chúng, đọa tội ngũ nghịch, thì dù có đến ức ngàn chư Phật cũng không thể cứu chữa. Những ai gây đấu loạn giữa chúng, người ấy sẽ đọa tội không thể cứu chữa. Vì vậy ở đây Ta nói: "Chẳng thà cứ hay ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà có ý muốn phá hoại Thánh chúng, chịu tội không thể cứu chữa."

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy gìn giữ sáu tình chớ để sai sót. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ trưởng A-na-bân-để[13] có bốn người con[14]. Chúng không thờ Phật, Pháp, Thánh chúng, không tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Trưởng giả A-na-bân-để nói với bốn người con:

–Các con, hãy tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, để được phước vô lượng lâu dài.

Các con thưa:

–Thưa cha, chúng con không thể tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

A-na-bân-để nói:

–Cha sẽ cho các con mỗi đứa một ngàn lượng vàng ròng, nếu nghe

---

[13]Để bản chép nhầm là A-na-bân-kỳ 阿那邠祁. kinh số 4 phẩm 10: A-na-bân-trì 阿那邠持; kinh số 3 phẩm 27: A-na-bân-để 阿那邠邸. Pāli: Anāthapiṇḍika (Skt. Anāthapiṇḍada).

[14]Theo nguồn Pāli, ông có một con trai tên Kāla, và ba người con gái: Mahā-Subhddā, Cūla-Subhaddā, Sumanā.

lời cha mà tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Các con thưa:

–Chúng con cũng không thể tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Người cha lại nói:

–Cha cho các con hai ngàn.

Rồi cứ thêm: Ba ngàn, bốn ngàn, năm ngàn lượng vàng: "Các con, hãy tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, để được phước vô lượng lâu dài."

Các con sau khi nghe nói vậy, im lặng nhận lời. Rồi chúng hỏi:

–Chúng con sẽ tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng như thế nào?

Trưởng giả A-na-bân-để đáp:

–Các con tất cả theo cha đi đến Thế Tôn. Thế Tôn có dạy điều gì, các con hãy ghi nhớ mà vâng làm.

Các con thưa với cha:

–Như Lai nay đang ở đâu, cách đây gần xa?

Người cha đáp:

–Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, nay đang ở tại nước Xá-vệ, trú trong vườn của cha.

Rồi thì A-na-bân-để dẫn bốn người con đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Khi ấy, trưởng giả A-na-bân-để bạch Thế Tôn rằng:

–Bốn đứa con của con đây chưa tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Gần đây, con cho mỗi đứa năm ngàn lượng càng, khuyến khích thờ Phật, Pháp, Thánh chúng. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp cho chúng, để chúng được phước vô lượng lâu dài.

Bấy giờ Thế Tôn lần lượt thuyết pháp cho bốn người con của ông trưởng giả, khiến cho được hoan hỷ. Các người con của ông trưởng giả sau khi nghe pháp, hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được, quỳ mọp trước Phật, bạch Thế Tôn rằng:

–Chúng con mỗi đứa tự quy y Thế Tôn, Chánh pháp, Thánh chúng. Từ nay về sau không sát sinh, cho đến không uống rượu.

Nói như vậy ba lần. Khi ấy trưởng giả A-na-bân-để bạch Thế Tôn rằng:

–Nếu có ai xuất tài vật thuê người thờ Phật, người ấy được phước như thế nào?

Thế Tôn nói:

–Lành thay. lành thay! Trưởng giả, vì để người trời được an lạc mà ông hỏi Như Lai nghĩa này. Hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ nói cho ông nghe.

Trưởng giả vâng lời Phật, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

–Có bốn kho báu lớn[15]. Những gì là bốn?

1. Kho của rồng Y-bát-la ở nước Càn-đà-vệ, là một kho. Trong cung này chứa đầy vô số vật trân bảo.

2. Kho Ban-trù ở nước Mật-đế-la, chứa trân bảo nhiều vô lượng không thể kể hết.

3. Kho Tân-già-la tại nước Tu-lại-tra, chứa trân bảo nhiều không thể kể.

4. Kho Tương-khư tại nước Bà-la-nại chứa trân bảo nhiều không thể kể.

Giả sử trai gái lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-địa mỗi người đến khuân vác trong suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho Y-bát-la vẫn không hề vơi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Ban-trù, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không vơi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Tân-già-la tại nước Tu-lại-tra, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không vơi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Tương-khư tại nước Ba-la-nại, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không vơi bớt.

Này trưởng giả, đó là bốn kho lớn, mà trai gái lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-địa mỗi người đến khuân vác trong suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, vẫn không hề vơi bớt.

Trong đời tương lai có Phật hiệu Di-lặc xuất hiện ở đời. Quốc giới bấy giờ có tên là Kê-đầu, đó là chỗ vua cai trị, Đông sang Tây mười hai do-diên; Nam đến Bắc bảy do-diên. Nhân dân đông đúc. Thóc lúa dồi dào. Chung quanh thành Kê-đầu nơi vua cai trị có bảy lớp ao nước, mỗi cái rộng một do-diên, mà đáy là cát vàng. Trong ao mọc các loại hoa sen ưu-bát, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi. Nước tượng màu vàng, màu bạc, màu thủy tinh, màu lưu ly. Khi nước bạc đông cứng, nó trở thành bạc. Khi nước vàng đông cứng, nó trở thành vàng. Khi nước thủy tinh đông cứng, nó trở thành thủy tinh. Khi nước lưu ly đông cứng, nó trở thành lưu ly.

Này trưởng giả nên biết, thành có bốn cửa. Trong ao nước bạc, bực cửa được làm bằng vàng. Trong ao nước vàng, bực cửa được làm bằng bạc. Trong ao thủy tinh, bực cửa được làm bằng lưu ly. Trong ao lưu ly, bực cửa

---

[15]. Xem kinh số 3 phẩm 48 trên.

được làm bằng thủy tinh.

Trưởng giả nên biết, chung quanh thành Kê-đầu bấy giờ treo các linh. Tiếng linh khi được nghe đều phát ra âm thanh năm loại nhạc. Trong thành này thường xuyên có bảy loại tiếng. Những gì là bảy? Đó là tiếng loa, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng trống nhỏ, tiếng trống tròn[16], tiếng trống trận[17], tiếng ca múa.

Trong thành Kê-đầu lúc bấy giờ sinh thứ lúa tự nhiên dài ba tấc, rất là thơm ngon, cho ra các mùi vị thượng hạng; vừa gặt xong thì sinh trở lại, không thấy chỗ đã bị cắt lấy.

Vua thời bấy giờ tên là Tương-khư[18], cai trị bằng pháp, có đầy đủ bảy báu. Trưởng giả nên biết, vị đại thần điển tàng lúc đó tên là Thiện Bảo, đức cao, trí tuệ, Thiên nhãn đệ nhất. Ông có thể biết chỗ nào có kho tàng bảo vật. Nếu kho có chủ, ông tự nhiên giữ gìn. Nếu là kho vô chủ, ông lấy đem dâng cho vua. Trong lúc đó, Long vương Y-bát-la, Long vương Ban-trù, Long vương Tân-già-la, Long vương Tương-khư; bốn Long vương này quản lý bốn kho báu. Các vị này đến nói với quan điển tàng Thiện Bảo:

–Cần gì, chúng tôi sẽ cung cấp.

Khi ấy bốn Long vương nói:[19]

–Xin nguyện dâng hiến bảo vật trong bốn kho để tự ý sử dụng.

Điển tàng Thiện Bảo liền lấy bảo vật trong bốn kho dâng lên vua Tương-khư, cùng với xe bảo vũ[20] bằng vàng.

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ này:

Y-la ở Kiền-đà
Ban-trù tại Mật-si[21]
Tân-già nước Tu-lại
Tương khư, Ba-la-nại.
Đây là bốn kho báu
Tràn đầy các bảo vật
Bấy giờ thường xuất hiện
Do công đức mà có;
Đem dâng Thánh vương kia

---

16. *Hán: Viên cổ 員鼓.*
17. *Hán: Bề cổ 鞞鼓.*
18. *Xem kinh số 3 phẩm 48.*
19. *Bản Hán có thể nhảy sót nên đoạn văn thiếu mạch lạc.*
20. *Bảo vũ xa 寶羽車, xe có gắn lông chim; xem kinh số 1 phẩm 23.*
21. *Mật-si 蜜絺, trên kia chép Mật-đế.*

Vàng, bạc, xe bảo vũ
Các thần đều hộ vệ
Ngày đêm được hưởng phước.

Bấy giờ có Phật xuất hiện ở đời giáo hóa nhân dân, hiệu là Di-lặc, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu.

Trưởng giả nên biết, quan điển tàng Thiện Bảo lúc đó há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Chủ kho bấy giờ chính là trưởng giả hiện nay vậy.

Bấy giờ vua Tương-khư đem vàng bạc đi làm phước đức rộng rãi. Vua dẫn theo tám vạn bốn ngàn đại thần vây quanh trước sau đi đến chỗ Di-lặc mà xuất gia học đạo. Quan điển tàng cũng làm phước đức rộng rãi, rồi cũng xuất gia học đạo, chấm dứt biên tế khổ. Đấy đều là do trưởng giả dắt dẫn bốn con khiến tự quy y Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo. Do bởi công đức này mà không rơi vào ba nẻo dữ. Lại do duyên đức này mà được bốn kho báu lớn. Cũng do bởi báo ứng này mà làm người quản lý kho tàng cho vua Tương-khư, rồi ngay trong đời ấy mà chấm dứt biên tế khổ. Vì sao? Công đức quy y Phật, Pháp, Tăng không thể lường hết được. Những ai tự quy y Phật, Pháp, Chúng, phước đức đều như vậy.

Cho nên, này trưởng giả, hãy thương tưởng đến các loài hữu hình, tìm cầu phương tiện hướng đến Phật pháp. Như vậy, trưởng giả, hãy học điều này.

Trưởng giả A-nan-bân-để khi ấy hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, làm lễ rồi lui đi. Bốn người con của ông cũng vậy.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-để cùng với bốn con nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8[22]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-để thân mang trọng bệnh. Xá-lợi-phất, bằng Thiên nhãn thanh tịnh không bợn dơ, thấy trưởng giả A-na-bân-để

[22] *Tham chiếu Pāli, M. 143. Anāthapiṇḍkovāda (R. iii. 257). Hán, Trung 6, kinh 28.*

thân mang trọng bệnh, bèn nói với A-nan:

–Thầy cùng tôi đi đến trưởng giả A-na-bân-để thăm viếng.

A nan đáp:

–Nên biết bây giờ là đúng lúc.

Lúc bấy giờ, đến giờ, A-nan khoác y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; lần hồi đi đến nhà trưởng giả A-na-bân-để, ngồi lên chỗ ngồi. Khi ấy Xá-lợi-phất đang ở trên chỗ ngồi, nói với trưởng giả A-na-bân-để:

–Bệnh của ông nay có thêm bớt gì không? Có thấy đau nhức bớt dần mà không tăng thêm nặng không?

Trưởng giả đáp:

–Bệnh của con giờ rất ít hy vọng. Chỉ cảm thấy tăng chứ không cảm thấy giảm.

Xá-lợi-phất nói:

–Bây giờ trưởng giả hãy nhớ tưởng Phật, rằng Như Lai là Bậc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu. Ông cũng hãy nhớ tưởng pháp, rằng pháp của Như Lai rất sâu thẳm, đáng tôn, đáng quý, không gì sánh bằng, là điều mà Hiền thánh tu hành. Ông cũng hãy nhớ tưởng Tăng, rằng Thánh chúng của Như Lai hòa thuận trên dưới, không tranh tụng, thành tựu pháp tùy pháp. Thánh chúng ấy thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát kiến tuệ. Tăng ấy gồm bốn đôi tám hạng. Đây gọi là Thánh chúng của Như Lai đáng tôn, đáng quý, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

Này trưởng giả, nếu ai tu hành niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, phước đức ấy không thể tính kể, đạt đến chỗ cam lộ diệt tận.

Nếu thiện nam, thiện nữ, niệm Tam tôn Phật, Pháp, Thánh chúng, mà đọa vào ba nẻo dữ, không có trường hợp ấy. Thiện nam, thiện nữ ấy tu niệm Tam tôn chắc chắn đi đến cõi lành, sinh lên trời, trong loài người.

Rồi sau đó, này trưởng giả, không khởi nơi sắc[23], cũng không y sắc mà khởi nơi thức[24] không khởi nơi thanh, cũng không y thanh mà khởi nơi thức; không khởi hương, cũng không y hương mà khởi nơi thức; không khởi nơi vị, cũng không y vị mà khởi nơi thức; không khởi nơi

---

[23]. Hán: Bất khởi ư sắc 不起於色. Pāli: Na cakkhuṃ upādiyissāmi, tôi không chấp thủ sắc; nhưng bản Hán đọc là uppādessāmi, tôi sẽ không khởi.

[24]. Pāli: Na ca me cakkhunissitaṃ viññāṇaṃ bhavissati, tôi cũng không thức y nơi mắt.

xúc trơn mịn, cũng không y xúc trơn mịn mà khởi nơi thức; không khởi nơi ý, cũng không y ý mà khởi nơi thức. Không khởi đời này, đời sau[25], cũng không y đời này, đời sau mà khởi nơi thức. Không khởi nơi ái, cũng không y ái mà khởi nơi thức. Vì sao? Duyên ái mà có thủ; duyên thủ mà có hữu; duyên hữu mà có sinh, chết, sầu ưu khổ não không thể kể hết. Đó là có năm khổ thạnh ấm này.

Không có ngã, nhân, thọ mạng, sĩ phu, manh triệu, các loài hữu hình[26]. Khi mắt khởi thì khởi, không biết nó từ đâu đến. Khi mắt diệt thì diệt, không biết nó đi về đâu. Không có, mà mắt sinh; đã có, rồi mắt diệt; thảy đều do nhân duyên của các pháp tụ hội. Nói là pháp nhân duyên, đó là, duyên cái này mà có cái kia; cái này không thì cái kia không. Tức là, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu nhập (xứ), duyên sáu nhập (xứ) có xúc*, duyên xúc có thọ*, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ*, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sinh, duyên sinh có chết, duyên chết có sầu ưu khổ não không thể kể xiết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Không có, mà sinh; đã có, rồi diệt; không biết nó từ đâu đến cũng không biết nó đi về đâu; thảy đều do nhân duyên của các pháp tụ hội. Này trưởng giả, đó gọi là pháp hành Không đệ nhất.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-để buồn rầu rơi lệ không thể tự dừng. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi A-na-bân-để:

–Vì nhân duyên gì mà ông bi cảm như vậy?

Trưởng giả đáp:

–Không phải con bi cảm. Vì sao? Xưa con đã nhiều lần thừa sự Phật, cũng tôn kính các Tỳ-kheo trưởng lão, nhưng chưa hề nghe được pháp tôn quý như vậy, như những điều mà Xá-lợi-phất giảng dạy.

Khi ấy A-nan nói với A-na-bân-để:

–Trưởng giả nên biết, thế gian có hai hạng người được Như Lai nói đến. Những gì là hai? Một là biết lạc, hai là biết khổ. Người đã quen sống với lạc kia, như thiện gia nam tử Da-thâu-đề. Người quen sống với khổ kia như Tỳ-kheo Bà-già-lê. Lại nữa, này trưởng giả, Tỳ-kheo Da-thâu-đề giải Không đệ nhất. Người được tín giải thoát là Tỳ-kheo Bà-già-lê. Lại nữa,

---

[25] Hán: Kim thế, hậu thế. Pāli: Idhalokaṃ, paralokaṃ, thế giới này, thế giới khác.

[26] Các từ khác nhau chỉ tự ngã: Ngã 我 (Pāli: Attā, Skt. Ātman), nhân 人 (Pāli: puggala, Skt. pudgala), thọ mạng 壽命 (Pāli, Skt.: jīva), sĩ phu 士夫 (Pāli: Purisa, Skt. Puruṛa), manh triệu 萌兆 (= bằng triệu? có dấu hiệu nảy mầm, Pāli, Skt. Bhūta, mầm sống, sinh vật, linh vật).

này trưởng giả, người biết khổ và người biết lạc, cả hai đều tâm được giải thoát, cả hai đều là đệ tử của Như Lai, không ai có thể sánh bằng. Bởi vì họ không chìm mất (chết), cũng không sinh.[27] Cả hai đều tinh cần vâng lời Phật dạy không biếng nhác, bỏ phế. Nhưng vì tâm có sự tăng giảm, nên người ta có kẻ biết, có kẻ không biết. Đúng như trưởng giả đã nói: "Xưa con đã nhiều lần thừa sự Phật, cũng tôn kính các Tỳ-kheo trưởng lão, nhưng trước đây chưa hề nghe được pháp tôn quý như vậy, như những điều mà Xá-lợi-phất giảng dạy." Tỳ-kheo Da-thâu-đề nhìn nơi đất mà tâm được giải thoát. Tỳ-kheo Bà-già-lê quán sát nhìn con dao mà tức thì tâm được giải thoát. Cho nên, này trưởng giả, nên làm như Tỳ-kheo Bà-già-lê.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp một cách rộng rãi, khiến ông hoan hỷ, khiến phát tâm vô thượng. Sau đó, ngài rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Xá-lợi-phất đi chưa bao lâu, giây lát A-na-bân-để mạng chung, sinh lên trời Tam thập tam. Thiên tử A-na-bân-để này có năm công đức hơn hẳn chư Thiên kia. Những gì là năm? Thọ mạng cõi trời, nhan sắc cõi trời, lạc thú cõi trời, oai thần cõi trời và ánh sáng cõi trời. Thiên tử A-na-bân-để khi ấy suy nghĩ như vầy: "Ta có được thân này là do ân đức của Như Lai. Nay ta không nên an trú mà hưởng thụ nơi ngũ dục. Trước hết, hãy đến Thế Tôn lễ bái, thăm hỏi.

Rồi Thiên tử A-na-bân-để với các Thiên tử khác vây quanh trước sau cầm hoa trời rải lên thân Như Lai. Như Lai lúc ấy đang ở trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Vị Thiên tử này đứng giữa hư không, chắp tay hướng về Thế Tôn mà nói bài kệ:

Đây là cõi Kỳ hoàn
Chúng Tiên nhân[28] đang ở
Nơi Pháp vương ngự trị
Khiến phát tâm hoan hỷ.

Thiên tử A-na-bân-để nói xong bài kệ này, Như Lai im lặng hứa khả. Liền khi ấy, vị Thiên tử này nghĩ: "Như Lai đã im lặng hứa khả, ta nên xả thần túc để xuống hầu một bên."

Bấy giờ Thiên tử A-na-bân-để bạch Thế Tôn rằng:

–Con là Tu-đạt, lại tên là A-na-bân-để mà mọi người đều rõ, lại cũng

---

[27] *Pāli, A-nan hỏi Cấp Cô Độc: Olīyasi kho tvaṃ, gahapati, saṃsīdasi kho tvaṃ, gahapati? "Gia chủ, ông đang bám chặt lấy (sự sống), hay đang chìm lĩm (chết)?"*

[28] *Tiên nhân chúng; Tiên nhân ở đây chỉ Phật. Chúng, dịch nghĩa của Tăng. Pāli: Isisaṅgha.*

là đệ tử của Như Lai, vâng lời dạy của Thánh Tôn. Nay con đã mạng chung, sinh lên trời Tam thập tam.

Thế Tôn nói:

–Ông do ân đức gì mà nay được thân trời này?

Thiên tử bạch Phật:

–Con mong nhờ oai lực của Phật mà được thân trời.

Rồi Thiên tử A-na-bân-để rải hoa trời lên trên thân Như Lai và cũng rải lên trên thân của A-nan và Xá-lợi-phất. Sau đó, đi nhiễu khắp Kỳ hoàn bảy vòng và biến mất.

Bấy giờ Thế Tôn nói với A-nan:

–Đêm qua có Thiên tử đến chỗ Ta, nói bài kệ sau đây:

Đây là cõi Kỳ hoàn
Chúng Tiên nhân đang ở
Nơi Pháp vương ngự trị
Khiến phát tâm hoan hỷ.

Rồi Thiên tử ấy đi nhiễu khắp Kỳ hoàn bảy vòng và lui mất. A-nan, ông có biết Thiên tử ấy không?

A-nan đáp:

–Tất nhiên là trưởng giả A-na-bân-để.

Phật nói:

–A-nan, đúng như lời ông nói. Lành thay, ông bằng trí vị tri[29] mà biết được Thiên tử ấy. Vì sao? Vị đó là Thiên tử A-na-bân-để.

A-nan bạch Phật:

–A-na-bân-để nay sinh lên trời, tên là gì?

Phật đáp:

–Vẫn tên là A-na-bân-để. Vì sao? Vị Thiên tử này ngay ngày mới sinh chư Thiên ở đó ai cũng nói: "Thiên tử này khi còn ở loài người là đệ tử của Như Lai, luôn luôn với đẳng tâm mà bố thí rộng khắp, giúp đỡ hết thảy những người nghèo khổ. Do công đức này, ở trên trời Tam thập tam vẫn gọi tên cũ là A-na-bân-để.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo mà có công đức lớn, thành tựu trí tuệ, đó là A-nan. Nay đang ở địa vị hữu học mà trí tuệ không ai sánh bằng. Vì sao? Điều mà A-la-hán cần phải biết, thì A-nan cũng biết. Điều cần học nơi chư Phật quá

---

[29] *Vị tri trí 未知智, chỉ trí tuệ của bậc Hữu học. Pāli: Anaññāta.*

khứ, A-nan cũng đều biết rõ. Thời quá khứ có người nghe rồi mới hiểu rõ, còn như Tỳ-kheo A-nan hiện nay mới nhìn ngắm cũng biết rõ, rằng: "Như Lai cần như vậy, Như Lai không cần như vậy." Đệ tử của chư Phật quá khứ nhập định rồi mới biết sự việc chưa xảy ra. Còn như Tỳ-kheo A-nan của Ta ngày nay nhìn đến là tỏ rõ.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Trong hàng Thanh văn của Ta, hiểu biết rộng rãi, có tinh tấn dũng mãnh, niệm không thác loạn, đa văn đệ nhất, có khả năng chấp sự, đó là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9[30]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ trưởng A-na-bân-để có người con dâu tên là Thiện Sinh,[31] dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, là con gái của vị đại thần của vua Ba-tư-nặc,[32] ỷ vào dòng họ, cậy thế hào tộc, không cung kính cha mẹ chồng và chồng, cũng không thờ Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo, không kính phụng Tam tôn.

Bấy giờ trưởng giả A-nan-bân-để đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Ông trưởng giả bạch Thế Tôn rằng:

–Gần đây con cưới vợ cho con trai. Nàng ấy là con gái của vị đại thần của vua Ba-tư-nặc, tự thị dòng tộc trọng vọng, không thừa sự Tam tôn, không biết trưởng lão, tôn ti. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp để nàng sinh hoan hỷ, tâm ý khai tỏ.

Như Lai khi ấy im lặng hứa khả điều mà trưởng giả nói. Ông trưởng giả lại bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh của con, cùng với Tăng Tỳ-kheo.

Khi ông trưởng giả thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật, nhiễu ba vòng, rồi lui về.

Về đến nhà, ông cho sửa soạn các thứ ẩm thực, trải dọn chỗ ngồi tốt

---

[30] Tham chiếu Pāli, A.VII 59 Sattabhariyā (R. iv. 91).

[31] Thiện Sinh 善生, Pāli: Sujātā.

[32] Theo tài liệu Pāli, cô là em gái út của bà Visakhā, con của Trưởng giả Dhanañjayaseṭṭhi.

đẹp. Khi đến giờ, ông bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con. Cơm đã dọn đủ.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi nhà ông trưởng giả, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Ông trưởng giả lấy một cái ghế nhỏ, ngồi trước Như Lai. Rồi Thế Tôn nói với cô Thiện Sinh:

–Này con gái ông trưởng giả, nên biết, chồng đối với vợ có bốn việc[33]. Những gì là bốn?

1. Có người vợ như là mẹ.

2. Có người vợ như là bạn thân.

3. Có người vợ như là giặc.

4. Có người vợ như là nô tỳ.

Cô nên biết, vợ như mẹ, ấy là tùy thời chăm sóc chồng không để thiếu thốn, thờ kính, phục vụ. Người ấy được chư Thiên hộ vệ; người và loài phi nhân không thể rình cơ hội. Này con gái ông trưởng giả, đó gọi là vợ như mẹ.

Người vợ kia như thế nào gọi là bạn thân? Ở đây, này con gái ông trưởng giả, sau khi thấy chồng rồi, tâm không tăng giảm, cùng chung vui hay khổ. Đó gọi là vợ như bạn thân.

Thế nào gọi vợ như giặc? Ở đây, này cô, khi thấy chồng, lòng ôm sân nhuế, ganh ghét chồng, không phục vụ, không thờ kinh, không cung kính, thấy là muốn hại, mà tâm để nơi người khác. Chồng không thân vợ, vợ cũng không thân chồng. Người ấy không được mọi người yêu kính; không được chư Thiên hộ vệ, sẽ bị ác quỷ xâm hại; thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Người như vậy gọi là vợ như giặc.

Thế nào là vợ như nô tỳ? Ở đây, người vợ hiền lương, thấy chồng thì tùy thời chăm sóc, nhẫn nhịn lời nói, không bao giờ cãi lại; nhẫn chịu khổ lạnh, hằng có tâm từ ái. Đối với Tam tôn thì sinh niệm tưởng này: "Kia còn thì tôi còn. Kia suy thì tôi suy." Do sự việc ấy, người ấy được chư Thiên hộ vệ; người và loài phi nhân đều yêu mến; thân hoại mạng chung sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

Đó là, này con gái ông trưởng giả, có bốn loại vợ này. Nay cô thuộc vào loại nào?

Cô gái ấy sau khi nghe Thế Tôn nói, liền đến trước Phật, lạy dưới chân rồi bạch Thế Tôn rằng:

---

[33] *Pāli: Có bảy loại vợ.*

–Cúi lạy Thế Tôn, con nay xin sửa đổi việc đã qua, tu tập việc sẽ đến. Không còn dám như trước nữa. Từ nay về sau, con sẽ thường hành lễ pháp như là nô tỳ vậy.

Rồi nàng Thiện Sinh trở lại chỗ chồng, cúi đầu lạy dưới chân:

–Nay xin nguyện chăm sóc người như là nô tỳ.

Sau đó, nàng Thiện Sinh lại đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói về giới, về thí, về sinh Thiên, dục là bất tịnh tưởng, dâm là đại ô uế. Khi Thế Tôn biết tâm ý cô đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; bấy giờ Thế Tôn cũng nói hết cho cô nghe. Tức thì ngay trên chỗ ngồi, cô được Pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm vải mới dễ nhuộm màu. Đây cũng như vậy, cô phân biệt các pháp, khéo hiểu ý nghĩa thâm diệu, tự quy y Tam tôn, thọ năm giới.

Bấy giờ cô gái Thiên Sinh nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 10

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, rời chỗ ngồi, bạch Thế Tôn rằng:

–Thế Tôn thường khen ngợi địa vị cao, hào tộc tôn quý mà không nói đến hạng thấp hèn. Còn con, bạch Thế Tôn, không khen ngợi hào tộc tôn quý, cũng không nói đến hạng thấp hèn. Con giữ bậc trung mà nói, khiến người được xuất gia học đạo.

Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Ông tự nói là không khen ngợi hào tộc tôn quý, không nói hạng thấp hèn, giữ bậc trung mà nói, để khiến người được xuất gia học đạo. Nhưng Ta nay không nói thượng, trung, hạ dẫn đến thọ sinh[34]. Vì sao? Phàm sinh là rất khổ, không đáng để ước nguyện. Như đống phân kia, một ít mà còn rất hôi thối, huống chi là chứa nhiều. Nay sự thọ sinh cũng vậy. Một đời hay hai đời còn là khổ nạn, huống nữa lưu chuyển vô cùng mà lại có thể cam chịu. Do hữu mà có sinh. Do sinh mà có già. Do già mà có bệnh, có

[34] *Hán: Thọ sinh phần 受生分.*

chết, sầu ưu khổ não, có gì vui mà tham đắm? Như thế thành thân năm thạnh ấm.

Ta nay sau khi quán sát nghĩa này, nên nói một đời, hai đời, còn là khổ nạn, huống nữa lưu chuyển vô cùng mà lại có thể cam chịu.

Này Xá-lợi-phất, nếu có ý muốn thọ sinh, nên phát nguyện sinh vào nhà hào quý chứ không sinh thấp hèn. Vì sao? Xá-lợi-phất, chúng sinh đêm dài bị tâm trói buộc chứ không phải bị hào quý trói buộc. Nhưng này, Xá-lợi-phất, Ta vốn ở nhà hào quý, là dòng Sát-lợi, xuất từ Chuyển luân thánh vương. Giả sử không xuất gia học đạo, Ta làm Chuyển luân thánh vương. Nay xả ngôi vị Chuyển luân thánh vương mà xuất gia học đạo, thành đạo Vô thượng. Phàm sinh vào nhà thấp hèn, không được xuất gia học đạo, ngược lại phải rơi vào nẻo dữ. Cho nên, Xá-lợi-phất, hãy tìm cầu phương tiện hàng phục tâm. Như vậy, Xá-lợi-phất, hãy học điều này.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 50

Phẩm 52: ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT-NIẾT-BÀN (1)

KINH SỐ 1

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại Tỳ-xá-ly, trong giảng đường Phổ tập, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ Đại Ái Đạo[1] đang trú tại thành Tỳ-xá-ly, trong chùa Cao đài[2] cùng với chúng đại Tỳ-kheo-ni năm trăm vị, thảy đều A-la-hán, đã dứt sạch các lậu.

Bấy giờ Đại Ái Đạo nghe các Tỳ-kheo-ni nói:

–Như Lai không bao lâu nữa, không quá ba tháng, sẽ diệt độ, giữa đôi cây Sa-la, tại Câu-di-na-kiệt.

Bà liền suy nghĩ: "Ta không kham thấy Như Lai diệt độ. Vậy nay Ta nên diệt độ trước." Rồi Đại Ái Đạo đi đến Thế Tôn[3], cúi đầu lạy dưới chân và ngồi xuống một bên. Khi ấy bà bạch Phật:

–Tôi nghe Thế Tôn không bao lâu nữa, không quá ba tháng, sẽ nhập Niết-bàn giữa đôi cây Sa-la, tại Câu-di-na-kiệt. Tôi nay không kham thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ. Cúi mong Thế Tôn cho phép tôi diệt độ.

Lúc bấy giờ Thế Tôn im lặng Đại Ái Đạo lại bạch Phật:

–Từ nay trở đi, cúi mong Thế Tôn cho Tỳ-kheo-ni thuyết giới.

Phật nói:

–Nay Ta cho phép Tỳ-kheo-ni thuyết cấm giới cho Tỳ-kheo-ni, đúng

---

1. *Đại Ái Đạo 大愛道, di mẫu của Phật. Nguyên Skt. Mahāprajāpatī (Pāli: Mahāpajāpatī), phiên âm là Ma-ha Ba-xà-ba-đà 摩訶波闍波提, dịch là Đại Sinh Chủ 大生主. Một số Hán dịch là Đại Ái Đạo, có lẽ Skt. đọc là Mahāpriyapada(?).*
2. *Cao đài tự 高臺寺. Pāli: Kūṭagārasālā (Kūṭagāra-vihāra?), tại đây, bà cùng năm trăm Thích nữ lần đầu tiên trở thành Tỳ-kheo-ni. Nhưng không thấy nói có chùa ni ở đâu đây.*
3. *Tài liệu Pāli nói, khi dừng chân tại miếu Cāpāla, Phật báo hiệu sẽ nhập Niết-bàn. Miếu Cāpāla ở gần Vesāli, nhưng không rõ bao xa. Lúc này, bà đã một trăm hai mươi tuổi.*

như cấm giới mà Ta đã ban hành, chớ để sai phạm.

Đại Ái Đạo đến trước lạy dưới chân Phật, rồi đứng trước Phật. Bà bạch Phật:

–Nay tôi không còn thấy nhan sắc của Như Lai, cũng không thấy chư Phật tương lai, không còn chịu bào thai nữa, vĩnh viễn ở trong vô vi. Hôm nay từ biệt Thánh nhân, không bao giờ còn gặp lại nữa.

Rồi Đại Ái Đại nhiễu quanh Phật ba vòng và lui đi. Trở về trong Ni chúng, bà nói với các Tỳ-kheo-ni:

–Nay ta muốn nhập Niết-bàn giới vô vi. Sở dĩ như vậy vì Như Lai không bao lâu nữa sẽ diệt độ. Các vị hãy tùy thời thích hợp làm những điều cần làm.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Sắc, Tỳ-kheo-ni Cơ-lợi-thí, Tỳ-kheo-ni Xá-cừu-lê, Tỳ-kheo-ni Xa-ma, Tỳ-kheo-ni Bát-đà-luyện-chá, Tỳ-kheo-ni Bà-la-chá-la, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, Tỳ-kheo-ni Xà-da[4], cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni, đi đến chỗ Thế Tôn, đứng sang một bên.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Thượng thủ của năm trăm Tỳ-kheo-ni, bạch Phật rằng:

–Chúng con nghe Như Lai không bao lâu nữa sẽ diệt độ. Chúng con không nỡ thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ trước. Cúi mong Thế Tôn cho phép chúng con diệt độ trước. Chúng con nay vào Niết-bàn chính là đúng lúc.

Khi ấy Thế Tôn im lặng hứa khả. Tỳ-kheo-ni Sai-ma cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni thấy Thế Tôn đã im lặng hứa khả, liền đến trước lạy dưới chân Phật, đi nhiễu ba vòng, rồi lui đi, trở về thất của mình.

Lúc bấy giờ Đại Ái Đạo đóng cửa giảng đường, gióng kiền chùy, trải tọa cụ trên đất trống. Sau đó, Bà bay lên hư không, ngồi, nằm, hoặc kinh hành, hoặc phát ra ngọn lửa, dưới thân bốc khói, trên thân bốc lửa, hoặc dưới thân bốc lửa, trên thân bốc khói, hoặc toàn thân bốc lửa, hoặc toàn thân bốc khói; hoặc hông trái phun nước, hông phải phun lửa; hoặc hông trái phun lửa, hông phải phun nước; hoặc phía trước phun lửa, phía sau phun nước; hoặc phía trước phun nước, phía sau phun lửa; hoặc toàn thân phun lửa, hoặc toàn thân phun nước.

---

[4] *Các Tỳ-kheo-ni danh tiếng, Sai-ma 差摩, Ưu-bát Sắc 優鉢色, Cơ-lợi-thí 基利施, Xá-cừu-lê 舍仇梨, Xa-ma 奢摩, Bát-đà-luyện-chá 鉢陀闌柘, Bà-la-chá-la 婆羅柘羅, Ca-chiên-diên 迦旃延, Xà-da 闍耶, xem phẩm 5. Nhưng phiên dịch không thống nhất.*

Sau khi thực hiện các biến hóa như vậy, Đại Ái Đạo trở về chỗ ngồi, kiết già mà ngồi, thân ngay, ý chánh, buộc niệm trước mắt, nhập Sơ thiền; xuất Sơ thiền nhập Nhị thiền; xuất Nhị thiền nhập Tam thiền; xuất Tam thiền nhập Tứ thiền, xuất Tứ thiền nhập Không xứ; xuất Không xứ nhập Thức xứ; từ Thức xứ nhập Bất dụng xứ; từ Bất dụng xứ nhập Hữu tưởng vô tưởng xứ; xuất Hữu tưởng vô tưởng xứ nhập Tưởng tri diệt; xuất Tưởng tri diệt trở lại nhập Hữu tưởng vô tưởng xứ; xuất Hữu tưởng vô tưởng xứ trở lại nhập Bất dụng xứ; xuất Bất dụng xứ trở lại nhập Thức xứ; xuất Thức xứ trở lại nhập Không xứ; xuất Không xứ trở lại nhập Tứ thiền; xuất Tứ thiền trở lại nhập Tam thiền; xuất Tam thiền trở lại nhập Nhị thiền; xuất Nhị thiền trở lại nhập Sơ thiền; xuất Sơ thiền nhập Nhị thiền; xuất Nhị thiền nhập Tam thiền; xuất Tam thiền nhập Tứ thiền. Sau khi nhập Tứ thiền, liền diệt độ.

Khi ấy trời đất rung động lớn; phía Đông vọt lên, phía Tây chìm xuống; phía Tây vọt lên, phía Đông chìm xuống; bốn bên đều vọt lên, ở giữa chìm xuống; lại bốn mặt có gió mát nổi lên. Chư Thiên trong hư không tấu nhạc. Chư Thiên Dục giới buồn khóc, nước mắt rơi xuống như mùa Xuân trời tuôn nước mưa ngọt. Các vị trời thần diệu nghiền nát hoa ưu-bát làm bột thơm; lại nghiền nát chiên-đàn, rải lên phía trên. Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Sắc, Tỳ-kheo-ni Cơ-lợi-thí Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Xá-cù-li, Tỳ-kheo-ni Xa-ma, Tỳ-kheo-ni Bát-đà-lan-giá-la, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, Tỳ-kheo-ni Xà-da;[5] các Tỳ-kheo-ni này là Thượng thủ của năm trăm Tỳ-kheo-ni; mỗi vị trải tọa cụ trên đất trống, sau đó, bay lên hư không, ngồi, nằm, hoặc kinh hành, thực hiện mười tám biến hóa, cho đến nhập Tưởng tri diệt, rồi diệt độ.[6]

Lúc bấy giờ trong thành Tỳ-da-ly có vị đại tướng tên là Da-thâu-đề, dẫn năm trăm đồng tử tụ tập tại giảng đường Phổ hội, cùng bàn luận một số vấn đề. Du-thâu-đề và năm trăm đồng tử từ xa thấy mười tám biến hóa của năm trăm Tỳ-kheo-ni. Thấy như vậy, họ rất hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được, thảy đều chắp tay hướng về phía đó. Lúc đó, Thế Tôn nói với A-nan:

–Ông hãy đến chỗ tướng quân Da-thâu-đề, bảo rằng: Hãy nhanh chóng sửa soạn năm trăm khăn trải giường, năm trăm khăn trải ngồi, năm trăm hủ bơ, năm trăm hủ dầu mè, năm trăm cỗ xe tang, năm trăm bó hương, năm trăm xe củi.

---

5. Danh sách đã nêu trên, nhưng đây lại có vài phiên âm khác, không thống nhất.

6. Bản Hán kể vắn tắt nên có vẻ thiếu. A-la-hán không nhập Niết-bàn trong Diệt tận định.

A-nan bước lên trước hỏi:

–Không rõ Thế Tôn muốn làm gì?

Phật nói:

–Đại Ái Đạo đã diệt độ. Năm trăm Tỳ-kheo-ni cũng nhập Niết-bàn. Chúng ta sẽ cúng dường xá-lợi.

A-nan nghe nói thế, buồn thương giao cảm không cầm được:

–Đại Ái Đạo sao diệt độ vội thế?

Rồi A-nan lấy tay gạt lệ, đi đến chỗ đại tướng Da-thâu-đề. Da-thâu-đề thấy A-nan từ xa đi lại, liền đứng dậy đón tiếp, cùng nói lời chào đón:

–Hoan nghênh, A-nan! Có điều gì dạy bảo mà đến bất thường như vậy?

A-nan đáp:

–Tôi là sứ giả của Phật, có điều yêu cầu.

Đại tướng liền hỏi:

–Ngài có điều gì dạy bảo?

A-nan nói:

–Thế Tôn sai nói với đại tướng: Hãy nhanh chóng sửa soạn năm trăm khăn trải giường, năm trăm khăn trải ngồi, năm trăm hủ bơ, năm trăm hủ dầu mè, năm trăm cỗ xe tang, năm trăm bó hương, năm trăm xe củi. Đại Ái Đạo cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đều đã diệt độ. Chúng ta sẽ cúng dường xá-lợi.

Khi ấy đại tướng buồn khóc thương cảm, nói rằng:

–Đại Ái Đạo cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni sao diệt độ sớm vậy thay! Ai sẽ răn dạy chúng tôi, khuyến khích chúng tôi bố thí vật thực?[7]

Đại tướng Da-thâu-đề liền sửa soạn năm trăm khăn trải giường, năm trăm khăn trải ngồi, năm trăm hủ bơ, năm trăm hủ dầu mè, năm trăm cỗ xe tang, năm trăm bó hương, năm trăm xe củi và các dụng cụ để da-duy[8]. Xong rồi, ông đến Thế Tôn, cúi lạy dưới chân và đứng sang một bên. Đại tướng Da-thâu-đề bạch Thế Tôn:

–Theo như Như Lai dạy, hôm nay chúng con đã sửa soạn đủ các dụng cụ để cúng dường.

Phật nói:

---

7. *Nguyên bản: Phân-đàn bố thí.*

8. *Da-duy 耶維, trên kia, kinh số 3 phẩm 51 âm là Xà-tuần, đều là phiên âm khác của trà-tỳ, tức hỏa thiêu.*

–Các ông mỗi người mang di thể của Đại Ái Đạo và của năm trăm Tỳ-kheo-ni ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đi đến chỗ đồng trống. Ta muốn đến đó cúng dường xá-lợi.

Đại tướng bạch Phật:

–Thưa vâng, Thế Tôn.

Khi ấy đại tướng đi đến chỗ Đại Ái Đạo, bảo một người:

–Ngươi hãy bắc thang leo tường mà vào bên trong, từ từ mở cổng chớ có gây tiếng động.

Người ấy vâng lệnh, leo vào bên trong, mở cửa. Đại tướng lại sai năm trăm người đưa các di thể đặt lên giường. Bấy giờ có hai Sa-di-ni ở đó. Một, tên là Nan-đà và hai, tên là Ưu-ban-nan-đà. Hai Sa-di-ni nói với đại tướng:

–Thôi, thôi, đại tướng! Chớ quấy nhiễu các Sư.

Đại tướng Da-thâu-đề nói:

–Không phải thầy của các cô ngủ, mà diệt độ cả rồi.

Hai Sa-di-ni nghe nói các Sư đã diệt độ, trong lòng kinh sợ, liền nghĩ thầm: "Xem thế thì pháp gì tập khởi, đều là pháp diệt tận." Tức thì ngay trên chỗ ngồi mà được ba Minh, sáu Thông. Hai Sa-di-ni liền bay lên hư không, trước hết, đến chỗ đồng hoang thực hiện mười tám biến hóa, ngồi, nằm, kinh hành, thân tuôn nước, bốc lửa, biến hóa vô lượng. Rồi ngay đó mà Bát-niết-bàn trong Niết-bàn-giới vô dư.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi đến chỗ Đại Ái Đạo, trong chùa ni. Thế Tôn bảo A-nan, nan-đà, La-vân:

–Các ông hãy khiêng di thể của Đại Ái Đạo. Ta sẽ tự thân cúng dường.

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân biết những điều suy nghĩ trong lòng Thế Tôn, tức thì khoảnh khắc chừng lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Tam thập tam thiên hiện đến Tỳ-da-ly, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Trong đây, các Tỳ-kheo lậu tận đều trông thấy Thích Đề-hoàn Nhân và chư Thiên Tam thập tam. Còn các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chưa dứt sạch các lậu đều không thấy Thích Đề-hoàn Nhân.

Khi ấy Phạm thiên từ xa biết được những điều suy nghĩ trong lòng Thế Tôn, liền dẫn chư Thiên từ trên cõi Phạm thiên biến mất, hiện đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Khi ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương biết được ý nghĩ của Thế Tôn, dẫn

các quỷ thần Dạ-xoa đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ Đề-đầu-lại-tra Thiên vương dẫn các Càn-đạp-hòa, từ phương Đông đến chỗ Như Lai, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Tỳ-lũ-lặc-xoa Thiên vương dẫn vô số Câu-bàn-trà từ phương Nam đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Tỳ-lũ-ba-xoa Thiên vương dân các thần Rồng đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi đứng sang một bên.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân, Tỳ-sa-môn Thiên vương lên trước bạch Phật rằng:

–Cúi mong Thế Tôn không phải nhọc sức. Chúng con sẽ tự thân cúng dường xá-lợi.

Phật nói với chư Thiên:

–Thôi, thôi, Thiên vương! Như Lai tự biết thời. Đây là điều Như Lai cần phải làm; không phải là điều mà trời, rồng, quỷ, thần có thể làm được. Vì sao? Cha mẹ sinh con đã cho nhiều lợi ích, ân nuôi lớn rất nặng, cho bú mớm, bồng ẵm. Cần phải báo đáp ân, không thể không báo đáp. Nhưng, này chư Thiên nên biết, cha mẹ của chư Phật Thế Tôn quá khứ đều diệt độ trước, nhiên hậu chư Phật Thế Tôn thảy đều tự thân cúng dường trà-tỳ xá-lợi. Cha mẹ của chư Phật Thế Tôn tương lai cũng diệt độ trước, nhiên hậu chư Phật thảy đều tự thân cúng dường. Do phương tiện này mà biết Như Lai cần phải tự thân cúng dường, chứ không phải việc chư Thiên, Quỷ thần có thể làm.

Bấy giờ Tỳ-sa-môn Thiên vương nói với năm trăm quỷ thần:

–Các ngươi đi vào trong rừng chiên-đàn lấy củi thơm về đây để cúng dường trà-tỳ.

Năm trăm quỷ thần vâng lệnh Thiên vương, đi vào rừng chiên-đàn lấy củi chiên-đàn, mang đến chỗ đồng hoang. Khi ấy Thế Tôn tự thân khiêng một đầu chân giường, La-vân khiêng một chân, A-nan khiêng một chân, Nan-đà khiêng một chân, bay lên hư không mà đi đến bãi tha ma. Còn bốn bộ chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, khiêng di thể năm trăm Tỳ-kheo-ni đi đến bãi tha ma.

Bấy giờ Thế Tôn nói với đại tướng Da-thâu-đề:

–Ông hãy sửa soạn thêm hai bộ khăn trải dường, hai bộ khăn trải ngồi, hai xe củi, cúng hương hoa, để cúng dường di thể hai Sa-di-ni.

Đại tướng Da-thâu-đề bạch Phật:

–Kính vâng, Thế Tôn.

Ngay sau đó ông sắm sửa các dụng cụ để cúng dường.

Bấy giờ Thế Tôn lấy gỗ chiên-đàn chuyển cho từng vị chư Thiên. Thế Tôn lại bảo đại tướng:

–Ông cho mỗi người đưa năm trăm di thể, phân biệt từng vị mà cúng dường, hai vị Sa-di-ni cũng vậy.

Đại tướng vâng lời Phật dạy, phân biệt từng vị mà cúng dường, sau đó thì hỏa thiêu.

Bấy giờ Thế Tôn lấy gỗ chiên-đàn chất lên di thể Đại Ái Đạo. Rồi Thế Tôn nói bài kệ này:

Hết thảy hành vô thường
Có sinh thì có diệt
Không sinh thì không chết
Diệt ấy là tối lạc.

Khi ấy, chư Thiên và nhân dân đều vân tập vào bãi tha ma. Người trời đại chúng có đến mười ức cai-na-thuật.

Sau khi hỏa thiêu, đại tướng đưa xá-lợi đi dựng tháp. Phật nói với đại tướng:

–Giờ ông hãy đưa năm trăm xá-lợi đi dựng tháp, để trong lâu dài thọ phước vô lượng. Vì sao? Thế gian có bốn người được dựng tháp thờ. Những gì là bốn? Những ai dựng tháp thờ Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác; thờ Chuyển luân thánh vương, Thanh văn và Bích-chi-phật, được phước vô lượng.

Bấy giờ Thế Tôn nói pháp vi diệu cho chư Thiên và nhân dân, khiến phát tâm hoan hỷ. Khi ấy trời và người, có đến một ức, dứt sạch trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ chư Thiên, Nhân dân, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, bốn bộ chúng, nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có Tỳ-kheo-ni tên là Bà-đà[9], dẫn năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ kia du hóa. Trong khi ở tại chỗ nhàn tĩnh, Tỳ-kheo-ni tự tư duy, ngồi kiết già, buộc niệm trước mắt, nhớ lại sự việc vô số đời trước, liền cười một mình. Có một Tỳ-kheo-ni từ xa trông thấy Tỳ-kheo-ni Bà-đà cười, liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo-ni, nói:

–Hôm nay Tỳ-kheo-ni Bà-đà ngồi cười một mình dưới gốc cây. Không biết có duyên cớ gì.

Năm trăm Tỳ-kheo-ni liền cũng nhau đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni Bà-đà, cúi đầu lạy dưới chân, rồi hỏi Tỳ-kheo-ni Bà-đà:

–Có nhân duyên gì mà ngồi cười một mình dưới gốc cây?

Tỳ-kheo-ni Bà-đà nói với các Tỳ-kheo-ni:

–Vừa rồi ngồi dưới gốc cây, tôi nhớ lại sự việc vô số đời trước. Lại thấy ngày xưa đã trải qua bao nhiêu thân hình, chết đây sinh kia; thảy đều thấy hết.

Năm trăm Tỳ-kheo-ni lại bạch:

–Cúi mong kể lại nhân duyên ngày xưa.

Tỳ-kheo-ni Bà-đà nói với các Tỳ-kheo:

–Chín mươi mốt kiếp quá khứ xa xưa có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà-thi, Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu. Thế giới khi ấy tên là Bàn-đầu-ma. Nhân dân đông đúc không thể kể xiết. Bấy giờ Như Lai du hóa tại quốc giới đó, thuyết pháp đại chúng gồm cho mười sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo vây quanh trước. Danh hiệu Phật được truyền rộng khắp nơi. Phật Tỳ-bà-thi có đầy đủ các tướng, là ruộng phước tốt cho hết thảy mọi người. Trong quốc giới ấy bấy giờ có một đồng tử tên là Phạm Thiên, dung mạo xinh đẹp ít có trên đời.

Bấy giờ, đồng tử kia, tay cầm lọng báu, đi vào trong ngỏ. Trong lúc đó, có vợ cư sĩ, cũng xinh đẹp, cũng đi trên đường đó. Mọi người đều ngắm nhìn. Đồng tử khi ấy nghĩ thầm: "Ta đây cũng xinh đẹp, tay cầm lọng báu, nhưng mọi người không nhìn ngắm thân ta. Những người này đều nhìn ngắm bà kia. Ta cần phải làm cách nào đó để mọi người nhìn ngắm ta."

Rồi thì đồng tử ấy ra khỏi thành, đi đến chỗ Phật Tỳ-bà-thi, tay cầm lọng báu, cúng dường bảy ngày bảy đêm và cũng phát thệ nguyện rằng: "Nếu như Phật Tỳ-bà-thi có thần túc như vậy, có thần lực như vậy, là ruộng phước trên hết của người, trời, thì mong nhờ công đức này khiến

---

9. *Tức Bạt-đà Ca-tỳ-ly, xem kinh số 2 phẩm 5.*

cho con đời tương lai sinh làm thân nữ, mọi người thấy không ai là không hoan hỷ phấn khởi.” Đồng tử ấy sau bảy ngày bảy đêm cúng dường Phật, tùy theo thọ mạng vắn dài, về sau sinh lên trời Tam thập tam, ở đó làm thân nữ, cực kỳ xinh đẹp, đệ nhất trong các ngọc nữ. Cô có năm công đức vượt hơn các Thiên nữ khác. Những gì là năm? Đó là, tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, lạc thú trời, oai phước trời, tự tại cõi trời. Các trời Tam thập tam thấy cô, ai cũng nói: “Thiên nữ này xinh đẹp kỳ lạ không ai sánh bằng.” Trong đó, có Thiên tử nói: “Ta phải được Thiên nữ này làm Thiên hậu.” Các Thiên tử bèn giành nhau. Khi ấy Đại Thiên vương nói: “Các ngươi chớ có tranh cãi nhau. Trong các ông, ai thuyết pháp hay nhất, ta sẽ cho lấy Thiên nữ này làm vợ.” Bấy giờ có một Thiên tử nói bài kệ:

Hoặc đứng, hoặc lại ngồi
Thức ngủ, đều chẳng vui
Chỉ khi nào ngủ say
Ta mới không tưởng dục.

Lại có Thiên tử khác nói kệ này:

Ông nay vẫn còn vui
Ngủ say không niệm tưởng
Tôi đây dục niệm khởi
Y như đánh trống trận.

Lại có Thiên tử khác nói kệ:

Giả sử đánh trống trận
Còn có khi ngưng nghỉ
Dục nơi tôi ruổi nhanh
Như nước chảy không ngừng.

Lại Thiên tử khác nói kệ:

Như nước cuốn cây lớn
Còn có lúc ngừng nghỉ.
Tôi hằng tư tưởng dục
Như giết voi không nháy.[10]

Bấy giờ có vị Thiên tử tối tôn trong chư Thiên nói bài kệ này cho các người trời:

Các ông còn rỗi rảnh
Mỗi người nói kệ ấy
Tôi nay còn chưa biết

---

[10] *Hán: Như sát tượng bất huyến 殺象不眴. Bản khác chép là “giết chim”.*

Mình còn hay là mất.

Chư Thiên nói với vị Thiên tử này: "Lành thay, Thiên tử! Bài kệ ông nói cực kỳ tinh diệu. Nay chúng tôi phụng cống Thiên nữ này cho Thiên vương." Thiên nữ ấy tức thì được đưa vào cung của Thiên vương.

Các Sư muội, các cô chớ có do dự. Vì sao? Đồng tử cúng dường Phật bằng cây lọng thượng hạng khi xưa há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Chính là thân của tôi đó.

Quá khứ ba mươi mốt kiếp, có Phật hiệu Thức-cật Như Lai xuất hiện ở đời, du hóa trong thế giới Dã mã, cùng với chúng đại Tỳ-kheo mười sáu vạn. Bấy giờ Thiên nữ kia sau khi mạng chung sinh vào loài người, thọ thân nữ, cực kỳ xinh đẹp hiếm có trên đời. Khi Đức Thức-cật Như Lai, đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành Dã mã khất thực. Thiên nữ kia sinh làm người, làm vợ ông trưởng giả. Cô dâng ẩm thực lên Đức Thức-cật Như Lai, đồng thời phát thệ nguyện: "Mong nhờ nghiệp công đức này, con sinh vào chỗ nào cũng không rơi vào ba nẻo dữ; được dung mạo xinh đẹp khác hẳn mọi người." Người nữ này về sau mạng chung sinh lên Tam thập tam. Tại đó, lại làm thân nữ, cực kỳ xinh đẹp, có năm sự công đức vượt hẳn chư Thiên kia.

Thiên nữ bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy Vì sao? Người nữ ấy chính là thân của tôi vậy.

Rồi ngay trong kiếp có Phật Tỳ-xá-la-bà Như Lai xuất hiện ở đời. Khi Thiên nữ tùy theo thọ mạng dài vắn mà mạng chung, sinh vào loài người, thọ thân người nữ, dung mạo xinh đẹp hiếm có trên đời. Cô lại làm vợ ông trưởng giả. Bấy giờ vợ ông trưởng giả dâng y phục thượng hảo lên Như Lai, phát thệ nguyện rằng: "Nguyện con đời tương lai được làm thân nữ." Cô này sau khi mạng chung sinh lên Tam thập tam, dung mạo xinh đẹp hơn hẳn các Thiên nữ khác. Người nữ khi ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Người nữ lúc đó chính là thân của tôi vậy.

Cô gái ấy, tùy theo tuổi thọ vắn dài, về sau mạng chung đến sinh trong loài người, tại đại thành Ba-la-nại, làm nô tỳ cho trưởng giả Nguyệt Quang, dung mạo xấu xí chẳng ai muốn nhìn. Từ khi Phật Tỳ-xá-la-bà đi mất, đời không còn có Phật nữa. Lúc ấy có Bích-chi-phật[11] du hóa. Khi ấy vợ ông trưởng giả Nguyệt Quang bảo cô nữ tỳ: "Ngươi hãy đi ra ngoài, tìm xem có vị Sa-môn nào dung mạo xinh đẹp hợp ý ta,

[11] *Để bản chép là các Phật 各佛. TNM: Bích-chi-phật. Nhưng theo tài liệu Pāli, thời bấy giờ có Phật Kassapa xuất hiện.*

hãy thỉnh về nhà. Ta muốn cúng dường."

Cô nữ tỳ bèn đi ra ngoài tìm kiếm Sa-môn, gặp Bích-chi-phật đang khất thực trong thành. Nhưng dung mạo của ngài thô kệch, xấu xí. Nữ tỳ liền đến nói với Bích-chi-phật: "Bà chủ con muốn gặp. Xin rước ngài đến nhà."

Rồi cô vào thưa với bà chủ: "Sa-môn đã đến. Mời bà ra gặp."

Khi vợ ông trưởng giả trông thấy vị Sa-môn, trong lòng không vui, bảo nữ tỳ: "Bảo ông ấy về đi. Ta không muốn bố thí. Vì sao? Dung mạo ông ấy xấu xí quá."

Nữ tỳ liền thưa với bà chủ: "Nếu phu nhân không huệ thí cho Sa-môn, phần ăn hôm nay của con sẽ huệ thí hết cho Sa-môn."

Bà chủ phát cho phần ăn là một đấu cơm khô vụn. Nữ tỳ tiếp lấy, đưa cho Sa-môn. Bích-chi-phật nhận thức ăn rồi, bay lên hư không, hiện mười tám phép biến hóa. Khi ấy nữ tỳ của ông trưởng giả phát thệ nguyện rằng: "Mong nhờ công đức này, tôi sinh vào chỗ nào cũng không rơi vào ba nẻo dữ; đời tương lai tôi được làm thân nữ cực kỳ xinh đẹp. Bấy giờ vị Bích-chi-phật bưng bát cơm bay quanh thành ba vòng."

Trưởng giả Nguyệt Quang lúc đó đang họp với năm trăm thương nhân trong giảng đường Phổ hội. Người trong thành lúc bấy giờ trai gái lớn bé, thảy đều trông thấy vị Bích-chi-phật bưng bát cơm bay trong hư không. Thấy vậy, họ bảo nhau: "Công đức của ai mà được như vậy? Ai gặp đức Bích-chi-phật mà huệ thí bát cơm ấy vậy?"

Khi ấy cô nữ tỳ của ông trưởng giả nói với bà chủ: "Bà hãy ra xem thần đức của Sa-môn. Ngài đang bay trong hư không, làm mười tám phép biến hóa, thần đức không lường được."

Vợ trưởng giả bèn nói với nữ tỳ: "Cơm huệ thí cho Sa-môn bữa nay, có bao nhiêu công đức, ngươi hãy cho ta. Ta sẽ trả lại cho ngươi hai ngày ăn."

Nữ tỳ đáp: "Tôi không kham đem phước mà cho lại bà."

Bà chủ nói: "Ta trả cho ngươi bốn ngày ăn, cho đến mười ngày ăn."

Nữ tỳ đáp: "Tôi không kham đem phước cho lại bà."

Bà chủ nói: "Nay ta cho ngươi một trăm đồng tiền vàng."

Nữ tỳ đáp: "Tôi cũng không cần."

Bà chủ lại nói: "Ta cho ngươi hai trăm, cho đến một ngàn đồng tiền vàng."

Nữ tỳ vẫn nói: "Tôi cũng không cần."

Bà chủ nói: "Ta miễn cho thân ngươi khỏi làm nô tỳ."

Nữ tỳ đáp: "Tôi không cần làm người thường."

Bà chủ nói: "Ta cho ngươi làm bà chủ, còn ta làm nô tỳ."

Nữ tỳ đáp: "Tôi không cầu làm bà chủ."

Bà chủ nói: "Giờ ta sẽ đánh đập ngươi; xẻo mũi, tai, chặt tay chân, cắt đầu ngươi."

Nữ tỳ đáp: "Những việc đau đớn đó, tôi chịu được hết. Nhưng không bao giờ đem phước tặng lại cho bà. Thân tôi thuộc bà chủ. Nhưng tâm thiện khác nhau."

Vợ ông trưởng giả tức thì đánh cô nữ tỳ. Trong lúc đó, năm trăm thương nhân bàn với nhau rằng: "Thần nhân này hôm nay đến đây khất thực, chắc nhà ta có cho gì."

Trưởng giả Nguyệt Quang sai người trở về nhà xem. Người này thấy bà chủ đang bắt cô nữ tỳ mà đánh đập, bèn hỏi: "Vì nhân lý do gì mà bà đánh roi vọt cô này?"

Nữ tỳ thuật lại hết nguyên do. Trưởng giả Nguyệt Quang khi ấy mừng rỡ không cản được, liền bắt bà chủ làm nô tỳ và thay cô nữ tỳ vào chỗ bà chủ. Thời bấy giờ vua Phạm-ma-đạt đang trị vì trong thành Ba-la-nại. Vua nghe nói trưởng giả Nguyệt Quang cúng cơm cho vị Bích-chi-phật, trong lòng rất vui mừng, vì ông này đã gặp bậc Chân nhân, hợp thời mà huệ thí. Phạm-ma-đạt liền sai sứ triệu trưởng giả Nguyệt Quang đến bảo rằng: "Có thật ông đã bố thí cơm cho vị Chân nhân Thần tiên không?"

Trưởng giả tâu: "Thật tôi đã có gặp vị Chân nhân mà huệ thí cơm."

Phạm-ma-đạt tức thì ban tặng cho, lại cất nhắc chức vị. Cô nữ tỳ của ông trưởng giả ấy, tùy theo tuổi thọ vắn dài, sau khi mạng chung sinh lên trời Tam thập tam, nhan sắc tuyệt đẹp ít có trên đời và có năm sự công đức hơn hẳn các chư Thiên khác.

Này các Sư muội, các cô chớ nghĩ cô nữ tỳ của ông trưởng giả khi ấy là ai khác, mà đó chính là thân của tôi vậy.

Trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai. Vị Thiên nữ kia, tùy tuổi thọ vắn dài, sau khi mạng chung, sinh vào loài người, làm con gái của Phạm chí Da-nhã-đạt. Cô gái ấy lại cúng dường cơm cho Như Lai và phát thệ nguyện cầu sinh làm thân nữ. Về sau, khi mạng chung, cô sinh lên trời Tam thập tam, dung mạo xinh đẹp hơn các chư Thiên. Rồi từ đó mạng chung, sinh vào loài người. Bấy giờ Phật Câu-na-hàm-mâu-ni xuất hiện ở đời. Thiên nữ kia sinh làm con gái của một ông trưởng giả. Cô

lại cúng dường hoa bằng vàng cho Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, đem công đức ấy nguyện sinh vào chỗ nào cũng không rơi xuống ba nẻo dữ, trong đời sau được làm thân nữ. Cô gái ấy tùy theo thọ mạng vắn dài, sau khi mạng chung sinh lên trời Tam thập tam xinh đẹp vượt trên các Thiên nữ, có năm sự công đức không vị nào sánh bằng. Người con gái của ông trưởng giả cúng dường Phật Câu-na-hàm-mâu-ni ấy há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Người con gái của ông trưởng giả bấy giờ chính là thân của tôi vậy.

Vị Thiên nữ ấy lại tùy theo tuổi thọ vắn dài, sau khi mạng chung sinh vào loài người, lại làm vợ ông trưởng giả, nhan sắc xinh đẹp lạ lùng hiếm có trên đời. Lúc bấy giờ Đức Ca-diếp Như Lai xuất hiện ở đời. Bà vợ ông trưởng giả cúng dường Phật Ca-diếp trong bảy ngày bảy đêm, phát thệ nguyện rằng: "Mong đời tương lai con sẽ được làm thân nữ." Rồi vợ ông trưởng giả tùy theo tuổi thọ vắn dài mà mạng chung, sinh lên trời Tam thập tam, có năm sự công đức hơn các Thiên nữ khác. Vợ ông trưởng giả cúng dường Phật Ca-diếp bấy giờ há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Đó chính là thân của tôi vậy.

Trong Hiền kiếp này, Phật Thích-ca văn xuất hiện ở đời. Thiên nữ kia sau khi mạng chung sinh vào nhà Bà-la-môn Kiếp-tỳ-la[12], trong thành La-duyệt, dung mạo xinh đẹp hơn hẳn các cô gái khác. Cô con gái của Bà-la-môn Kiếp-tỳ-la đẹp như pho tượng bằng vàng tử ma[13], khiến cho ai đến gần cô đều thành đen như mực. Tâm ý cô không tham ngũ dục.

Này các Sư muội, các cô chớ nghĩ cô con gái của người Bà-la-môn đó là ai khác. Con gái Bà-la-môn lúc bấy giờ chính là thân của tôi vậy.

Các cô nên biết, do duyên báo ứng của công đức xưa kia mà cô làm vợ của Tỳ-la ma-nạp[14]. Đó tức là Ma-ha Ca-diếp. Tôn giả Đại Ca-diếp tự mình xuất gia trước. Tôi sau đó mới xuất gia. Tự mình nhớ lại những thân nữ mà tôi đã trải qua xưa kia, cho nên nay tôi tự cười một mình. Tôi vì bị vô trí che lấp, cúng dường sáu vị Như Lai để cầu mong làm thân nữ. Vì nhân duyên đó, tôi cười cho những việc trải qua trước kia.

Bấy giờ số đông các Tỳ-kheo-ni nghe Tỳ-kheo-ni Bà-đà tự nhớ lại sự việc vô số đời quá khứ, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên, đem nhân duyên ấy tường thuật đầy đủ lên Thế Tôn. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

---

[12] *Kiếp-tỳ-la 劫毘羅. Pāli: Kapila. Ap.ii. 583 (kệ 57), tên cha cùa bà Baddhā kapilāni tên mẹ là Sucīmatī. Hoặc là con gái của người Bà-la-môn dòng họ Kosiyagotta.*

[13] *Pho tượng vàng của công tử Pipphali, tên tại gia của Đại Ca-diếp.*

[14] *Tỳ-la ma-nạp. Pāli: Pipphalī-maṇva (Pippali). Xem cht. trên.*

–Các ông có thấy trong hàng Thanh văn có Tỳ-kheo-ni nào tự nhớ lại sự việc trong vô số đời như cô này không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Chúng con không thấy, bạch Thế Tôn.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất tự nhớ lại sự việc vô số đời trước, là Tỳ-kheo-ni Kiếp-tỳ-la[15] vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 3[16]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, ông đứng dậy, đến trước bạch Phật rằng:

–Kiếp ngắn hay dài, có giới hạn không?

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Kiếp rất dài lâu. Ta có thể cho ông một ví dụ. Hãy chuyên ý nghe. Ta sẽ nói.

Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

–Tỳ-kheo nên biết, cũng như một thành trì bằng sắt, dài rộng một do-tuần[17], trong đó chứa đầy hạt cải, không chừa một lỗ hổng. Giả sử có một người, một trăm năm đến lấy đi một hạt cải. Cho đến khi hạt cải trong thành bằng sắt ấy hết hẳn, mà một kiếp vẫn không thể tính kể hết. Vì sao? Sinh tử lâu dài không có bờ mé. Chúng sinh bị ân ái trói buộc mà trôi lăn trong sinh tử, chết đây sinh kia, không hề cùng tận. Ta ở trong đó mà nhàm chán sinh tử. Như vậy Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để dứt hết tưởng ân ái này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

---

[15] Kiếp-tỳ-la 劫毘羅. Tức tên gọi đủ là Bạt-đà Kiếp-tỳ-la. Pāli: Bhaddā Kapilānī.

[16] Pāli, S 15.6 Sāsapā (R. ii. 182).

[17] Thiếu chiều cao. Cũng một do-tuần.

❑

KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

QUYỂN 51

Phẩm 52: ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT-NIẾT-BÀN (2)

KINH SỐ 4[657]

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Tỳ-kheo này bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, một kiếp có dài lâu không?

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Một kiếp cực kỳ dài lâu, không thể trù lượng được. Nay Ta nói cho ông một thí dụ. Hãy khéo suy nghĩ. Ta sẽ nói.

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

–Ví dụ có một núi đá lớn, dài rộng một do-tuần, cao một do-tuần. Giả sử một người tay cầm một tấm lụa trời, cứ một trăm năm phất một cái. Cho đến khi đá mòn hết mà số kiếp vẫn khó hạn định. Số kiếp lâu dài không có biên tế, như vậy không phải một kiếp hay một trăm kiếp. Vì sao? Sinh tử lâu dài, không thể hạn lượng, không có biên tế. Chúng sinh bị vô minh bao phủ, trôi nổi sinh tử không có kỳ hạn thoát ra. Chết đây, sinh kia, không hề cùng tận. Ta ở trong đó mà nhàm chán sinh tử. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện dứt hết tưởng ái ân này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 5

Nghe như vầy:

---

657. *Pāli, S 15. 5 Pabbata (R. ii. 181).*

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Tùy thời nghe pháp, có năm công đức, không khi nào mất. Những gì là năm?

1. Nghe được pháp chưa từng nghe.

2. Nghe rồi thì ghi nhớ.

3. Trừ dẹp hoài nghi.

4. Cũng không tà kiến.

5. Hiểu pháp sâu thẳm.

Tỳ-kheo, đó là nói tùy thời nghe pháp có năm công đức này. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy chuyên niệm thường nghe pháp sâu thẳm. Đây là giáo giới của Ta. Như vậy Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 6[658]

Nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, trong rừng Ma-ha-bà-na[659], cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ Đại tướng Sư Tử[660] đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy Như Lai nói với đại tướng:

–Thí chủ đàn-việt[661] có năm công đức.[662] Những gì là năm?

Ở đây, danh tiếng của thí chủ được truyền xa rằng: "Tại thôn kia có người ưa bố thí, chu cấp cho những kẻ nghèo thiếu mà không hề tiếc lẫn. Này đại tướng, đó là công đức thứ nhất.

Lại nữa, đại tướng, khi thí chủ đến trong các chúng Sát-lợi, Bà-la-môn, Sa-môn, không có điều gì sợ hãi, cũng không có điều gì nghi ngờ khó khăn. Này Sư Tử, đó là công đức thứ hai.

Lại nữa, thí chủ đàn-việt được nhiều người yêu mến, thảy đều tôn

---

658. *Pāli, A.V 34. Sīha (R. iii. 38).*

659. *Ma-ha-bà-na-viên 摩訶婆那園. Pāli Mahāvana, Đại lâm, khu rừng gần Vesāli, chạy dài đến Hy-mã-lạp sơn.*

660. *Sư Tử Đại tướng 師子大將. Pāli: Sīhasenāpati.*

661. *Thí chủ đàn-việt; Pāli: Dāyako dāmapati.*

662. *Pāli: Sandiṭṭhikaṃ dānaphalaṃ, quả báo bố thí thấy ngay trong đời hiện tại.*

sùng kinh ngưỡng. Như con yêu mẹ, tâm không rời xa, thí chủ được nhiều người yêu mến cũng vậy.

Lại nữa, Sư Tử, thí chủ đàn-việt khi bố thí, phát tâm hoan hỷ. Do có hoan hỷ mà hân hoan[663], ý tánh kiên cố; khi ấy tự thân giác tỏ biết có vui, có khổ cũng không thay đổi hối tiếc[664], tự biết một cách như thật. Tự biết những gì? Biết có Khổ đế, Khổ tập, Khổ tận, Xuất yếu đế, biết một cách như thật.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Thí, hội đủ các phước
Lại đạt Đệ nhất nghĩa[665]
Ai hay nhớ bố thí
Liền phát tâm hoan hỷ.

Lại nữa, trưởng giả Sư Tử, thí chủ đàn-việt khi bố thí, thân hoại mạng chung, sinh lên trời Tam thập tam, ở đó có năm sự kiện hơn hẳn các chư Thiên khác. Những gì là năm?

1. Dung mạo hào quý, oai thần, ánh sáng.

2. Tự tại với những gì ước muốn, không điều gì mà không thỏa mãn.

3. Nếu đàn-việt thí chủ sinh trong loài người, thường gặp gia đình phú quý.

4. Có nhiều của cải.

5. Lời nói được mọi người nghe theo, làm theo.

Này Sư Tử, đàn-việt có năm công đức này dẫn vào nẻo thiện.

Đại tướng Sư Tử sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được, lên trước bạch Phật rằng:

–Cúi xin Thế Tôn, cùng với Tăng Tỳ-kheo, nhận lời thỉnh của con.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi Sư Tử biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lạy dưới chân rồi lui đi.

Về đến nhà, ông cho sửa soạn đủ các món thực phẩm, trải chỗ ngồi tốt đẹp, rồi đi báo đã đến giờ. Nay đã đúng lúc, cúi mong Đại Thánh rủ lòng thương hạ cố.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ khoác y, cầm bát, dẫn chúng Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nhà đại tướng. Ai nấy ngồi theo thứ lớp. Khi Tướng

---

663. *Nguyên Hán: Duyệt dự 悅豫.*

664. *Để bản: Biến hối 變悔. Bất biến hối. Đoạn văn có liên hệ đến chứng đắc các thiền và Thánh đế trí, nhưng không được rõ ràng.*

665. *Đệ nhất nghĩa: Chỉ mục đích cứu cánh, tức thấy Thánh đế.*

quân Sư Tử thấy Phật và Tăng Tỳ-kheo đã thứ lớp ngồi, tự tay bưng dọn các món thức ăn. Khi đại tướng đang bưng dọn thức ăn, chư Thiên ở trên hư không nói rằng:

–Đây là A-la-hán. Người này là hướng A-la-hán. Thí người này được phước nhiều. Thí người này được phước ít. Người này là A-na-hàm. Người này là hướng A-na-hàm. Người này là Tư-đà-hàm. Người này là hướng Tư-đà-hàm đạo. Người này là Tu-đà-hoàn. Người này là hướng Tu-đà-hoàn đạo. Người này còn bảy lần tái sinh qua lại. Người này còn một lần tái sinh. Người này là Trì tín[666]. Người này là Phụng pháp[667]. Người này là độn căn. Người này là lợi căn. Người này thấp kém. Người này tinh tấn trì giới. Người này phạm giới. Thí người này được phước nhiều. Thí người này được phước ít.

Đại tướng Sư Tử có nghe chư Thiên nói thế, nhưng không để trong lòng. Khi thấy Như Lai ăn xong, cất dẹp bát, ông lấy một cái ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Lúc bấy giờ Đại tướng Sư Tử bạch Phật rằng:

–Vừa rồi con có chư Thiên đến chỗ con, nói với con rằng: "Từ A-la-hán, cho đến người phạm giới", ông thuật lại đầy đủ lên Như Lai. Con tuy có nghe những lời ấy, nhưng không để vào lòng, cũng không sinh ý tưởng rằng: "Nên bỏ vị này mà thí cho vị kia; bỏ vị kia mà thí cho vị này." Song con lại có ý nghĩ: "Nên bố thí cho hết thảy các loại hữu hình. Vì tất cả đều do ăn mà tồn tại; không ăn thì chết." Tự thân con nghe Như Lai nói bài kệ ấy, hằng ghi nhớ trong lòng không hề quên mất. Bài kệ ấy như vầy:

Bố thí, bình đẳng khắp
Không hề có trái nghịch
Tất sẽ gặp Hiền thánh
Nhờ đây mà được độ.

Bạch Thế Tôn, bài kệ đó như vậy, mà chính con đã nghe Như Lai nói, hằng ghi nhớ kỹ và vâng làm theo.

Phật nói với Đại tướng:

–Lành thay! Đó gọi là huệ thí với tâm bình đẳng của Bồ-tát. Bồ-tát khi bố thí không khởi lên ý niệm rằng: "Ta nên cho người này, bỏ qua người này." Mà luôn luôn huệ thí bình đẳng, với suy niệm rằng: "Hết thảy chúng sinh do ăn mà tồn tại, không ăn thì chết." Bồ-tát khi hành bố thí, cũng tư duy hành nghiệp này.

---

666. *Trì tín 持信, tức hàng Thánh giả Tùy tín hành. Pāli: Saddhānusārin.*

667. *Phụng pháp 奉法, tức hàng Thánh giả Tùy pháp hành. Pāli: Dhammānusārin.*

Rồi Phật nói bài kệ:

Những ai tu hạnh này
Hành ác và hành thiện
Người ấy tự thọ báo
Hành không hề suy hao.
Người kia theo hành nghiệp
Mà nhận quả báo ấy
Làm thiện được báo thiện
Làm ác chịu ác báo.
Làm ác hay làm thiện
Tùy theo việc đã làm
Cũng như năm giống thóc
Theo giống mà kết hạt.

Này đại tướng Sư Tử, hãy bằng phương tiện này mà biết rằng thiện hay ác đều tùy theo những gì đã hành. Vì sao? Từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành đạo, tâm không tăng giảm, không lựa chọn người, không xét đến hạng bậc của người ấy. Cho nên, này Sư Tử, nếu khi muốn huệ thí, hãy luôn niệm bình đẳng, chớ khởi tâm thị phi. Như vậy, này Sư Tử, hãy học điều này.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài kệ tùy hỷ[668]:

Thí vui, người yêu mến
Được mọi người khen ngợi
Đến đâu cũng không ngại
Cũng không có tâm ganh tỵ.
Cho nên người trí thí
Dẹp bỏ các tưởng ác
Lâu dài đến cõi thiện
Được chư Thiên đón mừng.

Thế Tôn nói bài kệ này xong rồi, rời chỗ ngồi đứng dậy mà ra về.

Bấy giờ Sư Tử nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 7

Nghe như vầy:

668. *Nguyên Hán: Sẩn 嚵, chú nguyện hồi hướng công đức sau khi ăn. Pāli: Anumodana.*

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

–Phàm nhà bố thí nên thí chỗ nào?

Thế Tôn nói:

–Tùy theo, tâm hoan hỷ chỗ nào, bố thí chỗ đó.

Vua lại bạch Phật:

–Thí chỗ nào thì được công đức lớn?

Phật đáp:

–Vua đã nói nên thí chỗ nào, nay lại hỏi được phước công đức.

Rồi Phật nói với vua:

–Ta nay hỏi lại vua, tùy theo sở thích mà trả lời.

Này đại vương, hoặc có con trai Sát-lợi đến; hoặc con trai Bà-la-môn đến; nhưng người đó ngu si, không biết gì, tâm ý thác loạn, hằng không định tĩnh. Nó đến chỗ vua, hỏi vua: "Chúng tôi sẽ phụng sự Thánh vương[669], tùy thời mà ngài cần đến." Thế nào, đại vương có cần người ấy ở hai bên không?

Vua đáp:

–Không cần, bạch Thế Tôn. Vì sao? Do người ấy không có trí tuệ sáng suốt, tâm thức định tĩnh, không kham đối phó kẻ địch bên ngoài kéo đến.

Phật bảo vua:

–Thế nào, đại vương, nếu có người Sát-lợi hay Bà-la-môn có nhiều phương tiện, không e ngại điều gì, cũng không sợ hãi, có thể trừ dẹp kẻ địch bên ngoài; người ấy đến chỗ vua, tâu vua rằng: "Chúng tôi tùy thời hầu hạ đại vương. Nguyện ban ân mà chấp nhận." Thế nào, đại vương, vua có thâu nhận người ấy không?

Vua bạch Phật:

–Vâng, bạch Thế Tôn, con sẽ thâu nhận người ấy. Vì sao? Do người ấy có khả năng trừ dẹp ngoại địch, không e ngại, không sợ hãi.

Phật nói với vua:

–Ở đây, Tỳ-kheo cũng vậy, các căn đầy đủ, xả năm, thành tựu sáu, thủ hộ một, hàng phục bốn[670]. Bố thí đến vị ấy được phước rất nhiều.

---

669. *Để bản: Thánh vương. Có bản chép là Thánh chúng.*

670. *Xem kinh số 2 phẩm 46.*

Vua hỏi Phật:

–Thế nào là Tỳ-kheo xả năm, thành tựu sáu, thủ hộ một, hàng phục bốn?

Phật nói:

–Ở đây, Tỳ-kheo xả bỏ năm triền cái, là triền cái tham dục, triền cái sân hận, triền cái thụy miên, triền cái trạo cử hôn trầm[671]. Như vậy gọi là Tỳ-kheo xả năm.

Thế nào Tỳ-kheo thành tựu sáu? Đại vương nên biết, ở đây Tỳ-kheo khi thấy sắc không khởi sắc tưởng, duyên vào đó mà giữ gìn nhãn căn; trừ khử niệm ác bất thiện mà thủ hộ nhãn căn. Tai, mũi, lưỡi,[672] thân, ý, không khởi ý thức[673] mà thủ hộ ý căn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo thành tựu sáu.

Thế nào là Tỳ-kheo hộ trì một? Ở đây, Tỳ-kheo buộc niệm trước mắt. Như vậy, Tỳ-kheo hộ trì một.

Thế nào là Tỳ-kheo hàng phục bốn? Ở đây, Tỳ-kheo hàng phục thân ma, dục ma, tử ma, thiên ma. Tất cả đều được hàng phục. Như vậy, Tỳ-kheo hàng phục bốn.

Đó là, đại vương, xả năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn. Bố thí đến người như vậy được phước không thể lường. Đại vương, tà kiến và biên kiến tương ưng, những người như vậy mà thí cho thì không có ích.

Khi ấy vua bạch Phật:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn, bố thí cho những vị như vậy, phước đức không thể lường. Nếu cho một Tỳ-kheo thành tựu chỉ một pháp, phước còn không thể lường, hà huống cho các vị khác. Một pháp ấy là gì? Đó là niệm thân. Vì sao? Ni-kiền Tử chủ trương thân hành, không chủ trương khẩu hành và ý hành.[674]"

Phật nói:

–Những người Ni-kiền Tử ngu hoặc, ý thường thác loạn, tâm thức bất định. Vì pháp của thầy họ là như vậy, nên họ nói như vậy. Báo ứng do bởi hành vi của thân mà họ phải chịu thì không đáng nói. Hành vi của ý thì vô hình, không thể thấy.

---

671. *Nguyên Hán: Điệu nghi.*

672. *Để bản chép nhầm là khẩu (miệng).*

673. *Nguyên Hán: Bất khởi ý thức. Có lẽ chép nhầm. Nên hiểu, ý nhận thức pháp, nhưng không khởi các tưởng về pháp.*

674. *Để bản chép nhầm: Kể thân hành và khẩu hành, không kể ý hành. Xem Trung 32 kinh 133: Ni-kiền Tử chủ trương thân quan trọng, còn khẩu và ý không quan trọng. Cf. Pāli, M.. 56 Upāli.*

Vua bạch Phật:

–Trong ba hành này, hành nào nặng nhất, hành bởi thân, hành bởi miệng, hay hành bởi ý?

Phật nói với vua:

–Trong ba hành này, hành bởi ý nặng nhất. Hành bởi thân và hành bởi miệng, không đáng để nói.

Vua hỏi Phật:

–Do nhân duyên gì mà nói hành bởi ý là tối đệ nhất?

Phật nói:

–Phàm những hành vi mà con người làm trước hết được suy niệm bởi ý, sau đó mới phát ra miệng. Dẫn phát ra miệng, khiến thân hành sát, đạo, dâm. Thiệt căn bất định, cũng không có đầu mối. Giả sử người mạng chung, thiệt căn vẫn tồn tại. Nhưng, này đại vương, vì sao thân, miệng của người ấy không làm được gì cả?

Vua bạch Phật:

–Vì người kia không có ý căn, nên mới như vậy.

Phật bảo vua:

–Do phương tiện này mà biết rằng ý căn là tối quan trọng, còn hai cái kia thì nhẹ thôi.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Tâm là gốc của pháp
Tâm chủ, tâm sai sử
Ai với tâm niệm ác
Mà hành động, tạo tác,
Theo đó mà thọ khổ
Như vết lăn bánh xe
Tâm là gốc của pháp
Tâm chủ, tâm sai sử.
Ai trong tâm niệm thiện
Mà hành động, tạo tác
Người ấy nhận báo thiện
Như bóng đi theo hình.[675]

Khi ấy vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

–Đúng như Như Lai nói, người làm ác, thân hành ác, tùy theo hành

675. *Pháp cú Pāli, Dhp. 1-2.*

ấy mà rơi vào đường ác.

Phật nói:

–Vua quán sát ý nghĩa gì mà đến hỏi Ta, bố thí cho hạng người nào thì được phước nhiều?

Vua bạch Phật:

–Xưa, có lần con đến chỗ Ni-kiền Tử, hỏi Ni-kiền Tử rằng: "Nên huệ thí ở chỗ nào?" Ni-kiền Tử nghe con hỏi lại luận sang vấn đề khác chứ không trả lời. Khi ấy Ni-kiền Tử nói với con rằng: "Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: Thí cho Ta được phước nhiều. Cho người khác, không có phước. Hãy bố thí cho đệ tử của Ta; không nên cho những người khác. Những ai bố thí cho đệ tử của Ta sẽ được phước đức không thể lường."

Phật hỏi vua:

–Lúc bấy giờ vua trả lời như thế nào?

Vua bạch Phật:

–Lúc đó con suy nghĩ rằng, có thể có lý do đó. Huệ thí đến Như Lai phước ấy không thể lường. Vì vậy nay hỏi Phật: Nên bố thí chỗ nào thì phước ấy không thể lường? Song, nay Thế Tôn không tự khen ngợi mình, cũng không chê bai người khác.

Phật bảo vua:

–Chính từ miệng Ta không nói như vậy, rằng bố thí cho Ta thì được phước nhiều; còn cho người khác thì không. Nhưng điều mà ta đã nói, thức ăn dư trong bát mang cho người, phước ấy không thể lường. Với tâm thanh tịnh mà đổ thức ăn dư vào trong nước sạch, luôn luôn khởi lên tâm niệm rằng, các loài hữu hình ở trong nước này được nhờ ơn vô lượng. Huống chi là loài người.[676]

Nhưng, đại vương, ở đây Ta cũng nói, bố thí cho người trì giới, phước ấy khó lường. Cho người phạm giới, không đủ để nói.

Đại vương nên biết, ví dụ như con trai nhà nông khéo cày xới đất, dọn dẹp các thứ uế tạp, rồi mang giống thóc gieo vào ruộng tốt, ở đây rồi sẽ gặt hái hạt không thể hạn lượng. Còn như con nhà nông kia không chịu dọn đất, không trừ bỏ các thứ uế tạp, mà gieo giống thóc vào đó, thì lượng thu hoạch không đáng để nói.

Ở đây, với Tỳ-kheo cũng vậy. Nếu Tỳ-kheo nào xả năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn; huệ thí cho vị đó, phước ấy không thể lường.

---

676. *Đoạn văn này để bản chép sót. Xem kinh số 3 phẩm 47.*

Cho người tà kiến, không đáng để nói.

Cũng như, đại vương, người Bà-la-môn mà ý không e sợ, có khả năng hàng phục kẻ địch bên ngoài; nên ví dụ người này với A-la-hán. Còn người Bà-la-môn kia, mà ý không chuyên định, hãy ví dụ cho người tà kiến.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn rằng:

–Bố thí cho người trì giới, phước ấy không thể lường. Từ nay về sau, có ai đến cầu xin, con sẽ không bao giờ trái nghịch.[677] Nếu bốn bộ chúng có ai đến cầu xin thứ gì, con cũng không nghịch ý, mà tùy thời cung cấp cho áo chăn, đồ ăn uống, giường chõng tọa cụ; và cũng bố thí cho các vị phạm hạnh.

Phật nói:

–Chớ nói như vậy. Vì sao? Bố thí cho súc sinh mà phước ấy còn khó lường, huống chi bố thí cho người. Điều mà hôm nay Ta nói, là bố thí cho người trì giới thì khó tính kể hơn người phạm giới.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Hôm nay một lần nữa con xin tự quy y. Bởi vì, nay Thế Tôn ân cần cho đến cả những người ngoại đạo hằng phỉ báng Thế Tôn. Lại nữa, Như Lai không tham lợi dưỡng. Quốc sự ngổn ngang, nay con muốn về nghỉ.

Phật bảo vua:

–Nên biết đúng lúc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 8

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ vua Ba-tư-nặc sau khi giết một trăm người con của bà mẹ kế,[678] lòng sinh hối hận:

–Ta gây nên nguồn ác thật quá nhiều. Ta cần gì nữa? Do ngôi vua mà

---

677. *Đoạn văn này có nhảy sót nên không phù hợp với câu trả lời của Phật tiếp theo. Văn đầy đủ, xem kinh số 3 phẩm 47 trên.*

678. *Theo truyền thuyết Pāli, vua nghe lời sàm tấu giết Bandhula và ba mươi hai người con trai của ông này. Nhưng do thái độ không hận thù của vợ Bandhula là bà Mallikā-bandhula, vua khám phá ra sự sai lầm của mình nên rất hối hận.*

ta giết một trăm người ấy. Ai có thể trừ nổi sầu ưu này cho ta?

Vua Ba-tư-nặc lại nghĩ: "Chỉ có Thế Tôn mới trừ được ưu phiền này cho ta."

Rồi vua lại nghĩ: "Ta không nên ôm mối sầu ưu này. Hãy im lặng mà đến chỗ Thế Tôn. Nên đi đến Thế Tôn với uy nghi của một ông vua."

Khi ấy vua Ba-tư-nặc bảo quần thần:

–Các ngươi hãy nghiêm chỉnh xe bảo vũ*, như vương pháp từ trước. Ta muốn ra khỏi thành Xá-vệ để thân cận Như Lai.

Quần thần vâng lệnh vua, tức thì nghiêm chỉnh xe bảo vũ, sau đó đến tâu vua:

–Xa giá đã nghiêm chỉnh. Tâu đại vương biết thời.

Vua Ba-tư-nặc liền ngự xe bảo vũ, gióng chiêng, đánh trống, treo lụa là phướn lọng, quân hầu đều mang khôi giáp, binh khí; quần thần vây quanh trước sau, ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến tinh xá Kỳ hoàn, rồi đi bộ vào trong. Như vương pháp từ trước, vua dẹp bỏ năm thứ nghi trượng là lọng, mão thiên quan, quạt, kiếm và hài, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, úp mặt sát đất, lại lấy tay vuốt bàn chân của Như Lai và trần thật hết chuyện của mình:

–Con nay hối lỗi, sửa đổi lỗi lầm cũ, tu sửa điều sắp tới. Con ngu hoặc, không phân biệt chân ngụy, đã giết một trăm người con của mẹ kế vì quyền lực làm vua. Hôm nay con đến sám hối. Cúi xin chấp nhận.

Phật bảo:

–Lành thay, đại vương! Hãy trở về vị trí cũ. Nay Ta sẽ nói pháp.

Vua Ba-tư-nặc liền đứng dậy, cúi lạy dưới chân Thế Tôn, rồi trở về chỗ ngồi của mình. Phật nói với Vua:

–Mạng người mong manh, thọ lâu lắm không quá trăm năm. Không mấy ai sống đến trăm tuổi. Một trăm năm ở đây kể là một ngày một đêm trên trời Tam thập tam. Tính theo số ngày trên đó, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Trời Tam thập tam kia thọ chính thức một ngàn tuổi. Tính theo tuổi loài người, ấy là thọ được mười hai vạn năm[679].

Lại kể một ngày một đêm trong địa ngục Hoàn hoạt. Ở đó, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Tuổi thọ trong địa ngục

---

679. *Để bản: Mười vạn. TNM: Mười hai vạn. Nhưng, con số không phù hợp với kinh số 10 phẩm 17, nói "tuổi thọ trời Tam thập tam là một ngàn năm; cũng có vị nửa chừng yểu. Tính số năm theo loài người là ba mươi sáu ức năm…"*

Hoàn hoạt là năm ngàn năm, hoặc thọ nửa kiếp, hoặc thọ một kiếp, tùy theo những điều đã làm; cũng có kẻ yểu nửa chừng. Tính theo năm loài người, ấy là thọ một trăm ức tuổi[680].

Người trí hằng suy nghĩ mà tu tập đầy đủ hành này, sao lại còn làm ác để làm gì? Vui ít, khổ nhiều, tai ương không kể hết. Cho nên, đại vương, chớ vì thân mình, cha mẹ, vợ con, quốc thổ, nhân dân, mà thi hành nghiệp tội ác. Chớ vì thân của vua mà tạo gốc rễ tội ác. Cũng như một chút đường[681], mới nếm thì ngọt, nhưng sau đó khổ. Đây cũng vậy, ở trong cái tuổi thọ ngắn ngủi ấy, sao lại làm ác?

Đại vương nên biết, có bốn sợ hãi lớn hằng truy bức thân người, không bao giờ có thể ức chế; cũng không thể dùng chú thuật, chiến đấu, cỏ thuốc, mà có thể ức chế được. Đó là, sinh, già, bệnh, chết. Cũng như bốn hòn núi lớn từ bốn phương ập đến với nhau, làm gãy đổ cây cối, tất cả đều bị hủy diệt. Bốn sự kiện này cũng vậy.

Đại vương nên biết, khi sinh ra, cha mẹ ôm lòng sầu lo, khổ não, không thể kể hết. Khi sự già đến, không còn trai trẻ nữa, thân hình bại hoại; tay chân, gân khớp lỏng lẻo. Khi bệnh đến, lúc đang trai trẻ, mà không còn khí lực, mạng sống rút ngắn dần. Khi chết đến, mạng căn bị cắt đứt, ân ái biệt ly, năm ấm tan rã. Đại vương, đó là bốn sợ hãi lớn, khiến cho không được tự tại.

Lại có người quen làm việc sát sinh, gây các căn nguyên tội ác. Nếu sinh trong loài người, tuổi thọ rất ngắn.

Người quen thói trộm cướp, về sau sinh nhằm nghèo khốn, áo không đủ che thân, ăn không đầy miệng. Đó là do lấy tài vật của người, nên mới chịu như vậy. Nếu sinh trong loài người, phải chịu vô lượng khổ.

Nếu người dâm vợ người khác, sau sinh trong loài người thì gặp vợ không trinh lương.

Người nói dối, sau sinh làm người thì lời nói không ai tin, bị mọi người khi dễ. Ấy là do trước kia lừa dối đời, nói điều hư ngụy.

Người ác khẩu, chịu tội địa ngục. Nếu sinh trong loài người thì nhan sắc xấu xí, ấy là do tiền thân ác khẩu nên chịu báo ứng này.

Người nói ỷ ngữ, chịu tội địa ngục. Nếu sinh trong loài người, trong nhà bất hòa, thường hay đấu loạn nhau. Sở dĩ như vậy, do báo ứng của việc làm bởi tiền thân.

---

680. *Con số này không phù hợp với số được kể trong kinh số 10 phẩm 47 trên.*

681. *Để bản có thể chép sót. Nên hiểu là một chút mật đầu lưỡi dao.*

Người nói hai lưỡi, gây đấu loạn đây kia, thọ tội địa ngục. Nếu sinh trong loài người, gia thất bất hòa, thường có chuyện gây gỗ. Sở dĩ như vậy, đều do đời trước gây đấu loạn đây kia.

Người hay ganh tỵ kẻ khác, chịu tội địa ngục. Nếu sinh trong loài người, thường bị người ghét. Thảy đều do hành vi đời trước mà ra như vậy

Người khởi tâm mưu hại, chịu tội địa ngục. Nếu sinh trong loài người, ý không chuyên định. Sở dĩ như vậy, đều do đời trước móng tâm như vậy.

Hoặc người quen học theo tà kiến, chịu tội địa ngục. Nếu sinh trong loài người, phải điếc, mù, câm ngọng, không ai muốn nhìn. Ấy là do nhân duyên bởi việc làm đời trước.

Đó là, đại vương, do báo ứng của mười điều ác này mà dẫn đến tai ương như vậy, chịu vô lượng khổ; huống nữa là ngoài đó ra.

Cho nên, đại vương, hãy cai trị đúng pháp, chứ đừng phi pháp. Lấy chánh lý mà trị dân, chứ đừng phi lý. Đại vương, nếu cai trị dân bằng chánh pháp, sau khi mạng chung thảy đều sinh lên trời. Đại vương sau khi mạng chung được nhân dân tưởng nhớ không hề quên, tiếng tốt lưu truyền xa.

Đại vương nên biết, những ai cai trị nhân dân bằng phi pháp, sau khi chết đều sinh vào địa ngục. Bấy giờ ngục tốt trói lại năm chỗ, ở trong đó chịu khổ không thể lường hết được; hoặc bị roi, hoặc bị trói, hoặc bị nện; hoặc chặt tay chặt chân, hoặc nướng trên lửa, hoặc rót nước đồng sôi lên thân, hoặc lột da, hoặc mổ bụng, hoặc rút lưỡi, hoặc đâm vào thân, hoặc bị cưa xẻ, hoặc bị giã trong cối sắt hoặc cho bánh xe cán nát thân, hay đuổi chạy trên núi dao rừng kiếm, không cho ngừng nghỉ; hoặc bắt ôm cột sắt cháy, hoặc móc mắt, hoặc xẻo tai, xẻo mũi, chặt tay chân; cắt rồi mọc trở lại. Hoặc bị bỏ cả thân mình vào trong vạc lớn; hoặc bị chĩa sắt quay lăn thân thể không cho ngừng nghỉ; hoặc bị lôi từ trong vạc ra mà rút gân xương sống làm dây buộc thân vào xe[682], sau đó lại cho vào địa ngục Nhiệt chích[683]. Lại vào địa ngục Nhiệt thỉ. Lại vào địa ngục Thích. Lại vào địa ngục Hôi. Lại vào địa ngục Đao thọ. Lại bắt nằm ngửa, đem hòn sắt nóng bắt nuốt, lăn từ trên xuống khiến ruột, dạ dày bị cháy rục hết. Lại rót nước đồng sôi vào miệng, từ trên chảy xuống dưới. Trong đó, chịu khổ không cùng tận. Chỉ khi nào hết tội mới được thoát ra.

---

682. *Nguyên Hán: Trì dụng trị xa, "dùng làm roi đánh xe (?) Nhưng, tham chiếu, Trường 19 (tr. 124c28), nói về hình phạt trong địa ngục Vô gián.*

683. *Tên các địa ngục: Nhiệt chích 熱炙, nướng. Nhiệt thỉ 熱屎, phân nóng. Thích 刺, gai nhọn. Hôi 灰, tro. Đao thọ 刀樹, rừng dao. Tên tương đương và chi tiết, Trường 19, kinh 30 Thế Ký, phẩm 4: Địa Ngục.*

Đại vương, sự kiện chúng sinh vào địa ngục là như vậy. Đều do đời trước cai trị không nghiêm chỉnh đúng pháp.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Trăm năm quen buông lung
Về sau vào địa ngục
Vậy có gì đáng tham
Chịu tội không kể xiết?

Đại vương, cai trị đúng pháp thì tự cứu giúp được tự thân, cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thân tộc, chăm lo quốc sự. Cho nên, đại vương, hãy cai trị đúng pháp, chớ đừng phi pháp. Mạng người rất ngắn; sống trên đời chỉ trong thoáng chốc mà thôi. Sinh tử lâu dài, nhiều điều đáng sợ. Khi cái chết đến, bấy giờ mới kêu khóc; gân cốt lìa tan, thân thể đông cứng; bấy giờ không ai có thể cứu được; không phải có cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thuộc hạ, quốc thổ nhân dân, mà có thể cứu được. Gặp tai họa này, ai có thể chịu thay cho? Duy chỉ có sự bố thí, trì giới, nói năng thường từ hòa không làm thương tổn ý người, tạo các công đức, hành các gốc rễ thiện.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Kẻ trí nên huệ thí
Được chư Phật khen ngợi
Cho nên, tâm thanh tịnh
Chớ có ý lười biếng.
Vì sự chết bức bách
Chịu khổ não to lớn
Rơi vào đường dữ kia
Không giây lát ngừng nghỉ.
Khi sự chết sắp đến
Chịu khổ não vô cùng
Các căn tự nhiên hoại
Vì ác không ngừng nghỉ.
Nếu khi thầy thuốc đến
Tập hợp các thứ thuốc
Cũng không cứu nổi thân
Vì ác không ngừng nghỉ.
Hoặc khi thân tộc đến
Hỏi tài sản trước kia
Mà tai không nghe tiếng
Vì ác không ngừng nghỉ.

Hoặc khi dời xuống đất
Người bệnh nằm lên trên
Thân hình như rễ khô
Vì ác không ngừng nghỉ.
Hoặc khi đã mạng chung
Mạng, thức đã lìa thân
Thân hình như gạch ngói
Vì ác không ngừng nghỉ.
Hoặc khi là thây chết
Thân tộc đến tha ma
Không cậy nhờ ai được
Duy chỉ cậy nhờ phước.

Cho nên, đại vương, hãy tìm cầu phương tiện thi hành phước nghiệp. Nay không làm, sau ăn năn vô ích.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Như Lai do phước lực
Hàng phục ma, quyến thuộc
Nay đã được Phật lữ.
Nên phước lực tối tôn.

Cho nên, đại vương, hãy nhớ nghĩ tạo phước. Đã làm điều ác, hãy ăn năn, chớ đừng tái phạm.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Tuy là nguồn cực ác
Sám hối, vơi mỏng dần
Khi ấy ở thế gian
Gốc rễ đều diệt hết.

Cho nên, đại vương, chớ vì thân mình mà thi hành việc ác. Chớ vì cha mẹ, vợ con, Sa-môn, Bà-la-môn, mà thi hành việc ác, tập quen hành ác. Như vậy, đại vương, hãy học điều này.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ này:

Chẳng cha mẹ, anh em
Cũng không phải thân tộc
Mà tránh khỏi nạn[684] này
Tất cả bỏ, theo chết.

Cho nên, đại vương, từ nay trở đi hãy theo đúng pháp mà cai trị, chớ

---

684. *Để bản chép là ác. TNM: Hoạn.*

theo phi pháp. Như vậy, đại vương, hãy học điều này.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 9

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc chiêm bao thấy mười sự kiện. Vua tỉnh giấc, hết sức kinh sợ, lo mất nước, mất thân mạng, vợ con. Sáng ngày, vua triệu các công khanh, đại thần, đạo sĩ và Bà-la-môn minh trí, những ai có thể giải các điềm mộng, thảy đều được triệu tập. Rồi vua kể lại mười sự kiện chiêm bao hồi đêm, hỏi: "Ai có thể giải được?"

Có vị Bà-la-môn nói:

–Tôi giải được. Nhưng sợ vua nghe xong rồi không vui.

Vua bảo:

–Cứ nói đi.

Bà-la-môn nói:

–Vua sẽ mất nước, mất thái tử và vợ.

Vua nói:

–Sao, các ngươi có thể cầu đảo trừ yểm đi được không?

Bà-la-môn nói:

–Việc ấy có thể trừ yểm được. Hãy giết thái tử và vị phu nhân mà vua quý trọng, cùng những kẻ thị tùng hai bên và vị đại thần mà vua quý mến, để đem tế Thiên vương. Có những ngọa cụ, bảo vật trân quý gì, đem đốt hết để cúng tế trời. Như vậy, vua và quốc thổ không có gì đổi khác.

Vua nghe Bà-la-môn nói mà hết sức lo rầu, không vui. Vua trở lại trai thất suy nghĩ về việc ấy. Vua có vị phu nhân tên Ma-lợi, đi đến chỗ vua, hỏi:

–Vua ý gì mà sầu lo không vui? Thần thiếp có điều gì lỗi lầm đối với vua chăng?

Vua nói:

–Khanh không có lỗi gì đối với ta. Nhưng chớ hỏi đến sự việc ấy. Khanh mà nghe thì sẽ kinh sợ.

Phu nhân trả lời vua:

–Không dám kinh sợ.

Vua nói:

–Không cần phải. Nghe rồi sẽ kinh sợ.

Phu nhân nói:

–Tôi là phân nửa thân của đại vương, có việc gấp rút cần giết một người như thiếp để vua được an ổn, chẳng có gì phải sợ.

Vua liền kể cho phu nhân nghe mười sự kiện chiêm bao hồi đêm:

1. Thấy ba cái vạc, hai cái vạc bên thì đầy; vạc giữa trống không. Hai vạc bên sôi sục, hơi bốc giao nhau, nhưng không vào cái vạc trống không ở giữa.

2. Mộng thấy con ngựa mà miệng cũng ăn, hậu môn cũng ăn.

3. Mộng thấy cây lớn trổ hoa.

4. Mộng thấy cây nhỏ sinh trái.

5. Mộng thấy một người cầm sợi dây, sau đó có con dê. Chủ dê ăn sợi dây.

6. Mộng thấy con cáo ngồi trên giường bằng vàng, ăn bằng chén bát vàng.

7. Mộng thấy con bò lớn trở lại bú sữa con bê con.

8. Mộng thấy bầy trâu đen, từ bốn mặt vừa rống vừa chạy đến, muốn húc nhau; đang hợp, chưa hợp, không biết chỗ của trâu.

9. Mộng thấy chằm nước lớn, giữa đục, bốn bên trong.

10. Mộng thấy khe nước lớn, dòng nước nổi sóng màu đỏ.

Thấy xong, giật mình tỉnh dậy, hết sức kinh sợ, e rằng nước mất, bản thân, vợ con, nhân dân cũng mất. Sáng nay triệu tập công khanh đại thần, đạo nhân, Bà-la-môn. Hỏi xem ai giải mộng được. Có một người Bà-la-môn nói, hãy giết thái tử và phu nhân mà vua quý trọng, cùng với đại thần, nô tỳ, để tế tự trời. Vì vậy mà ta sầu lo.

Phu nhân nói:

–Đại vương chớ sầu lo chiêm bao. Như người đi mua vàng, lấy lửa đốt, rồi để trên đá mà mài; tốt hay xấu tự nó hiện. Nay Phật ở gần đây, trong tinh xá Kỳ hoàn. Nên đến hỏi Phật. Phật giải thuyết như thế nào, tùy theo đó mà làm. Sao lại đi tin lời ông Bà-la-môn cuồng si ấy để rồi tự mình sầu khổ, cho đến nỗi như vậy?

Vua nghe mới tỉnh ngộ, liền gọi quân hầu nghiêm chỉnh xa giá. Vua ngự trên một cỗ xe có lọng che cao; thị tùng cỡi ngựa đi theo có vài vạn, ra

khỏi thành Xá-vệ, đến tinh xá Kỳ hoàn, rồi xuống đi bộ, đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân, quỳ thẳng, chắp tay bạch Thế Tôn:

–Đêm qua nằm mộng thấy mười sự. Nguyện Phật thương xót giải thuyết cho con từng sự kiện một.

Phật nói:

–Lành thay, đại vương! Những điều vua chiêm bao là điềm báo việc đời sau trong tương lai. Nhân dân đời sau sẽ không còn sợ cấm pháp, phổ biến dâm dật, ham muốn vợ con người, phóng tình dâm loạn mà không biết nhàm chán; đố kỵ, ngu si, không biết tàm, không biết quý; điều trinh khiết thì bỏ, gian nịnh, siểm khúc loạn cả nước.

Vua mộng thấy ba cái vạc, hai cái vạc bên thì đầy; vạc giữa trống không. Hai vạc bên sôi sục, hơi bốc giao nhau, nhưng không vào cái vạc trống không ở giữa; đó là, nhân dân đời sau sẽ không cấp dưỡng người thân, kẻ khốn cùng; đồng thân thích thì không thân, ngược lại thân người dưng giàu sang, giao du với nhau, biếu tặng lẫn nhau. Sự kiện thứ nhất mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Thấy con ngựa mà miệng cũng ăn, hậu môn cũng ăn. Đó là, đời sau, nhân dân, đại thần, trăm quan trưởng lại, công khanh, vừa ăn lộc nhà quan, lại vừa ăn của dân. Thu thuế không ngừng. Quan lại cấp dưới làm chuyện gian; dân không yên, không ở yên nơi quê cũ. Sự kiện thứ hai mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Vua mộng thấy gốc cây lớn trổ hoa. Đời sau, nhân dân phần nhiều bị sưu dịch, lòng dạ héo hon, thường có sự lo rầu, sợ hãi; tuổi mới ba mươi mà đầu bạc trắng. Sự kiện thứ ba mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Vua mộng thấy cây nhỏ sinh trái. Đời sau, con gái tuổi chưa đầy mười lăm mà đã cầu mong lấy chồng, ẵm con về nhà mà không biết xấu hổ. Sự kiện thứ tư mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Vua mộng thấy một người cầm sợi dây, sau đó có con dê. Chủ dê ăn sợi dây. Đời sau, khi người chồng đi buôn xa, hoặc vào quân đội chinh chiến, hoặc giao du với bạn bè đầu xóm cuối ngỏ; người vợ mất nết ở nhà tư thông với đàn ông, ăn ngủ trên tài sản của chồng, phóng túng tình dục mà không biết xấu hổ. Chồng cũng biết nhưng bắt chước người giả bộ ngu. Sự kiện thứ năm mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Vua mộng thấy con cáo ngồi trên giường bằng vàng, ăn bằng chén bát vàng. Đời sau, kẻ hèn sẽ giàu sang, ngồi trên giường vàng mà ăn uống mỹ vị. Dòng họ quý tộc trở thành người hầu hạ. Nhà lành làm nô tỳ. Nô tỳ trở thành nhà lành. Sự kiện thứ sáu mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Vua mộng thấy con bò lớn trở lại bú sữa con bê con. Đời sau, mẹ làm mai cho con gái, dẫn đàn ông vào buồng, rồi đứng canh cửa, để nhận được tài vật để tự nuôi thân. Cha cũng đồng tình, giả điếc không hay biết. Sự kiện thứ bảy mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Vua mộng thấy bầy trâu đen, từ bốn mặt vừa rống vừa chạy đến, muốn húc nhau; đang hợp, chưa hợp, không biết chỗ của trâu. Đời sau, quốc vương, đại thần, trưởng lại, nhân dân, đều không sợ luật pháp đại cấm, tham dâm, đa dục, cất chứa tài sản; vợ con lớn nhỏ chẳng ai liêm khiết; dâm dật, tham lam không biết chán; ganh tỵ, ngu si, không biết tàm quý; trung hiếu thì không làm, mà siểm nịnh, phá nước, không sợ gì trên dưới. Mưa sẽ không đúng thời, khí tiết không thuận, gió bụi nổi lên, cát bay, cây đổ; sâu rầy cắn lúa không để cho chín. Vua chúa, nhân dân đều làm như vậy, nên trời khiến như vậy. Bốn bên mây nổi; vua chúa nhân dân vui mừng, nói: Mây nổi tứ phía, chắc chắn sẽ mưa. Nhưng trong chốc lát, mây tan hết, mà hiện ra những chuyện quái dị. Đó là muốn cho vạn dân sửa đổi hành vi, thủ điều thiện, trì giới, kính sợ trời đất, không vào đường dữ; trinh khiết tự thủ, một vợ một chồng, tâm Từ không giận. Sự kiện thứ tám mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Vua mộng thấy chằm nước lớn, giữa đục, bốn bên trong. Đời sau, con người trong cõi Diêm-phù-địa, bề tôi thì bất trung; làm con thì bất hiếu; không kính trọng bậc Trưởng lão, không tin Phật đạo; không kính đạo sĩ thông suốt kinh. Bề tôi thì tham ân tứ; làm con thì tham của cải của cha; không biết đền ơn, không đoái nghĩa lý. Ở biên quốc thì lại trung hiếu, biết kính bậc tôn trưởng, tin ưa Phật đạo, cấp dưỡng đạo sĩ thông suốt kinh, nhớ nghĩ đền ơn báo đáp. Sự kiện thứ chín mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Vua mộng thấy khe nước lớn, dòng nước nổi sóng màu đỏ. Người đời sau, các đế vương, quốc vương, không biết đủ với đất nước của mình, cất quân đánh nhau; sẽ chế tạo binh xe, binh ngựa, công phạt lẫn nhau; giết nhau máu chảy thành sông nên đỏ như vậy. Sự kiện thứ mười mà vua mộng thấy, chính là như vậy.

Tất cả đều là việc đời sau. Người đời sau, nếu ai để tâm nơi Phật đạo, phụng sự bậc Đạo nhân thông suốt kinh, khi chết sẽ sinh lên trời. Nếu làm chuyện ngu si, lại tàn hại lẫn nhau, chết rơi vào ba đường dữ không thể kể hết.

Vua nghe xong, quỳ dài chắp tay nhận lãnh lời Phật dạy, trong lòng hoan hỷ, được định tuệ, không còn điều gì để kinh sợ. Vua bèn cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi quay trở về cung; ban ân tứ cho Phu nhân, cất lên làm

chánh hậu, cấp cho nhiều tài bảo để bà bố thí cho mọi người, đất nước được trù phú. Rồi tước đoạt bổng lộc của các công khanh, đại thần, Bà-la-môn, trục xuất khỏi nước, không còn tin dùng nữa. Hết thảy nhân dân đều hướng về đạo Chánh chân vô thượng. Vua và phu nhân lễ Phật rồi lui về.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 126

PHẬT NÓI KINH A-LA-HÁN CỤ ĐỨC

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng
Pháp sư Pháp Hiền.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang ngồi trên tòa ở trong tinh xá Cấp cô độc, nước Xá-vệ, có các Bí-sô và tám bộ Trời, Rồng, Người và Phi nhân… vây quanh Thế Tôn, im lặng chắp tay nghe Phật giảng dạy.

Thế Tôn bảo các Bí-sô:

–Ta sẽ khen ngợi các đại Thanh văn có khả năng tu trì Phật pháp một cách thanh tịnh, đầy đủ đức độ ở quả vị của mình. Các ông hãy lắng nghe, ghi nhớ kỹ, Ta sẽ vì các ông lần lượt tuyên thuyết.

Này các Bí-sô, trong đệ tử của Ta có đại Thanh văn, từ bỏ vương vị xuất gia đã lâu, ngộ đạo đầu tiên, phạm hạnh đệ nhất là Bí-sô Kiều-trần-như.

Lại có Thanh văn ít ham muốn, thường hoan hỷ giữ hạnh Đầu-đà là Bí-sô Đại Ca-diếp.

Lại có Thanh văn đầy đủ đại biện tài, trí tuệ đệ nhất là Bí-sô Xá-lợi-phất.

Lại có Thanh văn tu trì tinh tấn, đầy đủ thần thông là Bí-sô Mục-kiền-liên.

Lại có Thanh văn thực hành thiền quán, đắc đại Thiên nhãn là Bí-sô A-nị-lỗ-đà.

Lại có Thanh văn đầy đủ định tuệ, đa văn đệ nhất là Bí-sô A-nan.

Lại có Thanh văn thông hiểu nghi quỹ, đủ khả năng gìn giữ luật tạng là Bí-sô Ưu-ba-ly.

Lại có Thanh văn ở giữa đại chúng đủ khả năng giảng diệu pháp là Bí-sô Phú-lâu-na Di-la-ni Tử.

Lại có Thanh văn luôn có được đầy đủ các dụng cụ về ngồi nằm là Bí-sô Nại-la-ma-thiết-thân-mạt-la Tử.

Lại có Thanh văn âm thanh thuyết pháp như tiếng rống sư tử là Bí-sô Tân-độ-la Bạt-ra-đọa-xá.

Lại có Thanh văn thông hiểu kinh luật, có khả năng luận nghị là Bí-sô Ca-chiên-diên.

Lại có Thanh văn đối với Phật pháp tín giải đệ nhất là Bí-sô Mạt-yết-ly.

Lại có Thanh văn tu trì đắc quả làm vinh hiển cho thị tộc là Bí-sô Ca-lưu-đà-di.

Lại có Thanh văn khi diễn thuyết, đầy đủ âm thanh vi diệu to lớn là Bí-sô Bạt-nại-lý-kha.

Lại có Thanh văn thông hiểu mỹ ngữ để có thể đàm luận là Bí-sô Đồng tử Ca-diếp.

Lại có Thanh văn đầy đủ tinh tấn trong bốn uy nghi là Bí-sô Suất-lỗ-noa-cô-chỉ-phược-tha.

Lại có Thanh văn đối với tất cả các pháp đều thông suốt mau lẹ là Bí-sô Phược-lý-thất-ca.

Lại có Thanh văn tinh tấn tiến tới ngộ đạo đắc quả là Bí-sô Tức-lý-dã-ca.

Lại có Thanh văn đầy đủ thần thông hỏa giới là Bí-sô Tu-già-đà.

Lại có Thanh văn xả bỏ tộc họ cao quý, ưa thích xuất gia là Bí-sô Hiền.

Lại có Thanh văn thuộc vương tộc họ Thích, từ giã xuất gia là Bí-sô Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp.

Lại có Thanh văn tại nơi linh tháp, thọ thỉnh trước tiên là Bí-sô Bố-lan-na.

Lại có Thanh văn tùy việc trình bày đều đại trí tuệ là Bí-sô Câu-hy-la.

Lại có Thanh văn uy nghi đoan chánh, tướng mạo tròn đầy là Bí-sô Ô-ba-tế-na Mạt-yết-lê Tử.

Lại có Thanh văn dốc tâm đối với Phật pháp thông tỏ diệu nghĩa đệ nhất là Bí-sô Bán-thát-ca.

Lại có Thanh văn có khả năng đoạn trừ nghi ngờ đối với lý Tứ đế là Bí-sô Đại Bán-thát-ca.

Lại có Thanh văn lời nói luôn ngay thẳng, không ẩn khuất, thường khuyên răn các Bí-sô là Bí-sô Kiếp-tân-na.

Lại có Thanh văn thường làm công việc khuyên răn các Bí-sô-ni là Bí-sô Nan-na-ca.

Lại có Thanh văn được nhiều người quy ngưỡng, thường đạt nhiều

tài lợi là Bí-sô Tế-phược-na.

Lại có Thanh văn các căn luôn kín đáo, người khác không lường được là Bí-sô Nan-nô.

Lại có Thanh văn giữ gìn giới luật thanh tịnh, không thiếu sót là Bí-sô La-hầu-la.

Lại có Thanh văn ít bệnh, ít khổ vì thân hiện tại là Bí-sô Vị-cô-la.

Lại có Thanh văn thường hành bố thí đạt đến sự bất diệt, hiểu rõ diệu nghĩa Không đệ nhất là Bí-sô Tu-bồ-đề.

Lại có Thanh văn luôn luôn ít nói là Bí-sô Ngang-đế-lý-dã.

Lại có Thanh văn đầy đủ Túc mạng trí, nói lên được những việc đã làm trong quá khứ là Bí-sô Du-tỳ-đà.

Lại có Thanh văn thường tu phạm hạnh, sống ở núi rừng là Bí-sô Hộ Quốc.

Lại có Thanh văn luôn có đầy đủ các dụng cụ để ngồi, nằm là Bí-sô Kiều-phạm-ba-đề.

Lại có Thanh văn luôn tinh tấn tiến tới được pháp định là Bí-sô Lý-phược-đa.

Lại có Thanh văn tu hành đoạn trừ những phiền não đã sinh là Bí-sô Na-la-đà.

Lại có Thanh văn khéo dùng các phương tiện để ngăn ngừa các phiền não chưa sinh là Bí-sô Di-xí-ca.

Lại có Thanh văn thường hành tâm Từ đầy đủ là Bí-sô Lê-bà-đa.

Lại có Thanh văn khéo hành tâm Từ ở những nơi chốn khổ đau là Bí-sô Tất Lăng-già-bà-ta.

Lại có Thanh văn với hạnh Xả ly rộng lớn là Bí-sô Bà-na-lê.

Lại có Thanh văn đủ sức Xả ly rộng lớn là Bí-sô Đức Thắng.

Lại có Thanh văn thông đạt tỏ rõ các thiện ác là Bí-sô Yết-nặc-ca-phược-tha.

Lại có Thanh văn đoạn trừ mau lẹ tham dục thế gian là Bí-sô Nan-đà.

Lại có Thanh văn đối với sân hận trừ diệt mau lẹ là Bí-sô Nhĩ-la.

Lại có Thanh văn siêng năng tu chứng thắng quả, đoạn trừ ngã mạn mau lẹ là Bí-sô Ma-na-phược.

Lại có Thanh văn diệt trừ nhanh chóng pháp ngu si là Bí-sô Bà-ra-đọa-nhã Ma-na-phược.

Lại có Thanh văn tu trì thanh tịnh, thông giải về nhân quả là Bí-sô Ma-na-phược.

Lại có Thanh văn thường tu thắng quả, đủ lợi căn lớn là Bí-sô Ương-quật-ma-la.

Lại có Thanh văn ba nghiệp điều hòa, các căn luôn dịu dàng thuận hợp là Bí-sô Tát-lý-ba-na-sa.

Lại có Thanh văn thường giỏi thưa hỏi các nghĩa lý vi diệu là Bí-sô Ma-hát-chỉ.

Lại có Thanh văn đầy đủ biện tài lớn trong ngôn luận là Bí-sô Ra-đà.

Lại có Thanh văn thường dùng nghĩa lý sâu xa để thưa hỏi với mẹ là Bí-sô Yết-la-ba.

Lại có Thanh văn thông thuộc pháp nghĩa, kết tập kệ tụng là Bí-sô Phược-nghĩ-xá.

Lại có Thanh văn nói ra lời gì luôn luôn chân thật là Bí-sô Vĩ-xá-hà Bán-tả-lê Tử.

Lại có Thanh văn dùng tâm thanh tịnh thường vui cầu pháp là Bí-sô Đạt-lý-di-ca.

Lại có Thanh văn tu hạnh hoan hỷ, đủ sức nhẫn nhục là Bí-sô Bố-lan-hoa.

Lại có Thanh văn từ trong quán pháp khéo đạt được bản tâm là Bí-sô Dã-thâu-na.

Lại có Thanh văn trong pháp thế gian rất giỏi chiêm tinh, xem tướng là Bí-sô Mật-lý-nga-thi-ra.

Lại có Thanh văn dùng tâm thù thắng khéo giải diệu pháp là Bí-sô Đạt-ma-ca.

Lại có Thanh văn luôn tự tại đối với dục, khéo rõ nẻo đến và đi là Bí-sô Bổ-đặc-già-la.

Lại có Thanh văn trong tất cả thời đều nói điều thiện là Bí-sô Ba-ma-na.

Lại có Thanh văn dùng các phương tiện thiện xảo để giảng giải diệu pháp là Bí-sô Đạt-lý-di-la.

Lại có Thanh văn hiểu nghĩa diệu pháp, giảng giải theo thứ lớp là Bí-sô Nga-phược-nại-đa.

Lại có Thanh văn trong tất cả thời nói pháp đều không hề biết mệt là Bí-sô Cát bế đát kế.

Lại có Thanh văn hình dáng nghiêm túc, trong tâm luôn hoan hỷ là Bí-sô Vô Năng Thắng.

Lại có Thanh văn thường thể hiện nhiều hoan hỷ là Bí-sô Chánh Giác.

Lại có Thanh văn tận lực tu tập về trí tuệ để chứng giải thoát là Bí-sô Thiện Sinh.

Lại có Thanh văn luôn nỗ lực để chứng đạt định tuệ giải thoát là Bí-sô Phược-sáp-ba.

Lại có Thanh văn dứt trừ được lòng tham là Bí-sô Nhãm-mô-ca.

Lại có Thanh văn khéo thực hiện đầy đủ sự giải thoát là Bí-sô Phệ-ra-thát-tinh-hạ.

Lại có Thanh văn tu trì thanh tịnh, luôn biết rõ những điều mình đã tin hiểu là Bí-sô Xoa-ma-ca.

Lại có Thanh văn trong thế gian luôn đạt được mọi sự thù thắng hơn hết là Bí-sô Ma-thất-ca.

Lại có Thanh văn trí tuệ thông tỏ các pháp cao thâm, biết được lý luận của ngoại đạo là Bí-sô Tối Thắng.

Lại có Thanh văn luôn đầy đủ chánh kiến, khéo dẹp ma quân là Bí-sô Tỷ-ngật-ra-trường-nhĩ.

Lại có Thanh văn thường dùng trí tuệ khéo phá được ngu mê là Bí-sô Nhã-ca-diếp.

Lại có Thanh văn thường hành bình đẳng là Bí-sô Phác-ngộ-ca.

Lại có Thanh văn tu tập trí thanh tịnh, giảm dần mọi thứ phiền não bụi bặm là Bí-sô Suất-lỗ-nô-cô-chỉ-yết-lan-nô.

Lại có Thanh văn trong con đường tiến tới của sự tu tập luôn đủ thanh tịnh lớn là Bí-sô Ô-đát-lỗ.

Lại có Thanh văn thân thể không khiếm khuyết, các căn đầy đủ là Bí-sô Ngang-nghĩ-lô.

Lại có Thanh văn trong sự tu trì luôn hiểu rõ pháp Không là Bí-sô Tiên Thọ.

Lại có Thanh văn đối với pháp Không luôn phát sinh sự tín giải sâu xa là Bí-sô Tôn-na.

Lại có Thanh văn đạt đầy đủ thần thông ngay nơi quả chứng của mình là Bí-sô Ma-hạ-ca.

Lại có Thanh văn khéo léo quán sát diệu nghĩa của tám nẻo giải thoát là Bí-sô Tín Trọng.

Lại có Thanh văn ngay trong các pháp uy nghi tỏa ra diệu sắc ưa thích là Bí-sô Mộ-hạ-ra-nhã.

Lại có Thanh văn luôn diễn nói rộng về các diệu lý, có đầy đủ quyến thuộc lớn là Bí-sô Tán-nhã-duệ.

Lại có Thanh văn đạt đầy đủ định tuệ, thường thọ nhận trời, người cúng dường là Bí-sô Thiện Hiện.

Lại có Thanh văn phát tâm xuất gia ưa tu tập Thánh hạnh là Bí-sô Tỳ-xá-la.

Lại có Thanh văn nhân duyên khổ mà phát tâm xuất gia là Bí-sô Một-lộc-trì-ca-bà-ra-đặc-nhã.

Lại có Thanh văn vì chán ghét muốn xa lìa nẻo luân hồi nên cầu xuất gia là Bí-sô Tôn-na-lý-ca Đế-lý-dã-cô.

Lại có Thanh văn giác ngộ về các pháp thế gian là không bền vững, chắc chắn, sinh tâm nhàm chán là Bí-sô Tôn-na-lý-ca Bà-ra-đặc-nhã.

Lại có Thanh văn trong sự yên lặng nghỉ ngơi dáng điệu luôn đoan chánh là Bí-sô Tát-thát-sắc-cô-ca.

Lại có Thanh văn luôn tu trì thanh tịnh tánh thuần hậu, ít biện bác là Bí-sô Ô-ba-nhĩ-ca.

Lại có Thanh văn thường riêng một mình dốc tinh tấn đầy đủ các hạnh tịch tĩnh là Bí-sô Nan-hỷ-ca.

Lại có Thanh văn khéo tu tập các pháp định tuệ, đạt được giải thoát lớn lao là Bí-sô Cảnh-tất-la.

Lại có Thanh văn đối với người ngu si mê lầm làm cho họ có thể đạt thanh tịnh là Bí-sô Long Hộ.

Lại có Thanh văn thường tu tịnh hạnh, xuất gia cuối cùng là Bí-sô Tu-bạt-đà-la.

Thế Tôn nói kệ:

Phạm hạnh ít tham dục
Trí tuệ với thần thông
Thiên nhãn và đa văn
Thanh tịnh dốc giữ luật
Bốn uy nghi an lạc
Đủ tiếng sư tử rống
Tin hiểu rất sâu xa
Giải phân biệt kinh luật
Vinh hiển cho tộc họ

Đủ tiếng lớn vi diệu
Sức tinh tấn khó lường
Khôn khéo làm luận giải
Có thần lực mau lẹ
Linh tháp thọ thỉnh trước
Nói thẳng, hành động chính
Giáo giới cho Tăng, Ni
Các căn thường ẩn mật
Luôn giữ giới thanh tịnh
Thân thể ít đau bệnh
Thường làm việc bố thí
Ít nói thường im lặng
Đầy đủ túc mạng trí
Nằm ngồi đều đầy đủ
Thường vui sống núi rừng
Đoạn phiền não đã sinh
Ngăn phiền não chưa hiện
Thường nhập Tam-ma-địa
Đại Từ và lợi ích
Trừ hẳn các lỗi lầm
Lòng Bi đoạn vòng khổ
Thường hành các pháp thiện
Mau trừ tướng ngã mạn
Dốc đoạn tham, sân, si
Các lợi căn thanh tịnh
Giải rõ pháp nhân quả
Luôn hỏi lý sâu xa
Các căn đều thuận hợp
Đầy đủ đại biện tài
Hỏi mẹ nghĩa sâu xa
Trình bày đều chân thật
Khéo kết tập kệ tụng
Đầy đủ sức nhẫn nhục
Thấu đạt được bản thân
Xem tướng tất biết rõ
Đủ nhẫn nhục hoan hỷ
Ý muốn thường tự tại
Thâm nhập cửa diệu pháp

Khéo dùng tuệ giải tâm
Thuyết rộng pháp vi diệu
Diễn pháp theo thứ lớp
Giảng rộng pháp không mệt
Luôn đầy đủ hoan hỷ
Chứng trí tuệ giải thoát
Đạt định tuệ giải thoát
Đã trừ sạch tham dục
Thâm nhập giải thoát môn
Thông tỏ, tự tín giải
Tối thắng trong thế gian
Phá được ngoại đạo luận
Khai hóa hết ngu si
Thường quá các ma quân
Xuất gia xả khổ não
Trí thanh tịnh ít trần
Đủ các căn viên mãn
Hiểu pháp không, bất nhị
Đắc đủ sức thần thông
Quán thông tám giải thoát
Vui nhận y diệu sắc
Có quyến thuộc to lớn
Nhận trời người cúng dường
Vì lòng tin xuất gia
Thường hành hạnh bình đẳng
Chán đời, vui xuất gia
Rất nhàm khổ luân hồi
Thường hành tâm tịch tĩnh
Đủ thiểu phần biện tài
Sinh hoạt thường yên tịnh
Hạnh giải thoát rất sâu
Thanh tịnh cho người ngu
Đủ công đức như vậy.
Nên gọi A-la-hán.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

–Trong chúng này, có mười vị là đại Thanh văn. Nay Ta sẽ nói, các ông hãy lắng nghe.

Đó là Bí-sô Kiều-trần-như, Bí-sô Ca-chiên-diên, Bí-sô Phú-lâu-na,

Bí-sô Bạt-câu-la, Bí-sô Ly-bà-đa, Bí-sô Ương-quật-ma-la, Bí-sô Da-thâu-na, Bí-sô Tô-nhã-đa, Bí-sô Cổ-chỉ-yết-lan-nô, Bí-sô Phệ-xá-ly. Mười đại Thanh văn này là bậc Thượng thủ trong chúng Thanh văn.

Thế Tôn lại bảo các Bí-sô:

–Nay Ta tán dương các đại Thanh văn Bí-sô-ni, tu hành đạt đức độ ở quả vị của mình. Trong các Bí-sô-ni của ta, có đại Thanh văn Bí-sô-ni, từ bỏ vương tộc xuất gia đã lâu, uy nghi thanh tịnh, thường tu phạm hạnh là Bí-sô-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề.

Thiểu dục, tri túc, hành hạnh Đầu-đà là Bí-sô-ni Bát-thát-tả-ra.

Trí tuệ sâu rộng, có đại biện tài là Bí-sô-ni Thiện Tướng.

Thường hành thiện, uy đức không đổi là Bí-sô-ni Liên Hoa Sắc.

Dốc tâm tu trì, khéo đạt Thiên nhãn là Bí-sô-ni Tô-ma.

Tu tập về văn tư tuệ, có được sự hiểu biết rộng lớn là Bí-sô-ni Thâu-bà-yết-lý-ma-ra nữ.

Nghiêm trì giới luật, đầy đủ khuôn phép là Bí-sô-ni Ngật-lý-xá.

Có khả năng trình bày giỏi các diệu pháp là Bí-sô-ni Thí Pháp.

Thường dùng lòng từ bi để tuyên dương các diệu pháp là Bí-sô-ni Thích nữ Đạt-ma.

Tịnh tu Thánh đạo làm vẻ vang cho dòng họ là Bí-sô-ni Đại Bạch.

Tín cầu quả lớn, tín tâm xuất gia là Bí-sô-ni, mẹ trưởng giả Thất-kha-la-ca.

Trồng nhân tốt từ đời trước nên có đủ phước đức lớn là Bí-sô-ni Da-thâu-đà-la, mẹ của La-hầu-la.

Thường ái mộ sự tu trì, có đầy đủ sự tinh tấn lớn lao là Bí-sô-ni Loa Kế.

Tự nói quả chứng thông đạt đầy đủ là Bí-sô-ni Hiền.

Trí tuệ sâu xa, giải rõ kinh luật là Bí-sô-ni Diệu Cảnh.

Các Bí-sô-ni này là bậc Thượng thủ trong đại chúng.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói với các Bí-sô:

–Các ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nêu lên những Ô-ba-tát-ca *(Cận sự nam)* có tín tâm tu hành theo hạnh của mình.

Phát lòng tin quy y Tam bảo đầu tiên là Ô-ba-tát-ca Bố-tát, Ô-ba-tát-ca Bạt-lê ở Ô-lỗ-vĩ-loa.

Hành trì đầy đủ thanh tịnh giới pháp là Ô-ba-tát-ca, cha của Na-cô-la ở Bà-nghĩ-sác.

Thường cúng dường Tăng chúng là trưởng giả Cấp Cô Độc ở thành Xá-vệ.

Từng tu nhân bậc Thánh, có đủ phước đức lớn là trưởng giả Thiện Thọ ở thành Xá-vệ.

Thường cúng dường y phục, thực phẩm đến chúng Tăng là trưởng giả Tối Thủ ở thành Quảng nghiêm.

Đối với Phật, Pháp, Tăng thường bố thí đủ các loại là trưởng giả Đồng Sinh ở thành Vương xá.

Thường chu cấp thuốc cho người đau bệnh là trưởng giả Đại Danh ở thành Ca-tỳ-la.

Thường hành hạnh Từ bi từ nơi tín tâm là trưởng giả Mật-trà-ca ở thành Đại hiền.

Thường dùng bốn Nhiếp pháp giáo hóa các hội là trưởng giả Tâm-hạ-tất-đa-ca và A-thát-phược-ca, đồng ở Đại dã.

Khi mới phát lòng tin đã đủ đại trí là trưởng giả Ô-ba-ly ở thành Na-lan-đà.

Có thể giữa hội chúng rống lên tiếng sư tử để đàm luận là trưởng giả Dũng Mãnh ở thành Vương xá.

Có đại trí tuệ, giỏi luận bàn, phá luận sư ngoại đạo, là trưởng giả Nột-lý-mục-kha-lật-sai-vĩ ở thành Quảng nghiêm.

Thường giảng pháp thuyết vi diệu cho đại chúng là trưởng giả Tức-đát-lỗ ở thành Tô-ba-la-ca.

Khi đàm luận, đầy đủ biện tài là vua Thắng Quân ở đô thành Xá-vệ.

Trong những người tín tâm, có lợi căn đệ nhất là em vua Kha-lộ ở thành Xá-vệ.

Trong những người có tín tâm, có đầy đủ trí tuệ lớn là Tiên thọ Ô-ba-tát-ca ở thành Xá-vệ.

Trong những người có tín tâm thường tu phạm hạnh là Ô-ba-tát-ca Bố-ra-noa ở thành Xá-vệ.

Đầy đủ các thứ châu báu, kho tàng phong phú, lãnh đạo nhân dân đa văn đệ nhất là vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà, kinh đô là thành Vương xá.

Thân cận Tam bảo phát tâm Bồ-đề, ở thế gian có nhiều con cái là trưởng giả Nhĩ-phược-ca ở thành Vương xá.

Tín tâm, tinh tấn, thông đạt mau lẹ là vương tử Vô Úy ở thành Vương xá.

Từ bỏ việc cũ, sinh tâm tín giải là vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy ở nước Ma-già-đà, kinh đô là thành Vương xá.

Những Ô-ba-tát-ca này là bậc Thượng thủ trong đại chúng.

Thế Tôn lại bảo các Bí-sô:

–Các ông lắng nghe, nay Ta nói về Ô-ba-tát-kết *(Cận sự nữ)*, là những người có tín tâm theo đạo của mình. Đó là:

Người phát lòng tin đầu tiên quy y Phật, Pháp, Tăng là Ô-ba-tát-kết Nan-na và Ô-ba-tát-kết Nan-na-lực ở Ô-lỗ-vĩ-loa.

Khi mới phát tâm đã tin hiểu giới pháp là mẹ trưởng giả Nặc-cô-la, ở Bà-nghĩ-sắc. Thường cúng dường đến chúng Tăng là Ô-ba-tát-kết, mẹ của Tỳ-xá-khư ở thành Xá-vệ.

Tiền kiếp bố thí gieo nhân giàu có đầy đủ phước đức lớn là mẹ của trưởng giả Lý-đề-la ở thành Xá-vệ.

Lo tìm kiếm thuốc thang cung cấp cho người bệnh khổ là vợ của trưởng giả Đại Quân ở thành Ba-la-nại.

Đối với người bệnh thường chăm sóc là vợ trưởng giả Thiện Ái, ở thành Ba-la-nại.

Phát lòng tin đã lâu, thường hành Từ hạnh là Ô-ba-tát-kết Nại-ma-phược-đế, ở nước Kiều-diệm-di.

Ở giữa chúng hội, đa văn đệ nhất là Ô-ba-tát-kết Cô-một-nhu-đát ra, ở nước Kiều-diệm-di.

Có đại biện tài thường giảng diệu pháp một cách thiện xảo là vương nữ Thiện Ý, ở thành Xá-vệ.

Phát tín tâm đã lâu, đầy đủ đại trí là vương nữ Tôn-na ở thành Vương xá.

Về hình tướng là người xinh đẹp đoan nghiêm nhất, là Vương nữ Chánh Giác ở thành Vương xá.

Ý thường tin hiểu khéo phát tâm Bồ-đề là vợ trưởng giả Một-đát-na ở thành Vương xá.

Sống trong thế gian, có nhiều con cái nên người là vợ của trưởng giả Nhĩ-phược-ca, ở thành Vương xá.

Thường khéo siêng năng tu trì, đầy đủ tinh tấn, là vợ của trưởng giả Suất-lỗ-nô, ở thành Chiêm-ba.

Thường cúng dường chỗ ở cho chúng Tăng là con gái của trưởng giả Nan-na, ở trong rừng Trúc.

Phát tín tâm đã lâu, hiểu sâu xa về thiền định là Ô-ba-tát-kết Kha-

lộ ở rừng Trúc.

Những Ô-ba-tát-kết này là bậc Thượng thủ trong đại chúng.

Bấy giờ chúng đại Bí-sô và các hàng Trời, Người, A-tu-la… nghe Phật dạy, đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 127

PHẬT NÓI KINH BỐN HẠNG NGƯỜI Ở THẾ GIAN

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc đi chiếc xe quý sang trọng, cùng với quần thần tùy tùng, ra khỏi thành Xá-vệ, đến vườn Cấp cô độc, tới chỗ Đức Thế Tôn, lạy sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, muốn nghe thuyết pháp.

Thế Tôn nói với vua Ba-tư-nặc:

–Có bốn hạng người có mặt trong thế gian. Bốn hạng người ấy là những ai?

1. Có người trước xấu sau đẹp.

2. Có người trước đẹp sau xấu.

3. Có người trước xấu sau xấu.

4. Có người trước đẹp sau đẹp.

Người thế nào là trước xấu sau đẹp? Có người sinh trong gia đình ti tiện, như gia đình Chiên-đà-la, gia đình hèn mọn, gia đình làm công, gia đình làm nghề cạo râu tóc, gia đình bần cùng; không có chỗ gieo trồng lương thực, ăn không đủ no chỉ ăn những thức ăn dở. Sinh vào những nhà ấy nhan sắc thường xấu xí không ai ưa nhìn, bị mọi người khinh chê. Đối với việc thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, họ đã thân tu theo thiện hạnh, miệng tu theo thiện hạnh, ý tu theo thiện hạnh. Khi gặp Sa-môn, Bà-la-môn sinh ý khiêm nhường, cúng kính phục vụ đúng lúc. Gặp người cúng dường lòng thật sự vui mừng. Khi qua đời, sinh vào cảnh giới thiện, cõi trời. Cũng như người từ dưới đất bước lên giường nhỏ, từ giường nhỏ bước lên giường lớn, từ giường lớn leo lên ngựa, từ ngựa leo lên voi, từ voi lên tới giảng đường rộng. Vì vậy, Ta nói rằng người này trước xấu sau đẹp.

Người như thế nào là trước đẹp sau xấu? Có người sinh trong gia

đình tôn quý như gia đình dòng Sát-lợi lớn, gia đình Bà-la-môn lớn, gia đình trưởng giả lớn, gia đình vua, gia đình thái tử, gia đình đại thần, hay các gia đình danh vọng, tướng mạo khôi ngô không ai bằng, sắc đẹp như hoa đào. Nhưng người ấy thân làm việc ác, miệng nói điều ác, ý nghĩ việc ác. Người ấy khi gặp Bà-la-môn, các vị Tôn trưởng, tâm không cung kính không chào hỏi, cũng không nói chuyện. Họ thấy người khác cúng dường, sinh tâm ganh ghét. Tà kiến này do nhận thức chưa đúng. Từ đấy phát sinh ra tà kiến: không có bố thí, không có phước đức không có người nhận, không có hành động thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có cha mẹ, trên đời không có các vị A-la-hán, các vị tu hành diệu hạnh, mau chóng chứng đắc và an vui với đạo pháp của mình. Người ấy vì chấp chặt như vậy nên tạo thành các tà kiến, ác kiến. Khi họ qua đời, sinh vào ba đường ác như địa ngục. Cũng như có người từ nơi giảng đường rộng lớn bị hạ bệ xuống ngồi nơi cổ voi, từ nơi cổ voi xuống ngựa, từ ngựa xuống giường lớn, từ giường lớn xuống giường nhỏ, từ giường nhỏ xuống nằm dưới đất. Vì vậy Ta bảo rằng, người này trước đẹp sau xấu. Hạng người như vậy là trước đẹp sau xấu.

Hạng người nào trước xấu sau xấu? Có người sinh trong gia đình ti tiện, như gia đình Chiên-đà-la, gia đình hèn mọn, gia đình làm công, gia đình làm việc cạo râu tóc, các gia đình bần tiện, ăn uống không đủ. Nếu được ăn, chỉ ăn các món dở, khó nếm. Đã sinh vào các gia đình ấy họ lại thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Thân đã làm ác, miệng đã nói ác, ý đã nghĩ ác, khi có tiếp xúc với Sa-môn, Bà-la-môn, các vị Tôn trưởng, họ cũng không tôn kính chào hỏi, không nói chuyện. Đó là tà kiến, tương đương với nhận thức chưa rõ ràng. Người ấy có nhận thức: không có bố thí, không có phước báo, không có người nhận, không có quả báo của hành động thiện ác, cũng không có đời này, đời sau; không cha, không mẹ. Trên đời không có Sa-môn, Bà-la-môn… tu hành. Đời này đời sau, không có các vị A-la-hán chứng đắc mau chóng, sống an vui trong quả chứng của mình. Người này tương ưng với ác kiến, khi qua đời sinh vào ba ác đạo như địa ngục. Giống người từ chỗ tối đến chỗ tối, từ ngu si đến ngu si. Do đó, Ta nói rằng người này trước xấu sau xấu. Người như vậy là trước xấu sau xấu.

Hạng người nào là trước đẹp sau đẹp? Có người sinh vào gia đình tôn quý, như sinh vào gia đình dòng Sát-lợi lớn, gia đình dòng Bà-la-môn lớn, gia đình dòng trưởng giả lớn, gia đình vua, gia đình thái tử, gia đình đại thần, rất giàu có nhiều tài sản, vật báu. Người ấy lại rất khôi ngô, không ai bằng, sắc đẹp như hoa đào. Người ấy thân làm thiện, ý nghĩ thiện, miệng nói ý thiện. Người ấy làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện rồi, khi gặp

Sa-môn, Bà-la-môn, các vị Tôn trưởng liền cung kính chào hỏi, phục vụ cung cấp cúng dường. Họ thấy người khác đến cúng dường phục vụ lễ kính, liền sinh tâm hoan hỷ. Họ tương ưng với Chánh kiến, không tương ưng với điên đảo, nên có nhận thức, có bố thí, có phước báo, có người nhận kết quả, có hành động thiện ác, có đời này đời sau, có cha mẹ. Trên thế gian, có Sa-môn, Bà-la-môn… tu hành phạm hạnh. Đời này đời sau, có các vị A-la-hán chứng đắc nhanh chóng, an vui trong quả chứng. Người ấy đã thành tựu Chánh kiến, khi qua đời thì sinh lên cõi trời. Cũng như người từ giảng đường đến giảng đường, từ nhà lớn này đến nhà lớn khác, từ cung điện này đến cung điện khác. Do đó, Ta nói rõ rằng người kia trước đẹp sau đẹp. Người như vậy là trước đẹp sau cũng đẹp.

Này Đại vương, bốn hạng người như vậy có mặt trong thế gian.

Thế Tôn nói kệ:

Đại vương, người bần tiện
Có chánh tín bố thí
Gặp Sa-môn, Phạm chí
Và những người cầu xin
Cung kính lễ phục vụ
Tu hành các nghiệp thiện
Thấy cho, thường vui mừng
Bố thí người đến xin
Thí này nghiệp vi diệu
Không nhận quả báo xấu.
Này Đại vương, người ấy
Đến khi họ qua đời
Sinh cõi Tam thập tam
Trước xấu nhưng sau đẹp.
Đại vương, người giàu sang
Không tin, lòng đố kỵ
Thường hành động phi pháp
Tà kiến không có thầy
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Và những người cầu xin
Phỉ báng thường mắng nhiếc
Xan tham như không tiền
Thấy người cho ngăn cấm
Người xin cũng không cho
Sống vậy tạo nghiệp xấu

Phải nhận quả báo xấu.
Này đại vương, người này
Đến khi họ qua đời
Phải bị đọa địa ngục
Trước đẹp nhưng sau xấu.
Đại vương, người bần tiện
Không tin, lại tham lam
Thường hành động phi pháp
Tà kiến vì không thầy
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Và những người đến xin
Phỉ báng thường mắng nhiếc
Keo kiệt nói không tiền
Thấy người cho ngăn cấm
Người xin cũng không cho
Sống vậy, tạo ác nghiệp
Phải nhận quả báo xấu.
Này đại vương, người này
Đến khi họ qua đời
Phải đọa vào địa ngục
Trước xấu sau cũng xấu.
Đại vương, người giàu có
Chánh tín thường bố thí
Thấy Sa-môn, Phạm chí
Và những người đến xin
Phục vụ, cung kính lễ
Tu hành các nghiệp thiện
Thấy cho thường vui mừng
Người xin đến bố thí
Sống tạo nghiệp vi diệu
Không nhận quả báo xấu.
Này đại vương, người ấy
Đến khi họ qua đời
Sinh cõi Tam thập tam
Trước đẹp sau cũng đẹp.

Này đại vương, cần phải tu học như vậy. Này đại vương, cần phải học theo nẻo, trước đẹp, sau cũng đẹp. Đừng học theo trước xấu, sau cũng xấu. Này đại vương, nên học tập như vậy.

Vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 128 (A)

KINH TU-MA-ĐỀ NỮ

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Trong thành ấy, nơi gia đình trưởng giả A-na-bân-trì có người con gái tên Tu-ma-đề. Cô này đã trồng nhân lành từ lâu đời nên tự nhiên đặc biệt hơn người thọ trì hạnh cao thượng của Phật, tịnh tâm trong phòng thanh tịnh có tính cách huyền diệu.

Trong thời ấy, ở thành Mãn phú, có trưởng giả Mãn Tài, lặn lội đi đến các nước xa để tìm thiếu nữ chính chuyên. Nhân dịp tới thành Xá-vệ, ông ta gặp gỡ trưởng giả Bân-trì. Trà tiệc xong hai bên vẫn vui vẻ tâm sự. Nàng Tu-ma-đề kính nể vị ấy là bậc Tôn trưởng nên ra chào hỏi và thu dọn với cử chỉ thùy mị, thân hình xinh đẹp, mặt tươi như trăng vừa tròn, mắt long lanh như ánh sáng sao băng. Mãn Tài hỏi Bân-trì:

–Cô con gái này là con gái nhà ai?

Bân-trì đáp:

–Đó là con gái tôi.

Mãn Tài nghe như vậy rất vui mừng, khen ngợi, nói:

–Tôi với bạn quen nhau từ nhỏ, tình nghĩa tròn đầy, không như người ngoài. Tôi có con trai, đang muốn chọn người đoan trang, nhưng chưa định nơi nào. Con gái bạn có thể kết hôn với con tôi.

Trưởng giả Bân-trì nói:

–Việc này không nên.

Mãn Tài giận trách:

–Tại sao việc này lại không nên? Vì không môn đăng hộ đối hay mức sống chênh lệch? Bạn hào tộc phú quý, tôi cũng hào tộc phú quý; vậy tại sao việc này lại không nên?

Bân-trì trình bày:

–Con gái tôi luôn luôn niệm Phật, giữ gìn trai giới, gia đình bạn theo truyền thống thờ thần sát sinh ăn uống đồ mặn. Vì truyền thống không đồng nên việc này không nên.

Mãn Tài bảo Bân-trì:

–Gia đình bạn tự cúng dường theo tín ngưỡng riêng. Gia đình tôi tự cúng dường theo tín ngưỡng riêng. Tuy tín ngưỡng khác nhau, mỗi người làm theo điều hay của mình, có trở ngại gì?

Bấy giờ Bân-trì không muốn gả con, nên cố đưa ra điều khó khăn để từ chối:

–Tôi đòi hỏi bạn phải có vạn cân vàng ròng, trăm hạt minh châu, gan rồng làm sính lễ, đưa tủy của Phụng hoàng sinh làm thức ăn. Nếu được như vậy tôi sẽ gả con.

Trưởng giả Mãn Tài nghe vậy rất mừng, hứa:

–Tôi có thể cung ứng thỏa mãn mọi yêu cầu.

Bân-trì lại nói:

–Tôi đưa ra thế cho vui chứ chưa thật tình. Tôi phải xin ý kiến của Đức Phật, sau đó mới quyết định.

Trưởng giả Bân-trì liền đến hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn, nay trưởng giả Mãn Tài ở thành Mãn phú, cầu hôn Tu-ma-đề nữ cho con trai ông ta, vậy con nên đồng ý hay không?

Phật dạy:

–Nếu gả Tu-ma-đề nữ sang nước kia thì sẽ độ vô số chúng dân không thể tính hết được.

Bân-trì trở về nói với Mãn Tài:

–Sau đây mười lăm ngày, gia đình bạn phải chuẩn bị đầy đủ lễ nghi. Mãn Tài nghe xong vui mừng, vội vã trở về nhà.

Thời bấy giờ, thành Mãn phú cách xa thành Xá-vệ ba ngàn hai trăm dặm. Trưởng giả Mãn Tài trên đường đi sử dụng đoàn xe gồm vạn chiếc, tùy tùng đi theo như đám ngựa đẹp, cờ bay rợp trời, tiếng chuông vang đất, thể nữ luân phiên giúp đỡ, hầu trai thay nhau phục vụ.

Trước đó, trưởng giả A-na-bân-trì đã làm cho con gái mình mười hai loại xe quý. Đầu tiên dùng hoa sen đỏ lót bên trong, ngọc ma-ni phủ bên ngoài, giăng nhiều lớp vàng ròng, vây quanh bằng lưới bạc trắng, trưng bày hổ phách, san hô, lưu ly, xa cừ, lẫn với mã não chen giữa thủy tinh; lưu ly xếp hàng sáng rực trang trí khắp nơi, lại treo nhiều lớp đá tía khắp nơi, lay

động tự nhiên. Do đó, các loại ánh sáng cùng phát ra phản chiếu lên nhau. Người đứng xa nhìn bỗng thấy bóng bên Đông nghiêng sang bên Tây. Đứng gần xem thì hai mắt chói lòa.

Thuở ấy, nơi thành Mãn phú đã có quy chế từ trước là dân trong thành có con gái gả sang nước khác phải bị phạt nặng. Ai tìm vợ ở nước khác đưa về trong thành cũng bị phạt nặng. Người phạm quy chế này thì bị phạt bằng cách phải cúng dường cho sáu ngàn Phạm chí và đủ các món ăn theo yêu cầu của họ là canh xúp thịt heo, rượu cất ba lần. Ông Mãn Tài biết mình phạm quy chế, nên thỉnh nhiều nhóm Phạm chí đến nhà bày những bàn tiệc lớn, sai Tu-ma-đề nữ làm lễ các Phạm chí ấy. Tu-ma-đề nữ nói:

–Tôi tuy phận gái nhưng ý chí cương cường không thể chịu khuất phục. Thầy trò đám Phạm chí này khác nào một đàn bò, nghé. Thân hình xấu xí, tham ăn vị ngon, không chút hổ thẹn, khác gì súc sinh. Thà chịu hình phạt, chứ tôi không thể nào lễ bái họ.

Bấy giờ, sáu ngàn Phạm chí nghe nói thế đều tức giận bảo:

–Tiện tỳ con nhà dân dã hèn mọn ở đâu, dám đến đây nhục mạ chúng ta.

Ngay khi đó, họ bèn giải tán, rồi đi đến các nơi bảo với những nhóm chống đối, chọn lúc cùng dẫn tới giết sạch nhà Mãn Tài và năm họ của ông ta. Ông Mãn Tài nghe tin vội trốn ngay lên lầu cao, kêu trời oán đất:

–Tại sao đòi làm hại cả năm họ của tôi.

Vì thế, ông ta lo buồn không biết giải quyết bằng cách nào.

Bấy giờ Tu-bạt bay lên lầu, thấy Mãn Tài ưu sầu, bèn hỏi:

–Bạn vừa bị trộm cướp xâm phạm hay trong nhà vừa có người chết chưa chôn, mà dung mạo ưu sầu như vậy?

Mãn Tài đáp:

–Chẳng phải người chết, hay bị trộm cướp gì cả, chỉ vì hôm qua con dâu tôi hủy báng, nhục mạ các sư trưởng khiến bị liên hệ đến năm họ, vì vậy nên tôi ưu sầu không cách gì giải quyết.

Tu-bạt hỏi Mãn Tài:

–Bạn cưới dâu ở đâu?

Mãn Tài đáp:

–Con gái của trưởng giả Bân-trì ở thành Xá-vệ.

Tu-bạt nghe vậy kinh hoàng, sợ hãi nói:

–Nay con dâu bạn đến ở đây, chúng ta sắp gặp một chuyện quan trọng lắm.

Mãn Tài hỏi:

–Tại sao bạn biết việc này?

Tu-bạt trả lời:

–Trước đây, tôi cùng vị Sa-di nhỏ nhất mới ba, bốn tuổi của Xá-lợi-phất tên Quân-đầu, đi đến phía Bắc Tuyết sơn khất thực, vừa đầy một bát. Tôi liền bay lên cao đến bờ ao A-nậu. Tại bờ ao ấy, có Trời, Rồng, Quỷ thần hộ vệ hồ nước, không cho tôi đến gần. Lúc ấy Sa-di Quân-đầu cũng vừa bay tới. Trời, Rồng, Quỷ thần lại vui mừng tán thán: "Lành thay!" Rồi dùng chiếc án bằng vàng mời ngồi, phụng sự hết sức chu đáo. Chỉ trong khoảnh khắc, Quân-đầu đã vượt lên định Tứ không rồi trở về chỗ cũ. Đây là vị Sa-di rất nhỏ mà có thần đức như vậy, huống chi là Bậc Đại Sư mà họ tôn thờ.

Mãn Tài hỏi:

–Có thể gặp được Bậc Đại Sư của họ không?

Tu-bạt đáp:

–Nếu muốn gặp Đại Sư của họ, tốt nhất là nhờ Tu-ma-đề nữ.

Mãn Tài liền xuống lầu, cung kính nói với Tu-ma-đề nữ:

–Vị Đại Sư con đang tôn thờ, có thể gặp Ngài được không?

Tu-ma-đề đáp:

–Nếu trưởng giả hồi tâm chuyển ý, tự mình dốc hết sức hướng về đạo đức. Con sẽ vì trưởng giả, xoa hương vào thân lên lầu thỉnh Ngài ở nơi xa.

Tu-ma-đề nữ nói xong liền dùng hương xoa vào thân, đi lên tầng lầu cao nhất hướng về Đức Phật, bạch:

–Thế Tôn, con gái đang gặp nạn vì bọn tà áp bức. Ngưỡng mong Thế Tôn đại Từ đại Bi cứu giúp qua nguy ách.

Bấy giờ mùi hương như mây bay qua đến tinh xá Kỳ hoàn, Tôn giả A-nan thấy mùi hương khác với mùi hương thường gặp, bèn bạch Phật:

–Thế Tôn, mùi hương này là mùi hương lạ bay từ đâu đến?

Đức Phật nói:

–Mùi hương này là hương của sứ giả tìm đến gặp Phật. Tu-ma-đề nữ đang ở thành Mãn phú, bị các tà đạo áp bức, nên khiến mùi hương này tìm đến đây thỉnh Ta và các ông. Hãy mau đánh kiền chùy tập hợp chúng, tất cả hội tụ tại giảng đường, bảo họ rằng: "Nay Tu-ma-đề nữ đang ở thành Mãn phú bị chúng tà đạo áp bức, nên sai mùi hương đến thỉnh Phật và hiện tiền đại chúng. Nếu vị nào chứng đắc thần thông thì nhận thẻ, ai chưa chứng đắc thì im lặng".

Lúc ấy, trong chúng hội có các vị Châu-lợi-bàn-đặc-già, Phật tử La-vân, Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất, Ca-diếp, Mục-kiền-liên… Trong chúng có một Sa-di tên Quân-đầu chưa thọ giới Cụ túc, nhưng là người nhận thẻ đầu tiên. Sau khi giám sát lộ trình của Thánh chúng sẽ đi, A-nan bạch Phật:

–Trong nước kia không có dụng cụ lớn để nấu thức ăn.

Càn Tự được sai vác chảo lớn đi trước. Càn Tự tuy là người thừa hành, nhưng đầy đủ ngũ thông, lưng vác chảo lớn vạn hộc, tay cầm chảo lớn trăm hộc, vọt thân bay cao hướng về nước ấy.

Bấy giờ Mãn Tài ở tầng lầu chót từ xa trông thấy, bảo Tu-ma-đề:

–Ta thấy một người lưng vác chảo lớn ngàn hộc, tay cầm muỗng lớn trăm hộc, từ không trung bay đến đây, có phải là Thầy con không?

Tu-ma-đề nói:

–Đó không phải là Thầy con, mà là sứ giả của Tăng chúng tên Càn Tự. Thế Tôn muốn đến đây nên sai vác chảo đi trước.

Tiếp theo là Sa-di Quân-đầu, hóa ra trăm cây hoa, ngồi kiết già trên các cây hoa ấy, vọt thân bay lên cao cũng hướng về nước kia. Mãn Tài ở tầng lầu chót từ xa trông thấy, bảo Tu-ma-đề:

–Ta trông thấy có người ngồi kiết già trên trăm cây hoa. Từ hư không bay đến đây, đó là Thầy của con phải không?

Tu-ma-đề thưa:

–Không phải là Thầy con. Đó là vị Sa-di nhỏ nhất của ngài Xá-lợi-phất tên là Quân-đầu.

Rồi đến Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc hóa ra năm trăm con sư tử, cùng rống lên một loạt tiếng, bay từng hàng chạy theo nhau, Tôn giả kiết già trên chúng, vọt thân bay cao, hướng về nước ấy. Mãn Tài ở tầng lầu chót từ xa trông thấy, bảo Tu-ma-đề:

–Ta trông thấy năm trăm con sư tử cùng rống lên một loạt tiếng, bay từng hàng chạy theo nhau, người ngồi kiết già trên chúng, từ hư không bay đến đây là Thầy con phải không?

Đáp:

–Đấy không phải là Thầy con, mà là đệ tử của Đức Như Lai tên Châu-lợi-bàn-đặc-già.

Đến lượt Phật tử La-vân hóa ra năm trăm Kim sí điểu vương, ngồi kiết già trên chúng, vọt thân bay cao hướng về nước đó. Mãn Tài ở tầng lầu chót từ xa trông thấy, bảo Tu-ma-đề:

–Ta trông thấy năm trăm Kim sí điểu vương, có người ngồi kiết già

trên chúng, từ hư không bay đến đây, đó là Thầy con chăng?

Đáp:

–Đó không phải là Thầy con, là Phật tử La-vân, đệ tử của Đức Như Lai.

Tiếp đến, Tôn giả Tu-bồ-đề hóa ra năm trăm voi chúa, đều có sáu ngà, mang bành vàng, ngồi kiết già trên chúng, vọt thân đẳng vân lên hư không cũng hướng về nước kia. Mãn Tài ở tầng lầu chót từ xa trông thấy, bảo Tu-ma-đề:

–Ta trông thấy năm trăm voi chúa đều có sáu ngà, mang bành vàng, có người ngồi kiết già trên chúng, từ hư không bay đến đây, đó là Thầy con phải không?

Đáp:

–Không phải là Thầy con, đó là đệ tử của Đức Như Lai, tên Tu-bồ-đề.

Tới lượt Mục-kiền-liên hóa ra bảy núi báu, ngồi kiết già trên chúng, vọt thân bay cao, hướng về nước ấy. Mãn Tài ở tầng lầu chót từ xa trông thấy, bảo Tu-ma-đề:

–Ta nhìn thấy bảy núi báu, có người ngồi kiết già trên chúng, từ hư không bay đến đây, đó là Thầy con chăng?

Tu-ma-đề nữ đáp:

–Đó không phải là Thầy con, mà là vị đệ tử thần túc bậc nhất của Đức Như Lai tên Mục-kiền-liên.

Đến lượt Thượng tọa Đại Ca-diếp hóa ra năm trăm con rồng lớn, đều có mặt trời sáng vọt lên hư không. Ngài ngồi kiết già trên chúng, vọt thân bay cao hướng về nước kia. Mãn Tài ở tầng lầu chót từ xa trông thấy, bảo Tu-ma-đề:

–Ta trông thấy năm trăm rồng lớn đều có bảy đầu như mặt trời sáng vọt lên trời, có người ngồi kiết già tên chúng, từ hư không bay đến, đó là Thầy con chăng?

Tu-ma-đề nữ đáp:

–Không phải là Thầy con, mà là Thượng tọa Ca-diếp, đệ tử của Đức Như Lai.

Bấy giờ Tu-ma-đề nữ vì trưởng giả nói kệ:

Thầy tôi sắp đến đây
Quang minh không ai bằng
Trưởng giả nhất tâm niệm
Đừng nghĩ tưởng chuyện khác.

Lúc ấy Đức Như Lai biết tâm niệm của chúng sinh đã đến lúc gặp cơ hội sẽ được hóa độ, Ngài bèn đắp y Tăng-già-lê, bay lên hư không cao cách mặt đất bảy cây đa-la, sắc thân màu vàng ròng, ánh sáng chiếu đẹp đẽ rực rỡ. A-nhã-xa-lân ở bên trái Như Lai, Xá-lợi-phất thì ở bên phải, A-nan nương theo uy thân của Phật hầu ở bên trái Như Lai. Các Tỳ-kheo khác tự mình hiện thần biến với trăm ngàn vạn cách, giăng kín cả hư không, nương theo mây đến chốn đó. A-nhã-xa-lân hóa thành Nguyệt thiên tử, Xá-lợi-phất hóa thành Nhật thiên tử, các Tỳ-kheo khác hóa thành Trì Quốc thiên vương, hoặc hóa làm Tăng Trưởng thiên vương, có vị hóa thành Tu-la vương, Càn-thát-bà vương, đánh trống, đàn; binh đua nhau nổi dậy hằng-hà-sa số. A-tu-luân phía Đông đưa quân đánh dẹp quân ma hầu. Chuyển luân thánh vương ở phía Tây đưa quân bình định quân ma công. Càn-thát-bà vương trong tay thống lãnh trăm ức ma binh, lùi lại tuần hành ở hậu quân. Phạm thiên vương làm đô lục trung quân. Văn-thù-sư-lợi cùng với Như Lai làm khuôn bộ đại thần, thống lãnh trong ngoài, quản lý các đội quân một lòng phát khởi. Lực sĩ Mật Tích tay cầm chùy Kim cang hộ vệ hai bên Như Lai. Thiên ma Ba-tuần tay ôm đàn lưu ly tán dương đại pháp. Tỳ-sa-môn tay cầm lọng lớn bằng bảy báu che trên chỗ cao nhất của Đức Như Lai. Các vị Hiền thánh khác đều ở trên hư không tấu nhạc ca xướng.

Bấy giờ Đức Như Lai hiện tướng thần biến trăm ngàn vạn loại tiếng chuông, vang dậy cả mặt đất. Ngay lúc ấy, hoặc Ngài hiện thần thông biến hóa, hoặc nhập Hỏa vương Tam-muội khói lửa rực rỡ, hoặc nhập Thủy vương Tam-muội cát bay sóng vọt, hoặc hóa điện quang sáng rực của lôi công, hoặc hóa sương bay mưa đá nổi dậy. Ngay lúc ấy, mây mười phương kéo đến, trời đất chuyển động. Trăm dòng hướng về phương Tây, ánh sáng phương Đông bị chìm mất. Năng lực của Bậc Thánh như vậy, không nơi nào là không kính phục. Khi đó sáu ngàn ngoại đạo thảy đều phục tùng thần hóa. Thế Tôn làm cho Tu-ma-đề nữ đạt được pháp nhãn thông suốt. Trong thành sáng rực, có tới tám vạn bốn ngàn người dân, đồng thời thấy được đạo pháp.

Bấy giờ Đức Như Lai thu nhiếp Thánh chúng, cùng nhau trở về tinh xá Kỳ hoàn. Đại đức A-nan bước ra trước, quỳ bái, chắp tay, bạch Phật:

–Thế Tôn, Tu-ma-đề nữ này có nhân duyên gì, thường được sinh trong nhà đại phú, lại ở nơi lưới tà ngoại đạo, không chuyển thân nữ, nay được pháp nhãn, dân chúng trong thành đồng thời được đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn giảng về quá khứ của Tu-ma-đề.

Đức Phật nói với A-nan:

–Các ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho các ông rõ. Về thời quá khứ, vào thời Đức Phật Ca-diếp có một vương nữ, ở trên tầng lầu cao nhất hướng về tương lai, thường phát lời nguyện lớn: "Tôi luôn được sinh vào nhà đại phú, sinh ra thường được gặp Đức Phật, bố thí chúng sinh tâm không thoái chuyển, không chuyển thân nữ được ngay pháp nhãn". Dân chúng trong thành đều phát thệ nguyện: "Cùng nhau tôn sùng trai giới, tích lũy công đức". Do nhân duyên ấy nên nay được gặp Ta, hóa độ cho tất cả. Này A-nan, đại nguyện cho tương lai không thể không phát, người nghe không thể không hỗ trợ.

Vương nữ lúc ấy, nay chính là Tu-ma-đề nữ, còn nhân dân trong thành nay là bốn vạn tám ngàn người của thành Mãn phú.

Các vị Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư Thiên, Long vương, bát bộ… nghe kinh này đều làm lễ, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 128 (B)

KINH TU-MA-ĐỀ NỮ

Hán dịch: Đời Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì là bậc giàu có, với nhiều tài sản quý giá, vàng bạc châu báu, xa cừ, mã não, ngọc quý, hổ phách, thủy tinh, lưu ly; voi ngựa, bò dê, tỳ nữ nô bộc nhiều vô số kể.

Khi ấy, trong thành Mãn phú, có trưởng giả tên Mãn Tài cũng là hàng cự phú với nhiều tài sản quý giá như xa cừ, mã não, ngọc quý, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, voi ngựa, bò dê, tỳ nữ nô bộc, không thể tính hết. Ông ta là bạn của trưởng giả A-na-bân-trì từ lúc còn nhỏ, thân ái kính trọng nhau chưa một lúc nào rời. Về sau, trưởng giả A-na-bân-trì thường xuyên đem ngàn vạn vàng ngọc quý giá cùng các tài sản hàng hóa, buôn bán ở trong thành Mãn phú, nhờ trưởng giả Mãn Tài giúp đỡ, sắp đặt, ghi chép. Trưởng giả Mãn Tài cũng có số ngàn vạn vàng ngọc quý giá và tài sản hàng hóa đem đến buôn bán tại thành Xá-vệ, nhờ trưởng giả Bân-trì giúp đỡ, trông coi.

Trưởng giả A-na-bân-trì có con gái tên Tu-ma-đề, dung mạo đoan chánh, sắc đẹp như hoa đào, hiếm có trên đời.

Gặp lúc trưởng giả Mãn Tài có ít công việc nên vào thành Xá-vệ, đi đến nhà trưởng giả A-na-bân-trì, tới nơi, ngồi vào chỗ. Tu-ma-đề nữ từ tịnh thất đi ra, trước tiên quỳ lễ bái cha mẹ, sau đó quỳ lễ bái trưởng giả Mãn Tài rồi lui vào phòng riêng. Khi trưởng giả Mãn Tài trông thấy Tu-ma-đề nữ dung mạo đoan chánh, tươi đẹp, trên đời thật ít có, bèn hỏi trưởng giả A-na-bân-trì:

–Đây là con gái nhà ai vậy?

A-na-bân-trì đáp:

–Thiếu nữ mà bạn vừa thấy là con gái của tôi.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Tôi có đứa con trai nhỏ chưa lấy vợ, bạn có thể gả con gái cho nhà nghèo này không?

Khi ấy trưởng giả Bân-trì đáp:

–Việc này không nên!

Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Vì sao mà việc ấy lại không nên? Vì vọng tộc hay vì tài sản?

Trưởng giả A-na-bân-trì đáp:

–Dòng họ tài sản đều như nhau, chỉ có sự phụng thờ thần linh của bạn cùng gia đình tôi thì không giống nhau. Con gái tôi là đệ tử tôn thờ Phật Thích-ca, còn nhà bạn thì thờ ngoại đạo dị học. Lý do là vậy nên không thể đáp ứng theo ý bạn được.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Sự phụng thờ của gia đình chúng tôi có cúng lễ riêng. Cô ấy như về làm dâu, thì được cúng dường theo tín ngưỡng của mình.

Trưởng giả A-na-bân-trì nói:

–Nếu con gái tôi gả sang nhà bạn thì vàng ngọc quý giá phải bỏ ra không sao tính hết. Vậy trưởng giả cũng phải bỏ ra vàng ngọc quý giá khá nhiều đấy!

Trưởng giả Mãn Tài hỏi:

–Nay bạn đồng ý thì số tài sản quý giá bên tôi sẽ bỏ ra là bao nhiêu?

Trưởng giả Bân-trì đáp:

–Hiện nay tôi cần bạn bỏ ra sáu vạn lượng vàng.

Ngay lúc đó trưởng giả Mãn Tài liền đưa đủ số lượng vàng ấy. Trưởng giả A-na-bân-trì tự nghĩ: "Ta đã dùng phương tiện để từ chối trước nhưng vẫn không thể ngăn được", bèn nói với trưởng giả Mãn Tài:

–Nếu tôi gả con gái thì phải đến hỏi Đức Phật, xem Đức Thế Tôn có dạy điều gì, tôi sẽ theo đấy phụng hành.

Khi ấy trưởng giả A-na-bân-trì, giả đặt ra sự việc tợ như nói đùa, rồi đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Ngài, đứng qua một bên, bạch Phật:

–Trưởng giả Mãn Tài thành Mãn phú cầu hôn Tu-ma-đề nữ cho con trai ông ta, vậy con có nên gả hay không?

Thế Tôn dạy:

–Nếu đưa Tu-ma-đề nữ gả sang nước kia thì có nhiều lợi ích, sẽ độ

thoát cho dân chúng không thể tính kể.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì tự nghĩ: "Thế Tôn dùng phương tiện nhận biết nên mới bảo ta gả con sang nước kia". Trưởng giả liền đầu mặt lạy nơi chân Phật, đi nhiễu ba vòng rồi từ giã. Ông ta trở về nhà, bày biện nhiều món ăn uống thịnh soạn mời trưởng giả Mãn Tài. Trưởng giả Mãn Tài nói:

–Tôi dùng thức ăn này làm gì! Chỉ cần bạn có đồng ý gả con gái cho gia đình tôi hay không?

A-na-bân-trì đáp:

–Ý bạn đã muốn vậy, tôi xin vâng theo. Mười lăm ngày sau bạn đưa con trai đến đây.

Sau khi nói xong, hai bên chia tay nhau.

Bấy giờ trưởng giả Mãn Tài sắm sửa đầy đủ các vật dụng cần thiết, dùng xe gắn lông quý, đi đến cách thành khoảng tám mươi do-diên. Trưởng giả A-na-bân-trì cũng trang sức cho con gái mình, tắm gội thoa chất thơm, đi xe gắn lông quý, đưa cô gái đi đón tiếp con trai của trưởng giả Mãn Tài; họ gặp nhau giữa đường. Khi ấy trưởng giả Mãn Tài được con dâu, liền đưa về nhà mình trong thành Mãn phú. Thời đó dân chúng nơi thành này có đặt ra quy chế: Con gái ở đây mà đi lấy chồng nơi nước khác thì gia đình phải bị phạt nặng, con trai cưới vợ từ nước khác đem về xứ này thì cũng bị phạt nặng. Theo quy chế, nếu ai vi phạm sẽ bị phạt là dọn ăn cho sáu ngàn Phạm chí. Trưởng giả Mãn Tài biết mình đã phạm quy chế, liền lo dọn thức ăn cho sáu ngàn Phạm chí. Những thức ăn này gồm các món thịt nướng, thịt heo nấu canh xúp và rượu cất nhiều lần. Lại nữa còn phải giúp y phục cho các Phạm chí mặc, hoặc bằng vải trắng hoặc bằng vải lông mịn. Nhưng theo phép của họ thì những khi đi vào, lấy y vắt lên vai bên phải, nửa thân dưới bày ra. Lúc ấy trưởng giả thưa với các Phạm chí:

–Giờ đã đến, thức ăn uống đã đủ, xin mời các vị!

Sáu ngàn Phạm chí đều vắt y lên một bên vai, nửa thân dưới bày ra, đi vào nhà trưởng giả. Trưởng giả thấy các vị Phạm chí đến, bèn đi ra ở trước, quỳ xuống cung kính nghênh đón làm lễ. Vị Phạm chí lớn nhất đưa tay chúc mọi sự tốt đẹp, rồi choàng cổ trưởng giả đi đến chỗ ngồi. Các Phạm chí khác đều tùy theo thứ lớp mà an tọa. Khi sáu ngàn Phạm chí đã ổn định chỗ ngồi xong, trưởng giả nói với Tu-ma-đề nữ:

–Con hãy trang nghiêm hướng về các vị thầy của ta làm lễ.

Tu-ma-đề nữ trả lời:

–Thôi thôi, thưa ngài! Con không thể vâng lời làm lễ những kẻ lõa lồ

như vậy.

Trưởng giả nói:

–Đây không phải là những kẻ lõa lồ, chẳng phải là không biết hổ thẹn, chỉ vì y phục mặc như vậy là pháp phục của họ.

Tu-ma-đề nữ nói:

–Đây là những người không biết hổ thẹn, cùng nhau phô bày hình thể ra ngoài, chứ pháp phục gì vậy? Xin trưởng giả nghe cho, Đức Thế Tôn đã dạy, có hai sự việc là nhân duyên để người quý trọng, đó là có hổ, có thẹn. Nếu hiện nay không có hai việc ấy thì cha mẹ, anh em, tông tộc năm họ, tôn ti cao thấp không thể phân biệt được, cũng như các loài cầm thú sống lẫn lộn với nhau không có phép tắc gì. Nhờ có hai pháp này mà ở thế gian mới có thứ tự tôn ti. Nhưng những người kia đã xa lìa hai pháp ấy, khác nào đám cầm thú cùng sống chung, thật không thể nào hướng đến họ lễ bái được.

Bấy giờ chồng của Tu-ma-đề nữ nói với vợ:

–Nàng nên đứng dậy, làm lễ các vị thầy của ta. Những người này là những bậc trời mà ta luôn thờ phụng.

Tu-ma-đề nữ trả lời:

–Này Tộc tánh tử, thôi đi! Thiếp thật không thể hướng đến những kẻ lõa lồ không chút hổ thẹn ấy để làm lễ được. Nay mình là người lại hướng về đám súc vật làm lễ sao!?

Người chồng lại nói:

–Ngừng lại! Ngừng lại! Này cô gái quý, chớ nói lời như thế, hãy giữ mồm miệng, đừng nên xúc phạm. Họ không phải là con vật, chẳng phải điên cuồng mê hoặc, chỉ vì y phục của họ mặc chính là pháp y.

Bấy giờ Tu-ma-đề nữ khóc lóc, nước mắt đầm đìa, nhan sắc đổi khác, vẫn nói:

–Tôi cũng như cả cha mẹ năm họ thà bị hình phạt chặt năm chi thể, dứt cả mạng sống, chứ quyết không rơi vào nẻo tà kiến.

Khi ấy cả sáu ngàn Phạm chí cùng nhau lớn tiếng nói:

–Hãy ngừng lại! Ngừng lại, ông trưởng giả! Tại sao lại để cho kẻ ti tiện ấy mắng chửi lung tung như vậy. Nếu hiện nay ngươi có dốc lòng mời thì hãy bày biện các thức ăn uống.

Bấy giờ vị trưởng giả và người chồng Tu-ma-đề nữ lo dọn các thứ thức ăn đã chuẩn bị sẵn, cùng với rượu cất nhiều lần cho sáu ngàn Phạm chí, họ đều ăn uống đầy đủ. Các Phạm chí sau khi ăn uống xong, bèn bàn

luận công việc đối phó, rồi đứng dây ra về.

Lúc ấy trưởng giả Mãn Tài ở trên lầu cao, phiền não sầu muộn, ngồi một mình suy nghĩ: "Nay ta đem cô gái này về, chính là phá nhà, chứ không ai khác, vì đã làm nhục gia đình ta".

Bấy giờ có vị Phạm chí tên Tu-bạt, đạt được ngũ thông và cũng đã chứng đắc các pháp thiền định. Trưởng giả Mãn Tài đối với vị này luôn rất quý trọng. Khi ấy Phạm chí Tu-bạt tự nghĩ: "Ta cùng trưởng giả Mãn Tài từ biệt đã lâu ngày, nay nên đến thăm".

Thế là Phạm chí đi vào thành Mãn phú đến nhà trưởng giả, hỏi người giữ cửa. Người này trả lời:

–Trưởng giả hiện ở trên lầu, đang rất âu sầu buồn bã, không thể nói hết.

Phạm chí bèn lên lầu cùng trưởng giả gặp nhau. Phạm chí hỏi trưởng giả:

–Tại sao trưởng giả ưu sầu đến như vậy? Có phải là do triều đình, hay trộm cướp, nước lửa hay các tai biến xâm phạm gây phiền hà chăng? Hoặc là trong nhà có sự bất hòa?

Trưởng giả đáp:

–Không phải tai biến do triều đình hay trộm cướp, chỉ vì trong nhà có duyên sự không vừa ý.

Phạm chí hỏi:

–Xin được nghe về tình trạng đó, có duyên sự gì?

Trưởng giả đáp:

–Hôm qua vì con trai tôi cưới vợ, do phạm quy chế trong nước, năm họ bị nhục, nên thỉnh mời thầy về tại nhà cúng dường, tôi bảo đứa con dâu ra chào hỏi nhưng nó không nghe lời.

Phạm chí Tu-bạt hỏi:

–Nhà cô gái này ở nước nào? Cưới vợ cho con trai gần hay xa?

Trưởng giả trả lời:

–Cô gái này là con của trưởng giả A-na-bân-trì trong thành Xá-vệ.

Phạm chí Tu-bạt nghe nói xong thì lấy làm ngạc nhiên kinh sợ, hai tay bịt tai, nói to lên:

–Này trưởng giả, chuyện này kỳ lạ thật, rất đặc biệt. Cô gái ấy mà còn sống, lại không tự sát hay nhảy xuống lầu là điều may mắn lớn. Tại sao vậy? Vị Thầy cô ta thờ phụng, là Bậc Đại Phạm Hạnh. Hôm nay, cô ta còn ở đây đã là chuyện đặc biệt.

Trưởng giả hỏi:

–Tôi nghe bạn nói thật là buồn cười. Bạn là người ngoại đạo dị học, vì sao lại đi ca ngợi đức hạnh của Sa-môn dòng họ Thích. Vị Thầy của cô gái thờ phụng có uy đức gì, có thần biến gì chăng?

Phạm chí Tu-bạt trả lời:

–Này trưởng giả, có muốn nghe thần thông và đạo đức của Thầy cô gái ấy không? Nay tôi sẽ nói qua về nguồn gốc của nó.

Trưởng giả đáp:

–Xin nghe bạn nói.

Phạm chí bảo:

–Ngày trước, tôi đi đến phía Bắc Tuyết sơn, đi khất thực trong nhân gian, xong việc tôi bay đến suối A-nậu-đạt. Khi đó Trời, Rồng, Quỷ thần từ xa thấy tôi đến, đều cầm dao kiếm tiến về phía tôi, bảo: "Này tiên sĩ Tu-bạt, ông không được đến nghỉ ở bờ suối này, đừng làm mất vẻ thanh tịnh ở đây. Nếu không tuân theo lời chúng tôi thì ông sẽ khó giữ lấy mạng sống đấy". Tôi nghe lời này, liền rời khỏi suối, cách đó không xa lắm để ăn. Trưởng giả nên biết, vị Thầy của cô gái ấy thờ phụng, có một đệ tử nhỏ là Sa-di Quân-đầu. Vị này cũng khất thực ở vùng núi phía Bắc Tuyết sơn, và bay đến suối A-nậu-đạt, tay ôm tấm y của người đã qua đời nơi nghĩa địa, y còn dính nước mắt, máu bụi dơ nhớp. Khi ấy vị đại thần của suối nước và các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần ở đấy đều đứng dây bước ra trước nghênh tiếp, cung kính thăm hỏi: "Lành thay! Vị thầy của loài người hãy đến đây, mời ngồi vào chỗ này".

Sa-di Quân-đầu bèn đi đến suối nước. Lại nữa, này trưởng giả, ngay giữa suối có một cái bàn bằng vàng. Sa-di Quân-đầu đem tấm y kia, ngâm vào trong nước, sau đó ngồi ăn, ăn xong, rửa bát, ngồi kiết già trên chiếc bàn bằng vàng ấy, chánh thân chánh ý, niệm ở trước, liền vào Sơ thiền; từ Sơ thiền lần lượt vào đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, rồi đệ Tứ thiền. Từ đệ Tứ thiền lần lượt vào Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng-Vô tưởng xứ. Từ Hữu tưởng-Vô tưởng xứ lại lần lượt vào Diệt tận Tam-muội, Diễm quang Tam-muội, Thủy khí Tam-muội. Từ Thủy khí Tam-muội trở lại nhập Diễm quang Tam-muội, sau đó nhập vào các pháp Diệt tận Tam-muội, Hữu tưởng-Vô tưởng Tam-muội, Bất dụng xứ Tam-muội, Thức xứ Tam-muội, Không xứ Tam-muội, rồi trở lại vào đệ Tứ thiền, đệ Tam thiền, đệ Nhị thiền, Sơ thiền. Sau khi ra khỏi cảnh giới thiền định, vị ấy bèn giặt tấm y của người đã chết. Bấy giờ các vị Trời, Rồng, Quỷ thần đều cùng giúp cho công việc giặt giũ ấy, hoặc

dùng nước rưới lên, hoặc dùng nước giặt ấy để uống. Tấm y được giặt sạch, Sa-di Quân-đầu đưa lên không trung để phơi khô, rồi thu xếp gọn gàng, xong liền bay lên không trung trở về lại chỗ cũ. Trưởng giả nên biết là tôi đứng từ xa trông thấy chứ không được lại gần. Đệ tử nhỏ nhất của vị Thầy mà cô gái ấy thờ phụng đã có thần lực đến như vậy, huống chi là đệ tử lớn nhất thì ai có thể bì kịp? Như thế bậc Thầy của họ là Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác thì uy thần làm sao có thể lường được? Tôi xem xét ý nghĩa đó nên mới nói là việc này rất kỳ lạ hết sức đặc biệt, cô gái đó sao có thể còn sống mà không tự sát, không cắt đứt thọ mạng mình.

Trưởng giả nghe xong bèn nói với Phạm chí:

–Chúng tôi có thể gặp được vị Thầy mà cô gái ấy thờ phụng không?

Phạm chí trả lời:

–Nên hỏi cô gái ấy xem.

Trưởng giả bèn hỏi Tu-ma-đề nữ:

–Nay cha muốn được gặp vị Thầy mà con tôn kính. Con có thể làm cho vị ấy đến đây chăng?

Cô gái nghe nói, vui mừng hớn hở, liền thưa:

–Xin sửa soạn các thức ăn uống ngay bây giờ, ngày mai Đức Như Lai sẽ đến đây cùng các vị Tỳ-kheo Tăng.

Trưởng giả nói:

–Tự con lo việc thỉnh mời, cha không rõ nghi thức.

Cô dâu ông trưởng giả lo tắm gội sạch sẽ, tay cầm hương đèn đi lên lầu cao, chắp tay hướng về Đức Như Lai, thưa:

–Cầu mong Đức Thế Tôn, Ngài khéo quán sát, tuy con không thấy được Ngài, nhưng Thế Tôn không việc gì là không biết, không việc gì là không thấu suốt. Nay con đang ở trong chốn nguy khốn, cầu mong Thế Tôn khéo xem xét đến con.

Lại dùng kệ để thỉnh cầu.
Quán sát bằng mắt Phật
Xem khắp đời không sót
Hàng phục Ma, Thần vương
Và hàng Quỷ Tử mẫu
Như quỷ kia ăn người
Lấy tay người làm chuỗi
Sau đó muốn hại mẹ

Nhưng Phật vẫn hàng phục.
Lại, tại thành La-duyệt
Voi dữ muốn đến hại
Tự tùy thuận quy y
Chư Thiên khen lành thay
Sau đến nước Ô trì
Lại gặp Long vương ác
Thấy lực sĩ Mật Tích
Nên rồng tự quy y
Biến hóa không thể tính
Đều đưa vào chánh đạo
Nay con gặp nguy ách
Cầu Phật ra uy thần.
Bấy giờ hương như mây
Giăng khắp trên hư không
Bao trùm khu Kỳ hoàn
Trụ ở trước Như Lai
Chư Thiên trong hư không
Hoan hỷ đảnh lễ Phật
Lại thấy hương ở trước
Chỗ thỉnh của Ma-đề
Thành vô số mưa hoa
Không thể nào đếm hết
Tràn đầy rừng Kỳ hoàn
Như Lai cười, phóng quang.

Vào lúc ấy, Tôn giả A-nan nhìn thấy trong khu Kỳ hoàn có loại hương kỳ lạ, bèn đi đến gặp Thế Tôn, đầu lạy sát chân Phật, đứng qua một bên, rồi thưa:

–Kính thưa Thế Tôn, đây là loại hương gì mà tỏa khắp cả khu Tinh xá Kỳ hoàn.

Thế Tôn nói:

–Hương này là của sứ giả tìm đến Phật, do sự thỉnh cầu của Tu-ma-đề nữ nơi thành Mãn phú. Nay ông hãy gọi các vị Tỳ-kheo tập hợp hết lại một nơi, phát thẻ và phổ biến: "Các vị Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, dứt sạch các lậu đạt được thần túc thì nên nhận thẻ, sáng mai sẽ đến thành Mãn phú, thọ thỉnh của Tu-ma-đề".

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con xin vâng lời.

Ngay lúc ấy, Đại đức A-nan theo lời Phật dạy liền tập hợp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội, và nói:

–Các vị đắc đạo quả A-la-hán thì nên nhận thẻ, ngày mai sẽ đi thọ thỉnh của Tu-ma-đề nơi thành Mãn phú.

Lúc ấy có vị Thượng tọa trong chúng Tăng tên Quân-đầu Ba-thán, mới đắc quả Tu-đà-hoàn, chưa dứt sạch kết sử, chưa đắc thần túc, bèn tự nghĩ: "Nay ta là hàng Thượng tọa cao nhất trong đại chúng, nhưng kết sử chưa diệt hết, chưa đắc thần thông. Ngày mai, ta không thể đến nơi thành Mãn phú thọ thực. Vị Tăng thấp nhất trong đại chúng của Đức Như Lai là Sa-di Quân-đầu, lại đạt thần túc và có uy lực lớn nên được đến chỗ ấy thọ thỉnh. Vậy ta cũng đến nơi họ thọ thỉnh". Bấy giờ vị Thượng tọa dùng tâm thanh tịnh của mình, ở địa vị hữu học mà thọ thẻ. Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy Quân-đầu Ba-thán ở địa vị hữu học, nhờ thọ thẻ mà đắc quả Vô học.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong đệ tử của Ta, người thọ nhận thẻ thứ nhất là Tỳ-kheo Quân-đầu Ba-thán.

Thế Tôn lại nói với các Tỳ-kheo chứng đắc thần túc:

–Các Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ly-việt, Tu-bồ-đề, Ưu-tỳ Ca-diếp, Ma-ha-thất-na, La-vân, Quân-lợi-bàn-đặc, Sa-di Quân-đầu. Các thầy hãy dùng thần túc đi đến nơi thành kia trước.

Các vị Tỳ-kheo, bạch:

–Xin vâng lời Thế Tôn!

Thế là, vị sứ giả của chúng Tăng tên Càn-đồ, từ sáng sớm đã lo vác chảo lớn, bay lên không trung đi đến thành Mạn phú. Bấy giờ trưởng giả và dân chúng ở xứ ấy muốn gặp được Thế Tôn nên lên lầu cao nhất, từ xa trông thấy sứ giả liền hỏi cô gái bằng bài kệ:

Áo trắng mà tóc dài
Thân gầy bay như gió
Lại vác thêm chảo lớn
Là Thầy con phải không?

Tu-ma-đề nữ nói kệ đáp:

Chẳng phải Phật, đệ tử
Là sứ giả Như Lai
Ba đạo đủ năm thông

Người ấy tên Càn-đồ.

Bấy giờ sứ giả Càn-đồ nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đi đến nhà trưởng giả.

Sau đó, Sa-di Quân-đầu hóa ra năm trăm cây hoa với rất nhiều màu sắc, các cây ấy đều nở hoa rực rỡ, tươi đẹp như hoa sen xanh. Số hoa như vậy đều vô hạn cùng bay đến thành ấy. Trưởng giả từ xa nhìn thấy Sa-di đến, nói kệ hỏi:

Vô số loại hoa kia
Đều ở trên hư không
Lại có người thần túc
Là Thầy con phải chăng?

Tu-ma-đề nữ nói kệ:

Trước đây, Tu-bạt nói
Vị Sa-di trên suối
Thầy tên Xá-lợi-phất
Vị ấy là đệ tử.

Bấy giờ Sa-di Quân-đầu nhiễu quanh thành ba vòng, rồi bay đến nhà trưởng giả.

Đến lượt Tôn giả Bàn-đặc hóa ra năm trăm con bò, lông toàn màu xanh, người thì ngồi kiết già trên bò bay đến thành kia. Trưởng giả từ xa trông thấy, dùng kệ hỏi Tu-ma-đề nữ:

Đàn bò lớn đông ấy
Lông toàn một màu xanh
Riêng ngồi trên lưng chúng
Là Thầy con phải không?

Tu-ma-đề nữ đáp kệ:

Giáo hóa ngàn Tỳ-kheo
Tại nơi vườn Kỳ thành
Tâm ý luôn sáng suốt
Vị ấy tên Bàn-đặc.

Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc bèn nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đi đến nhà trưởng giả.

Tiếp theo là Tôn giả La-vân hóa ra năm trăm chim Khổng tước với đủ loại màu sắc, người thì ngồi kiết già trên mình chúng, bay đến thành Mãn phú. Trưởng giả thấy vậy, lại dùng kệ hỏi Tu-ma-đề nữ:

Năm trăm khổng tước ấy

Màu sắc rất xinh đẹp
Vị đại tướng quân kia
Là Thầy con phải không?

Ma-đề nữ dùng kệ đáp:

Giới luật Như Lai nêu
Hết thảy không chút phạm
Thường hộ trì pháp giới
Là Phật tử La-vân.

La-vân nhiễu quanh thành ba vòng rồi đi tới nhà trưởng giả.

Rồi đến Tôn giả Ca-thất-na hóa ra năm trăm con Kim sí điểu thảy đều dũng mãnh, người thì ngồi kiết già trên mình chúng, bay tới thành.

Trưởng giả từ xa trông thấy liền dùng kệ hỏi Ma-đề nữ:

Năm trăm Kim sí điểu
Rất rực rỡ dũng mãnh
Ngồi trên, không sợ hãi
Là Thầy con phải không?

Ma-đề nữ dùng kệ đáp:

Thường tu quán hơi thở
Chuyển tâm sinh hành thiện
Tuệ lực luôn dũng mãnh
Vị này, Ca-thất-na.

Tôn giả Ca-thất-na bèn nhiễu quanh thành ba vòng rồi bay đến nhà trưởng giả.

Bấy giờ Tôn giả Ưu-tỳ Ca-diếp hóa ra năm trăm con rồng mỗi con đều có bảy đầu, người thì ngồi kiết già trên chúng, bay đến thành kia. Trưởng giả từ xa nhìn thấy liền dùng kệ hỏi Ma-đề nữ:

Nay, rồng bảy đầu ấy
Dáng uy rất đáng sợ
Bay đến nhiều vô số
Là Thầy con phải không?

Ma-đề nữ đáp:

Thường có ngàn đệ tử
Thần túc dạy Thiên vương
Gọi Ưu-tỳ Ca-diếp
Thật chính là vị này.

Ưu-tỳ Ca-diếp bèn nhiễu quanh thành ba vòng, rồi bay đến nhà

trưởng giả.

Đến lượt Tôn giả Tu-bồ-đề hóa ra ngọn núi lưu ly, mình thì ngồi kiết già trong đó, rồi cùng bay đến thành kia. Trưởng giả từ xa trông thấy, nói kệ hỏi Ma-đề nữ:

Núi này rất vi diệu
Làm toàn bằng lưu ly
Người đang ngồi trong động
Là Thầy con phải không?

Ma-đề nữ nói kệ đáp:

Xưa, do tạo bố thí
Nay được công đức này
Đã thành phước điền tốt
Tu-bồ-đề không tuệ.

Tôn giả Tu-bồ-đề nhiễu quanh thành ba vòng rồi đi tới nhà trưởng giả.

Sau đó, là Tôn giả Đại Ca-chiên-diên hóa ra năm trăm con ngỗng trời, màu sắc thuần trắng, cả người cùng ngỗng đều bay đến thành Mãn phú. Trưởng giả từ xa nhìn thấy dùng kệ hỏi Tu-ma-đề nữ:

Năm trăm ngỗng trời kia
Tất cả đều màu trắng
Giăng khắp cả hư không
Thầy con đó phải không?

Ma-đề nữ dùng kệ đáp:

Các kinh Đức Phật thuyết
Phân biệt nghĩa và câu
Giảng nẻo tụ kết sử
Đấy là Ca-chiên-diên.

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên liền nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Tới lượt Tôn giả Ly-việt hóa ra năm trăm con cọp, người thì ngồi trên chúng cùng bay đến thành kia. Trưởng giả trông thấy, dùng kệ hỏi Ma-đề nữ:

Năm trăm mãnh hổ ấy
Màu lông rất hợp mắt
Người ngồi trên lưng chúng
Có phải Thầy con không?

Ma-đề nữ dùng kệ đáp:

Xưa tại rừng Kỳ hoàn
Sáu năm không di động
Bậc nhất về tọa thiền
Tên gọi là Ly-việt.

Tôn giả Ly-việt bèn nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đến nhà trưởng giả.

Tiếp đến, Tôn giả A-na-luật hóa ra năm trăm con sư tử hết sức dũng mãnh, ngồi trên mình chúng cùng bay đến thành ấy. Trưởng giả thấy vậy dùng kệ hỏi Ma-đề nữ:

Năm trăm sư tử này
Dũng mãng rất đáng sợ
Vị đang ngồi trên chúng
Là Thầy con phải không?

Khi ấy Tu-ma-đề nữ nói kệ:

Khi sinh đại địa chuyển
Vàng ngọc ra khỏi đất
Mắt thanh tịnh trong sáng
A-na-luật, em Phật.

Tôn giả A-na-luật liền nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đi tới nhà trưởng giả.

Rồi tới Tôn giả Đại Ca-diếp hóa ra năm trăm con ngựa, đuôi và lông đều đỏ rực, trên thân ngựa được trang sức bằng vàng bạc xen nhau, người thì ngồi trên chúng, cùng tạo ra mưa bằng hoa trời, tất cả đều đi đến thành kia. Trưởng giả từ xa trông thấy liền nói kệ hỏi Tu-ma-đề nữ:

Ngựa vàng, lông đuôi đỏ
Số lượng đến năm trăm
Ấy là vua Chuyển luân
Hay là Thầy của con?

Tu-ma-đề nữ dùng kệ đáp:

Hạnh Đầu-đà bậc nhất
Hằng thương kẻ khó nghèo
Như Lai nhường nửa tòa
Đó là Đại Ca-diếp.

Đại Ca-diếp liền nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đi tới nhà trưởng giả.

Đến lượt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hóa ra năm trăm voi mỗi con đều có sáu ngà, bảy chỗ trên thân mình đều bằng phẳng, trang sức bằng vàng bạc chen nhau, người thì ngồi trên chúng cùng bay đi, phóng ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp thế giới, đi tới thành kia, trụ trên không, hòa tấu các loại nhạc, tuôn xuống như mưa vô số các loại hoa không thể tính kể. Lại nữa, trên vùng hư không ấy còn giăng treo lụa là, cờ phướn, dù lọng vô cùng kỳ diệu. Trưởng giả từ xa trông thấy bèn dùng kệ hỏi Tu-ma-đề nữ:

Voi trắng có sáu ngà
Ngồi trên như Thiên vương
Nghe có tiếng hòa nhạc
Thích-ca Văn phải không?

Tu-ma-đề nữ dùng kệ đáp:

Ngồi trên núi lớn kia
Hàng phục rồng Nan-đà
Vị thần túc đệ nhất
Tên gọi Mục-kiền-liên.
Thầy con chưa đến đây
Đấy là chúng đệ tử
Thánh sư sẽ giáng thần
Hào quang tỏa chiếu khắp.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhiễu quanh thành ba vòng, rồi đi tới nhà trưởng giả.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn biết đã đến lúc đi đến chỗ thọ thỉnh, bèn mặc Tăng-già-lê, bay trên hư không, cách mặt đất chừng bảy nhẫn. Có Tôn giả A-nhã-câu-lân ở bên phải Như Lai, Tôn giả Xá-lợi-phất ở bên trái, Tôn giả A-nan nương uy thần của Phật bay sau Như Lai cầm phất hầu, còn một ngàn hai trăm đệ tử khác thì vây quanh trước sau. Đức Như Lai ở ngay chính giữa cùng với các đệ tử thần túc. A-nhã-câu-lân hóa ra Nguyệt thiên tử, Xá-lợi-phất hóa ra Nhật thiên tử, còn các vị Tỳ-kheo thần túc khác thì hóa thành Thích-đề-hoàn-nhân, hoặc hóa thành Phạm thiên, hoặc hóa ra hình tướng Trì Quốc thiên vương, Tăng Trưởng thiên vương, hoặc hóa ra Tỳ-sa-môn, thống lãnh các chúng quỷ thần, hoặc có vị hóa ra hình Chuyển luân thánh vương, hoặc có vị nhập Hỏa quang Tam-muội, hoặc có người phóng hào quang, hoặc có người phóng khói, nói chung là thị hiện đủ các loại thần túc. Bấy giờ, Phạm thiên vương ở bên phải, Thích-đề-hoàn-nhân ở bên trái, tay cầm phất trần, còn lực sĩ Kim cang Mật Tích thì ở sau Như Lai, tay cầm chùy Kim cang;

Tỳ-sa-môn Thiên vương tay cầm bảy báu, che khoảng hư không phía trên Như Lai, sợ bụi đất dính vào thân thể Thế Tôn. Lúc ấy, Bát-già-tuần tay ôm đàn lưu ly, xưng tán công Đức Như Lai, cùng các vị thiên thần đều ở trên không trung, hòa tấu hàng ngàn vạn loại âm nhạc, tuôn xuống như mưa các thứ hoa trời tung rải lên Như Lai.

Khi đó vua Ba-tư-nặc, trưởng giả A-na-bân-trì và các chúng trong thành Xá-vệ đều trông thấy Đức Như Lai ở trên không cách mặt đất bảy nhẫn nên hết sức vui mừng hầu như không thể tự kiềm chế.

Trưởng giả A-na-bân-trì nói kệ:

Như Lai thật thần diệu
Thương dân như con đỏ
Vui thay! Tu-ma-đề
Sẽ thọ pháp Như Lai.

Vua Ba-tư-nặc và trưởng giả A-na-bân-trì liền tung rải các loại hương thơm hoa đẹp để cúng dường Phật. Bấy giờ Thế Tôn hướng dẫn các chúng Tỳ-kheo kẻ trước người sau vây quanh cùng với chư vị thiên thần không sao kể hết, giống như vua ngỗng trời ở trên không, cùng bay đến thành kia. Thần Bát-già-tuần dùng kệ tán thán Phật:

Diệt sạch các mối buộc
Ý niệm không tán loạn
Dùng thần túc vô cầu
Đi vào quốc độ kia
Tâm tánh rất thanh tịnh
Đoạn niệm ác, ma tà
Công đức như biển lớn
Nay vào quốc độ ấy
Dung nhan rất thù thắng
Không còn dấy các sử
Vì họ không tự cứu
Nay vào quốc độ đó
Để độ bốn hạng người
Thoát khỏi sinh, già, chết
Nhằm dứt nguồn gốc Hữu
Nay vào quốc độ kia.

Trưởng giả Mãn Tài từ xa trông thấy Đức Thế Tôn các căn tự tại trên đời thật ít có, thanh tịnh như vàng ròng, với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, như núi Tu-di vượt lên các loại núi

khác, lại như một khối vàng phóng ra ánh sáng tỏa chiếu khắp.

Trưởng giả dùng kệ hỏi Tu-ma-đề nữ:

Đây là Nhật quang chăng?
Chưa từng thấy dáng ấy
Ngàn vạn ức hào quang
Chưa được xem tường tận.

Bấy giờ Tu-ma-đề nữ quỳ thẳng, chắp tay hướng về Đức Như Lai, nói kệ trả lời trưởng giả:

Chẳng có mặt trời nào
Phóng được ngàn ánh sáng
Vì tất cả chúng sinh
Như là thầy của con.
Đều tán thán Như Lai
Như đã nói ở trước
Nay sẽ được quả lớn
Nên dốc cúng dường Ngài.

Trưởng giả Mãn Tài quỳ gối bên phải sát đất, dùng kệ tán thán Như Lai:

Quy y Đấng Mười Lực
Viên quang thân sắc vàng
Trời người đều khen kính
Hôm nay con quy mạng
Ngài là vua mặt trời
Ánh sáng giữa trăng sao
Đã độ người khó độ
Hôm nay con quy mạng.
Ngài như Thiên đế Thích
Như phạm hạnh tâm Từ
Tự giác, độ chúng sinh
Hôm nay con quy mạng
Tôn quý trong trời người
Trên các quỷ, thần vương
Hàng phục các ngoại đạo
Hôm nay con quy kính.

Tu-ma-đề nữ quỳ thẳng, chấp tay, tán thán Đức Thế Tôn:

Tự điều, khéo điều người
Tự ngăn, lại ngăn người

Tự độ, độ muôn loài
Giải thoát mình và người
Mình, người đến bờ kia
Tự chiếu, chiếu quần manh
Không ai không được độ
Không tranh, không giành giật
Luôn an trụ thanh tịnh
Tâm ý không dao động
Mười lực thương thế gian
Cúi đầu lễ lần nữa.

Ngài là bậc có đủ bốn Tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Hộ, đầy đủ ba cửa giải thoát là Không, Vô tướng, Vô nguyện, là Bậc Tối Tôn đệ nhất trong Dục giới, ở trên cả các cõi trời, đầy đủ Bảy thánh tài, luôn ủng hộ muôn người, đời sống phạm hạnh tự nhiên, không một bậc nào sánh bằng Ngài kể cả về hình tướng, ngày nay con xin quy y.

Khi ấy, sáu ngàn Phạm chí, trông thấy Thế Tôn hiện các thần biến như vậy, đều nói với nhau:

–Chúng ta nên rời khỏi nước này, đi đến một đất nào khác. Sa-môn Cù-đàm đã hàng phục dân chúng ở đây rồi.

Thế là sáu ngàn Phạm chí ấy bèn tìm cách ra khỏi nước, không trở lại nữa. Cũng như sư tử là vua loài thú, khi ra khỏi hang núi, liền xem xét bốn phương rồi rống lên ba tiếng, sau đó mới đi kiếm ăn. Các loài thú lớn nhỏ nghe thấy tiếng rống đều bỏ chạy tứ tán, như bay đi mất hay ẩn núp không còn biết đâu là dấu vết. Ngay cả loài voi có thần lực đang an ổn, mà vì tiếng rống của sư tử, cũng đều vội chạy đi không thể ở yên chốn cũ. Tại sao như vậy? Vì sư tử là vua của các loài thú, rất có uy thần. Ở đây cũng vậy, sáu ngàn Phạm chí nghe âm hưởng cùng tiếng nói của Thế Tôn thì đều tìm cách tẩu thoát vì tự thấy bất ổn trước uy lực quá lớn lao của Sa-môn Cù-đàm.

Bấy giờ Thế Tôn xả hết thần túc, như thường pháp đi vào thành Mãn phú. Lúc chân Thế Tôn đạp trên bệ cửa đi vào thì trời đất chấn động, các tôn thần, chư Thiên đều tung rải hoa cúng dường. Khi ấy dân chúng thấy dung mạo của Đức Thế Tôn với các căn trong lành, có ba mươi tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm, nên họ cùng nói bài kệ:

Lưỡng Túc Tôn kỳ diệu
Phạm chí không dám chống
Chẳng nên thờ Phạm chí

Không được gặp Thế Tôn!

Thế Tôn đến nhà trưởng giả, ngồi trên tòa. Bấy giờ dân chúng trong nước ấy hết sức phấn khởi. Tại nhà trưởng giả, đã có tới tám vạn bốn ngàn người dân vây tập như muốn phá vỡ nhà ông để được thấy Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng. Đức Thế Tôn tự nghĩ: "Những người dân này tất sẽ gây sự tổn hại, nên dùng thần lực để khiến cho dân chúng cả nước được thấy thân Ta và chúng Tỳ-kheo Tăng". Nghĩ như vậy rồi, Đức Thế Tôn liền biến nhà cửa của trưởng giả đều trở thành lưu ly, trong ngoài đều thấy nhau, như là xem viên ngọc ở trong lòng bàn tay. Vào lúc ấy, Tu-ma-đề nữ đi đến trước Phật, đầu mặt lạy nơi chân Ngài, mừng vui lẫn lộn, nói kệ:

Đủ nhất thiết trí tuệ
Vượt lên tất cả pháp
Dứt sạch lưới dục ái
Nay con tự quy y
Thà sai cha mẹ con
Làm mù đôi mắt con.
Quyết không vào chốn ấy
Nẻo tà kiến, ngũ nghịch
Xưa làm duyên ác gì
Phải bị đến chốn này
Như chim sa vào lưới
Xin giải mối nghi buộc.

Thế Tôn dùng kệ đáp:

Con hãy vui chớ buồn
Ý yên ổn, bình tĩnh
Đừng sinh tâm lo lắng
Nay Như Lai sẽ giảng
Con vốn không gây tội
Để bị đến chốn này
Quả báo của thệ nguyện
Muốn độ chúng sinh ấy
Nay phải nhổ gốc rễ
Không đọa ba đường ác
Chúng sinh đến số ngàn
Hiện tiền sẽ được độ
Hôm nay sẽ trừ sạch

Khiến được mắt trí tuệ
Cho trời, người, dân chúng
Thấy rõ như xem ngọc.

Tu-ma-đề nữ nghe lời Phật dạy như vậy thì vui mừng hớn hở. Trưởng giả bèn sai những người tùy tùng các món ăn thức uống thịnh soạn dâng cúng Đức Phật. Sau khi thấy Đức Thế Tôn thọ trai xong, trưởng giả liền dâng nước thanh tịnh đến Ngài, rồi lấy một ghế nhỏ ngồi trước Thế Tôn. Đến lượt những người phục vụ trong nhà và tám vạn bốn ngàn người đều ngồi theo thứ tự, hoặc có người tự xưng tên rồi ngồi xuống. Bấy giờ Đức Thế Tôn tuần tự vì trưởng giả và tám vạn bốn ngàn người dân giảng giải về diệu luận, gồm các luận về giới, luận về bố thí, luận về sinh thiên; nêu rõ các thứ dục, các tướng bất tịnh, các lậu là cấu uế xấu ác; pháp xuất gia là quan trọng. Đức Thế Tôn thấy trưởng giả, Tu-ma-đề nữ và tám vạn bốn ngàn dân chúng, tâm ý mở thông, nên theo sự thuyết pháp thường lệ của chư Phật Thế Tôn, thuyết giảng về Khổ, Tập, Diệt, Đạo cho các chúng sinh ấy. Những người kia ngay nơi chỗ mình ngồi, đoạn sạch mọi phiền não cấu nhiễm, đắc pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng rất sạch, dễ nhuộm màu. Trưởng giả Mãn Tài, Tu-ma-đề nữ và tám vạn bốn vạn dân chúng đã đạt được các pháp ấy, dứt hết mọi nghi ngờ nên đắc Vô sở úy, họ đều dốc lòng quy y Tam bảo, thọ trì năm giới. Tu-ma-đề nữ ở ngay trước mặt Phật, nói kệ:

Tai Như Lai thông suốt
Nghe con gặp khổ này
Giáng thần đến hóa độ
Mọi người được pháp nhãn.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp xong, liền rời chỗ ngồi trở về chỗ ở. Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Tu-ma-đề nữ vốn tạo được nhân duyên gì, được sinh vào nhà phú quý; lại do nhân duyên gì lại bị đọa vào chốn tà kiến như thế, rồi tạo nên công đức thiện gì mà nay được pháp nhãn tịnh; cũng như khiến cho tám vạn bốn vạn người cũng đều được pháp nhãn thanh tịnh?

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Vào thời quá khứ xa xưa, trong hiền kiếp này, có Đức Phật Ca-diếp gồm đủ các tôn hiệu: Minh Hạnh, Thành Vi, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật, Chúng Hựu, du hóa trong nước Ba-la-nại, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm đủ hai vạn người. Thời bấy giờ, có vua tên Ai Mẫn, con gái tên Tu-ma-na. Vị công chúa ấy

có tâm luôn kính trọng đối với Phật Ca-diếp, giữ gìn giới cấm, thường ưa thích bố thí, cúng dường thể hiện đủ bốn pháp. Thế nào là bốn? Một là bố thí, hai là ái kính, ba là lợi người, bốn là đồng lợi. Đối với Pháp cú của Đức Như Lai Ca-diếp, công chúa Tu-ma-na luôn đọc tụng ghi nhớ, thường lên lầu cao đọc tụng lớn tiếng và phát nguyện:

–Xin luôn có được bốn pháp ái kính này, lại đối trước Như Lai đọc tụng pháp cú, trong việc làm này giả như có được chút ít phước đức, thì nguyện sinh vào nơi nào cũng không bị đọa các nẻo ác và nhà nghèo khổ, trong vị lai, cũng sẽ được gặp Bậc Thế Tôn như vậy, khiến con không chuyển đổi thân nữ, ngay nơi thân nữ đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Khi ấy dân chúng trong thành, nghe công chúa phát thệ nguyện như thế, họ đều cùng nhau tập hợp lại đến gặp vương nữ, thưa:

–Ngày nay, vương nữ đã dốc bày tỏ lòng tin rất lớn lao, lại làm các công đức về bốn pháp không thiếu là bố thí, ái kính, lợi người, đồng sự, cùng phát thệ nguyện, mong cho trong đời vị lai cũng gặp được bậc Thế Tôn như vậy, xin được nghe thuyết pháp và đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Hôm nay vương nữ đã phát thệ nguyện ấy thì xin cùng với chúng tôi và dân chúng trong nước đồng thời cùng được cứu độ.

Vương nữ đáp:

–Tôi xin đem công đức này hồi hướng đến các người, đến mọi người dân. Nếu như gặp được Như Lai thuyết pháp thì đồng thời đều được độ thoát.

Này các Tỳ-kheo, các thầy có điều nghi ngờ chăng? Đừng nên nghĩ như vậy. Vua Ai Mẫn lúc ấy nay là trưởng giả Tu-đạt (A-na-bân-trì), Vương nữ lúc ấy nay là Tu-ma-đề nữ, còn dân chúng trong nước kia, nay là tám vạn bốn ngàn người dân của thành Mãn phú. Do thệ nguyện của họ, nên nay gặp được Ta, nghe pháp, đắc đạo, cả thảy số dân chúng đó đều được Pháp nhãn thanh tịnh. Đây là ý nghĩa cần phải ghi nhớ và phụng hành. Vì sao? Vì bốn pháp ấy là phước điền cao nhất. Nếu có Tỳ-kheo tuân hành bốn pháp ấy thì liền thấu đạt được thánh pháp Tứ đế. Vậy phải cầu phương tiện để thành tựu bốn pháp đó. Này các Tỳ-kheo, cần phải tu học như thế.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 129

PHẬT NÓI KINH TAM-MA-KIỆT

Hán dịch: Đời Ngô, Sa-môn
Trúc Luật Viêm, người Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở nơi vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và năm trăm vị Bồ-tát đông đủ; vua chúa, nhân dân và các chúng Trời, rồng, quỷ, thần thì số lượng nhiều vô kể.

Thuở ấy, có vị vua nước Nan tên là Phân-ba-đàn, không tin Phật Pháp, chỉ ưa thích ngoại đạo, thường ngày trong cung thiết đãi cho hơn vạn người Ni-kiền. Vị quốc vương ấy tánh thường kiêu mạn, tự cho mình có trí tuệ vô song, dùng lá sắt quấn ngang bụng vì sợ trí tuệ theo bụng thoát ra ngoài. Nhà vua muốn cưới vợ cho thái tử, bèn hỏi các quan thân cận:

–Trong thiên hạ có ai trí tuệ bằng ta không? Nếu có, ta muốn cưới con gái người ấy cho Thái tử.

Vị đại thần vâng lệnh vua, đi khắp trong nước tìm kiếm, cuối cùng không tìm ra người có trí tuệ bằng vua. Khi biết rõ trong nước không có, vua bèn sai sứ giả đến nước khác, tìm cầu con gái của các bậc trí tuệ. Sứ giả tuân lệnh đi đến nước Xá-vệ, hỏi nhân dân trong nước:

–Ở nước này, có vị Hiền giả nào được đức tốt đẹp không?

Đáp:

–Có.

Vị sứ giả hỏi:

–Tên họ là gì?

Đáp:

–Hiệu là Phật.

Hỏi:

–Phật có con gái không?

Mọi người đáp:

–Đức Phật là bậc tu hành đạo đức, không có con gái.

Sứ giả hỏi:

–Sau Phật thì còn có ai?

Đáp:

–Có người hiệu A-nan-bân-trì là bậc đại hiền thiện, ưa thích đạo đức, có người con gái xinh đẹp vào bậc nhất trong nước.

Vị sứ giả hỏi:

–Ông ấy đã làm việc gì nên được gọi là bậc hiền thiện đệ nhất?

Người trong nước nói:

–Vị ấy từng đến gặp thái tử Kỳ-đà đề nghị mua khu vườn rộng tám ngàn mẫu, dâng lên Phật. Ông ta lại dùng voi chuyên chở hàng ngàn vạn ức lượng vàng đến để trao đổi mua xong khu vườn ấy. Ông ta vốn không tham lam xem trọng các thứ châu báu, chỉ nghĩ đến việc làm thiện.

Vị sứ giả nghe người trong nước nói thế, biết được tin ấy, nên rất vui mừng, liền trở về nước, tâu với Quốc vương:

–Trong nước Xá-vệ, có bậc hiền thiện rất ưa thích đạo, hiệu là A-nan-bân-trì.

Vua nghe sứ giả tâu xong, liền viết thư, sai thái tử, cùng bá quan quần thần trang bị xe cộ bằng vật báu, cùng đi đến thành Xá-vệ. Thái tử và phái đoàn tạm ở ngoài thành, sai sứ giả vào trong, đến nhà A-nan-bân-trì. Khi ấy, người giữ cửa vô thưa với A-nan-bân-trì:

–Bên ngoài có sứ giả đến.

A-nan-bân-trì ra cửa đón tiếp, thấy vị sứ giả người đen xấu như quỷ, nên rất kinh hoàng, hỏi:

–Ông là ai?

Đáp:

–Tôi là sứ giả của vua nước Nan.

A-nan-bân-trì hỏi:

–Ngài đến đây làm gì?

Sứ giả đáp:

–Tôi đến đây theo lệnh của vua nước tôi. Vua nước Nan tuy ở xa, chưa được gặp ngài, nhưng rất kính trọng, mến chuộng. Mọi người khi vãng lai đều vô cùng ca ngợi công đức của ngài. Nghe ngài hiền thiện, rất ưa thích đạo đức, có cô con gái xinh đẹp, nên vua sai chúng tôi đến đây muốn cầu hôn con gái ngài cho thái tử. Nhà vua có gửi thư, xin ngài vui lòng nhận cho.

A-nan-bân-trì muốn mắng cho một trận, nhưng nén giận, không nói, liền mời cùng ngồi, thăm hỏi chuyện trò. Sứ giả lấy thư đưa ra, A-nan-bân-trì sau khi đọc thư, nói với sứ giả:

–Tôi có vị Đại nhân phải đến thưa trình về việc này. Nếu vị Đại nhân của tôi đồng ý, tôi sẽ trở lại báo tin cho các vị.

Trưởng giả bèn mời sứ giả ngồi lại, còn ông ta thì đi ngay đến gặp Đức Phật, cúi lạy, quỳ gối chắp tay bạch:

–Kính thưa Thế Tôn, hiện nay, vua nước Nan sai sứ giả đến nhà con, hình dạng người ấy vô cùng đen xấu. Trong thư nói muốn cầu hôn Tam-ma-kiệt, con gái của con cho thái tử con vua ấy, vậy con phải làm sao?

Phật dạy:

–Hãy gả cho họ.

A-nan-bân-trì nói:

–Sứ giả đen xấu như vậy, chẳng biết vua và thái tử của ông ta thuộc loại nào? Con lại từng nghe Phật dạy: "Vua nước Nan phụng sự các hàng Ni-kiền, lõa hình không mặc áo". Hình dáng sứ giả thì đen xấu, chẳng rõ có làm kinh sợ cho con gái con không?

Phật dạy:

–Không sao cả, nên gả cho họ, phải biết rằng nhờ nhân duyên này, tại nước lõa hình ấy, Tam-ma-kiệt sẽ độ thoát được tám vạn người.

A-nan-bân-trì không dám hỏi lại Phật, nhưng trong tâm không vừa ý, liền trở về nói với sứ giả:

–Ngài phụng hành mệnh lệnh của vua, từ xa đến đây cầu hôn con gái tôi là điều rất tốt đẹp. Tôi đồng ý gả con gái tôi cho thái tử.

Nghe A-nan-bân-trì nói thế, vị sứ giả liền trở ra ngoài thành, đến chỗ thái tử, rồi cùng thái tử trở vào, đến nhà A-nan-bân-trì. Tới nơi, họ xuống xe, mang bạc sính lễ vào dâng cho trưởng giả. Họ mời khách cùng ăn uống vui chơi trong bảy ngày mới xong. A-nan-bân-trì tiễn đưa Tam-ma-kiệt với y phục, nô tỳ, vàng ngọc châu báu nhiều vô số. Thái tử cùng đoàn tùy tùng đưa nàng Tam-ma-kiệt về nước mình.

Vua nước Nan thấy con trai đem nàng dâu trở về, nên rất vui mừng, liền thỉnh thầy mình là Ni-kiền Nhã-đà-phất cùng một vạn hai ngàn đệ tử, đều vào cung ăn uống. Vua nước Nan, phu nhân, thái tử đều tự hạ mình lo việc đãi đằng. Khi ấy Tam-ma-kiệt được vua Nan gọi ra, vì muốn nàng trông coi việc ăn uống và làm lễ cho các vị thầy Ni-kiền của mình. Tam-ma-kiệt vừa ra đến giữa cửa thứ ba, từ xa thấy các Ni-kiền đều ngồi la liệt,

lõa hình không mặc y phục, nên rất kinh hãi, cho rằng họ không khác gì đám súc sinh, vội vàng dùng hai tay che mặt, hướng về họ nhổ nước bọt, đi ngay về phòng không chịu trở ra nữa. Các Ni-kiền đều rất tức giận về thái độ của Tam-ma-kiệt, nên nói với vua:

–Từ đâu lại có kẻ xui xẻo như là hỏa tinh xuất hiện tại vương cung này vậy? Hãy đuổi đi.

Các Ni-kiền không chịu ăn uống, muốn đứng dậy ra về. Nhà vua vội vàng tạ lỗi với các bậc thầy và thưa:

–Con sẽ vì các đại sư mà đuổi nó đi. Sáng mai sẽ không còn thấy nó trong cung này.

Các Ni-kiền ăn uống xong rồi cùng ra về. Ngay hôm ấy, thái tử tự đi đến gặp Tam-ma-kiệt. Lúc ấy Tam-ma-kiệt rất tức giận, nên ra lệnh nô tỳ đóng cửa đến bốn năm ngày, vì thế thái tử không dám tìm tới nữa. Phu nhân hỏi thái tử:

–Tại sao con không đến gặp vợ?

Thái tử im lặng không trả lời. Sau khi biết việc, phu nhân liền tự thân đi đến gặp Tam-ma-kiệt hỏi:

–Ta cưới nàng làm vợ cho thái tử, vậy nàng phải hết lòng chiều chuộng chồng, tại sao lại coi thường nó?

Tam-ma-kiệt thưa:

–Những ông thầy mà con trai của phu nhân và dân chúng phụng sự đều chẳng khác nào đám súc sinh.

Phu nhân nghe nói thế, cảm thấy rất xấu hổ, nên vội vàng hồi cung, tâu vua:

–Đại vương, ngài tự cho mình là bậc đạo đức trí tuệ vô song; trong nước này không có ai vừa ý ngài. Ngài làm cho quần thần mệt nhọc đi hàng tám ngàn dặm để cầu tìm con dâu. Nay con dâu không biết sợ tai họa, coi thường thái tử, lại còn mắng ngay vào mặt thần thiếp cho như là đám súc sinh!

Nhà vua nghe phu nhân nói, liền thân hành đến chỗ Tam-ma-kiệt. Bấy giờ Tam-ma-kiệt hết sức kiêu mạn nên không chịu ra ngoài làm lễ nhà vua. Vua hỏi vọng vào trong:

–Ta đi tám ngàn dặm để cưới dâu, chọn lấy người hiền thiện, trong khi đó ngươi lại hủy nhục thầy ta, rồi còn mắng vào mặt phu nhân và thái tử của ta. Đâu có được như vậy?!

Tam-ma-kiệt vẫn trả lời như cũ:

–Thầy của Đại vương và phu nhân, thái tử, cùng chúng dân trong nước đều như đám súc sinh không khác.

Vua kinh hoàng nói:

–Cô gái nhỏ này, nay còn hạ nhục ta như vậy sao? Ta sợ trí tuệ từ trong bụng xuất ra nên phải dùng sắt lá buộc che lại. Ngày ngày ta dọn ăn cho hơn vạn đạo sĩ, chẳng ai có thể so sánh bằng ta. Nay, ngươi lại dám nhục mạ ta!

Tam-ma-kiệt nói:

–Hạng thầy mà vua cùng dân chúng trong nước phụng sự, thường không mặc y phục, lõa hình nhìn nhau. Họ có những đạo lý gì? Giả như họ có đạo lý gì đi nữa, thì cũng không đáng quý trọng, huống chi họ chẳng có đạo lý gì cả. Hàng ngày tuy Đại vương cung phụng cơm nước cho đám này tới hàng vạn người, nhưng đều là kẻ con không thể cung kính, mà con xem thường nữa.

Bấy giờ vua nước Nan không biết ăn nói ra sao, tự nghĩ: "Ta nên cùng ai bàn luận về việc này?" Vua bèn đến ngay nơi Ni-kiền Nhã-đà-phất, làm lễ trước thầy, thưa:

–Con đã cưới dâu ở thành Xá-vệ, nhưng công việc này chẳng ra gì cả, nó đã hạ nhục đại sư, nay lại kiêu mạn mắng ngay mặt con cùng phu nhân và thái tử, ăn nói lung tung không ra thể thống gì cả. Tuy là dâu, nhưng nó không theo phép tắc gia đình để lo phụng sự con. Vậy giờ con phải làm sao?

Vị ấy bảo nhà vua:

–Ngài nên trở lại hỏi cô ta: "Những pháp mà dân chúng trong nước ngươi phụng thờ, so với những pháp mà chúng dân ở nước này tôn kính khác ra sao mà ngươi dám buông những lời ấy? Khi nhà vua đến hỏi chớ nên giận dữ, phải từ tốn hỏi cô ta, tự ngài sẽ có được câu trả lời.

Nhà vua vâng lời thầy dạy, đến chỗ Tam-ma-kiệt hỏi:

–Những pháp mà dân chúng trong nước của con phụng thờ có gì hơn những điều mà nhân dân nước ta tôn kính?

Tam-ma-kiệt thưa:

–Những pháp mà dân chúng trong nước con phụng thờ rất tôn quý, nam nữ đều mặc y phục, biểu lộ sự tôn ti thứ bậc, không nhìn thấy thân thể nhau. Hiện nay, có Bậc Đại Nhân hiệu là Phật, giáo hóa số người đến hàng ngàn vạn ức, đều làm cho họ thoát khỏi thế gian, và đạo Nê-hoàn tịch tĩnh. Bậc ấy thần thông diệu dụng, đi vào lửa không cháy, bước vào nước không

chìm, có khả năng sờ nắm được mặt trời, mặt trăng trong tam thiên đại thiên với một vạn hai ngàn ức trời đất, biến hóa ra vào lui tới hoàn toàn tự tại không chút trở ngại, biết việc tương lai, quá khứ và hiện tại. Thân Ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đạo đức thông đạt. Các vị Thiên vương, Quốc vương, người, nhân dân, chúng hội đều đến đảnh lễ yết kiến.

Nhà vua nghe Tam-ma-kiệt nói xong thì trong lòng hớn hở vui mừng, bèn hỏi Tam-ma-kiệt:

–Đức Phật mà con thờ phụng, ta có thể gặp được Ngài không?

Tam-ma-kiệt đáp:

–Con sẽ hết sức vì Đại vương. Ở từ xa có thể cầu thỉnh Ngài được.

Vua nói:

–Rất tốt! Nhưng ở cách xa tám ngàn dặm, làm sao thỉnh được Phật?

Tam-ma-kiệt đáp:

–Không cần Đại vương sai người đi mời, chỉ cần chí thành ở từ xa đốt hương thỉnh cầu Ngài. Đức Phật có thần thông nên biết rõ tâm niệm nơi lòng người. Nhà vua, phu nhân và thái tử nên đi theo con.

Tam-ma-kiệt liền lên đài cao, y phục chỉnh tề, quỳ thẳng, đốt hương hướng về thành Xá-vệ, đầu mặt lạy sát đất làm lễ, bạch:

–Ngày nay vua nước Nan không biết trong thiên hạ có Phật, Ngài nên vì tất cả nhân dân, thương xót đến những khổ nhọc của họ. Ngưỡng mong Đức Phật sáng mai cùng các Tỳ-kheo Tăng, chẳng nệ khó nhọc, đến thọ trai tại cung vua nước Nan.

Lời bạch vừa xong, khói hương lan tỏa đến chỗ Phật, bay quanh Phật ba vòng, rồi hóa thành chút lọng hương ở ngay trên đầu Đức Phật. Lúc ấy Đức Phật đang thuyết pháp cho hàng ngàn người, Hiền giả A-nan bước ra trước, quỳ gối chắp tay, bạch Phật:

–Đây là do những cảm ứng gì mà có hiện tượng như vậy? Xin Đức Phật giải thích về ý nghĩa ấy.

Phật dạy A-nan:

–Vua nước Nan cùng Tam-ma-kiệt đang thỉnh Phật và các Tỳ-kheo Tăng vào ngày mai tới cung vua thọ trai. Tam-ma-kiệt có tâm thành muốn khiến cho nhân dân nước Nan ấy đều bỏ nẻo tà kiến hướng về chánh đạo, nên hương bay đến đây thỉnh Phật.

Bấy giờ Đức Phật bảo Ma-ha Mục-kiền-liên nói rõ với các Tỳ-kheo Tăng rằng sáng mai sẽ cùng đến chỗ Tam-ma-kiệt ở nước Nan thọ trai.

Ma-ha Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy, thông báo với các Tỳ-kheo:

–Sáng mai đến chỗ thỉnh để thọ trai, đừng đi việc khác.

Khi đó, về phần Tam-ma-kiệt thì lo đôn đốc vua, phu nhân, thái tử và các cung nữ trai giới, đốt hương bố trí chỗ ngồi, sửa soạn các món ăn đầy đủ. Tam-ma-kiệt biết Phật sẽ đến, nên cùng với vua, phu nhân, thái tử, đám cung nữ và các Ni-kiền đều ở trong tòa nhà lớn. Tam-ma-kiệt tâu với vua, phu nhân và thái tử:

–Hãy theo sau tôi, nay các vị La-hán sẽ đến đây trước. Đức Phật đi sau cùng. Các vị cẩn thận chớ nên sợ hãi, hãy làm theo tôi.

Tam-ma-kiệt lại quỳ gối đốt hương bạch Phật:

–Thức ăn đã dọn đầy đủ xong, ngưỡng mong Đức Phật biết là đã tới giờ.

Đức Phật biết ý nghĩ của Tam-ma-kiệt, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Hôm nay đến thọ trai tại nước Nan, các ông hãy với đạo quả đã chứng đắc của mình biến hóa theo những hành động tự tại.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, trong số ấy có vị hóa ra bồ câu và hằng trăm loại chim thú, trước sau lần lượt xen kẽ nhau như những bức màn. Chư Tăng ngồi trên mình chúng, mỗi vị đều khác nhau. Bấy giờ, Đức Phật ngồi nơi tòa sư tử có màn che xen kẽ nhau cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, năm trăm vị Bồ-tát và các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần đầy đủ, dùng thần túc bay lên hư không tiến đến nước Nan. Phật phóng hào quang tỏa chiếu khắp nơi, trời đất chấn động lớn. Các vị La-hán, Bồ-tát đều thể hiện những thần biến trước khi hạ xuống đất. Dân chúng trong nước Nan thấy sự biến hóa này đều rất kinh sợ. Nhà vua hỏi Tam-ma-kiệt:

–Đây là Phật phải không?

Đáp:

–Không phải Phật.

Tam-ma-kiệt thưa tiếp với vua:

–Bệ hạ đừng sợ, đây là các vị đệ tử, Phật đi đến sau cùng. Thân Ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Không bao lâu sau, Đức Phật cùng các vị khác từ không trung hạ xuống. Thích, Phạm Tứ thiên vương đi trước dẫn đường. Chư Thiên đánh trống, dạo đàn, xướng ca các loại nhạc để cúng dường Phật. Tam-ma-kiệt cùng với nhà vua, phu nhân, thái tử cầm hoa hương nghênh đón Đức Phật, cung kính làm lễ rồi thỉnh mời Phật vào, cùng ngồi vào chỗ. Các vị Bồ-tát, A-la-hán đều ngồi ở trước theo thứ tự lớn nhỏ. Tam-ma-kiệt bảo vua, phu

nhân và thái tử tự tay dâng nước rửa, sau đó dùng thìa dâng thức ăn đầy đủ. Dân chúng trong nước đều đến xem rất đông đảo. Nhà vua ra lệnh cho đại thần đóng cửa cung. Dân chúng thấy nhà vua cho đóng cửa cung, nên rất tức giận, cùng nhau cầm búa, gậy muốn đập phá cửa cung. Từ xa, Phật biết việc này, nên nói:

–Sự giáo hóa của Ta là muốn cho mọi người đều làm thiện. Nay, dân chúng trong nước Nan đều muốn đến xem, thế mà vua lại đóng cửa cung thì không nên.

Bấy giờ, Đức Phật muốn làm cho tất cả mọi người cùng được thấy Ngài, liền khiến cho cửa cung, tường vách đều hóa thành thủy tinh, trong ngoài đều thấy nhau. Dân chúng nước Nan được thấy Phật và các vị Bồ-tát, La-hán, nên rất vui mừng.

Trong khi ấy, Đức Phật có một vị đệ tử La-hán tên Tân-đầu-lư, đang ngồi trên núi, vì quên mất chuyện đến nước Nan, nên lấy kim chỉ ra vá tấm y rách. Sau đó, cầm kim cắm vào đất, sợi chỉ còn dính từ kim sang tấm y. Vừa lúc Phật đã an tọa trong cung vua nước Nan, Tân-đầu-lư mới nhớ ra việc đi thọ trai nên dùng thần túc bay đến nước Nan khiến ngọn núi cũng bay dính theo sau mình. Khi đó, trong nước, có một người nữ tên Hoài Khu, trông thấy núi bay tới che tối tăm trước mặt sợ rớt trên người mình, vì quá kinh sợ nên ngã nhào xuống đất. Phật ở xa, biết việc này, liền sai Ma-ha Mục-kiền-liên dùng thần túc bay đến đón, hỏi:

–Này Tân-đầu-lư, cái gì theo sau thầy vậy?

Tân-đầu-lư nhìn lại, thấy hòn núi, liền đưa tay đẩy núi trở về chỗ cũ cách tám ngàn dặm. Sau đó, Tân-đầu-lư đến trước Phật làm lễ, rồi cùng ngồi xuống.

Đức Phật bảo Tân-đầu-lư:

–Ta nay muốn chỉ dạy mọi người trong thiên hạ, khiến cho họ thoát khỏi mọi sự khổ ở thế gian. Ông đã trễ hẹn, lại làm hại một người, mạng người rất trọng, đấy là điều không vui trong đạo pháp của Ta. Từ đây về sau, ông không được theo Ta thọ thực và hội họp với chúng. Ông nên ở lại đây, đến sau này khi Phật Di-lặc ra đời, mới được nhập Niết-bàn.

Tân-đầu-lư nghe Phật dạy như vậy thì im lặng buồn rầu, tự hối trách. Sau khi thọ trai xong, ông ta ra phía trước làm lễ Phật, cùng các Bồ-tát, La-hán, từ giã tất cả rồi đi vào trong núi.

Bấy giờ thầy của vua nước Nan là Ni-kiền Nhã-đà-phất thưa Phật:

–Ngài có thể cùng tôi tranh luận về đạo lý không? Ai thua thì phải tự nhảy xuống giếng.

Đức Phật nói:

–Rất hay, không cần nói nhiều, chỉ hỏi ba câu nếu không nói được, phải nhảy xuống giếng.

Ni-kiền Nhã-đà-phất nói:

–Rất tốt.

Đức Phật hỏi:

–Khi tụng kinh thì ông thực hiện như thế nào?

Ni-kiền Nhã-đà-phất đáp:

–Khi tụng kinh thì tôi quỳ mẹp cả hai chân và hai tay.

Phật nói:

–Nếu làm thế thì con người có khác gì so với thú vật?

Ni-kiền Nhã-đà-phất không trả lời được. Các đệ tử của ông đều tức giận, mọi người cũng góp lời bằng nhiều cách, nhưng không giải quyết được việc này, nên họ trở lại tức giận thầy mình, ôm thầy muốn ném xuống giếng. Vị thầy rất sợ hãi, hai tay bám chặt lấy mặt đất không chịu nhảy xuống giếng. Phật bảo:

–Hãy tha cho ông ta.

Bấy giờ, giữa sân nơi cung vua bỗng nhiên có đám lửa lớn phát ra, ngọn lửa cháy cao đến trời Phạm thiên thứ bảy. Trong ngọn lửa này, tự nhiên hiện ra hoa sen ngàn cánh, trên hoa sen có năm trăm vị Phạm thiên, đều quỳ gối chắp tay, hỏi Phật:

–Cúng dường việc ăn uống cho những hạng người nào thì đạt được phước đức nhiều, còn cho những hạng người nào thì được phước đức ít?

Đức Phật trả lời Phạm thiên:

–Thí như đem hạt giống của ngũ cốc ném rãi vào lửa, thì nó có mọc lên không?

Đáp:

–Không thể mọc được.

Đức Phật dạy:

–Vua nước Nan dâng thức ăn cho các Ni-kiền từ lúc đầu đến cuối, cũng như đem ngũ cốc tung vãi vào lửa, không thể nào mọc được. Hôm nay ông ta cúng dường Phật, Bồ-tát, La-hán thì sẽ đạt được phước đức nhiều vô lượng. Ví như người có đất tốt, hạt giống tốt, trời lại mưa gió thuận hòa, lo gì hạt gieo không mọc. Nay Phật là phước điền của tất cả chúng sinh, tùy theo sự gieo trồng của từng người mà đều được như nguyện. Người ngu si thì ưa thích dạy người làm việc theo đám ngoại đạo. Người

này khi qua đời, ắt sẽ bị đọa vào địa ngục Thái sơn chịu nhiều đau khổ, hối hận không kịp. Người trước ở trong địa ngục chưa ra khỏi thì người sau lại tiếp tục dạy người làm điều ác để bị đọa vào đấy. Kẻ ngu si trong thế gian, dùng nhiều luận điệu lừa dối nhau, nên không biết chánh đạo. Đạo ấy không sinh, không già, không bệnh, không chết, đấy là đại đạo Nê-hoàn giải thoát. Trong thế gian hiện có chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều không bằng Phật đạo. Dù dùng hết nhánh cây và lông chim trong thiên hạ để làm bút ghi chép kinh Phật, nhánh cây và lông chim có thể hết, nhưng trí tuệ của Phật thì không thể cạn. Nếu nghiền núi Đại Tu-di ra làm mực đen, hòa với nước bốn biển, dùng bút để viết kinh Phật, mực bốn biển ấy có thể hết, nhưng trí tuệ của Phật thì không hề cạn.

Năm trăm vị Phạm thiên nghe lời Phật dạy, thảy đồng lên tiếng:

–Lành thay! Thật đúng như lời Phật dạy.

Ngay lúc ấy năm trăm vị Phạm thiên liền biến mất.

Bấy giờ ba trăm người quyến thuộc của vua nước Nan, một ngàn hai trăm cung nữ, năm trăm vị đại thần thấy Phật biến hóa như thế nên đều vui mừng hớn hở, cùng nhau phát tâm cầu đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cùng lúc ấy, có hai ngàn vị Bà-la-môn đều cạo bỏ râu tóc, trở thành Tỳ-kheo, tức thì đều chứng đắc đạo quả A-la-hán. Một vạn hai ngàn người Ni-kiền cũng đều được giải thoát. Trong đó, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm. Còn dân chúng trong nước ấy thì có sáu vạn bốn ngàn người đều tin tưởng hướng về Phật pháp, thọ trì năm giới, trở thành Ưu-bà-tắc.

Phật thuyết kinh này xong, liền cùng với các vị Bồ-tát, La-hán đều hiện thần túc bay đi. Bấy giờ vua nước Nan cùng phu nhân, thái tử và quần thần, dân chúng rất hoan hỷ, cùng nhau hướng về Phật đảnh lễ cung kính.

❑

SỐ 130

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CON GÁI TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC ĐƯỢC ĐỘ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Thanh văn hội đủ.

Trưởng giả Cấp Cô Độc là người có đủ phước đức lớn, vợ con, nô tỳ, quyến thuộc đông đảo, giàu có quyền quý, tích lũy tài sản châu báu nhiều vô lượng, so với vua trời Tỳ-sa-môn không khác. Trưởng giả cùng quyến thuộc sum họp bên nhau vui vẻ an lạc. Vào lúc nọ, vợ ông ta mang thai, sau chín tháng sinh được một đồng nữ, dung mạo đoan nghiêm, vô cùng xinh đẹp không ai sánh bằng. Thân hình cân đối uyển chuyển, nhìn thấy ai cũng ưa thích. Sau khi sinh cô gái này, liên tiếp có nhiều điềm lành tướng tốt xuất hiện, vì nhân duyên ấy, người cha đặt tên cho con là Thiện Vô Độc.

Cách xa nước Xá-vệ khoảng một trăm sáu mươi do-tuần, có một thành lớn tên là Phước tăng, nơi đó có vị trưởng giả tên Mô-thi-la, cũng đầy đủ phước đức, đông đảo vợ con, nô tỳ, quyến thuộc, giàu có, quyền uy, tài sản quý giá nhiều vô lượng, so với vua trời Tỳ-sa-môn cũng không khác. Trưởng giả Mô-thi-la có một con trai tên Ngưu Thọ, tướng mạo nghiêm chỉnh, đặc biệt tươi đẹp không ai sánh kịp, người nào trông thấy cũng đem lòng yêu mến. Nhưng gia đình trưởng giả này kể cả người con trai đều phụng thờ ngoại đạo, hết lòng tin tưởng họ nên không thể biết được có Đức Phật Thế Tôn là Bậc Tối Thượng Tối Thắng. Gia đình trưởng giả ấy cũng không được nghe những pháp tối thượng của Thế Tôn, xưa nay họ chưa được thấy thần thông biến hóa cùng sự nghiệp thù thắng của Phật.

Các vị ngoại đạo này ở rải rác khắp nơi trong nước, hoặc ở thôn xóm Ngao-lý-ca, hoặc ở thành lớn Phước tăng, hoặc ở đại thành Tác hiền. Bấy

giờ, có một vị ngoại đạo, trước đây ở trong thành Phước tăng, đến gặp đồng tử Ngưu Thọ, nói với đồng tử:

–Tại sao đã lớn rồi mà chưa lập gia đình?

Ngưu Thọ đáp:

–Trong thế gian, nếu có người nữ nào hình sắc đoan nghiêm xinh đẹp bằng tôi, thì tôi sẽ xin cưới cô ta.

Ngoại đạo nói:

–Đồng tử nên biết, trưởng giả Cấp Cô Độc ở nơi thành Xá-vệ có một đồng nữ, xinh đẹp đặc biệt, dung mạo diễm lệ không ai bằng, kẻ nào trông thấy đều yêu mến. Cậu nên hỏi cô ấy làm vợ.

Ngưu Thọ nghe xong, tâm sinh vui mừng. Theo lời chỉ dẫn ấy, cậu ta thay đổi thường phục, mặc áo ngoại đạo, bưng bát đi đến thành Xá-vệ; tới nơi, theo thứ lớp khất thực đi dần tới nhà trưởng giả Cấp Cô Độc, đứng ở ngoài cổng. Bấy giờ, đồng nữ Thiện Vô Độc nghe tiếng người đến khất thực, liền mang thức ăn uống ra để bố thí, đồng tử Ngưu Thọ nhìn thấy nàng nên sinh lòng yêu mến. Đồng nữ Thiện Vô Độc vì nghiệp lực của nhân duyên đời trước nên cũng ngắm nhìn người thanh niên kia, thấy đồng tử Ngưu Thọ dưới hình tướng một ngoại đạo, nên mỉm cười và nói:

–Ngươi là kẻ không có sự hiểu biết đúng đắn, là hàng ngoại đạo dị học, tại sao lại đứng đây ôm bát khất thực?

Đồng tử Ngưu Thọ nghe nói xong, cũng mỉm cười, không nhận thức ăn, bèn đi khỏi nhà ấy. Đồng tử trở về thành Phước tăng thưa với cha mẹ:

–Cha mẹ biết cho, trưởng giả Cấp Cô Độc ở thành Xá-vệ có một đồng nữ tên là Thiện Vô Độc. Nay con xin cha mẹ cho phép con cưới nàng làm vợ.

Trưởng giả Mô-thi-la nghe nói thế, liền đến gặp trưởng giả Cấp Cô Độc trong thành Xá-vệ, đem hết duyên sự ấy trình bày. Trưởng giả Cấp Cô Độc nói:

–Tuy tôi hứa với trưởng giả, nhưng hãy chờ tôi hỏi ý kiến của Đức Phật Thế Tôn, nếu Phật cho phép thì việc này rất tốt.

Trưởng giả Cấp Cô Độc liền đến gặp Đức Thế Tôn, lạy sát chân Phật và trình bày đầy đủ sự việc trên. Phật dạy

–Này trưởng giả, con gái ông không xuất gia, hãy gả cho họ, là điều rất tốt. Cô ấy nếu đến thành Phước tăng, thì có thể làm được những Phật sự lớn lao, vô cùng tốt đẹp, an lành.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc vâng theo lời Phật dạy, trở về nhà,

dùng nhiều loại vàng ngọc quý giá, chuẩn bị đầy đủ vật dụng theo nghi lễ của đời, đưa đồng nữ Thiện Vô Độc gả cho đồng tử Ngưu Thọ.

Sau đó trưởng giả Mô-thi-la, tổ chức tại nhà mình tiệc tùng để đãi cho các ngoại đạo, nên gọi Thiện Vô Độc đến bảo:

–Đồng nữ, con có thể đến chỗ đang ăn uống để tùy hỷ bố thí các vị ấy.

Đồng nữ Thiện Vô Độc trước đó không biết là gia đình chồng bày tiệc dọn ăn cho các ngoại đạo, nghe trưởng giả nói xong, cho đó là các vị đệ tử Phật như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-nan... đã tới đó thọ trai, nên tức thì vui mừng hớn hở đi ngay. Đến nơi, thấy các ngoại đạo dị học, tướng mạo xấu xí đen đúa như màu chim Ca-ca, mặc y nhớp nhúa, thân thể bẩn thỉu, lại lõa hình không biết xấu hổ, ăn uống khác nào đám quỷ đói, đồng nữ thấy sự việc như thế rồi, trong lòng tức giận liền quay mặt qua chỗ khác, rồi đứng yên. Trưởng giả bảo đồng nữ:

–Tại sao con sinh ý nghĩ muốn bỏ đi?

Đồng nữ trả lời:

–Con không lùi bước, nhưng hiện nay hội cúng dường do trưởng giả tổ chức, nếu cúng dường cho Thánh chúng thì sẽ thu hoạch được phước đức thù thắng. Tại sao lại cúng dường cho các hàng ngoại đạo chỉ chuyên tạo tác tội lỗi này, thế thì có lợi ích gì?

Trưởng giả nghe nói, kinh ngạc hỏi:

–Này đồng nữ, trên thế gian lại còn có vị Đạo sư tối thắng hơn những vị này hay sao?

Đồng nữ đáp:

–Trưởng giả hãy lắng nghe, trong thành Xá-vệ có một khu lâm viên rộng lớn do cha con xây dựng, hiện nay có Đức Phật Thế Tôn ở đấy. Đức Phật Thế Tôn Tối Thượng Tối Thắng là thầy của con. Cha mẹ Ngài là hàng cao thượng, gia tộc xuất chúng, họ Sát-đế-lợi thuộc bậc Kim luân vương. Ngài từ bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia tu hành, nhàm chán những thứ phú quý trong thế gian, tu qua các hạnh, ngay dưới cây Bồ-đề đã hàng phục các loài ma, thành Phật, các căn với tướng tốt đoan nghiêm, đầy đủ, hiện tướng tươi đẹp thù thắng không ai bằng, thần thông diệu dụng tự tại vô ngại, luôn thể hiện sự hoan hỷ, trên nét mặt tròn đầy rất trang nghiêm, tất cả nơi chốn hành động đều tương ứng. Lại có ba mươi hai tướng của Bậc Đại Nhân, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, hào quang luôn tỏa chiếu khắp cả toàn thân, trên đỉnh đầu có hào quang sáng như ngàn mặt trời, rộng lớn rực rỡ, trang nghiêm tột bậc, sự

hiền thiện tỏa ra khắp nơi, sừng sững không lay động như núi báu hiện rõ, tất cả chúng sinh được trông thấy Ngài đều mến chuộng, chiêm ngưỡng tướng hảo của Phật, lòng không nhàm chán. Ngài vì các vị Thanh văn tùy cơ thuyết pháp phân biệt từng việc: Đây là nhân duyên, đây là phi nhân duyên; đây là đạo xuất ly, đây là phi đạo xuất ly; đây là điều nên làm, đây là điều chẳng nên làm; đây là thần thông sự, đây là phi thần thông sự; đây là trí tuệ của thế gian, đây là trí tuệ của chư Phật. Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn luôn có các phương tiện thiện xảo, tùy chỗ nêu giảng, đều dùng pháp ngữ tối thượng để nhiếp phục các thứ ngôn ngữ khác. Tất cả những lời Ngài thuyết giảng đều vì lợi ích cho mọi người. Đây là nghiệp thiện ác, Thế Tôn thuyết giảng như thật. Đây là điều nên làm, Thế Tôn thuyết giảng như thật. Đây là điều nói trước, đây là điều nói sau, Thế Tôn phân biệt như thật từng vấn đề một. Khi Đức Phật thuyết pháp, mắt và mặt Ngài luôn tươi sáng vui vẻ, không hề nhăn nhó bực bội, thường nói những lời êm dịu, lời thuận việc thiện, lời ngọt ngào, lời khả ái, lời khéo léo, lời an ủi, đưa ra các phương tiện tùy cơ thuyết pháp, thương xót vì lợi lạc của tất cả chúng sinh, khiến cho mọi chúng sinh đều được điều phục. Lại nữa, Đức Thế Tôn vì các Thanh văn phân biệt từng vấn đề: Đây là pháp Thánh nhân; đây là pháp dị đạo, đây là pháp lìa mọi cấu nhiễm; đây là pháp cao thượng khiến cho các vị Thanh văn, tùy sự hiểu biết theo khả năng của mình, như lý tu tập, chứng đắc đầy đủ về giới, về định, về tuệ, về giải thoát và giải thoát tri kiến. Lại nữa, Đức Thế Tôn đi đến khắp tất cả các làng xóm địa phương xứ sở, dù đi hay nghỉ Ngài cũng không bị tất cả các hàng phi nhân làm hại, quấy nhiễu. Trong tất cả mọi lúc, Ngài thường dùng Thiên nhãn để nhận thấy các sắc tướng, thường dùng Thiên nhĩ nghe các loại âm thanh, ánh sáng của trí tuệ rộng lớn chiếu khắp nơi, trong thời hay phi thời thường an trụ nơi chánh niệm. Phải biết rằng Đức Phật Thế Tôn có nhiều công đức như vậy. Đây gọi là Bậc Đạo Sư tối thắng trong thế gian.

Khi ấy, nơi nhà trưởng giả Mô-thi-la, các ngoại đạo được tập hợp đông đảo. Trong số ấy, có người nhờ thiện căn thành thục, nên khi nghe nói về công đức của Đức Phật thì cả người lông tóc đều dựng ngược, buồn rầu than thở, đối với Đức Phật Thế Tôn, liền phát khởi tâm thanh tịnh, sinh tâm kính tín sâu sắc, bèn bày tỏ:

–Chúng tôi nguyện sẽ theo Phật xuất gia.

Bấy giờ trưởng giả Mô-thi-la, sau khi nghe đồng nữ Thiện Vô Độc nói về công đức của Đức Phật liền phát sinh tịnh tín đối với Phật Thế Tôn, nên nói với đồng nữ:

–Nay con có thể cho ta được gặp Đức Phật Thế Tôn không?

Đồng nữ đáp:

–Trưởng giả muốn gặp Đức Phật Thế Tôn cùng Thánh chúng thì nên chuẩn bị các thức ăn thật quý giá để cúng dường.

Bấy giờ trưởng giả y lời, bảo vợ lo sửa soạn thức ăn.

Người vợ đáp:

–Lành thay! Này trưởng giả, các thức ăn uống đều đã sẵn sàng.

Trưởng giả nói với đồng nữ:

–Ta không biết nghi thức để mời, vậy con nên thỉnh Phật.

Đồng nữ Thiện Vô Độc dùng diệu hoa làm đàn tràng, hướng về nơi Đức Phật Thế Tôn đang ở, từ xa đem toàn thân lễ kính, đốt các loại danh hương, rải các loại hoa đẹp, nhất tâm chắp tay thỉnh Đức Phật Thế Tôn, thưa:

–Đức Phật là Bậc Nhất Thiết Trí, đầy đủ đại Bi, tùy theo tâm niệm của chúng sinh hoan hỷ khi được gặp Ngài, đều làm cho họ được như ý. Hiện trưởng giả Mô-thi-la cùng các quyến thuộc đã dốc phát tâm thanh tịnh, muốn gặp Thế Tôn, nay tại nhà họ đã xếp đặt các thức ăn thượng vị, muốn tự tay cúng dường Đạo sư Thế Tôn và các Thánh chúng. Vậy con xin phụng thỉnh, ngưỡng mong Thế Tôn, rộng lòng Từ bi thương xót vì lợi lạc cho chúng sinh, nhận lời thỉnh cầu đến nhà trưởng giả.

Lúc ấy những hoa đẹp do đồng nữ rải lên, nhờ uy thần của Phật, đã tụ lại trên hư không như vua thiên nga, từ từ hạ xuống vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ, trước Đức Phật Thế Tôn. Hương thơm kia như mây tối thượng vi diệu kết thành lâu đài xoay chuyển trên không trung.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nhìn thấy hiện tượng này, nên bước ra trước, bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn, hiện tượng lành này từ nơi nào đến mà có hình tướng như cầu thỉnh Đức Phật?

Phật dạy:

–Này A-nan, ông nên biết, cách xa nước Xá-vệ này đến một trăm sáu mươi thành Phước tăng, có một thành lớn tên là Phước tăng, nơi đó có vị trưởng giả tên Mô-thi-la. Thành ấy hiện đang có các ngoại đạo tụ hội, trưởng giả Mô-thi-la dốc lòng thỉnh Phật và chúng Thanh văn. Chúng ta sẽ đi đến nơi đó, mỗi người sẽ hiện thần biến để chúng ngoại đạo kia trông thấy mà phát sinh sự tin tưởng thanh tịnh. Khi đã có được lòng tín như thế thì sẽ làm cho họ không còn thối chuyển. Chính nơi ấy, Ta sẽ tạo được lợi

lạc lớn. Đấy là hiện tượng họ đến đây thỉnh Phật, vậy ông nên đánh kiền chùy tập hợp chúng Bí-sô, bảo họ tự nhớ rõ về giờ giấc, mỗi người đều hiện thần thông để đến thành lớn ấy nhận sự cúng dường.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đánh kiền chùy, tập hợp chúng Bí-sô, phổ biến: "Các vị Tôn giả A-la-hán đã đắc thần thông hãy lắng nghe lệnh của Đức Phật. Nay các Bí-sô tự biết rõ về giờ giấc, mỗi vị sẽ hiện thần thông đi vào thành Phước tăng, thọ sự cúng dường của trưởng giả Mô-thi-la. Trong thành ấy hiện có các ngoại đạo đang tụ hội, phải dốc làm cho họ phát sinh lòng tin thanh tịnh, khi đã sinh lòng tin ấy rồi thì sẽ khiến họ không thối chuyển, sẽ làm cho họ có được lợi lạc lớn". Tôn giả A-nan bố cáo như thế, rồi phát thẻ. Các vị A-la-hán đều thọ thẻ. Khi ấy, có một vị Bí-sô tên Côn-nỗ-bát-đà-na, là Thượng tọa trong chúng, đã chứng quả Tu-đà-hoàn, nhưng chưa có được đầy đủ thần thông, cũng nhận thẻ. Tôn giả A-nan nói:

–Thưa Bí-sô thượng tọa, nước Xá-vệ cách thành Phước tăng kia đến một trăm sáu mươi do-tuần. Đức Phật ra lệnh các vị phải hiện thần biến mới có thể đến chốn ấy.

Vị Bí-sô Thượng tọa nghe lời nói như vậy, liền tự trả lại thẻ đã nhận. Vị Bí-sô này bèn dùng tâm thanh tịnh an trú như thật, ngay trong khoảnh khắc một sát-na, liền đắc quả A-la-hán, nhận lại thẻ cũ, phát khởi sáu thần thông. Thí như trong khoảng thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay, vị ấy liền vọt thân lên không trung, nói kệ:

Không lấy sắc tướng làm tối thượng
Không dùng sức lực để tôn trọng
Ly trần thanh tịnh mới trang nghiêm
Chứng đắc lục thông đều đầy đủ.

Sáng sớm hôm sau, các vị A-la-hán tùy sở thích đã ứng hiện các thần biến, lần lượt đi đến nhà trưởng giả Mô-thi-la trong thành Phước tăng.

Bấy giờ trưởng giả Mô-thi-la cùng vợ con quyến thuộc dùng nước thơm rưới khắp mặt đất, bố trí chỗ ngồi hết sức trang nghiêm, dọn bày ra các loại thức ăn thượng vị. Sau khi sắp đặt xong, trưởng giả và vợ con ra khỏi nhà, đứng bên cửa, cùng đồng nữ Thiện Vô Độc, đồng tử Ngưu Thọ chờ Đức Phật giáng hạ.

Trưởng giả suy nghĩ: "Đức Phật đến đây thọ sự cúng dường của ta hay là Ngài lại đến nơi khác để thọ sự cúng dường nào!". Ông ta nghĩ như thế rồi, hướng về nơi Đức Phật Thế Tôn, đứng yên, dốc tâm chiêm ngưỡng.

Lúc ấy Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như dùng thần lực của mình hóa xe

Đại xà, người thì ngồi yên trên xe, lại hóa mưa trời li ti từ từ rơi xuống, sấm chớp sáng rực liên tục phát ra. Tôn giả hiện thần thông như thế, đến nơi nhiễu ba vòng quanh trên thành ấy, sau đó từ hư không hạ xuống, vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả Mô-thi-la trông thấy hình tướng ấy, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây bằng xe Đại xà lại có trời mưa li ti từ từ rơi xuống, sấm chớp sáng rực liên tục phát ra, hiện tướng như vậy đi rồi vào nhà ta, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đó chẳng phải là Thầy con mà là vị được Đức Phật Thế Tôn độ đầu tiên, là vị đệ tử thượng thủ tên A-nhã Kiều-trần-như. Khi Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên tại vườn Lộc dã, thuộc nước Ba-la-nại, vị này được nghe pháp yếu trước hết liền đắc quả. Đức Phật nêu rõ vị ấy là tối thượng đệ nhất trong các vị chứng đắc Niết-bàn. Đấy là vị Tôn giả đến trước tiên.

Đến lượt Tôn giả Xá-lợi Tử hóa ra xe sư tử, người thì ngồi yên trên xe, tới nơi hiện thần thông bay quanh thành kia ba vòng, rồi từ hư không hạ xuống, vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả thấy hình tướng ấy, hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến bằng xe sư tử hiện tướng trạng như vậy rồi đi vào nhà, là Thầy con chăng?

Đồng nữ đáp:

–Đó chẳng phải là Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên là Xá-lợi Tử. Vị ấy khi ở trong thai mẹ, người mẹ tự nhiên có trí tuệ thông minh xuất chúng, có khả năng nghị luận, giỏi nhiếp phục tất cả các vị luận sư trong cõi Diêm-phù. Người con ấy khi sinh ra sắc tướng đặc biệt, khác lạ, các căn cân đối tương xứng với trí tuệ siêu tuyệt. Cha mẹ yêu mến, mời các tướng sư nhờ họ xem tướng về cuộc đời của vị đồng tử ấy. Bấy giờ các tướng sư mải mê xem xét các sắc tướng thù thắng của đồng tử này, nên quên cả việc đáp lại những câu hỏi về tướng pháp của cha mẹ đồng tử. Cha mẹ đồng tử liền đưa đồng tử đến vị đại Bà-la-môn để vị ấy xem tướng. Vị Bà-la-môn đã nói: "Đồng tử này sắc tướng đặc biệt khác lạ, sẽ xuất gia tu đạo trong pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, đoạn sạch phiền não, chứng quả A-la-hán. Giữa các vị đệ tử trong chúng Thanh văn, vị này có khả năng tùy theo Đức Như Lai để góp sức chuyển bánh xe chánh pháp. Nay vị đồng tử ấy, người nào chỉ gặp mặt qua một lần, sẽ luôn ghi nhớ rõ không quên, huống chi còn được nghe những lời vị ấy thuyết giảng". Vị Bà-la-môn kia

xem tướng như vậy, sau này đều đúng như lời nói, Tôn giả Xá-lợi Tử đã xuất gia chứng quả. Lại nữa, Đức Phật đã nói: "Giả sử dùng hết nước trong biển lớn làm mực; dùng số lượng giấy lớn như núi Tu-di; lấy tất cả cỏ cây của vườn rừng trên quả đất làm bút, sai tất cả dân chúng trong bốn đại châu, trải qua vô số thời gian để ghi chép trí tuệ rộng lớn của Tôn giả Xá-lợi-phất, thì cũng không thể hết. Lại tập hợp tất cả những người có trí tuệ lại một chỗ, thì trí tuệ của Tôn giả ấy cũng vượt hơn họ. Nói tóm lại, nên biết rằng: chỉ trừ Đức Phật Thế Tôn, còn những người đầy đủ tất cả trí tuệ trong thế gian, so với trí tuệ quảng đại của Xá-lợi Tử thì cũng không bằng một phần mười sáu". Thế nên, Đức Phật nói rõ vị này là bậc trí tuệ đệ nhất trong chúng Thanh văn. Vị Tôn giả ấy đã theo thứ tự đi đến đây.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CON GÁI TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC ĐƯỢC ĐỘ

QUYỂN TRUNG

Đến lượt Tôn giả Đại Ca-diếp hóa ra ngọn núi lớn bằng vàng, màu sắc sáng chói, có các rừng cây, chim bay lượn vòng quanh trên núi. Tôn giả ngồi yên trên đỉnh núi, hiện thần thông, từ hư không bay đến, vòng quanh thành ba lượt, sau đó hạ xuống rồi vào nhà trưởng giả Mô-thi-la.

Trưởng giả thấy sự việc ấy liền hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị ở trên đỉnh núi bằng vàng bay đến đây, hiện tướng trạng như vậy rồi đi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đó không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Đại Ca-diếp. Vị ấy khi chưa xuất gia, gia đình rất giàu, vàng bạc châu báu nhiều vô lượng. Vị ấy có trăm ngàn loại y phục thượng diệu, quyến thuộc đông đảo, mọi người đều kính trọng, nhưng do nhàm chán cuộc sống thế tục nên đã từ bỏ tất cả sự giàu sang như vậy, xuất gia tu hành, chứng đắc đạo quả. Lại nữa, vị Tôn giả ấy thường ở một nơi, thường trì một y, luôn thiểu dục tri túc, thường hay thu nhiếp giáo hóa các chúng sinh nặng về tham ái. Vào một lúc nọ, Tôn giả ấy đã được Đức Phật chia nửa tòa cho ngồi chung. Đức Phật nêu rõ vị ấy là bậc tu hạnh Đầu-đà đệ nhất. Tôn giả ấy đã đến theo thứ tự.

Lúc ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên tướng tốt tự nhiên trang nghiêm đặc biệt, hóa ra xe Đại long, mình thì ngồi yên trên xe, hiện thần thông, từ hư không đến, bay quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống, vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả thấy sự việc ấy, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị ngồi xe Đại long bay đến, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Đại Mục-kiền-liên. Vị ấy có đại thần thông, tại đỉnh núi Diệu cao, trong một lúc đã

hàng phục hai vị Long vương là Nan-đà và Ô-ba-nan-đà. Cung điện trời Đế Thích với chu vi ngàn do-tuần, cao hai do-tuần rưỡi, có tám vạn bốn ngàn cột quý, nhiều loại trang sức, tại nơi đó, vị này chỉ cử động một ngón chân, là có thể làm cho cả cung điện của Đế Thích bị chấn động. Còn nữa, vào lúc nọ, Đức Phật ở thôn Phệ-lan-đế, bảo các Bí-sô: "Hiện nay, vùng thôn ấp ở đây có hiện tượng đói kém, nên các Bí-sô khất thực khó khăn".

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Đức Phật nói xong, không rời Phật hội, ngay tức thì đã di chuyển mặt đất này đặt ở thế giới phương dưới, lấy tất cả vật có thể ăn được của thế giới ấy đem đặt ở mặt đất này, khiến cho các vật đều tăng trưởng. Tôn giả dùng sức thần thông như vậy thay phương trên xuống phương dưới xong, mặt đất này vẫn yên như cũ, khiến cho các chúng sinh ở đây thoát khỏi nạn đói. Đức Phật nói: "Này Đại Mục-kiền-liên, khi mặt đất này di chuyển, những chúng sinh trên mặt đất, làm sao có thể yên ổn được?"

Đại Mục-kiền-liên bạch Phật: "Tay trái con giữ lấy chúng sinh, còn tay phải thì di chuyển mặt đất. Mặt đất tuy di chuyển, nhưng các chúng sinh ở đây đều yên ổn tự nhiên, không hề biết có sự di chuyển".

Đức Phật hỏi: "Đại Mục-kiền-liên, khi di chuyển như vậy, ông có ý tưởng gì?"

Đại Mục-kiền-liên bạch Phật: "Theo ý của con, như người lực sĩ di chuyển tấm lá chuối không chút khó khăn, con di chuyển mặt đất cũng như vậy".

Đức Phật dạy: "Lành thay! Lành thay! Ông có thể sử dụng các thần thông với phương tiện như vậy".

Thưa trưởng giả, Đức Phật đã nêu rõ vị này là bậc đạt thần thông đệ nhất. Tôn giả ấy đã theo thứ tự đến đây.

Tiếp theo là Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên hóa ra lâu đài bằng thủy tinh, có nhiều loại cột quý giá với các lưới báu, ngọc quý, chuỗi ngọc trang trí rộng khắp bằng cách treo giăng lẫn nhau. Tôn giả ngồi kiết già trong lâu đài ấy, hiện thần thông, từ hư không bay đến, nhiễu quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống, vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả thấy sự việc này, hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây với lâu đài bằng thủy tinh trang nghiêm các loại báu, ngồi kiết già trong đó, hiện tướng như vậy rồi đi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Ma-ha

Ca-chiên-diên. Vị ấy có khả năng khéo phân biệt câu và nghĩa trong kinh điển. Đức Phật nói rõ vị ấy là bậc luận nghị đệ nhất về kinh điển. Tôn giả ấy đã theo thứ tự đến.

Đến lượt Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, hóa ra xe Đại ngưu, Tôn giả thì ngồi yên trên xe, hiện thần thông, từ hư không đến bay quanh thành kia ba vòng, sau đó hạ xuống, vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả thấy sự việc ấy, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây bằng xe Đại ngưu, hiện tướng như vậy rồi đi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Ma-ha Câu-hy-la. Vị ấy uy nghi đĩnh đạc, các căn từ tốn thanh tịnh, khi mới xuất gia đã thuần thục tự nhiên như vị tu hành trải qua tám mươi hạ, thông tỏ các phạm hạnh như tu tập đã lâu. Đức Phật đã nêu rõ vị ấy là bậc thiểu dục tri túc đệ nhất. Tôn giả ấy đã theo thứ tự đến đây.

Tiếp đến là Tôn giả Ưu-ba-ly, hóa ra rừng cây Kim-đa-la, hoa trái đầy đủ, màu sắc tươi đẹp. Có những loài chim lạ như chim Ca-chỉ-la, Xá-lợi-ra... quần tụ vui đùa trên rừng cây ấy, hót lên những âm thanh vi diệu khả ái. Tôn giả ấy hiện thân mình ở trong rừng cây, dùng thần thông từ hư không đến, bay quanh thành này ba vòng, sau đó hạ xuống, rồi đi vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả nhìn thấy việc này, hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Rừng cây Kim-đa-la bay đến đây, vị hiện thân ngồi trong đó, hiện ra hình tướng như vậy, rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Ưu-ba-ly. Vị này khéo thọ trì giới, gia tộc rất giàu. Xưa kia, khi chưa xuất gia, gặp lúc có năm trăm đồng tử họ Thích đều muốn xuất gia, thường dùng các loại quý giá để trang sức nơi thân thể, đến trước Ưu-ba-ly, họ bèn tự cởi hết những vật trang sức quý giá ấy gom lại một nơi, nói: "Chúng tôi từ bỏ những thứ này để cầu xuất gia". Ưu-ba-ly trông thấy sự việc này, tự suy nghĩ: "Những đồng tử ấy tướng mạo đều đoan nghiêm, gia tộc giàu sang, đều có thể vứt bỏ hết những thứ để cầu xuất gia. Nay ta vì sao còn yêu thích những vật trang sức mà không tự giác ngộ?"

Sau khi suy nghĩ như vậy, vị ấy nhờ nhân duyên đó, cũng vứt bỏ những vật trang sức, theo Phật xuất gia, chứng đắc quả A-la-hán đầu tiên trong nhóm. Đức Phật nêu rõ vị ấy là bậc trì luật đệ nhất. Tôn giả ấy đã

theo thứ tự đi đến đây.

Đến lượt Tôn giả Mã Thắng, oai nghi đĩnh đạc, các căn tịch tịnh, ôm bình bát từ hư không đến, bay quanh thành ba vòng, rồi hạ xuống, vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả trông thấy sự việc ấy, hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây, oai nghi đĩnh đạc, các căn tịch tĩnh, ôm bình bát, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con chăng?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Mã Thắng. Sau khi xuất gia, vị ấy oai nghi luôn đĩnh đạc, các căn tịch tịnh, có khả năng hàng phục voi say mà chứng quả Thánh. Một thời nọ vị này vì Tôn giả Xá-lợi Tử nói bài kệ:

Do nghiệp và phiền não
Làm nhân sinh hành động
Vì vậy nên thế gian
Luân hồi không cùng tận
Người không bị xoay chuyển
Vì hai nhân hoặc, nghiệp
Liền thoát ly thế gian.
Đức Thế Tôn đã dạy
Nếu hai pháp sinh, già
Chúng không còn hiện hành
Chắc chắn trong thế gian
Quyết định không có khổ
Vị ấy sẽ giải thoát
Chánh ngữ này tối thượng
Đại Sa-môn, Ngưu vương
Thông tỏ nên nêu giảng.

Khi Xá-lợi Tử nghe xong bài kệ này, liền hiểu rõ ý nghĩa của nó, ngay sau lời nói ấy liền chứng quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật cho biết Tôn giả Mã Thắng là bậc uy nghi đệ nhất. Tôn giả ấy đã đi đến đây theo thứ tự của mình.

Tiếp theo là Tôn giả Mãn Từ Tử hóa ra hoa sen bằng vàng có ngàn cánh, cánh hoa lớn như bánh xe, cọng hoa bằng lưu ly, râu bằng kim cương, trang trí như vậy với màu sắc chiếu sáng rực rỡ. Tôn giả này hiện thần thông, ngồi trên hoa sen, từ hư không đến bay quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống, rồi vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả nhìn thấy sự việc đó, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây ngồi trên hoa sen bằng vàng ngàn cánh màu sắc rực rỡ sáng chói, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải là Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Mãn Từ Tử. Vị ấy có khả năng khéo tuyên dương chánh pháp. Đức Phật nêu rõ vị ấy là bậc nhất trong những người thuyết pháp. Tôn giả ấy theo thứ tự đã đi đến đây.

Đến lượt Tôn giả Đa Tài Tử, hóa ra một ngọn núi lớn trang nghiêm bằng bốn thứ báu, có cờ phướn đặc biệt tốt đẹp, đầy đủ các loại linh báu, gió thổi hòa theo tiếng kêu, người nghe đều ưa thích. Tôn giả, hiện thần thông, ngồi trên đỉnh núi, từ hư không đến, bay quanh thành kia ba vòng, sau đó hạ xuống và vào nhà trưởng giả. Trưởng giả nhìn thấy sự việc đó, hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây ngồi trên đỉnh núi, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Đa Tài Tử. Vị ấy gia tộc vốn giàu có phồn thịnh, tất cả các nhu cầu hưởng thụ đều được đầy đủ, thường bố trí chỗ ngồi, chỗ nằm, giường lớn, giường nhỏ, thanh tịnh trang nghiêm để sẵn sàng phục vụ Tăng chúng bốn phương vãng lai, cung cấp tùy theo sự cần dùng của từng người. Đức Phật nói rõ vị ấy là hàng tự tại bậc nhất trong những người thọ hưởng phước đức. Tôn giả ấy đã đến đây theo thứ tự.

Tiếp theo là Tôn giả A-nê-lỗ-đà hóa ra một cung điện bằng vàng, bên trong trang trí bằng lưu ly, treo lơ lửng các vật quý báu xen lẫn khắp nơi, hết sức trang nghiêm tốt đẹp. Trong điện có tòa sư tử, Tôn giả ngồi trên tòa, hiện thần thông, từ hư không đến bay quanh thành ấy ba vòng, sau đó hạ xuống rồi vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả trông thấy sự việc, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây với cung điện lớn bằng vàng, bên trong trang trí bằng lưu ly, trên điện có tòa Sư tử, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên A-nê-lỗ-đà. Ở vô số kiếp về trước, vị ấy đã từng phát tâm thanh tịnh, đem một phần

thức ăn cúng dường cho vị Phật Duyên giác, do nghiệp thiện đó nên bảy lần trở lại cõi người đều làm vua Chuyển luân, lại bảy lần sinh lên cõi trời Tam thập tam, đều làm chủ cõi ấy. Nhờ dư báo của nghiệp lành đó, vị ấy được sinh vào dòng họ rất giàu, tuy có đến trăm ngàn vạn vàng bạc châu báu, nhưng đều xả bỏ tất cả để xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia, vị ấy luôn có đầy đủ thức ăn, y phục, ngọa cụ, thuốc thang, tất cả đều như ý, tinh tấn tu tập phạm hạnh chứng đắc đạo quả, lại gặp nhân duyên chứng được Thiên nhãn thanh tịnh. Đức Phật đã nêu rõ vị ấy là bậc đạt Thiên nhãn đệ nhất. Tôn giả ấy đã theo thứ tự đi đến đây.

Đến lượt Tôn giả Văn-câu-chi, hóa ra một tòa bằng các loại hoa. Tôn giả ngồi trên tòa ấy, hiện thần thông, từ hư không đến bay quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống rồi vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả trông thấy sự việc đó, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây ngồi trên tòa bằng các loại hoa, hiện tướng như vậy rồi đi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải là Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Văn-câu-chi, con một trưởng giả rất giàu có. Vị ấy khi sinh ra, cha mẹ rất vui mừng, nói với nhau: "Nhà ta đã giàu có lại sinh con phúc đức, vậy cần phải đưa ra nhiều vàng bạc châu báu để mọi người được biết sự giàu sang ấy".

Bàn luận xong, họ liền xuất kho lấy những vật quý giá kỳ lạ, mời những người hiểu biết về vật quý báu đến xem. Trưởng giả nói: "Này quý vị, hãy xác định cho tôi những loại quý báu này giá trị bao nhiêu?"

Những người kia trả lời: "Châu báu này vô cùng đặc biệt kỳ lạ, không thể biết hết giá trị của nó".

Trưởng giả liền nói: "Giá trị một ức (câu-chi)".

Những người kia hỏi: "Này trưởng giả, có phải mỗi một vật báu giá trị một ức không?"

Trưởng giả đáp: "Đúng vậy! Đúng vậy!"

Những người kia khen ngợi: "Trưởng giả thật giàu có không ai bằng".

Khi ấy trưởng giả hỏi: "Con tôi mới sinh, nên đặt tên gì?"

Có người nói: "Khi sinh đồng tử, nghe nói vàng ngọc quý báu giá trị đến số ức (câu-chi)".

Trưởng giả theo như lời nói ấy, nên đặt tên cho con là Văn-câu-chi. Đức Phật nói rõ, vị ấy là bậc nhất trong việc xa lìa các phiền não. Tôn giả ấy đã theo thứ tự đến đây.

Lúc ấy Tôn giả Thọ-đề-ca hóa ra cỗ xe Khổng tước, tự thân ngồi trên xe ấy, hiện thần thông từ hư không đến, bay quanh thành kia ba vòng, sau đó hạ xuống rồi vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả Mô-thi-la thấy sự việc đó, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây bằng xe chim công, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Thọ-đề-ca. Khi chưa xuất gia vị ấy là trưởng giả rất giàu có của thành Vương xá, tuy ở cõi người nhưng hưởng thọ thắng phước nơi cõi trời. Trong nhà vị ấy thường dùng vải mịn thượng hảo hạng làm khăn sạch để sử dụng. Một lúc nọ, họ đem khăn sạch phơi nắng, bị gió lớn thổi bay đến trước cung điện vua Tần-bà-sa-la. Vua Tần-bà-sa-la thấy khăn sạch này tự nhiên có trước mặt mình, bèn hỏi vị quan hầu: "Ồ! Tấm vải mịn màng đẹp đẽ thượng hạng này, trên đời không có loại nào bằng, ta ở ngôi vua mà chưa từng thấy, thế nó từ đâu đến, các ngươi biết không?"

Vị quan hầu tâu: "Đại vương biết cho, trong thành này của Đại vương có vị đại phú trưởng giả tên Thọ-đề-ca, Đức Phật nói người này hiện nay ở nhân gian nhưng thọ hưởng thắng phước từ cõi trời. Theo ý chúng thần thì đây là vật từ trong nhà của vị trưởng giả kia. Đại vương nên triệu ông ta đến hỏi tất biết sự thật".

Bấy giờ nhà vua liền triệu trưởng giả đến trước mặt, lần lượt hỏi về sự việc ấy. Thọ-đề-ca tâu: "Tấm lụa mềm này là khăn sạch trong nhà thần sử dụng. Hôm trước đem phơi bị gió thổi đến đây, sự thật là như vậy, xin Đại vương tha tội".

Nhà vua nói: "Ta thấy ngươi chẳng có tội gì cả, chỉ vì nghe ngươi hưởng thọ thắng phước từ cõi trời, việc này có thật không?"

Thọ-đề-ca tâu: "Đúng vậy! Đúng vậy!"

Nhà vua nói: "Này Thọ-đề-ca, ta muốn đến nhà của ngươi, để xem qua một lần được chăng?"

Thọ-đề-ca tâu: "Tâu Đại vương, thần là dân của nhà vua, do vua thống lãnh, nếu Đại vương quá bộ tới thì thật may mắn cho nhà dân thường, hạ thần rất vui mừng".

Nhà vua nói: "Ngươi hãy về trước, chuẩn bị thức ăn, ta sẽ đến sau".

Thọ-đề-ca nói: "Nếu người được hưởng thụ thắng phước của cõi trời, không cần ra sức làm gì cả, thức ăn tự có sẵn, xin mời nhà vua cùng đi

luôn".

Khi ấy vua Tần-bà-sa-la cùng quần thần hộ giá, đi đến nhà trưởng giả Thọ-đề-ca. Trưởng giả đi trước dẫn đường cho vua. Khi đến cổng nhà trưởng giả, nhà vua thấy nô tỳ giữ cửa dung mạo đoan nghiêm, trang sức bằng vật báu tốt đẹp, ý nhà vua nghĩ rằng đây là vợ của trưởng giả nên tạm đứng lại, không tiến tới nữa. Thọ-đề-ca tâu: "Đại vương! Vì sao bệ hạ đứng lại không tiến tới?"

Nhà vua nói: "Này Thọ-đề-ca vợ ngươi ở đây, nên ta tạm đứng lại".

Thọ-đề-ca tâu: "Đây không phải là vợ thần mà là tỳ nữ giữ cổng".

Nhà vua từ từ đi vào, đến bên trong cổng ngoài, lại thấy như trước và cũng tạm đứng lại. Thọ-đề-ca lại tâu: "Đại vương, vì sao lại dừng lại không đi nữa?"

Nhà vua trả lời như trước. Thọ-đề-ca tâu: "Đây không phải là vợ thần mà vẫn chỉ là tỳ nữ giữ cổng".

Nhà vua đi vào cổng trong, thấy mặt đất bằng ma-ni quý báu, ánh sáng như ngọc trong suốt rực rỡ, có hình tướng các loài thủy tộc, ý nhà vua cho đó là hồ nước nên tạm đứng lại, không dám tiến tới.

Thọ-đề-ca tâu: "Đại vương vì sao đứng lại không đi nữa?"

Nhà vua nói: "Chỗ này có nước nên ta không tiến tới".

Thọ-đề-ca tâu: "Đây không phải là nước, mà chỉ là mặt đất do ma-ni báu tạo thành".

Nhà vua hỏi: "Nếu là đất báu tại sao có các loài thủy tộc ở trong?"

Thọ-đề-ca tâu: "Đó không phải là các loài thủy tộc thật, chỉ là ánh sáng của ma-ni báu phản chiếu nhau nên có như vậy".

Bấy giờ nhà vua tuy nghe nói, nhưng vẫn chưa tin, tự tay cởi nhẫn ném xuống đất. Chiếc nhẫn chạm vào đất phát tiếng kêu, vua mới tin đúng là mặt đất bằng ma-ni báu. Sau đó, vua Tần-bà-sa-la vào nhà, ngồi trên tòa sư tử. Trưởng giả Thọ-đề-ca đứng hầu một bên. Lúc ấy, vợ trưởng giả đi ra trước vua, đang cung kính làm lễ thì bỗng nhiên nước mắt chảy ra, nên đứng qua một bên.

Nhà vua hỏi: "Này trưởng giả, vợ ngươi tại sao gặp vua lại rơi lệ?"

Thọ-đề-ca tâu: "Vợ của tiểu thần được lễ bái trước bệ hạ, lòng rất vui mừng, nào dám khóc lóc; chỉ vì áo vua đang mặt có mùi khói, khói xông vào mắt nên tự nhiên rơi lệ. Tâu Đại vương, vì thế, người thọ hưởng thắng phước của trời, muốn có thức ăn uống, không cần khói lửa để nấu, có châu báu như ý tự nhiên đưa ra thức ăn".

Nhà vua nói: "Lành thay! Việc này thật hy hữu".

Vua Tần-bà-sa-la ở chỗ trưởng giả Thọ-đề-ca sau khi ăn uống, mãi mê quan sát cảnh vật trong nhà trưởng giả, quên cả việc trở về cung. Bấy giờ, các cận thần nghĩ: "Nhà vua ở đây đã lâu, nếu chưa hồi cung, sợ rằng việc triều chính trong nước bị ngưng trệ".

Nghĩ như thế rồi, họ cùng nhau tâu vua: "Đại vương, lưu lại ở đây đã lâu, xin mau hồi cung, e rằng chính sự trong nước bị ngưng trệ".

Nhà vua bảo quần thần: "Ta ở đây mới chỉ một ngày, với chính sự trong nước vẫn chưa phải là bỏ phế lâu dài".

Trưởng giả Thọ-đề-ca tâu: "Đại vương ở trong nhà kẻ hèn này đã qua bảy ngày".

Nhà vua nói với trưởng giả: "Ta ở trong nhà ngươi mới sáng nay mà đã qua bảy ngày, việc này đúng không?"

Thọ-đề-ca tâu: "Tâu Đại vương, đúng vậy! Tâu Đại vương, đúng vậy! Đối với Đại vương hạ thần nào dám nói dối".

Nhà vua lại hỏi: "Trong nhà khanh xem việc gì để biết ngày đêm?"

Thọ-đề-ca tâu: "Có hoa nở ra và khép lại để phân biệt ngày đêm. Có châu báu ma-ni tỏa ra ánh sáng khi rực rỡ và khi không rực rỡ để phân biệt ngày đêm. Có những chim lạ tự nhiên khi cùng hót, khi không cùng hót để phân biệt ngày đêm. Đại vương biết cho, khi hoa nở biết đó là ngày, khi hoa khép lại biết đó là đêm. Khi ánh sáng châu báu ma-ni rực rỡ, biết đó là ngày, khi ánh sáng châu báu ma-ni không rực rỡ biết đó là đêm. Khi chim lạ cùng hót, biết là ngày; khi chúng yên lặng không hót biết đó là đêm. Tâu Đại vương, nhà của thần dựa vào những hình tượng như vậy để phân biệt ngày và đêm".

Vua Tần-bà-sa-la nói với trưởng giả Thọ-đề-ca: "Thật là hy hữu! Hy hữu! Đức Phật nói lời chân thật không hư vọng. Đức Phật nói ngươi ở trong nhân gian, nhưng hưởng thọ thắng phúc của trời, ngày nay ta thấy được sự việc đúng như vậy".

Vua Tần-bà-sa-la nói xong, rời khỏi nhà trưởng giả, trở về vương cung.

Này trưởng giả Mô-thi-la, nên biết rằng vị ấy có những thắng phước của trời người như thế, lại có thể xả bỏ tất cả để xuất gia tu đạo, chứng quả A-la-hán. Đức Phật nói rõ vị ấy là bậc nhất về thọ hưởng thắng phước của trời. Tôn giả ấy đã theo thứ tự mà đến đây.

❑

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CON GÁI TRƯỞNG GIẢ CẤP CÔ ĐỘC ĐƯỢC ĐỘ

QUYỂN HẠ

Đến lượt Tôn giả Văn-thị-bách-ức hóa ra rừng cây với hoa trái nhiều màu sắc, giăng kín cả hư không. Tôn giả hiện thân trong rừng đó, vận dụng thần thông từ hư không đến, bay quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống rồi vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả thấy việc ấy xong, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây có rừng cây, hoa trái nhiều màu sắc, hiện thân trong rừng, với các hình tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Văn-thị-bách-ức. Vị ấy khi sinh ra chân không đụng đất, cách mặt đất bốn ngón tay. Dưới chân có lông màu vàng ròng, biểu thị dị tướng. Khi chân đạp đất, mặt đất liền chấn động theo sáu cách.

Đức Phật đã từng nói với các vị Bí-sô: "Này các Thầy, nên biết đồng tử Văn-thị-bách-ức này trong chín mươi mốt kiếp đều mang một tên, sinh ra chỗ nào chân đều không đạp đất. Vị ấy do phát khởi tâm tinh tấn tu tập đạo pháp nên phước báo vô tận". Đức Phật nêu rõ vị ấy là bậc tinh tấn đệ nhất. Tôn giả ấy đã theo thứ tự đến đây.

Tiếp theo là Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha hóa ra xe Đại nga, hiện thần thông từ hư không đến, bay quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống rồi đi vào nhà trưởng giả. Trưởng giả thấy việc ấy, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây bằng xe Đại nga, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Tất-lăng-già-bà-tha, thường tu hạnh Từ. Đức Phật nêu rõ vị ấy là bậc có hạnh Từ đệ nhất. Tôn giả ấy theo thứ tự đã đến.

Rồi đến Tôn giả Ô-đà-di hóa ra xe Đại mã, trang nghiêm bằng bốn

loại quý báu, hiện thần thông như thế, từ hư không đến bay quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống và vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả thấy sự việc ấy, liền hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây bằng xe Đại mã, trang nghiêm bằng bốn loại quý báu, hiện tướng như vậy rồi đi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Ô-đà-di. Vị ấy thuộc dòng họ Thích. Trong dòng họ Thích, có Tịnh Phạn vương, Bạch Phạn vương, Hộc Phạn vương, Cam Lộ Phạn vương, cùng với Da-thâu-đà-la, Ngu-bế-ca-một-lý-da-nặc... sáu vạn cung tần thể nữ quyến thuộc. Những quyến thuộc đó rất đông đảo, phồn thịnh, giàu có, an vui tự tại. Vị ấy đã từ bỏ cuộc sống thế gian xuất gia tu đạo, chứng đắc quả. Đức Phật nói rõ vị ấy là bậc đoan nghiêm nhất trong dòng họ Thích. Tôn giả ấy theo thứ tự đã đến đây.

Tới lượt Tôn giả Ma-ha Kiếp-tân-na hóa ra xe Thất-vĩ-ca trang nghiêm bằng bốn loại châu báu. Tôn giả đi bằng xe Thất-vĩ-ca, hiện thần thông như vậy từ hư không đến, bay quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống rồi đi vào nhà trưởng giả.

Trưởng giả trông thấy sự việc ấy, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây bằng xe Thất-vĩ-ca trang nghiêm bằng bốn loại báu, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Ma-ha Kiếp-tân-na. Vị ấy từ bỏ gia tộc xuất gia tu đạo, chứng đắc quả, thường nói lời ôn hoà được mọi người yêu mến. Đức Phật nêu rõ vị đó là bậc có ngôn từ ôn hòa đệ nhất. Tôn giả ấy đã đến đây theo thứ tự.

Tiếp đến Tôn giả Nan-đà hóa ra một vườn rừng lớn với hoa trái sum suê, lại có các loài chim lạ như ngỗng, nhạn, oanh vũ, khổng tước, Xá-lợi-ra, Câu-chi-la, Mạng mạng... tụ tập vui chơi trong ấy. Tôn giả an tọa trong vườn ấy hiện tướng như vậy, từ hư không đến bay quanh thành ba vòng, sau đó hạ xuống rồi vào nhà trưởng giả. Trưởng giả trông thấy sự việc đó, bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị đến đây ngồi trong vườn rừng lớn, hoa quả sum suê, chim lạ tụ tập vui chơi, hiện tướng như vậy rồi vào nhà, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên Nan-đà,

con vua Tịnh Phạn, là em ruột của Phật. So với thân Phật vị ấy thấp hơn bốn ngón tay, đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm. Trong quá khứ, vị ấy với tâm thanh tịnh, từng ở nơi tháp của Đức Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, cúng dường một cái lọng trang nghiêm bằng các loại quý báu tối thượng, đẹp đẽ đặc biệt. Do nhân duyên ấy nên được phước báu thù thắng, trải qua một ngàn năm, trăm đời làm vua Chuyển luân, hưởng thọ thắng phước nhưng không xuất gia, cho đến đời này, vị ấy mới xuất gia tu đạo, chứng đắc thánh quả, trong các oai nghi, luôn gìn giữ kín đáo các căn. Đức Phật nói rõ vị ấy là bậc nhất về hộ trì kín đáo các căn. Tôn giả ấy đã theo thứ tự đến đây.

Đến lượt Tôn giả La-hầu-la hóa làm vua Chuyển luân, phước đức uy nghi, dung mạo thắng diệu đặc biệt, quyến thuộc hầu hạ, bảy báu đầy đủ, có tám mươi bốn câu-chi bộ binh hùng dũng mạnh mẽ Ô-bố-sa-đà..., tám vạn bốn ngàn tượng binh Phược-la-hạ-ca..., tám vạn bốn ngàn mã binh thiện chiến Nan-di-cù-sa..., tám vạn bốn ngàn xa binh đẹp mắt quý báu. Lại có vô số trăm ngàn người hầu cận phục vụ chung quanh, tấu lên trăm ngàn loại âm nhạc vi diệu. Cờ phướn quý báu trang nghiêm dẫn đường hộ vệ trước sau, lọng trắng lớn che trên đảnh Luân vương. Tôn giả hiện thần thông như vậy, từ hư không đến, bay quanh thành ba vòng, chưa vào nhà, trụ giữa hư không. Khi thấy sự việc ấy, trưởng giả bèn hỏi đồng nữ Thiện Vô Độc:

–Vị Chuyển luân thánh vương có phước đức uy nghi, dung mạo thắng diệu đặc biệt, đầy đủ bốn loại binh tượng, mã, xa, bộ, hiện thắng tướng như thế, đến đây trụ giữ hư không, là Thầy con phải không?

Đồng nữ đáp:

–Đấy không phải Thầy con mà là vị đệ tử của Đức Phật, tên La-hầu-la. Vị ấy là con Đức Phật, xuất gia học giới chứng đắc quả thánh. Đức Phật nói rõ vị ấy là bậc học giới đệ nhất. Tôn giả ấy hiện thân Luân Vương theo thứ tự đến đây.

Bấy giờ La-hầu-la hiện thân Chuyển luân vương, trụ trên không trung nói kệ:

Ta đang hiện thân Chuyển luân vương.
Dùng sức thần thông nên như vậy
Như rồng có sức ta cũng thế
Bảy báu bốn binh đều đầy đủ.
Thân đang hiện này chẳng phải thật
Tùy nghi dùng phương tiện thần thông

Trưởng giả cần phải biết rõ rằng
Ta là Phật tử La-hầu-la
Đã chứng đắc đủ các thần thông
Trời người đều quy kính cúng dường
Ta vâng lệnh Phật nên tới đây
Đại sư Mâu-ni sắp đến sau.

Tôn giả La-hầu-la nói kệ xong, hạ xuống rồi vào nhà trưởng giả. Các vị Bí-sô có thần thông như vậy, đều vâng lệnh Đức Phật thị hiện thần thông đủ loại tuần tự đi vào nhà trưởng giả, chờ đợi Đức Phật đến.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết đã đúng lúc, liền nhập Tam-ma-địa quán sát khắp nơi. Khi Ngài ra khỏi quán Tam-ma-địa, toàn thân xuất hiện nhiều loại hào quang, màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng tươi đẹp thanh tịnh. Ánh sáng như vậy rộng lớn rực rỡ, chiếu khắp nước Xá-vệ, cho đến tất cả dân chúng trong thành Phước tăng cũng được hào quang soi sáng. Nhờ thần lực của Đức Phật nên họ đều thấy thân tướng Phật, trong ngoài sáng rực không ngăn ngại. Khi Đức Phật phóng hào quang thì đại địa chấn động. Đức Thế Tôn mặc y Tăng-già-lê, cùng tất cả các vị tùy tùng, các Bí-sô Côn-nỗ-bát-đà-na và đại chúng vây quanh trước sau, ra khỏi thành Xá-vệ đi đến thành Phước tăng.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, biết được sự việc ấy liền cùng với các chúng thiên tử ở Sắc giới đến hộ vệ phía bên phải Đức Phật, Thiên chủ Đế Thích biết việc ấy, cũng với các chúng thiên tử ở Dục giới đến hộ vệ phía bên trái Đức Phật để cùng đi.

Lại có năm trăm Càn-thát-bà Vương như Thiện Ái Âm... tấu lên trăm ngàn loại âm nhạc đi trước Đức Phật để dẫn đường.

Còn có vô số trăm ngàn Trời, Rồng, Quỷ, Thần, nhân, phi nhân... tùy tùng theo sau Đức Phật.

Lại có vô số thiên nữ trên hư không, đều cầm các thứ hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nạp-ma, hoa Câu-mẫu-na, hoa Bôn-nô-lợi-ca, hoa trời Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la... Rồi mưa xuống nào là hương chiên-đàn, hương bột, hương Nhị-nga-lỗ, hương Đa-nga-lỗ, hương Đa-ma-la...; các loại diệu hương như thế để cúng dường Đức Phật. Họ lại tấu âm nhạc vi diệu cõi Trời. Đại thể có chúng trời, người đông đảo như vậy vây quanh Đức Phật đi tới.

Bấy giờ, nơi đồng trống rộng lớn bên đường đi, có bảy ngàn Tiên nhân trước đây đã ở đó. trông thấy Đức Thế Tôn có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hào quang tròn tỏa chiếu sáng rực như ngàn

mặt trời, rộng lớn uy nghi như núi báu hiện, tướng mạo thù thắng tốt đẹp không ai sánh bằng; toàn thân Ngài lại có ánh sáng màu vàng ròng vi diệu, rực rỡ, thấy như vậy rồi, họ cùng nhau đến gần trước Đức Phật, đầu mặt lạy nơi chân Phật, chắp tay cung kính đứng qua một bên. Những Tiên nhân này nhờ thiện căn kiếp trước, nên được gặp Đức Phật Thế Tôn đầu tiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát bảy ngàn vị Tiên nhân ấy, nhận thấy họ thiện căn đã thành thục, nên ngay giữa đồng trống, Ngài tùy cơ lược giảng về pháp môn Tứ đế. Khi các Tiên nhân nghe được pháp này, trí tuệ thêm kiên cố, tâm ý mở thông, mọi người đều hoan hỷ, tức thì vọt thân lên hư không cao hai mươi ngọn núi, cùng chứng quả Tu-đà-hoàn, rồi từ hư không hạ xuống vây quanh Thế Tôn, tùy tùng đi theo Ngài.

Sau khi độ cho bảy ngàn vị Tiên nhân, Đức Thế Tôn từ từ đi đến cửa thành Phước tăng. Ngài tự nghĩ: "Thành Phước tăng này có mười tám cửa, nếu Ta theo cửa Tây vào thì tất cả dân chúng ở các cửa khác không thấy được Ta, vậy Ta nên hiện thân Phật ở khắp các cửa kia, theo các cửa ấy đi vào khiến cho tất cả dân chúng đều được thấy thân Phật, còn chính Ta thì đi vào bằng cửa Tây".

Đức Thế Tôn nghĩ thế rồi, liền hiện ra nhiều thân tùy theo các cửa đi vào. Mỗi thân đều có đủ trời người, đại chúng vây quanh tùy tùng. Khi Đức Phật đi vào cửa thành, nhờ sức thần thông, trong thành tự nhiên trừ sạch mọi thứ gai gốc, đá sỏi, ngói gạch; tất cả vật bất tịnh đều trở nên thanh tịnh, trong ngoài thơm sạch, mặt đất bằng như bàn tay không còn hình tướng cao thấp. Tại các cửa thành nơi Đức Phật đi qua, chỗ thấp nhỏ tự nhiên cao lớn, chỗ chật hẹp tự nhiên rộng rãi. Tất cả các loại voi ngựa trong thành có tánh nết hung dữ không thuần thục thì tự nhiên trở nên thuần thục.

Lại nữa, tất cả dân chúng trong thành đều hoan hỷ chiêm ngưỡng Thế Tôn. Nhờ vào sức thần thông của Đức Phật, người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm được nói, cho đến những người thân thể bị khuyết tật đều trở nên toàn vẹn. Những người tâm hồn bị hôn mê, say loạn, điên cuồng đều được tỉnh ngộ, Chánh định không loạn tưởng. Người bị trúng độc đều được giải hết độc. Những người thù hận nhau cũng thay đổi thái độ, đối với nhau bằng tâm Từ bi. Những người có thai, thân thể an ổn, sinh con phước đức. Những người nghèo khổ tự nhiên được tài sản quý báu sung túc.

Khi Đức Phật đi vào thành đã có những việc hy hữu như vậy diễn ra, tất cả dân chúng đều được lợi ích, chân thân Đức Phật thì đi vào cửa phía Tây.

Đức Thế Tôn đi vào thành xong, liền thu nhiếp các hóa thân thành một thân duy nhất, rồi đến nhà trưởng giả Mô-thi-la.

Đồng nữ Thiện Vô Độc thưa với trưởng giả:

–Vị đang đến đây là Đại sư của con, hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

Khi thấy Đức Phật với thần thông uy đức và các tướng hảo như vậy, trưởng giả và quyến thuộc đều sinh tâm kính ngưỡng, đầu mặt lạy sát hai chân Phật. Đồng nữ Thiện Vô Độc được gặp Đức Phật Thế Tôn thì vui mừng hớn hở, đầu mặt lạy sát chân Phật, chắp tay hướng về Ngài nói kệ:

Lời Đức Phật thuyết thật tối thượng
Điều phục được những lời người khác
Người nghe thường sinh tâm thanh tịnh
Con chưa gặp Phật rất khổ não
Đức Phật thương xót nên đến đây,
Hôm nay chúng con được lợi lớn
Con đem tâm thanh tịnh chí thành
Đảnh lễ chân an lành của Phật.

Đồng nữ nói kệ xong liền dâng nước thơm bằng Ngưu đầu chiên-đàn để Đức Phật rửa chân. Rửa chân xong, Đức Phật an tọa trên bảo tòa trang nghiêm tối thượng. Các chúng Bí-sô cũng rửa chân và ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ đồng nữ Thiện Vô Độc bưng thức ăn thanh tịnh thượng vị, tự tay dâng lên cúng dường Đức Phật và chúng Bí-sô. Trưởng giả Mô-thi-la cùng quyến thuộc, tự tay dâng thức ăn lên Đức Phật và chúng Bí-sô. Theo thứ tự như vậy, thức ăn được dâng lên tất cả, Đức Phật và các Bí-sô tùy ý thọ trai.

Khi ấy tất cả Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong thành Phước tăng và các ngoại đạo Ni-kiền Tử, vô số trăm ngàn người cùng đến nhà trưởng giả ấy để được nhìn thấy Thế Tôn. Theo ý họ, nhà của trưởng giả đang ở quá chật hẹp, không thể dung chứa hết số người đông đảo như vậy, nên họ đều nghi ngại.

Đức Thế Tôn biết ý ấy, liền biến hóa nhà của trưởng giả trở thành thủy tinh, trong ngoài đều trong suốt, rộng rãi, nghiêm tịnh, khiến mọi người đều nhìn rõ Đức Phật không bị trở ngại. Những người ấy được thấy Đức Phật rồi, liền khác miệng cùng lời nói kệ:

Hiện nay nhà trưởng giả
Đều trở thành thủy tinh
Ma-ni và chân kim

Các báu đều rực sáng
Thanh tịnh và rộng rãi
Như cung trời Đế Thích
Đều được thấy Thế Tôn
Đây rất là hy hữu
Hết tất cả chúng con
Trước Đức Phật chiêm ngưỡng
Đều sinh tâm thanh tịnh
Cung kính chắp tay lạy
Mâu-ni giữa chúng hội
Như trăng hiện giữa sao
Trang nghiêm bằng công đức
Thế nên con quy mạng.

Lúc Đức Thế Tôn thọ trai xong, các Bí-sô cũng vậy, Ngài không rời khỏi tòa. Có vô số trăm ngàn chúng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, phi nhân... cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, ngoại đạo Ni-càn-đà, cho đến đồng nữ Thiện Vô Độc và quyến thuộc, vợ con trưởng giả Mô-thi-la, đông đảo như vậy cùng tập trung chung quanh Đức Phật để nghe thuyết pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì đại chúng, tùy theo căn cơ diễn nói về pháp môn Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khi Đức Phật giảng pháp môn này, trong đám ngoại đạo có người nhờ thiện căn thành thục, nên nghe pháp hoan hỷ, sinh tâm tin tưởng thanh tịnh quy y Thế Tôn, tùy theo nhận thức của mình, đều được lợi ích. Lại có chúng sinh được trụ ở Noãn vị, có người được trụ ở Đảnh vị, có người được trụ ở Nhẫn vị, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-la-hán. Trưởng giả Mô-thi-la nghe Phật thuyết pháp, phát tâm thanh tịnh, theo sự nhận thức của mình cũng được lợi ích. Đồng nữ Thiện Vô Độc nhờ thiện căn kiếp trước và được nghe thuyết pháp nên đắc quả Tu-đà-hoàn.

Khi đó các Bí-sô đều bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, lành thay! Hy hữu thay! Đồng nữ Thiện Vô Độc này đúng là Thiện tri thức. Do người nữ ấy mà nhiều người đạt được lợi ích. Cô ấy đã có thể thi hành được các Phật sự lớn.

Đức Phật dạy:

–Này các Bí-sô, các ông nên biết, đồng nữ Thiện Vô Độc này chẳng phải chỉ hiện nay trong giáo pháp của Ta là Thiện tri thức thực hiện Phật sự, mà vị ấy đã ở trong Phật pháp đời quá khứ là Thiện tri thức từng hướng

dẫn người khác thi hành Phật sự. Các ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói lược qua về việc đó.

Các Bí-sô vâng lời Phật, lắng nghe.

Đức Phật dạy:

–Này các Bí-sô, trong đời quá khứ, khi loài người sống thọ tới hai vạn tuổi, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Một lúc nọ, Đức Phật du hóa ở vườn Lộc dã, chốn tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại, cùng với chúng Bí-sô. Nước ấy có vua tên Ai Mẫn, nhà vua đầy đủ phước đức lớn, dùng chánh pháp trị dân. Vua có một người con gái khi sinh ra tự nhiên trên đỉnh đầu có mái tóc vàng kim dài mượt, vì vậy đặt tên cô ta là Kim Man (tóc vàng dài mượt). Nhà vua rất yêu mến vị công chúa này, ra lệnh cho hậu phi, cung tần, quyến thuộc phải hết sức nuôi dưỡng, hầu hạ cho đến khi trưởng thành. Công chúa nhờ sức thiện căn từ kiếp trước, nên rất mến chuộng Phật pháp. Cô ta nghe Đức Phật hiện ở trong vườn Lộc dã, liền cùng với năm trăm phi tần, quyến thuộc hộ vệ đi đến vườn ấy để chiêm ngưỡng làm lễ Đức Thế Tôn. Đến nơi, công chúa chí thành đầu mặt lạy sát chân Thế Tôn. Đức Phật tùy theo căn cơ mà giảng giải pháp yếu. Công chúa nghe pháp rồi, sinh tâm tin tưởng thanh tịnh, hướng về Đức Phật bạch:

–Con từ hôm nay cho đến trọn đời, xin luôn dâng cúng các thứ ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược lên Thế Tôn.

Công chúa thưa bày như thế xong, luôn làm đúng như lời, thường đem tứ sự cúng dường Thế Tôn. Bấy giờ vua Ai Mẫn, vào một đêm nọ thấy mười điềm mộng:

Mộng thấy con voi lớn từ song cửa sổ đi ra, lọt được thân nhưng đuôi còn kẹt nơi song cửa.

Mộng thấy một người khát nước nhưng quay lưng lại giếng nước, người này thà chịu khát chứ không lấy nước uống.

Mộng thấy một người đem ngọc quý của mình đổi lấy lương khô.

Mộng thấy có người dùng gỗ thơm chiên-đàn đổi lấy gỗ thường.

Mộng thấy có một vườn cây hoa trái sum suê, bỗng bị bão lớn thổi tới làm rụng hư nát.

Mộng thấy có các con voi nhỏ rượt đuổi voi lớn chạy đi nơi khác.

Mộng thấy có một con khỉ lớn thân thể dính phẩn dơ, chạy lung tung bốn phía làm bẩn các con khỉ khác, khiến chúng đều xa lánh.

Mộng thấy có một con khỉ ngồi trên tòa, các khỉ khác đều làm lễ quán đỉnh.

Mộng thấy một tấm vải trắng, có mười tám người đều giành một phần nhỏ về mình mà tấm vải không rách.

Mộng thấy có nhiều người tụ tập lại một chỗ cùng nhau tranh cãi lý luận về thị phi.

Đấy là mười giấc mộng nhà vua đã thấy. Sau khi thức dậy, nhà vua suy nghĩ: "Ta thấy mười giấc mộng này nếu không là điềm lành thì chẳng phải là có hại đến mạng sống của ta hay sao?". Nghĩ như vậy, đến sáng sớm, nhà vua triệu tập quần thần để bàn về giấc mộng kia. Quần thần không thể xác định sự lành hay dữ của nó. Nhà vua cho triệu một vị Bà-la-môn đến và kể lại đủ mười giấc mộng, bảo vị này xét đoán sự việc lành dữ. Vị Bà-la-môn tâu:

–Đại vương nên biết, điềm mộng này không lành, xin nhà vua cho làm phép để phá tan sự chẳng lành ấy.

Nhà vua hỏi:

–Phép của khanh thế nào?

Bà-la-môn tâu:

–Nhà vua rất yêu mến công chúa Kim Man, tất cả dân chúng cũng quý trọng yêu mến công chúa, ngay lúc này xin nhà vua đem con gái yêu dấu ra phá hủy thân thể cho chảy máu để làm sông suối, mổ bụng lấy ruột nối lại làm ấp xóm làng. Nếu làm phép này thì phá tan được sự chẳng lành kia. Nếu không làm như vậy thì mạng sống nhà vua bị tổn giảm.

Nhà vua nói:

–Ta thà chịu chết, không thể nào làm hại tính mạng của công chúa Kim Man.

Nói rõ như vậy xong, nhà vua hồi cung, im lặng chống tay lên gò má, không vui. Công chúa Kim Man thấy vua ngồi im lặng, có dáng ưu sầu, bèn đến trước nhà vua tâu:

–Phụ vương, vì sao có dáng điệu ưu sầu, suy nghĩ về việc gì, xin phụ vương cho con biết.

Nhà vua kể lại cho Kim Man nghe về mười điềm mộng và lời đoán của vị Bà-la-môn. Công chúa nghe xong, tâu vua:

–Trong vườn Lộc dã cách đây không xa, có Đức Ca-diếp Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, cùng chúng Bí-sô đang tập họp. Phụ vương cùng con nên đến đó, đem giấc mộng hỏi Phật. Đức Phật là Bậc Nhất

Thiết Trí, chắc chắn có thể nói cho phụ vương rõ về sự việc thiện ác.

Vua Ai Mẫn theo lời con, cùng công chúa Kim Man và quần thần tùy tùng, đến vườn Lộc dã, chỗ Đức Phật Thế Tôn. Đến nơi, vua đầu mặt lạy sát chân Đức Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. Công chúa Kim Man cùng quần thần tùy tùng cũng đều làm lễ và ngồi qua một bên. Lúc ấy có các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ tại pháp hội. Đức Phật vì vua Ai Mẫn và chúng hội, tùy nghi thuyết pháp giảng dạy, làm cho họ đều hoan hỷ. Sau đó, Đức Phật im lặng. Vua Ai Mẫn liền rời chỗ ngồi, đến đứng trước Phật, đem mười giấc mộng lần lượt kể ra. Sau khi kể, vua thưa:

–Con vì sự việc này, sợ mạng sống bị tổn thất, ngưỡng mong Đức Phật từ bi vì con dạy bảo.

Đức Phật dạy:

–Này Đại vương, đừng sợ! Đừng sợ! Giấc mộng đó không phải là việc của vua, cũng không phải là sự việc thiện ác trong hiện nay, thọ mạng của vua cũng không hề bị mất mát. Đại vương nên biết, trong đời tương lai này, khi loài người sống còn một trăm tuổi, sẽ có Đức Phật ra đời hiệu Thích-ca Mâu-ni đầy đủ mười tôn hiệu. Đức Phật ấy trụ thế diễn thuyết giáo pháp hóa độ chúng sinh, theo sự ứng hóa của Ngài. Sau khi làm Phật sự, Ngài nhập Niết-bàn. Giáo pháp để lại có các Bí-sô đệ tử thi hành các sự việc. Giấc mộng hiện nay của vua là hình tướng báo trước về sự việc ấy. Nay Ta vì vua lần lượt giảng giải:

Như giấc mộng vua thấy một con voi lớn theo song cửa sổ đi ra, thân hình tuy lọt nhưng đuôi còn dính lại nơi song, đó là sau khi Đức Phật kia nhập Niết-bàn, trong giáo pháp để lại có nam nữ Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ từ bỏ quyến thuộc, xuất gia học đạo. Tuy đã xuất gia, tâm vẫn còn tham đắm danh lợi thế tục, không thể giải thoát.

Như vua mộng thấy có người khát nước nhưng quay lưng lại giếng, người này thà chịu khát chứ không múc nước uống, đó là giáo pháp của Đức Phật kia để lại có các Bí-sô đã vì các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ thuyết giảng kinh điển của Phật, nhưng những Bà-la-môn... ấy tâm biếng nhác nên đã bỏ qua, không ưa nghe và ghi nhận.

Như nhà vua mộng thấy đem ngọc thật đổi lấy lương khô, đó là trong giáo pháp của Đức Phật kia để lại, có các đệ tử Bí-sô không chịu y theo kinh điển chính thống để tu tập như năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo, thiền định, các pháp xuất thế gian, lại ưa thích tu tập theo kinh sách, chú thuật, ca vịnh, kệ tụng của thế gian.

Như nhà vua mộng thấy có người dùng gỗ thơm chiên-đàn đổi lấy gỗ thường, đó là trong giáo pháp của Đức Phật kia để lại, có các Bí-sô đem kinh điển của Phật, đổi lấy kinh sách thế gian, điển tịch của ngoại đạo.

Như nhà vua mộng thấy có các con voi nhỏ đuổi voi chúa chạy nhanh đi nơi khác, đó là trong giáo pháp của Đức Phật kia để lại, có các Bí-sô phá giới, vô đức thấy những Bí-sô trì giới có đức, cùng nhau ganh ghét, bày ra phương tiện tìm cách đuổi vị kia đi xa.

Như nhà vua mộng thấy có vườn cây hoa trái sum suê, bỗng bị bão lớn thổi tới, làm rơi rụng tan nát, đó là trong giáo pháp để lại của Đức Phật kia, có các Bí-sô thanh tịnh, trì giới, đủ uy đức, đa văn ở yên trong Tăng-già-lam-ma, lại bị chúng Bí-sô thô ác không tu thân, không tu tâm, không tu tuệ, cùng nhau hủy hoại tàn pháp Tăng-già-lam-ma kia, pháp hoại như thế rồi, lại làm cho sự nghiệp tối thắng của các Bí-sô thanh tịnh cũng bị hủy hoại.

Như nhà vua mộng thấy có con khỉ lớn thân dính phẩn uế, xông xáo bốn hướng làm bẩn các khỉ khác khiến chúng đều lẫn tránh, đó là trong giáo pháp của Đức Phật kia để lại, có các Bí-sô phá giới, tự phá tịnh giới không biết hổ thẹn, lại lai vãng đến trước vua quan có tín tâm thanh tịnh để hủy báng các Bí-sô trì giới có đức.

Như nhà vua mộng thấy có con khỉ ngồi một chỗ, các con khỉ khác thì làm lễ Quán đảnh, đó là trong giáo pháp của Đức Phật kia để lại, có Bí-sô không tu thắng hạnh, không đức độ, chúng cùng nhau tự dựng lên làm thượng thủ trong Tăng, thống nhiếp các vị có đức độ, tu tập thắng hạnh.

Như nhà vua mộng thấy một tấm vải trắng có mười tám người cùng nhau giành giật từng phần nhỏ mà tấm vải không bị rách, đó là trong giáo pháp của Đức Phật kia để lại, có các đệ tử dị kiến hưng khởi tranh chấp, đem giáo pháp Đức Phật phân làm mười tám bộ, tuy nhiên, giáo pháp của Đức Phật cũng không bị phá hoại.

Như nhà vua mộng thấy có nhiều nhóm người tụ tập một chỗ cùng nhau nghị luận tranh cãi về việc đúng sai, đó là trong giáo pháp của Đức Phật kia để lại, có các Bí-sô tụ tập lại để nghị luận về những việc danh tiếng lợi dưỡng trong thế gian, do nhân duyên ấy cùng nhau tranh giành, không còn tịch tĩnh, dần dần làm cho giáo pháp thanh tịnh của Đức Thế Tôn bị tiêu diệt.

Này Đại vương, mười điềm mộng ấy không phải là việc của nhà vua, thế nên đừng lo sợ về các hiện tượng đó, hãy an tâm vì mạng sống không sao cả.

Khi vua Ai Mẫn nghe Đức Phật giải về điềm mộng rồi, tâm rất hoan hỷ, đảnh lễ nơi chân Phật, trở về vương cung.

Này các Bí-sô, Đức Như Lai Ca-diếp đã vì vua Ai Mẫn giảng về điềm mộng xong, lại vì chúng hội thuyết pháp Tứ đế. Khi ấy, trong hội có tám vạn bốn ngàn người đều được tiếp cận chân lý, thu hoạch lợi ích. Này các Bí-sô, ý các ông nghĩ sao? Công chúa Kim Man trong giáo pháp của Đức Phật kia, vì vua Ai Mẫn làm Thiện tri thức, tạo lập Phật sự, nào phải người xa lạ, nay chính là đồng nữ Thiện Vô Độc.

Này các Bí-sô, vì vậy nên biết rằng, đồng nữ Thiện Vô Độc đã là Thiện tri thức trong giáo pháp của Đức Phật quá khứ. Nay trong giáo pháp của Ta cũng làm Thiện tri thức cho nhiều người, khiến họ đều được lợi ích.

Các Bí-sô lại bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn, công chúa Kim Man trong thời Đức Phật Ca-diếp, vì nhân duyên gì khi sinh ra, trên đầu tự nhiên có mái tóc vàng kim, lại do nhân duyên gì sinh vào vương cung, thọ hưởng giàu sang an lạc.

Đức Phật dạy:

–Này các Bí-sô, công chúa Kim Man vào thời quá khứ là cô gái nghèo ở nước Ba-la-nại. Cô ta đi khắp mọi nơi xin vật trang trí và bột thơm, đem về trang trí và thoa bột thơm lên tháp một vị Phật Duyên giác, sinh tâm thanh tịnh phát lời thệ nguyện: "Nguyện tôi nhờ vào thiện căn này đời đời sinh ở đâu, trên đỉnh đầu có tóc vàng kim, sinh trong nhà đại phú giàu sang tự tại tận lực thi hành các Phật sự". Này các Bí-sô, cô gái nghèo thời ấy là công chúa Kim Man trong giáo pháp của Đức Phật Ca-diếp. Nhờ vào thiện căn và diệu lực của đại thệ nguyện kia, trong năm trăm đời, cô ta sinh vào bất kỳ chỗ nào, tự nhiên nơi đỉnh đầu đều có tóc vàng kim. Này các Bí-sô, do vậy hiện nay đồng nữ Thiện Vô Độc nhờ vào thiện căn và sức đại nguyện của quá khứ, được sinh vào gia đình giàu có của trưởng giả Cấp Cô Độc, khéo hướng dẫn thi hành Phật sự. Vậy phải biết rằng, quyết định thiện nghiệp thì chắc chắn có thiện báo, trong tất cả mọi thời và tất cả mọi nơi, không hề bị tan mất. Vô số nghiệp nhân và vô số quả báo kia, như cảnh giới của đại địa, tính chất nó cứng chắc, không phải như tính chất lưu động ẩm ướt nơi thủy, hỏa, phong giới. Như vậy, uẩn, xứ, giới... chúng đều khác nhau. Tất cả chúng sinh tạo nghiệp thiện ác, cũng như vậy. Những loại nghiệp nhân sai biệt khác nhau, nên các loại quả báo không phải chỉ có một. Giả sử trải qua đến trăm kiếp, thì pháp nhân quả cũng nhất định không mất.

Đức Phật dạy:

–Này các Bí-sô, thế nên các thiện nam, thiện nữ, cần phải đối với

Phật, Pháp, Tăng sinh lòng tin sâu xa thanh tịnh, tôn trọng cung kính; đối với kinh điển ấy luôn tin chắc chắn và thọ trì, truyền bá khắp nơi, như lý tu hành. Này các Bí-sô, phải tu học như vậy.

Khi Đức Thế Tôn đã vì các Bí-sô nói về nhân duyên quá khứ của đồng nữ Thiện Vô Độc như trên. Ngài lại vì đồng nữ Thiện Vô Độc, quyến thuộc của trưởng giả Mô-thi-la, cho đến các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong thành Phước tăng cùng tất cả Trời, người, đại chúng khác, tùy căn cơ của họ mà thuyết giảng chánh pháp, khiến họ đều được lợi ích. Bấy giờ Đức Thế Tôn và chúng Bí-sô ngay giữa hội ấy bèn ẩn thân biến mất, đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ thì hiện thân lại như cũ.

Đức Phật nói kinh này xong, đồng nữ Thiện Vô Độc, trưởng giả, các quyến thuộc, các Bí-sô..., tất cả đại chúng nghe Đức Phật giảng dạy, đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 131

PHẬT NÓI KINH BÀ-LA-MÔN TRÁNH SỰ CHẾT

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà du hóa ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, có bốn Tiên nhân Bà-la-môn tinh tấn tu hành theo pháp thiện về ngũ thông, lại thường sợ chết. Bốn Tiên nhân Bà-la-môn tinh tấn tu hành theo pháp ngũ thông ấy suy nghĩ: "Chúng ta nên ở đâu để sống mãi trên thế gian?"

Trong nhóm này, có một Bà-la-môn tinh tấn tu pháp thiện, có đại thần lực ngũ thông, liền bay vào không trung để khỏi bị chết, nhưng vị bay vào ở không trung ấy rồi cũng qua đời.

Vị Bà-la-môn thứ hai tinh tấn tu hành pháp thiện về ngũ thông, sợ chết nên lặn sâu vào biển, cho rằng: "Ta ở trong biển thì không bị chết". Nhưng vị ở trong lòng biển ấy lại cũng qua đời.

Vị Bà-la-môn thứ ba tinh tấn tu pháp thiện, có ngũ thông với uy lực lớn, vì sợ chết nên ẩn vào lòng núi, nhưng rồi vị này cũng qua đời trong ấy.

Vị Bà-la-môn thứ tư tinh tấn tu pháp thiện về ngũ thông, có uy thế lớn, sợ chết nên ẩn vào lòng đất, cho rằng: "Ta vào ở trong đó thì sẽ thoát chết". Vị này rồi cũng qua đời ngay trong lòng đất.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh không ngăn ngại để nhìn thấy, quán sát bốn vị Bà-la-môn kia đã tinh tấn tu pháp thiện, có được uy lực lớn, đạt ngũ thông, nhưng lại sợ chết. Một người ở trên hư không và chết nơi đó. Một người lặn vào trong biển rồi chết ở đấy. Một người thì ẩn vào lòng núi và chết trong ấy. Một người thì nhập vào lòng đất và cũng chết ở đó.

Đức Thế Tôn thấy bốn vị Bà-la-môn kia tinh tấn tu pháp thiện, đắc

ngũ thông, có uy thế lớn, Ngài bèn nói kệ:

Không lên trời, vào biển
Không vào lòng núi đá
Không có chỗ đất nào
Trốn thoát được cái chết.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 132 (A)

PHẬT NÓI KINH BỐ THÍ ĐỒ ĂN ĐẠT ĐƯỢC NĂM PHƯỚC BÁO

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nên biết rằng ăn uống phải chừng mực, thọ dụng là để giữ gìn sức khỏe mà thôi.

Đức Phật dạy:

–Người nào đem thức ăn bố thí cho người khác thì có năm phước đức làm cho người ấy đạt được đạo pháp. Người trí thông hiểu lẽ doanh hư, tâm ý luôn rộng mở thì đạt được năm phước. Thế nào là năm?

1. Bố thí mạng sống.

2. Bố thí nhan sắc.

3. Bố thí sức lực.

4. Bố thí sự an ổn.

5. Bố thí sự biện luận.

Thế nào là bố thí mạng sống?

Khi con người không được ăn uống, dung mạo tiều tụy, không thể tươi tỉnh, chẳng qua bảy ngày phải chết. Thế nên người trí cho họ ăn. Cho họ ăn là cho họ mạng sống. Người cho mạng sống thì đời đời được trường thọ, được sinh lên cõi trời hay cõi người, sống lâu không chết yểu, không bị thương tổn, tự nhiên được phước báo tài sản giàu có vô lượng. Đó là bố thí mạng sống.

Thế nào là bố thí nhan sắc?

Khi con người không được ăn uống, nhan sắc tiều tụy không thể tươi tỉnh. Do vậy người trí cho họ ăn. Sự cho ăn ấy là cho họ nhan sắc. Người

cho nhan sắc thì đời đời đẹp đẽ, được sinh nơi cõi trời hay cõi người thì nhan sắc luôn hồng hào như hoa, người khác thấy liền vui mừng, bày tỏ sự cung kính. Đó là bố thí nhan sắc.

Thế nào là bố thí sức lực?

Khi con người không được ăn uống, thân thể gầy yếu, ý chí nhu nhược, không thể làm được gì. Do vậy người trí cho họ ăn. Sự cho ăn ấy là cho họ sức lực. Người cho sức lực thì đời đời luôn được khỏe mạnh, sinh vào cõi trời hay cõi người luôn có sức lực hơn hết, ra vào, đi hay ở sức lực không hề hao tổn. Đó là bố thí sức lực.

Thế nào là bố thí sự an ổn?

Khi con người không được ăn uống thì tâm buồn bã, thân khốn đốn, ngồi đứng không ổn định, không thể tự yên. Thế nên người trí cho họ ăn, sự cho ăn ấy là cho họ sự yên ổn. Người cho sự yên ổn thì đời đời được yên ổn, sinh vào cõi trời, cõi người không hề gặp các tai nạn. Người ấy đi đến đâu, thường gặp các bậc hiền lương, tài sản giàu có vô lượng, không bị chết yểu hay bị thương tật. Đó là bố thí sự yên ổn.

Thế nào là bố thí sự biện luận?

Khi con người không được ăn uống, thân thể gầy yếu, ý chí nhu nhược, miệng không nói nên lời. Thế nên người trí cho họ ăn, sự cho ăn đó là cho họ sự biện luận nói năng. Người cho sự nói năng biện luận thì đời đời thông minh, ngôn từ luôn lưu loát, không bị trở ngại, trí tuệ biện luận thông đạt, sinh vào cõi trời hay cõi người, người được nghe nói đều vui mừng, lắng nghe, ghi nhận pháp họ nói.

Đó là quả báo của năm loại phước đức do bố thí thức ăn mà có được.

Đức Phật dạy:

–Nếu các hàng Tộc tánh tử, Tộc tánh nữ, phát đạo tâm, bố thí tất cả những thức ăn uống, y phục thì họ sinh vào nơi nào, ngay đời ấy liền được gặp Đức Phật, tu học và thọ trì ba Pháp, bốn Ý đoạn, ba Giải thoát, đạt đến mười Lực, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, qua lại trong mười phương, cũng như mặt trời mọc, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp mọi nơi chốn, giáo hóa tất cả chúng sinh. Sau khi vị ấy nhập Niết-bàn, kinh pháp tiếp tục lưu hành, người phụng trì pháp ấy được giải thoát như Đức Phật không khác.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này, các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, dân chúng trong thế gian, các hàng vua chúa, đại thần, bốn hạng đệ tử thảy đều hoan hỷ làm lễ Đức Phật.

❑

SỐ 132 (B)

KINH THÍ THỰC ĐƯỢC NĂM PHƯỚC BÁO

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Nên biết, ăn uống phải chừng mực, thọ dụng là để sức khỏe không bị suy giảm.

Đức Phật dạy:

–Đem thức ăn bố thí cho người khác thì được năm phước đức. Người trí hiểu biết lẽ doanh hư, tâm ý luôn mở rộng, nên luôn thực hiện năm loại phước đức. Năm loại ấy là gì?

1. Bố thí mạng sống.

2. Bố thí nhan sắc.

3. Bố thí sức mạnh.

4. Bố thí sự yên ổn.

5. Bố thí sự biện luận.

Thế nào là bố thí mạng sống?

Tất cả chúng sinh đều nhờ vào ăn để mạng sống được tồn tại; không được ăn thì chẳng quá bảy ngày sẽ chết. Thế nên cho ăn uống tức là cho mạng sống. Người cho mạng sống thì đời đời được trường thọ, được sinh vào cõi trời hay cõi người, không bị chết yểu, y phục thức ăn tự đầy đủ, tài sản giàu có vô lượng.

Thế nào là bố thí nhan sắc?

Người được cho ăn, nhan sắc trở nên sáng láng tươi nhuận. Khi không được ăn thì khó chịu, hình sắc tàn tạ, mặt mày tiều tụy không tỉnh táo. Thế nên cho ăn tức là cho họ nhan sắc. Người bố thí nhan sắc thì đời đời được

đoan chánh, sinh nơi cõi trời hay cõi người, dung mạo luôn hồng hào hiếm có trên đời, người khác trông thấy đều ưa ngắm nhìn, cúi đầu làm lễ.

Thế nào là bố thí sức mạnh?

Người được ăn uống thì khí lực cường thịnh, cử động sinh hoạt không có gì khó khăn. Người không được ăn, bị đói khát thì nóng nảy, phiền não, hơi thở suy yếu. Thế nên cho ăn là cho họ sức mạnh. Người bố thí sức mạnh thì đời đời luôn được nhiều sức khỏe, sinh lên cõi trời hay vào cõi người, sức khỏe không ai bằng, ra vào hoạt động không hao tổn suy yếu.

Thế nào là bố thí sự yên ổn?

Người được ăn uống thì thân thể được yên ổn, không bệnh hoạn. Người không được ăn, tâm buồn rầu, thân khốn đốn, ngồi đứng không yên, không thể ổn định. Thế nên cho ăn là cho sự yên ổn. Người bố thí sự yên ổn thì đời đời không bệnh, tâm luôn an ổn, thân cường tráng, sinh vào cõi trời hay cõi người đều không bị các tai ương. Họ đến đâu cũng luôn gặp việc hiền lương, tài sản giàu có vô số, không bị chết yểu hay bị thương tổn.

Thế nào là bố thí sự biện luận?

Người được ăn uống thì khí lực sung mãn, ý chí mạnh mẽ, ngôn ngữ lưu loát. Người không được ăn uống thì thân thể yếu ớt, ý chí nhu nhược, miệng khó nói nên lời, không trình bày được sự việc. Thế nên cho ăn là cho họ tài nói năng. Người bố thí tài nói năng biện luận thì đời đời được thông minh, sinh nơi cõi trời hay cõi người, biện luận bằng ngôn từ trí tuệ, miệng nói lưu loát không bị trở ngại, sai lầm khiến người nghe luôn vui mừng, kính phục, ghi nhận.

Đó là năm phước đức của sự bố thí thức ăn uống. Người nào phát đạo tâm bố thí tất cả, được phước này rồi, sinh vào nơi nào luôn được gặp Đức Phật trong đời đó, lãnh hội, thọ trì giáp pháp sâu xa về bốn Bậc, bốn Ân, sáu Độ ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Bồ-đề. Hiện tướng của pháp thân thọ mạng vô cùng, tướng tốt quang minh tươi sáng: Ba mươi hai tướng cho đến mười Lực để thành Phật đạo, lập sự an ổn lớn, cứu độ nguy ách, trí tuệ biện tài, nói ra vạn ức âm thanh, độ thoát mười phương chúng sinh.

Đức Phật nói kinh này, các Tỳ-kheo, chúng Trời Rồng Quỷ, Thần, bốn hạng đệ tử thảy đều hoan hỷ, làm lễ từ giã.

❑

SỐ 133

KINH VUA TẦN-TỲ-SA-LA ĐẾN CÚNG DƯỜNG ĐỨC PHẬT

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Sa-môn Thích Pháp Cự.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, luôn được mọi người kính ngưỡng, cùng nhau đến cúng dường. Chư vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vua chúa, thái tử, quần thần cho đến dân chúng đều đến cúng dường y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc trị bệnh cho Đức Phật và chúng đệ tử.

Bấy giờ tiếng tăm đức độ của Đức Thế Tôn vang xa. Đây là Đức Thế Tôn với các tên hiệu: Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vị Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài vì chúng sinh thuyết pháp, trước sau luôn nhất quán, tốt đẹp, ý nghĩa rất sâu xa, đầy đủ các phạm hạnh.

Bấy giờ vua nước Ma-kiệt là Tần-tỳ-sa-la bảo các quần thần:

–Các ngươi hãy sắm sửa xe gắn lông quý. Vì sao? Ta muốn đến nước Ca-thi-câu-tát-la thăm viếng Đức Thế Tôn, lễ bái cúng dường. Rất khó được sống vào thời có Đức Thế Tôn ra đời và cũng khó được gặp Ngài. Mỗi khi Đức Như Lai xuất hiện trên thế gian, cũng như hoa Ưu-đàm-bát hàng bao nhiêu năm mới xuất hiện ở đời. Đức Thế Tôn cũng như vậy, rất khó được gặp.

Quần thần trả lời:

–Tâu Đại vương, xin vâng.

Quần thần theo lệnh vua bố trí xe gắn lông quý xong, rồi đến tâu:

–Xe đã được chuẩn bị xong, đã đúng giờ.

Vua Tần-tỳ-sa-la đi xe gắn lông quý, quần thần nhân dân vây quanh trước sau, ra khỏi thành La-duyệt. Với quyền lực của nhà vua, đoàn người đi dần dần đã đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc tại thành Xá-vệ, thuộc nước Ca-

thi-câu-tát-la. Họ đi xe đến cửa thành, rồi xuống xe đi bộ vào Kỳ hoàn, đến chỗ Đức Như Lai. Cũng như vua Sát-lợi xả bỏ năm uy nghi, nhà vua đầu mặt lạy sát chân Đức Thế Tôn, lấy tay xoa lên chân Đức Phật, tự xưng tên họ:

–Con là Tần-tỳ-sa-la nước Ma-kiệt, vua trong các vị vua, là Tần-tỳ-sa-la vương.

Đức Thế Tôn bảo vua Tần-tỳ-sa-la:

–Ngài là Đại vương thuộc hào tộc Sát-lợi. Ta là người họ Thích xuất gia học đạo, ngay nơi sắc thân này các đức đầy đủ. Cảm ơn Đại vương đã chịu khó đến gặp Ta, thăm hỏi sức khỏe, chỗ ở, cũng như bày tỏ những tình cảm quý mến.

Nhà vua thưa với Đức Phật:

–Xin đội ân đức của Đức Thế Tôn. Con đã thấy các vị Sát-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Sa-môn đều là hạng trí tuệ, đa văn, họ cùng nhau bàn luận: "Ta đem luận này đến hỏi Sa-môn Cù-đàm, nếu Sa-môn Cù-đàm trả lời theo luận ấy thì chúng ta đem luận này đáp lại. Còn nếu Sa-môn Cù-đàm không trả lời theo luận ấy, thì chúng ta cũng cùng nhau bàn luận về ý nghĩa của nó". Họ bèn đi đến chỗ Đức Phật, luận nghị còn không được nói chi đến chuyện vấn nạn. Nhờ vậy, họ quy y Đức Phật, chánh pháp và chúng Tỳ-kheo Tăng. Đó là Đức Thế Tôn thân có công đức, thuyết pháp vi diệu, hành động đúng lúc. Khi ấy con được hoan hỷ lần thứ hai, đối với Đức Thế Tôn càng thêm cung kính hơn nữa. Đại chúng Thanh văn tu hành thanh tịnh, thành tựu đầy đủ về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Đó là chúng có bốn đôi tám bậc. Chúng Thanh văn của Đức Thế Tôn thật đáng tôn kính, đáng quý trọng, đúng là hàng tôn quý bậc nhất, là phước điền vô thượng của chúng dân trong thế gian. Đây là niềm hoan hỷ thứ ba của con đối với Bậc Chánh Đẳng Giác.

Bấy giờ vua Tần-tỳ-sa-la nước Ma-kiệt sau khi được nghe pháp vi diệu từ Đức Phật, liền bạch với Đức Thế Tôn:

–Ngưỡng mong Đức Như Lai nhận lời thỉnh mời của con, du hóa ba tháng tại thành La-duyệt, để con cúng dường y phục, thức ăn uống, giường tòa để nằm ngồi, y dược trị bệnh đến chư Tỳ-kheo.

Đức Phật im lặng nhận lời thỉnh cầu của vua Tần-tỳ-sa-la.

Vua thấy Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, nên rất vui mừng, hớn hở bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, cung kính lạy sát chân Thế Tôn, đi quanh Ngài ba vòng rồi từ giã. Nhà vua ra khỏi cổng tinh xá Kỳ hoàn rồi lên

xe gắn lông quý, trở về cung điện trong thành La-duyệt.

Về triều, nhà vua ra lệnh cho các đại thần và chúng dân:

–Các khanh hãy lắng nghe, ta muốn thỉnh Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng ở đây ba tháng để cúng dường y phục, thức ăn, giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh. Các khanh hãy cùng nhau hỗ trợ thực hiện công việc ấy.

Đáp:

–Xin vâng, Đại vương!

Rồi nhà vua ngồi một mình suy nghĩ: "Ta có tài sản riêng, có thể sắp đặt bày biện công việc. Ta muốn suốt đời lo việc cúng dường Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng về y phục, thức ăn, giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh. Như vậy ta cần phải khuyến khích, đốc thúc các đại thần và nhân dân cùng làm".

Vua Tần-tỳ-sa-la của nước Ma-kiệt, ngay ngày hôm ấy khuyến khích, đốc thúc các đại thần:

–Vừa rồi ta ngồi một mình, phát sinh ý nghĩ: "Ta có tài sản, có thể sắp đặt công việc. Ta muốn suốt đời cúng dường y phục, thức ăn, giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cho Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Vậy ta ra lệnh cho quần thần, nhân dân: nay các khanh, tùy theo địa vị của mình, hãy thỉnh Đức Phật và chúng Tỳ-kheo để cúng dường. Làm được vậy các khanh sẽ luôn hưởng thọ phước báo vô cùng lâu dài.

Đáp:

–Đúng vậy, tâu Đại vương!

Quần thần và nhân dân đều vâng theo lệnh vua.

Lúc ấy Đức Thế Tôn du hóa ở thành Xá-vệ xong, liền hướng dẫn đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị du hành đến thành La-duyệt-kỳ. Tới nơi, Đức Phật ngự ở vườn Trúc ở Ca-lan-đà cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Vua Tần-tỳ-sa-la của nước Ma-kiệt nghe Đức Phật đến thành La-duyệt kỳ, đang ở vườn Trúc ở Ca-lan-đà cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, bèn ra lệnh cho quần thần:

Hãy mau xếp đặt xe gắn lông quý để ta đến Ca-lan-đà thăm viếng Đức Thế Tôn.

Quần thần theo lệnh nhà vua, liền đem xe gắn lông quý đến, tâu vua:

–Xe đã được chuẩn bị sẵn sàng, và đã đúng giờ.

Tần-tỳ-sa-la, vua nước Ma-kiệt, đi xe gắn lông quý, quần thần nhân

dân hộ vệ trước sau, với uy thế của vua, ra khỏi thành La-duyệt, đi tới vườn Trúc Ca-lan-đà. Đến nơi, tất cả đều xuống xe đi bộ vào Ca-lan-đà gặp Đức Thế Tôn. Như vua Sát-lợi có năm uy nghi là kiếm, giày vàng, lông mão thiền, quan đính ngọc và phất trần, nhà vua đều bỏ những thứ đó qua một bên, đầu mặt lạy nơi chân Đức Thế Tôn, ngồi qua một bên, thưa với Đức Thế Tôn:

–Sau khi trở về nước, con ngồi một mình, suy nghĩ: "Ta cai quản đất nước này, có tài sản, có thể thực hiện công việc theo ý muốn. Ta muốn trọn đời cúng dường y phục, thức ăn, giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cho Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo. Đồng thời ta cũng nên khuyến khích quần thần, nhân dân tùy theo khả năng làm công việc ấy, khiến cho họ được cứu độ, để thoát ly hẳn ba đường dữ, trụ ở chỗ an ổn lâu dài".

Đức Thế Tôn nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Đại vương, ngài vì chúng sinh nên phát nguyện rộng lớn, ý muốn đem lại mọi an ổn cho họ, điều ấy thật có nghĩa lý sâu xa vì khiến cho trời người đều được an ổn.

Đức Thế Tôn vì Tần-tỳ-sa-la, vua nước Ma-kiệt thuyết pháp vi diệu, khuyến khích làm cho người nghe được hoan hỷ.

Vua Tần-tỳ-sa-la nước Ma-kiệt nghe pháp vi diệu do Đức Phật giảng, nên phát tâm hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lạy nơi chân Thế Tôn, đi quanh Đức Phật ba vòng rồi lui ra. Nhà vua ra khỏi cổng Ca-lan-đà, lên xe trở về thành La-duyệt, vào trong cung ngồi trên điện. Ngay ngày ấy, nhà vua cho sửa soạn những loại thức ăn ngon, bố trí chỗ ngồi cho Đức Phật và chúng Tỳ-kheo. Vua tự tay bưng lư hương lên lầu cao, hướng về phía Đông chắp tay chí tâm, niệm Đức Thế Tôn: "Xin Ngài suy nghĩ, đã đến giờ. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn biết giờ, xem xét cho!"

Đức Thế Tôn biết đã đến giờ, nên mặc y, cầm bát cùng chúng Tỳ-kheo tùy tùng đi tới thành La-duyệt, vào cung vua. Đến nơi, đại chúng Tỳ-kheo ngồi theo thứ lớp.

Vua Tần-tỳ-sa-la nước Ma-kiệt thấy Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo đã an tọa, tự tay vua bưng các món ăn ngon lạ dâng lên Đức Phật và chúng Tỳ-kheo. Nhà vua thấy Đức Phật thọ trai xong, thu bình bát, liền đem ghế nhỏ ngồi phía trước Đức Như Lai.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì vua Tần-tỳ-sa-la nước Ma-kiệt thuyết pháp vi diệu, luận nghị từng vấn đề. Luận về bố thí, trì giới, sinh thiên; dục là uế trược, là lậu, là khổ lớn; xuất gia là chính yếu. Đức Thế Tôn biết tâm nhà vua đã vô cùng hoan hỷ, đã trở nên nhu hòa. Cũng như các Đức Như Lai

luôn tùy theo căn cơ thuyết giảng về các pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Đức Thế Tôn giảng dạy đầy đủ cho nhà vua về giáo pháp vi diệu.

Khi ấy có hai trăm năm mươi thể nữ nghe thuyết giảng pháp, ngay chỗ ngồi đắc Pháp nhãn tịnh. Họ đã thấy pháp, đắc pháp, chọn lựa các pháp, phụng trì các pháp, không còn nghi ngờ, đoạn trừ vọng tưởng do dự, đắc Vô sở úy và đạt được pháp học thích hợp, quy y Phật, Pháp, Tăng; thọ trì năm giới.

Đức Thế Tôn thấy vua Tần-tỳ-sa-la nghe pháp vi diệu, hoan hỷ phụng trì, nên Ngài nói kệ:

Tế trời là đứng đầu
Kệ tụng cũng đứng đầu
Vua đứng đầu nhân dân
Biển đứng đầu các sông
Trăng đứng đầu muôn sao
Mặt trời sáng đứng đầu
Trên dưới và bốn phương
Những vật được sinh ra
Trên trời và nhân gian
Phật tối tôn vô thượng
Người muốn cầu công đức
Nên cầu Chánh đẳng giác.

Đức Phật vì vua nói kệ này xong, liền rời chỗ ngồi trở về tinh xá.

❑

SỐ 134

PHẬT NÓI KINH NGƯỜI CON NHÀ TRƯỞNG GIẢ XUẤT GIA HƠN SÁU LẦN

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Thích Tuệ Giản.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ.

Bấy giờ, có người con nhà trưởng giả tên Tăng-già-la-ma đã sáu lần xuất gia học đạo. Vị ấy đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên.

Tăng-già-la-ma bạch với Thế Tôn:

–Ngưỡng mong Đức Thế Tôn cho phép con được xuất gia học đạo.

Khi ấy Tăng-già-la-ma được xuất gia học đạo.

Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Tăng-già-la-ma:

–Ông nên hành hai pháp. Những gì là hai? Chính là Chỉ và Quán.

Tỳ-kheo Tăng-già-la-ma bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con hiểu rõ! Bạch Thế Tôn, con rất hiểu!

Đức Thế Tôn nói:

–Ta nói tóm tắt, vì sao ông thưa là hiểu rõ?

Tăng-già-la-ma bạch phật:

–Chỉ nghĩa là chấm dứt hẳn các kết sử. Quán nghĩa là quán tất cả các pháp.

Đức Thế Tôn nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Tăng-già-la-ma, Ta nói tóm tắt về pháp, từ đó ông có thể phân biệt rộng ra.

Tăng-già-la-ma, thọ trì lời dạy đó của Đức Phật, ở chỗ yên tịnh tư duy về ý nghĩa ấy. Sau khi tư duy, vị Tộc tánh tử cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, vì lòng tin kiên cố quyết tâm xuất gia học đạo, tu vô thượng phạm hạnh, tận diệt nguồn gốc của sinh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ lại thai mẹ. Khi ấy Tôn giả Tăng-già-la-ma chứng

quả A-la-hán.

Khi Tăng-già-la-ma chưa xuất gia, có người mẹ vợ còn sống, bà này nghe rể mình là Tăng-già-la-ma, con nhà trưởng giả lần thứ bảy xuất gia học đạo ở chỗ Đức Phật, không còn theo cuộc sống dục lạc, từ bỏ hết gia nghiệp, tôi tớ. Mẹ vợ Tăng-già-la-ma bèn đưa con gái đến chỗ Tỳ-kheo Tăng-già-la-ma. Bà đứng trước Tôn giả im lặng, rồi than thở ba lần, sau đó lên tiếng:

–Này Tăng-già-la-ma, người là kẻ vô nghĩa, vô lễ, suy nghĩ không đúng đắn, bỏ con gái ta, đến chỗ Đức Như Lai xuất gia học đạo. Tại thành Xá-vệ, có các Vương hầu, Đại thần, Trưởng giả, Bà-la-môn, Sát-lợi, trông thấy con gái ta, họ đều mê hoặc ngất ngây không còn biết gì, luôn ôm ấp các ý niệm mong được sống chung với nó. Vậy mà, ngươi không biết suy nghĩ gì cả, nên đã bỏ nó.

Tôn giả Tăng-già-la-ma nói kệ đáp:

Ngoại hình không đáng ưa
Ngoại hình không đáng chọn
Ngoại hình không đáng ngắm
Khéo nghĩ vậy, không lỗi.

Mẹ vợ Tăng-già-la-ma nói với Tôn giả:

–Con gái ta có lỗi lầm gì, đến nỗi làm cho người từ bỏ nó, tìm đến chỗ Đức Như Lai để xuất gia học đạo?

Tôn giả Tăng-già-la-ma nói kệ:

Miệng ác thường phỉ báng
Sân hận ưa nói dối
Ganh ghét tâm gian tà
Phật gọi là đại ác.

Bấy giờ, vợ và mẹ vợ Tôn giả Tăng-già-la-ma quan sát khắp từ đầu đến chân vị Tỳ-kheo ấy, rồi nhìn xem kỹ lại nơi thân mình và ngay chân Tôn giả Tăng-già-la-ma, bà ta thưa:

–Ngưỡng mong Tôn giả cho tôi sám hối tội ngu si đã làm, vì không phân được rõ sự thật.

Tăng-già-la-ma nói:

–Mong cho em gái được an ổn, sống lâu.

Vợ Tăng-già-la-ma nói với mẹ:

–Tăng-già-la-ma gọi con là em gái, như vậy chắc chắn không còn ưa thích dục lạc.

Cô ta thưa với Tăng-già-la-ma:

–Ngưỡng mong Tôn giả Tăng-già-la-ma cho con sám hối hành động ngu si vì không phân rõ được sự thật.

Tăng-già-la-ma nói:

–Mong cô em gái được an ổn và sống lâu.

Vợ và mẹ vợ Tôn giả Tăng-già-la-ma, đầu mặt lạy sát chân, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng, thở than ba lần rồi từ giã.

Khi ấy Tôn giả A-nan, ở thành Xá-vệ, từ xa trông thấy vợ và mẹ vợ Tôn giả Tăng-già-la-ma. Sau khi gặp nhau, Tôn giả hỏi:

–Các vị đã gặp Tăng-già-la-ma chưa?

Vợ của Tăng-già-la-ma đáp:

–Đã gặp và nói chuyện với Tăng-già-la-ma, nhưng ước nguyện của tôi không đạt được kết quả.

Tôn giả A-nan nghe nói thế bèn im lặng bước đi.

Tôn giả A-nan trở về phòng mình, thu xếp y bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai, đi đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Đức Phật, ngồi qua một bên, một lúc sau đem nhân duyên ấy trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Cây mục cầu đâm chồi
Cầu giọt nước trong lửa
Trong nước cầu lửa cháy
Cầu dục nơi vô dục.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong chúng Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo có khả năng hàng phục ma bậc nhất, đó là Tỳ-kheo Tăng-già-la-ma.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 135

PHẬT NÓI KINH LỰC SĨ DỜI NÚI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Pháp Hộ, người Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa nơi rừng Đại thọ, vùng đất người lực sĩ, thuộc nước Câu-di-na-kiệt, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Ngài sắp diệt độ.

Bấy giờ nhân dân trong nước cùng nhau ra ngoài tập họp đông đảo. Đức Phật hỏi A-nan:

–Vì sao nhân dân trong nước tập họp đông đảo?

Hiền giả A-nan bạch Thế Tôn:

–Cách đây không xa có tảng đá lớn, vuông vức sáu mươi trượng, cao một trăm hai mươi trượng, chận trên đường ra vào, làm trở ngại người đi lại. Năm trăm lực sĩ đồng tâm bàn luận: "Sức lực chúng ta thật hiếm có trên đời, không dùng vào việc có ích thì nuôi sống để làm gì? Chúng ta cùng hợp tác lập công để lại cho đời sau".

Họ cùng nhau hợp sức reo hò đẩy tảng đá ấy, đã hết sức mệt nhọc mà tảng đá vẫn không nhúc nhích. Âm thanh reo hò vang động gần xa, thế nên mọi người tụ tập đến xem.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy mặc y phục nghiêm trang, để xem công việc ấy.

A-nan vâng lời, rời chỗ ngồi, lạy sát chân Phật, một mình ở sau Phật, hầu Ngài đi tới.

Mọi người và năm trăm lực sĩ thấy Đức Phật từ xa đi đến, thân thể màu vàng ròng, uy nghi rực rỡ, đoan chánh thù diệu, sắc tướng thanh tịnh trang nghiêm, toàn thân như tướng hảo của Bậc Đại sĩ, hàng phục sự suy tàn không có u ám. Tâm Ngài trong sáng, các căn an tịnh, vui vẻ điều hòa, là Bậc Tối Tôn trong trời người, ánh sáng chiếu rực rỡ như núi báu, như ánh sáng của đuốc lớn soi sáng tới chỗ tối tăm. Như núi đá lớn không có tuyết phủ. Như ánh sáng mặt trời chiếu vào buổi sáng. Như ánh sáng trăng

thu vượt hơn các sao. Như vua Chuyển luân ở giữa các vật báu, quần thần và bốn bộ chúng. Như cây trổ hoa rực rỡ sum suê. Ánh sáng của Ngài tươi đẹp vô lượng, vượt trên cả Thánh, phàm.

Năm trăm vị lực sĩ và vô số người chiêm ngưỡng thần biến của Đức Phật đều rất hoan hỷ, thiện tâm phát sinh cùng nhau nghênh tiếp. Họ đều gieo năm vóc xuống đất lạy sát chân Đức Phật, nhất tâm kính cẩn, trật tự, cùng đứng qua một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi các lực sĩ:

–Này quý vị, vì sao thân thể mệt nhọc, sắc diện tiều tụy vậy?

Đáp:

–Tảng đá lớn này vuông vức sáu mươi trượng, cao một trăm hai mươi trượng, chúng con muốn cùng nhau di chuyển, kể từ ngày đầu đã cố gắng đem hết sức mình, đến nay qua một tháng rồi vẫn không thể di chuyển được, rất là xấu hổ, bị thiên hạ cười chê. Thế nên chúng con mệt nhọc kiệt lực, hình tướng tiều tụy.

Đức Phật hỏi:

–Quý vị làm việc này có hy vọng gì?

Các lực sĩ trả lời:

–Kính bạch Đấng Đại Thánh, sức lực của chúng con không ai có thể vượt qua. Chúng con đều muốn dời tảng đá đi để làm lợi ích cho đời, công lao được khen tặng, danh tiếng lưu truyền đến con cháu, và cũng làm cho đường xá của nhà vua được bằng phẳng, các nước ở xa quy phục.

Đức Phật bảo các lực sĩ:

–Các ngươi thật đáng thương, nhưng không thể thực hiện việc này được. Ta sẽ vì các ngươi di chuyển tảng đá ấy để các ngươi được toại ý nguyện, làm cho các ngươi được ghi công, chớ có xấu hổ, sợ hãi gì cả.

Các vị lực sĩ hoan hỷ thưa:

–Xin vâng!

Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn sửa lại pháp phục, dùng ngón chân cái của chân bên phải ấn vào, nâng tảng đá, đẩy lên trời Phạm thiên, rồi đưa bàn tay phải ra đỡ lấy, ném tảng đá ba lần lên hư không, cách đất bốn trượng chín thước, rồi hứng để trên bàn tay, lại dùng ba ngón tay bóp nát tảng đá, thổi tiêu tan hết. Khi ấy khắp cả cõi tam thiên đại thiên đã hiện ra sáu cách chấn động.

Các lực sĩ thấy Đức Phật hiển lộ thần thông, biến hóa uy linh, liền rất sợ hãi, lông tóc đều dựng đứng, cùng bạch Thế Tôn:

–Ngón tay nâng tảng đá lên thế này là sức lực nhờ vào sự nuôi nấng chăm sóc từ cha mẹ của Đại Thánh phải không? Hay là sức từ thần túc, từ trí tuệ, từ ý muốn hành động?

Đáp:

–Sức lực này do nuôi nấng chăm sóc chứ không phải sức nào khác. Nếu ta thi triển diệu lực thần túc thì có thể di chuyển cả cõi tam thiên đại thiên thế giới của Phật độ này, đem đặt yên ở nơi trăm ngàn Phật độ khác mà không làm cho người ta nghĩ về sự di chuyển, không làm khốn đốn cho chúng sinh, cũng không hại tới các loài côn trùng trong đất.

Các lực sĩ hỏi:

–Sức do nuôi nấng chăm sóc thì có hình trạng thế nào?

Đức Thế Tôn đáp:

–Sức một trăm con bò thường bằng sức một con trâu. Sức một trăm con trâu bằng sức một con trâu xanh. Sức một trăm con trâu xanh bằng sức một con trâu mao. Sức một trăm con trâu mao bằng sức một con trâu trúc. Sức một trăm con trâu trúc bằng sức một con voi cỏ. Sức một trăm con voi cỏ bằng sức một con voi thường. Sức một trăm con voi thường bằng sức một con voi đen. Sức một trăm con voi đen bằng sức một con voi trắng. Sức một trăm con voi trắng bằng sức một con rồng. Sức một trăm con rồng bằng sức một lực sĩ đáng sợ. Sức một trăm lực sĩ đáng sợ bằng sức một đoạn lực sĩ. Sức một trăm đoạn lực sĩ bằng sức một băng đọa lực sĩ. Sức một trăm băng đọa lực sĩ bằng sức một đại phá hoại lực sĩ. Sức một trăm đại phá hoại lực sĩ bằng sức một bán nhân thừa lực sĩ. Sức một trăm bán nhân thừa lực sĩ bằng sức một nhân thừa lực sĩ. Sức một trăm nhân thừa lực sĩ bằng sức một đại nhân thừa lực sĩ. Không có sức lực nào trong số này bằng sức lực của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác do nuôi nấng chăm sóc mà có.

Đức Phật bảo các lực sĩ:

–Các ngươi nên biết, đây là sức của Đức Như Lai do nuôi nấng chăm sóc mà được.

Các lực sĩ bạch Đức Thế Tôn:

–Đại Thánh đã biểu hiện sức do nuôi nấng mà có được, vậy còn sức mạnh của thần túc thì như thế nào?

Đức Phật bảo các lực sĩ:

–Nhớ lại trước đây, Ta cùng Hiền giả Đại Mục-kiền-liên du hóa đến các nước, gặp lúc đói kém, các Tỳ-kheo khất thực không được, Mục-liên

bạch Phật: "Lúa gạo đắc đỏ, nhân dân quá đói kém, hiện nay các Tỳ-kheo khất thực không được gì cả, nên sức lực suy yếu, không thể giảng pháp tụng kinh. Càng ngày họ càng suy nhược, sợ không toàn mạng. Ngày xưa, khi trời đất mới được tạo thành, từ đất sinh ra chất ngon ngọt tự nhiên, người ăn vào thì khỏe mạnh, bốn đại điều hòa, người đời sau do phước mỏng nên chất ngon ẩn vào trong đất. Nay con muốn lật mặt đất lên để lấy ra chất ngon ngọt ngày xưa. Tỳ-kheo và muôn dân trong nước đều được cứu mạng, khiến cho được no đủ để tụng kinh hành đạo". Đức Phật bảo Mục-liên: "Hãy ngừng lại! Giả như ông muốn lật mặt đất lên thì các loại côn trùng trong đất tất bị nguy hại. Hơn nữa, mọi người do phước mỏng nên không thể hưởng thụ được chất ngon ngọt ngày xưa trong đất". Mục-liên thưa: "Hay là con đưa chúng Tỳ-kheo và người dân bị đói sang cõi Uất-đơn-việt, giúp cho họ được ăn lương thực tự nhiên?". Đức Thế Tôn bảo: "Người chứng thần túc thì có thể đến cõi đó, còn những người chưa bay được thì làm sao đi tới?". Mục-liên đáp: "Người không có thần lực, con sẽ giúp đỡ làm cho họ đi tới được bình an".

Thần biến uy đức của Mục-liên là như vậy. Tính ra cõi Diêm-phù-đề rộng dài hai mươi tám vạn dặm, thế đất trên rộng dưới hẹp. Cõi Cù-da-ni rộng dài ba mươi hai vạn dặm, thế đất hình như nữa mặt trăng. Cõi Phất-vu-đãi rộng dài ba mươi sáu vạn dặm, thế đất hình tròn. Cõi Uất-đơn-việt rộng dài bốn mươi vạn dặm, thế đất hình vuông. Bốn cõi này đều có núi vây bọc chung quanh. Tất cả dân chúng trong các cõi này đều khiến có được thần túc như Mục-kiền-liên, số người với từng cõi như vậy đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, thì tất cả thần túc của họ cũng không bằng thần lực của Đức Như Lai. Đem thần túc này nhân lên một trăm lần, một ngàn lần, một vạn lần, ức lần, hoặc lớn hơn ức vạn lần, tính toán đến không thể nào so sánh, ví dụ được nữa thì đó là sức thần túc của Đức Như Lai.

Các lực sĩ lại bạch:

–Thưa Đại Thánh, Ngài đã biểu hiện sức của thể lực, sức của thần túc. Ngưỡng mong Ngài thị hiện sức của trí tuệ.

Đức Thế Tôn bảo:

–Tính ra biển lớn sâu ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, rộng lớn vô hạn. Núi chúa Tu-di ở trong biển lớn cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Phần núi nằm trong đáy biển cũng là ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, bốn sườn núi cũng đều như thế. Nước nơi biển lớn này nếu có thể uống hết không còn chút nào thì cũng không thể lường tính được trí tuệ của Hiền giả Xá-lợi-

phất, cũng không thể làm cho giảm bớt được. Giả như nhân dân khắp trong bốn cõi đều có trí tuệ như Hiền giả Xá-lợi-phất, số người với từng cõi như vậy đầy khắp cả trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả trí tuệ của họ cũng không so bằng sức của trí tuệ nơi Đức Như Lai. Nhân trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, lớn hơn cả vạn ức lần, tính toán không thể so sánh, không thể ví dụ, đó là sức trí tuệ của Đức Như Lai.

Các lực sĩ lại bạch:

–Thưa Đại Thánh, Ngài đã hiện sức của thể lực, sức của thần túc, sức của trí tuệ. Ngưỡng mong Ngài thị hiện sức của ý hành.

Đức Thế Tôn bảo:

–Giả như làm cho mây nổi lên che khắp bốn cõi và mưa lớn giăng khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, những chỗ mưa đến và đi qua gồm có bao nhiêu là thân cây, cành, nhánh, lá, hoa, quả, nước trong chậu, núi, đá, cỏ, lau, các loài vật, loài người; các loài biết bò, đi, hít, thở; tất cả các giọt nước chứa trong các loại lớn, loại nhỏ ở trên thảy cùng chảy về biển rộng, đất có thể phân biệt, tùy theo loại mà gọi tên, và đều biết cách làm cho phục hồi trở lại, không mất tính chất ban đầu của nó. Ý lực của Đức Như Lai đều biết, đều rõ như thế không trở ngại gì cả. Đó là sức mạnh nơi ý hành của Đức Như Lai.

Các lực sĩ lại bạch:

–Thưa Đại Thánh, Ngài đã hiện sức về thể lực, sức của thần túc, sức của trí tuệ, và sức nơi ý hành, vậy Ngài còn có gì khác lại vượt hơn những sức này không?

Đức Thế Tôn đáp:

–Sức lực của Như Lai do sự nuôi dưỡng chăm sóc, sức thần túc của Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, sức trí tuệ của Hiền giả Xá-lợi-phất, sức ý hành của hàng Thanh văn, Duyên giác không thể so sánh với mười Lực của Đức Như Lai, rộng xa vô hạn.

Các lực sĩ hỏi:

–Mười Lực là gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Lực thứ nhất là nhận thấy hết một cách vi diệu mọi nẻo về tà chánh, gần xa, xứ và phi xứ, hữu hạn và vô hạn, sự việc có thế nào đều thấy rõ như vậy, biết rõ như vậy.

Lực thứ hai là đối với mọi sự báo ứng, các nơi chốn trải qua trong thời gian từ quá khứ đến hiện tại, vị lai, xét có thế nào đều biết rõ như vậy.

Lực thứ ba là đối với các pháp thiền định, chánh thọ, tiếp cận ba cánh cửa giải thoát, xét có thế nào thì đều biết rõ như vậy.

Lực thứ tư là thấy rõ các lực nơi gốc tâm vốn luôn thanh tịnh của các chúng sinh, xét có thế nào đều thấy tất cả.

Lực thứ năm là hiểu rõ về các loại chúng sinh với bao nhiêu loại ngôn ngữ, tâm niệm bất đồng, hình dáng khác nhau, xét có thế nào đều biết rõ như vậy.

Lực thứ sáu là phân biệt quần sinh với vô số chủng loại phức tạp, hình thái tình cảm khác nhau, xét có thế nào đều biết rõ như vậy.

Lực thứ tám là hiểu rõ con đường đưa đến sự trói buộc của dục và giải thoát, tùy theo nẻo nghiệp, ứng bệnh mà cho thuốc. Với Thiên nhãn nhận thấy người làm thiện ác, tất cả đều đưa đến kết quả họa phước.

Lực thứ chín là với đạo nhĩ nghe thông suốt tiếng nói của trời, người cho đến âm thanh của các loại côn trùng bò, bay, máy, cựa, không tiếng gì là không nghe, xét có thế nào biết rõ thế ấy.

Lực thứ mười là Đức Phật không còn các lậu. Diệt trừ tất cả, không còn bị phiền não trói buộc trở lại, tinh thần luôn minh mẫn, trí tuệ sáng suốt, tự biết chứng đắc, đạo hạnh thông đạt hoàn toàn, đã làm xong những việc cần làm, không còn sinh tử, thấy rõ được nguồn gốc của chúng sinh trong mười phương, không chỗ nào là không thấy tỏ. Sự việc có thế nào hiểu biết rõ thế ấy.

Các lực sĩ bạch Thế Tôn:

–Thưa Đại Thánh, Ngài đã biểu hiện sức do nuôi nấng chăm sóc, sức của thần túc, sức của trí tuệ, sức nơi ý hành và mười Lực, vậy còn có sức nào khác và vượt hơn các lực ấy không?

Đức Thế Tôn bảo:

–Tất cả các lực tuy cường thịnh đến trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, nhưng tính ra là sức vô thường là mạnh hơn hết, sự tiêu diệt rất lớn. Tại sao? Thân Như Lai bằng kim cương, cũng thua vô thường, thân Ta sẽ bị hoại diệt. Vào giữa đêm nay, tại vùng đất của người lực sĩ, Ta sẽ diệt độ. Ngay giữa ngã tư đường sẽ tổ chức cúng dường xá-lợi và xây dựng tháp miếu để thờ. Tại sao? Là vì nơi ấy nhân dân bốn phương sẽ mang các hoa hương, trang trí dựng tràng phan, treo dải lụa, linh, lọng, đốt đèn để cúng dường, tất cả đều tập trung đến vì giáo pháp chân diệu.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Pháp có thế tất diệt

Hưng thịnh, sẽ suy tàn
Vạn vật đều vô thường
Quán sát vậy, an lạc.
Được trăm ngàn núi vàng
Phước lộc khó ví dụ
Không bằng cúng dường tháp
Hoan hỷ hướng đến chùa,
Được báu trăm ngàn kho
Phước thọ không thể tính
Không bằng cúng dường tháp
Hoan hỷ đi về chùa,
Dù trăm ngàn xe báu
Chở vật bằng vàng ròng
Không bằng cúng dường chùa
Hoan hỷ quy y Phật.

Khi Đức Phật thuyết kinh này, chúng lực sĩ năm trăm người nhận biết thế gian là vô thường, ba cõi khó bền vững, không có một vật gì là chắc thật, chỉ có đạo pháp là chỗ quy ngưỡng, nương tựa, không còn tự hào về bản thân nữa, đều phát đạo tâm vô thượng chánh chân. Ngay lúc ấy, họ đều đạt được pháp không thối chuyển. Có vô số trăm ngàn trời, người xa lìa mọi thứ bụi bặm cấu uế đối các pháp, đắc pháp nhãn thanh tịnh.

Đức Phật nói kinh này, chúng hội đều hoan hỷ, cung kính đảnh lễ.

❑

SỐ 136

PHẬT NÓI KINH BỐN PHÁP CHƯA TỪNG CÓ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Bà-già-bà ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Vua Chuyển luân thánh vương có bốn pháp chưa từng có. Bốn pháp ấy là gì?

Chuyển luân thánh vương đối với nhân dân đều yêu mến tất cả, chưa từng gây thương hại. Cũng như cha đối với con, Chuyển luân thánh vương luôn yêu thương muôn dân, chưa từng có sự sân nộ đối với họ. Đây là pháp chưa từng có thứ nhất của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, khi Chuyển luân thánh vương du hành trong nhân gian, dân chúng trông thấy thảy đều vui mừng thân mật như đối với cha. Đây là pháp chưa từng có thứ hai của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, Chuyển luân thánh vương khi ở một nơi không du hành, nhân dân thấy ngài đều rất vui mừng. Chuyển luân thánh vương thuyết pháp cho dân chúng, người được nghe đều rất hoan hỷ. Khi nhân dân nghe Chuyển luân thánh vương thuyết pháp, họ không hề cảm thấy chán nản. Đây là pháp chưa từng có thứ ba của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, Chuyển luân thánh vương ngồi một nơi không du hành, nhân dân gặp ngài đều rất hoan hỷ. Chuyển luân thánh vương giáo dục ra lệnh cho muôn dân: "Điều này được làm, điều này không được làm; điều này được gần gũi, điều này không được thân cận. Nếu ai thực hiện điều này thì được phước lâu dài vô cùng tận, ai làm điều ấy thì phải chịu khổ triền miên, khó được ngừng nghỉ". Dân chúng nghe Chuyển luân thánh vương giáo dục, ra lệnh như vậy thảy đều vui mừng tuân theo không hề biết chán. Đây là pháp chưa từng có thứ tư của Chuyển luân thánh vương.

Như vậy, Tỳ-kheo A-nan đến giữa chúng Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo trông

thấy thảy đều rất vui mừng. Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho họ, những người nghe pháp đều rất hoan hỷ. Các Tỳ-kheo nghe lời chỉ dạy của Hiền giả A-nan đều không biết chán. Đây là pháp chưa từng có thứ nhất của Tỳ-kheo A-nan.

Tỳ-kheo A-nan im lặng đi đến giữa chúng Tỳ-kheo-ni, vị nào được thấy đều rất hoan hỷ. Khi chúng Tỳ-kheo-ni được nghe A-nan thuyết pháp, họ đều không biết chán hoặc cho là đủ. Đây là pháp chưa từng có thứ hai của Tỳ-kheo A-nan.

Lại nữa, A-nan im lặng đến chỗ chúng Ưu-bà-tắc, các vị Ưu-bà-tắc trông thấy đều rất hoan hỷ. Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho họ, khiến họ chăm chú lắng nghe lời thuyết pháp của A-nan, không hề biết chán. Đây là pháp chưa từng có thứ ba của Tỳ-kheo A-nan.

Lại nữa, Tỳ-kheo A-nan im lặng đến giữa chúng Ưu-bà-di, vị nào trông thấy cũng đều rất hoan hỷ. Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho họ, các vị Ưu-bà-di nghe pháp cũng không hề biết chán. Đây là pháp chưa từng có thứ tư của Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời dạy của Phật, tất cả đều hoan hỷ phụng hành.

❑

Số 137

KINH XÁ-LỢI-PHẤT, MA-HA MỤC-LIÊN DU HÀNH NGÃ TƯ ĐƯỜNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư Khang Mạnh Tường.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu vườn Dược thọ A-ma-lặc, của dòng họ Thích.

Lúc ấy Hiền giả Xá-lợi-phất và Ma-ha Mục-kiền-liên du hóa đến các nước cùng với đại chúng Tỳ-kheo suốt trong một năm.

Năm trăm vị Tỳ-kheo này trở về vườn Dược thọ muốn gặp Đức Thế Tôn. Trong những vị trở về, có nhiều nhóm Tỳ-kheo đàm luận với nhau, cùng nhau sửa soạn y bát, tiếng nói to lớn, âm thanh ồn ào.

Đức Phật biết nhưng vẫn hỏi Hiền giả A-nan:

–Đó là các Tỳ-kheo nào mà phát ra những âm thanh to lớn, tùy tiện gây tiếng động ồn ào như những người bắt cá?

A-nan bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên du hóa và trú ở nước ngoài đã một năm. Nay đại chúng Tỳ-kheo năm trăm người ấy cùng đến vườn Dược thọ, họ gặp nhau đàm luận, nói chuyện, mặc y mang bát, lời to tiếng lớn, âm thanh vang động.

Đức Phật bảo A-nan:

–Không cho phép các Tỳ-kheo ấy đến đây. Hãy bảo rõ như vậy.

Ngài A-nan bạch Phật:

–Xin vâng!

Sau khi vâng lệnh Đức Phật, Tôn giả rời chỗ ngồi, lạy sát chân Phật, đi nhiễu ba vòng rồi lui ra. A-nan đi đến nơi các Tỳ-kheo đang nói chuyện ồn ào, chỗ hai Hiền giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, đứng qua một bên, rồi nói với hai Hiền giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên:

–Đức Thế Tôn ra lệnh là các Tỳ-kheo này không được đến chỗ Ngài.

Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nghe A-nan nói, liền rời chỗ ngồi đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, đi nhiễu ba vòng, rồi đều lấy y bát cùng chúng Tỳ-kheo đi ra khỏi vườn Dược thọ.

Bấy giờ các vị Ưu-bà-tắc thuộc dòng họ Thích đang tập họp lại để bàn luận một sự việc. Từ xa, trông thấy Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và chúng Tỳ-kheo mặc y, mang bát đi về phía dưới vườn Dược thọ, đủ cả năm trăm vị, họ bèn nói với nhau:

–Chúng ta nên đến hỏi thăm các vị kia.

Các vị Ưu-bà-tắc giòng họ Thích ấy bèn đứng dậy, vội đến gặp Hiền giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cung kính đảnh lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Các vị Thanh tín sĩ ấy hỏi ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên:

–Vì sao sáng nay các vị rời khỏi vườn Dược thọ?

Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên trả lời các vị Thanh tín sĩ họ Thích:

–Chúng tôi du hóa từ các nước trở về, các Tỳ-kheo đều mệt nhọc, nên nay đến ngụ nơi chỗ trống này.

Các vị Thanh tín sĩ thưa:

–Ngưỡng mong các Hiền giả cho chúng con được cúng dường đầy đủ tọa cụ và đèn thắp sáng ở đây. Ngưỡng mong chư Hiền và chúng Tỳ-kheo lưu lại, đợi chúng con trình bày với Đức Phật, sau đó hãy đi.

Hiền giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, rồi đi qua chỗ cúng dường tọa cụ, giường nằm, vào trong phòng chúng Tăng ngồi yên.

Bấy giờ các Thanh tín sĩ họ Thích đến chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ sát chân, chắp tay bạch Phật:

–Chúng con thỉnh cầu Thế Tôn thương xót cho họ ở lại. Kính bạch Thế Tôn, hãy tin tưởng chúng Tỳ-kheo. Vì sao? Đối với Tỳ-kheo đã sạch tận các lậu, đã chứng La-hán, việc làm đã xong, chúng con không nghi ngờ, các vị Tỳ-kheo ấy cũng không hề do dự. Còn những Tỳ-kheo nhỏ tuổi, mới tu học, xuất gia đi vào giới pháp này chưa bao lâu, tâm họ dễ thay đổi và có thể bị suy thoái. Như ở thế gian, nước lũ chảy mạnh đến, không gì ngăn cản được. Bạch Thế Tôn, cũng như vậy, Tỳ-kheo tân học mới xuất gia, vào pháp luật này chưa lâu, tâm họ dễ thay đổi và có thể bị suy thoái. Nếu họ không được gần gũi nơi Đức Thế Tôn, e họ dễ thay đổi ý chí, hành vi.

Ngay lúc ấy, Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đứng trước Đức Phật, chắp tay bạch:

–Chúng con thỉnh cầu Đức Thế Tôn thương xót cho họ ở lại. Kính bạch Thế Tôn, hãy tin chúng Tỳ-kheo. Vì sao? Đối với chúng Tỳ-kheo đã tận diệt các lậu, đã đắc A-la-hán, chỗ làm đã xong, con không còn lo ngại. Các Tỳ-kheo này cũng không còn do dự. Nhưng có những Tỳ-kheo tuổi nhỏ, tân học, mới xuất gia, vào pháp luật này chưa lâu, tâm họ dễ thay đổi và dễ bị suy thoái.

Đức Phật bằng lòng với lời thỉnh cầu của Phạm thiên vương.

Hiền giả Ma-ha Mục-kiền-liên, với Thiên nhãn thông suốt, từ xa thấy tâm Đức Phật đã đồng ý việc thỉnh cầu cho các Tỳ-kheo được gặp Bậc Đại Thánh Đức. Như ngôi nhà lầu lớn bằng gỗ hay đại giảng đường được sửa sang dọn dẹp sạch sẽ, mở các cửa sổ bên hiên. Mặt trời mọc ở phương Đông, ánh sáng chiếu vào cửa sổ, rọi sang vách phía Tây. Hiền giả Mục-liên, với Thiên nhãn vô ngại, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn sắc tướng uy nghi tươi đẹp, Hiền giả bèn nói với chúng Tỳ-kheo:

–Này các Hiền giả, hãy đứng dậy, y bát đàng hoàng. Phạm thiên đã cầu thỉnh cho các vị trẻ tuổi đều được đến gặp Đức Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Xin vâng lời dạy!

Họ vội chỉnh đốn y phục, theo hai Hiền giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đi đến chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Vào đời trước, Ta cũng đã từng giúp đỡ chúng Tỳ-kheo, ý ông nghĩ sao?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con tự nghĩ, vào đời trước Đức Thế Tôn đã giúp đỡ chúng Tỳ-kheo. Nay đây, bạch Đại Thánh, Tỳ-kheo chất phác, ít mong cầu, biết tiết độ, đi hay ở đều luôn tinh tấn tư duy. Đức Phật là Bậc Thiên Trung Thiên, là Đấng Pháp Vương, điều phục bao người khó điều phục khiến họ đều thọ giáo. Chúng Tỳ-kheo đã tùy tiện cử động tạo nên ồn ào, hôm nay kính xin Đại Thánh rủ lòng thương xót đối với chúng Tăng.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này Xá-lợi-phất, hãy chánh niệm như vậy, từ bỏ niệm ác. Tại sao? Ai là người hết lòng vì các Tỳ-kheo giúp họ dứt bỏ được gánh nặng sinh tử xuống? Chỉ có Đức Như Lai và các Hiền giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên là tận lực nhận trách nhiệm ấy.

Đức Phật lại bảo Hiền giả Đại Mục-kiền-liên:

–Ý ông nghĩ sao? Ai là người khiến chúng Tỳ-kheo phải cung kính? Ai là người dẫn dắt chỉ dạy chúng Tỳ-kheo? Tâm Ta luôn nghĩ rằng hiện nay Phật Thế Tôn hết lòng dẫn dắt chúng Tỳ-kheo.

Đại Mục-kiền-liên thưa:

–Đức Phật Thế Tôn luôn hộ trì, luôn dẫn dắt, chỉ dạy chúng Tỳ-kheo. Bạch Đại Thánh, chúng Tỳ-kheo này, hoặc có vị chất phác, ít ham cầu sự biết đủ, hoặc có vị không đủ khả năng mà tự cho là mọi sự hành hóa đều an ổn, tinh tấn, không biếng nhác. Đức Pháp Vương Như Lai dạy thế nào họ đều làm đúng như vậy. Con cũng như thế.

Đức Phật dạy:

–Hãy ngừng lại, đừng nghĩ như vậy, hãy suy nghĩ khác hơn. Tại sao? Này Hiền giả Mục-liên, ai có thể nhận lấy trách nhiệm giúp họ đặt gánh nặng sinh tử xuống? Chỉ có Đức Như Lai và các Hiền giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Vượt dòng nước uốn quanh
Không phóng dật là thuyền
Thánh đế trị bệnh khổ
Đạt trí tuệ trọn vẹn.

Khi Đức Phật thuyết giảng những lời này, sáu mươi vị Tỳ-kheo tâm ý thông tỏ, dứt hết các lậu, vô số Tỳ-kheo xa lìa được mọi sự cấu nhiễm của bụi bặm phiền não, chứng đắc các pháp nhãn.

Đức Phật giảng dạy như vậy, các Tỳ-kheo, Thanh tín sĩ, Trời, Rồng, Quỷ thần thảy đều hoan hỷ.

❑

Số 138

PHẬT NÓI KINH TƯ NIỆM ĐỨC NHƯ LAI BẰNG MƯỜI MỘT TƯỞNG

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà du hóa ở núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt, cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nên suy nghĩ và nhớ đến Đức Như Lai bằng mười một loại tưởng. Đã nghĩ nhớ như vậy thì sẽ phát sinh tâm Từ đối với Đức Như Lai.

Mười một loại tưởng ấy là gì?

1. Tạo sự thanh tịnh trong ý tưởng bằng giới luật.
2. Đầy đủ uy nghi.
3. Các căn không phóng túng.
4. Tâm trí không loạn.
5. Ý thường thể hiện sự dũng mãnh.
6. Không bị ưu phiền vì cảnh khổ vui.
7. Ý thường chánh niệm.
8. Hiện tại luôn thực hiện các pháp Chỉ, Quán.
9. Ý luôn ở trong Chánh định.
10. Ý dốc đạt trí tuệ vô lượng.
11. Quán Đức Phật không biết chán.

Như vậy, Tỳ-kheo nên dùng mười một tưởng này để nhớ nghĩ về Đức Như Lai. Đã luôn tưởng niệm như thế thì sẽ phát sinh tâm Từ đối với Đức Như Lai. Đấy gọi là Tỳ-kheo tu hành niệm Phật giữa các Tỳ-kheo. Vị Tỳ-kheo đó đã tu hành niệm Phật như vậy thì ngay nơi quả vị thứ hai sẽ dốc cầu tiến lên một quả nữa, ở trong pháp hiện tiền liền được tự tại, thành tựu đạo quả A-na-hàm rốt ráo.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật giảng dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà du hóa tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu ai tâm tu hạnh Từ, giải thoát, thân cận gần gũi rộng khắp, mọi sự tu tập hành hóa đã đủ, nhờ đó phát sinh đầy đủ các thiện pháp, họ sẽ có được mười một quả báo. Mười một quả báo ấy là gì? Đó là:

1. Nằm ngủ yên ổn.

2. Thức dậy yên vui.

3. Không thấy ác mộng.

4. Được chư Thiên hộ trì.

5. Mọi người yêu mến.

6 .Hàng phi nhân kính trọng.

7. Không bị các thứ độc làm hại.

8. Không bị binh đao.

9. Nước lửa không hại.

10. Không bị hành hình.

Hết đời sống này được sinh vào chốn thiện trên cõi trời Phạm thiên.

Như vậy, họ chứng đắc các thiện pháp mau lẹ, có được trí tuệ nhanh chóng đoạn sạch hết các nẻo diễn biến của lậu.

Này các Tỳ-kheo, tâm tu hạnh Từ, mau đạt giải thoát, thân cận rộng khắp, mọi sự tu tập hành hóa hoàn tất, nhờ đó phát sinh đầy đủ các thiện pháp, sẽ có được mười một pháp này.

Thế nên, các Tỳ-kheo phải dốc cầu phương tiện tu tâm Từ, giải thoát. Các Tỳ-kheo nên tu học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng, thảy đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 139

PHẬT NÓI KINH BỐN ĐỊA NGỤC

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn
Đàm Vô Lan, người Tây Vực.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà du hóa ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn đại địa ngục. Những gì là bốn?

Này các Tỳ-kheo, đó là đại địa ngục của Đề-xá ở; đại địa ngục của Tỳ-kheo Cù-ba-ly ở; đại địa ngục của Đề-bà-đạt-đa ở và đại địa ngục của Mạt-khư-lê ở.

Này các Tỳ-kheo, Đề-xá ở đại địa ngục ấy thân phát ra lửa cháy lan rộng đến hai mươi khuỷu tay.

Này các Tỳ-kheo, Cù-ba-ly ở đại địa ngục kia, thân phát ra lửa cháy, lan rộng ba mươi khuỷu tay.

Này các Tỳ-kheo, Điều-đạt ở đại địa ngục, thân phát ra lửa cháy lan rộng ra đến bốn mươi khuỷu tay.

Mạt-khư-lê ở đại địa ngục, thân cũng phát ra lửa cháy, rộng tới sáu mươi khuỷu tay.

Nếu có những người đối với Đề-xá, muốn làm cho ông được an ổn, thực hiện việc này bằng cách lấy nước trong hai mươi biển lớn dội lên thân, nước biển kia cạn nhưng lửa không tắt được. Cũng như một khối lớn đồng nóng chảy, có người rưới hai mươi giọt nước vào khối đồng nóng chảy ấy, thì những giọt nước kia bị tiêu diệt một cách mau lẹ. Tỳ-kheo Đề-xá cũng vậy, bị lửa đốt cháy không hề tắt. Nếu như có người muốn làm cho ông ta được an ổn, thực hiện việc này bằng cách dùng nước trong hai mươi biển lớn dội lên thân ông ta, số nước kia cũng bị tiêu diệt mau lẹ. Tại sao? Là vì kẻ ngu si là Tỳ-kheo Đề-xá kia đã ngăn cản chúng Tỳ-kheo, làm cho họ trong một ngày không được ăn uống. Vì nhân duyên ấy nên khiến cho Tỳ-kheo Đề-xá bị đọa vào đại địa ngục.

Này các Tỳ-kheo, đối với Tỳ-kheo Cù-ba-ly, có người muốn làm cho ông ấy được an ổn, thực hiện việc này bằng cách dùng nước ở ba mươi biển lớn dội lên thân ông ta, thì nước biển kia liền bị tiêu diệt mau lẹ. Ví như hai khối đồng lớn nóng chảy như hai mặt trời, có người dùng ba mươi giọt nước rưới vào lượng đồng nóng chảy ấy thì số nước kia chẳng thấm tháp vào đâu. Đây cũng vậy, đối với Tỳ-kheo Cù-ba-ly ngu si, có người muốn làm cho ông ấy được an ổn, bằng cách dùng nước của ba mươi biển lớn dội lên thân, thì số nước trong các biển lớn kia liền bị tiêu diệt ngay. Tại sao? Là vì kẻ ngu si Tỳ-kheo Cù-ba-ly đó đã phỉ báng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên là sau khi chết sinh vào ba đường ác, đọa vào địa ngục Đầu-ma. Vì nhân duyên ấy nên Tỳ-kheo Cù-ba-ly bị đọa vào đại địa ngục.

Điều-đạt kia bị đọa trong địa ngục. Nếu có người muốn làm cho ông ấy được an ổn, bằng cách dùng nước trong bốn mươi biển lớn dội lên thân ông ta, nước biển kia liền bị diệt ngay mà lửa vẫn không tắt. Ví như ba khối đồng nóng chảy như ba mặt trời, có người dùng bốn mươi giọt nước rưới vào lượng đồng nóng chảy ấy, thì số nước đó bị hết ngay lập tức. Đây cũng như vậy, đối với kẻ ngu si Điều-đạt, nếu có người muốn làm cho ông ta được an ổn bằng cách dùng nước trong bốn mươi biển lớn dội lên thân, nước biển lớn kia bị khô diệt tức thì mà lửa vẫn không tắt. Tại sao? Là vì kẻ ngu si Điều-đạt muốn hại Đức Như Lai, sát hại Tỳ-kheo-ni chứng A-la-hán, phá hoại, làm rối loạn chúng Tỳ-kheo Tăng, cho rằng, sau khi chết sẽ hướng đến ba đường ác, sinh trong địa ngục A-tỳ. Do nhân duyên ấy nên Tỳ-kheo Điều-đạt bị đọa vào đại địa ngục, thân phát ra lửa cháy lan rộng ra bốn mươi khuỷu tay.

Này các Tỳ-kheo, đối với Mạt-khư-lê đang sống trong đại địa ngục, nếu có người muốn làm cho ông ấy an ổn, bằng cách đem nước trong sáu mươi biển lớn dội lên người ông ta thì nước biển này bị tiêu diệt hết, nhưng lửa vẫn không tắt. Ví như bốn khối đồng nóng chảy như bốn mặt trời, có người dùng sáu mươi giọt nước rưới vào lượng đồng nóng chảy ấy, thì số nước ấy liền bị tiêu diệt hết ngay. Mạt-khư-lê cũng như vậy, nếu có người muốn làm cho ông ta an ổn bằng cách dùng nước trong sáu mươi biển lớn dội lên thân, thì số nước biển ấy liền bị tiêu diệt nhưng lửa vẫn không tắt. Tại sao? Là vì kẻ ngu si Mạt-khư-lê này đã dạy cho một trăm ức người khiến họ hành động theo nẻo tà kiến. Vì nhân duyên này nên khiến cho thân thể Mạt-khư-lê luôn phát ra lửa cháy lan rộng sáu mươi khuỷu tay. Này các Tỳ-kheo, đấy là bốn đại địa ngục.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật giảng dạy, thảy đều hoan hỷ phụng

hành.

❑

SỐ 140

PHẬT THUYẾT KINH A-NA-BÂN-ĐỂ GIÁO HÓA BẢY NGƯỜI CON

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà du hóa ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ.

Bấy giờ A-na-bân-để có bảy người con đều không tin tưởng nơi Phật, Pháp, Tăng. Họ không quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo, cũng không bỏ sát sinh, không bỏ trộm cắp, không bỏ tà dâm, không bỏ nói dối, không bỏ uống rượu.

Trưởng giả A-na-bân-để bảo bảy người con:

–Này các con, phải nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, và chớ sát sinh, đừng trộm cắp, không tà dâm vợ người, không nói dối, không uống rượu; tất cả đều không nên phạm phải.

Các người con đáp:

–Con không thể quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Đối với các việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, đều không thể từ bỏ được.

Trưởng giả A-na-bân-để bảo:

–Ta sẽ cho các con ngàn lượng vàng. Này các con, nên quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, sửa đổi không còn sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, tất cả đều sửa đổi theo những việc ấy.

Khi bảy người con đã được ngàn lượng vàng, họ liền quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo, sửa đổi không còn sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Trưởng giả A-na-bân-để cho bảy người con, mỗi người ngàn lượng vàng, chỉ cho họ thọ tam quy ngũ giới xong, liền đến Kỳ viên, vào gặp Thế Tôn, đầu lạy sát chân Phật, ngồi qua một bên. A-na-bân-để bạch Thế Tôn:

–Trong đời này, con có bảy đứa con không tín ngưỡng, không có tâm hoan hỷ với Phật, Pháp, Tăng; không tự quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo; không từ bỏ sát sinh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, không từ bỏ uống rượu. Bạch Thế Tôn, khi bảy đứa con này đều được con cho chúng mỗi người ngàn lượng vàng, thì liền khiến chúng quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo và thọ trì năm giới. Bạch Thế Tôn, vậy bảy người con kia có được chút phước thiện công đức nào để thu đạt vào đời sau không?

Đức Thế Tôn dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này trưởng giả, ông đã làm nhiều lợi ích cho chúng sinh, muốn đem lại an ổn cho muôn loài, cả trời, người cũng được an lành. Này trưởng giả, bảy người con kia, nhờ vào công đức này nên các công đức thiện đều được đầy đủ. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giảng về chỗ tạo nhân công đức và các phước thiện của bảy người con kia và quả báo họ thu đạt được. Về phương Bắc này, có một quốc đọ, kinh thành tên Thạch thất, đất nước giàu có, dân chúng phồn thịnh, nơi ấy có kho tàng Y-la-bát-đa-la với vô số trăm ngàn vàng bạc, châu báu như xà cừ, mã não, chân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly và các loại vật quý giá đẹp đẽ khác. Người dân nước Càn-đà-việt kia, trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, hoặc dùng vạt áo dài bọc lấy các thứ vật quý đó, tùy theo ý muốn của họ mà tiêu dùng, nhưng kho tàng của Y-la-bát-đa-la không hề bị giảm bớt. Này trưởng giả, bảy người con ấy cũng như kho báu lớn Y-la-bát-đa-la và bảy ngàn lượng vàng kia, nếu gấp lên trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần, đến vô số lần, đều cũng không bằng công đức của bảy người con ông sẽ thu đạt được.

Này trưởng giả, lại có quốc đọ tên Ca-lăng-cừ, kinh thành tên Mật-hy-la, lúa gạo đầy đủ, dân chúng đông đúc, nơi đó có kho tàng quý tên Bát trù với vô số châu báu như vàng bạc, xa cừ, mã não, chân châu, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách. Trong bảy ngày, bảy tháng, bảy năm, dân chúng nước Ca-lăng-cừ tùy theo ý muốn của mình tha hồ mà lấy đem đi nhiều hay ít, dù họ không hề lấy ít đi nữa, nhưng kho tàng của nước Ca-lăng-cừ vẫn không bị giảm. Này trưởng giả, bảy người con với sở hữu bảy ngàn lượng vàng cũng như kho báu lớn Bát trù và số bảy ngàn lượng vàng kia nếu gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần, vô số lần, thì cũng không bằng công đức của bảy người con với bảy ngàn lượng vàng sẽ thu đạt được, nói chung là không gì so sánh bằng.

Lại nữa, này trưởng giả, ở nước Tỳ-đề-sư, kinh thành tên Tu-lại-trá, có kho báu lớn tên Tân-ca-la, chứa vô số trăm ngàn thứ châu báu như vàng

bạc, xà cừ, mã não, chân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly. Dân chúng ở nước Tỳ-đề-sư trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, tùy theo ý định của mình muốn mang chở châu báu ấy nhiều hay ít để đem đi xa, nhưng kho tàng Tân-ca-la vẫn không bị giảm xuống. Này trưởng giả, bảy người con với bảy ngàn lượng vàng cũng như kho tàng quý Tân-ca-la và bảy ngàn lượng vàng của bảy người con đó nếu gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần, vô số lần, đều cũng không bằng công đức của bảy người con sẽ thu đạt được, không thể tính toán xuể.

Lại nữa, này trưởng giả, ở nước Ca-thi, kinh thành Ba-la-nại, có kho tàng tên Nhương-già với vô số vàng bạc, châu báu như xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly, trân châu, hổ phách. Bảy người con có bảy ngàn lượng vàng kia, cũng như kho báu lớn Nhương-già, và bảy ngàn lượng vàng của bảy người con đó nếu gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần, vô số lần thì cũng không bằng công đức họ sẽ thu đạt được.

Này trưởng giả, hãy khoan nói về dân chúng của các nước Càn-đà-việt, Ca-lăng-cừ, Tỳ-đề-sư, Ca-thi. Ví dụ tất cả dân chúng nam, nữ, lớn, nhỏ của một trong sáu nước lớn ở cõi Diêm-phù-đề này đều theo ý muốn của mình mà chọn lấy mang đem đi các vật quý ở bốn kho báu lớn như vàng bạc, châu báu, xà cừ, mã não, chân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, họ tùy theo ý muốn khuân vác mang các vật báu ấy, nhưng bốn kho báu lớn kia vẫn không bị giảm sút. Này trưởng giả, công đức của bảy người con kia, với bảy ngàn lượng vàng và bốn kho báu lớn, dù gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần, vô số lần cũng không bằng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Y-la-bát, Càn-đà
Bát trù ở Mật-hy
Tân-già ở Tu-lại
Nhương-già, Ba-la-nại
Bốn kho quý như vậy
Đầy các loại châu báu
Vô số nhưng không bằng
Quả công đức đã làm.

Khi Đức Thế Tôn vì trưởng giả A-na-bân-để thuyết giảng giáo pháp vi diệu, làm cho ông vô cùng hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hướng về Phật, bạch Thế Tôn:

–Ngưỡng mong Đức Thế Tôn nhận lời con thỉnh, cùng với chúng Tỳ-kheo Tăng, con muốn tổ chức trai soạn cúng dường, vì bảy người con đã được quy ngưỡng nẻo thiện.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của A-na-bân-để.

Khi thấy Đức Thế Tôn đã im lặng nhận lời, A-na-bân-để liền lạy sát chân Đức Phật rồi từ giã.

Trưởng giả về nhà, vào ngày thỉnh Phật, chuẩn bị đầy đủ các món ăn ngon quý, sau khi dọn thức ăn, trải tọa cụ, trưởng giả đến gặp Phật và chúng Tỳ-kheo bạch:

–Nay đã đúng lúc, ngưỡng mong Thế Tôn hạ cố đi đến.

Lúc ấy Đức Thế Tôn biết đã tới giờ, liền mặc y, mang bát, cùng chúng Tỳ-kheo tùy tùng vào thành Xá-vệ, đến nhà A-na-bân-để, ngồi vào chỗ đã bày sẵn, chúng Tỳ-kheo ai nấy đều an tọa.

Trưởng giả A-na-bân-để cùng bảy người con đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên.

Trưởng giả A-na-bân-để bạch Thế Tôn:

–Con có bảy người con, đều cho mỗi người ngàn lượng vàng, khiến chúng tự quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo, khiến đều thọ năm giới. Nay, ngưỡng mong Thế Tôn vì chúng thuyết Pháp, làm cho bảy người con này, nhờ vào trí tuệ của Như Lai mà mọi nhận thức được sáng suốt.

Đức Thế Tôn bảo trưởng giả A-na-bân-để:

–Đúng vậy! Trưởng giả. Đúng vậy! Trưởng giả.

Trưởng giả A-na-bân-để thấy Đức Phật và chúng Tỳ-kheo đã an tọa, nên cùng với bảy người con đem thức ăn ngon quý cúng dường lên Đức Phật. Sau đó, thấy Đức Thế Tôn đã thọ trai xong cất bát, trưởng giả A-na-bân-để liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên, cùng bảy người con thỉnh Đức Như Lai thuyết pháp vi diệu. Đức Thế Tôn biết bảy người con của trưởng giả A-na-bân-để chí tâm nghe pháp. Chư Phật Thế Tôn luôn tùy theo căn cơ mà thuyết các pháp về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đức Thế Tôn khi ấy cũng vì bảy người con của A-na-bân-để mà thuyết pháp như vậy. Ngay tại chỗ ngồi, họ đều dứt sạch các bụi bặm cấu uế, tâm thanh tịnh, phát sinh pháp nhãn. Họ đã thấy pháp, lãnh hội diệu pháp một cách mau chóng, không còn nghi ngờ, cũng không còn vọng tưởng do dự, đắc vô sở úy. Nhờ hiểu rõ diệu pháp của Đức Như Lai, họ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thọ trì năm giới.

Đức Thế Tôn vì trưởng giả A-na-bân-để và bảy người con, lại giảng

thêm các pháp, sau đó rời chỗ ngồi ra về. Trưởng giả A-na-bân-để và bảy người con nghe Đức Phật giảng pháp, đều hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 141

PHẬT NÓI KINH A-TỐC-ĐẠT

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Lúc ấy Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, đã nói với các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe lời Ta dạy. Việc cha mẹ sinh con, nuôi nấng chăm sóc thật là hết sức khó khăn vất vả. Khi con khôn lớn, cha mẹ muốn đem lại cho con những kiến thức sáng tỏ như mặt trăng, mặt trời, nên đã chỉ dạy cho con về vạn vật trong trời đất, muốn cho con nhận biết rõ về thiện ác. Này các Tỳ-kheo, với công ân như vậy, thì dù người con dùng một vai cõng cha, còn vai kia cõng mẹ, cho đến trọn cả đời như thế; người con lại dùng các thứ châu báu vô giá như ngọc minh nguyệt, ngọc bích, lưu ly, san hô, bạch châu do các loài cầm thú sinh ra, thảy đều đem trang sức trên thân cha mẹ, vẫn không đủ báo đền ân của bậc sinh thành. Cha mẹ ưa việc sát sinh, con cái phải cố gắng can ngăn cha mẹ đừng làm công việc đó nữa. Cha mẹ có tâm xấu ác, người con phải thường khuyên can làm cho cha mẹ luôn nghĩ tới việc thiện, không còn tâm ác. Cha mẹ tối tăm ít trí tuệ, không biết chánh pháp, người con nên đem lời Phật dạy giảng nói cho cha mẹ. Cha mẹ tham lam, giận dữ, ganh ghét, người con phải tùy thuận mọi trường hợp mà can gián. Cha mẹ không biết rõ về nẻo thiện ác, người con phải từ từ linh động để giảng nói cho cha mẹ nhận biết.

Này các Tỳ-kheo, làm con phải nên như thế. Nếu người làm con mà sử dụng y phục muốn đẹp hơn cha mẹ mình, về ăn uống thì muốn ngon ngọt hơn cha mẹ, lời nói lại muốn lấn lướt hơn cha mẹ, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục. Người làm con luôn hiếu thuận, thờ phụng cha mẹ, gìn giữ nết hạnh như vậy, thì sau khi qua đời sẽ sinh lên cõi trời.

Các Tỳ-kheo đều cúi đầu nghe lời giảng dạy hay đẹp của Đức Phật. Đức Phật nói:

–Có một vị Ưu-bà-tắc là bậc hiền thiện tên Tốc-đạt, cưới vợ cho con trai, người con dâu tên Ngọc-da. Cô ta ỷ vào chồng là con trai lớn, mình là

con gái nhà giàu, nên không theo lễ nghi đối với cha chồng, thờ phụng Tốc-đạt và cũng không kính trọng chồng, đã nhiều năm như vậy. Tốc-đạt lại là bậc Hiền giả Ưu-bà-tắc nên không có ý kiến gì cả. Một lần, ông đến gặp Đức Phật, tự trách:

–Con cưới vợ cho con trai, là con gái nhà giàu sang trọng trong nước nên tâm rất vui mừng, nhưng cô ta về làm dâu nhà con đã vài năm nay, luôn kiêu mạn theo ý muốn riêng của mình, không theo khuôn phép làm dâu. Ngưỡng mong Đức Phật ngày mai hạ cố đến nhà con.

Đức Phật im lặng không trả lời. Im lặng không trả lời là ngày mai Ngài sẽ đến.

Hôm sau, Đức Phật đến nhà Tốc-đạt nhưng nàng dâu không ra chào hỏi. Đức Phật bèn dùng thần túc giáo hóa cô ta, khiến Ngọc-da sinh tâm hoan hỷ, ra ngoài chào hỏi Đức Phật.

Đức Phật dạy:

–Con làm vợ người, dùng việc gì để phục vụ chồng?

Ngọc-da thưa:

–Con dùng cả con người con để phục vụ chồng

Đức Phật dạy:

–Vợ phục vụ chồng có ba điều ác, bốn điều thiện. Ba điều ác là gì?

Điều ác thứ nhất là: Như người ở chung với người biếng nhác không chịu làm việc, luôn chửi mắng cả ngày, ham muốn được khen, lại ưa cãi cọ, tranh giành.

Điều ác thứ hai là: Như cùng oan gia sống chung, không giữ một lòng hướng về chồng, không mong muốn chồng được tốt đẹp, hay thành tựu các sự việc, lại cầu mong chồng chết.

Điều ác thứ ba là: Như cùng kẻ trộm cắp sống chung, không giữ gìn tài vật của chồng, chỉ nghĩ tới việc lường gạt chồng, thường muốn tốt đẹp cho riêng mình, không thuận theo con cháu, chỉ nghĩ đến việc dâm dật.

Người như vậy, sau khi chết bị trôi lăn trong đường ác, không biết tới lúc nào thoát ra được. Đó là ba việc ác.

Còn bốn điều thiện là gì?

Điều thiện thứ nhất: Vợ thấy chồng từ bên ngoài về vui mừng cũng như mẹ thấy con. Chồng có những việc cần gấp hay kéo dài, thường làm thay.

Điều thiện thứ hai: Vợ phục vụ chồng như em thấy anh, trên dưới luôn hòa thuận nhau. Chồng xấu không vì vậy mà chán ghét, không nghĩ

đến việc dâm dật, thường làm theo lời chồng.

Điều thiện thứ ba: Vợ phục vụ chồng như bạn bè, gặp nhau liền chú ý đến nhau. Chồng từ nơi khác về cũng như trông thấy cha, anh, trong lòng vui mừng, tươi cười đón tiếp. Người vợ phải luôn giữ tâm như vậy.

Điều thiện thứ tư: Vợ phục vụ chồng luôn như kẻ giúp việc dưới quyền chồng la mắng lớn cũng không chán ghét, chồng có đánh đập cũng không cho là quá đáng, chồng sai làm nhiều việc cũng không cho đấy là lao khổ. Chồng tuy xấu ác, nhưng vợ phải luôn nghĩ đến việc thiện, phải thường chăm sóc con cháu.

Người như vậy, sau khi qua đời sẽ sinh lên cõi trời, sống ở cõi ấy luôn được hưởng nhiều phước báo tốt đẹp.

Đức Phật nói với Ngọc-da:

–Trong ba điều ác, bốn điều thiện trên, con muốn chọn điều nào để phục vụ chồng?

Ngọc-da thưa:

–Vợ phục vụ chồng không được dùng ba điều ác, phải sống với chồng bằng bốn điều thiện. Từ nay trở về sau, con xin dốc hết lòng để phục vụ chồng con.

Từ đó Ngọc-da theo phép dâu con để phụng thờ Tốc-đạt, theo lễ nghĩa vợ chồng để phục vụ chồng mình.

❑

SỐ 142 (A)

PHẬT NÓI KINH NGỌC-DA NỮ

Hán dịch: Mất tên người dịch -
Phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc cưới vợ cho con trai mình, được người con dâu con nhà trưởng giả giàu sang, xinh đẹp hơn người, nhưng kiêu căng, ngạo mạn, không theo lễ dâu con để phục vụ chồng và cha mẹ chồng.

Gia đình Cấp Cô Độc bàn luận:

–Cô dâu này kiêu mạn, nên dùng pháp gì để giáo dục? Nếu dùng roi vọt thì không phải là phương pháp thiện. Nếu không giáo huấn thì tội của cô ta ngày càng tăng thêm. Chỉ có Đức Phật là Bậc Đại Thánh mới giỏi giáo huấn. Chúng ta hãy sửa soạn các thức ăn uống ngon quý, ngày mai thỉnh Đức Phật đến cúng dường!

Sau khi nhận lời, sáng hôm sau, Đức Phật cùng chúng Tăng đến nhà trưởng giả. Cả nhà Cấp cô độc đều ra lễ Đức Phật. Ngọc-da không chịu ra, Đức Phật liền phóng hào quang màu vàng ròng rực rỡ chiếu vào phòng Ngọc-da. Đức Phật hiện rõ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, Ngọc-da trông thấy tướng hảo của Đức Phật sáng tỏa, rất kinh hãi, sinh tâm sợ sệt, liền ra ngoài phòng làm lễ Đức Phật. Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Phép tắc của người nữ là không nên ỷ lại vào sự đoan chánh của mình để sinh kiêu mạn. Hình dáng đoan chánh chưa phải là đoan chánh thật sự, chỉ tâm ý và hành động đoan chánh khiến người yêu kính mới đúng là đoan chánh. Không được ỷ vào diện mạo xinh đẹp mà kiêu mạn buông lung, sau đó trở nên hèn hạ để bị người trách phạt sai khiến.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Phép của phụ nữ có ba chướng và mười ác, con có hiểu biết không?

Ngọc-da bạch Phật:

–Ba chướng, mười ác là gì?

Đức Phật bảo Ngọc-da:

1. Lúc còn nhỏ bị chướng ngại nơi cha mẹ.

2. Khi xuất giá bị chướng ngại nơi chồng.

3. Đến già thì bị chướng ngại nơi con cháu.

Đó là ba sự chướng ngại.

Còn mười ác là gì? Đó là:

1. Khi sinh ra, cha mẹ không vui.

2. Nuôi dưỡng không vừa ý.

3. Thường sợ chồng cưới không đủ lễ.

4. Đến đâu cũng sợ người.

5. Phải xa lìa cha mẹ.

6. Sống nhờ vào nhà cửa người khác.

7. Mang thai rất gian nan.

8. Khi sinh đẻ rất khó khăn.

9. Thường sợ chồng.

10. Thường không được tự do.

Ngọc-da nghe Đức Phật nói về ba chướng ngại, mười điều ác, nên thân tâm lo sợ, bạch Phật:

–Cầu mong Thế Tôn dạy bảo con về phép làm vợ.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Phép làm vợ có năm điều. Năm điều ấy là gì?

1. Vợ như mẹ.

2. Vợ như bề tôi.

3. Vợ như em gái.

4. Vợ như nô tỳ.

5. Như vợ với chồng.

Thế nào là vợ như mẹ? Vợ yêu chồng như con, đó gọi là vợ như mẹ.

Thế nào là vợ như bề tôi? Vợ thờ chồng như vua, nên gọi là vợ như bề tôi.

Thế nào là vợ như em gái? Vợ thờ chồng như anh trai, nên gọi vợ như em gái.

Thế nào là vợ như nô tỳ? Vợ thờ chồng xem mình như hàng tỳ thiếp nên gọi vợ như nô tỳ.

Thế nào là như vợ với chồng? Rời khỏi gia đình thân thuộc để đến gia đình khác, xa lìa nơi sinh quán, yêu thương gần gũi với chồng, thân tuy khác nhưng tâm đồng, tôn kính thận trọng, không có thái độ kiêu mạn, khéo léo chăm sóc việc trong ngoài, làm cho gia đình thịnh vượng, sung túc, giao tiếp khách đến, nói tốt về chồng. Đây chính là đạo vợ chồng đúng nghĩa hơn hết.

Đức Phật bảo tiếp:

–Phục vụ cha mẹ chồng và chồng cũng có năm điều thiện, ba điều ác.

Ngọc-da bạch Phật:

–Năm điều thiện, ba điều ác là gì?

Đức Phật bảo Ngọc-da:

1. Ngủ trễ dậy sớm, luôn chăm sóc việc nhà. Có thức ăn ngon không được ăn riêng, nên đem đến cho cha mẹ chồng và chồng.

2. Xem xét vật dụng trong nhà, không để cho tổn thất.

3. Thận trọng về lời nói, luôn nhẫn nhục, ít giận dữ.

4. Luôn nghiêm trang cẩn trọng, chỉ sợ làm chưa đúng mức.

5. Một lòng hiếu thảo với cha mẹ chồng, thuận hợp vợ chồng, đem lại tiếng tốt cho gia đình, thân tộc vui mừng, được mọi người khen ngợi.

Đây là năm điều thiện. Còn ba điều ác là gì?

1. Trời chưa tối đã ngủ, trời sáng chưa chịu dậy. Chồng giận trách, chê mắng lại.

2. Ăn lén các thức ăn ngon, đưa thức ăn dở cho cha mẹ chồng và chồng. Sắc diện gian xảo dối trá, trong lòng tà ác.

3. Không lo nghĩ đến sinh kế, chỉ rong chơi trong thế gian, bàn đủ chuyện xấu tốt của người, tìm kiếm chỗ hay dở của kẻ khác, cãi cọ lắm lời, thân tộc thù ghét, bị người khinh rẻ.

Đây là ba điều ác.

Ngọc-da nghe Đức Phật giảng về năm điều thiện, ba điều ác, thì sinh tâm tin kính, hoan hỷ, biết hổ thẹn nên bạch Phật:

–Đệ tử ngu si, khi chưa được gặp Phật, chưa được nghe pháp đã gây ra bao nhiêu oan khiên, lầm lỗi vô cùng và các chướng ngại đều do không tự hiểu biết. Nay con được nghe Phật giảng dạy, tâm ý khai mở thông tỏ mới biết rằng hành động từ trước đến nay là sai lầm. Từ nay trở về sau, con xin quyết sửa đổi những việc đã làm, tu tỉnh đối với vị lai, thuận theo lời Phật dạy, không dám trái phạm. Ngưỡng mong Thế Tôn từ bi thương xót

cứu giúp, cho con được sám hối để tiêu trừ tội lỗi. Con xin thọ năm giới, được làm Phật tử.

Đức Phật dạy:

–Lành thay Ngọc-da, cho phép con sám hối, đừng tái phạm nữa.

Đức Phật ban giới pháp, Ngọc-da kính thọ tu hành. Đức Phật dạy:

–Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ.

Ngọc-da thưa:

–Xin vâng Thế Tôn, nguyện được thọ trì.

Đức Phật dạy Ngọc-da:

–Giữ giới thứ nhất: Tự tay không được giết hại người và quần sinh.

Giữ giới thứ hai: Thanh tịnh thân không trộm cắp, bớt phần mình để giúp đỡ mọi người.

Giữ giới thứ ba: Trinh khiết không tà dâm, hành động không cấu nhiễm.

Giữ giới thứ tư: Không được nói dối, cho đến chỉ là nói đùa giỡn.

Giữ giới thứ năm: Tránh xa rượu không được uống, không phạm điều ác.

Giữ gìn giới cấm như cứu đầu bị cháy. Tự quán sát thân hình không thể tồn tại lâu dài. Mạng sống nguy khổ này vụt qua nhanh như điện chớp, như gió thoảng nơi sân, trẻ khỏe rồi sẽ suy tàn, từ bỏ vinh hoa ở đời, hành pháp Bồ-tát. Nay con tu hành có thể đạt đến giác ngộ. Phật đạo không thể không học, kinh pháp không thể không nghe. Nay Ta đã giác ngộ, ca ngợi việc thiện, thiết đặt giáo lý rộng lớn, bất kỳ người nam nữ nào ưa thích nghe pháp đều được kết quả tùy theo ước nguyện.

Ngọc-da bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, người vợ tốt, được an lạc vẻ vang gì? Người vợ xấu thì bị tai họa gì?

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Người vợ hiền thiện đời này được vinh dự như thân tộc kính mến, thọ phước sinh ở cõi trời, hết tuổi thọ nơi cõi trời thì sinh về thế gian là con cháu bậc vương hầu. Sinh ở chỗ nào cũng được mọi người tôn kính. Người vợ xấu ác thì luôn bị người thù ghét, ai cũng chán bỏ xa lìa, mong cho chết sớm. Người này sau khi chết sẽ bị đọa các nẻo địa ngục, súc sinh, nô tỳ, trôi lăn trong đó không có kỳ hạn thoát ra.

Ngọc-da nghe Phật nói về người vợ thiện ác, tâm sinh sợ hãi, tinh tấn tu hành, liền chứng đắc đạo quả thứ nhất (Tu-đà-hoàn). Từ đó nàng dùng gấm lụa trang trí, thêu vẽ chạm trỗ đẹp đẽ, treo cờ phướn, dù lọng, đốt các

loại hương thơm cúng dường Phật, nhiễu tháp, tụng kinh, tiếng vang mười phương. Mọi người trông thấy đều vui mừng theo, đảnh lễ nơi các tháp miếu.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kinh này gọi tên là gì?

Đức Phật dạy:

–Kinh này tên là giáo hóa người nữ, cũng gọi là kinh nói về nàng Ngọc-da. Nếu người nữ được nghe kinh này, thọ trì đọc tụng, theo như pháp tu tập thì khi bỏ thân nữ ấy không còn thọ thân nữ trở lại nữa.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh xong, đại chúng đều hoan hỷ, làm lễ, phụng hành.

❑

SỐ 142 (B)

PHẬT NÓI KINH NGỌC-DA NỮ

Hán dịch: Mất tên người dịch -
Phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, vì bốn hàng đệ tử thuyết giảng kinh.

Bấy giờ, trong nước có gia đình Cấp Cô Độc cưới vợ cho con trai, là con gái của một trưởng giả, tên là Ngọc-da. Cô này xinh đẹp đặc biệt, nhưng không giữ lễ làm dâu, khinh mạn đối với cha mẹ chồng và chồng. Vợ chồng trưởng giả Cấp Cô Độc bàn luận: "Cô dâu này không thuận thảo, làm thế nào để giáo dục? Nếu dùng roi vọt thì không phải là phương pháp tốt. Nếu không giáo huấn thì tội lỗi của cô ta ngày càng tăng thêm".

Trưởng giả đề nghị:

–Chỉ có Đức Phật mới giáo hóa được cô gái ấy.

Sáng sớm, trưởng giả vận y phục nghiêm trang, đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, bạch:

–Con cưới vợ cho con trai, được con gái nhà trưởng giả, nhưng cô ta rất kiêu mạn, không giữ phép làm dâu. Cầu mong Thế Tôn thương chúng con và các đệ tử, ngày mai con kính thỉnh Thế Tôn đến nhà con giảng dạy để tâm ý nó được mở mang.

Đức Phật nhận lời. Trưởng giả hoan hỷ lễ Phật, ra về. Đến nhà, trưởng giả lo sửa soạn chỗ ngồi trang nghiêm, rộng rãi.

Sáng ngày mai, Đức Phật đến nhà trưởng giả. Ông ta vui mừng rước Đức Phật vào nhà. Sau khi đại chúng an tọa, cả nhà đều ra lễ Phật rồi đứng qua một bên. Thọ trai xong, Phật vì mọi người giảng pháp. Chỉ có Ngọc-da là kiêu mạn không ra chào hỏi.

Đức Phật thương xót cô ta, liền phóng thần lực lớn, biến hóa nhà trưởng giả trở thành thủy tinh, trong ngoài đều trong sáng không có chướng ngại.

Ngọc-da thấy Đức Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp,

thì toàn thân đều nổi gai ốc, kinh hoàng sợ hãi, liền ra làm lễ Đức Phật, đứng qua một bên, chắp tay cúi đầu, không nói được gì. Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Người nữ không nên dựa vào sắc đẹp của mình để không hòa thuận với chồng, đó không phải là đoan chánh. Tâm ngay hạnh đúng mới là đoan chánh. Trong thân phụ nữ có mười điều xấu mà không tự hiểu biết. Mười việc xấu là gì?

1. Khi thác sinh nơi thai, cha mẹ khó nuôi dưỡng.

2. Khi mang thai, cha mẹ thường ưu sầu.

3. Khi sinh ra, cha mẹ không vui.

4. Nuôi dưỡng không vừa ý.

5. Cha mẹ luôn luôn quản lý, không khi nào rời.

6. Đến đâu cũng sợ người khác.

7. Thường lo lắng việc gả chồng.

8. Ngay trong đời này phải xa lìa cha mẹ.

9. Thường sợ chồng.

10. Không được tự do.

Đây là mười việc xấu.

Ngọc-da kinh sợ, bạch Phật:

–Xin Đức Phật dạy cho con về phép tắc của người làm vợ. Việc ấy như thế nào?

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Người con dâu phục vụ chồng, cha mẹ chồng, các bậc trưởng thượng có năm điều thiện, ba điều ác. Thế nào là năm điều thiện?

1. Ngủ trễ, dậy sớm, thức ăn ngon phải dâng trước.

2. Bị đánh mắng cũng không giận hờn.

3. Một lòng với chồng, không được tà dâm.

4. Mong chồng sống lâu, đem thân phụng sự.

5. Chồng đi xa, lo chăm sóc đảm đang việc trong nhà, không có hai lòng.

Đây là năm điều thiện.

Còn ba điều ác là gì?

1. Khinh mạn chồng, không thuận theo các bậc trưởng thượng, ăn riêng thức ăn ngon, chưa tối đã đi nằm, trời sáng vẫn chưa dậy, chồng dạy bảo thường trừng mắt nạt nộ lại.

2. Gặp chồng, lòng không vui mừng, nghĩ đến việc tồi bại, tưởng đến đàn ông đẹp khác.

3. Mong chồng chết sớm để tái giá.

Đấy là ba điều ác.

Ngọc-da im lặng không nói được lời nào.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Ta vì con nói rõ về bảy hạng vợ trong thế gian, hãy lắng nghe:

1. Vợ như mẹ.

2. Vợ như em gái.

3. Vợ như tri thức.

4. Vợ như vợ.

5. Vợ như nô tỳ.

6. Vợ như oan gia.

7. Vợ như kẻ đoạt mạng.

Ngọc-da nói:

–Con không rõ về các ý nghĩa ấy.

Phật dạy:

–Hãy lắng nghe, Ta sẽ giải thích.

Thế nào là vợ như mẹ? Vợ yêu chồng như mẹ yêu con, ngày đêm chăm sóc không sơ suất, tâm thường yêu mến không chán, nghĩ đến chồng như con. Đó là vợ như mẹ.

Thế nào là vợ như em gái? Phục vụ chồng hết sức, cung kính thành thật, như anh em từ một gốc sinh ra, cốt nhục chí thân không có tình riêng, tôn trọng chồng như em gái phục vụ anh. Đó là vợ như em gái.

Thế nào là vợ như tri thức? Phục vụ chồng luôn dốc kính thuận, yêu mến luyến ái không rời nhau. Những việc kín riêng thường nói cho nhau nghe. Hành động luôn thuận hợp, dạy bảo nhau về việc lành, cùng làm tăng thêm trí tuệ sáng suốt, tương thân tương ái, muốn cho chồng đem khả năng giúp đời, như hàng Thiện tri thức. Đó là vợ như tri thức.

Thế nào là vợ như vợ? Phục vụ chồng tận tình tận lực, không có hai lòng, luôn im lặng thực hiện bổn phận của người vợ một cách đầy đủ không thiếu sót. Tiến tới không bất nghĩa, lùi lại không bất lễ, thường lấy hòa làm quý. Đó là vợ như vợ.

Thế nào là vợ như nô tỳ? Tâm thường e sợ, không dám khinh mạn, trung hiếu, hết sức tiết hạnh. Miệng không nói lời thô, thân không phóng

dật, tự giữ gìn bằng lễ nghi như dân thờ phụng vua; được chồng kính trọng yêu quý thì không hề kiêu mạn. Nếu bị hình phạt, cung kính nhận lấy, bị mạ nhục, cũng im lặng không nói trả. Thân chịu vui buồn không có hai lòng, sửa mình theo phận vợ, không kén việc ăn mặc, phục vụ chồng như ông chủ. Đó là vợ như nô tỳ.

Thế nào là vợ như oán gia? Thấy chồng, vợ không vui vẻ, thường ôm lòng oán giận, ngày đêm mong cầu được mau xa lìa. Tuy là vợ chồng, lòng như tạm bợ. Đầu tóc lộn xộn, thích nằm, không e sợ tránh né gì cả, không chịu làm việc sinh sống, nuôi dưỡng con cái. Làm việc dâm đãng không biết xấu hổ, sa vào tội phạm pháp luật, hủy nhục thân thuộc, chồng oán ghét nguyền rủa cho chết. Đó là vợ như oán gia.

Thế nào là vợ như kẻ đoạt mạng? Vợ ngày đêm luôn thao thức nuôi tâm độc ác dò xét chồng, dùng phương tiện gì để xa lìa chồng. Muốn hại chồng bằng thuốc độc nhưng sợ người biết, tư thông ngoại tình, thuê người hại chồng, lại sai tình nhân theo dõi để giết chồng. Chồng chết, tái giá cho thỏa ý nguyện. Đó là vợ đoạt mạng.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Người vợ hiền được rạng danh, thân thuộc chín họ đều được vinh dự. Trời, Rồng, Quỷ thần luôn ủng hộ thân thể, khiến không bị tai nạn, của cải vật báu ngày càng tăng, nguyện nào cũng được, sau khi mãn phần sinh lên cõi trời, cung điện ao tắm hưởng thọ tự nhiên, được trời người mến chuộng. Hết tuổi thọ nơi cõi trời, lại sinh ở thế gian, thường làm con cháu hàng vương hầu, phú quý đoan chánh, xinh đẹp, mọi người đều tôn trọng.

Người vợ ác bị mang tiếng xấu xa, ngay thân hiện tại không được an ổn, thường bị quỷ thần ở trong gia đình gây bệnh phát họa, phải cầu khẩn đến thần minh, phải bị chết sớm, không được tuổi thọ, bị ác mộng khủng bố, ước nguyện không thành, gặp nhiều tai họa về nước lửa, luôn kinh sợ hàng ngày. Sau này chắc chắn thần hồn bị hình phạt, khi chết bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thân hình lùn ngắn, yết hầu như lỗ kim, nằm trên giường sắt nóng đến ngàn vạn kiếp. Chịu hết tội lỗi thì lại sinh vào nhà hung ác, bần cùng, áo quần không đủ che thân, lao nhọc suốt đời còn bị đánh đập, từ trẻ đến già không được vinh hoa. Làm thiện được điều lành, làm ác tự ngăn che. Thiện ác đúng như vậy, không phải hư đối.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Bảy hạng vợ này, con làm theo hạng nào?

Ngọc-da khóc, bạch Phật:

–Trước đây con ngu si không thuận thảo với chồng và bậc tôn trưởng.

Từ nay về sau con xin làm theo hạng vợ nô tỳ, trọn đời con không dám kiêu mạn.

Ngọc-da quỳ ở trước Phật cầu thọ ba quy y và mười thiện giới là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng. Thứ nhất không sát sinh, thứ hai không trộm cắp, thứ ba không tà dâm, thứ tư không nói dối, thứ năm không uống rượu, thứ sáu không ác khẩu, thứ bảy không nói lời thêu dệt, thứ tám không ganh ghét, thứ chín không sân hận, thứ mười tin thiện được thiện. Đây gọi là mười giới, hàng Ưu-bà-di phải tuân hành theo.

Đức Phật giảng kinh này xong, cùng các đệ tử muốn trở về. Gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc hoan hỷ lễ Phật, cáo lui.

Ngọc-da quỳ bạch thêm với Phật:

–Trước đây con ngu si kiêu mạn với chồng, nay nhờ ân Thế Tôn giáo hóa, khiến tâm con được khai mở, thông tỏ.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Từ nay về sau hãy luôn gắng sức giúp đỡ gia đình con.

Ngọc-da vâng dạ, nhận lời Phật dạy, không dám làm sai, lạy sát chân Phật rồi cáo lui.

❑

SỐ 143

KINH NGỌC-DA

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam Tạng Trúc Đàm Vô Lan, người Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Ngài vì bốn hàng đệ tử mà giảng dạy kinh pháp.

Bấy giờ gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc, trước đó đã cưới vợ cho con trai, là con gái của một gia đình trưởng giả, tên là Ngọc-da. Cô ta đoan chánh, xinh đẹp nên sinh tâm kiêu mạn, không theo phép dâu con để phục vụ cha mẹ chồng và chồng. Vợ chồng Cấp Cô Độc bàn luận: "Con dâu ta không hiếu thuận, chẳng theo lễ phép, chúng ta không muốn xử trị bằng cách đánh đập. Nhưng nếu không răn dạy thì lỗi lầm của cô ta ngày càng tăng lên, phải làm thế nào đây?

Trưởng giả đưa ý kiến: "Chỉ có Đức Phật là Bậc Đại Thánh, đầy đủ khả năng giáo hóa kẻ ương bướng, khó trị đều phải phục tùng. Hãy thỉnh Đức Phật đến giáo hóa".

Người vợ đồng ý:

–Rất tốt.

Sáng sớm, trưởng giả y phục chỉnh tề, đến gặp Đức Phật, đầu mặt lạy sát đất, bạch Phật:

–Gia đình con cưới vợ cho con trai, gặp phải kẻ rất kiêu mạn, đối xử với chồng không lễ phép. Cầu mong Thế Tôn cùng các đệ tử ngày mai đến nhà thọ trai và vì Ngọc-da mà thuyết pháp, để tâm trí cô ấy được hiểu biết thông suốt, hối cải điều ác, làm việc thiện.

Đức Phật bảo trưởng giả:

–Lành thay! Lành thay!

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe Đức Phật thọ thỉnh nên hoan hỷ lạy sát chân Đức Phật rồi từ giã. Về đến nhà, trưởng giả trai giới và lo bày biện các thức ăn uống ngon quý.

Sáng ngày mai, Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đến nhà vị trưởng giả. Trưởng giả hoan hỷ nghênh đón Đức Phật và đại chúng.

Sau khi Đức Phật an tọa, toàn gia lớn nhỏ đều ra làm lễ Phật rồi đứng qua một bên, Ngọc-da tránh trong phòng không ra lễ Phật.

Đức Phật biến hóa, làm cho tường vách cả nhà vị trưởng giả đều trong suốt như lưu ly, thủy tinh, trong ngoài đều thấy nhau.

Ngọc-da trông thấy Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân màu vàng ròng, tươi sáng rực rỡ, nên hãi hùng kinh sợ, toàn thân rởn ốc, liền ra ngoài lễ Phật, lạy sát đất sám hối, rồi đứng qua một bên.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Phụ nữ không nên ỷ vào sắc đẹp của mình để khinh mạn chồng. Thế nào là xinh đẹp đoan chánh: Từ bỏ thái độ xấu xa, cả tám mươi bốn điều cấu uế, tâm an định đàng hoàng thi mới đúng là đoan chánh, không phải dựa vào nhan sắc mặt mày, tóc tai màu mè là đoan chánh. Trong thân người nữ có mười điều xấu. Những gì là mười?

1. Người nữ khi mới lọt lòng, cha mẹ không vui.

2. Khi nuôi dưỡng săn sóc, thường ít thấy thú vị.

3. Tâm người nữ thường sợ người khác.

4. Cha mẹ lo lắng việc gả chồng.

5. Khi còn sống phải xa lìa cha mẹ.

6. Thường sợ chồng, luôn phải để ý tới sắc diện của chồng, chồng hân hoan thì vui mừng, tức giận thì sợ hãi.

7. Khi mang thai, sinh đẻ rất gian nan.

8. Còn con gái thì bị cha mẹ kiềm chế.

9. Có chồng thì bị chồng quản thúc.

10. Tuổi già hay bị con cháu la mắng.

Từ trẻ đến già không được tự tại. Đấy là mười điều, người nữ không tự hiểu biết.

Ngọc-da quỳ chắp tay bạch Phật:

–Con mang thân hạ tiện nên không biết tới lễ nghĩa. Cầu mong Thế Tôn giảng dạy đầy đủ về phép tắc làm vợ.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Người vợ phụng sự cha mẹ chồng và chồng có năm điều thiện, ba điều ác.

Năm điều thiện là gì?

1. Làm vợ phải ngủ trễ dậy sớm, chải tóc trang điểm, y phục chỉnh tề, rửa mặt sạch sẽ, làm sự việc gì cũng thưa trước đối với người lớn hơn, tâm thường kính thuận. Nếu có thức ăn ngon thì không được ăn trước.

2. Chồng la mắng cũng không được sân hận.

3. Chung thủy với chồng, không được tà dâm.

4. Thường cầu mong chồng sống lâu, chồng đi vắng, vợ dốc đảm đang chăm sóc việc nhà.

5. Thường nhớ tới các điều thiện của chồng, không nhớ hay gợi lại các việc ác.

Đây là năm điều thiện.

Còn ba điều ác là gì?

1. Vợ phục vụ cha mẹ chồng và chồng không theo lễ nghĩa, chỉ mong có thức ăn ngon để ăn trước, chưa tối đã đi nằm sớm, trời sáng vẫn chưa dậy, chồng muốn răn dạy, trừng mắt giận lại, kình chống mắng nhiếc.

2. Không một lòng đối với chồng, chỉ nghĩ đến những đàn ông khác.

3. Muốn chồng mau chết để được tái giá.

Đấy là ba điều ác.

Ngọc-da im lặng, không một lời đáp lại Đức Phật.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Thế gian có bảy hạng vợ. Đó là

1. Vợ như mẹ.

2. Vợ như em gái.

3. Vợ như Thiện tri thức.

4. Vợ như vợ đúng nghĩa.

5. Vợ như nô tỳ.

6. Vợ như oán gia.

7. Vợ như kẻ đoạt mạng.

Bảy hạng vợ này, con có hiểu không? Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Ta sẽ vì con mà phân biệt giảng giải.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Thế nào là vợ như mẹ? Vợ như mẹ là yêu thương chồng như từ mẫu,

sớm tối gần gũi phục vụ không rời, tận tâm cung cấp không bê trễ, chồng đi ra ngoài sợ người coi thường, gặp chồng thì yêu thương, tâm không nhàm chán. Thương chồng như con. Đó là vợ như mẹ.

Thế nào là vợ như em gái? Vợ như em gái là phục vụ chồng hết sức cung kính thành thật, cũng như anh em đồng huyết thống, tuy khác thân hình, nhưng là cốt nhục chí thân, không có tình riêng, phụng sự tôn kính như em gái đối với anh trai. Đó là vợ như em gái.

Thế nào là vợ như Thiện tri thức? Hầu hạ chồng, hết lòng yêu thương chồng, gắn bó khắn khít không rời nhau, việc riêng tư thường nói cho nhau nghe, thấy làm sai thường nhẹ nhàng khuyên bảo để sửa đổi hành động. Dạy nhau về việc thiện khiến cho sự hiểu biết càng thêm sáng suốt. Thương yêu nhau tạo điều kiện cho chồng đem khả năng giúp đỡ mọi người, như hàng Thiện tri thức. Đó là vợ như Thiện tri thức.

Thế nào là vợ đúng như vợ? Cúng dường bậc Tôn trưởng luôn chí thành chí kính, phục vụ chồng khiêm tốn, tuân lời thuận hòa. Ngủ trễ dậy sớm, cung kính nghe lời, miệng không nói sai, thân không làm bậy. Có việc hay thì nhượng cho chồng, việc lỗi nhận về mình, dạy bảo điều nhân từ, bố thí, siêng năng làm theo lẽ phải. Tâm tính chánh chuyên không theo nẻo tà. Giữ gìn tiết hạnh trong sạch không hề thiếu sót. Tới không phạm nghi, lui không thất lễ, lấy hòa làm quý. Đó là vợ đúng như vợ.

Thế nào là vợ như nô tỳ? Thường giữ lòng sợ sệt, cẩn thận không dám khinh mạn. Tích cực làm việc không tránh né, không ngại khó khăn. Tâm thường cung kính, hết sức thuận hiếu, nói lời dịu dàng, tánh nết hòa ái. Miệng không nói lời thô lỗ gian dối. Thân không hành động phóng dật, trinh tiết thuần nhất, chân thật ngay thẳng đáng tin cậy. Thường tự nghiêm chỉnh, lễ phép đối với chồng, được yêu quý không được kiêu mạn. Giả sử không được yêu mến thì cũng không chút oán hận, bị đánh không giận dữ lại, bị nhục chỉ im lặng không được hận thù, cam lòng vui nhận, không có hai lòng. Giữ gìn săn sóc vẻ đẹp của mình, không đố kỵ thanh sắc, gặp phải trắc trở thua kém, không đòi hỏi được suông sẻ, càng nên trau dồi tiết hạnh làm vợ, không kén chọn ăn mặc, chuyên cần cung kính chỉ sợ không làm tròn. Cung kính phục vụ chồng như nô tỳ phục vụ chủ. Đấy là vợ như nô tỳ.

Thế nào là vợ như oán gia? Thấy chồng liền không vui, thường ôm lòng sân hận. ngày đêm chỉ nghĩ đến việc mau thoát ly, không có tâm như vợ với chồng, thường xem như khách ở tạm, gầm gừ tranh cãi không kiêng nể gì cả, đầu tóc lộn xộn, thích nằm, không chịu làm việc, không nghĩ đến

sự phát triển của gia đình, dưỡng dục con nhỏ. Hoặc làm việc dâm đãng, không biết xấu hổ, nhiều khi bất chấp luân thường, làm nhục gia tộc, cũng như oán gia. Đây là vợ như oán gia.

Thế nào là vợ như kẻ đoạt mạng? Vợ ngày đêm tâm ý chỉ hướng về chồng bằng sự hận thù, tìm dùng phương tiện gì để được lìa xa chồng, muốn dùng thuốc độc như sợ người biết được, hoặc tìm đến bà con gần xa để gửi; làm việc sân hận, thường tìm cách hại chồng, hoặc dùng vật quý giá thuê người giết chồng, hoặc khiến người ngoài theo dõi chồng để thủ tiêu. Oán thù muốn làm hại mạng chồng nên gọi là vợ như kẻ đoạt mạng.

Đây là bảy hạng vợ.

Ngọc-da im lặng. Đức Phật bảo tiếp:

–Năm hạng vợ thiện thường được tiếng khen, lời nói hành động có phép tắc, mọi người đều yêu mến kính trọng, tông thân chín họ đều được vinh hiển, Trời, Rồng, Quỷ thần luôn đến ủng hộ làm cho không bị nhiễu loạn. Sau khi mãn phần được sinh lên cõi trời, cung điện bảy báu được hưởng thụ tự nhiên, có kẻ hầu người hạ, tuổi thọ lâu dài, muốn gì được nấy, an lạc sung sướng không kể xiết. Sống hết tuổi trời, sinh xuống thế gian, được làm con cháu nhà vương hầu phú quý, xinh đẹp thông minh, người người tôn trọng.

Người vợ xấu ác thường bị tiếng xấu. Ngay thân hiện tại không được an ổn, thường bị ác quỷ, các sự độc hại làm bệnh, ngủ thức không yên, ác mộng kinh sợ. Ước nguyện không thành, gặp nhiều tai họa. Sau khi qua đời chắc chắn thần hồn chịu hình phạt, sẽ bị đọa vào các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, lăn lộn trong ba đường, nhiều kiếp không chấm dứt.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Bảy hạng vợ này con muốn làm theo hạng nào?

Ngọc-da khóc lóc, ra trước bạch Phật:

–Tâm con ngu si, hành động vô trí, từ nay về sau, nguyện sửa đổi tánh tình. Con sẽ như người vợ nô tỳ hết lòng phục vụ chồng và cha mẹ chồng, trọn đời con không dám kiêu mạn.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Lành thay! Lành thay! Người nào lại không có lỗi, người có thể sửa đổi lỗi lầm thì không có điều thiện nào lớn hơn.

Ngọc-da ở ngay trước Phật cầu thọ mười giới làm Ưu-bà-di.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

– Giữ giới thứ nhất không được sát sinh.

Giữ giới thứ hai không được trộm cắp tài vật người khác.

Giới thứ ba không được tà dâm với đàn ông khác.

Giới thứ tư không được nói dối.

Giới thứ năm không được uống rượu.

Giới thứ sáu không được chửi rủa, mắng nhiếc thô lỗ.

Giới thứ bảy không được nói lời thêu dệt.

Giới thứ tám không được ganh ghét.

Giới thứ chín không được giận dữ.

Giới thứ mười phải tin làm thiện được phước, làm ác bị tội, tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng.

Đây là mười giới pháp của hàng Ưu-bà-di, trọn đời phụng hành không được vi phạm.

Đức Phật nói kinh này xong, các đệ tử đều làm lễ. Cả gia đình vợ chồng Cấp Cô Độc và Ngọc-da đều thành tâm dâng nước rửa và cúng dường Đức Phật thức ăn trăm vị ngon.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Nên chí thành bố thí, thường được phước đức, đời sau được sinh vào nhà trưởng giả.

Ngọc-da thưa:

–Xin vâng.

Sau khi thọ trai, Đức Phật chú nguyện chúc phước: Năm mươi thiện thần ủng hộ thân người.

Đức Phật bảo Ngọc-da:

–Hãy siêng năng tụng niệm kinh giới.

Ngọc-da thưa:

–Con nhờ ân Phật nên được nghe Kinh Pháp.

Tất cả mọi người đều tiến đến trước Đức Phật, làm lễ rồi từ giã.

❑

SỐ 144

PHẬT NÓI KINH ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT-NÊ-HOÀN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Bạch Pháp Tổ, người đất Hà Nội.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại giảng đường Câu-la-hạt, bên bờ hồ Di-hầu, thuộc nước Đọa-xá-lợi.

Bấy giờ, Đại Ái Đạo Câu-đàm-di du hóa ở nước Đọa-xá-lợi, cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni đều là bậc A-la-hán đầy đủ các thần túc, là: Truân-na Tu-ma-ha, Ly-duy-sấm-di, Ưu-ba-la-hoàn, Tỳ-da Câu-đàm-di. Đó là những vị Tỳ-kheo-ni thuộc hàng niên trưởng, đệ tử lớn của Đức Phật, đang du hóa tại tinh xá Tỳ-kheo-ni của Quốc vương nước Đọa-xá-lợi.

Lúc ấy Đại Ái Đạo Câu-đàm-di tự nghĩ: "Ta không đành lòng thấy Đức Phật và các vị Hiền giả A-nan, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên Bát-nê-hoàn. Ta nên xả thọ mạng mình, thực hiện việc nhập Nê-hoàn trước".

Đức Phật liền biết rõ sự việc ấy, nên bảo A-nan:

–Hiện nay, Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đã tự nghĩ: "Ta không đành lòng thấy Đức Phật và các vị Hiền giả như A-nan, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên Bát-nê-hoàn. Ta nên xả thọ mạng mình, thực hiện việc nhập diệt trước. Năm trăm Tỳ-kheo-ni ấy tâm tự nhận thức, biết rõ nên quyết xả bỏ tất cả khổ: "Ta không đành lòng thấy Đức Phật và các vị Hiền giả như A-nan, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nhập diệt. Chúng ta nên xả bỏ thọ mạng, thực hành việc nhập diệt trước".

Nghe Đức Phật nói như vậy, Hiền giả A-nan bạch với Phật:

–Kính thưa Đức Thế Tôn, như thế là con không tự chủ đối với bản thân mình, không còn phân biệt rõ các phương hướng, cũng không phân biệt nổi các pháp đã nghe. Tại sao? Vì con vừa được nghe Đại Ái Đạo Câu-đàm-di sắp nhập diệt.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Này Hiền giả A-nan, như thế là ông có suy nghĩ cho rằng Đại Ái

Đạo Câu-đàm-di nhập diệt đã mang theo các pháp tinh tấn, pháp thiền định, pháp từ bi, pháp giải thoát, pháp độ tri kiến chăng? Những pháp Ta tự nhận thức, tự chứng đắc, tự giác ngộ như Bốn ý chỉ, Bốn ý đoạn, Bốn thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám tuệ đạo hành, ông sợ Đại Ái Đạo Câu-đàm-di nhập Bát-nê-hoàn sẽ mang những pháp ấy đi phải không?

Hiền giả A-nan thưa:

–Đại Ái Đạo Câu-đàm-di nhập diệt không thể nào mang theo các pháp thanh tịnh, pháp thiền định, các pháp trí tuệ, các pháp giải thoát, các pháp giải thoát về tri kiến, quyết không thể nào mang theo các pháp giác ngộ, pháp giác tri do trí tuệ của Phật tự chứng như Bốn ý chỉ, Bốn ý đoạn, Bốn thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý, Tám tuệ đạo hành, nói chung là Đại Ái Đạo cũng không thể mang theo những pháp này mà nhập diệt.

Tôn giả A-nan thưa:

–Con tự nghĩ Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đối với Phật có ân sâu rộng. Khi Phật mẫu qua đời, Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đã nuôi dưỡng Đức Phật lớn lên.

Đức Phật nói:

–Này A-nan, đúng là Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đối với Ta có ân lớn. Khi mẹ Ta qua đời, bà đã nuôi dưỡng chăm sóc Ta lớn lên. Này A-nan, Ta đối với Đại Ái Đạo Câu-đàm-di cũng có ân vô lượng. Vì sao? Là vì Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đã từ nhân duyên nơi Ta mà tự quy y Phật, Pháp, và Tỳ-kheo Tăng, tự quy y các Thánh đế Khổ, Tập, Đạo, Diệt; không hề nghi ngờ về Phật, về Pháp, về Tỳ-kheo Tăng; không hề nghi ngờ về các pháp Tập, Diệt, Đạo, nói chung là đều thấu đạt hoàn toàn. Này A-nan, nếu có người nào có thể hướng dẫn cho kẻ khác tự quy y Phật, Pháp và Tăng, tự quy y với các Thánh đế Tập, Diệt, Đạo, thì người được hướng dẫn ấy với trọn cả đời mình. Chỉ riêng về việc được nhận sự hướng dẫn kể trên, thì nếu cúng dường y phục, thức ăn, ngọa cụ, y dược, không làm trái lời dạy, trọn đời như vậy cũng không thể nào báo đáp hết ơn của thầy.

Đức Phật dạy:

–Vì thế nên A-nan, Ta đối với Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đã có ân rộng lớn vô lượng.

Bấy giờ Đại Ái Đạo Câu-đàm-di cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni đều rời khỏi nước Đọa-xá-lợi đi đến vùng Đại thọ, vào gặp Đức Phật, tất cả cùng cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, rồi đứng qua một bên.

Đại Ái Đạo Câu-đàm-di chắp tay bạch Phật:

–Con không thể đành lòng nhìn thấy Đức Phật và các vị Hiền giả Tỳ-kheo như A-nan, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nhập diệt. Con muốn xả thọ mạng mình để nhập diệt trước, xin thưa rõ như vậy.

Đức Phật im lặng nhận lời bạch của bà. Đại Ái Đạo Câu-đàm-di lấy tay xoa chân Đức Phật, nói:

–Hôm nay là lần cuối cùng con được thấy Bậc Y Cứ của thế gian, lần cuối cùng được thấy Bậc Sáng Suốt của thế gian, lần cuối cùng được thấy Bậc Vô Thượng của thế gian. Từ nay về sau, con không còn được thấy Đấng Tối Tôn trong ba cõi nữa.

Sau đó Câu-đàm-di đảnh lễ Phật, ngồi qua một bên. Năm trăm vị Tỳ-kheo-ni cũng chắp tay bạch Phật:

–Chúng con không đành lòng nhìn thấy Đức Phật và các vị Hiền giả Tỳ-kheo như A-nan, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nhập diệt. Chúng con muốn xả mọi thọ hành để nhập diệt trước.

Năm trăm vị Tỳ-kheo-ni bạch như vậy, Đức Phật im lặng nhận lời. Tất cả cùng đem đầu mặt lạy sát chân Đức Phật, thưa:

–Lần cuối cùng, chúng con được thấy Bậc làm chốn nương dựa của thế gian, lần cuối cùng được thấy Bậc Quang Minh của thế gian, lần cuối cùng được thấy Bậc Vô Thượng của thế gian. Từ nay về sau, chúng con không còn được thấy Đấng Tối Tôn trong ba cõi nữa.

Sau khi bạch Phật, năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đều trở về chỗ ngồi. Đức Phật vì Đại Ái Đạo Câu-đàm-di và năm trăm Tỳ-kheo-ni mà thuyết giảng các phẩm giáo pháp. Họ nghe Đức Phật giảng pháp xong, thảy đều hoan hỷ rời chỗ ngồi, lễ Phật, đi nhiễu quanh Ngài ba vòng, đầu mặt lạy sát chân Đức Phật rồi trở lại nước Đọa-xá-lợi, vào vườn tinh xá Tỳ-kheo-ni của nhà vua, sắp đặt đủ năm trăm tòa ngồi ở một nơi.

Đại Ái Đạo Câu-đàm-di và năm trăm Tỳ-kheo-ni đều ngồi vào tòa. Bấy giờ Đại Ái Đạo Câu-đàm-di bèn tự hiện thần túc, ngay chỗ ngồi liền ẩn mất, bay đến phương Đông hiện ra trên hư không cao từ một cây đến bảy cây lớn hiện đủ bốn thần túc, đi kinh hành nơi hư không, rồi đứng lại, ngồi xuống, nằm yên. Sau đấy thì nơi thân phát ra lửa năm màu, trên thân phát ra lửa năm màu thì dưới thân phun ra nước; dưới thân phát ra lửa năm màu, thì trên thân phun ra nước. Thế rồi bà ẩn mất ở phương Đông và hiện ra ở phương Tây, ẩn mất ở phương Nam và hiện ra ở phương Bắc, lại từ độ cao bảy cây lớn hạ xuống đất. Biến hóa như trên xong, liền thu thần túc và nhập Nê-hoàn.

Lúc ấy Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Sáng sớm ngày mai, ông vào nước Duy-xá-lị, đến nhà Da-đà Ca-la-việt, nói với ông ấy: "Phật mẫu và năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đã nhập diệt. Đức Phật khuyến khích Ca-la-việt nên làm năm trăm cái kiệu, năm trăm bình dầu mè, năm trăm phần hương, năm trăm phần củi và nhiều loại hoa hương, kỹ nhạc, mang đến tinh xá Tỳ-kheo-ni, nơi vườn nhà vua. Tại sao? Là vì Phật mẫu và năm trăm vị Tỳ-kheo-ni nhập diệt đều là bậc A-la-hán, có đại thần túc, công đức đã viên mãn, nên an táng họ một cách trang trọng.

Đức Phật bảo tiếp:

–Bảo với Ca-la-việt là Đức Phật khuyến khích như vậy.

Hiền giả A-nan nghe Phật dạy, vâng lời đứng dậy, đầu mặt lạy sát chân Phật. Sáng sớm, A-nan vào thành Duy-xá-lị, đến nhà Da-đà Ca-la-việt, bảo người giữ cổng vào thưa với chủ là có mình đang ở ngoài. Người giữ cổng nghe lời, vào nhà thưa lại với chủ.

Khi ấy Da-đà Ca-la-việt đang ở trên lầu cao cùng với kỹ nữ ca hát vui thích, nghe người giữ cổng trình bày như vậy, liền rất sợ hãi, toàn thân nổi gai ốc, liền xuống lầu ra ngoài tiếp kiến Hiền giả A-nan. Ông ta đem đầu mặt lạy sát đất làm lễ Hiền giả A-nan và thưa:

–Đây không phải là việc thường, cũng không phải việc nhỏ. Tại sao? Là vì Hiền giả sao lại đi một mình vào nước sớm như thế này?

Da-đà Ca-la-việt lại nói:

–Ý Hiền giả thế nào?

A-nan đáp:

–Đức Phật sai tôi đến đây muốn khuyến khích Ca-la-việt làm năm trăm cái kiệu, năm trăm bình dầu mè, năm trăm phần hương, năm trăm phần củi và nhiều loại hoa hương, cùng nhiều loại kỹ nhạc, tất cả mang đến tinh xá Tỳ-kheo-ni, nơi vườn nhà vua. Vì sao? Là vì Phật mẫu và năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đã nhập diệt đều là bậc A-la-hán, có đại thần túc, công đức đã viên mãn, phải nên an táng tốt đẹp. Đức Phật khuyến khích Ca-la-việt như vậy.

Ca-la-việt nghe Hiền giả A-nan bảo như thế, tâm ý rối loạn, ngã lăn ra đất, nói:

–Này Hiền giả A-nan, chúng con có những lỗi lầm gì đối với các vị Tỳ-kheo-ni! Tỳ-kheo-ni có ghét bỏ gì chúng con mà nhập diệt, lại không bảo cho chúng con biết?

Này Hiền giả A-nan, từ nay về sau các dãy phòng ốc sẽ trống trải, các

tòa ngồi cũng vắng vẻ, những nơi kinh hành các ngả tư đầu đường, các chốn ngõ hẻm cũng hoàn toàn vắng bóng. Cả nước Duy-xá-lị như thể là trống không.

Này Hiền giả A-nan, từ nay về sau không còn thấy các vị Tỳ-kheo-ni đi khất thực vào nước Duy-xá-lị nữa, còn đau đớn nào bằng!

Hiền giả A-nan nói với Ca-la-việt:

–Trước đây chính Đức Phật đã dạy: "Tất cả mọi thứ ân ái đều phải ly biệt, tan lìa, những nơi chốn ở lại hay ra đi mỗi mỗi đều khác nhau, mọi sự sinh, đi đến, tư duy đều có lối diễn tiến riêng, đều có nhân duyên riêng, tụ hội rồi sẽ tiêu tán, gặp gỡ rồi sẽ xa lìa, muốn khỏi phải biệt ly thì không thể nào được. Người có trí tuệ chỉ dốc hộ trì giáo pháp và cố gắng thực hành".

Khi ấy Hiền giả A-nan vì Ca-la-việt nên dẫn ra bao nhiêu là kinh, chủ yếu là nhằm giải tỏa tâm ý của Ca-la-việt, dứt trừ nỗi buồn lo, và khuyên bảo làm cho tâm ý của Ca-la-việt được cởi mở, được hoan hỷ, khích lệ.

Sau đó Hiền giả A-nan đến nước Duy-xá-lị. Phi-la-môn Ca-la-việt vì có nhân duyên nên tụ họp tại giảng đường. Hiền giả A-nan đến nơi, ngồi vào chỗ ngồi, bảo với các Phi-la-môn Ca-la-việt nước Duy-xá-lị:

–Quý vị nên làm năm trăm cái kiệu, năm trăm bình dầu mè, năm trăm phần hương, năm trăm phần củi cùng nhiều loại hương hoa tốt đẹp, cùng nhiều loại kỹ nhạc, mang đến tinh xá Tỳ-kheo-ni ở vườn nhà vua. Tại sao? Là vì Phật mẫu cùng năm trăm vị Tỳ-kheo-ni nhập diệt, họ đều là bậc A-la-hán, có đủ đại thần túc, công đức đã mãn, nên an táng một cách tốt đẹp. Đức Phật khuyên chúng Phi-la-môn Ca-la-việt như vậy.

Phi-la-môn Ca-la-việt nước Duy-xá-lị nghe bảo thế liền ngã lăn ra đất, nói với Hiền giả A-nan:

–Chúng con có lỗi gì đối với các vị Tỳ-kheo-ni. Các vị Tỳ-kheo-ni ấy có gì ghét bỏ chúng con chăng. Chúng con đã tạo ra những gì làm mất lòng các vị Tỳ-kheo-ni ấy nên chư vị nhập diệt mà không nói với chúng con?

Này Hiền giả A-nan, từ nay về sau các dãy phòng đều trống rỗng, các chỗ ngồi đều vắng vẻ, các ngả tư đầu đường, ngõ hẻm đều sẽ im lìm. Nước Duy-xá-lị như thể trống không. Từ nay về sau không thể nào thấy lại các vị Tỳ-kheo-ni đi vào nước Duy-xá-lị khất thực nữa.

Bấy giờ Hiền giả A-nan bảo với Phi-la-môn Ca-la-việt nước Duy-xá-lị:

–Trước đây chính Đức Phật đã giảng dạy: "Tất cả mọi sự ân ái đều phải ly biệt, tan lìa, mỗi cái tự ở chỗ khác nhau, tự đi đường riêng, sự

sinh, sự đến, tư duy đều tự đi theo đường của chúng, đều tự có nhân duyên; hội họp tất phải xa lìa, muốn cho không biệt ly thì không thể nào được. Người có trí tuệ nên dốc hộ trì giáo pháp để gắng sức thực hành".

Rồi Hiền giả A-nan, vì Phi-la-môn Ca-la-việt ở nước Duy-xá-lị nên dẫn ra nhiều kinh điển, chủ yếu để giải tỏa tâm ý của Phi-la-môn Ca-la-việt, làm cho những vị ấy được hoan hỷ, khích lệ. Sau khi Phi-la-môn đã thông hiểu, hoan hỷ, và được khích lệ, Hiền giả A-nan liền rời chỗ ngồi trở về gặp Đức Phật.

Khi ấy Da-đà Ca-la-việt cùng năm trăm Phi-la-môn Ca-la-việt mang năm trăm cái kiệu, năm trăm bình dầu mè, năm trăm phần củi, năm trăm phần hương, và nhiều loại hương thơm, hoa đẹp, nhạc hay đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni ở vườn vua.

Họ tới nơi thì cửa vườn vua nơi tinh xá Tỳ-kheo-ni đã đóng. Da-đà Ca-la-việt liền gọi một người đến, bảo dùng cách leo lên vai rồi trèo tường vào vườn để mở cổng. Người này nghe lời Ca-la-việt, trèo lên vai người khác, leo được lên tường, vào vườn mở cổng, thế là Da-đà Ca-la-việt cùng năm trăm Phi-la-môn đều vào vườn vua nơi tinh xá Tỳ-kheo-ni.

Trong lúc ấy, ở nơi chỗ năm trăm vị Tỳ-kheo-ni nhập diệt có sáu Sa-di-ni. Sáu vị này nói với Da-đà Ca-la-việt:

–Này Hiền giả Ca-la-việt, không được làm phiền nhiễu năm trăm vị Tỳ-kheo-ni này. Tại sao? Là vì các vị ấy đã đạt được sự an tọa nơi các pháp định ý.

Ca-la-việt nói với sáu Sa-di-ni:

–Năm trăm Tỳ-kheo-ni này không phải an tọa nơi các pháp định ý mà đã xả bỏ sự sống của thân mạng, nhập diệt độ.

Sáu vị Sa-di-ni nghe bảo thế thì tâm ý rối loạn, ngã lăn ra nơi đất, nói:

–Ai sẽ dạy bảo chúng tôi nữa đây! Ai sẽ là người khuyên can chúng tôi! Chúng tôi sẽ mang y bát theo sau những ai nữa đây!

Ca-la-việt nói với sáu vị Sa-di-ni:

–Trước đây Đức Phật đã dạy: "Tất cả mọi nẻo yêu thương đều phải biệt ly". Các vị Sa-di-ni đừng ưu sầu nữa, chỉ nên siêng năng tinh tấn để tu tập.

Bấy giờ khi công việc trà-tỳ đã thực hiện xong, Ca-la-việt lấy xá-lợi của Đại Ái Đạo Câu-đàm-di, dùng nhiều loại hương hoa kỹ nhạc cúng dường rồi cung kính đặt xá-lợi ấy trên chiếc giường bằng vàng. Đối với xá-

lợi của năm trăm vị Tỳ-kheo-ni kia cũng như vậy. Sau đó, Da-đà Ca-la-việt cùng năm trăm Phi-la-môn Ca-la-việt thỉnh xá-lợi của Đại Ái Đạo Câu-đàm-di và của năm trăm Tỳ-kheo-ni kia đem đến chỗ Đức Phật.

Lúc ấy Đức Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Ông đến ngay nơi hướng Đông, gối bên phải quỳ sát xuống đất, chắp tay nói như thế này: "Tại phương Đông có những vị nào đủ lòng tin chân chánh, hành trì chân chánh, ba minh, sáu thông, có đủ thần túc lớn lao, công đức đã mãn đều nên đến nơi chỗ này. Vì sao? Là vì Phật mẫu đã nhập diệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni cũng đã nhập diệt đều là bậc A-la-hán với đại thần túc, công đức viên mãn, nên phải cùng nhau tổ chức an táng trọng thể". Tại các phương Nam, Tây, Bắc cũng đều nên bày như thế!

Hiền giả Xá-lợi-phất vâng lời, liền đến các phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc thỉnh các vị A-la-hán. Tức thì tại phương Đông có hai trăm năm mươi vị A-la-hán đi tới nơi. Các phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng vậy, cả thảy một ngàn vị A-la-hán đều tụ họp trước Đức Phật. Đức Phật cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo đi đến chỗ xá-lợi của Đại Ái Đạo Câu-đàm-di. Tới nơi, Đức Phật cùng đại chúng an tọa. Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Ông hãy đứng dậy lấy xá-lợi của Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đặt vào trong bát, đem đến để trên tay ta.

A-nan thưa:

–Xin vâng!

Hiền giả rời chỗ ngồi, đến lấy xá-lợi của Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đặt vào trong bát, đem tới trao cho Đức Phật. Đức Phật đưa hai tay nhận lấy xá-lợi của Đại Ái Đạo Câu-đàm-di. Sau khi nhận xá-lợi, Ngài bảo chúng Tỳ-kheo:

–Đây là xá-lợi của người nữ được gom lại, thân người nữ là thân thể gồm nhiều xấu xa với bao thứ hẹp hòi, gian trá, hung dữ, nhẹ dạ, thay đổi, ganh ghét. Đại Ái Đạo Câu-đàm-di đã hoàn toàn xả bỏ thân tập hợp của người nữ như thế, hơn nữa Đại Ái đạo đã chứng đắc đạo quả như sự chứng đắc của người đàn ông tu tập tinh tấn.

Đức Phật dạy Da-đà Ca-la-việt cùng chúng Tỳ-kheo hợp nhau xây tháp cho Đại Ái Đạo Câu-đàm-di và năm trăm vị Tỳ-kheo-ni. Sau khi xây tháp xong, dân chúng nước Duy-xá-lị và các chúng trời, người đều đến cúng dường lễ bái tháp của Đại Ái Đạo Câu-đàm-di và năm trăm vị Tỳ-kheo-ni.

Đức Phật giảng dạy như vậy, các Tỳ-kheo đều vui mừng, ra trước

Ngài làm lễ rồi cáo lui.

❑

SỐ 145

KINH PHẬT MẪU BÁT-NÊ-HOÀN

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Sa-môn Huệ Giản.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại giảng đường Câu-la-hạt, bên bờ hồ Di-hầu, thuộc nước Duy-da-ly.

Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo là di mẫu của Phật, đang ở nước Duy-da-ly cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni đều là bậc Ứng chân (A-la-hán), đầy đủ sáu Thông, bốn Thần túc biến hóa, với tuổi tác lớn, đức hạnh tôn quý, uy thần cao cả. Tinh xá của họ ở trong khu vườn nhà vua. Họ hóa độ vô số người, rồi nhập vào pháp định Phổ trí, thấy Đức Phật cùng các Tôn giả A-nan, Xá-lợi Tử, Mục-kiền-liên, sự hóa độ đã xong, sắp đến ngày diệt độ. Họ tự nghĩ: "Ta không đành lòng thấy Đức Thế Tôn Như Lai, Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo, Tối Chánh Giác cùng các vị Ứng chân nhập Nê-hoàn. Ta nên chấm dứt mạng sống đi vào cõi vắng lặng, tịnh diệt".

Đức Phật với Nhất thiết trí nên đã biết rõ việc này, bảo Tôn giả A-nan:

–Hiện nay, Đại Ái Đạo tự nghĩ: "Ta không đành lòng thấy Đức Thế Tôn cùng các vị Ứng chân nhập Nê-hoàn nên muốn diệt độ trước".

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, liền đảnh lễ thưa:

–Con nghe Thế Tôn dạy, tứ chi rụng rời, tâm ý như mờ mịt, trí óc hỗn loạn, không còn phân biệt nhận rõ các nẻo.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ông cho rằng Đại Ái Đạo sẽ đem theo các phép tu tập về giới, về định, về tuệ, về giải thoát, về giải thoát tri kiến, về bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Phẩm đạo hành đi theo phải không?

Đáp:

–Kính thưa Thế Tôn, không phải như vậy, nhưng chỉ vì khi Đức Phật sinh được bảy ngày thì Thái hậu qua đời, Di mẫu đã có ân rất lớn đối với Đức Phật.

Đức Phật khen:

–Thật đúng như lời ông nói. Di mẫu đối với Ta thật có ân huệ nuôi dưỡng sâu nặng. Nhưng Ta đối với Di mẫu cũng có ân khó lường tính được. Nhờ nơi ta, Di mẫu đã sáng suốt quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng; tự quy về với pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo; tăm tối diệt thì trí tuệ sinh; không nghi ngờ đối với Tam bảo, đối với các Thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đạt được đạo nhãn sáng suốt tận cùng, giải trừ các thứ kết sử, diệt sạch mọi tham đắm vướng mắc. Nếu người làm cho kẻ tối tăm nhận rõ được sự mê lầm, đi vào cửa chân chính, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tự quy y nơi đạo diệt khổ, thì người đệ tử được học đạo ấy dù đem hết các vật quý giá trong thiên hạ, đến cả trọn đời cúng dường cho các thầy, vạn phần vẫn chưa được một đối với ân lớn kia. Ân hướng dẫn quy y Tam bảo còn hơn cả núi Tu-di, sự báo đáp của đệ tử chỉ như hạt cải. Thế nên, này A-nan, Ta có ân nặng đối với Đại Ái Đạo, ân ấy thật là vô lượng.

Bấy giờ Đại Ái Đạo cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ Đức Thế Tôn, lạy dưới chân Phật, rồi chắp tay đứng qua một bên. Đại Ái Đạo bạch Phật:

–Con không đành lòng nhìn Đức Phật cùng các vị Ứng chân diệt độ, nên con muốn nhập diệt trước.

Đức Phật im lặng đồng ý. Đại Ái Đạo lấy tay vuốt chân Đức Phật, nói:

–Con không còn thấy Đức Như Lai, là Bậc Ứng Nghi, Chánh Chân Đạo, Tối Chánh Giác, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Tam Giới Minh. Từ nay về sau không còn thấy lại nữa.

Năm trăm vị Tỳ-kheo-ni cũng đều thưa bày như vậy. Đức Phật cũng đồng ý. Ngài dạy cho họ về sự khổ não của thân sinh tử, về các mối lo buồn, sầu não vì bất như ý. Tán thán về sự vô dục, thanh tịnh, về các pháp Không, Vô nguyện, Vô tướng, về sự an lạc rốt ráo của Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo-ni đều hoan hỷ lĩnh hội, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, đảnh lễ rồi từ giã.

Họ trở về tinh xá, sắp đặt đầy đủ năm trăm tòa ngồi và an tọa nơi các tòa ngồi đó. Đại Ái Đạo bèn hiện uy đức của thần túc, đang ngồi liền biến mất và xuất hiện ở phương Đông, biến hóa trên hư không, cách đất cao từ một cây đến bảy cây, kinh hành trên ấy, rồi ngồi, rồi nằm, trên thân phun nước, dưới thân phát lửa; dưới thân phun nước, trên thân phát lửa; phóng ánh sáng lớn chiếu tới các nơi tối tăm, từ nhân gian đến chư Thiên. Năm trăm Tỳ-kheo-ni cũng biến hiện như vậy và đồng thời nhập diệt.

Lúc ấy Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Sáng sớm mai ông vào thành, đến nhà Da-du-lý bảo với họ: "Phật mẫu cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni niên trưởng đều đã diệt độ. Đức Phật khuyên Lý gia làm năm trăm cái kiệu, sắm sửa dầu mè, hương hoa, các thứ gỗ chiên-đàn để dùng vào việc an táng, mỗi thứ đều năm trăm phần, lại dùng các loại kỹ nhạc chân chính để cúng dường. Tại sao? Là vì các vị Tỳ-kheo-ni này đều đã chứng đắc sáu thông, bốn đạt, đạt các pháp định thanh tịnh về Không, Vô nguyện, Vô tướng. Nay họ đã nhập diệt, được chư Phật khen ngợi, nên sự cúng dường một lần như vậy thì phước đức ấy là vô số".

Tôn giả A-nan cung kính đảnh lễ vâng lời dạy. Sáng sớm, Tôn giả vào thành, đến cổng nhà Du-lý, bảo người giữ cổng:

–Ngươi hãy vào nhà báo với chủ là có ta đến.

Người giữ cổng vào nhà trình bày như vậy.

Khi ấy Lý gia ở trên lầu cao, đang cùng vui vẻ cùng với những người chơi nhạc, nghe có Tôn giả A-nan đến, tâm sợ hãi, toàn thân nổi gai ốc, vội vàng xuống lầu, chạy ra, cung kính lạy dưới chân Tôn giả A-nan, thưa:

–Hôm nay Hiền giả A-nan đến đây quá sớm, việc này là không bình thường, vì sao vậy?

A-nan đem đầy đủ lời Phật dạy nói cho Lý gia nghe. Lý gia nghe thế thì ngã lăn ra đất, cố ngăn sự đau buồn, nói:

–Phải chăng chúng tôi chẳng xứng đáng là đệ tử của Phật, có những hành động không ra gì nên bị chư vị Tỳ-kheo-ni từ bỏ, đi vào cảnh giới vô vi mà không để lại lời dạy bảo?

Ông ta sụt sùi nói tiếp:

–Này Hiền giả A-nan, từ nay tinh xá ở Duy-da-lê thảy đều vắng vẻ, đường vua, các ngả tư không thấy bóng dáng của các Tỳ-kheo-ni chứng đắc thần thông ấy nữa. Các vị uy đức ấy luôn đi lại nơi các quốc lộ, nay thì tất cả đều vắng vẻ, còn đau đớn nào bằng!

A-nan đáp:

–Đức Phật đã dạy: "Trời đất tuy dài lâu, nhưng đã khởi đầu thì phải có chấm dứt, thịnh rồi phải suy, ân ái ắt phải ly biệt. Không thấy vậy mà muốn còn mãi, cứ làm theo hành động của mình thì phải chịu quả báo đau khổ. Ba cõi là vô thường, tất cả đều như là huyễn mộng. Xưa nay sự vô thường chính là mối lo của thân; tai họa ấy thật không thể lượng tính, nhưng người ngu không thấy, nào khác gì kẻ mù. Sống muốn không chết, tụ họp muốn không chia lìa, điều ấy không thể nào được. Bậc cao minh hiền thiện

xem kinh Phật hiểu rõ về bốn vô thường, như người mù được sáng mắt, nên dốc tinh tấn tu hành, có thể thoát khỏi gánh nặng khổ ách".

Tôn giả A-nan đã dẫn chứng, giải thích nhiều điều nhằm tháo mở sự ràng buộc nơi Lý gia. Tâm ý của Lý gia được mở mang nên rất hoan hỷ.

Tôn giả A-nan lại đến chỗ các Phạm chí Lý gia, gặp lúc họ đang tập hợp tại giảng đường để bàn việc. Tôn giả nói:

–Đức Phật khuyên các Hiền giả nên làm đồ an táng cho năm trăm người. Vì sao? Là vì Phật mẫu cùng năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đã diệt độ.

Phạm chí Lý gia nghe Tôn giả A-nan nói xong thảy đều ngã lăn ra đất, đấm ngực, bứt tóc, vật vã kêu gào, nói:

–Làm sao chịu được! Chúng ta đã bơ vơ còn biết nương tựa vào ai?

A-nan lại giảng giải:

–Ba cõi là huyễn hóa, đều là vô thường, thân là nơi chứa khổ, tập hợp mọi sự đau đớn, chỉ có Nê-hoàn là an lạc, nên Tam bảo là nơi cần quy hướng đến.

Lý gia tâm ý được mở mang, nên cùng lạy dưới chân Tôn giả.

A-nan trở về gặp Đức Phật thưa lại mọi sự việc mình đã làm và đã nghe thấy.

Phạm chí Lý gia chuẩn bị đầy đủ các vật dụng an táng, mang đến tinh xá. Bấy giờ, cổng tinh xá còn đóng, Lý gia cho người leo vào mở cổng, tính đi vào giảng đường. Có ba Sa-di-ni, một người đắc quả Bất hoàn (A-na-hàm), một người đắc quả Tần lai (Tư-đà-hàm), một người đắc quả Câu cảng (Tu-đà-hoàn), bảo Lý gia:

–Thầy tôi tọa thiền đang chứng đắc các pháp định tịch diệt, nên cẩn thận, đừng làm ồn.

Đáp:

–Các vị ấy đều đã nhập diệt, không phải là đang thiền định.

Ba vị Sa-di-ni nghe nói thế liền ngã lăn ra đất bất tỉnh, lúc sau mới tỉnh lại, khóc lóc nói:

–Ai sẽ dạy bảo cho chúng tôi nữa! Lời dạy của bậc Thánh đã không còn vang vọng nữa, chúng tôi thật là bơ vơ!

Lý gia trông thấy đều khóc lóc. Họ khóc xong, bảo Sa-di:

–Đức Phật đã dạy: "Yêu thương tuy tụ họp nhưng rồi cũng phải chia ly, vinh hoa thế gian khó giữ mãi, chỉ có đạo pháp mới là lâu dài, nên phải kiên chí tu tập tiến đến chứng đắc đạo quả Ứng chân, diệt khổ trong ba cõi, lìa bỏ tâm buồn đau thế tục".

Sau khi Lý gia thực hiện xong công việc trà-tỳ, phụng thỉnh xá lợi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Ông hãy đi đến hướng Đông, gối bên phải quỳ sát đất chắp tay nói: "Các vị có được sự tin tưởng và hành hóa chính đáng, đạt ba thần, sáu trí, uy đức đạo pháp đã đủ, thảy đều mời đến nơi này. Vì sao? Là vì Phật mẫu cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đều đã đi vào cõi tịch diệt, nên phải tập hợp lại". Bốn phương cũng đều như vậy.

Tất cả bốn phương, mỗi phương đều có hai trăm năm mươi vị Ứng chân, dùng thần túc bay đến, lạy dưới chân Đức Phật. Đức Phật bèn đi đến chỗ để xá lợi của Đại Ái Đạo. Một ngàn vị Tỳ-kheo cùng đi đến nơi. Phật bảo A-nan:

–Lấy xá lợi của Phật mẫu đựng vào bát, đặt trên tay Ta.

Tôn giả A-nan vâng lời, dùng bát đựng xá lợi, quỳ xuống dâng lên Phật. Đức Phật đưa hai tay nhận lấy, bảo các Tỳ-kheo:

–Nhóm xá-lợi này vốn là từ thân sắc nhơ uế, với đầy dẫy những xấu xa như ngu si, hung dữ, ganh ghét, xảo trá, làm hư hoại đạo đức, trước đây nó thuộc về loại ấy, nhưng Di mẫu đã giũ sạch mọi sự ô uế, xấu xa, ngu si của thân người nữ, đã thực hiện công việc của bậc trượng phu, chứng đắc A-la-hán, thâu thần nhập diệt, thanh tịnh hơn cả hư không, đạo hạnh cao thượng, không còn bị che phủ, thật là hết sức tốt đẹp.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo và chúng Lý gia cùng nhau hãy vì Di mẫu và các vị Ứng chân nữ ấy mà xây tháp miếu, mọi người đều vâng lời.

Bấy giờ các chúng Trời, Người, Quỷ, Rồng đều ủng hộ công việc xây miếu lập tháp, cúng dường hoa hương, âm nhạc, nhiễu quanh tháp ba vòng, âm thanh buồn bã vang động cả nước. Họ tin tưởng vào Đức Phật, Ngài giảng dạy sinh tử là khổ, ba cõi không an để họ được thông tỏ. Người đến nghe thảy đều hoan hỷ, lạy Phật từ giã.

❑

SỐ 146

KINH VUA NƯỚC XÁ-VỆ MỘNG THẤY MƯỜI VIỆC

Hán dịch: Mất tên người dịch
Phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Đức Phật ở tại khu Kỳ hoàn, vườn A-nan-bân-chỉ, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Quốc vương nước Xá-vệ là Ba-tư-nặc ban đêm nằm thấy mười điềm mộng. Mười điềm mộng ấy là gì?

Một là thấy ba cái bình chụm lại, hai bên thì đầy, bình ở giữa thì trống không. Hai bình hai bên hơi nước sôi bốc lên rơi xuống qua lại, nhưng không rớt vào bình trống ở giữa.

Hai là thấy ngựa ăn bằng miệng và bằng cả hậu môn.

Ba là thấy cây còn nhỏ mà đã trổ hoa.

Bốn là thấy cây còn nhỏ mà đã sinh ra quả.

Năm là thấy một người cắt dây, sau người ấy thì có dê chúa ăn dây.

Sáu là thấy con cáo ngồi trên giường đẹp, ăn bằng chén bát vàng.

Bảy là thấy bò lớn bú sữa con bò nghé.

Tám là thấy bốn con bò từ bốn phía kêu rống chạy lại, muôn báng nhau, chưa kịp báng nhau thì biến mất.

Chín là thấy một vũng nước lớn, ở giữa đục, bốn bên thì trong.

Mười là thấy suối nước chảy màu đỏ tươi.

Qua cơn mộng, vua tỉnh dậy rất kinh hoàng, sợ về chuyện nước mất thân vong.

Sáng hôm sau, vua triệu tập các hàng công khanh đại thần, Bà-la-môn thông hiểu biết về việc giải mộng, đến trước vua. Nhà vua kể cho họ nghe về mười giấc mộng trong đêm, hỏi ai có thể giải được các điềm mộng ấy.

Những người có thể giải được mộng, liền tâu vua:

–Thần có thể giải nó, nhưng sợ Đại vương nghe sẽ không vui.

Nhà vua nói:

–Hãy tự nhiên trình bày theo sự hiểu biết của khanh.

Bà-la-môn tâu với vua:

–Nên giết thái tử con vua để tế Thiên vương, lại giết cả phu nhân vua yêu nhất cùng nô tỳ hầu cận để tế Thiên vương, lại giết voi trắng đang có, giết ngựa đẹp đang trọng dụng để tế Thiên vương, nên đem nệm nằm và các thứ châu báu đẹp nơi thân vua đốt hết để tế Thiên vương. Như vậy thì tính mạng vua mới an toàn.

Nhà vua nghe vị Bà-la-môn giải mộng như vậy, nên rất ưu sầu, liền vào phòng riêng suy nghĩ.

Nhà vua có một phu nhân tên là Ma-lị, bà ấy đến phòng riêng của nhà vua hỏi:

–Vì sao Đại vương vào phòng riêng buồn rầu như vậy? Thiếp có lỗi gì chăng?

Nhà vua nói:

–Khanh đừng hỏi, nếu nghe thì chỉ khổ thêm mà thôi.

Phu nhân lại hỏi:

–Vì lý do gì mà sầu khổ?

Nhà vua đáp:

–Đừng hỏi nữa, nghe chỉ làm cho khanh càng đau buồn.

Phu nhân lại thưa:

–Thiếp là một nửa thân của Đại vương. Ngài có vui buồn gì, phải nên cho thiếp biết.

Nhà vua bảo với phu nhân:

–Đêm qua ta nằm mộng thấy mười việc.

1. Thấy ba cái bình chụm lại, hai bên thì đầy, bình ở giữa thì trống không. Hai bình hai bên hơi nước sôi bốc lên rơi xuống qua lại, nhưng không rớt vào bình trống ở giữa.

2. Thấy ngựa ăn bằng miệng và bằng cả hậu môn.

3. Thấy cây còn nhỏ mà đã trổ hoa.

4. Thấy cây còn nhỏ mà đã ra quả.

5. Thấy một người cắt dây, sau người ấy thì có dê chúa ăn dây.

6. Thấy con cáo ngồi trên giường đẹp, ăn bằng chén bát vàng.

7. Thấy bò lớn bú sữa con bò nghé.

8. Thấy bốn con bò từ bốn phía kêu rống chạy lại, muốn báng nhau, chưa kịp báng nhau thì biến mất.

9. Thấy một vũng nước lớn, ở giữa đục, bốn bên thì trong.

10. Thấy suối nước chảy, màu đỏ tươi.

Sau khi tỉnh giấc, ta rất kinh hoàng, với giấc mộng đó lo sợ về chuyện nước mất, thân ta và con bị chết, sợ dân chúng trong nước bị tiêu diệt. Sáng hôm sau, ta liền triệu tập các vị công khanh, đại thần, các Bà-la-môn có thể giải đoán mộng đến giải về những giấc mộng đó. Bà-la-môn giải mộng nói: "Những gì được vua yêu mến đều đem ra để tế trời". Vì vậy nên ta rất buồn rầu.

Phu nhân tâu:

–Đại vương chớ buồn rầu. Người đi mua vàng, lấy vàng mài trên đá, màu sắc đẹp xấu đều hiện rõ ra trên ấy. Nay Đức Phật đang ở khu Kỳ hoàn, vườn A-nan-bân-chỉ. Đại vương nên đến hỏi Phật ý nghĩa của các giấc mộng. Đức Phật giải thế nào thì làm theo lời chỉ dạy ấy.

Nhà vua liền ra lệnh cho người hầu cận sắp đặt xa giá. Sau khi xa giá sẵn sàng, nhà vua đi xe có lộng cao tên là Bà-la-diên. Lúc ấy có cả ngàn chiếc xe nối nhau từ hoàng cung thành Xá-vệ đến rừng Kỳ hoàn, vườn A-nan-bân-chỉ. Tới quảng đường đi bộ, vua xuống xe đi thẳng đến chỗ Phật. Gặp Đức Phật, nhà vua làm lễ dưới chân Ngài và bạch:

–Đêm hôm trước con nằm mộng thấy mười việc:

1. Thấy ba cái bình chụm lại, hai bên đầy, bình ở giữa thì trống không. Hai bình hai bên hơi nước sôi bốc lên rơi xuống qua lại, nhưng không rớt vào bình trống ở giữa.

2. Thấy ngựa ăn bằng miệng và bằng cả hậu môn.

3. Thấy cây còn nhỏ mà đã trổ hoa.

4. Thấy cây còn nhỏ mà đã ra quả.

5. Thấy một người cắt dây, sau người ấy thì có dê chúa ăn dây.

6. Thấy con cáo ngồi trên giường đẹp, ăn bằng chén bát vàng.

7. Thấy bò lớn bú sữa con bò nghé.

8. Thấy bốn con bò từ bốn phía kêu rống chạy lại, muốn báng nhau, chưa kịp báng nhau thì biến mất.

9. Thấy một vũng nước lớn, ở giữa đục, bốn bên thì trong.

10. Thấy suối nước chảy màu đỏ tươi.

Cơn mộng như vậy, con thức giấc rất kinh hoàng, sợ về chuyện mất nước, sợ về con và thái tử chết, sợ nhân dân trong nước bị tiêu diệt.

Nhà vua lại thưa:

–Xin Đức Phật vì con mà giải rõ mười điều mộng này.

Đức Phật bảo vua:

–Nhà vua chớ nên lo sợ! Mộng ấy không sao cả. Đối với bản thân vua không có gì là xấu, đối với nước, đối với thái tử, với phu nhân cũng không có gì phải lo sợ. Giấc mộng của vua là điều sẽ xảy ra vào đời sau. Người đời sau không sợ pháp luật, nhiều dâm dục tham lam, không biết đủ với một vợ, thường giận dữ, ngu si không biết hổ thẹn.

Nhà vua mộng thấy ba cái bình chụm lại, hai bên đầy, còn bình ở giữa thì trống không. Bình hai bên hơi nước sôi bốc lên rơi xuống qua lại, nhưng không rớt vào bình trống ở giữa. Đó là nói về người đời sau không chịu giúp đỡ người nghèo cùng, gần bên mình, hai bên người giàu chỉ lo biếu tặng lẫn nhau. Điều thứ nhất trong giấc mộng của vua chính là đó. Vua đừng sợ, đối với đất nước, thân vua, vợ con thảy đều không sao cả.

Nhà vua mộng thấy ngựa ăn bằng miệng và bằng cả hậu môn, đó là về đời sau các đại thần nhận lương thực từ quan, lại nhận lương thực từ dân chúng. Điều thứ hai trong giấc mộng của vua chính là đấy. Nhà vua chớ sợ, đối với đất nước, bản thân và vợ con đều không hề gì.

Nhà vua mộng thấy cây còn nhỏ mà đã trổ hoa là chỉ cho về đời sau, con người chưa đến ba mươi tuổi mà tóc đã bạc. Điều thứ ba trong giấc mộng của vua chính là như vậy. Nhà vua chớ sợ, đối với đất nước, bản thân và vợ con thảy đều an ổn.

Nhà vua mộng thấy cây còn nhỏ mà đã ra quả là chỉ cho đời sau, con gái còn nhỏ tuổi đã lấy chồng, bồng con không biết xấu hổ. Điều thứ tư trong giấc mộng của nhà vua chính là vậy. Nhà vua không nên lo sợ, đối với đất nước, bản thân và vợ con cũng đều vô sự.

Nhà vua mộng thấy một người cắt dây, sau người ấy, có một con dê chúa ăn dây, thì đó là nói về đời sau, người đi buôn bán để vợ ở nhà, vợ lén tư thông cùng đàn ông khác trong suốt thời gian chồng đi vắng. Điều thứ năm trong giấc mộng của nhà vua chính là như thế. Vua đừng lo lắng, vì đối với đất nước, bản thân và vợ con đều không hề gì.

Nhà vua mộng thấy con cáo ngồi trên chiếc giường đẹp, ăn bằng chén bát vàng, đó là chỉ đời sau người hạ tiện sẽ giàu có, ngồi chỗ trên trước ăn uống ngon lành. Điều thứ sáu trong giấc mộng của vua đúng là vậy. Vua chẳng nên lo sợ, ngay về đất nước, bản thân và vợ con nhà vua thảy không có chuyện gì cả.

Nhà vua mộng thấy con bò lớn bú sữa bò nghé, đó là nói sự việc đời sau có những người mẹ tự làm môi giới đưa con gái mình đi vào con đường hư hỏng. Người mẹ sẽ làm công việc giữ cửa, dùng tiền bán dâm của con mình để sinh sống. Điều thứ bảy trong giấc mộng của vua chính là đấy.

Nhà vua đừng nên lo sợ, mọi việc về đất nước, bản thân, vợ con của ngài đều vô sự.

Nhà vua mộng thấy bốn con bò từ bốn hướng kêu rống chạy đến muốn báng nhau, sắp gặp nhau thì biến mất, đó là nói về đời sau nhiều quan đại thần không biết kính sợ trời, dâm dật tham lam, một vợ không cho là đủ, thường giận dữ ngu si không biết hổ thẹn, không sợ dân chúng trong thiên hạ. Vị thầy chuyên về cầu mưa không chịu trông nom việc thời tiết. Đế vương, quan trưởng sử, nhân dân thảy đều lo việc cầu mưa. Vị thầy ấy thấy Đế vương, các quan trưởng sử, dân chúng làm như vậy nên mây giăng bốn phía; Đế vương, trưởng sử đều vui mừng nói: "Mây đã giăng bốn phía, ắt sẽ có mưa". Nhưng trong thời gian ngắn, mây bay tứ tán cả. Vị thầy cầu mưa cố cho thấy sự quái lạ đó là muốn làm cho vua, trưởng sử, nhân dân biết kính sợ trời đất, không còn dâm dật tham lam, chỉ sống một vợ, luôn có tâm Từ, dứt mọi sân hận. Điều thứ tám trong giấc mộng của vua, chính là như vậy. Nhà vua chớ sợ hãi, đất nước, bản thân và vợ con ngài đều bình yên.

Vua thấy ao nước lớn, ở giữa đục, bốn bên thì trong suốt, là chỉ cho đời sau, nhân dân ở giữa cõi Diêm-phù-lợi sẽ không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng các bậc Trưởng thượng, không biết sửa đổi, cầu tiến. Điều thứ chín trong giấc mộng của vua chính là việc này. Nhà vua đừng nên lo sợ, mọi việc về đất nước, bản thân và vợ con ngài đều không hề gì.

Nhà vua mộng thấy suối lớn, nước chảy màu đỏ tươi, đó chỉ là đời sau các vua chúa không vừa lòng với đất nước của mình nên đem quân đi đánh nước khác, phát động dân chúng tạo các thứ binh mã để cùng chiến đấu, như thành lập xe binh, mã binh, bộ binh. Thế là các thứ quân binh ấy chém giết lẫn nhau máu chảy đỏ tươi. Nhà vua khỏi phải lo sợ, vì đất nước, bản thân, vợ con của ngài thảy đều không sao cả. Các giấc mộng ấy toàn là những điều trong tương lai mới xảy ra.

Nhà vua quỳ gối, cung kính bạch Phật:

–Con được Phật chỉ dạy rõ tâm ý hết sức vui mừng, như người cầm chiếc bát nhỏ nhận mỡ, mỡ nhiều mà bát nhỏ nên phải tìm bát lớn, có được bát lớn rồi lại nhận nữa, nên yên tâm không lo sợ bị mất.

Nhà vua lại làm lễ Phật lần nữa, lạy sát dưới chân Ngài, rồi từ giã.

Sau khi trở về cung, vua thưởng cho chánh phu nhân và phạt cắt bổng lộc các công khanh, đại thần và không còn tin lời các Bà-la-môn nữa.

❑

SỐ 147

PHẬT NÓI KINH MƯỜI ĐIỀU MỘNG CỦA VUA NƯỚC XÁ-VỆ

Hán dịch: Mất tên người dịch
Phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ngụ ở tinh xá thuộc nước Xá-vệ.

Quốc vương nước ấy tên Ba-tư-nặc, đêm mộng thấy mười việc:

1. Thấy ba cái nồi chụm lại, nồi hai bên hơi nước phun lên xuống qua lại, nhưng không rơi vào nồi trống không ở giữa.

2. Mộng thấy ngựa ăn bằng miệng và bằng hậu môn.

3. Thấy cây lớn trỗ hoa.

4. Thấy cây nhỏ ra quả.

5. Thấy một người cắt dây, sau lưng có dê, dê chúa thì ăn dây.

6. Thấy kẻ mọi rợ ngồi trên giường bạc, sử dụng chén bát vàng để ăn uống.

7. Thấy bò mẹ lớn lại bú sữa bò nghé.

8. Thấy bầy bò từ bốn phía kêu rống chạy lại muốn báng nhau, chưa kịp báng nhau thì đều biến mất.

9. Thấy ao nước lớn ở giữa đục bốn phía thì trong.

10. Thấy nước suối màu đỏ tươi.

Nhà vua thấy mộng liền thức giấc, kinh sợ về chuyện có thể mất nước hay thân chết. Sáng mai, vua triệu tập các quan thân cận và các người dị đạo nói:

–Đêm qua ta mộng thấy mười việc, ai có thể giải được?

Có người dị đạo thưa:

–Thần có thể giải, chỉ sợ vua nghe nói không vui tai.

Vua phán:

–Hãy nói theo sự hiểu biết của khanh.

Người dị đạo thưa:

–Vua sẽ mất nước và chết.

Nhà vua kinh hoàng nói:

–Không thể trấn yếm được sao?

Người dị đạo đáp:

–Có thể yểm trừ được bằng cách giết thái tử và phu nhân đang được vua yêu quý cùng đem kho tàng đốt hết để tế trời. Nhà vua làm được như vậy thì mới an toàn.

Nhà vua nghe đạo nhân nói càng sầu lo kinh ngạc, ưu buồn không vui chút nào, bỏ vào phòng riêng suy nghĩ việc này. Vua có phu nhân tên là Ma-lợi, thấy vậy bèn vào phòng riêng hỏi vua:

–Vì sao ban ngày mà ngài vào phòng riêng, nhan sắc không vui, lại ưu sầu đến như vậy? Ai có lỗi với Đại vương?

Vua trả lời:

–Khanh đừng hỏi việc này, chỉ sợ khanh càng hỏi càng thêm kinh hãi. Khanh không nên biết tới.

Phu nhân nói:

–Thiếp là một phần thân thể của Đại vương, chuyện vui buồn nên nói với nhau.

Nhà vua mới vì phu nhân nói:

–Đêm qua ta nằm mộng thấy mười việc. Ta hỏi đạo nhân và đạo nhân đã giải mộng khiến ta rất kinh hoàng, không biết nói với ai.

Phu nhân thưa:

–Ngài chớ ưu sầu, ví như có người mua vàng, mài trên đá nên thấy được vàng tốt xấu. Nay Đức Phật ở tinh xá gần đây, có thể đến hỏi Ngài để biết được điều tốt xấu.

Sáng hôm sau, nhà vua triệu tập quần thần thân cận hai bên hơn ngàn người đi đến chỗ Phật lạy dưới chân Ngài. Nhà vua cung kính thưa:

–Đêm trước con mộng thấy mười việc. Mong Đức Phật vì con mà giảng giải rõ mọi điều hơn thiệt.

Đức Phật bảo vua:

–Đừng có ưu sầu, giấc mộng của vua là những tai họa sẽ hiện ra ở đời sau.

Đức Phật giảng rõ:

–Mộng vua thấy ba cái nồi chụm lại, nồi hai bên có hơi nước vọt lên

rơi xuống qua lại, nhưng không rớt vào nồi trống không ở giữa, đó là về sau, con người không chịu giúp đỡ bà con nghèo cùng và kẻ cô độc. Hai bên giàu có chỉ lo biếu tặng lẫn nhau. Điều thứ nhất trong giấc mộng của vua thấy chính là việc ấy.

Nhà vua mộng thấy con ngựa ăn bằng miệng và bằng cả hậu môn, ấy là nói về đời sau, các đại thần, trưởng sử, được cấp quan lộc, lại ăn của dân chúng, cong hay thẳng cũng đều ăn cả. Điều thứ hai vua thấy trong mộng chính là như vậy.

Vua thấy cây nhỏ trổ hoa là nói về đời sau con người chưa đủ ba mươi mà đầu tóc đã bạc. Điều thứ ba vua thấy trong mộng chính là việc này.

Vua thấy cây nhỏ mà đã ra quả, là chỉ cho đời sau, con gái tuổi chưa đủ mười lăm đã lấy chồng, bồng con không biết xấu hổ. Điều thứ tư vua thấy trong mộng chính là như thế.

Vua thấy một người cắt dây, sau lưng có dê, mà dê chúa thì ăn dây, đó là nói tới đời sau, đàn bà có chồng đi lính hay buôn bán, vợ ở nhà tư thông với những đàn ông khác, đưa họ về nhà mình, sử dụng tài sản của chồng để ăn chơi vui thích. Sự việc thứ năm vua thấy trong mộng chính là điều ấy.

Vua thấy kẻ mọi rợ ở trên giường bằng vàng bạc tốt đẹp, dùng chén bát bằng vàng bạc để ăn là nói về đời sau, người phú quý sẽ bần tiện, kẻ bần tiện sẽ phú quý, ngồi chỗ trên trước, ăn uống cao sang. Quân tử ăn tấm cám, tiểu nhân ăn gạo ngon. Điều thứ sáu vua thấy trong mộng chính là như thế.

Vua thấy bò lớn lại bú sữa bò nghé, đó là chuyện đời sau, có những người mẹ làm mối cho con gái, đưa đàn ông vào phòng con gái mình. Mẹ thì lo việc canh giữ cửa, nhận tiền để sinh sống. Điều thứ bảy vua thấy trong mộng chính là việc ấy.

Vua thấy bò từ bốn hướng kêu rống chạy lại muốn báng nhau, sắp chọi nhau thì bỗng nhiên biến mất, đó là về sau người ta tham đắm có nhiều vợ. Vua và thần dân, trưởng giả thảy đều thích thú cho rằng tương lai và hiện tại sẽ như thế này, không như thế này, nhưng chỉ trong chớp mắt các đám mây đều tan hết. Bấy giờ, đó là nhằm để cho mọi người thấy sự quái lạ, muốn khiến cho mọi người kinh sợ nơi sự ngăn cấm của trời đất, từ bỏ không tham dâm, giữ vợ hiền từ, bỏ thiếp ác độc. Điều thứ tám vua thấy trong mộng chính là như thế.

Vua thấy ao nước lớn ở giữa nước đục còn bốn bên thì trong sạch, đó là về đời sau người ở trong nước không kính trọng các bậc Trưởng thượng,

lại kính trọng hàng thiếu niên ở các nước chung quanh. Điều thứ chín vua thấy trong mộng chính là việc này.

Vua mộng thấy suối lớn chảy, nước màu đỏ tươi, ấy là về đời sau các đại thần, trưởng sử ham muốn vô bờ, hưng binh tập hợp mọi người, cùng nhau chinh chiến, giết hại nhân dân máu chảy đỏ tươi. Điều thứ mười vua thấy trong mộng chính là như thế.

Vậy nhà vua chớ sợ, đất nước bản thân, vợ con của ngài không sao cả. Mộng này đều là những việc sẽ xảy ra trong tương lai.

Vua nghe xong thì quỳ bạch Phật:

–Được Ngài dạy bảo, tâm con rất vui mừng. Như người cầm bát nhỏ nhận mỡ, mỡ nhiều mà bát nhỏ nên phải tìm lấy bát lớn. được bát lớn liền yên ổn nhận thêm, không lo sợ gì.

Nhà vua lễ Phật, đầu mặt sát dưới chân Ngài, rồi từ giã về cung. Vua trọng thưởng cho phu nhân và phạt cắt bổng lộc các công khanh đại thần, không còn tin vào lời các Bà-la-môn.

❑

SỐ 148

KINH MƯỜI ĐIỀU MỘNG CỦA QUỐC VƯƠNG BẤT-LÊ-TIÊN-NÊ

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan, người Tây Vực.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Quốc vương nước ấy là Bất-lê-tiên-nê, ban đêm ngủ mộng thấy mười việc. Mười việc ấy là gì?

1. Mộng thấy ba cái bình chụm lại, bình hai bên đầy hơi phun lên rơi xuống qua lại nhưng không rớt vào bình trống không ở giữa.

2. Mộng thấy ngựa ăn bằng miệng và bằng hậu môn.

3. Mộng thấy cây còn nhỏ mà trổ hoa.

4. Mộng thấy cây nhỏ mà ra trái.

5. Mộng thấy một người bện dây, sau lưng họ có dê, mà dê chúa thì ăn dây.

6. Mộng thấy con cáo ngồi trên giường bằng vàng, ăn bằng chén bát vàng.

7. Mộng thấy bò lớn lại bú sữa của bò nghé.

8. Mộng thấy bốn con bò từ bốn hướng chạy lại, kêu rống muốn báng nhau, sắp báng nhau thì biến mất.

9. Mộng thấy có ao nước lớn, giữa đục bốn phía lại trong.

10. Mộng thấy suối lớn chảy, nước màu đỏ tươi.

Nhà vua thấy giấc mộng này, sau khi thức dậy rất kinh hãi, sợ về chuyện nước mất, bản thân và vợ con bị chết.

Sáng hôm sau, vua triệu các công khanh, đại thần, các đạo nhân hiểu biết về giải mộng và hỏi:

–Đêm qua ta nằm mộng thấy mười việc. Với giấc mộng như vậy, sau khi thức dậy, ta sợ hãi, lòng không vui. Ai có thể giải được các mộng ấy.

Trong các đạo nhân, có một Bà-la-môn nói:

–Thần có thể giải mộng cho vua, nhưng sợ vua nghe rồi thì ưu sầu không vui.

Nhà vua nói:

–Khanh thấy sao cứ nói vậy, chớ ngại gì cả.

Bà-la-môn tâu:

–Giấc mộng của vua đều xấu, không phải là việc tốt. Nhà vua phải giết phu nhân và thái tử yêu dấu, cùng những người thân cận, kẻ hầu người hạ, cả nô tỳ nữa để tế trời. Như vậy, vua sẽ không sao cả. Vua phải đem tất cả các thứ nệm nằm, vật đẹp châu báu trên thân đốt đi để tế trời. Như vậy, nhà vua sẽ được an toàn.

Nhà vua nghe vị Bà-la-môn giải mộng như vậy thì hết sức ưu sầu không vui, liền vào phòng riêng, suy nghĩ mãi về việc ấy.

Vua có phu nhân tên Ma-ni, bà ta đến gặp vua hỏi:

–Vì sao ngài vào phòng riêng ưu sầu không vui. Thần thiếp có lỗi lầm gì với Đại vương?

Nhà vua nói:

–Khanh không có lỗi gì cả. Ta có chuyện buồn riêng.

Phu nhân lại hỏi:

–Vì sao Đại vương buồn?

Vua đáp:

–Khanh đừng hỏi ta, nếu nghe được ắt không vui.

Phu nhân lại nói:

–Thiếp là một nửa thân của vua, có lành dữ gì ngài hãy cho thiếp biết. Tại sao không nói với nhau?

Nhà vua mới nói với phu nhân:

–Đêm qua, ta mộng thấy mười chuyện. Sau khi thức dậy, ta rất lo lắng kinh hãi, sợ nước mất, sợ thân ta và vợ con bị chết. Ta triệu quần thần, công khanh và các đạo nhân, để giải mười chuyện trong mộng ấy. Có Bà-la-môn giải mộng cho ta, nói là phải giết phu nhân, thái tử yêu mến và kẻ thân cận tùy tùng, nô tỳ và voi trắng, ngựa hay dê tế trời, phải đốt hết chăn nệm, vàng ngọc quý trên thân để tế trời. Như vậy thì ta mới được an toàn. Ta vì thế nên ưu sầu không vui.

Phu nhân thưa:

–Nhà vua đừng ưu sầu. Như người mua vàng, phải mài trên đá, màu sắc đẹp xấu, thật giả của nó sẽ hiện rõ trên ấy thôi. Nay Đức Phật đang ở

tinh xá cách đây không xa, tại sao ta không đến hỏi Ngài về ý nghĩa giấc mộng và làm theo lời giải của Ngài.

Nhà vua liền ra lệnh cho quần thần hai bên, sửa soạn xa giá để đến chỗ Phật. Đến nơi đi bộ, vua xuống xe đi trước, vào gặp Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Đêm qua con mộng thấy mười chuyện:

1. Mộng thấy ba cái bình chụm lại, bình hai bên đầy hơi phun lên rơi xuống qua lại nhưng không lọt vào khoảng trống trong bình ở giữa.

2. Mộng thấy ngựa ăn bằng miệng và bằng hậu môn.

3. Mộng thấy cây nhỏ mà trổ hoa.

4. Mộng thấy cây nhỏ mà ra trái.

5. Mộng thấy một người bện dây, sau lưng họ có dê, mà con dê chúa thì ăn dây.

6. Mộng thấy con cáo ngồi trên giường bằng vàng, ăn bằng chén bát vàng.

7. Mộng thấy bò lớn lại bú sữa của bò nghé.

8. Mộng thấy bốn con bò từ bốn hướng kêu rống chạy lại muốn báng nhau, sắp chọi nhau thì biến mất.

9. Mộng thấy ao nước lớn, ở giữa đục, bốn cạnh ao thì trong sạch.

10. Mộng thấy suối chảy màu nước đỏ tươi.

Con mộng như vậy, thức dậy rất kinh hãi, sợ nước bị mất, bản thân và vợ con bị chết. Cầu mong Đức Phật giảng giải mười chuyện trong mộng. Con xin nghe lời dạy bảo.

Đức Phật dạy:

–Nhà vua chớ ưu sầu, giấc mộng mà vua trông thấy đó đều không sao cả. Giấc mộng của vua là việc ở đời sau, không phải chuyện hiện nay. Người đời sau sẽ không sợ pháp luật, dâm dật, tham lợi, ganh ghét không biết chán, ít nghĩa lý, không có tâm Từ, ưa giận không biết xấu hổ.

Điều mộng thứ nhất của vua, thấy ba cái bình chụm lại, bình hai bên đầy hơi, phun lên rơi xuống qua lại nhưng không lọt vào bình trống ở giữa, đó là vào đời sau, người giàu sang đi theo nhau, không ngó đến người nghèo. Vua mộng thấy ba cái bình chụm vào một chỗ chính là việc này. Ngài đừng nên lo sợ! Quốc gia, thân ngài, phu nhân và thái tử đều không sao cả.

Điều mộng thứ hai, vua thấy ngựa ăn bằng miệng và ăn bằng hậu môn, ấy là về đời sau người làm vua chúa và các quần thần được cấp thực

phẩm, họ nhận bổng lộc của quan huyện lại còn lấy của nhân dân, không biết vừa đủ. Vua mộng thấy ngựa ăn bằng miệng và bằng hậu môn là như thế. Nhà vua đừng nên sợ hãi, vì đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài thảy đều bình yên.

Điều mộng thứ ba, vua thấy cây còn nhỏ mà trổ hoa là nói về đời sau con người tuổi chưa đủ ba mươi mà đầu đã bạc, tham dâm đa dục, tuổi trẻ mau già. Vua mộng thấy cây còn nhỏ mà trổ hoa chính là việc ấy. Nhà vua chớ sợ! Đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài đều không hề gì.

Điều mộng thứ tư, vua thấy cây nhỏ mà có trái là nói về đời sau, phụ nữ tuổi chưa mười lăm, tự tiện đi lấy chồng, bồng con trở về, không biết xấu hổ. Nhà vua mộng thấy cây nhỏ mà đã có trái chính là việc này. Ngài chớ lo sợ! Đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài thảy đều vô sự.

Điều mộng thứ năm, vua thấy một người bện dây, sau lưng có dê, mà con dê chúa thì ăn dây, đó là về đời sau, chồng đi ra ngoài buôn bán làm ăn, vợ ở nhà liền thông dâm với đàn ông nhà khác, tiêu dùng tài sản của chồng. Vua mộng thấy một người bện dây, chính là điều ấy. Vua đừng lo! Đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài đều không hề gì.

Điều mộng thứ sáu, vua thấy con cáo ngồi trên giường vàng, ăn bằng chén bát vàng, đó là nói về đời sau, kẻ hạ tiện trở nên tôn quý, có tài sản, mọi người sợ sệt họ. Con cháu công hầu lại nghèo cùng, ngồi ở bên dưới, ăn uống sau. Vua mộng thấy cáo ngồi trên giường vàng ăn bằng bát vàng, chính là việc này. Vua chớ sợ! Đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài đều không sao cả.

Điều mộng thứ bảy, vua thấy bò lớn lại bú sữa bò nghé, đó là về đời sau, người ta không có lễ nghi. Mẹ thì làm môi giới cho con gái thông dâm với đàn ông nhà khác, bán con gái cầu tài vật để sinh sống, không biết xấu hổ. Vua mộng thấy bò lớn mà bú sữa bò nghé chính là việc như thế. Vua an tâm vì đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài đều được an toàn.

Điều mộng thứ tám, vua thấy bốn con bò từ bốn hướng kêu rống chạy lại muốn báng nhau, sắp chọi nhau thì biến mất, ấy là vào đời sau, Đế vương, trưởng sử và nhân dân đều không có tâm thành thật, lại còn dối trá, ngu si, sân hận, không kính trời đất. Thế nên mưa không đúng mùa. Trưởng sử, nhân dân cầu đảo mưa. Bốn phương trời mây giăng sấm động. Trưởng sử, nhân dân đều nói có mưa. Nhưng trong khoảng khắc, mây đều tan hết không có mưa tưới xuống. Tại sao? Bởi vì Đế vương, trưởng sử, nhân dân đều không có lòng trung chánh nhân từ. Vua mộng thấy bốn con bò từ bốn phía kêu rống, chạy lại muốn báng nhau, sắp chọi nhau thì biến mất,

chính là việc này. Vua chớ sợ! Đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài đều không sao cả.

Điều mộng thứ chín, vua thấy ao nước lớn ở giữa đục, bốn cạnh thì trong sạch, đó là vào đời sau, trung tâm của nước sẽ bị nhiễu loạn, việc trị nước không ổn định, dân chúng bất hiếu đối với cha mẹ, không kính bậc trưởng thượng, còn các vùng chung quanh của nước thì nhân dân lại hòa nhã hiếu thuận với cha mẹ. Nhà vua mộng thấy ao nước lớn, ở giữa đục, bốn cạnh thì trong sạch chính là việc như vậy. Nhà vua không nên sợ. Đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài đều bình an cả.

Điều mộng thứ mười, vua thấy suối lớn chảy nước màu đỏ tươi, ấy là vào đời sau, các nước sẽ tranh nhau, hưng binh tụ tập đánh phá lẫn nhau. Họ làm xa binh, kỵ binh, bộ binh để đánh chiếm, tàn sát nhau vô số kể. Người chết ngoài đường máu chảy đỏ tươi. Vua mộng thấy suối lớn chảy nước màu đỏ tươi, chính là việc như thế. Nhà vua đừng lo sợ vì đất nước, bản thân, phu nhân, thái tử của ngài đều không sao cả.

Phật dạy:

–Giấc mộng của nhà vua đều là những việc sẽ xảy ra trong tương lai, chẳng phải việc hiện nay, vậy vua vui mừng chớ có buồn rầu.

Nhà vua quỳ bạch:

–Con được Phật chỉ dạy, tâm liền vui mừng. Như người cầm bát nhỏ lấy mỡ, mỡ nhiều mà bát nhỏ, nên phải tìm bát lớn để lấy, lấy được rồi nên an ổn không còn sợ. Nay con thọ ân của Phật, tâm được an ổn, vui vẻ.

Nhà vua làm lễ Phật, trở về cung, trọng thưởng chánh phu nhân và cắt phạt bổng lộc các đại thần.

Vua tuyên bố:

–Từ nay về sau, ta không tin lời nói của những kẻ dị đạo và Bà-la-môn nữa.

❑

SỐ 149

PHẬT NÓI KINH BẠN ĐỒNG HỌC CỦA A-NAN

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Bà-già-bà du hóa ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Tại thành Xá-vệ ấy, có vị Tỳ-kheo tên Quật-đa, là bạn đồng học lúc nhỏ với Tôn giả A-nan, rất yêu kính thân thiết, chưa từng tức giận nhau, nhưng vị này không còn ham thích tu phạm hạnh nữa, muốn được xả giới, trở lại làm cư sĩ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn cung kính lạy dưới chân Ngài, đứng qua một bên, bạch với Thế Tôn:

–Trong thành Xá-vệ này, có một Tỳ-kheo tên Quật-đa, là bạn đồng học lúc nhỏ với con, không thể tu phạm hạnh nữa, muốn xả giới, trở về làm cư sĩ. Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo Quật-đa, làm cho vị ấy được thanh tịnh, tu phạm hạnh trong giáo pháp này.

Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Này A-nan, ông hãy tự đi đến gặp Tỳ-kheo Quật-đa, gọi Tỳ-kheo ấy tới đây.

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, xin vâng!

A-nan vâng lời Phật dạy, đến gặp Tỳ-kheo Quật-đa, bảo:

–Thế Tôn gọi thầy.

Đáp:

–Xin vâng!

Tỳ-kheo Quật-đa theo lời A-nan đến gặp Đức Phật, lạy dưới chân Ngài rồi ngồi qua mọt bên. Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo Quật-đa:

–Này Tỳ-kheo, ông đã quyết định không thích tu phạm hạnh, muốn xả giới làm cư sĩ, phải không?

Tỳ-kheo đáp:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy? Vì sao như thế? Là vì thân và ý con hưng phấn mạnh mẽ, không thể thực hiện việc tu hành phạm hạnh, thanh tịnh nữa.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này Tỳ-kheo! Đàn bà có năm uế hạnh. Năm hạnh uế ấy là gì?

Này Tỳ-kheo, người nữ xú uế, ngôn ngữ thô ác, tâm không chịu sửa đổi, cũng như rắn độc, lòng thường độc ác xấu xa. Chính người đàn bà làm phát triển chúng ma, khó được giải thoát, cũng như gông cùm, không nên gần gũi phụ nữ, cũng như các thứ độc không thể ăn. Đàn bà cứng rắn như kim cương, khó có thể tiêu trừ, làm hư hoại thân người. Này Tỳ-kheo, họ như lửa cháy ở các cõi địa ngục A-tỳ. Này Tỳ-kheo, không được nhìn ngắm đàn bà, phải xem đấy khác nào phân dơ nhớp. Này Tỳ-kheo, không được giao tiếp thân mật với đàn bà, nên xem như âm hưởng của thây chết. Này Tỳ-kheo, đàn bà như lao ngục, chính là lao ngục Tỳ-ma-chất-đa (A-tu-hệ-luân). Này Tỳ-kheo, đàn bà là oan gia, cũng như rắn độc. Này Tỳ-kheo, nên xa lìa họ như tránh các hàng tri thức xấu ác. Này Tỳ-kheo, đàn bà đáng phải nên kinh sợ cũng như bọn giặc trong xóm làng. Này Tỳ-kheo, thân người khó được, như tấm ván có một cái lỗ thả trôi trong nước, cả vạn năm mới gặp được cái lỗ kia. Này Tỳ-kheo, thời gian cũng khó gặp, đừng để ngày đêm tám thời trôi qua. Này Tỳ-kheo, được làm thân người đều do hành động đã tạo tác trước đây. Này Tỳ-kheo, Đức Phật Thế Tôn ra đời rất khó được gặp, cũng như gái đá không con. Này Tỳ-kheo, Như Lai ra đời rất khó được gặp, như hoa Ưu-đàm-bát. Này Tỳ-kheo, đã được thân người, lại được thọ giới cụ túc, được dự vào Tăng chúng, như được nhờ ân sủng của Quốc vương. Lại vì người thuyết pháp, an trú trong Chỉ Quán, đạt đến cảnh giới Niết-bàn, đến bờ giác ngộ. Đức Như Lai khéo léo giảng về pháp này. Này Tỳ-kheo, hãy tịnh tu phạm hạnh, dốc diệt tận nguồn gốc mọi khổ.

Khi ấy vị Tỳ-kheo ấy nghe lời Phật dạy bảo, ngay trên chỗ ngồi, không còn các thứ bụi bặm cấu uế, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Vị Tỳ-kheo rời chỗ ngồi, lạy sát chân Thế Tôn rồi cáo lui.

Tỳ-kheo kia sau khi được nghe lời chỉ dạy của Đức Phật, bèn đến một chỗ yên tịnh, tự đắc hỷ lạc. Vị ấy ở nơi chỗ yên tịnh, tự đạt được hỷ lạc, mà vị đó các Tộc tánh tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, đến chỗ Như Lai tu tập phạm hạnh vô thượng để trừ sạch mọi ngọn nguồn sinh tử, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ lại thai mẹ. Bấy giờ vị Tỳ-kheo ấy trở thành vị A-la-hán.

Tôn giả Quật-đa đến gặp Đức Thế Tôn, lạy dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Nhờ sự chỉ dạy của Thế Tôn, con đã đạt đến giác ngộ, xin phép Đức Thế Tôn cho con nhập Niết-bàn.

Thế Tôn im lặng không trả lời. Tôn giả Tỳ-kheo Quật-đa thưa đến lần thứ ba với Thế Tôn:

–Nhờ sự chỉ dạy của Thế Tôn, nay con đã giác ngộ. Xin phép Đức Thế Tôn cho phép con nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

–Này Tỳ-kheo, nay đã đúng lúc.

Tỳ-kheo ấy liền rời chỗ ngồi, lạy dưới chân Phật rồi đi nhiễu ba vòng, sau đó từ giã. Vị ấy trở về phòng mình dọn đẹp tọa cụ, đem bố trí nơi chỗ đất trống, rồi bay lên hư không, hiện nhiều cách biến hoá, hoặc hóa một thân thành nhiều thân, hoặc hóa nhiều thân thành một thân, qua lại không bị ngăn ngại bởi đá sắt, kim cương, tường bờ, thành quách, núi cao vách đá; độn thổ rồi trồi lên, ví như nước chảy không chút trở ngại, hiện hình ngồi kiết già đầy cả hư không, cũng như ngọn lửa lớn cháy, như chim bay, như mặt trăng, mặt trời, có đại uy thần, có đại thế lực, vị này vẫn lấy tay rờ được. Vị ấy hóa thân đến Phạm thiên; ngay trên hư không, ngồi, nằm, kinh hành; hoặc hiện khói lửa, dưới thân phun khói, trên thân phun nước, trên thân phun khói, dưới thân phun lửa, bên trái phun khói, bên phải phun lửa, bên phải phun khói, bên trái phun lửa, trước phun khói, sau phun lửa, sau phun khói, trước phun lửa, toàn thân phun khói, toàn thân phun lửa.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo ấy thâu thần túc, trở lại tòa ngồi kiết già, thẳng thân chánh ý, tập trung tư duy trước mặt vào Sơ thiền, rời Sơ thiền vào Nhị thiền, rời Nhị thiền vào Tam thiền, rời Tam thiền vào Tứ thiền, rời Tứ thiền vào Không xứ, rời Không xứ vào Thức xứ, rời Thức xứ vào Bất dụng xứ, rời Bất dụng xứ vào Hữu tưởng-vô tưởng, rời Hữu tưởng-vô tưởng vào Diệt tưởng tri định, rời Diệt tưởng tri định vào Hữu tưởng vô tưởng, lần lượt đến Bất dụng xứ, Thức xứ, Không xứ, Tứ thiền, Tam thiền, Nhị thiền. Sơ thiền; rồi lại rời Sơ thiền vào Nhị thiền, Tam thiền. Khi rời khỏi Tứ thiền, Tôn giả liền xả thân mạng, ngay cảnh giới Vô dư Niết-bàn, liền nhập Niết-bàn.

Khi ấy Tôn giả A-nan sau khi cúng dường xá-lợi của Tôn giả Quật-đa, đến gặp Thế Tôn, lạy dưới chân Ngài, đứng qua một bên, bạch Thế Tôn:

–Tỳ-kheo Quật-đa được nghe Đức Như Lai chỉ dạy rõ ràng, ở chỗ vắng tự đạt hỷ lạc, mà vì đó nên các vị Tộc tánh tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc

ba pháp y, bằng lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, tu vô thượng phạm hạnh để đoạn tận ngọn nguồn sinh tử, phạm hạnh đã lập, chỗ làm đã xong, không còn thọ thai mẹ. Bạch Đức Thế Tôn, Tôn giả Quật-đa đã nhập Niết-bàn.

Thế Tôn dạy:

–Thật kỳ lạ! Thật đặc biệt! Này A-nan, Phật Thế Tôn do thành tựu vô lượng trí tuệ, nên đã khiến cho Tỳ-kheo Quật-đa vượt qua vực sinh tử. Này A-nan, sự tu hành của Như Lai đã đầy đủ, còn độ vô số trăm ngàn chúng sinh vượt qua vực sinh tử, và những chúng sinh khác sẽ được cứu độ. Thế nên, này A-nan, phải phát sinh ý tưởng như thế đối với Phật, Pháp, Tăng. Này A-nan, cần phải tu học như vậy.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Đức Phật giảng dạy, hoan hỷ phụng hành.

❑

SỐ 150 (A)

PHẬT NÓI KINH BA PHÁP QUÁN BẢY XỨ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam Tạng
An Thế Cao, người nước An Tức.

KINH SỐ 1

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Ngài gọi các Tỳ-kheo, các vị ấy đều xin thọ giáo.

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ-kheo, nên biết về bảy chốn và quan sát ba chỗ thì mau đạt được đạo pháp, thoát khỏi mọi trói buộc. Không còn trói buộc thì tâm lý được giải thoát, do sáng suốt nên thấy pháp, đã thấy pháp thì chứng đạo, chấm dứt sự thọ sinh, thực hiện trọn vẹn đạo hạnh, đã làm điều phải làm, không còn bị cuốn theo các nẻo luân hồi nữa.

Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

–Thế nào là bảy chỗ phải nên biết?

Này các Tỳ-kheo, hãy nghe cho rõ: Biết đúng về sắc, biết đúng về nguồn gốc của sắc, biết đúng về sắc tận diệt, biết đúng về con đường đưa đến sắc tận diệt, biết đúng về sắc vị, biết đúng về đau khổ do Sắc, biết đúng về sự cần thiết phải rời bỏ Sắc, nói chung là cần phải biết tất cả. Cũng như vậy, biết rõ về thống dương (thọ), tư tưởng (tưởng), sinh tử (hành), và thức; biết rõ về thức tập, biết rõ về thức tận diệt, biết rõ về con đường dẫn đến thức tận diệt, biết rõ thức vị, biết rõ đau khổ do thức, biết rõ về sự thoát ly thức, biết đúng về thức một cách rõ ràng.

Thế nào là biết đúng về sắc? Sắc là bốn đại và những gì do Bốn đại tạo thành, đó là biết về nguồn gốc của sắc.

Thế nào là biết đúng về nguồn gốc của sắc? Ái tập khởi là sắc tập khởi. Đó là biết đúng về nguồn gốc của sắc.

Thế nào là biết đúng về sắc diệt? Ái diệt là sắc diệt. Đó là biết đúng về sắc diệt.

Thế nào là biết đúng con đường dẫn đến Sắc diệt? Dựa theo tám Chánh đạo từ chánh kiến đến chánh định. Như vậy là biết đúng con đường dẫn đến sắc diệt.

Thế nào là biết đúng sắc vị? Do tham ái về sắc, nên hỷ sinh, dục sinh. Như vậy là biết đúng về sắc vị.

Thế nào là biết đúng về sự khổ não của sắc? Sắc là pháp vô thường, khổ, thay đổi. Như vậy là biết đúng về sự khổ não của sắc.

Thế nào là biết đúng về sự thoát ly sắc? Giải thoát mọi dục tham về sắc, vứt bỏ dục, xa lánh dục. Như vậy là biết đúng về sự thoát ly khỏi sắc.

Thế nào là thống dương (thọ), biết rõ về sáu thống dương (sáu thọ). Mắt tiếp xúc đối tượng sinh thống dương (thọ); tai, mũi, miệng, thân, ý tiếp xúc sinh ra thống dương (thọ). Như vậy là biết về thống dương (Thọ).

Thế nào là biết rõ nguồn gốc của thống dương (thọ)? Xúc tập khởi là thống dương (thọ) tập khởi. Như vậy là biết sự tập khởi của thống dương (thọ).

Thế nào là thống dương (thọ) tận? Xúc diệt là thống dương (thọ) tận. Như vậy là biết đúng về thống dương (thọ) tận.

Thế nào là biết về con đường đưa đến thống dương (thọ) tận diệt? Nhờ vào tám Chánh đạo từ chánh kiến đến chánh định. Như vậy là biết đúng về con đường đưa đến thống dương (thọ) tận diệt.

Thế nào là biết về thống dương vị? Do thống dương (thọ) nên tìm cầu sự ưa thích. Như vậy là biết đúng về thống dương vị.

Thế nào là biết về mọi khổ não của thống dương? Thống dương là pháp vô thường, thay đổi, tạo sự khổ não cho tâm ý. Như vậy là biết đúng về sự khổ não của thống dương (thọ).

Thế nào là biết về sự thoát ly khỏi thống dương (thọ)? Ham muốn về thống dương (thọ) tiến triển thành tham ái, vậy nên phải vượt qua tham ái. Như vậy là biết đúng về sự thoát ly khỏi thống dương (thọ).

Thế nào là biết đúng về tư tưởng (tưởng)? Là sáu tư tưởng thuộc thân, như mắt tiếp xúc sinh tư tưởng; tai, mũi, miệng, thân, ý tiếp xúc sinh tư tưởng. Như vậy là biết đúng sáu tư tưởng (tưởng).

Thế nào là biết đúng về nguồn gốc của tư tưởng (Tưởng)? Xúc tập là tư tưởng tập. Như vậy là biết đúng về tư tưởng tập khởi từ xúc.

Thế nào là tư duy đến ác? Hướng đến ác là tập khởi của khổ não. Vì vậy, Ta giảng dạy phải từ bỏ ác hạnh về thân. Nếu Tỳ-kheo từ bỏ ác hạnh về thân, thì đạt được lợi ích, được an ổn. Vì vậy, Ta giảng dạy phải từ bỏ

thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác.

-oOo-

KINH SỐ 2

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Ca-la-việt đến gặp Đức Phật, sau khi làm lễ, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thế nào là không thủ hộ, không giữ gìn thân? Thế nào là không thủ hộ, không giữ gìn miệng, lời nói? Thế nào là không thủ hộ, không giữ gìn ý?

Đức Phật dạy:

–Này người nhà Cấp cô độc, do không thủ hộ ý nên không giữ gìn thân hành (hành động của thân), không giữ gìn khẩu hành (lời nói của miệng), không giữ gìn tâm hành (hành vi của tâm). Không thủ hộ hành động của bản thân, tức không giữ gìn hành động của thân, không giữ gìn lời nói của miệng, không giữ gìn hành vi của tâm nên hành động của thân là tồi bại, lời nói là tồi bại, tâm ý cũng là tồi bại. Hành động của thân, của lời nói, của tâm đã tồi bại thì đời sống bất thiện, chết cũng bất thiện và thọ sinh vào cảnh giới bất thiện.

Này Ca-la-việt, ví như căn lầu hay gian nhà không lợp kính mái, nếu mưa đến, tấm rèm cũng ướt, vách tường cũng ướt. Khi bị ướt thì vách tường bị hư sập, cây cột bị hư sập, tấm rèm bị hư. Này Ca-la-việt, cũng vậy, do không giữ gìn tâm ý nên không giữ gìn hành động của thân, không giữ gìn hành động của miệng, không giữ gìn hành vi của suy nghĩ. Vì không giữ gìn tâm niệm, lời nói, thân nên đời sống bất thiện, chết bất thiện và sinh vào cảnh giới bất thiện.

Ca-la-việt hỏi Đức Phật:

–Giữ gìn những gì để giữ gìn thân? Giữ gìn những gì để giữ gìn miệng? Giữ gìn những gì để giữ gìn tâm niệm?

Đức Phật dạy Ca-la-việt:

–Giữ gìn ý thì giữ gìn được thân, miệng và niệm. Giữ gìn được thân, được miệng, được tâm của bản thân thì thân không tồi bại, miệng nói lời không tồi bại, tâm niệm không tồi bại. Như vậy khi chết, chết một cách tốt đẹp, thọ sinh ở cảnh giới thiện. Này Ca-la-việt, như căn lầu hay gian nhà

được lợp kín mái. Nếu mưa đến, rèm không ướt, cột không ướt, vách không ướt. Tường không ướt thì không hư sập, cột không ướt thì không hư sập, rèm không ướt thì cũng không hư sập. Với ví dụ này, giữ gìn được ý thì giữ gìn được thân, giữ gìn được miệng. Giữ gìn được thân, miệng, ý của bản thân thì khi chết được an lành, vì thọ trì thiện nên sinh vào cảnh giới thiện.

Đức Phật lại dạy:

–Người không giữ gìn được ý thì bị tà kiến, nghi ngờ, bị cuốn vào các thứ hôn trầm, thùy miên, bị các thứ ma sai khiến. Vì vậy phải giữ gìn tâm. Muốn hành động, phải quán sát đúng hành động, phải biết rõ từ trong ra ngoài, không chìm vào sự tối tăm mê muội, ham ngủ nghỉ tức trừ tận gốc khổ đau.

Đức Phật dạy Ca-la-việt như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 3

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba hạng người. Ba hạng người ấy là gì?

1. Người mù không thấy.

2. Người có một mắt.

3. Người có hai mắt.

Thế nào là người mù, không có mắt?

Này Tỳ-kheo, người vì nhân duyên bị mù, không có mắt ấy, họ không có ý nghĩ: "Ta sẽ không làm công việc sinh kế mà trước đây ta chưa từng làm". Nếu họ có làm thì cũng không làm nên việc. Họ cũng không có mắt này: "Ta sẽ bố thí, ta sẽ làm phước để nhờ vào nhân duyên ấy, về sau ta được an lạc, sinh lên cõi trời lâu dài". Đây là người mù không có mắt.

Thế nào là người có một mắt?

Này Tỳ-kheo, trong thế gian có người chỉ có một mắt. Họ chỉ có một mắt này: "Tài sản chưa có, ta sẽ làm ra. Đã làm ra rồi, ta giữ gìn không cho suy giảm". Họ chỉ có mắt ấy chứ không có mắt này: "Ta sẽ đem tài sản huyễn hóa ấy ra bố thí, từ nhân duyên đó sẽ được sinh vào cõi trời". Họ không có con mắt sau, nên gọi là chỉ có một mắt.

Thế nào là người có hai mắt?

Này Tỳ-kheo, trong thế gian có người có mắt này: "Tài sản của ta chưa có thì làm cho có, đã có rồi thì phải giữ gìn đừng cho hao tổn". Họ đã có mắt lại còn có mắt: "Ta phải bố thí, nhờ nhân duyên ấy giúp cho ta được sinh lên cõi trời". Họ có cả mắt này nên gọi là người có hai mắt.

(Từ đây đến cuối kinh này nói về tưởng cho đến thức)

Thế nào là biết về tưởng diệt? Xúc diệt là tư tưởng diệt. Như vậy là biết đúng về tưởng diệt.

Thế nào là biết con đường đưa đến tư tưởng diệt tận? Nhờ biết về tám hành thức từ chánh kiến đến chánh định ý. Đó là biết con đường đưa đến tư tưởng tận.

Thế nào là biết tư tưởng vị? Tư tưởng là nguyên nhân sinh ra lạc, có được. Đây là biết về vị của tư tưởng.

Thế nào là biết về sự khổ não của tư tưởng? Tư tưởng là pháp vô thường, đau khổ, thay đổi. Đó là biết về sự khổ não của tư tưởng.

Thế nào là sự thoát ly khỏi tư tưởng? Đối với tư tưởng giải thoát dục tham, cũng như vượt qua dục tham. Đó là biết về sự thoát ly khỏi tư tưởng (tưởng).

Thế nào là biết sinh tử (hành)? Có sáu sinh tử thuộc thân, biết mắt tiếp xúc nên sinh ra sinh tử (hành); biết tai, mũi, miệng, thân, ý tiếp xúc nên sinh ra sinh tử. Như vậy là biết rõ về sinh tử (hành).

Thế nào là biết về nguồn gốc của sinh tử (hành)? Xúc tập khởi thì biết sinh tử (hành) tập khởi.

Thế nào là biết sinh tử tận? Xúc tận thì sinh tử (hành) tận.

Thế nào là biết con đường dẫn đến sinh tử (hành) tận? Nhờ biết rõ tám chi từ chánh kiến đến chánh định. Đó là biết con đường đưa đến sinh tử tận.

Thế nào là biết sinh tử vị? Sinh tử là nhân duyên sinh ra ý hỷ lạc. Đó là biết vị của sinh tử (hành).

Thế nào là biết về sự khổ não của sinh tử (hành)? Sinh tử là pháp vô thường, hoại diệt khổ, thay đổi. Đó là biết về sự khổ não của sinh tử (hành).

Thế nào là biết sự thoát ly khỏi sinh tử (hành)? Đối với dục tham của sinh tử, dục tham đi theo sinh tử, nên cần phải đoạn trừ dục tham, thoát ly dục tham. Đó là biết sự thoát ly khỏi sinh tử (hành).

Thế nào là thức? Có sáu thức thuộc thân. Mắt tiếp xúc sinh ra thức; tai, mũi, miệng, thân, ý tiếp xúc sinh ra thức. Đó là biết về thức.

Thế nào là biết về nguồn gốc sinh ra thức? Danh sắc tập khởi là thức

tập khởi. Đó là biết thức tập khởi.

Thế nào là biết về thức tận? Danh sắc tận là thức tận. Đó là biết về thức tận.

Thế nào là biết con đường dẫn đến thức tận? Nhờ biết rõ về tám hành thức từ chánh kiến đến chánh định. Đó là biết về con đường đưa đến thức tận.

Thế nào là biết về thức vị? Thức là nhân duyên đưa đến hỷ lạc. Đó là biết rõ về thức vị.

Thế nào là biết về sự khổ não của thức? Thức là pháp hoại diệt, là khổ, là thay đổi. Đó là biết về sự khổ não của thức.

Thế nào là sự xuất ly khỏi thức? Biết rõ dục tham thay đổi, cần phải thoát ly dục tham. Đó là biết về sự xuất ly của thức.

Như vậy, này Tỳ-kheo, phải biết đúng về bảy chỗ. Những gì là bảy chỗ? Sắc, sắc tập, sắc diệt, sắc đạo, sắc vị, sắc khổ, sắc yếu. Ngay trong thân năm ấm này có đầy đủ bảy chỗ.

Thế nào là quán về ba chỗ? Biết rõ có bảy sự, nên biết được năm ấm và trở thành sáu suy. Quán sắc thân là một, quán năm ấm là hai, quán lục suy là ba. Quán sát đầy đủ như thế gọi là quán sát ba chỗ.

Này Tỳ-kheo, biết đúng về bảy chốn, thường tu tập, quán sát ba chỗ không bao lâu sẽ đoạn được mọi thứ phiền não, không còn bị chúng trói buộc, thấy đạo, thấy rõ của xuất ly, được giác ngộ giải thoát. Khi đã chứng đắc thì chấm dứt các lậu, đoạn trừ sinh tử, đã làm xong việc, đắc đạo không còn trở lại sinh tử nữa.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 4

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn sự trói buộc. Những gì là bốn?

1. Bị dục trói buộc.

2. Bị thế gian trói buộc.

3. Bị tà kiến trói buộc.

4. Bị si mê trói buộc.

Lại có bốn sự giải thoát. Giải thoát khỏi dục, giải thoát khỏi thế gian, giải thoát khỏi tà kiến, và giải thoát khỏi si mê.

Do si mê bao vây nên bị dục và tà kiến trói buộc, do nhân duyên ấy nên ở lại thế gian, từ đó phải thọ thân. Xả bỏ dục thì thoát ly thế gian, đoạn từ tà kiến, tiêu diệt si mê. Như vậy trong hiện tại được lợi ích an lạc, không còn có gì trói buộc nữa. Không còn bị trói buộc thì không còn sinh tử.

Đức Phật giảng dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 5

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tư tưởng (tưởng) có bốn điên đảo, tâm ý và kiến thức cũng vậy. Con người do điên đảo này nên bị tối tăm, bị ràng buộc, tạo ra những điều: "Không nên theo cái này, nên theo cái này…". Do đó, đời này đời sau họ phải chịu khổ não, sinh tử trong thế gian, không thể thoát được. Bốn điên đảo ấy là gì?

1. Vô thường cho là thường. Đấy là tư tưởng điên đảo, tâm ý điên đảo, kiến thức điên đảo.

2. Khổ cho là vui.

3. Vô ngã cho là ngã.

4. Bất tịnh cho là tịnh.

Đấy là tư tưởng điên đảo, tâm ý điên đảo, kiến thức điên đảo. Tâm ý con người cho vô thường là thường, vọng khổ cho là vui, vô ngã thì cho là ngã, bất tịnh thì cho là tịnh. Do ý nghiệp sinh ra như vậy, trợ giúp cho ma, muốn làm những việc không nên làm đưa đến già, chết. Ví như con nghé đã có mẹ chăm sóc, đã có Đức Phật xuất hiện trong đời, thương yêu khắp trời đất, làm cho con người có đạo nhãn, để thoát khỏi thế gian. Ai thấy được pháp này thì diệt được tất cả các khổ. Đức Phật giảng dạy về nguyên nhân sinh ra khổ và dạy con đường thoát khổ. Ai gặp được các bậc Hiền thánh, theo tám Chánh đạo thì đạt đến chỗ an lạc. Người nghe được pháp này, thấy rõ vô thường, khổ, vô ngã; thân là bất định, đắc vô sở úy có được an lạc, thấy đúng về thế gian, chứng đắc pháp vô vi, giải thoát hết tất cả khổ não trong đời, không còn bị trói buộc.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 6

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Nên thực hiện bốn pháp làm vừa tâm ý người khác. Bốn pháp ấy là gì? Một là bố thí, hai là tương ái, ba là lợi hành, bốn là đồng lợi.

1. Bố thí những gì? Bố thí bằng nhiều cách, nhưng không gì bằng bố thí giáo pháp.

2. Tương ái thì không gì bằng khi được nghe nói, tâm ý được thông suốt.

3. Lợi hành, không gì bằng dạy người chưa tin làm cho họ tin vững chắc, chưa trì giới làm cho trì giới, chưa học làm cho học, tham lam keo kiết làm cho bố thí, ngu si được sáng suốt, hướng dẫn họ vào chánh đạo.

4. Đồng lợi, thì sự đồng lợi cao cả nhất là không gì bằng làm cho chứng đắc đạo quả A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn.

-oOo-

KINH SỐ 7

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn bánh xe pháp cần thực hiện, bốn bánh xe này đi khắp cõi trời và loài người. Nếu bánh xe pháp này lưu hành trong chư Thiên và loài người nào thì họ được tôn quý số một, được giàu sang, làm theo thiện pháp. Những gì là bốn?

1. Cùng nhau ở chỗ thiện.

2. Y chỉ nơi bậc đạo đức.

3. Biết ước nguyện chân chánh.

4. Hành theo phước đã có từ đời trước.

Cùng nhau ở chỗ thiện, y chỉ nơi các bậc đạo đức, biết ước nguyện chân chánh, làm theo phước đã có từ đời trước là đạt an lạc không chút ưu

sầu, được tự tại đầy đủ.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn hạng người:

1. Người làm lợi mình, không lợi người.

2. Người làm lợi người, không lợi mình.

3. Người không làm lợi mình, không làm lợi người.

4. Người vừa làm lợi mình, vừa làm lợi cho người.

Đức Phật đã dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 9

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn hạng người:

1. Người làm lợi mình, không lợi người.

2. Người làm lợi người, không lợi mình.

3. Người không làm lợi mình, không làm lợi cho người.

4. Người vừa làm lợi cho mình, vừa làm lợi cho người.

Người không làm lợi cho mình cũng không làm lợi cho người là kẻ rất hạ tiện, thấp kém.

Người làm lợi người, không lợi cho mình là hàng cao thượng.

Người làm lợi mình, không lợi người cũng gọi là cao thượng.

Người làm lợi mình và lợi người là cao thượng bậc nhất.

Đức Phật thuyết giảng như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 10

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn loại mây mưa:

1. Chỉ có sấm không mưa.

2. Chỉ có mưa không sấm.

3. Không có mưa và không có sấm.

4. Vừa có mưa vừa có sấm.

Như ví dụ về mây mưa, cũng có bốn hạng người:

1. Người có sấm không có mưa.

2. Người có mưa không có sấm.

3. Người không mưa không sấm.

4. Người vừa có mưa vừa có sấm.

Người như thế nào là như có sấm không có mưa? Ở đây, này Tỳ-kheo, người ấy chỉ biết nói kinh, khéo nói phần trên, khéo nói phần giữa, khéo nói phần cuối, nói có phân biệt chi tiết, nhưng chỉ chú trọng ở chỗ hiểu biết. Tự mình không thật biết pháp và không thực hành theo đúng pháp. Người ấy được gọi là hạng người có sấm, không có mưa.

Người như thế nào là như có mưa không có sấm? Ở đây, có người không thuyết giảng kinh pháp, không khéo nói phần trên, không khéo nói phần giữa, không khéo nói phần cuối, không biết phân biệt chi tiết, không chú trọng ở chỗ biết, chỉ chú trọng hành trì pháp, hành trì thiện xảo, đúng như pháp, thọ trì pháp hành theo như pháp, hành động tùy thuộc pháp. Người này là hạng chỉ có mưa không có sấm.

Người thế nào là như không có mưa cũng như không có sấm? Người không thuyết giảng kinh pháp, không khéo nói phần trên, không khéo nói phần giữa, không khéo nói phần cuối, không trình bày phân biệt chi tiết được, chỗ chủ yếu cũng không nói được, tự không hiểu rõ thiện pháp, lại không thực hiện theo pháp. Người này là hạng không có mưa cũng không có sấm.

Người như thế nào là người vừa có mưa vừa có sấm? Ở đây, có người khéo nói kinh pháp, khéo nói phần trên, khéo nói phần giữa, khéo nói phần cuối, biết phân biệt các chi tiết, tự hiểu rõ về chỗ hành trì chủ yếu, hiểu biết về các pháp và giảng thuyết được, thực hành tự tại, thiện xảo các pháp cũng như hiểu rõ giảng giải các pháp. Người này là hạng vừa có mưa vừa có

sấm.

Đức Phật thuyết giảng như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 11

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn xả. Thế nào là bốn?

1. Xả xả.

2. Thủ xả.

3. Hộ xả.

4. Hành xả.

Thế nào là Xả xả? Khi niệm về niệm phát sinh, không nhận lấy, không làm theo, xả bỏ mọi ràng buộc, tránh xa. Nếu sân hận từ phiền não nổi lên thì cũng không quan tâm, xả bỏ mọi ràng buộc, tránh xa. Đó gọi là Xả xả.

Thế nào là Thủ xả? Mắt thấy sắc không nhận lấy tướng chung, không quán sát tướng riêng. Như từ nhân duyên thấy nên ác sinh ra. Như từ nhân duyên thấy nên si sinh ra. Như từ nhân duyên thấy nên không vừa ý sinh ra. Hoặc vì nhân duyên thấy nên tệ ác sinh ra, tất cả nên liền tự chế ngự cảm thọ, hành động yên ổn. Chế ngự mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý, là đúng như pháp, không ghi nhận tướng chung, như nói ở trên. Đó gọi là Thủ xả.

Thế nào là Hộ xả? Ở đây, này Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo đối với tướng thiện đã sinh, không phải một loại, như thây chết sình trướng lên chảy nước màu hồng, hoặc bị chôn chó ăn một nữa, hoặc máu chảy màu đỏ, hoặc hư nát màu xanh bầm đen, hoặc xương trắng, hoặc đầu lâu, quán sát kỹ, khéo léo hộ trì ý, không cho quên mất thiện tướng ấy. Đó gọi là Hộ xả.

Những gì là Hành xả? Ở đây, này Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo tu tập giác ý, thực hành viễn ly, phân biệt pháp, viễn ly từng phần, như vậy cho đến khi nhận rõ giác ý. Đây gọi là Hành xả.

Thủ xả, Xả xả, Hành xả, Hộ xả là Bốn xả.

Đức Phật dạy:

–Hiền giả nào thực hành không dừng lại nữa chừng, thì dứt tận các khổ, đắc đạo.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các đệ tử đứng dậy lạy Phật, vâng

làm.

-oOo-

KINH SỐ 12

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Nếu Tỳ-kheo thực hiện theo bốn pháp không tự thối lui thì đến gần nẻo vô vi giải thoát. Những gì là bốn? Ở đây, này Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo giữ giới, hành trì trong pháp luật, giữ gìn các căn, phòng hộ tâm ý, tiết độ trong ăn uống không ăn quá nhiều, đầu đêm cuối đêm thường nhiếp phục mọi hành động. Đây là bốn hạnh, không bị ngăn chặn, trở ngại thì đến gần vô vi giải thoát.

Nếu Tỳ-kheo sống trong giới luật, hộ trì các căn, biết tiết độ trong ăn uống, luôn luôn tỉnh giác tâm ý, tinh tấn hành trì như vậy, đầu đêm cuối đêm không bỏ phế nữa chừng, tinh cần không được thối lui thì chắc chắn đạt đến Niết-bàn giải thoát.

Đức Phật giảng dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 13

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

–Nếu có bậc Hiền giả sống trong gia đình hành theo pháp thì bốn mối quan hệ gia đình đều được hoan hỷ.

Những gì là bốn?

1. Cha mẹ, vợ con.

2. Trẻ con, khách, nô tỳ.

3. Tri thức thân thuộc giao hữu.

4. Vua, vua trời, quỷ thần, Sa-môn, Bà-la-môn.

Cha mẹ cũng hoan hỷ, Sa-môn cũng hoan hỷ, Bà-la-môn thờ trời cũng hoan hỷ. Những người sống ở gia đình tín ngưỡng thờ phụng đều hay phục vụ người quyến thuộc trì giới. Ngay trong hiện tại, họ không

phạm đến quyến thuộc vua, trời; tự thân luôn được mọi người thọ ân. Vị ấy trong đời sống trí tuệ như vậy, luôn hành động thiện nên được giàu sang, được vô số tiếng khen trong đời này, đời sau sinh vào cõi trời.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 14

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có một Bà-la-môn đến gặp Đức Phật, và thăm hỏi Ngài. Sau khi thăm hỏi, vị ấy hỏi Phật:

–Thưa Hiền giả, vì nhân duyên gì người đời này ít xinh đẹp, không có sức, nhiều bệnh, tuổi thọ ngắn, không giàu có?

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

–Này Bà-la-môn, hiện nay thế gian sống theo tham dục phi pháp, ái dục tràn lan, làm theo ý mình, sống trong phi pháp. Vì vậy con người tâm ý luôn nhiễm ô, sa đọa trong phi pháp, rồi hành động ngang ngược, tham lam sai quấy, đấy là nguyên nhân. Do nguyên nhân này mặt trời, mặt trăng không vận hành đúng; chúng không vận hành đúng thì làm cho tinh tú không vận hành đúng. Tinh tú không vận hành đúng thì ngày, tháng không đúng; năm không đúng, thời gian năm không đúng thì giờ phút không đúng. Giờ phút không đúng thì có gió ngược mùa. Đã có gió ngược mùa thì trời không mưa thuận mùa. Trời không mưa thuận mùa, nếu người ta có gieo trồng thì cũng không mọc đúng lúc và kết quả không vừa ý. Cây trái sống chín đã không đúng mùa thì con người, súc sinh, chim bay ăn các thực phẩm ấy trở nên ít sinh đẹp, ít sức lực, nhiều bệnh, tuổi thọ ngắn, ít giàu sang.

Này Bà-la-môn, do nguyên nhân ấy nên con người ít xinh đẹp, ít sức lực, nhiều bệnh, tuổi thọ ngắn, ít giàu sang.

Vị Bà-la-môn ấy quỳ dưới chân Phật, thưa:

–Nay con đã hiểu. Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng.

Đức Phật giảng dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 15

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Bố thí đúng lúc thì có năm phước. Những gì là năm phước?

1. Bố thí cho người đi tới phương xa.

2. Bố thí cho người sắp đi.

3. Bố thí cho người bị bệnh.

4. Bố thí khi lúa gạo đắt đỏ.

Năm là vật dụng trì giới chưa ăn, đem dâng cho bậc trì giới tu hành trước, sau đó mới ăn; đó là phước.

Người sáng suốt thực hành với lòng tin không có ý xan tham. Khi người hiền bố thí với tâm ý trong sạch, không có hạn chế thì phước đức theo đó thật là vô cùng.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ vâng làm.

-oOo-

KINH SỐ 16

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hiền giả bố thí có năm loại. Những gì là năm?

1. Hiền giả bố thí bằng lòng tin.

2. Hiền giả bố thí nhiều.

3. Bố thí bằng chính tay mình cung cấp.

4. Bố thí đúng lúc.

5. Bố thí không xâm phạm đến người khác.

Đức Phật lại bảo Tỳ-kheo:

–Bố thí bằng lòng tin được những phước gì? Người bố thí bằng lòng tin, đến chỗ nào thì luôn được đáp ứng nhiều như thế. Đó là có nhiều tài sản, nhiều vàng ngọc quý báu, nhiều sự vừa ý, nhiều vật dụng xinh đẹp. Mọi người cũng tin tưởng người bố thí bằng lòng tin. Này Tỳ-kheo, đây là phước do bố thí bằng lòng tin.

Những gì là bố thí nhiều không hạn chế? Như đã nói ở trên, lại được

cha mẹ yêu mến kính trọng, anh em kính trọng, vợ con kính trọng, nô tỳ kính trọng, người hiểu biết ở gần kính trọng, năm hạng thân thuộc kính trọng. Này Tỳ-kheo, đây là phước do bố thí nhiều.

Bố thí tự tay, thế nào là bố thí tự tay? Như trình bày ở trên, lại thêm trong nhà được theo ý muốn, được an lạc, được đầy đủ hơn hết, được y phục bậc nhất, được chăn nệm bậc nhất, vui vẻ vừa ý, được vừa ý thích thú với sắc, thanh, hương, vị, xúc. Này Tỳ-kheo, đây là phước do tự tay mình bố thí.

Những gì là phước do bố thí đúng lúc? Phước của người cho bố thí đúng lúc cũng như đã trình bày ở trên, lại thêm khi sắp chết tài sản vẫn tồn tại như ý muốn, không bị phân tán. Này Tỳ-kheo, đấy là phước do bố thí đúng lúc.

Này Tỳ-kheo, thế nào là phước do bố thí không xâm phạm người khác? Người bố thí vẫn giữ giới, không xâm phạm người khác. Như đã trình bày ở trên. Nếu có của cải do siêng năng làm ra, do chính tự tay, sức cần cù, chịu lạnh khổ làm ra được, đối với người có phước thì của cải này không thể nào bị chiếm đoạt. Huyện quan, trộm cướp, nước, lửa không thể làm hại, không bị sử dụng lãng phí, không vừa ý. Này Tỳ-kheo, đấy là phước do bố thí không xâm phạm đến người khác.

Người hiền bố thí với lòng tin, không hạn chế, với tự tay, đúng lúc, không xâm phạm người khác thì sự bố thí này được an lạc lớn lao không thể phân biết hết được và phước cũng không thể phân biệt hết được.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 17

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật dạy Tỳ-kheo:

–Người nào để tâm ý vào trong năm pháp này, giả sử có nghe giảng dạy Phật Pháp thì cũng không thể từ bỏ trần cấu, không đắc đạo nhãn. Những gì là năm?

1. Phiền não với người giảng kinh.

2. Cầu theo ý mình, tìm chỗ hay dở.

3. Muốn tìm tòi vấn nạn, gây khó dễ.

4. Nghe với tà niệm, nghĩ đến việc khác.

5. Không có tác ý cao thượng, nghe để phân biệt tốt xấu.

Người nào tâm ý theo năm pháp ấy, nếu có nghe Phật thuyết pháp cũng không giải thoát được các thứ trần cấu và không thể sinh pháp nhãn.

Đức Phật lại bảo Tỳ-kheo:

–Có năm pháp, người nào đặt tâm ý ở năm pháp này, khi được nghe giáo pháp của Phật dạy, tự mình giải thoát những trần cấu và đắc đạo nhãn. Những gì là năm?

1. Không có ác ý với người giảng kinh.

2. Không tìm chỗ hay dỡ trong kinh, có nghi ngờ phải hiểu cho rõ ràng, vui vẻ.

3. Tâm ý không chú trọng ở cảnh khác, không nghĩ ngợi việc khác.

4. Tâm ý sáng suốt để giải rõ thiện ác.

5. Tự biết phân biệt.

Đây là năm pháp, người nào để tâm ý làm theo năm pháp này, thì có thể giải trừ mọi phiền não cấu uế.

1. Không phiền não với người giảng kinh.

2. Không tìm tòi chỗ hay dỡ trong kinh.

3. Không tìm tòi vấn nạn.

4. Không nghĩ bậy.

5. Tâm ý sáng suốt để phân biệt đen trắng.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 18

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm pháp hành đưa đến nhất tâm. Những gì là năm?

Hành giả thực hành như vầy: quan sát thân này từ đầu xuống đến tay chân, trên đầu với tóc, não, da, như thế là đầy các tướng bất tịnh. Quán sát thân này có tóc, lông, móng, răng, mạch máu, bắp thịt, với bên trong là lục phủ ngũ tạng cùng bao thứ chất bài tiết như nước mắt, mồ hôi, đờm, dãi. Ai quán sát như vậy là tạo được niệm thứ nhất đưa đến nhất tâm.

Nếu hành giả quán sát như trình bày ở trên, tâm ý bất động với các trần bên ngoài như nói trên thì vị Hiền giả ấy với ý niệm này đã đạt được sự nhất tâm thứ hai.

Hành giả quán sát như vậy đối với mọi hoạt động của thọ, thức, "Thức ấy là đời này hay là đời sau?" Hành giả có tâm ý ấy là đạt được sự nhất tâm thứ ba.

Hành giả quan niệm quán sát như trên, rồi quán sát Thức ấy đời này, đời sau đều không có chỗ dừng. Hành giả giác ngộ được điều này là đạt được sự nhất tâm thứ tư.

Hành giả quán sát như trên, người có nhận thức người có tính toán việc này, người ấy ở đời này và đời sau đều không có chỗ dừng lại, quán sát tất cả đều là bất tịnh. Hành giả có tâm ý hiểu được, nhận thức được điều ấy là đạt được pháp của sự nhất tâm thứ năm.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 19

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Này Tỳ-kheo, có năm nhân duyên làm cho người ta thấy không đúng, sinh nghi ngờ, mất sự sáng suốt, gây phiền não, khiến cho không đạt được sự giải thoát.

Những gì là năm?

1. Ái dục.
2. Sân hận.
3. Ham ngủ nghỉ.
4. Tham đắc năm thứ vui thích.
5. Nghi ngờ không tin.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 20

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đi kinh hành có được năm lợi ích. Những gì là năm?

1. Có khả năng đi lại.

2. Có sức khỏe.

3. Trừ buồn ngủ.

4. Ăn uống dễ tiêu, không gây bệnh.

5. Hành giả dễ định tâm ý. Đã đắc định trong khi kinh hành thì được tồn tại lâu dài.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 21

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này Tỳ-kheo, người thực hành năm pháp, có thể sống an ổn trên núi, trong các vùng đầm ao, nằm ngồi trên nệm cỏ. Những gì là năm?

1. Siêng năng trì giới, không vi phạm những học giới đã thọ trì.

2. Siêng năng thu nhiếp các căn, giữ gìn mọi hành động.

3. Siêng năng tu hành tinh tấn, có sức mạnh của tinh tấn, không từ bỏ chí nguyện của tinh tấn cho đến khi đắc đạo.

4. Đã thọ giới luật của Phật, tự hiểu rõ.

5. Nghe kinh pháp, đã hiểu đúng.

Nếu hành giả thọ trì năm pháp này, như trên đã nói, thì có thể sống an ổn trên núi hay trong chốn đầm, ao.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 22

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật dạy A-nan:

–Này A-nan, Ta tuyên bố, thân không được làm tất cả điều ác, miệng và ý cũng vậy.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Tất cả thân, miệng, ý không được làm ác. Người nào không ngăn chặn được, làm ác, từ đó sẽ đưa đến bao nhiêu điều ác?

Đức Phật dạy A-nan:

–Có năm điều ác. Những gì là năm?

1. Tự mình khinh khi mình.

2. Bị người khác khinh khi.

3. Khi nói lời cao hay thấp cũng không vừa ý bậc Hiền giả.

4. Tiếng xấu đồn khắp.

5. Sau khi chết bị đọa địa ngục.

Đức Phật lại bảo A-nan:

–Này A-nan, Ta dạy cần phải làm tất cả những hạnh thiện về thân, về miệng, về ý cũng vậy.

Tôn giả A-nan lại bạch:

–Đức Phật dạy: "Ta cần phải làm tất cả những hành động thiện về thân, về miệng, về ý cũng vậy". Người nào thực hành những hành động trên thì sẽ được phước thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

–Có năm loại phước. Những gì là năm?

1. Không tự khinh thường mình.

2. Không khinh thường người.

3. Nói lời cao hay thấp đều vừa ý bậc Hiền giả.

4. Tiếng tăm đồn khắp.

5. Sau khi chết được sinh Thiên.

-oOo-

KINH SỐ 23

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm phiền não khi người này yêu mến gắn bó với người kia. Những gì là năm?

Này Tỳ-kheo, người nào đã yêu mến người kia, khi người kia có lỗi, bị chúng Tỳ-kheo không muốn người ấy hiện diện nên đưa đi chỗ khác. Người này suy nghĩ: "Người mà ta yêu mến bị chúng Tỳ-kheo đuổi ra, không cho hiện diện!". Thế là người này sinh tâm ý vương vấn không muốn đến chỗ chúng Tỳ-kheo: "Ta đến chỗ chúng Tỳ-kheo làm gì!". Vì vậy, nên người này không đi. Vì không đi nên không gặp gỡ chúng Tăng. Đã không gặp chúng Tăng nên không nghe Pháp. Do không nghe Pháp nên không thân cận với giáo pháp. Đã xa lìa Pháp thì không còn sống trong Pháp. Này Tỳ-kheo, đây là phiền não thứ nhất vì người này yêu mến người kia sinh ra.

Thứ hai, này Tỳ-kheo, nếu người này yêu mến người kia, người kia bị phạm lỗi với chúng Tỳ-kheo. Người phạm lỗi bị ngồi ở chỗ thấp nhất. Người này suy nghĩ: "Người mà ta yêu mến, bị chúng Tăng để ngồi ở chỗ thấp nhất. Ta không đến chỗ chúng Tỳ-kheo nữa vì chúng Tỳ-kheo bắt người mà ta yêu mến ngồi nơi chỗ thấp nhất!"… như trên.

Thứ ba, người được yêu mến mang bát, ca-sa đến nước khác.

Thứ tư, người được yêu mến xả giới, trở lại làm bạch y.

Thứ năm, người được yêu mến ưu sầu ngồi một chỗ vì mất danh dự… như đã nói trên.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 24

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm điều xấu vì không biết nhẫn nhục. Những gì là năm?

1. Bị nhiều oán ghét.

2. Bị nhiều chê bai.

3. Bị nhiều việc không ưa thích.

4. Tiếng xấu đồn khắp nơi.

5. Sau khi chết bị đọa địa ngục.

Đây là năm điều xấu, do không nhẫn nhục.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Có năm điều lành do nhẫn nhục đem lại. Đó là không bị oán ghét,

không bị chê bai, luôn luôn vừa ý, tiếng tốt đồn khắp nơi, sau khi chết sinh lên cõi trời.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 25

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Người hành động không nhẫn nại có năm điều xấu đến với họ. Này các Tỳ-kheo, những gì là năm. Đó là:

1. Do không nhẫn nại nên luôn thô bạo.
2. Tánh tình nóng nảy, thường sơ suất.
3. Sau này bị hối hận.
4. Nhiều người ghét, không ai ưa.
5. Sau khi chết bị đọa địa ngục.

Ngược lại là thanh tịnh.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 26

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con voi có năm tướng trạng, nên được thích hợp với việc quan, dùng cho vua, vừa ý vua, voi đưa vua đi thi hành pháp luật. Những gì là năm?

1. Biết phục tùng.
2. Có thể đứng tại chỗ.
3. Có thể chiến đấu.
4. Có thể chạy.
5. Có thể tự hộ vệ mình.

Này Tỳ-kheo, thế nào là voi nhà quan tự giữ gìn?

Khi voi xông vào trận, chân trước có thể chiến đấu, các chân sau,

mông, lưng, bụng, vai, cổ, vòi đều tự giữ gìn được. Đây gọi là tự bảo vệ. Nếu Tỳ-kheo có đủ năm nhân duyên thì đáng được kính nể, được tiếng khen, được người chắp tay quý trọng, được phước đức vô cùng. Những gì là năm?

1. Nghe và thọ trì.

2. Có khả năng thực hiện trì giới.

3. Thọ nhận.

4. Hành động.

5. Giữ gìn.

Những gì là miệng với vị, thân với tiếp xúc các vật mềm láng, ý với suy nghĩ, có thể chế ngự không chấp thủ vào hình tướng của chúng?

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo có thể tự thủ hộ, một là tự gìn giữ về sáu suy nghĩ (sáu căn). Thứ hai là thiền. Thứ ba là thọ nhẫn nhục. Thứ tư là năng trì giới. Thứ năm là nghe và thọ tinh tấn.

Hành giả có năm việc này thì được tiếng khen, đáng được người chắp tay kính chào, được phước đức vô cùng.

Đệ tử Phật nghe dạy đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH SỐ 27

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Không y chỉ nơi người khác, có năm điều xấu. Những gì là năm?

1. Người không chịu y chỉ thì tâm không mở mang.

2. Không y chỉ thì tâm ý không nhất quán, rời rạc.

3. Tự ý mình không hiểu đúng.

4. Phạm vào hành động đạo đức.

5. Không thọ trì được lời Phật dạy.

Biết y chỉ nơi người khác thì có năm điều thiện. Không ganh ghét nhau, với hảo ý thì được hiểu rõ. Đã hiểu rõ thì tâm ý không còn loạn tưởng, giác ngộ được các pháp trong thế gian, đem sự nhận thức đúng đắn ấy để lại cho đời sau.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 28

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này Tỳ-kheo, dục là sợ hãi. Này Tỳ-kheo, dục là các khổ não. Này Tỳ-kheo, dục là những tật bệnh. Này Tỳ-kheo, dục là sự trói buộc. Này Tỳ-kheo, dục là những ung nhọt. Này Tỳ-kheo, dục là các bùn nhơ. Này Tỳ-kheo, dục là các tham đắm. Này Tỳ-kheo, dục là những hình thức rơi vào thai mẹ.

Này Tỳ-kheo, tại sao dục là sự sợ hãi?

Vì con người ngu si trong thế gian luôn bị tham dục tràn ngập, bị tham dục trói buộc, vì vậy đời sống hiện tại không thoát được sự sợ hãi, mà đời sau cũng không thoát được. Này Tỳ-kheo, vì vậy mà dục là sự sợ hãi.

Này Tỳ-kheo, vì sao dục là khổ não?

Người ngu si trong thế gian luôn bị tràn ngập bởi tham dục, bị chìm đắm bởi tham dục. Vì vậy, đời này họ không thoát được các mối sợ hãi, mà đời sau cũng không thoát khỏi. Này Tỳ-kheo, vì vậy dục chính là các khổ não.

Này Tỳ-kheo, vì sao dục là các thứ bệnh?

Người ngu si trong thế gian bị tràn ngập bởi tham dục, luôn bị tham dục trói buộc. Vì vậy, đời này họ không thoát được các mối sợ hãi, đời sau cũng không thoát khỏi. Này Tỳ-kheo, vì vậy dục chính là các bệnh.

Này Tỳ-kheo, vì sao dục là những trói buộc?

Người ngu si trong đời luôn tham dục quá độ, luôn bị tham dục phủ vây. Vì vậy, đời này họ không thoát được các mối sợ hãi, mà đời sau cũng không thoát khỏi được. Này Tỳ-kheo, vì vậy dục chính là những trói buộc.

Này Tỳ-kheo, tại sao dục là những mụt nhọt?

Người ngu si trong thế gian hay sống buông thả theo tham dục, luôn bị tham dục trói buộc. Vì vậy, đời này họ không thoát khỏi các sợ hãi, đời sau cũng vậy. Này Tỳ-kheo, vì thế mà dục chính là các mụt nhọt.

Này Tỳ-kheo, tại sao dục là những bùn nhơ?

Người ngu si trong thế gian hay sống buông thả theo tham dục, luôn bị tham dục trói buộc. Vì vậy, đời này họ không thoát khỏi các sợ hãi, đời sau cũng vậy. Này Tỳ-kheo, vì thế mà dục chính là các bùn nhơ.

Này Tỳ-kheo, tại sao dục là những tham đắm?

Người ngu si trong thế gian luôn sống buông thả theo tham dục, nên bị tham dục trói buộc. Vì vậy, đời này họ không thoát khỏi cảnh sợ hãi, đời sau cũng vậy. Này Tỳ-kheo, vì thế dục là các tham đắm.

Này Tỳ-kheo, tại sao dục là những hình thức đọa vào thai mẹ?

Người ngu si trong thế gian sống buông thả theo tham dục, mãi bị tham dục trói buộc. Vì vậy, đời này họ không thoát khỏi cảnh sợ hãi, đời sau cũng thế. Này Tỳ-kheo, vì vậy dục là con đường đọa vào thai mẹ.

Dục là sợ hãi, khổ não, bệnh, sự ràng buộc, mụt nhọt. Người ngu si đã bị dục trói buộc, tùy theo đó mà đọa vào thai mẹ như nói trên. Tỳ-kheo có Chánh kiến thì đã thấy rõ, nên lìa các sợ hãi, là người sáng suốt vượt qua các dục, quán sát trong thế gian có các hành sinh, lão luôn chuyển biến.

Đức Phật giảng dạy như vậy.

Mụt nhọt có tám loại:

1. Mụt nghi ngờ.

2. Mụt tham ái.

3. Mụt tham lam.

4. Mụt sân hận.

5. Mụt ngu si.

6. Mụt kiêu mạn.

7. Mụt tà kiến.

8. Mụt sinh tử.

-oOo-

KINH SỐ 29

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật gọi các Tỳ-kheo. Khi họ đến, Đức Phật nêu ví dụ, dạy:

–Này Tỳ-kheo, có người bị mụt nhọt lâu dài. Do thời gian kéo dài nhiều năm nên chín lỗ nơi thân thể đều bị nhọt, chín chỗ đau nhức, chín chỗ bị rỉ chảy. Từ chín chỗ ấy nước bị rỉ ra, toàn là bất tịnh, xấu xa, rất nhơ bẩn. Này Tỳ-kheo, đó là thân bốn đại. Gọi là thân bốn đại, là chín lỗ, là

chín chỗ đau nhức, là chín chỗ rỉ chảy, theo đó thấm ra toàn là bất tịnh, chảy ra toàn là cấu uế, nhơ bẩn, hôi hám. Như vậy, này Tỳ-kheo, với nhân duyên mụt nhọt này, thật đáng xấu hổ, đáng sợ, đáng kinh tởm, đáng nên tu học để dứt trừ.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ phụng Hành.

-oOo-

KINH SỐ 30: PHẬT NÓI KINH TÍCH CỐT

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại núi Kê thuộc nước Vương xá.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Con người sống ở thế gian sinh và tử trong một kiếp, nếu giữ xương cốt lại, không để cho hư, không tiêu, không diệt, thì gom lại bằng cả núi Tu-di. Con người còn phải có trăm kiếp sinh tử nữa, nếu chưa đắc đạo quả A-la-hán-Niết-bàn giải thoát.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Gom xương cốt của con người sống trải qua trong một kiếp nhiều như núi Tu-di. Này các Tỳ-kheo, vì vậy Ta chỉ bày nguồn gốc nhân duyên của nó. Vậy các ông phải quyết nhổ sạch cội rễ của sinh tử, đoạn trừ nguồn ác, làm như vậy thì không còn sinh tử nữa. Không còn sinh tử thì thoát khỏi thế gian, đắc đạo quả Niết-bàn giải thoát.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 31: PHẬT THUYẾT GIẢNG VỀ CỬU HOÀNH

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Ngài dạy các Tỳ-kheo:

–Có chín nhân duyên làm cho con người chết bất đắc kỳ tử. Những gì là chín?

1. Thức ăn không thích ứng.

2. Ăn không liều lượng.

3. Ăn thức ăn không quen.

4. Thức ăn không tiêu hóa.

5. Chỉ thục.

6. Không trì giới.

7. Thân cận ác tri thức.

8. Vào làng xóm phi thời, hành động phi thời.

9. Không tránh né điều phải nên tránh né.

Chín nhân duyên này làm cho con người chết bất đắc kỳ tử.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ làm lễ.

Thế nào là thức ăn không thích ứng? Đó là thức ăn không vừa ý, nhưng vẫn ăn vào, khiến bị đau bụng mãi. Đây là thức ăn không thích ứng.

Thế nào là ăn không điều độ? Đó là ăn không chừng mực, ăn quá sức mình. Đấy gọi là ăn không điều độ.

Thế nào là ăn thức ăn không quen? Tức là ăn thức ăn trái mùa. Mùa đông, mùa hạ đến xứ khác không thích nghi phong tục thủy thổ ở đó, ăn uống không tiêu vì chưa quen. Đây gọi là ăn uống không quen.

Thế nào là ăn uống không tiêu hóa? Ăn vật thực này không tiêu, lại không chịu uống thuốc để thải bỏ ra, tiêu hóa thức ăn cho đúng lúc. Đấy là ăn không tiêu.

Thế nào là chỉ thục? Tức là bí nơi đường đại tiểu tiện, không ợ hơi, không hạ phong được. Đấy gọi là chỉ thục.

Thế nào là không trì giới? Đó là phạm năm giới: sát sinh, trộm cắp, thông dâm với phụ nữ của người, nói láo, uống rượu, cùng phạm các giới khác bị đưa đến quan huyện, hoặc bị giết, bị đánh chết, hoặc còn sống nhưng bị bỏ đói đến chết, hoặc được ra ngoài nhưng bị oan gia tìm cách hãm hại, hoặc kinh sợ vì nghĩ đến tội lỗi, lo buồn đến chết. Đó là không trì giới.

Thế nào là thân cận tri thức ác? Ác tri thức là gây điều ác đến cho nhiều người. Tại sao? Vì gần gũi, không rời các tri thức xấu ác, không biết thiện ác, không xét đến thái độ ác của hàng tri thức xấu ác ấy, không suy nghĩ đến hành động ác của những tri thức ác. Như vậy là thân cận với hạng tri thức xấu ác.

Thế nào là vào làng xóm phi thời? Đó là đi vào lúc tối tăm, đi vào lúc trong xóm có việc tranh cãi ồn ào, đi vào lúc gặp quan huyện, trưởng lại truy bắt, không chịu tránh, hoặc không thể tránh được đi tới bậy vào nhà người. Nhìn bậy điều không được nhìn. Nghe bậy điều không được nghe. Xâm phạm bậy điều không được xâm phạm. Nói bậy điều không được nói. Ưu ái bậy chỗ không được ưu ái. Làm bậy điều không được làm. Đó là vào

làng xóm phi thời, làm việc phi pháp.

Thế nào là việc có thể tránh, mà không tránh? Đó là tránh voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, xe chạy, ngựa lồng lộn, rắn độc, hố giếng sâu, nước, lửa, gươm trần, người say, người ác, và những điều khác nữa. Đấy là những trường hợp đáng tránh mà không chịu tránh.

Này các Tỳ-kheo, đó là chín nhân duyên làm cho con người chết bất đắc kỳ tử tại chỗ. Người sáng suốt thì phải hiểu rõ, tránh xa các nhân duyên ấy. Đã tránh xa thì được hai loại phước. Một là được trường thọ. Hai là nhờ trường thọ nên được nghe đạo với lời lành tiếng đẹp và có thể hành đạo, tu tập đến giải thoát.

Đức Phật dạy như vậy, mọi người đều hoan hỷ.

-oOo-

KINH SỐ 32

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai hạng người khó có được trong thế gian. Hai hạng người nào?

1. Người làm ơn trước.

2. Người nhớ ơn không quên.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 33

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trong thế gian có hai hạng người khó có được. Hai hạng người nào?

1. Người thi ân với việc khó làm.

2. Người thọ ân luôn biết báo ân.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 34

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai hạng người khó có trong thế gian. Hai hạng người nào?

1. Được tài sản không cất chứa.

2. Được tài sản không tiêu xài phung phí.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 35

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế gian có hai hạng người đáng chán. Hai hạng người nào?

1. Được của cải tài sản thì cất chứa.

2. Được của cải tài sản thì tiêu xài phung phí.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 36

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trong thế gian có hai hạng người khó có. Hai hạng người nào?

1. Người đã được đầy đủ.

2. Người có khả năng làm đầy đủ.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 37

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai hạng người khó có trong thế gian. Hai hạng người nào?

1. Bố thí tâm không hối tiếc.

2. Tỳ-kheo hành chánh đạo, chứng đắc Niết-bàn.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 38

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai hạng người khó có ở thế gian. Hai hạng người nào?

1. Người từ bỏ tâm tham lam keo kiệt, sống trong gia đình luôn đứng đầu về công việc bố thí, thường tự mình thực hiện việc bố thí, bố thí bình đẳng.

2. Tỳ-kheo hành chánh đạo, chứng đắc Niết-bàn.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 39

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có hai hạng người trong thế gian rất cương quyết, rất thù thắng. Hai hạng người nào?

1. Người sống đời sống gia đình mà bố thí các thứ y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc trị bệnh, vật dụng theo yêu cầu của nhiều người.

2. Tỳ-kheo vì lòng tin xuất gia, bỏ tất cả, thân đoạn ân ái, chế ngự cảm thọ, hướng Niết-bàn, đạt đến Niết-bàn.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 40

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nên quán sát hai pháp thanh tịnh này trong thế gian. Những gì là hai?

1. Quý (Hổ).

2. Tàm (Thẹn).

Nếu trong thế gian không có hai pháp này thì không thể có sự phân biệt cha mẹ, anh em, nam nữ, học trò, thầy dạy, vua chúa, đại thần. Giả sử không có hai pháp chân chính ấy trong thế gian thì con người cũng như các loài súc sinh. Ai quán sát hai pháp thanh bạch này, Quý và Tàm, thì phân biệt rõ ràng được cha mẹ, anh em, nam nữ, học trò, thầy dạy, vua chúa, đại thần. Nếu trong thế gian không có hai pháp chân chính này thì con người cũng như các loài súc sinh không khác. Vì vậy, các ông phải quán sát nhận biết hai pháp thanh bạch ấy để biết phân biệt.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 41

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Phải từ bỏ hành động ác về thân. Tại sao? Vì điều ấy phải nên từ bỏ. Nếu không từ bỏ được hành động ác về thân thì Phật đã không dạy phải nên từ bỏ hành động ấy. Hành động ác về thân có thể bỏ được, nên Ta nêu dạy là phải bỏ hành động ác đó. Ai không từ bỏ hành động ác về thân thì tài sản sẽ bị tiêu tán không thể bố thí, bị rơi vào hai tai nạn. Có mắt không thấy được, vì vậy bị đọa vào địa ngục. Người không có hai mắt thấy thì đi đến chỗ nào cũng không thể hộ trì. Người thấy chỉ một mắt là kẻ trộm cắp, kẻ hai lưỡi… chỉ nhằm có tài sản trong thế gian để sung sướng riêng mình. Họ hành động phi pháp, dối trá, trở nên giàu có nhưng không an lạc, không bố thí, như vậy là một con mắt bị đọa địa ngục. Pháp đệ nhất là có hai mắt biết làm ăn sinh sống, lại biết bố thí, từ đó tự tại làm phước. Nếu không biết sáng suốt làm ăn, lại không biết bố thí đúng lúc thì không sinh lên cõi

trời. Nên tránh xa trường hợp không có mắt hoặc chỉ có một mắt. Người sáng suốt nên tư duy về hai mắt. Người có hai mắt là bậc nhất ở đời này và đời sau.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 42

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đến gặp Đức Phật. Sau làm lễ, Tôn giả thưa:

–Bạch Thế Tôn, thế giới của thế gian, vậy thế giới là gì? Có bao nhiêu thế giới?

Đức Phật đáp:

–Này A-nan, có ba thế giới là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Lại nữa, do con người gây nên các tội nên khiến cho có thế giới; đấy là thế giới. Này A-nan, không có tội lỗi vì dục thì không có Dục giới.

Tôn giả A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật bảo A-nan:

–Này A-nan, tội là đất đai, thức là hạt giống, dục là tham ái, si là tối tăm. Người ngu si không có mắt nên làm các việc xấu ác. Ta biết rõ là con người do hành động ác ấy nên bị đọa vào Dục giới.

Này A-nan, người không tạo Sắc hành thì không có Sắc giới.

Đức Phật bảo A-nan:

–Không tạo Sắc hành thì có Sắc giới không?

A-Nan bạch Phật:

–Không có.

Đức Phật bảo A-nan:

–Sắc hành là đất, thức là hạt giống, dục là ái, si là tối tăm, hành thức ở trong đó, nên có Sắc giới.

Này A-nan, do phước Vô sắc hành nên có Vô sắc giới. Nếu không có phước Vô sắc hành thì không có Vô sắc giới.

A-Nan bạch Phật:

–Đúng vậy, do có Vô sắc hành nên có Vô sắc giới.

–Này A-nan, do phước báo là đất, thức là hạt giống, ái dục, si ám, tối tăm nên con người ngu si không có mắt thấy. Không có mắt thấy thì không có sắc, nên nhận thức cõi ấy là Vô sắc giới.

Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 43

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật gọi các Tỳ-kheo, họ vâng dạ. Đức Phật dạy:

–Người có lòng tin có ba hành động khiến theo đấy có thể thực hiện đức tin thanh tịnh. Những gì là ba?

1. Muốn hiểu biết sáng suốt.

2. Muốn được nghe kinh pháp.

3. Từ bỏ tâm cấu uế, tham lam keo kiệt.

Người sống ở tại gia tích cực bố thí rộng rãi bằng chính tay mình, luôn ưa thích bố thí, muốn hiểu biết sáng suốt, lại thích nghe kinh pháp, trừ bỏ uế xan tham. Đấy gọi là tin tưởng.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 44

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật gọi các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều vâng dạ. Đức Phật dạy:

–Có ba pháp thiện đem lại an lạc, người có trí tuệ muốn cầu thiện pháp ấy thì phải hộ trì giới luật. Đó là:

1. Muốn an vui được tiếng khen đúng pháp, phải hộ trì giới luật.

2. Muốn an vui, có tài sản vừa ý thì phải hộ trì giới.

3. Luôn nhớ nghĩ về thân thọ này, đời sau muốn sinh vào cõi trời, người có trí tuệ phải hộ trì giới.

Người có trí tuệ, muốn được ba ước nguyện về tiếng khen, lợi ích hiện tại, đời sau sinh vào cõi trời thì phải giữ giới. Người có trí tuệ thực

hiện những điều nói trên, thì ngay đời này luôn được an lạc.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 45

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Thế gian có ba bệnh lớn trong thân ai cũng có. Những gì là ba?

1. Phong.

2. Nhiệt.

3. Hàn.

Đây là ba bệnh lớn.

Này Tỳ-kheo, có ba loại thuốc lớn. Tỳ-kheo dùng dầu mè trị bệnh phong, dầu mè là loại thuốc lớn. Tô lạc trị bệnh nhiệt, Tô lạc là loại thuốc lớn. Mật trị bệnh hàn, mật là loại thuốc lớn.

Này Tỳ-kheo, đấy là ba loại thuốc lớn, dùng để trị ba loại bệnh lớn.

Trong thân người có ba loại bệnh cùng phát sinh và cùng sống chung, được thấy và nói đến trong giáo pháp đạo đức này. Những gì là ba?

1. Tham dục.

2. Giận dữ.

3. Si mê.

Này Tỳ-kheo, ba loại bệnh lớn này có ba loại thuốc lớn.

Này Tỳ-kheo, tham dục là bệnh lớn, tư duy quán sát bất tịnh là thuốc lớn. Giận dữ là bệnh lớn. Từ bi là thuốc lớn, Si mê là bệnh lớn, quán sát về nguồn gốc nhân duyên là thuốc lớn.

Này Tỳ-kheo, đấy là ba loại thuốc lớn.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 46

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Có ba ác căn bản. Tham là ác căn bản thứ nhất. Sân là ác căn bản thứ hai. Si là ác căn bản thứ ba.

Tham là ác căn bản. Vì căn bản tham nên có xan tham, vì có xan tham, không xa lìa xan tham, nên thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; đấy là ác. Do xan tham nên thân làm điều sai, tâm nghĩ theo đều là ác căn bản. Vì xan và vướng mắc vào xan nên tự hại mình và hại người khác, hại cả hai, đều là hành động ác. Vì xan nên không biết về tự thân và thân người khác, cả hai đều là ác. Vì xan và bị xan trói buộc nên muốn thi hành với lý lẽ: Giết chết, trói, cột, làm cho diệt vong, đều là ác cả. Vì xan và bị xan trói buộc nên muốn đem đau khổ cho mình bằng cách thi hành lý lẽ giết, trói, cột, làm cho diệt vong, với tâm cảm thọ thích thú, để được như ước nguyện. Đấy là ác.

Này Tỳ-kheo, người lý luận như vậy là nói không đúng lúc, không đúng pháp, nói để cho việc ác thêm phát triển. Vì sao? Này Tỳ-kheo, vì người này nói không đúng lúc, nói để phát triển điều ác. Này Tỳ-kheo, như vậy chính họ đã làm nhiều điều dối trá, tự mình si mê, làm tăng thêm si mê.

Này Tỳ-kheo, có người thành thật nói cho họ biết, họ cũng không muốn dốc lòng nghe theo. Người nào nói ra chỗ không đúng của họ thì họ không vừa ý, phát biểu: "Vấn đề này không đúng, ta không có như vậy". Người như vậy là nói lời ác, không thành thật, không tốt đẹp, nói lời phi pháp, nói lời làm tăng trưởng điều ác.

Này Tỳ-kheo, người như vậy thì có nhiều xan tham, và theo nhân duyên nhiều xan nên pháp thô ác, sân, si theo đấy cũng như thế. Người như vậy thì điều ác theo họ rất nhiều không phải một. Họ bị phủ vây, trói buộc bởi tham, sân, si, thô ác, phi pháp.

Có người thấy các pháp ác như vậy, nói với họ về sự chấm dứt khổ. Họ càng thêm lo buồn, sợ hãi, khi qua đời, bị sinh vào cảnh giới ác.

Này Tỳ-kheo, ví như cây đại thọ bị loài cây chùm gởi bao phủ lên, đan lợp rậm rạp không phải một chỗ, cũng như vậy nhiều pháp tham, sân, si, pháp bất hảo bao trùm con người. Do nhận thấy bị che đậy nên con người sống trong khổ sở, lo buồn thiêu đốt thêm, chết đọa vào chỗ ác.

Có ba phước lành căn bản.

1. Không tham là thiện căn bản.

2. Không sân là thiện căn bản.

3. Không si là thiện căn bản.

Không tham là điều thiện. Không xan tham thì thân làm điều thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ việc thiện. Thân thọ nhận thiện, miệng thọ nhận thiện, ý thọ nhận thiện. Nên không nghĩ đến việc hại mình hại người, không nghĩ đến việc hại cả hai là thiện. Không xan tham, không liên hệ với xan tham, tự thân biết làm cho người khác biết, cả hai đều biết là thiện. Không xan tham, không liên hệ với xan tham, thì không gây khổ ưu cho người khác bằng cách không đưa ra lý lẽ để chiếm, giết, đánh đập, vu báng, làm chết người; đấy là thiện. Không xan tham, không bị xan tham trói buộc thì không gây buồn khổ cho người khác bằng cách không đưa ra lý lẽ khiến cho người bị giết, bị chém, bị đánh đập, bị vu báng, bị chết; tâm không thu nhận, không hoan hỷ về việc ấy mà làm cho người khác được như nguyện; đấy là việc thiện. Người như vậy là nói đúng lúc, nói lời thật, nói lời có phước, nói pháp, nói ngăn ác, đấy là điều tốt. Tại sao? Này Tỳ-kheo, người này gọi là nói đúng lúc, nói đúng pháp, nói ngăn việc ác; biết rõ mình và người, không trốn tránh, không che đậy, tự biết sự ngu si, kiêu mạn của mình và của người khác. Được người hiểu biết đến nói thì họ không tránh né; khi nghe nói, họ không nói là tôi không có. Nếu có người đưa ra lời lẽ không thật thì hiểu rõ, báo lại việc này, cho là không có việc ấy, không phải do tôi, tôi không làm việc ấy. Người ấy nói đúng lúc, nói lời có phước, nói pháp, nói ngăn việc ác. Không xan tham với nhiều nhân duyên như vậy.

Có nhiều thiện pháp là vì từ đây đến cuối cuộc đời không tham lam, sân hận, không có si. Do vậy nhiều thiện pháp đến từ ba pháp này.

Này Tỳ-kheo, người nào lìa bỏ hết các pháp tham, sân, si xấu ác, không còn sinh lại là thấy pháp, là hành động an lành. Họ không còn ưu sầu, khổ não, sau khi chết thì sinh vào cảnh giới an lành. Này Tỳ-kheo, ví như trên cây to có cành nhánh bị cây chùm gởi phủ kín. Có người không muốn cây chùm gởi bao phủ, không muốn bị ngăn trở vướng víu, không muốn bị che khuất, không muốn bị rậm rạp, vây kín, liền đào rễ chặt gốc cây chùm gởi. Sau khi chặt gốc liền chặt cành, sau khi chặt cành rồi chặt khúc, sau khi chặt khúc thì bửa ra, sau khi bửa ra bèn đem phơi khô, sau khi phơi khô bèn đem đốt cho nó cháy thành tro, sau khi thành tro thì cho bay theo gió hay đỗ vào dòng sông. Như vậy cây chùm gởi do nhân duyên ấy đã bị chặt từ gốc tới ngọn, không còn thấy, không mọc lại.

Này Tỳ-kheo, cũng như ví dụ ấy, những người tu hành ở trên không phải chỉ đoạn trừ chỉ có một loại. Ai xả bỏ hết pháp tham, sân, si xấu ác, khiến chúng không còn sinh nữa, thì thấy pháp, sống an ổn, không còn có khổ, não, ưu, nhiệt. Sau khi qua đời thì sinh đến cảnh giới tốt đẹp.

Đức Phật dạy như vậy.

-oOo-

KINH SỐ 47

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ,

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn hành động sáng suốt là sự hiểu biết của bậc Hiền giả chứ không phải của người ngu si, người có trí tuệ luôn vừa ý. Những gì là bốn?

Này Tỳ-kheo, pháp bố thí, được người sáng suốt hiểu rõ, bậc Hiền giả hiểu rõ, người có trí tuệ hiểu rõ, vừa ý.

Này Tỳ-kheo, không dối trá, tất cả người trí trong thiên hạ đều hiểu rõ.

Này Tỳ-kheo, hiếu dưỡng với cha mẹ, tất cả người trí tuệ hiểu rõ.

Này Tỳ-kheo, làm vị Sa-môn được người có trí đều hiểu rõ như trên.

Này Tỳ-kheo, pháp hành đạo là chỗ người có trí biết, bậc Hiền biết, người ngu không thể biết. Người sáng suốt tự biết bố thí, không dối trá, chế ngự tâm ý, luôn hiếu dưỡng đối với cha mẹ. Đây là hành động của người trí tuệ, ngay hiện tại được thành tựu, ngay đời này được tịnh nguyện.

Đức Phật dạy như vậy.

❑

SỐ 150 (B)

PHẬT NÓI KINH CỬU HOÀNH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Ngài dạy các Tỳ-kheo:

–Có chín hạng người với chín nhân duyên, nên đang còn sống mà bị chết thình lình.

1. Không nên ăn mà ăn.

2. Ăn vô độ.

3. Ăn không theo tập quán.

4. Ăn không tiêu hóa.

5. Chỉ thục.

6. Không trì giới.

7. Thân cận tri thức ác.

8. Vào làng phi thời, làm việc phi pháp.

9. Không tránh việc phải tránh.

Do chín nhân duyên này, con người bị chết thình lình.

1. Không nên ăn mà ăn, là ăn những thứ không vừa ý, chỉ để đầy bụng chứ không thích hợp.

2. Ăn vô độ là ăn quá nhiều, không biết độ lượng.

3. Ăn không theo tập quán, là ăn không tùy theo mùa đông, mùa hạ, đến xứ sở khác không biết phong tục, ăn không quen nên không tiêu hóa được.

4. Ăn không tiêu hóa, nghĩa là ăn chưa tiêu hóa, lại ăn thêm vào, không chịu uống thuốc để mửa hay xổ ra, nên không tiêu hóa được.

5. Chỉ thục. Đến lúc đại tiểu tiện thì không chịu đi ngay, nên rỉ ở hạ bộ, bị gió đến làm cho bế tắc.

6. Không trì giới, tức là phạm năm giới: sát sinh, trộm cướp, xâm phạm phụ nữ của người, nói hai lưỡi, uống rượu, vi phạm vào các giới khác,

bị đưa đến quan quyền, hoặc bị giết chết, bị đánh bằng gậy, bị đâm bằng dao bén, bị đói khát chết, hoặc được thoát nhưng bị chính tay oan gia đánh chết, hoặc lo lắng kinh sợ tội nên chết.

7. Thân cận tri thức ác. Gọi là hàng tri thức xấu ác là đã làm ác lại còn lân la tới gần kẻ khác. Tại sao? Do sống không rời ác tri thức nên không hiểu biết về thiện ác, không lường được thái độ của ác tri thức, không thể suy nghĩ về cái ác của ác tri thức.

8. Vào làng phi thời là đi lại một cách mờ ám, đi vào khi trong làng có việc tranh cãi, trong xóm có huyện quan, trưởng sử đuổi theo bắt bớ, không chịu tránh né, không biết làm đúng pháp. Vào làng, đi vào bậy nhà người, nhìn bậy chỗ không được nhìn, nghe bậy việc không được nghe, xâm phạm bậy chỗ không được xâm phạm, nói bậy điều không được nói, nghĩ bậy điều không được nghĩ, làm bậy việc không được làm.

9. Đáng tránh không tránh. Đó là nên tránh voi dữ, ngựa bò dữ, xe chạy nhanh, rắn độc, hầm hố nước lửa, dao gươm để trần, người say, người ác và những việc ác khác.

Với chín nhân duyên này, những người chưa đáng chết mắc vào sẽ chết ngay. Người có trí tuệ phải biết mà tránh xa. Tránh xa các nhân duyên này thì được hai loại phước.

1. Được sống lâu, khỏe mạnh.

2. Nhờ sống lâu, khỏe mạnh nên được nghe đạo, lãnh hội lời nói hay và có thể làm được.

Các Tỳ-kheo đều hoan hỷ vâng làm.

❑

SỐ 151

PHẬT NÓI KINH A-HÀM CHÁNH HẠNH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta vì các ông mà thuyết giảng kinh pháp, mọi lời nói trước, sau đều nhất quán, tốt đẹp, nói chung là chỉ ra con đường nhằm vượt thoát thế gian. Hãy chánh tâm làm gốc để lắng nghe và lãnh hội Ta dạy, làm cho giáo pháp được lưu truyền nối tiếp ở đời sau.

Các Tỳ-kheo đều chắp tay cung kính thọ giáo. Đức Phật dạy:

–Trong thân con người có năm thứ giặc, luôn lôi kéo con người vào đường ác. Năm thứ giặc là gì?

1. Sắc.

2. Thống dương (thọ).

3. Tư tưởng (tưởng).

4. Sinh tử (hành).

5. Thức.

Đó là năm thứ mà con người thường nhớ nghĩ đến.

Đức Phật dạy:

–Con người thường bị lừa dối do mắt, bị lừa dối do tai, bị lừa dối do mũi, bị lừa dối do miệng, bị lừa dối do thân. Nhưng, mắt chỉ thấy không thể nghe. Tai chỉ nghe không thể thấy. Mũi chỉ ngửi hương, không thể nghe. Miệng chỉ nếm vị, không thể ngửi mùi hương. Thân thể chỉ biết về mọi sự lạnh nóng, không thể nếm vị. Năm cảm quan này đều thuộc tâm, tâm là gốc.

Đức Phật dạy:

–Các Tỳ-kheo muốn cầu đạo thì phải giữ tâm cho chân chánh. Chính bắt đầu từ si mê nên con người phải bị rơi vào mười hai nhân duyên, theo

đó có sinh tử. Mười hai nhân duyên là gì?

1. Si mê là gốc.

2. Hành.

3. Thức.

4. Tự (danh sắc).

5. Lục nhập.

6. Tài (xúc).

7. Thống (Thọ).

8. Ái.

9. Thọ (thủ).

10. Hữu.

11. Sinh.

12. Tử (lão, tử).

Người tạo tác, làm các việc thiện thì được trở lại làm người. Còn những kẻ gây tạo làm các việc ác, thì khi chết đọa vào các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Đức Phật ngồi suy nghĩ rồi giảng giải:

–Con người vì ngu si nên có sinh tử. Si là gì?

Trước đây do si mê nên nay có đời sống này. Làm người không thoát khỏi tâm si mê thì kiến thức không mở mang, không biết chết rồi sẽ đi về đâu. Được gặp Phật không thưa hỏi, thấy kinh điển không đọc tụng, tiếp xúc với Sa-môn không vâng theo lời chỉ dẫn, không tin đạo đức, không kính trọng cha mẹ, không quan sát nỗi khổ của thế gian, không rõ về sự tra khảo, trừng trị cùng cực ở cõi địa ngục. Đấy gọi là có si nên có sinh tử. Sinh tử không hề ngừng nghỉ trong khoảnh khắc của hơi thở ra vào, mạng người rất mong manh. Trong thân người có ba sự là thân chết thì thức đi, tâm đi, ý đi. Ba việc ấy thường bám theo sát bên người. Người làm ác, chết bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; chúng quỷ, thần xấu ác. Người làm thiện cũng có ba việc luôn bám chặt, theo sát, hoặc sinh ở cõi trời, hoặc sinh nơi cõi người. Chúng sinh bị luân chuyển vào năm nẻo đều do sinh tâm không chân chánh.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Phải giữ tâm chân chánh, giữ mắt chân chánh, giữ tai chân chánh, giữ mũi chân chánh, giữ miệng chân chánh, giữ thân chân chánh, giữ ý chân chánh. Như vậy thì dù thân thể sẽ tan rã vào đất nhưng thần thức không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chúng quỷ thần xấu ác. Hãy

xem nhà ai có con ác độc xấu xa, bị quan lại bắt bớ đều do tâm không chân chánh. Thân người có cả trăm phần danh sắc, như cái xe có cả trăm phần hợp lại. Người nhiều tham dục, ưa giận dữ, không tư duy về các sự việc trong thân, chết phải bị đọa vào địa ngục, hối hận không kịp.

Đức Phật dạy:

–Chính bản thân Ta đã xa lìa đất nước, từ bỏ ngôi vua Chuyển luân, là vì quyết lo đoạn trừ sinh tử, muốn cứu độ mọi người trong thế gian, làm cho đạt được đạo Niết-bàn. Người tinh tấn bậc nhất sẽ được chứng đắc đạo quả A-la-hán. Người tinh tấn hạng hai tự đến đạo quả A-na-hàm. Người tinh tấn hạng ba đắc quả Tư-đà-hàm. Người tinh tấn hạng tư đắc đạo quả Tu-đà-hoàn. Người không thể phát huy sức tinh tấn lớn mạnh thì phải giữ năm giới.

1. Không sát sinh.

2. Không trộm cắp.

3. Không nói hai lưỡi.

4. Không tà dâm.

5. Không uống rượu.

Đức Phật dạy:

–Con người khi ngồi hay lúc đứng dậy thường phải tư duy, suy nghĩ về bốn việc. Bốn việc ấy là gì?

1. Tự quan sát bản thân và quan sát thân người khác.

2. Tự quan sát cảm thọ của ta và quan sát cảm thọ của người.

3. Tự quan sát ý mình và quan sát ý người.

4. Tự quan pháp và quan pháp người khác.

Bên trong thân ta khi muốn loạn động thì nên nhiếp tâm lại, quan sát ngay vào thân thể: no quá cũng khổ, đói cũng khổ, đứng cũng khổ, ngồi cũng khổ, đi cũng khổ, lạnh cũng khổ, nóng cũng khổ. Khi biếng nhác muốn nằm, phải tự cảnh giác ngồi dậy. Ngồi không ngay thẳng thì nên đứng dậy. Đứng không ngay thẳng thì nên kinh hành. Nếu tâm không ngay thẳng thì tự điều chỉnh lại. Thí như vị quốc vương đem quân đánh trận, người mạnh mẽ đi trước, chống giữ ở phía trước, chống giữ ở phía trước để tạo được sự thích ứng nhằm giúp người ở sau. Vị Sa-môn đã xuất gia, lìa bỏ vợ con, cạo râu tóc làm Sa-môn, tuy chịu khó trong một đời nhưng sau thì được giải thoát mãi mãi. Người đã đắc đạo, bên trong tự hoan hỷ, xem vợ như chị em gái, xem con như bạn tri thức, không còn tâm tham ái, thường thể hiện tâm Từ đến chư Thiên, loài người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cho

tới các loại côn trùng bò, bay, máy, cựa trong mười phương, đều mong cho chúng được vui thích, an ổn, giải thoát, được chứng đắc đạo quả Niết-bàn; thấy côn trùng dưới đất, đem lòng từ thương xót chúng; biết rõ đời sống, không còn si mê, thường có ý niệm: luôn nghĩ đến Sư trưởng, cúng dường Đức Phật, như con nghĩ đến cha mẹ. Ví như người tử tù trong ngục, có bậc Hiền giả đến xin ra khỏi tù. Người tù có trí hiểu biết luôn nhớ ân bậc Hiền giả ấy. Tỳ-kheo đã được đạo thường niệm Phật như vậy, niệm giáo pháp như người luôn nhớ nghĩ tới việc ăn cơm.

Đức Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, hãy cùng kính trọng, phục vụ nhau như em phục vụ anh. Trong chúng có người tối tăm thì nên hỏi người có trí tuệ, lần lượt dạy bảo nhau. Học hỏi người trí tuệ như ở trong chỗ tối có đèn sáng. Không được âm thầm xúi giục nhau làm ác, không được làm chứng bậy, ghép người vào tội theo luật pháp. Không được truyền lời nói xấu của người, chuyển lời nói gây tranh cãi giành giật. Không được làm thương tổn tới tâm ý người. Không nghe, không được nói nghe; không thấy, không được nói thấy. Đi đường thường cúi đầu nhìn xuống đất, không được đạp chết côn trùng. Không được tham đắm phụ nữ của người, không bám theo hình tướng phụ nữ của người. Ngồi luôn tự tư duy để dứt trừ tâm tham ái, cho đến khi đắc đạo.

Đức Phật dạy:

–Người muốn cầu đạo phải an tọa ở chỗ vắng lặng, tự theo dõi hơi thở của mình, biết hơi thở của mình, biết hơi thở ngắn dài. Hơi thở không điều hòa, thân thể bị mệt. Ngưng hơi không thở, thân thể cũng mệt. Phân biệt, tự tư duy ai tạo tác thân thể này? Dùng tâm quán bên ngoài, lại quán bên trong, lại tư duy hoan hỷ, đắc tâm ý khác với người. Bấy giờ không cần dùng đến châu báu trong thiên hạ, tâm vừa muốn theo chánh đạo. Nếu ý muốn làm trở ngại chút ít, thì nên quản lý giữ gìn, uốn nắn lại khiến ý phải theo tâm. Ví như người có gương không sáng thì không thấy được hình, lau sạch bụi bặm liền thấy rõ hình dáng. Người trừ sạch được tham, dâm, sân giận, ngu si cũng như lau gương sạch. Suy nghĩ kỹ về các pháp trong thiên hạ đều không có gì bền chắc, thảy đều là vô thường.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy giữ tâm như khối đá vuông vức, khối đá ở giữa sân, mưa rơi không hề hư hoại được, ánh nắng mặt trời soi rọi cũng không làm tiêu được, gió thổi không lay chuyển, nên giữ tâm vững như khối đá ấy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tâm người trong thiên hạ như dòng nước chảy, trong dòng nước ấy có cây gỗ trôi theo. Chúng không nhìn qua lại với nhau, cái trước không nhìn cái sau, cái sau không nhìn cái trước; cỏ cây trôi đi đều như vậy. Tâm người cũng như thế, một ý nghĩ đến, một ý nghĩ đi như cỏ cây trước sau không nhìn nhau. Trong khắp cõi trời đất này, ngày vui không trở lại, gởi thân trong trời đất, bỏ thân này, không sinh trở lại được. Thành tựu được đạo thì mới biết rõ ân của thầy. Đang ở với thầy phải nên phục vụ, vâng lời. Khi vắng thầy phải suy nghĩ lời dạy bảo của thầy, như người con nhớ đến cha mẹ. Ý có định thì tâm mới chuyên nhất mà thương xót đến loài người và các loài côn trùng bò, bay, máy, cựa trong trời đất. Khi đó, an tọa và tự mừng cho mình là đã thoát khỏi mọi ràng buộc trong năm dường: một là đường trời, hai là đường người, ba là đường ngạ quỷ, bốn là đường súc sinh, năm là đường địa ngục. Người đắc được đạo quả A-la-hán thì có khả năng phi hành biến hóa, có thể trong thân phun ra nước, lửa; ra vào chỗ kín không kẽ hở đều được; có khả năng thoát khổ nơi thế gian, chứng đạo quả Niết-bàn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đạo pháp không thể không hành, kinh pháp không thể không đọc.

Phật thuyết kinh này xong, năm trăm Sa-môn đều đắc A-la-hán. Các Sa-môn đều bước ra phía trước, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật.

❑